Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
V5
H63
no. 13
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 08-12-96
Tap chi cong san : C quan ly
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam

13
7-1996

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG

Digitized by Google



Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ do Đại hội VIII của Đảng đề ra !

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường, mở rộng hợp tác quốc tế, thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước !

Cần kiệm xây dựng đất nước !

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam muôn năm !

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta !

Digitized by Google



Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong mọi công tác
phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân.

Hà nội, 19.5.69

Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 499

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

- Đồng chí Đỗ Mười-Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam 3
- Bộ Chính trị 4
- Thường vụ Bộ Chính trị, Cố vấn Ban Chấp hành trung ương Đảng, Ủy ban kiểm tra trung ương khóa VIII 6
- Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam khóa VIII 7
- Diễn văn khai mạc
(Do đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa VII, đọc) 11
- Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội
(Báo cáo của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa VII về các văn kiện trình Đại hội VIII do đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trình bày) 13

Điều lệ Đảng cộng sản Việt nam 28

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng cộng sản Việt nam 38

Diễn văn bế mạc
(Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, đọc) 39

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG

Xã luận - Nỗ lực phấn đấu đưa Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vào cuộc sống 41

ĐOÀN KHUÊ - Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với công cuộc củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng quân đội nhân dân 44

PHẠM MINH HẠC - Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 49

PHÙNG VĂN TỬU - Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp 54

TÀO HỮU PHÙNG - Chính sách tài chính tiền tệ trong giai đoạn mới 58

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

PHAN VĂN CÁC - Hồ Chí Minh với văn hóa truyền thống và tiếp xúc văn hóa Đông Tây 62

PHAN THANH PHỐ - Vì sao nói nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội ? 66

ĐỌC SÁCH

PHẠM THÀNH - Mác - Con người bất chấp thời đại ! 71

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

THÁI SƠN - Nhân vật "hiếm" 74

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Văn hóa. Bản sắc văn hóa dân tộc. Văn hiến 75

Bìa 1 : Toàn cảnh Đại hội Đảng lần thứ VIII Ảnh : TTXVN

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ (Специальный номер, посвященый 8ому Съезду Партийных Представителей)

•8ой Всенациональный Съезд Партийных Представителей ★ Доклад Центрального Коммитета 7ого созыва о документах к 8ому Съезду, изложенный Генеральным Секретарем До Мыой. Устав Коммунистической Партии Вьетнама. Резолюция 8ого Всенационального Съезда Партийных Представителей. • За исполнение резолюции 8ого Съезда Партии ★ Передовая - активно бороться за введение решений 8ого Съезда Партии в жизнь. ДОАН ХУЭ - Индустриализация, модернизация страны и дело укрепления всенациональной защиты и народной армии. ФАМ МИНЬ ХАК - Проблема человека в деле индустриализации и модернизации страны. ФУНГ ВАН ТЫУ - Дальнейшее обновление организации и деятельности юридических органов • Исследование - обмен мнениями ★ ФАН ВАН КАК - Хо Ши Мин и традициональная культура во взаимосвязи культур Востока и Запада • Чтение книг ★ ФАМ ТХАНЬ - Карл Маркс - преждевременный человек.

CONTENTS *(Special edition devoted to welcoming the 8th National Congress of the Party).*

• *8th National Party Delegate Congress.* Report of the Party's Central Executive Committee of the 7th tenure on ducuments for submitting to the 8th National Party Delegate Congress delivered by General Secretary Do Muoi. The Statute of the Communist Party of Vietnam. Rosolution of the 8th National Party Delegate Congress of the Communist Party of Vietnam. • *Striving to implement the Resolution of the 8th National Party Delegate Congress.* ★ Leading article - Striving hard to turn the Resolution of the 8th National Party Delegate Congress into the real life. ĐOÀN KHUÊ - The cause of industrialisation and modernisation of the country with the task of consolidation of national defence and building of people's army. PHẠM MINH HẠC - Problem of individual in the cause of industialization and modernization of the country. PHÙNG VĂN TỬU - Continuing renovation of organization and operation of juridical bodies • *Reseach and exchange of opinion* ★ PHAN VĂN CÁC - Ho Chi Minh with traditional culture and contact with Western and Eastern cultures. • *From book pages* ★ PHẠM THÀNH - Marx - an untimely man !

SOMMAIRE *(Numéro spécial en l'honneur du VIIIe Congrès national du Parti)*

• *Le VIIIe Congrès national du Parti* ★ Rapport du Comité central du Parti (VIIe législature) présenté par le Secrétaire général Do Muoi sur les documents à présenter au VIIIe Congrès national du Parti. Les Statuts du Parti communiste du Vietnam. Les Résolutions du VIIIe Congrès national du Parti communiste du Vietnam• *Tâcher de réaliser les Résolutions du VIIIe Congrès national du Parti*★ Editorial - S'efforcer de matérialiser les Résolutions du VIIIe Congrès national du Parti dans la vie. ĐOÀN KHUÊ - L'œuvre d'industrialisation, de modernisation et celle de renforcement de la défense nationale et d'édification de l'armée populaire. PHẠM MINH HẠC - Le facteur humain dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. PHÙNG VĂN TỬU - Continuons à renouveler l'organisation et les activités des organismes judiciaires • *Etudes - Echange de vues* ★ PHAN VĂN CÁC - Ho Chi Minh et la culture traditionnelle et les échanges culturels Orient-Occident • *Lecture* ★ PHẠM THÀNH - K. Marx - une homme intempesty !

SUMARIO *(Número especial sobre el Octavo Congreso del Partido)*

• *El Octavo Congreso Nacional del Partido* ★ Informe del Comité Central del Séptimo Congreso presentado por el Secretario General Dỗ Mười sobre los documentos presentados ante el Octavo Congreso. El Estatuto del Partido Comunista de Vietnam. La Resolución del Octavo Congreso Nacional del PCVN • *Esfuerzos por realizar la Resolución del Octavo Congreso del Partido* ★ EDITORIAL - Nos esforzamos por introducir la Resolución del Octavo Congreso del Partido en la vida. ĐOÀN KHUÊ - La obra de industrialización y modernización del país con la consolidación de la defensa nacional de todo el pueblo y la edificación del ejército popular. PHẠM MINH HẠC - El problema del hombre en la obra de industrialización y modernización del país. PHÙNG VĂN TỬU - A proseguir la renovación en la organización y las actividades de los órganos jurídicos. • *Estudios - Intercambios* ★ PHAN VĂN CÁC - Ho Chi Minh con la cultura tradicional y el contacto de las culturas oriental-occidental. • *Lecturas* ★ PHẠM THÀNH - i Carlos Mark - el hombre intempestivo !

目 錄 (黨八大 特刊)

●黨的第八次全國代表大會 ★★★ 杜梅總書記關于第七屆中央委員會向黨八大上呈的文件的報告●越南共產黨黨章●越南共產黨的第八次全國代表大會決議●爲實現黨八大決議而奮鬥 ★★★ 社論：努力奮鬥使黨八大決議落實于生活中●段奎：國家工業化、現代化與鞏固全民國防、建設人民軍隊的事業●范明鶴：國家工業化、現代化中人的因素●馮文玖：繼續革新司法機構的組織與活動●研究——討論 ★★★ 潘文閣：胡志明與傳統文化及與東、西方文化的接觸●閱讀 ★★★ 范成：馬克思——超時代的人!

Digitized by Google



ĐỒNG CHÍ ĐỖ MƯỜI

TỔNG BÍ THƯ BCHTƯ ĐCS VIỆT NAM KHÓA VIII

Digitized by Google

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ ĐỖ MƯỜI

TỔNG BÍ THƯ BCHTƯ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Ngày sinh : 2-2-1917
- Quê quán : xã Đông mỹ, huyện Thanh trì, Hà nội
- Thành phần gia đình : Trung nông
- Nghề nghiệp bản thân : Thợ sơn
- Tham gia Cách mạng : năm 1936
- Vào Đảng : năm 1939

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Năm 1936 : Tham gia phong trào Bình dân năm 1936. Vào Đảng năm 1939.

Năm 1941 : Bị đế quốc Pháp bắt, kết án 10 năm tù, giam ở Hỏa lò, Hà nội.

Năm 1945 : Nhật đảo chính Pháp, vượt ục Hỏa lò và bắt liên lạc được với đồng chí guyễn Văn Trân, được phân công về tham gia n khởi nghĩa Tỉnh ủy Hà đông, phụ trách uyện Ứng hòa và Mỹ đức, tham gia lãnh đạo ởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Hà đông.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 : hư Tỉnh ủy Hà đông. Đầu năm 1946, Bí thư h ủy Hà nam.

Cuối năm 1946, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ h Ủy ban kháng chiến tỉnh Nam định.

Năm 1947, 1948, 1949 : Khu ủy viên Khu 3, thư Tỉnh ủy Ninh bình, Hòa bình. Năm 50, Phó bí thư Liên khu ủy 3 kiêm Phó chủ n Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu 3, nh ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 3.

Năm 1951 - 1954 : Bí thư Khu ủy Tả ngạn, êm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính v Chính ủy Quân khu Tả ngạn.

Năm 1955 : Chỉ đạo tiếp quản Khu 300 y, Bí thư Thành ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban n chính Thành phố Hải phòng. Tháng 1955, được bổ sung làm Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng.

Năm 1956 : Thứ trưởng Bộ thương nghiệp.

Năm 1958, Bộ trưởng Bộ nội thương.

Năm 1960 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng.

Năm 1967 - 1968 : Chủ nhiệm Ủy ban vật giá nhà nước, Trưởng phái đoàn thanh tra chính phủ.

Năm 1969 - 1973 : Phó thủ tướng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban kiến thiết cơ bản nhà nước, Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ xây dựng (hợp nhất Ủy ban kiến thiết cơ bản nhà nước với Bộ kiến trúc), Chủ tịch Hội đồng chi viện tiền tuyến trung ương.

Năm 1976 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Bộ chính trị, giữ chức vụ Phó thủ tướng phụ trách các khối : xây dựng cơ bản, công nghiệp, vật tư, cải tạo công thương nghiệp và phân phối lưu thông.

Tháng 3-1982 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng, Bộ chính trị, giữ chức vụ Phó thủ tướng phụ trách các khối xây dựng cơ bản, công nghiệp, vật tư.

Tháng 12-1986 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng, Bộ chính trị, được cử làm Thường trực Ban bí thư.

Tháng 6-1988 : Được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Tháng 6-1991 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng, được Trung ương bầu làm Tổng bí thư.

Đại biểu Quốc hội các khóa II, IV, V, VI, VII, VIII và IX.

Tháng 6-1996 : Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được bầu lại vào Ban chấp hành trung ương Đảng, được Ban chấp hành trung ương Đảng bầu làm Tổng bí thư.

Digitized by Google

BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

1 - **ĐỖ MƯỜI**
2 - **LÊ ĐỨC ANH**
3 -**VÕ VĂN KIỆT**
4 - **NÔNG ĐỨC MẠNH**
5 - **LÊ KHẢ PHIÊU**
6 - **ĐOÀN KHUÊ**
7 - **PHAN VĂN KHẢI**
8 - **NGUYỄN MẠNH CẦM**
9 - **NGUYỄN ĐỨC BÌNH**
10 - **NGUYỄN VĂN AN**
11 - **PHẠM VĂN TRÀ**
12 - **TRẦN ĐỨC LƯƠNG**
13 - **NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ**
14 - **TRƯƠNG TẤN SANG**
15 - **LÊ XUÂN TÙNG**
16 - **LÊ MINH HƯƠNG**
17 - **NGUYỄN ĐÌNH TỨ**
18 - **PHẠM THẾ DUYỆT**
19 - **NGUYỄN TẤN DŨNG**



ĐỖ MƯỜI



LÊ ĐỨC ANH



VÕ VĂN KIỆT



NÔNG ĐỨC MẠNH



LÊ KHẢ PHIÊU



ĐOÀN KHUÊ



PHAN VĂN KHẢI

Digitized by Google



NGUYỄN MẠNH CẦM



NGUYỄN ĐỨC BÌNH



NGUYỄN VĂN AN



PHẠM VĂN TRÀ



TRẦN ĐỨC LƯƠNG



NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ



TRƯƠNG TẤN SANG



LÊ XUÂN TÙNG



LÊ MINH HƯƠNG



NGUYỄN ĐÌNH TÚ



PHẠM THẾ DUYỆT



NGUYỄN TẤN DŨNG

Digitized by Google

THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

1 - **ĐỖ MƯỜI**
2 - **LÊ ĐỨC ANH**
3 - **VÕ VĂN KIỆT**
4 - **LÊ KHẢ PHIÊU**
5 - **NGUYỄN TẤN DŨNG**

CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII

1 - **NGUYỄN VĂN LINH**
2 - **PHẠM VĂN ĐỒNG**
3 - **VÕ CHÍ CÔNG**

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII

1 - **NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ**, Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII, Chủ nhiệm Ủy ban.
2 - **TRƯƠNG VĨNH TRỌNG**, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII.
3 - **VŨ QUỐC HÙNG**, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII.
4 - **NGUYỄN VĂN THÁM**, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII.
5 - **NGUYỄN ANH LIÊN**, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII.
6 - **HOÀNG KIM SƠN**, Vụ trưởng Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
7 - **NGUYỄN MINH NIÊN**, Vụ trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Digitized by Google

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

1- **ĐỖ MƯỜI**, Tổng Bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng
2- **NGUYỄN VĂN AN**, Phó trưởng ban Tổ chức trung ương
3- **LÊ ĐỨC ANH**, Chủ tịch nước
4- **LÊ HỒNG ANH**, Bí thư Tỉnh ủy Kiên giang
5- **ĐỖ VĂN ÂN**, Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Sơn la
6- **VÕ ĐÔNG BA**, Bí thư Tỉnh ủy Tiền giang
7- **NGUYỄN BÁ**, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ an
8- **NGUYỄN ĐÌNH BIN**, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
9- **ĐÀO ĐÌNH BÌNH**, Tổng giám đốc Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực 3
10- **NGUYỄN ĐỨC BÌNH**, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
11- **NGUYỄN MẠNH CẦM**, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
12- **NGUYỄN VĂN CHI**, Phó trưởng Ban bảo vệ chính trị nội bộ trung ương
13- **TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN**, Thứ trưởng Bộ Y tế
14- **ĐẶNG VŨ CHƯ**, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
15- **VŨ ĐÌNH CỰ**, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban khoa học - công nghệ và môi trường của Quốc hội
16- **VÕ VĂN CƯƠNG**, Phó bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh
17- **PHAN DIỄN**, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
18- **NGUYỄN CẢNH DINH**, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban sông Mê công Việt nam
19- **NGUYỄN THỊ ĐOAN**, Hiệu trưởng trường Đại học Thương mại Hà nội
20- **HỒ NGHĨA DŨNG**, Tổng giám đốc Tổng công ty thép Việt nam
21- **NGUYỄN TẤN DŨNG**, Thứ trưởng Bộ Nội vụ
22- **LÊ VĂN DŨNG**, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 7
23- **PHẠM THẾ DUYỆT**, Nguyên Bí thư Thành ủy Hà nội
24- **HÀ QUANG DỰ**, Bộ trưởng, phụ trách công tác thanh niên và thể thao
25- **ĐỖ BÌNH DƯƠNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà bắc
26- **NGUYỄN KHẮC DƯƠNG**, Thiếu tướng, Phó tư lệnh Quân khu 4
27- **LÊ VĂN DỸ**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà rịa - Vũng tàu
28- **TRẦN VĂN ĐĂNG**, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt nam
29- **NGUYỄN VĂN ĐẲNG**, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
30- **NGUYỄN KHOA ĐIỀM**, Thứ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin
31- **LƯ VĂN ĐIỀN**, Bí thư Tỉnh ủy Cần thơ
32- **CHAMALÉA ĐIÊU**, Bí thư Tỉnh ủy Ninh thuận
33- **LƯƠNG CÔNG ĐOAN**, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Phú yên
34- **TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC**, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng nam - Đà nẵng
35- **NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**, Thiếu tướng, Phó tư lệnh Quân khu 5
36- **TRẦN XUÂN GIÁ**, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư
37- **NGUYỄN BÌNH GIANG**, Bí thư Tỉnh ủy Quảng ninh
38- **PHẠM MINH HẠC**, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo

Digitized by Google

39- **NGUYỄN NGỌ HAI**, Bí thư Tỉnh ủy Bắc thái

40- **BÙI HỮU HẢI**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh phú

41- **TRẦN MAI HẠNH**, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Nhà báo Việt nam

42- **NGUYỄN THỊ HẰNG**, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội

43- **CÙ THỊ HẬU**, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt nam

44- **NGUYỄN MINH HIỂN**, Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa Hà nội

45- **NGUYỄN HUY HIỆU**, Thiếu tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt nam

46- **NGUYỄN VĂN HIỆU**, Chủ tịch Hội đồng Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia

47- **TRƯƠNG MỸ HOA**, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam

48- **TRẦN HÒA**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng bình

49- **TRẦN ĐÌNH HOAN**, Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội

50- **NGUYỄN ĐỨC HOAN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng trị

51- **TRẦN THỊ MINH HOÀNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng nai

52- **VŨ TUYÊN HOÀNG**, Viện trưởng Viện cây lương thực và thực phẩm

53- **ĐẶNG THÀNH HỌC**, Bí thư Tỉnh ủy Minh hải

54- **HOÀNG VĂN HON**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa bình

55- **NGUYỄN THỊ KIM HỒNG**, Thứ trưởng Bộ Thương mại

56- **VÕ NHÂN HUÂN**, Đại tá, Phó tư lệnh Quân chủng hải quân

57- **BÙI VĂN HUẤN**, Đại tá, Phó tư lệnh Quân khu 9

58- **VŨ QUỐC HÙNG**, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra trung ương

59- **NGUYỄN SINH HÙNG**, Thứ trưởng Bộ Tài chính

60- **PHAN THẾ HÙNG**, Phó trưởng Ban Nội chính trung ương

61- **VÕ ĐỨC HUY**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng ngãi

62- **BÙI QUANG HUY**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Trà vinh

63- **LÊ MINH HƯƠNG**, Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ

64- **ĐẶNG HỮU**, Bộ trưởng Bộ Khoa học - công nghệ và môi trường

65- **PHAN VĂN KHẢI**, Phó thủ tướng Chính phủ

66- **PHẠM GIA KHIÊM**, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư

67- **HÀ THỊ KHIẾT**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên quang

68- **VŨ KHOAN**, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

69- **ĐINH HỮU KHÓA**, Phó Văn phòng Trung ương Đảng

70- **ĐOÀN KHUÊ**, Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

71- **CAO SỸ KIÊM**, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam

72- **PHAN TRUNG KIÊN**, Thiếu tướng, Chỉ huy trưởng quân sự thành phố Hồ Chí Minh

73- **ĐOÀN VĂN KIỂN**, Tổng giám đốc Tổng Công ty than Việt nam

74- **VÕ VĂN KIỆT**, Thủ tướng Chính phủ

75- **VŨ TRỌNG KIM**, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

76- **HOÀNG KỲ**, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân khu 3

77- **VŨ NGỌC KỲ**, Bí thư Tỉnh ủy Yên bái

78- **MAI THÚC LÂN**, Bí thư Tỉnh ủy Quảng nam - Đà nẵng

79- **ĐÀO TRỌNG LỊCH**, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 2

80- **MAI KIỀU LIÊN**, Tổng giám đốc Công ty sữa Việt nam

81- **NGÔ XUÂN LỘC**, Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Digitized by Google

82- **TRẦN ĐỨC LƯƠNG**, Phó thủ tướng Chính phủ

83- **BÙI DANH LƯU**, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

84- **NÔNG ĐỨC MẠNH**, Chủ tịch Quốc hội

85- **VŨ MÃO**, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

86- **NGUYỄN ÁNH MINH**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm đồng

87- **NGUYỄN THỊ MINH**, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây ninh

88- **DẶNG VŨ MINH**, Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia

89- **NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ**, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

90- **ĐỖ HOÀI NAM**, Viện trưởng Viện Kinh tế Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia

91- **MAI VĂN NĂM**, Bí thư Tỉnh ủy Đắc lắc

92- **THÁI PHỤNG NÊ**, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty điện Việt nam

93- **PHẠM THANH NGÂN**, Trung tướng, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

94- **HOÀNG ĐỨC NGHI**, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi

95- **PHẠM QUANG NGHỊ**, Phó trưởng Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương

96- **HỒ TIẾN NGHỊ**, Phó Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt nam

97- **HOÀNG VĂN NGHIÊN**, Phó bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà nội

98- **LÊ HUY NGỌ**, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương

99- **TẠ QUANG NGỌC**, Thứ trưởng Bộ Thủy sản

100- **TRẦN MINH NGỌC**, Bí thư Tỉnh ủy Nam hà

101- **VÕ HỒNG NHÂN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng tháp

102- **NGUYỄN DY NIÊN**, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

103- **TRÁNG A PAO**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh Lào cai

104- **NGUYỄN TẤN PHÁT**, Phó giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

105- **LÊ KHẢ PHIÊU**, Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

106- **PHẠM THANH PHONG**, Bí thư Tỉnh ủy Long an

107- **TÒNG THỊ PHÓNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn la

108- **LÂM PHÚ**, Phó cơ quan đại diện Khơme Nam bộ

109- **VÕ HỒNG PHÚC**, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư

110- **KSOR PHƯỚC**, Phó bí thư Tỉnh ủy, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia lai

111- **ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG**, Bộ trưởng Bộ Y tế

112- **LÒ VĂN PUỐN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lai châu

113- **TRẦN HỒNG QUÂN**, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo

114- **NGUYỄN VĂN QUÂN**, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh long

115- **NGUYỄN DUY QUÝ**, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

116- **NGUYỄN VĂN RINH**, Thiếu tướng, Phó tổng tham mưu trưởng

117- **NGUYỄN VĂN RỐP**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tây ninh

118- **TÔ HUY RỨA**, Phó giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

119- **CHU VĂN RỊ**, Phó trưởng ban Tổ chức Trung ương

120- **TRƯƠNG TẤN SANG**, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh

121- **NGUYỄN VĂN SON**, Phó trưởng ban Đối ngoại Trung ương

122- **PHẠM THỊ SƠN**, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy Bà rịa - Vũng tàu

123- **BÙI XUÂN SƠN**, Nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nam hà

124- **ĐỖ TRUNG TÁ**, Chủ tịch hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt nam

Digitized by Google

125- **NGUYỄN CÔNG TẠN**, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

126- **HOÀNG TANH**, Bí thư Tỉnh ủy Lạng sơn

127- **SÔ LÂY TĂNG**, Bí thư Tỉnh ủy Kon tum

128- **NGUYỄN VĂN TÂM**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà tây

129- **NÔNG HỒNG THÁI**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cao bằng

130- **TẠ HỮU THANH**, Tổng Thanh tra Nhà nước

131- **NGUYỄN PHÚC THANH**, Trung tướng, chủ nhiệm Tổng cục hậu cần

132- **TRẦN THỊ THANH THANH**, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em

133- **TÔ TỬ THANH**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình định

134- **VÕ THỊ THẮNG**, Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam

135- **TRƯƠNG CÔNG THẬN**, Bí thư tỉnh ủy An giang

136- **ĐÀO TRỌNG THI**, Phó giám đốc Đại học quốc gia Hà nội

137- **NGÔ YÊN THI**, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa thiên - Huế

138- **NGUYỄN HỮU THỌ**, Tổng biên tập Báo Nhân dân

139- **PHẠM VĂN THỌ**, Bí thư tỉnh ủy Hải hưng

140- **NGUYỄN VĂN THỚI**, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bến tre

141- **NGUYỄN THỊ HOÀI THU**, Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

142- **HOÀNG THỪA**, Bí thư tỉnh ủy Hà giang

143- **LÊ THẾ TIỆM**, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát nhân dân

144- **NGUYỄN KHÁNH TOÀN**, Đại tá, Tổng cục trưởng Tổng cục I, Bộ Nội vụ

145- **MA THANH TOÀN**, Thiếu tướng, Phó tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân khu 1

146- **TÔ XUÂN TOÀN**, Bí thư Tỉnh ủy Ninh bình

147- **PHẠM VĂN TRÀ**, Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, kiêm Tổng tham mưu trưởng

148- **HÀ MẠNH TRÍ**, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội

149- **NGUYỄN THẾ TRỊ**, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 3

150- **NGUYỄN MINH TRIẾT**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sông bé

151- **NGUYỄN ĐỨC TRIỀU**, Phó chủ tịch Hội nông dân Việt nam

152- **ĐỖ NGỌC TRINH**, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư

153- **NGUYỄN TẤN TRỊNH**, Bộ trưởng Bộ Thủy sản

154- **NGUYỄN PHÚ TRỌNG**, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản

155- **TRƯƠNG VĨNH TRỌNG**, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương

156- **ĐINH TRUNG**, Bí thư tỉnh ủy Bình thuận

157- **ĐỖ QUANG TRUNG**, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch

158- **VŨ XUÂN TRƯỜNG**, Phó bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái bình

159- **LÊ VĂN TU**, Bí thư tỉnh ủy Thanh hóa

160- **TRẦN VĂN TUẤN**, Phó bí thư Thành ủy Hà nội

161- **LÊ XUÂN TÙNG**, Bí thư Thành ủy Hà nội

162- **TRƯƠNG ĐÌNH TUYỂN**, Thứ trưởng Bộ Thương mại

163- **NGUYỄN VĂN TỰ**, Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt nam

164- **NGUYỄN ĐÌNH TỨ**, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương

165- **NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN**, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh hòa

166- **HỒ ĐỨC VIỆT**, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

167- **HỒNG VINH (NGUYỄN DUY LỰ)**, Phó tổng biên tập Báo Nhân dân

168- **TRẦN VĂN VỤ**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc trăng

169- **LÊ DANH XƯƠNG**, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hải phòng

170- **NGUYỄN VĂN YẾU**, Phó chủ nhiệm Ủy ban pháp luật Quốc hội

Digitized by Google

DIỄN VĂN KHAI MẠC

(Do đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Dảng khóa VII, đọc)

Thưa Đoàn chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội lần thứ VIII Đảng cộng sản Việt nam quang vinh khai mạc tại Thủ đô Hà nội. Trước hết, thay mặt Đoàn chủ tịch Đại hội và Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu, những đảng viên ưu tú đã cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm nên thắng lợi vẻ vang của trên 50 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam thân yêu của chúng ta.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế, các vị khách quý đến dự Đại hội, mang đến cho Đảng ta và nhân dân Việt nam tình hữu nghị thắm thiết và sự cổ vũ lớn lao.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng và biết ơn các đồng chí Cố vấn Ban chấp hành trung ương đã tận tụy làm việc, góp phần tích cực, có hiệu quả vào công việc của Đảng và Nhà nước.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt nam anh hùng, các nhân sĩ, trí thức đã cống hiến rất nhiều cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Trong giờ phút trọng thể này, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ và biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại muôn vàn kính yêu của Đảng và dân tộc ta, người bạn thân thiết của nhân dân các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ đến các đồng chí Ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII đã qua đời : Nguyễn Thái Ninh, Đỗ Chính, Bùi Thanh Vân, Lê Mai cùng nhiều đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu quý đã hy sinh từ sau Đại hội VII đến nay vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã không ngừng phấn đấu vượt mọi khó khăn thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện ; đất nước ổn định và phát triển, đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà. Chúng ta vui mừng và tự hào về điều đó. Bầu bạn quốc tế ghi nhận và chia vui cùng chúng ta.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở trân trọng những thành tựu của 20 năm

Digitized by Google



xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vừa qua, Đại hội VIII sẽ đi sâu kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới, đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong thời kỳ mới.

Đại hội VIII cũng sẽ kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu ra Ban chấp hành trung ương mới tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII.

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội, chúng ta đã nhận được rất nhiều ý kiến phong phú, quý báu của các đảng bộ và các tầng lớp nhân dân góp cho Đại hội về đường lối, phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu để phát triển đất nước. Các văn kiện quan trọng trình Đại hội hôm nay là kết tinh của trí tuệ và sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đại hội chúng ta xin cảm ơn Mặt trận Tổ quốc các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, các giới nhân sĩ, trí thức, tôn giáo, dân tộc, văn học, nghệ thuật, đồng bào ta định cư ở nước ngoài và các bạn quốc tế về sự nhiệt tình và đóng góp tích cực vào thành công của Đại hội.

Đại hội VIII có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ta, vì tình hữu nghị và sự hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội lần thứ VIII Đảng cộng sản Việt nam. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Digitized by Google

TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, VĂN MINH, VỮNG BƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII về các văn kiện trình Đại hội VIII do đồng chí Tổng bí thư ĐỖ MƯỜI trình bày)

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí Cố vấn Ban chấp hành trung ương,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách quý,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc mới trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới ; đề ra mục tiêu, phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2000 và 2020 ; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các đồng chí Cố vấn Ban chấp hành trung ương, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức đã góp nhiều ý kiến quan trọng và xác đáng. Sau khi *Dự thảo báo cáo chính trị* được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước và đồng bào sinh sống ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến quý báu đầy tâm huyết, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyết tâm của toàn dân đoàn kết chung quanh Đảng cộng sản Việt nam, cùng Đảng bàn việc nước. Có thể nói, các văn kiện trình ra Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện đó.

I - ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII VÀ 10 NĂM ĐỔI MỚI

Đại hội VIII phải đánh giá đúng đắn kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm thực hiện đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI của Đảng, rút ra những bài học lớn, làm cơ sở xác định đúng đắn mục tiêu, nhiệm vụ cho chặng đường sắp tới.

Mười năm trước, khi Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, nước ta đang trong tình trạng trầm trọng nhất của khủng hoảng kinh tế - xã hội : sản xuất đình đốn, lạm phát tăng vọt, đất nước bị bao vây về kinh tế, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lòng tin giảm sút. Sau gần 5 năm phấn đấu gian khổ, kiên cường thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng cả về kinh tế - xã hội - chính trị, đối nội và đối ngoại, mức độ gay gắt của cuộc khủng hoảng đã giảm được một phần. Đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra được Đại

Digitized by Google

hội VII bổ sung và phát triển, thể hiện ở Cương lĩnh, Chiến lược và Báo cáo chính trị mà Đại hội VII đã thông qua.

Song lúc bấy giờ, thành tựu đổi mới còn hạn chế. Tăng trưởng kinh tế còn chậm, lạm phát còn cao, nhiều vấn đề xã hội mới nảy sinh, có mặt nghiêm trọng. Mỹ vẫn tiếp tục bao vây cấm vận. Một số thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động hòng gây mất ổn định chính trị, phá rối an ninh quốc gia, làm phương hại đến độc lập, chủ quyền của đất nước. Nước ta lại đứng trước những thử thách rất gay gắt.

Trong tình thế đó, Đảng và nhân dân ta đã thể hiện trí tuệ và bản lĩnh cách mạng của mình, phát huy truyền thống đoàn kết, đấu tranh kiên cường, lao động sáng tạo, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên.

Nhìn tổng quát, *công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản.*

Tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh, nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hằng năm thời kỳ 1991 - 1995 đạt 8,2%. Lạm phát bị đẩy lùi từ 774,7% năm 1986 xuống còn 67% năm 1990, 12,7% năm 1995. Đầu tư toàn xã hội bằng nguồn vốn trong và ngoài nước so với GDP năm 1990 là 15,8%, năm 1995 đã tăng lên 27,4%. Lương thực không những đủ ăn mà còn xuất khẩu được mỗi năm khoảng 2 triệu tấn gạo. Nhiều công trình thuộc kết cấu hạ tầng và cơ sở công nghiệp trọng yếu được xây dựng, tạo thêm sức mạnh vật chất và thế cân đối mới cho bước phát triển tiếp theo.

Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn với tính chất, trình độ và yêu cầu phát triển của sức sản xuất, giải phóng và phát huy tiềm năng to lớn trong nước, tạo thuận lợi khai thác nguồn lực bên ngoài. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng một cách đồng bộ hơn và có hiệu quả hơn.

Số việc làm tạo thêm hằng năm gần đây đã xấp xỉ số người mới bổ sung vào lực lượng lao động. Đời sống vật chất của đại bộ phận nhân dân được cải thiện. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân khá hơn trước. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy. Lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ đất nước, với Đảng và Nhà nước được khẳng định.

Ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quốc phòng, an ninh được củng cố. Quan hệ đối ngoại phát triển mạnh mẽ ; phá được thế bị bao vây, cô lập ; mở rộng hợp tác và tham gia tích cực đời sống cộng đồng quốc tế.

Công tác xây dựng đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong khi đánh giá đúng thành tựu, chúng ta cần thấy rõ những tồn tại và yếu kém : Nước ta còn nghèo và kém phát triển ; chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư, phát triển. Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng. Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn nhiều thiếu sót. Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

Tuy vậy, đến nay, thế và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi rõ rệt về chất. *Nước ta đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội* nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ những bài học thành công và chưa thành công, chúng ta đã điều chỉnh và bổ sung nhận thức, làm cho quan niệm về chủ nghĩa xã hội ngày càng cụ thể ; đường lối, chủ trương, chính sách ngày càng đồng bộ, có căn cứ khoa học và thực tiễn. *Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.*

Digitized by Google

Đại hội VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Đại hội VII thông qua "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000". Các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương và của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII đã cụ thể hóa cương lĩnh, chiến lược trên hầu hết các lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng đảng, xây dựng nhà nước. Các văn kiện trình Đại hội VIII kế thừa và phát triển hơn nữa những đường lối, chủ trương đúng đắn đó.

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nắm vững và kiên trì đường lối đó, thường xuyên nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện, chúng ta đã phạm một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài, dẫn đến *chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác.* Nếu không được khắc phục có hiệu quả thì những khuyết điểm, lệch lạc đó sẽ làm suy yếu Đảng, làm mọt ruỗng bộ máy nhà nước, biến chất chế độ, đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp, diễn ra thường xuyên. Điều quan trọng là sớm phát hiện sai lầm, khuyết điểm, đề ra biện pháp sửa chữa đúng đắn, kịp thời.

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm qua, Đảng ta rút ra *một số bài học chủ yếu :*

- Trong quá trình đổi mới, phải giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích, mọi âm mưu lợi dụng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào nội bộ nước ta.

- Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, động viên sức mạnh của cả dân tộc nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Động viên mọi nguồn lực bên trong là chính, đồng thời khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng ta phải luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. Củng cố và xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ ; tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiền phong của Đảng, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Nắm vững và vận dụng sáng tạo những bài học trên đây là bảo đảm cho thành công của sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Digitized by Google

II - THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI - ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Đảng ta nhận định rằng sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước tiếp tục phát triển trong tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường.

Nêu lên 5 đặc điểm của tình hình thế giới và 5 xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế hiện nay, Đảng ta khẳng định : sau những biến cố chính trị ở Liên xô và Đông Âu, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại ; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp diễn ra dưới nhiều hình thức.

Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh với trình độ ngày càng cao, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội. Do đó các nước đều đứng trước những cơ hội để phát triển. Tuy nhiên, do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường thuộc về các nước phát triển, khiến các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn.

Châu Á - Thái bình dương đang là khu vực phát triển năng động với nhịp độ tăng trưởng cao. Ở đây, đang diễn ra xu thế tự do hóa thương mại và quá trình liên kết, hợp tác, cạnh tranh kinh tế. Đồng thời khu vực này cũng đang tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Trong quan hệ quốc tế, hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và các quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia ; tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt.

Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ nền văn hóa dân tộc ; các lực lượng xã hội chủ nghĩa, cách mạng và tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ; các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh cùng tồn tại hòa bình...

Trước mắt chúng ta có cả *thời cơ lớn và những thách thức lớn.*

Thời cơ lớn được tạo ra trước hết do những thành tựu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cũng do sự tác động của nhiều xu thế tích cực trên thế giới.

Thách thức lớn nảy sinh từ bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ nêu lên. Các nguy cơ đó có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng.

Xuất phát từ kết quả 10 năm đổi mới, từ những tiền đề đã được tạo ra, Đảng ta nhận định rằng nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là một nhận định cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa chỉ đạo đối với việc đề ra phương hướng, nhiệm vụ sắp tới.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Digitized by Google

Lực lượng sản xuất đến lúc đó sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hóa cơ bản được thực hiện trong cả nước, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990.

Về quan hệ sản xuất, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, giải phóng sức sản xuất, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến. Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân chiếm tỉ trọng đáng kể.

Về đời sống vật chất và văn hóa, nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hóa khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh ; phát huy những giá trị cao đẹp và truyền thống vẻ vang của dân tộc.

Làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 : tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

III - PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Đảng ta luôn xác định xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Trong những năm tiến hành công nghiệp hóa trước đây, mặc dù có những sai lầm, thiếu sót, song chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Một số công trình lớn đã được xây dựng và phát huy tác dụng. Chúng ta phải kế thừa thành tựu của thời kỳ trước, rút kinh nghiệm từ những sai lầm, thiếu sót để bổ sung, phát triển nhận thức, đề ra những bước đi, giải pháp thích hợp, nhằm triển khai có hiệu quả hơn sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới.

Ngày nay, công nghiệp hóa luôn gắn liền với hiện đại hóa, với việc ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại. Khoa học và công nghệ trở thành nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong hoàn cảnh mới, chúng ta chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả, tranh thủ vốn, công nghệ và thị trường quốc tế để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng kinh nghiệm cho thấy nếu không tạo lập được một vị thế độc lập, tự chủ, không có đủ nội lực cần thiết, thì không thể tham gia hợp tác quốc tế một cách thật sự bình đẳng và có lợi, không thể khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài. Vì vậy, phải xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, bảo đảm khả năng giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế, an ninh, quốc phòng, chủ động tham gia phân công lao động và hợp

Digitized by Google

tác quốc tế. Luôn luôn nêu cao phương châm dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, động viên mọi người, mọi nhà, mọi cấp, mọi ngành cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư phát triển.

Trong những năm trước mắt, khả năng vốn còn có hạn, nhu cầu việc làm rất bức bách, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế, xã hội chưa thật ổn định vững chắc. Chúng ta cần tránh sai lầm chủ quan nóng vội, quá thiên về công nghiệp nặng, ham quy mô lớn. Phải đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, ra sức phát triển nông lâm ngư nghiệp, các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, các ngành du lịch, dịch vụ ; khôi phục, phát triển, từng bước hiện đại hóa các ngành nghề tiểu thủ công truyền thống đi đôi với mở mang những ngành nghề mới có thị trường tiêu thụ lớn trong và ngoài nước.

Cân nhắc, lựa chọn những dự án cũng như thời điểm khởi công các công trình công nghiệp nặng trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, có khả năng phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế ở những khâu ách tắc nhất đang cản trở sự phát triển.

Xây dựng quy hoạch phát triển tổng thể dài hạn các ngành, các lĩnh vực, các địa bàn để có bước đi thích hợp, kết hợp giữa nhu cầu trước mắt và mục tiêu lâu dài, giữa điểm và diện, giữa kinh tế và quốc phòng, an ninh, giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Phát triển các loại hình doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa là chính, với công nghệ thích hợp, vốn đầu tư ít, tạo ra nhiều việc làm, thời gian thu hồi vốn nhanh. Chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị nhằm khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có. Đồng thời xây dựng hoặc tích cực chuẩn bị để xây dựng một số công trình lớn thật sự cần thiết.

Chính sách phát triển công nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với chính sách và giải pháp phát triển các ngành và các lĩnh vực khác, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên sự phát triển đồng bộ trong đời sống kinh tế, xã hội. Đặc biệt quan tâm xây dựng quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, công nhân, nông dân và trí thức trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nếu công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo nên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ xã hội mới, thì việc *phát triển nền kinh tế nhiều thành phần* chính là để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã góp phần to lớn giải phóng và phát triển sức sản xuất, đưa đến những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng qua 10 năm đổi mới. Văn kiện Đại hội VIII khẳng định tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách này, khuyến khích mọi doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước khai thác các tiềm năng, ra sức đầu tư phát triển, yên tâm làm ăn lâu dài, hợp pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh ; đối xử bình đẳng với mọi thành phần kinh tế trước pháp luật, không phân biệt sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh.

Nền kinh tế nhiều thành phần mà Đảng ta chủ trương là nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, văn kiện nhấn mạnh sự cần thiết phải chăm lo đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, làm cho kinh tế nhà nước thực sự làm ăn có hiệu quả, phát huy tốt vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã phấn đấu dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng, một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng, an ninh.

Đổi mới tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước, phát huy cao độ quyền tự chủ của doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp

Digitized by Google

làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản thuộc sở hữu nhà nước ngày càng tăng lên.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách ưu đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã phát triển tốt. Kết hợp một cách tự nguyện sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất kinh doanh và đời sống của người lao động.

Phát triển rộng rãi các hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Áp dụng nhiều phương thức hợp tác, liên doanh giữa Nhà nước với các nhà tư bản trong nước và các công ty tư bản nước ngoài. Tạo thế và lực cho doanh nghiệp Việt nam phát triển, tăng khả năng hợp tác và cạnh tranh. Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng dẫn họ từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài, bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần không thể tách rời việc *xây dựng đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Cơ chế thị trường đã phát huy tác dụng tích cực to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Nó chẳng những không đối lập mà còn là một nhân tố khách quan cần thiết của việc xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, cơ chế thị trường có những tác động tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, nhằm phát huy tác dụng tích cực đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực. Phải xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ các yếu tố của thị trường, đồng thời xây dựng và hoàn thiện các công cụ pháp luật, kế hoạch, các thiết chế tài chính, tiền tệ và những phương tiện vật chất và tổ chức cần thiết cho sự quản lý của Nhà nước, tạo điều kiện cho cơ chế thị trường hoạt động hữu hiệu.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường. Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng để đưa ra một hệ thống các mục tiêu vĩ mô, xác định tốc độ tăng trưởng, cơ cấu và các cân đối lớn, lựa chọn phương án, chính sách và giải pháp để định hướng phát triển cho toàn bộ nền kinh tế.

Cơ chế thị trường đòi hỏi phải hình thành một môi trường cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp, văn minh. Cạnh tranh vì lợi ích phát triển đất nước, chứ không phải làm phá sản hàng loạt, lãng phí các nguồn lực, thôn tính lẫn nhau.

Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường. Các cơ quan chính quyền không can thiệp vào những việc thuộc chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

IV - CHĂM LO PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CON NGƯỜI, THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Cương lĩnh của Đảng ta chỉ rõ : "Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội".

Hàng loạt vấn đề xã hội đang được đặt ra, hoặc do hậu quả nặng nề của nhiều năm chiến tranh, của nền kinh tế kém phát triển, hoặc mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế. Không thể cùng một lúc giải quyết mọi vấn đề trong lúc năng suất lao động xã hội còn thấp, nguồn thu ngân sách còn hạn hẹp, lại phải tích lũy cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Báo cáo chính

Digitized by Google

tỉ chỉ đề cập một số vấn đề bức bách nhất về con người và về xã hội.

Báo cáo chính trị trình bày các phương hướng chủ yếu *phát triển trí tuệ* của người Việt nam thể hiện trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ phải được quan tâm đầu tư phát triển, chú trọng nghiên cứu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các thành tựu khoa học và công nghệ của nhân loại để góp phần đắc lực vào việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người.

Giáo dục và đào tạo phải thực sự trở thành quốc sách hàng đầu. Bằng nhiều hình thức đa dạng bảo đảm cho mọi người được học, nhất là người nghèo và con em các gia đình thuộc diện chính sách. Động viên phong trào toàn dân thi đua xóa mù chữ, hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước và phổ cập trung học cơ sở ở những nơi có điều kiện. Cải tiến chất lượng dạy và học, khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong ngành giáo dục để hoàn thành tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực con người cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với đổi mới nội dung giáo dục theo hướng cơ bản, hiện đại, phải tăng cường giáo dục công dân, giáo dục thế giới quan khoa học, lòng yêu nước, ý chí vươn lên vì tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội. Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các hoạt động văn hóa - văn nghệ có vị trí quan trọng trong việc hình thành nhân cách, làm phong phú đời sống tinh thần con người Việt nam. Bản sắc dân tộc và tính chất tiên tiến của nền văn hóa phải được thấm đậm không chỉ trong công tác văn hóa - văn nghệ, mà cả trong mọi hoạt động xây dựng, sáng tạo vật chất, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo... sao cho trong mọi lĩnh vực chúng ta có cách tư duy độc lập, có cách làm vừa hiện đại vừa mang sắc thái Việt nam. Đi vào kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, song phải luôn luôn coi trọng những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc, quyết không được tự đánh mất mình, trở thành bóng mờ hoặc bản sao chép của người khác.

Sự *cường tráng về thể chất* là nhu cầu của bản thân con người, đồng thời là vốn quý để tạo ra tài sản trí tuệ và vật chất cho xã hội. Chăm lo cho con người về thể chất là trách nhiệm của toàn xã hội, của tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể. Song song với phát triển kinh tế, chăm lo cho việc ăn, ở của dân ngày càng tốt hơn, các ngành y tế, thể dục thể thao, dân số và kế hoạch hóa gia đình phải làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Trong đó, phải rất quan tâm đến xây dựng và củng cố hệ thống y tế cơ sở, làm tốt công tác y tế dự phòng, phòng chống các bệnh dịch, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phát động rộng rãi phong trào thể dục thể thao quần chúng. Phải đổi mới cơ chế và thái độ phục vụ, động viên thỏa đáng và sử dụng có hiệu quả những nguồn tài chính dành cho hoạt động y tế. Bảo đảm cho những người nghèo, những người trong diện chính sách được chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh được giảm hoặc miễn phí.

Qua thực tiễn 10 năm đổi mới, chúng ta nhận thức rõ là không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội, mà ngay trong từng bước và suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Công bằng xã hội không chỉ được thực hiện trong phân phối kết quả sản xuất, mà còn được thực hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất, ở việc tạo ra những điều kiện cho mọi người phát huy tốt năng lực của mình. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp đi đôi với chăm lo xóa đói giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt là các vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, các gia đình thuộc diện chính sách, làm cho mọi người, mọi nhà đều tiến tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, ai cũng có việc làm, có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học

Digitized by Google

hành và chữa bệnh, phấn đấu từng bước thực hiện điều Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước.

Xuất phát từ nhận thức rằng chăm lo cho con người, cho cộng đồng xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, của mỗi đơn vị, của từng gia đình, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, chúng ta chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Theo trình độ phát triển kinh tế, Nhà nước tăng dần nguồn đầu tư cho khoa học, giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe và các vấn đề xã hội ; đồng thời khai thác mọi tiềm năng của nhân dân, của địa phương, của các hội, đoàn, tranh thủ các nguồn viện trợ từ nước ngoài và sử dụng có hiệu quả để chăm lo cho con người và xã hội. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Nhà nước và nhân dân cùng làm, mọi việc đều phải dựa vào dân..., là những quan điểm và kinh nghiệm trong lịch sử chiến tranh nhân dân và trong 10 năm đổi mới cần nắm vững và phát huy để tạo nguồn lực giải quyết vấn đề con người và xã hội trong thời kỳ hiện nay.

V - MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI LỚN TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000

Đất nước ta bước vào 5 năm cuối cùng của thế kỷ này với những khả năng và cơ hội lớn hơn nhiều so với 5 năm trước, đồng thời cũng đứng trước những thử thách hết sức gay gắt.

Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 được xây dựng trên cơ sở quán triệt những tư tưởng chỉ đạo sau đây :

- *Một là*, thực hiện đồng thời 3 mục tiêu về kinh tế : đẩy mạnh công nghiệp hóa với nhịp độ tăng trưởng cao, bền vững và có hiệu quả ; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô ; chuẩn bị các tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, cơ sở hạ tầng, hoàn thiện thể chế.

- *Hai là*, tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần, phát huy mọi nguồn lực để phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời hoàn thiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Ba là*, kết hợp hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhằm tạo được chuyển biến rõ nét về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- *Bốn là*, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế vừa phục vụ quốc phòng, an ninh.

- *Năm là*, kết hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển ; phát huy lợi thế của mỗi vùng, tránh chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng.

Trong 5 năm tới, chúng ta tập trung sức cho mục tiêu phát triển, đạt tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm 9 - 10% ; đến năm 2000 GDP bình quân đầu người gấp đôi năm 1990. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 14 - 15%/năm, nông nghiệp 4,5 - 5%, dịch vụ 12 - 13% và trong chỉ đạo thực hiện phải tranh thủ mọi khả năng mới, phấn đấu đạt cao hơn.

Việc xác định các mục tiêu trên xuất phát từ khả năng thực tế và yêu cầu bức bách của cuộc sống, của thời đại nhằm nâng cao mọi mặt đời sống các tầng lớp dân cư, thay đổi bộ mặt đất nước, tạo thế vững vàng cho nước ta tham gia cạnh tranh và hợp tác trong tiến trình hội nhập cộng đồng quốc tế.

Phương hướng và giải pháp lớn nhằm thực hiện các mục tiêu trên được thể hiện trong 11 chương trình và lĩnh vực phát triển của kế hoạch 5 năm tới mà nội dung chủ yếu có thể tóm tắt như sau :

- *Nhóm các chương trình và lĩnh vực phát triển về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, vùng lãnh thổ, miền núi và dân tộc* tập trung vào các mục tiêu và phương hướng chính là : phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống. Tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển

Digitized by Google

trên cơ sở phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng, liên kết giữa các vùng, làm cho mỗi vùng đều có chuyển biến rõ rệt, giảm sự chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng. Các vùng miền núi và vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn, trước hết là ưu tiên giúp đỡ những địa bàn xung yếu, những khu căn cứ cách mạng, tạo điều kiện ban đầu để các vùng đó từng bước tự vươn lên. Khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của vùng biển, ven biển để phát triển kinh tế, kết hợp với an ninh, quốc phòng, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc.

- *Nhóm các chương trình và lĩnh vực phát triển về công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ* tập trung vào các mục tiêu và phương hướng chính là : phát triển nhanh một số ngành công nghiệp có lợi thế, có sức cạnh tranh trên thị trường, hướng mạnh về xuất khẩu, hình thành một số ngành và sản phẩm mũi nhọn trong các lĩnh vực như chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu. Nâng cấp và cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có, hình thành các khu công nghiệp tập trung, tạo địa bàn thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới ; phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn và ven đô thị. Phát triển giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không. Bảo đảm sự giao lưu thông thoát trong mọi thời tiết của các tuyến giao thông huyết mạch, tuyến xương sống và các tuyến nhánh đến các vùng, các trung tâm miền núi. Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở miền núi, nông thôn, đặc biệt là đường, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thông tin liên lạc...

Các ngành dịch vụ, thương mại vươn lên bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt trong cả nước, chú trọng vùng nông thôn, vùng sâu, miền núi và mở rộng thương mại quốc tế. Củng cố và phát triển thương nghiệp nhà nước trong những ngành hàng thiết yếu, trước hết là những địa bàn còn bỏ trống, nắm bán buôn, chi phối bán lẻ. Từng bước tổ chức hợp tác xã mua bán và mạng lưới đại lý để cùng thương nghiệp nhà nước đủ sức ngăn ngừa những biến động bất thường, góp phần ổn định thị trường, giá cả. Phát triển du lịch và các dịch vụ thông tin, tư vấn về công nghệ, pháp luật, tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm...

- *Chương trình kinh tế đối ngoại* nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả các hoạt động về ngoại thương, về thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài và các dịch vụ thu ngoại tệ khác, đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới. Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu ; tăng tỉ trọng xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến, tạo thêm những nhóm hàng, mặt hàng có khối lượng và giá trị lớn. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hằng năm khoảng 28% ; kim ngạch nhập khẩu tăng khoảng 24% ; thay thế nhập khẩu một số mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tận dụng thời cơ tăng nhanh khả năng tiếp nhận, thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến, hiện đại của nước ngoài ; đồng thời nâng dần tỉ lệ góp vốn của phía Việt nam trong các cơ sở liên doanh.

- *Nhóm các chương trình về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo* tập trung vào các mục tiêu và hướng chính là :

Phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; nắm bắt các thành tựu khoa học và công nghệ thế giới, lựa chọn và làm chủ công nghệ chuyển giao vào Việt nam. Bước đầu phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao về điện tử, thông tin, sinh học, vật liệu mới và tự động hóa. Nâng tỉ lệ đổi mới thiết bị trong các ngành sản xuất mỗi năm từ 10% trở lên. Tranh thủ tối đa công nghệ tiến bộ, từng bước đưa công nghệ nước ta đạt tới trình độ trung bình của khu vực. Tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Nâng cao mặt bằng dân trí. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng tỉ lệ người lao động được đào tạo trong tổng số lao động lên 22 - 25% vào năm 2000.

Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vững mạnh. Phát hiện, bồi dưỡng và trọng

Digitized by Google

dụng nhân tài trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, văn hóa - nghệ thuật, quản lý kinh tế - xã hội và quản trị sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu trước mắt và chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000.

- *Nhóm các chương trình về phát triển văn hóa - xã hội* tập trung vào những mục tiêu và phương hướng sau :

Giải quyết việc làm, Nhà nước đầu tư tạo thêm chỗ làm việc và tạo điều kiện cho mọi người tự mình và giúp đỡ người khác tạo việc làm, giảm tỉ lệ người chưa có việc làm ở thành thị xuống còn 5% và nâng tỉ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 75% vào năm 2000.

Xóa đói, giảm tỉ lệ nghèo từ 20 - 25% hiện nay xuống khoảng 10% tổng số hộ cả nước vào năm 2000.

Mở rộng các hoạt động đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, đảm bảo cho người có công và gia đình có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của xã, phường nơi cư trú.

Thực hiện phương châm đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình và các mặt xã hội khác, hướng vào nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần và thể lực của nhân dân. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, đẩy lùi tiêu cực, bất công và các tệ nạn xã hội.

Phấn đấu thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng ; đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội ở những vùng còn nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng xa... nhất là về y tế, giáo dục, phát thanh, truyền hình, văn hóa văn nghệ...

VI - CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH

Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơi lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ.

Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong những năm tới là, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước ; ngăn chặn có hiệu quả và nghiêm trị mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế. Gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, hai mặt có mối quan hệ khăng khít trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ trong tình hình mới. Phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc ; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Thường xuyên chăm lo xây dựng đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh.

VII - MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa với tinh thần Việt nam muốn là bạn

Digitized by Google

của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển .

Chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, thông qua thương lượng để tìm những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp, bảo đảm hòa bình, ổn định, an ninh, hợp tác và phát triển.

Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, đồng thời luôn luôn nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ la-tinh, với phong trào Không liên kết.

Tăng cường quan hệ với các tổ chức của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác. Tích cực hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ cuộc đấu tranh loại trừ vũ khí hạt nhân và các phương tiện giết người hàng loạt khác.

Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ ; thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác.

Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển.

VIII - TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Chế độ ta là chế độ do nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược.

Sự nghiệp xây dựng đất nước đòi hỏi mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt nam dù sống trong nước hay đang định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng, nêu cao truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh làm điểm tương đồng ; đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở và tin cậy.

Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trước hết phải thể hiện ở các chính sách cụ thể, thiết thực, đáp ứng lợi ích hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, tạo ra động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng. Trong đó, chăm lo xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Phải có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt cơ chế làm chủ của nhân dân : làm chủ thông qua đại diện, làm chủ trực tiếp cùng các hình thức tự quản tại cơ sở.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, làm cho Mặt trận và các tổ chức thành viên thực sự là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước ta là cột trụ của hệ thống chính trị, là công cụ thực hiện quyền lực của nhân dân. Việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước phải được tiến hành trên cơ sở quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây :

- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ; lấy liên minh giai cấp

Digitized by Google

công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

- Tăng cường pháp chế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Để Nhà nước ta thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, một nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả, thì phải thực hiện tốt, đồng bộ các nhiệm vụ : đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước ; cải cách nền hành chính nhà nước, bao gồm cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức ; cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp.

Hiện nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nạn tham nhũng đang là một nguy cơ trực tiếp quan hệ đến sự tồn vong của hệ thống chính trị. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã có những biện pháp khắc phục, song hiệu quả còn thấp.

Phải tiến hành đấu tranh cương quyết, thường xuyên và có hiệu quả chống tệ nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở. Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp có tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở, vừa xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tham nhũng. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cán bộ chủ chốt các cấp phải gương mẫu đi đầu trong đấu tranh chống tham nhũng, trước hết là đối với bản thân.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu ; tập trung vào các hành vi tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản nhà nước, đòi hối lộ, đưa và nhận hối lộ ; chú ý một số lĩnh vực trọng điểm.

IX - XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ then chốt, nhất là trong tình hình hiện nay, khi đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới.

Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm trong quá trình đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới ; đồng thời Đảng có trách nhiệm trong việc để kéo dài nhiều mặt yếu kém, tiêu cực trong bộ máy đảng, nhà nước và trong xã hội. Chính trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục.

Phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, vì ở nước ta, không có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản thì không thể có độc lập dân tộc, không có quyền làm chủ thực sự của nhân dân, không có Nhà nước của dân, do dân, vì dân, không thể thực hiện được công bằng xã hội, không thể có chủ nghĩa xã hội. Lúc bình thường, vai trò lãnh đạo của Đảng đã rất quan trọng ; ở những bước chuyển giai đoạn, vai trò đó lại càng quan trọng.

Đương nhiên, để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng đúng đắn và có hiệu quả, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Là đảng cầm quyền, lại hoạt động trong điều kiện mới hết sức phức tạp, Đảng ta ý thức sâu sắc về điều đó, coi đây cũng là quy luật phát triển của Đảng.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao phẩm chất và năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng, củng cố và bảo vệ Đảng, làm cho

Digitized by Google

Đảng luôn luôn trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Vì vậy, nó phải gắn với đổi mới các lĩnh vực kinh tế, xã hội, với việc kiện toàn hệ thống chính trị, với phát huy óc sáng tạo và khơi dậy phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Trong quá trình tự đổi mới và chỉnh đốn, Đảng phải kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đảng. Phải xuất phát từ thực tiễn để đề ra giải pháp về xây dựng đảng. Chống các khuynh hướng cơ hội, bảo thủ, cực đoan.

Điểm xuyên suốt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta trong giai đoạn hiện nay là *giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng*. Bản chất ấy thể hiện trước hết ở mục đích, lý tưởng của Đảng ; ở Cương lĩnh chính trị và đường lối cán bộ của Đảng ; ở mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân và dân tộc, ở sự kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Cần thống nhất nhận thức : Đảng cộng sản Việt nam là đội tiền phong của giai cấp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Mục đích của Đảng là xây dựng một nước Việt nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nguyên tắc tổ chức của Đảng là tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Một quy luật cơ bản trong phát triển, tiến bộ của Đảng là thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Bản chất giai cấp, mục tiêu, lý tưởng của Đảng đòi hỏi mọi đảng viên phải nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu, có lao động, không bóc lột, không làm kinh tế tư bản tư nhân ; có đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó với nhân dân... Mọi hành vi trái với những quy định nêu trên đều không phù hợp với yêu cầu về tư cách đảng viên.

Trong tình hình hiện nay, phải *rất chú trọng việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ* của cán bộ, đảng viên. Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải gương mẫu học tập, rèn luyện, phấn đấu nâng cao trình độ mọi mặt, giữ gìn đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo. Xử lý kịp thời và nghiêm minh những đảng viên thoái hóa, biến chất.

Càng đi vào cơ chế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, hệ thống tổ chức của Đảng càng phải khoa học, vững mạnh, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Muốn thế, một mặt phải *thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ* trong sinh hoạt đảng, phát huy dân chủ và giữ gìn kỷ luật, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng ; mặt khác phải *kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng* và của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, có cơ chế và phương thức hoạt động thích hợp, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò chủ động, tích cực, năng động của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị kinh tế, các đoàn thể nhân dân.

Trong việc xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng, cùng với việc kiện toàn tổ chức đảng các cấp, đặc biệt là ở cấp trung ương, phải rất quan tâm củng cố *tổ chức cơ sở đảng*. Phát huy kết quả và kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, cần nâng cao tính tiền phong chiến đấu của các cơ sở đảng và của đảng viên trong công cuộc đổi mới, trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, chấn chỉnh các cơ sở yếu kém, khắc phục sự buông lỏng công tác đảng, cải tiến nội dung sinh hoạt đảng, gắn với thực tế tại địa bàn. Hiện nay, trong điều kiện kinh tế nhiều

Digitized by Google

thành phần, áp dụng cơ chế quản lý mới có rất nhiều loại hình cơ sở đảng với những chức năng, nhiệm vụ không hoàn toàn giống nhau. Cần có kế hoạch khảo sát, đánh giá đúng từng loại hình cơ sở để có biện pháp đổi mới, chỉnh đốn phù hợp, bảo đảm cho mỗi loại hình hoạt động theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình.

Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi toàn Đảng phải *chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ*, chú trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận. Sớm xây dựng cho được một chiến lược cán bộ của thời kỳ mới. Là đảng cầm quyền, Đảng phải chăm lo đào tạo, bố trí cán bộ cho cả hệ thống chính trị. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Bảo đảm nguyên tắc tập thể đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ.

Trên cơ sở nắm vững tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ đồng thời kết hợp tốt các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục và tính phát triển trong đội ngũ cán bộ. Có cơ chế, chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi đội ngũ cán bộ, phát hiện và trọng dụng nhân tài của đất nước. Cán bộ của thời kỳ mới phải là những người có phẩm chất chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn, có ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong đạo đức và lối sống ; tóm lại là phải có đủ đức và tài, trong đó đức là gốc.

Đổi mới quan niệm và phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thật sự dân chủ, theo một quy trình chặt chẽ.

Một vấn đề được nhấn mạnh trong các văn kiện kỳ này là *tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra của Đảng*. Tăng cường trách nhiệm kiểm tra của các cấp ủy đảng, các ban của cấp ủy, tăng cường nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp. Điều lệ Đảng khẳng định : kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng và đảng viên phải tiến hành công tác kiểm tra và chịu sự kiểm tra của Đảng. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải trực tiếp kiểm tra và sử dụng các ban để kiểm tra. Thông qua kiểm tra để phát hiện nhân tố mới, phát huy ưu điểm, ngăn ngừa và khắc phục khuyết điểm ; bổ sung, phát triển hoặc điều chỉnh chủ trương, chính sách...

Ủy ban kiểm tra các cấp tập trung vào việc kiểm tra đảng viên có biểu hiện vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, vi phạm tiêu chuẩn cấp ủy viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên ; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới có biểu hiện vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị và nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng ; xử lý và giúp cấp ủy xử lý công minh, kịp thời đảng viên và tổ chức đảng vi phạm.

Đặc biệt quan tâm làm tốt công tác *bảo vệ chính trị nội bộ Đảng* trong tình hình mới.

Thưa các đồng chí,

Đại hội VIII của Đảng là Đại hội tiếp tục đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những phương hướng và nhiệm vụ nêu trong các văn kiện trình Đại hội Đảng lần này là sự cụ thể hóa và phát triển hơn nữa đường lối đổi mới được xác định qua các Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng. Thực hiện thắng lợi những phương hướng, nhiệm vụ đó là cách tốt nhất để tạo đà cho những bước tiến lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chuẩn bị hành trang cho dân tộc ta vững bước đi vào thế kỷ XXI.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt nam, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, nắm chắc vận hội, tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy c ơ, vượt qua thử thách, quyết tâm biến nội dung Nghị quyết Đại hội VIII thành hiện thực ; tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ❑

Digitized by Google

ĐIỀU LỆ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG Cộng sản Việt nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt nam là đảng cầm quyền. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân ; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng ; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng.

Chương I

ĐẢNG VIÊN

Điều 1 :

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân ; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ; có đạo đức và lối sống lành mạnh ; gắn bó mật thiết với nhân dân ; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt nam từ mười tám tuổi trở lên ; thừa nhận và tự nguyện : thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng ; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2 :

Đảng viên có nhiệm vụ :

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh

Digitized by Google

Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh ; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân ; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở ; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng ; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng ; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng ; làm công tác phát triển đảng viên ; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3 :

Đảng viên có quyền :

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng ; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức ; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4 :

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại) :

1. Người vào Đảng phải :

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng ;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải :

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm ;
- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp ủy :

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi ủy kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên ; khi có quyết định của cấp ủy cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.
- Đảng ủy cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp ủy viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp.
- Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp ủy cơ sở được ủy quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp ủy cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp Đảng.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị quy định.

Điều 5 :

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp ; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

4. Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6 :

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Bộ Chính trị quy định.

Digitized by Google

Điều 7 :

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8 :

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng ; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xóa tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

Chương II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9 :

Đảng Cộng sản Việt nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là :

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3. Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới ; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó ; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10 :

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt nam và Công an nhân dân Việt nam theo quy định tại chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Bộ Chính trị.

3. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11 :

1. Cấp ủy triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Bộ Chính trị.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp ủy triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do

Digitized by Google

đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12 :

1. Cấp ủy viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh ; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành nhiệm vụ được giao ; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định ; số lượng cấp ủy viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Bộ Chính trị. Cấp ủy các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử :

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử ;
- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua ;
- Bầu cử bằng phiếu kín ;
- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn ; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng qui định, có bầu thêm nữa hay không, do đại hội quyết định.

Điều 13 :

1. Cấp ủy khóa mới nhận sự bàn giao từ cấp ủy khóa trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp ủy viên thiếu do cấp ủy đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định ; số lượng cấp ủy viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên có quyền điều động một số cấp ủy viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp ủy viên xin rút khỏi cấp ủy, do cấp ủy xem xét đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định ; đối với ủy viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp ủy viên đương nhiệm ở đảng bộ nào, khi có quyết định nghỉ hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó.

5. Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy lâm thời ; chậm nhất trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội ; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy của tổ chức đảng đó.

Điều 14 :

1. Cấp ủy mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu giúp việc theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

2. Khi cần, cấp ủy lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Điều 15 :

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần ; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua ; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới ; bầu Ban Chấp hành Trung ương ; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần.

3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội

Digitized by Google

bất thường là các Ủy viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16 :

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội ; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng ; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

2. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần ; họp bất thường khi cần.

Điều 17 :

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị ; bầu Tổng Bí thư trong số Ủy viên Bộ Chính trị ; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương ; bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Bộ Chính trị cử Thường vụ Bộ Chính trị.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương ; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương ; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Thường vụ Bộ Chính trị thay mặt Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng ; chuẩn bị các vấn đề trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định ; chỉ đạo thực hiện các chủ trương về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác đảng, công tác cán bộ, công tác quần chúng ; giải quyết công việc hằng ngày của Đảng.

Chương IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18 :

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần ; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp ủy cấp trên ; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua ; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới ; bầu cấp ủy ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Điều 19 :

1. Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy), cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu ; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần ; họp bất thường khi cần.

Điều 20 :

1. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy bầu ban thường vụ ; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ ; bầu ủy ban kiểm tra ; bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

2. Số lượng ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra do cấp ủy quyết định theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên ; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy.

4. Thường trực cấp ủy gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của ban thường vụ và cấp ủy cấp trên ; giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Chương V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21 :

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng ; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp

Digitized by Google

ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng ủy.

5. Những trường hợp sau đây, cấp ủy cấp dưới phải báo cáo và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện :

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.
- Lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.
- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Điều 22 :

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập : cơ sở xã, phường, thị trấn năm năm một lần ; các cơ sở khác năm năm hai lần ; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm đối với xã, phường và sáu tháng đối với các cơ sở khác.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên ; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua ; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới ; bầu cấp ủy ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần ; họp bất thường khi cần.

4. Đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên trở lên bầu ban thường vụ ; bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ ; dưới chín ủy viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

Điều 23 :

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ :

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng ; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác ; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh ; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân ; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh ; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng ủy cơ sở nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp ủy quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24 :

1. Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên ; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng ; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó ; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi ủy.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị ; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên ; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên ; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên ; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi ủy họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi ủy triệu tập mỗi năm một lần ; nơi chưa có chi ủy thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng ủy cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá ba tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi ủy, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi ủy viên.

Chương VI

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 25 :

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt nam và Công an nhân dân Việt nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt ; xây dựng Quân đội và Công an trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt

Digitized by Google

nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt nam và Công an nhân dân Việt nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp ủy đảng theo chức năng giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt nam và Công an nhân dân Việt nam.

Điều 26 :

1. Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị.

2. Quân ủy Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng ; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27 :

1. Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt ; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên chỉ định.

2. Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia ; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 28 :

1. Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị. Đảng ủy Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ; lãnh đạo mọi mặt công tác trong công an.

2. Cấp ủy công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp cần thiết do cấp ủy cấp trên chỉ định. Cấp ủy lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương ; phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29 :

1. Tổ chức đảng công an nhân dân địa phương cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ; lãnh đạo xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng ủy công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí ủy viên

Digitized by Google

thường vụ cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận, thị ủy được chỉ định tham gia.

Chương VII

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 30 :

1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31 :

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32 :

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ :

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ ; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên ; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

5. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

Điều 33 :

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 34 :

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 35 :

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật :

- Đối với tổ chức đảng : khiển trách, cảnh cáo, giải tán ;
- Đối với đảng viên chính thức : khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ;
- Đối với đảng viên dự bị : khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36 :

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm :

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ.

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

2. Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên ; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên ; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý, nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật

Digitized by Google

đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp ; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37 :

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm :

1. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một trong các trường hợp : có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng ; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38 :

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39 :

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật ; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp ủy cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp ; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm ; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết ; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40 :

1. Đảng viên bị hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Bộ Chính trị.

Digitized by Google

Chương IX

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 41 :

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương ; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng ; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hóa thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể ; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42 :

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do bầu cử lập ra, cấp ủy cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn, thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Đảng đoàn do cấp ủy cùng cấp chỉ định ; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ; liên hệ mật thiết với nhân dân ; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền ; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp ủy và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43 :

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cấp ủy cùng cấp lập ban cán sự đảng gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập ban cán sự đảng thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Ban cán sự đảng do cấp ủy cùng cấp chỉ định ; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban cán sự đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Ban cán sự đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền ; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Chương X

ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Điều 44 :

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ xung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên ; là trường học xã hội chủ nghĩa, đại diện quyền lợi của thanh niên ; phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45 :

Đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

Chương XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46 :

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, thu từ các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng, ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Bộ Chính trị quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hằng năm, cấp ủy nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

Chương XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47 :

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48 :

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng ❑

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt nam họp từ ngày 28-6-1996 đến ngày 1-7-1996 tại Hà nội ;

QUYẾT NGHỊ

1 - Thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII trình Đại hội; giao Ban chấp hành trung ương khóa VIII căn cứ vào những ý kiến kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2 - Thông qua Báo cáo về phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 ; giao Ban chấp hành trung ương khóa VIII căn cứ vào ý kiến kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

3 - Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt nam đã được bổ sung sửa đổi.

4 - Giao cho Ban chấp hành trung ương khóa VIII và các cấp ủy đảng xây dựng chương trình hành động thiết thực để tổ chức thực hiện những chủ trương đã nêu trong các văn kiện được Đại hội thông qua.

Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, vượt mọi khó khăn, hăng hái phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đưa sự nghiệp đổi mới lên tầm cao mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

ĐẠI HỘI LẦN THỨ VIII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Digitized by Google

DIỄN VĂN BẾ MẠC

(Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII, đọc)

Thưa Đoàn chủ tịch,
Thưa các đồng chí Cố vấn Ban chấp hành trung ương Đảng,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quốc tế,

SAU những ngày làm việc khẩn trương, hôm nay chúng ta đã hoàn thành toàn bộ chương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng : Báo cáo chính trị ; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 ; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành trung ương khóa VIII có đủ năng lực và phẩm chất gánh vác trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó, thể hiện tính liên tục, kế thừa, tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội mong mỏi và tin tưởng rằng các đồng chí mới được bầu vào Ban chấp hành trung ương khóa VIII sẽ ra sức học tập nâng cao trình độ, phấn đấu hoàn thành xuất sắc trọng trách được giao, gương mẫu giữ gìn tư cách, phẩm chất, xứng đáng là Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt nam.

Đại hội đánh giá cao sự cống hiến vừa qua và rất cảm kích về đề nghị của nhiều đồng chí trong Bộ chính trị, Ban bí thư, Ban chấp hành trung ương khóa VII không tái cử vào Ban chấp hành trung ương khóa VIII, tạo điều kiện trẻ hóa cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Chúng ta chúc các đồng chí luôn mạnh khỏe, tiếp tục cống hiến khả năng và kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh sự đóng góp quý báu của các đồng chí Cố vấn và các đồng chí Trung ương khóa VII. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành trung ương khóa VIII đã đề nghị ba đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng và Võ Chí Công tiếp tục làm Cố vấn Ban chấp hành trung ương Đảng.

Đại hội chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, các bà mẹ Việt nam anh hùng, đồng chí, đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ở nước ngoài đã góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế đã đem đến Đại hội, đến Đảng và nhân dân Việt nam những tình cảm quý báu, chân tình, góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn sự có mặt của đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tại Hà nội, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trong nước và nước ngoài đến dự và đưa tin bình luận kịp thời về Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn Tiểu ban tổ chức phục vụ Đại hội VIII cùng toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nhân viên đã làm việc tận tụy phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Digitized by Google



Thưa các đồng chí,

ĐẠI hội VIII đã thành công tốt đẹp, thành công đó là niềm vui lớn và nguồn cổ vũ đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Kết quả của Đại hội có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh dân tộc và tương lai đất nước vào lúc chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI.

Đại hội VIII của Đảng là đại hội tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại, cần được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy tăng cường đoàn kết, đồng tâm nhất trí, ra sức phấn đấu hoàn thành mục tiêu và những công việc do Đại hội VIII đề ra.

Trước mắt chúng ta có nhiều thuận lợi, đồng thời cũng không ít khó khăn, thử thách. Mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công dân hãy nâng cao quyết tâm và hành động thiết thực góp phần phát huy thuận lợi, tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, nỗ lực thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Để làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình trong thời kỳ mới, Đảng ta phải tự đổi mới và chỉnh đốn, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Hơn lúc nào hết, chúng ta ghi nhớ và quyết làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại : "Đảng ta là mộtĐảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Đấy chính là nhân tố quyết định thắng lợi trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII.

Trong niềm hân hoan, phấn khởi về thành công của Đại hội, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng cộng sản Việt nam.

Digitized by Google

XÃ LUẬN

NỖ LỰC PHẤN ĐẤU ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Từ ngày 28-6 đến 1-7 năm 1996 tại Thủ đô Hà nội đã long trọng diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng - một Đại hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu giai đoạn mới trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta.

Tham dự Đại hội có 1 198 đại biểu, thay mặt cho hơn 2 triệu đảng viên, cùng các đồng chí cố vấn BCH TU Đảng khóa VII, các đồng chí đại diện lão thành cách mạng, đại diện các bà mẹ Việt nam anh hùng, các nhân sĩ trí thức, ..., tiêu biểu cho trí tuệ, bản lĩnh và sức mạnh đoàn kết của toàn đảng, toàn dân ta. Gần 40 đoàn khách quốc tế, đại diện cho các đảng anh em và bầu bạn khắp năm châu mang đến cho chúng ta những tình cảm đoàn kết, hữu nghị rất cao cả và thân thiết.

Đại hội VIII lần này họp trong hoàn cảnh đất nước ta cũng như trên thế giới đang có những chuyển biến mới. Nhiệm vụ trọng đại của Đại hội không chỉ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, đề ra phương hướng nhiệm vụ trong 5 năm tới, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu ra Ban chấp hành trung ương khóa mới, mà còn tổng kết 10 năm đổi mới, đề ra mục tiêu, phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2020.

Với tinh thần dân chủ, thẳng thắn, Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua các văn kiện quan trọng : Báo cáo chính trị ; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 ; Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng ; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) ; và Nghị quyết Đại hội. Các văn kiện này là kết tinh trí tuệ tập thể của toàn đảng, toàn dân, phản ánh ý chí, nguyện vọng của cả nước, thể hiện sự chuẩn bị tích cực nhất những tiền đề kinh tế - chính trị - xã hội, những điều kiện vật chất và tinh thần cho đất nước ta bước vào thế kỷ 21 với tầm vóc mới, giành nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thành công của Đại hội thể hiện trước hết ở sự nhất trí rất cao đối với toàn bộ các nội dung nêu trong các văn kiện Đại hội, phản ánh sự thống nhất về chính trị tư tưởng trong toàn đảng, giữa đảng với nhân dân ; khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển nổi của toàn đảng, toàn dân ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục phát triển, đạt nhiều thành tựu to lớn hơn nữa.

Thành công của Đại hội còn thể hiện ở việc thảo luận, quyết định các vấn đề nhân sự và bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Ban chấp hành trung ương khóa VIII do Đại hội bầu ra với 170 đồng chí, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười, vừa thể hiện tinh thần đổi mới, vừa bảo đảm giữ vững sự ổn định để phát triển, kết hợp ba độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển, thật sự tiêu biểu cho trí tuệ, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng ta.

*
* *

Năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm đổi mới vừa qua là một chặng đường phấn đấu quyết liệt, gian khổ nhưng hết sức vẻ vang của cách mạng nước ta. Đây là một giai

Digitized by Google

đoạn chuyển tiếp đặc biệt, có tính bước ngoặt, đưa nước ta vượt qua biết bao khó khăn thử thách để không ngừng phát triển. Trên chặng đường ấy, công cuộc đổi mới đã được toàn đảng, toàn dân triển khai ngày càng sâu rộng, đồng bộ và bao quát mọi mặt đời sống xã hội. Đổi mới đã thực sự trở thành phong trào cách mạng sâu sắc, làm thay đổi cách suy nghĩ, nhìn nhận, khắc phục những nhận thức lệch lạc, sáng tạo ra những cách thức và giải pháp đưa đất nước vươn lên.

Đánh giá tổng quát 10 năm đổi mới, Đại hội đã khẳng định : **"Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn. Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa..."** (1).

Khẳng định thành tựu đã đạt được, Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm tồn tại, đáng chú ý là một số lệch lạc lớn kéo dài dẫn đến **"chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác"** (2).

Từ sự phân tích khách quan, khoa học thực tiễn cách mạng nước ta những năm đổi mới vừa qua, Đảng ta rút ra một số bài học chủ yếu :

Một là : *Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới ; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Hai là : *Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời đổi mới chính trị.*

Ba là : *Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.*

Bốn là : *Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.*

Năm là : *Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.*

Sáu là : *Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.*

Đó là những bài học rất quý báu, có ý nghĩa quan trọng chỉ đạo hoạt động và bảo đảm thành công cho sự nghiệp cách mạng nước ta trong những năm sắp tới.

Trên cơ sở phân tích đặc điểm tình hình thế giới và trong nước, xuất phát từ kết quả 10 năm đổi mới, từ những tiền đề đã được tạo ra, Đại hội nhận định : **Nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.** *Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước*

(1) *Báo cáo chính trị của BCH TƯ Đảng cộng sản Việt nam tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng*, tr 15, 16.

(2) *Sđd*, tr 16

Digitized by Google

mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong **Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000** *: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.*

Những biện pháp tích cực và quan trọng hàng đầu để thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu nêu trên là : phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo ; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; có những chính sách đúng đắn để giải quyết một số vấn đề xã hội ; thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ; thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương và đa dạng hóa ; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân ; tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ; xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.

*

* *

Đại hội lần thứ VIII của Đảng một lần nữa thể hiện tinh thần ***dân chủ, tập trung, trí tuệ, đoàn kết nhất trí cao****. Với những quyết định quan trọng đã được thảo luận và nhất trí thông qua, Đại hội đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng ta trong việc hoạch định đường lối và lãnh đạo đất nước đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, sức mạnh và uy tín của Đảng, tăng cường khối đoàn kết nhất trí trong Đảng, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân.*

Đại hội VIII của Đảng là đại hội tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân.

Nắm vững đường lối, quan điểm của Đại hội, phấn đấu đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống là nhiệm vụ trung tâm quan trọng của toàn đảng, toàn dân ta trong những năm sắp tới. Các cấp ủy đảng cần có biện pháp cụ thể, tích cực, động viên toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nghiên cứu quán triệt những quan điểm của Đảng, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mà Đại hội đề ra.

Nghị quyết Đại hội VIII, cũng như các nghị quyết đã có của Đảng, nhằm đáp ứng những nhiệm vụ cấp bách của đất nước, bảo đảm lợi ích sống còn của dân tộc, giải đáp những đòi hỏi bức xúc của đời sống kinh tế - xã hội và đáp ứng những nhu cầu thiết thực của nhân dân. Đó chính là phương hướng và cơ sở vững chắc để động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, đồng bào, chiến sĩ cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài ra sức thi đua lao động sản xuất với tinh thần mới, khí thế mới, năng suất cao, chất lượng tốt, từng bước xây dựng đất nước ta giàu mạnh, phồn vinh, hội nhập cộng đồng quốc tế.

Kết quả Đại hội VIII của Đảng là sức mạnh của trí tuệ và niềm tin. Chúng ta tin tưởng rằng, trí tuệ và niềm tin đó sẽ mãi mãi xanh tươi cùng màu xanh đất nước thân yêu của chúng ta ❑

Digitized by Google

SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC VỚI CÔNG CUỘC CỦNG CỐ NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Đại tướng ĐOÀN KHUÊ *

CÔNG cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, đưa đất nước chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) theo định hướng XHCN.

Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ : "Mục tiêu CNH, HĐH là biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giầu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Như vậy, chúng ta thực hiện CNH, HĐH nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và vững chắc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động. Đó là sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN. Nó đặc biệt coi trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát huy sức mạnh quyết định của nhân tố con người, chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân, thực hiện dân giầu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; củng cố khả năng quốc phòng, bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN. Đây là chủ trương chiến lược rất quan trọng, là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt thời kỳ quá độ lên CNXH, là con đường tất yếu để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Nó phản ánh ước mơ bao đời của nhân dân lao động từ nông thôn đến thành thị, và là quy luật khách quan trong quá trình phát triển của dân tộc ta, của thời đại chúng ta, thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH.

Nhiệm vụ trọng đại này đòi hỏi toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, cần kiệm để đầu tư phát triển, mở rộng hợp tác quốc tế, nắm bắt vận hội, chớp lấy thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua mọi trở ngại, kiên trì, nỗ lực thực hiện cho bằng được. Để thực hiện tốt sự nghiệp đó, trước hết phải quán triệt và nắm vững những quan điểm, tư tưởng cơ bản của Đảng về CNH, HĐH mà Đại hội VIII đã đề ra. Đó là :

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ quốc phòng

Digitized by Google

dựng đất nước, không ngừng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Khoa học và công nghệ là động lực của CNH, HĐH. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại ; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ, v.v.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

Từ quan điểm trên, xét về bản chất chính trị - kinh tế - xã hội, CNH, HĐH ở nước ta khác về căn bản với CNH, HĐH đã từng diễn ra ở các nước tư bản phát triển hoặc ở các nước công nghiệp mới. Tuy nhiên, về phương pháp, bước đi, các giải pháp khoa học công nghệ, một số biện pháp kinh tế - xã hội, chúng ta có thể và cần phải tham khảo, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm thành công của các nước đó, phục vụ cho lợi ích của nhân dân lao động.

Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN càng vĩ đại, thì trách nhiệm xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại càng là yêu cầu bức thiết. Đó là sự thống nhất biện chứng giữa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là biểu hiện của quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước của dân tộc ta. Xây dựng và bảo vệ luôn thâm nhập vào nhau, gắn bó hữu cơ với nhau, trong xây dựng đã có yếu tố bảo vệ, và ngược lại ; xây dựng là gốc của bảo vệ, nhưng bảo vệ là yếu tố không thể thiếu của xây dựng. Hai nhiệm vụ đó phát huy tác dụng ngay từ bây giờ để giữ vững đất nước hòa bình, ổn định, phát triển. Vì vậy lực lượng vũ trang và quân đội nhân dân phải tự xác định cho mình trách nhiệm là một chủ thể thật sự tham gia vào sự nghiệp CNH, HĐH, đồng thời phải biết tận dụng những thành quả của CNH, HĐH để xây dựng mình ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Do đó phải luôn chú trọng gắn nội dung củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

- Trước hết và chủ yếu nhất là các lực lượng quốc phòng phải cùng với toàn dân chấp hành thật tốt nhiệm vụ phòng, chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ, bảo vệ vùng biển đảo, vùng trời, vùng biên giới, bảo vệ an ninh, chủ quyền lãnh thổ và tài nguyên, lợi ích quốc gia ; giữ vững hòa bình và sự ổn định chính trị của đất nước.

- Các lực lượng quốc phòng phải chủ động đi vào nghiên cứu xây dựng các quy hoạch củng cố quốc phòng, xây dựng kinh tế - xã hội. Phải tìm hiểu, bám sát và xác định nội dung cần thiết để kết hợp chặt chẽ, hài hòa nhiệm vụ củng cố quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước và trong từng ngành, từng vùng, từng địa bàn của đất nước, trên tất cả các khâu cơ bản (xác định và xét duyệt các công trình quan trọng, lựa chọn công nghệ, kỹ thuật, địa điểm xây dựng...), cả trước mắt và lâu dài.

- Đầu tư củng cố, xây dựng các cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết. Phát huy các cơ sở kinh tế dân sinh phục vụ cho quốc phòng, tăng cường khả năng sản xuất, sửa chữa, cải tiến vũ khí, trang bị với hiệu quả và chất lượng tốt hơn. Tận dụng công suất và lực lượng lao động kỹ thuật dư dôi để sản xuất các mặt hàng kinh tế, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước.

- Kết hợp trong đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước phục vụ cho quốc phòng, kinh tế, và ngược lại. Đồng thời kết hợp nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ cho quốc phòng và kinh tế.

- Cần kiệm trong xây dựng quốc phòng, tích cực tham gia xây dựng kinh tế, lao động sản xuất với hiệu quả ngày càng cao. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát trong xây dựng quốc phòng để tạo điều kiện tập

Digitized by Google

trung vốn, góp phần đầu tư đẩy mạnh CNH, HĐH.

- Nâng cao chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang về tiềm lực quốc phòng, nâng dần trình độ hiện đại hóa quân đội theo các bước phát triển của sự nghiệp CNH, HĐH ; xây dựng nền nếp chính quy của quân đội phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Quá trình CNH, HĐH đất nước sẽ dẫn tới việc hình thành nhiều trung tâm kinh tế mới, nhất là vùng duyên hải với lợi thế về giao lưu kinh tế, nhân công, tài nguyên, v.v.. Cùng với nó là sự phát triển và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng ở những khu vực này. Điều đó đòi hỏi phải bổ sung, điều chỉnh kế hoạch quốc phòng, quân sự trên từng khu vực phòng thủ, từng hướng chiến lược cũng như trên phạm vi cả nước, để tạo thế bảo vệ các trọng điểm kinh tế đó, đủ sức răn đe, giữ vững cục diện hòa bình ổn định, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, hoặc nếu chiến tranh xảy ra thì có đủ khả năng chủ động giành thắng lợi. Đương nhiên, sức mạnh răn đe đó phải bắt nguồn từ thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, từ việc kết hợp chặt chẽ sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hóa với sức mạnh quốc phòng, an ninh, đối ngoại, v.v.

Chúng ta cần sớm nhận rõ những mặt yếu kém, những mặt chưa cập nhật với yêu cầu chung của công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN để có biện pháp khắc phục kịp thời. Phải kiên quyết bảo vệ hòa bình, giữ vững sự ổn định để phát triển, thực hiện thắng lợi CNH, HĐH đất nước. Yêu cầu quan trọng hàng đầu là phải quyết thắng trong mọi tình huống, kể cả chiến tranh quy mô lớn trong điều kiện kẻ địch sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại, đánh thắng đối tượng tác chiến ngay từ đầu với hiệu suất cao, đánh thắng bất kỳ thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt của bất kỳ lực lượng phản động nào. Chúng ta phải chủ động, nhạy bén phát hiện và kiên quyết ngăn chặn, làm thất bại mọi hành động lấn chiếm, xâm chiếm, để bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ của đất nước. Quân đội phải cùng với toàn đảng, toàn dân kiên quyết đấu tranh chống các tệ tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, quan liêu - những tệ nạn này cũng gây nguy hại không nhỏ cho sự nghiệp CNH, HĐH. Tích cực tham gia đấu tranh trên mặt trận chính trị, tư tưởng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của chế độ là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; bảo vệ các chuẩn mực giá trị của nền văn hóa dân tộc, những giá trị cao đẹp của lý tưởng XHCN và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam, làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch hòng dùng những thủ đoạn phi vũ trang, diễn biến hòa bình để gây mất ổn định và làm chệch hướng con đường đi lên CHXH ở nước ta. Vì vậy, trong khi tập trung mọi nguồn lực để đẩy mạnh CNH, HĐH chúng ta không được mất cảnh giác, lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Phải coi ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội là điều kiện tiên quyết của sự thành công của CNH, HĐH theo định hướng XHCN. Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, đẩy lùi mọi nguy cơ chiến tranh, gây mất ổn định, là tiền đề cơ bản để duy trì cục diện hòa bình, là điều kiện không thể thiếu để tiến hành CNH, HĐH đất nước.

CÔNG nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ mới, không chỉ bao gồm phát triển lực lượng sản xuất mà còn nhất thiết phải được kết hợp chặt chẽ với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất phù hợp với định hướng XHCN trong suốt quá trình và từng bước cụ thể, ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Nó liên quan đến tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, đào tạo, phân bổ dân cư, đoàn kết dân tộc, đấu tranh chống lại mọi biểu hiện đi chệch con đường XHCN. Không nắm vững nhiệm vụ trung tâm đó cũng như mọi nhận thức tách rời hai nhiệm vụ chiến lược, giản đơn, vụ lợi trước mắt, kinh tế đơn thuần, mơ hồ mất cảnh giác, đều dẫn đến nguy hiểm cả trước mắt và lâu dài cho nhiều thế hệ. Quân đội nhân dân với chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân sản

Digitized by Google

xuất, vừa phải làm tốt chức năng, nhiệm vụ cơ bản của mình, vừa phải tham gia vào quá trình CNH, HĐH đất nước. Trước hết, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải nêu cao ý thức trách nhiệm gắn với cương vị, chức trách của mình tham gia tích cực vào sự nghiệp đó. Với những tiềm năng đáng kể về nhân lực, về khoa học và công nghệ, quân đội là một trong những nguồn lực của quốc gia để góp phần thực hiện CNH, HĐH. Đó cũng chính là một biện pháp hữu hiệu để thực hiện kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, kết hợp chặt chẽ xây dựng quân đội, củng cố tiềm lực quốc phòng với quá trình CNH, HĐH. Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, quân đội làm kinh tế phải coi trọng hơn nữa hiệu quả kinh tế. Kết quả xây dựng và hoạt động của quân đội ta ngày nay phải được xem xét trong tổng thể giữa hiệu quả chính trị, văn hóa, xã hội quân sự và hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, không thể xem xét hiệu quả kinh tế một cách đơn thuần, nhưng nhấn mạnh tính đặc thù quân sự để xem nhẹ hiệu quả kinh tế cần đạt cũng là sai lầm.

Đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng, các doanh nghiệp kinh tế quân đội đứng chân trên các địa bàn chiến lược ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, hiệu quả hoạt động trước hết là bảo toàn và phát triển năng lực của xí nghiệp, làm cho đơn vị đứng vững được và từng bước vươn lên trong cơ chế quản lý kinh tế mới, góp phần tạo ra thế bố trí chiến lược mới của đất nước. Nhà nước nên có kế hoạch đầu tư xây dựng các khu vực này thành các trung tâm phát triển kinh tế - công nghiệp tiểu vùng, khơi dậy các tiềm năng kinh tế - xã hội tại chỗ, góp phần thu hẹp sự tụt hậu so với các vùng trọng điểm ưu tiên khác. Công nghiệp quốc phòng còn có tiềm năng công nghệ, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề và cơ sở hạ tầng để có thể trực tiếp tham gia một số chương trình mũi nhọn trong CNH, HĐH, như công nghiệp hóa nông - lâm - ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, xây dựng cơ sở hạ tầng, nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ mới... Hình thức và mức độ đóng góp của công nghiệp quốc phòng vào các chương trình trên có thể rất đa dạng : từ khâu quy hoạch, định hướng, lựa chọn giải pháp khả thi, cho tới việc tổ chức thực hiện từng dự án cụ thể, v.v.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ cung cấp cho nền quốc phòng toàn dân và quân đội nhân dân những công dân đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến - lực lượng sản xuất công nghiệp, hiện đại với tính xã hội hóa cao. Đó là con người có lòng yêu Tổ quốc Việt nam XHCN nồng nàn, lao động sáng tạo, có tri thức tiên tiến và hiện đại, có tính tổ chức kỷ luật cao. Những chất liệu mới này thực sự sẽ nâng cao chất lượng của các quân nhân, của các công dân phù hợp với yêu cầu củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Tiến trình phát triển của CNH, HĐH sẽ tạo ra sự bảo đảm của đất nước cho quân đội, cho nền quốc phòng toàn dân về trang bị kỹ thuật, hậu cần... ngày càng cao hơn. CNH, HĐH sẽ từng bước hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng của nền quốc phòng, của quân đội nhân dân như hệ thống giao thông, thông tin viễn thông, công trình quốc phòng, hệ thống bảo đảm vật chất kỹ thuật, hệ thống công nghiệp quốc phòng, vv.. CNH, HĐH sẽ thúc đẩy và tạo điều kiện để thực hiện hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật chiến đấu của quân đội nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, bao gồm phương tiện hỏa lực, phương tiện chỉ huy, phương tiện cơ động, phương tiện bảo đảm...

Gắn liền với quá trình từng bước hiện đại hóa quân đội về mặt vật chất, trang bị kỹ thuật, dưới sự tác động của cách mạng khoa học - công nghệ và dự đoán khoa học về các cuộc chiến tranh có thể xảy ra trong tương lai, tư duy về quốc phòng, quân sự cũng phải có những bước phát triển tương ứng. Đứng vững trên cơ sở khoa học nghệ thuật quân sự truyền thống và những kinh nghiệm đúc kết được từ các cuộc chiến tranh chống xâm lược thắng lợi.

Digitized by Google

chúng ta cần phát triển tư duy đó phù hợp với những đòi hỏi của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Trên cơ sở nhận rõ chức năng, nhiệm vụ của nền quốc phòng toàn dân, của quân đội nhân dân trong giai đoạn hiện nay, cần tiếp tục nghiên cứu đổi mới và hoàn thiện tổ chức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tổ chức quân đội nhân dân phù hợp với điều kiện và hình thái mới của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, gắn bó chặt chẽ với hệ thống chính trị, với toàn xã hội trong sự nghiệp CNH, HĐH tạo nên nền quốc phòng toàn dân mạnh, tổ chức quân sự mạnh, năng động, tiên tiến, từng bước hiện đại. Chúng ta cần nghiên cứu để từng bước ứng dụng các thành tựu phát triển khoa học công nghệ vào lĩnh vực quân sự, không ngừng phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự, cải tiến vũ khí, trang bị kỹ thuật phù hợp với tiến trình CNH, HĐH và yêu cầu phát triển mới của nền quốc phòng toàn dân, của quân đội nhân dân và chiến tranh nhân dân hiện đại, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ XHCN.

Sự nghiệp CNH, HĐH đòi hỏi phải không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trình độ dân trí của nhân dân lao động để tiếp cận và ứng dụng những khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, v.v. Chính vì vậy, Đảng ta rất chú trọng nâng cao trình độ văn hóa của người lao động, nâng cao dân trí, phát triển khoa học công nghệ, coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu ; giáo dục phải trở thành quá trình vun đắp, nuôi dưỡng và khơi dậy tiềm năng sáng tạo trong mỗi con người, phải trở thành nền tảng của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Quân đội nhân dân phải tích cực phấn đấu để cập nhật với yêu cầu chung đó của đất nước. Ở đây, trước hết phải xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên đồng bộ, có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, năng lực ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ của quân đội, của sự nghiệp CNH, HĐH. Phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên kỹ thuật và xây dựng nhà trường chính quy để có được đồng bộ một đội ngũ cán bộ chỉ huy, lãnh đạo, quản lý, có học vấn cơ bản, có kiến thức khoa học quân sự cao, vừa nhuần nhuyễn các kinh nghiệm truyền thống đã được tổng kết từ thực tiễn, nắm chắc và sử dụng thành thạo những vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện có, vừa nắm vững khoa học quân sự - quốc phòng tiên tiến, chỉ huy nhạy bén, kiên quyết, linh hoạt, sáng tạo, quản lý và rèn luyện bộ đội nghiêm cách, khoa học và đạt hiệu quả cao, có kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức pháp luật, kiến thức kinh tế cần thiết, nhạy bén, sắc sảo về chính trị và có năng lực thực hành công tác đảng - công tác chính trị ; một đội ngũ cán bộ và nhân viên chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật chuyên sâu với những chuyên viên đầu ngành giỏi, lành nghề, có kiến thức, năng lực tốt và dầy dạn kinh nghiệm ; một đội ngũ cán bộ, chuyên gia khoa học có trình độ chuyên môn giỏi, năng lực tư duy sáng tạo, có tầm nhìn xa, có khả năng nghiên cứu độc lập và trình độ vận dụng vào thực tiễn.

Muốn vậy, phải xây dựng một chương trình và kế hoạch đồng bộ, chú trọng đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ chỉ huy, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ theo đúng ngành nghề, nhằm phát huy được năng khiếu và tài năng của họ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các nhà trường quân đội phải vận dụng kịp thời những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào công tác nghiên cứu, giảng dạy, giúp cho học viên có kiến thức cơ bản về những khoa học và công nghệ hiện đại để có điều kiện hòa nhịp chung với tiến trình CNH, HĐH đất nước. Mỗi cán bộ, đảng viên cần tích cực học tập nâng cao trí tuệ, năng lực tư duy sáng tạo, cải tiến phương pháp và tác phong làm việc để đạt hiệu quả cao ; cần cù, sáng tạo trong lao động, tinh thông nghề nghiệp, học tập ngoại ngữ, tiếp thu và ứng dụng những khoa học công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực công tác của mình. Làm tốt việc đó là thiết thực góp phần xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại. Mặt khác, khi những cán bộ, đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trong quân đội, được chuyển ngành hoặc về địa phương thì họ cũng có khả năng để thích nghi với lĩnh vực công tác mới, góp phần cùng nhân dân thực hiện thắng lợi mục tiêu CNH, HĐH, đưa đất nước ta vững bước đi lên CNXH ❑

Digitized by Google

VẤN ĐỀ CON NGƯỜI TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PHẠM MINH HẠC *

COI *con người là vốn quý nhất*, truyền thống tự ngàn xưa của dân tộc đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh nâng lên một tầm cao mới, với nhận thức và định hướng mới, qua mỗi chặng đường cách mạng. Đảng ta quan niệm : trước hết con người phải được giải phóng khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, phải được sống trong đất nước hòa bình, độc lập, phải vươn lên làm chủ xã hội, và điều quan trọng là phải được tự do phát triển. Quá trình nghe tưởng giản đơn mà gần thế kỷ qua, biết bao thế hệ người Việt nam đấu tranh bền bỉ, kiên cường, không ít người đã ngã xuống để giành cho được mục tiêu đó.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới đất nước, hơn lúc nào hết, "Chúng ta cần hiểu sâu sắc những giá trị lớn lao và ý nghĩa quyết định của nhân tố con người, chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và văn hóa, mọi nền văn minh của các quốc gia", như đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã phát biểu tại Hội nghị lần thứ tư BCHTU Đảng (khóa VII).

Đại hội VIII của Đảng ta sẽ mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc, thời kỳ đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, vai trò con người và vấn đề "phát triển người" càng được đặt ở vị trí xứng đáng và cần giải quyết nó một cách thấu đáo hơn.

"Phát triển người" là một khái niệm khoa học rất quan trọng đang được dùng để hoạch định, triển khai, quản lý toàn bộ sự phát triển của kinh tế - xã hội ở từng nước cũng như từng vùng của toàn thế giới. Nó gắn bó với quan niệm mới về sự phát triển, không chỉ lấy chỉ số *tổng thu nhập quốc dân trên đầu người* mà còn lấy chỉ số *phát triển người* để đánh giá. Từ năm 1990, Liên hợp quốc đưa ra chỉ số phát triển người bao gồm *tuổi thọ, trình độ học vấn* và *mức sống*. Mức sống phải hiểu là có cả chất lượng sống bao gồm : thu nhập cao, giáo dục tốt (trước hết là trình độ phổ cập giáo dục), dinh dưỡng và sức khỏe, môi trường trong sạch ; các cá nhân bình đẳng về cơ hội, thỏa mãn nhu cầu văn hóa, bảo đảm các quyền cơ bản của con người, v.v.. Tất nhiên trong các chỉ số này, chỉ số thu nhập đầu người và sức mua của đồng tiền là cực kỳ quan trọng.

Từ quan niệm trên, với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, chúng ta xem xét thực trạng con người Việt nam hiện nay đã và đang ở cấp độ nào. Ở đây, qua khảo sát, tôi chỉ xin đề cập *một số chỉ tiêu cơ bản :*

1 - Về mức sống và chất lượng sống.

Chúng ta rất vui mừng trước những chuyển biến tốt đẹp trong thu nhập và mức sống của nhân dân ta sau 10 năm đổi mới. Kết quả điều tra xã hội học trong trí thức ở một số đơn vị cho thấy 1/3 có cuộc sống khá hơn, 1/3 không có chuyển biến rõ rệt nhưng đỡ khó khăn và 1/3 vẫn còn nhiều khó khăn. Điều tra mức sống trong người Kinh ở hai huyện (tỉnh Gia lai) cũng cho thấy so với trước thời kỳ đổi mới : 50% khá hơn, 37,5% không có chuyển biến rõ rệt và 12,5% bị kém đi.

Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, tỷ lệ số hộ nghèo đang giảm dần. Kết quả điều tra xã hội học của chương trình khoa học KX - 07 cho thấy hầu hết những người được hỏi đều tán thành và ủng hộ các chính sách đổi mới. Điều tra điểm ở một số địa phương thuộc 5 tỉnh đại diện cả ba miền Bắc, Trung, Nam cho thấy, trong tổng số người tham gia điều tra : số người giàu chiếm tỷ lệ từ 3% đến 15%, số người khá từ 7% đến 18%, số người trung bình khoảng 25%, còn lại đang sống ở mức nghèo và thiếu ăn (thu nhập dưới 20 kg gạo/tháng). Nhìn tổng quát

* GS, TS tâm lý học, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ giáo dục và đào tạo

Digitized by Google

trong cả nước thì 58% số hộ có nhà ở tốt, 52% số hộ có điện, 64% số hộ có nước sạch, 2 triệu hộ có ti vi, 5 triệu hộ có ra đi ô...

Vấn đề nổi cộm ở đây chính là sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội. Ở nhiều nơi độ chênh lệch giàu - nghèo khoảng từ 6 đến 8 lần ; nhưng nếu tính riêng theo các tiện nghi cao cấp (máy thu hình, thu thanh, tủ lạnh, xe máy, v.v.) thì độ chênh lệch lên tới 20 - 30 lần. Có một số nơi tỷ lệ này còn cao hơn.

Theo cách tính cũ (chỉ tính bình quân tổng thu nhập quốc dân đầu người) thì nước ta xếp thứ 150/173 nước (gần đây có tài liệu nói ta là một trong 10 nước nghèo nhất thế giới). Nhưng theo cách tính mới, khoa học hơn và thực chất hơn, tức là xem cụ thể cuộc sống (mức sống, chất lượng sống, cách sống) của từng con người, của cộng đồng, thì nước ta đứng thứ 120/174 nước (tài liệu của Quỹ phát triển Liên hợp quốc công bố năm 1994). Tuổi thọ trung bình ở nước ta (65 tuổi) cao hơn các nước có cùng trình độ kinh tế. Riêng về lĩnh vực bảo vệ sức khỏe, Tổ chức y tế thế giới xếp nước ta thứ 73/150 nước.

Tầm vóc và thể lực của con người Việt nam từ trẻ sơ sinh đến tuổi trưởng thành trong mấy năm qua có sự tăng trưởng, nhất là ở khu vực thành thị : chiều cao của trẻ sơ sinh ở thủ đô tăng khoảng 2 cm ; của học sinh phổ thông ở Hà nội, Vĩnh phú, Thái bình ở thập kỷ 90 so với thập kỷ 80 tăng từ 4,44 cm đến 4,68 cm ; của thanh niên sinh viên sau 20 năm tăng khoảng 3 cm. Trọng lượng cơ thể nói chung ở nước ta chưa tăng mấy so với các thập kỷ trước, tỷ lệ người béo phân lớn mới thấy ở đô thị (có khoảng 1,5%).

Lượng lương thực chia cho đầu người ở nước ta đạt khoảng hơn 350 kg thóc, tức là đã vượt qua ngưỡng đói. Nhưng xét về dinh dưỡng thì mới chỉ nửa số dân có bữa ăn bảo đảm mức 2100 ca lo trở lên cho 1 người trong 1 ngày, nửa còn lại đang ở dưới mức đó. Hơn nữa, 85% năng lượng ấy là từ gạo, do đó còn thiếu đạm, thiếu vi-ta-min, sắt, i-ốt... Đặc biệt phải chú ý tới tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em. Theo số liệu năm 1994, ở nước ta còn có gần 44,9% trẻ em suy dinh dưỡng. Ở nông thôn 40% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ bị thiếu năng lượng kéo dài (số liệu năm 1993). Bệnh đường ruột, nhiễm khuẩn còn phổ biến ; môi trường bị ô nhiễm, nhiều nơi thiếu cả nước sạch (trong đó ở nông thôn mới có 30% nhân dân được hưởng nước sạch). Thêm vào đó là trình độ hiểu biết về dinh dưỡng và về vệ sinh còn thấp nên đã ảnh hưởng nhiều đến tình trạng sức khỏe chung. Tất nhiên, sức khỏe không chỉ phụ thuộc vào dinh dưỡng. Sức khỏe bao gồm cả thể lực và tâm lực. Vì vậy, vấn đề tập luyện thể dục, thể thao, lối sống, phong cách làm việc, khả năng thích ứng, động cơ, hứng thú, thanh thản tinh thần... hết sức quan trọng.

2 - Mặt bằng dân trí và công tác đào tạo nghề.

Sau ngày độc lập 2-9-1945, Nhà nước Việt nam non trẻ đã cùng toàn dân triển khai chính sách mở mang dân trí, trọng dụng nhân tài và từng bước đào tạo nghề cho đội ngũ lao động. Thực hiện các chiến lước "diệt dốt" (sau 1945, 1954, 1975) ; cải cách giáo dục (bắt đầu từ 1950, 1956, 1979) đến nay, dần dần đã hình thành được *nền quốc học nhân dân* với một hệ thống giáo dục rộng khắp, có đủ các cấp học, bậc học, từ mẫu giáo đến sau đại học, đem lại những kết quả đáng tự hào. Từ một nước hơn 95% dân số mù chữ đến nay nước ta đã có 91% dân số biết chữ với hàng chục triệu người lao động có trình độ tiểu học và trung học cơ sở (chiếm 46,4% nguồn nhân lực của cả nước). Riêng số lao động có trình độ trung học là 5 triệu người (chiếm 15% nguồn nhân lực). Còn số lớp học tính trung bình đầu người ở nước ta mới đạt mức trung bình trong các nước bắt đầu phát triển (có địa phương đạt tới lớp 8 - lớp 9 nhưng cũng có vùng chỉ mới lớp 1 - lớp 2). Phổ cập tiểu học là mặt bằng dân trí tối thiểu cần thiết cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng đến nay cả nước mới có 15 tỉnh, thành phố đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học. Tính chung mới có 20% các cháu ở độ tuổi 3 đến 6 được vào học ở các trường mẫu giáo, 80% các cháu ở độ tuổi 6 đến 11 học tiểu học, 50% các cháu ở độ tuổi 11 đến 15 học trung học cơ sở, gần 20% các cháu ở độ tuổi từ 15 đến 18 học trung học phổ thông và khoảng 5% dân số ở độ tuổi từ 18 đến 23 học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (riêng đại học mới có 35 sinh viên trên 10 000 dân) . Tỷ lệ như trên là còn quá thấp.

Digitized by Google

Điều đáng quan tâm là tuổi trẻ Việt nam về mặt kỹ năng thực hành, khả năng ứng dụng vốn hiểu biết của mình vào cuộc sống còn yếu ; vai trò của khoa học và kỹ thuật tác động vào nhà trường còn chưa tương xứng.

Việc đào tạo nghề phát triển quá chậm, quy mô còn nhỏ bé, kết quả đào tạo nghề chưa được bao nhiêu. Toàn bộ đội ngũ lao động mới có gần 12% là qua đào tạo. Số lượng công nhân kỹ thuật và cán bộ chuyên môn khoa học kỹ thuật đến nay có gần 2,5 triệu người, trong đó khoảng 44% là công nhân, số có trình độ trung học chuyên nghiệp chiếm 35,7% ; số có trình độ cao đẳng, đại học chiếm 20%, số có trình độ sau đại học : 0,3%.

Xem xét cấu trúc ngành nghề trong số đã tốt nghiệp đại học ta thấy còn rất thiếu các cán bộ quản lý, quản trị kinh doanh và một số ngành mũi nhọn như công nghệ cao, vật liệu mới, năng lượng mới... Số nghệ nhân thuộc các ngành nghề truyền thống cũng không còn mấy, lại không phát triển. Số lượng chuyên gia thật giỏi chưa có bao nhiêu. Nhìn chung, đội ngũ trí thức có trình độ cao ở nước ta chưa nhiều và chưa phát huy được bao nhiêu năng lực trí tuệ phục vụ đời sống và sản xuất ; việc tuyển chọn, đào tạo và sử dụng người tài chưa được chú ý đúng mức.

Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chúng ta có nhiều cố gắng và đạt nhiều thành tựu trong công tác đào tạo nhân tài. Lượng cán bộ có trình độ sau đại học, sau mấy chục năm chăm chút đào tạo bồi dưỡng, đến nay có khoảng 10 000 phó tiến sĩ, 500 tiến sĩ. Về loại hình đào tạo học sinh giỏi, đến nay tỉnh nào cũng có ít nhất một trường chuyên cấp phổ thông trung học, nhiều huyện có trường chuyên cấp phổ thông cơ sở. Học sinh giỏi đã tăng, nếu tính cả học sinh khá, số lượng này tăng lên đáng kể, có nơi đã đạt trên dưới 20%. Nước ta 16 lần dự thi toán quốc tế, thì cả 16 lần đoàn học sinh Việt nam đều đoạt giải, 8 lần đi thi tin học quốc tế có 6 lần đoạt giải, và 10 lần thi vật lý quốc tế, lần nào cũng đều đoạt giải.

3 - Những biến đổi trong thang giá trị.

Trong mấy năm đổi mới vừa qua, con người Việt nam nói chung có nhiều nét chuyển biến tích cực : từ tâm lý an phận thủ thường, chờ đợi bao cấp đã chuyển sang tâm lý tự lo toan, biết tính toán hiệu quả, nhất là hiệu quả kinh tế ; con người trở nên năng động hơn, tháo vát hơn. Họ sẵn sàng chấp nhận ganh đua và muốn có năng lực thực chất. Phong trào học tập, lao động được dấy lên trong nhiều tầng lớp nhân dân.

Xã hội đang dần dần hình thành một thang giá trị mới. Bên cạnh nét cơ bản trong nhân cách của con người Việt nam như lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, sống có tình có lý, nhân nghĩa, yêu hòa bình, quý độc lập tự do, đang có những thay đổi đáng kể trong đạo đức, lối sống, cách xử lý việc đời và xử thế với con người.

Chẳng hạn, ngày nay người ta chọn nghề nói chung không giống trước đây. Trong 100 người được hỏi có 77 người lấy tiêu chuẩn hàng đầu để chọn nghề là thu nhập cao ; thứ đến mới là tiêu chuẩn phù hợp với ý thích cá nhân. Khi được hỏi về năng lực lao động, sinh viên đã coi có tư duy kinh tế (biết tính toán làm ăn) là tiêu chuẩn hàng đầu (59,3%), thứ đến là năng động, mau thích nghi (56,7%), và rất xa mới đến tinh thần trách nhiệm, lòng tận tâm (32,3%). Nếu con người trước đây phần lớn sẵn sàng chịu đựng gian khổ, thì nay đòi hỏi nhiều về mặt hưởng thụ, tiêu dùng, mua sắm tiện nghi ngày càng cao.

Nhìn một cách tổng quát về xu thế biến đổi thang giá trị trong tâm lý con người ngày nay, phải chăng có thể nhận xét như sau :

- Giá trị kinh tế trội hơn giá trị tinh thần, văn hóa ;

- Giá trị kinh tế trội hơn giá trị chính trị ;

- Giá trị trước mắt trội hơn giá trị lâu dài ;

- Giá trị hiện đại dễ lấn át giá trị truyền thống ;

- Lợi ích cá nhân, gia đình coi trọng hơn lợi ích tập thể, xã hội ;

- Lợi ích quốc gia, dân tộc trội hơn lợi ích quốc tế, v.v..

Nhiều nơi nhiều lúc có sự giằng co giữa "con người kinh tế" và "con người đạo đức" ; có xu thế chuyển dịch từ chỗ coi "con người xã hội - tập thể" là mẫu mực sang ưa thích "con người cá nhân" ; từ chỗ lên án người làm giàu đến chỗ ưu ái người có nhiều tiền lắm của ; từ chỗ sống vì lý tưởng, sang chỗ phai nhạt lý tưởng, quá say sưa

Digitized by Google

với những lo toan đời thường ; quan hệ đức - tài trong đánh giá, chọn người cũng thay đổi ; thậm chí nhiều khi cái gọi là cuộc sống tâm linh cũng chỉ là phục vụ cho làm ăn (như chuyện đông đảo đi lễ Bà Chúa Kho chẳng hạn).

Đánh giá các biến động nói trên trong thang giá trị, trong nhân cách là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải có sự phân tích chu đáo, sâu sắc, theo hướng chắt lọc và phát huy các yếu tố và các mặt tích cực, hạn chế các yếu tố và các mặt tiêu cực, nhằm kích thích mọi tiềm năng ở từng con người phát triển, tạo ra những con người say sưa, năng động, tích cực lao động, học tập, công tác đạt năng suất cao, hiệu quả kinh tế tốt, làm ra nhiều sản phẩm (hàng hóa), đưa mức thu nhập, mức sống ngày càng cao, đi đôi với xây dựng lối sống văn minh có đạo đức, nhân phẩm, ngày càng tiệm cận lý tưởng *chân, thiện, mỹ*.

*

* *

Để phát huy nhân tố con người, "phát triển người", phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta cần *nắm vững các yêu cầu sau đây :*

1 - *Thấu triệt quan niệm đúng đắn về phát triển đất nước, phát triển kinh tế - xã hội,* đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, văn minh, như Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội VIII đã nêu. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với phát triển xã hội theo quan điểm phát triển nội sinh, tự lực tự cường bắt nguồn từ truyền thống văn hóa dân tộc và làm đậm đà thêm bản sắc dân tộc, biết kết hợp tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, như Nghị quyết 09 của Bộ chính trị (khóa VII) đã khẳng định. Đó cũng chính là quan điểm phát triển xã hội - kinh tế, coi con người là trung tâm : con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

2 - Nói như vậy có nghĩa là phải quan tâm đầy đủ đến cả hai việc : thứ nhất, tăng mức tổng sản phẩm quốc dân trên đầu người ; thứ hai, *sự phát triển người.* Như trên đã trình bày, tiêu chí phát triển người của nước ta, theo cách tính của Quỹ phát triển Liên hợp quốc, đứng vào thứ 120 trong 174 nước, gần bằng Trung quốc, bằng 6/10 của các nước công nghiệp mới.

Chủ nghĩa xã hội lấy con người làm mục tiêu. Chúng ta phải có kế hoạch thỏa mãn *các nhu cầu cơ bản của con người.* Ngày nay, người ta thường nói tới 9 nhóm nhu cầu cơ bản là : ăn đủ, nhà ở thích hợp, đảm bảo các dịch vụ cần thiết, an toàn tính mạng và tài sản, thu nhập đủ, kế hoạch hóa gia đình, tham gia phát triển cộng đồng, giữ gìn giá trị tinh thần và bảo vệ môi trường.

Nói cụ thể hơn, khi thực hiện được về cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn dân sẽ được cung cấp nước sạch, mọi người sẽ được chăm sóc y tế với chất lượng chuẩn, mức dinh dưỡng bình quân mỗi người sẽ đạt khoảng 3 000 calo/ngày (*). Đó là sự thể hiện cách xử lý đúng mối quan hệ giữa tinh thần và thể xác, tâm và thân. Con người phải *phát triển thể lực, cả chân tay lẫn bộ óc,* phát huy cao độ sức mạnh tinh túy của các quy luật tự nhiên đã tích lũy trong cơ thể con người (cho đến nay, theo các tài liệu khoa học, bình thường con người mới sử dụng dưới 10% khả năng của bộ não). Đó chính là cơ sở vật chất để phát triển sức mạnh tinh thần, năng lực lao động và công tác.

3 - Nói đến năng lực lao động và công tác là nói đến *tay nghề và đạo đức.* Kinh nghiệm Nhật bản và các con Rồng châu Á đã khái quát lên là : *tinh thần dân tộc + công nghệ tiên tiến.* Ở đây muốn nói đến dân trí, nhân lực và nhân tài trên nền tảng nhân cách văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, tức là nói đến phát triển giáo dục. Trước hết phải thực hiện bằng được mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập tiểu học, tiến dần lên phổ cập lớp 7, lớp 9. Phải đưa được 100% trẻ em từ 6 đến 10 tuổi đi học và tốt nghiệp tiểu học ; 80% trẻ em từ 11 đến 14 tuổi đi học và tốt nghiệp trung học cơ sở (ở khu vực thành thị và một số nơi khác khi đó phải đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở) ; 48% trẻ em từ 15 đến 18 tuổi đi học và tốt nghiệp phổ thông trung học ; trên 60% thanh niên từ 18 đến 23 tuổi được tham gia đào tạo nghề, từ các trường nghề đến đại học, trong đó đại học và cao đẳng là 10%, đưa số sinh viên lên trên dưới 100 trên một vạn dân. Số người được

* Theo số liệu của Viện chiến lược phát triển, Bộ kế hoạch đầu tư (tháng 3 - 1996)

Digitized by Google

đào tạo nghề phải từ 12% hiện nay lên 25% tổng số người lao động sau từ 10 đến 15 năm nữa.

Thực sự coi giáo dục là quốc sách hàng đầu ; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển ; đầu tư vào con người là đầu tư cơ bản. Tất nhiên, vấn đề là ở tác dụng của quốc sách và hiệu quả của đầu tư. Phát triển giáo dục - đào tạo có mặt số lượng và mặt chất lượng.

Phổ cập giáo dục là tạo ra mặt bằng dân trí đại trà của cả nước dẫn tới một chất lượng mới trong sản xuất và đời sống. Trên cơ sở đó đồng thời đào tạo một nguồn nhân lực có đủ đạo đức và tay nghề thực hiện tất cả các mục tiêu phát triển đất nước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tác dụng của quốc sách và hiệu quả của đầu tư vào giáo dục, vào con người phụ thuộc rất nhiều vào cơ cấu đào tạo - cơ cấu nguồn nhân lực được đào tạo nên. Văn hóa chung do trường phổ thông, trong đó có trình độ phổ cập của cả nước và một phần ở trường chuyên nghiệp, có một vai trò quan trọng trong đời sống cũng như trong sản xuất. Nhưng đối với sự phát triển xã hội, phát triển kinh tế, vấn đề đặt ra là làm sao kết hợp được giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp, vốn văn hóa chung với tay nghề, tạo ra nguồn nhân lực cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có tay nghề mới nói đến chuyện nhập công nghệ hay tạo ra công nghệ, làm ra sản phẩm, kể cả sản phẩm văn hóa tinh thần và sản phẩm văn hóa vật chất.

Vấn đề ở đây là phải tính toán cơ cấu đào tạo. Đây là một vấn đề hết sức cơ bản trong chương trình phát triển giáo dục - đào tạo trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ lệ 1/1,75/2,3 giữa số cán bộ có trình độ đại học với số có trình độ trung học chuyên nghiệp và số công nhân kỹ thuật hay tỷ lệ 1/0,82/0,6 giữa số thí sinh thi vào các trường đại học với số thí sinh thi vào trung học chuyên nghiệp và dạy nghề hiện nay phải được thay đổi. Có nước đi vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa đưa ra tỷ lệ được đào tạo đại học là 1, đào tạo trung cấp kỹ thuật là 4 và đào tạo công nhân là 14 ; có nơi đưa ra tỷ lệ 1/5/10.

Trong khoảng gần 10 năm trở lại đây (từ 1985 - 1995) trong khi số học sinh tiểu học tăng khoảng 25%, trung học cơ sở tăng khoảng 35%, phổ thông trung học tăng khoảng 50%, đại học và cao đẳng tăng hơn gấp đôi, thì riêng số học sinh trung học chuyên nghiệp và dạy nghề lại giảm khoảng 20%. Vấn đề quy mô phát triển các ngành học trở thành một vấn đề gay cấn. Nhưng không nên giải quyết vấn đề quy mô phát triển một cách đơn thuần : đi liền với quy mô phát triển giáo dục - đào tạo, cơ cấu và chất lượng đào tạo cần phải được giải quyết kịp thời mới đáp ứng sự chuyển đổi cơ cấu lao động và cơ cấu sản xuất đi vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

4 - Tay nghề và đạo đức giúp cho con người trở thành động lực của sự phát triển . Trong *Lời nói đầu* của tác phẩm *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị (1857)*, Mác đã chỉ ra rằng trong bất cứ hình thái xã hội nào con người luôn thể hiện ra là người sản xuất, người lao động. Phải chăm lo đến *lợi ích của người lao động, người sản xuất*. Đó là một quy luật của sự phát triển người và phát triển xã hội - kinh tế : lợi ích tạo ra động lực quan trọng bậc nhất cho hoạt động của con người. Tất nhiên lợi ích bao gồm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần. Giải quyết vấn đề phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo phải nhằm mục tiêu *công bằng xã hội*. Công bằng xã hội cũng tạo ra động lực không nhỏ cho hoạt động của con người và xã hội.

5 - Trong giáo dục nhân cách văn hóa cho hôm nay và ngày mai chứa đựng nội dung phát huy, phát triển tâm lý công nghiệp, văn minh, hiện đại. Trong đó hết sức coi trọng *tác phong công nghiệp*. Muốn vậy, cần chú ý : 1) Tăng tính thích nghi, năng động, có lợi cho sản xuất công nghiệp trên cơ sở có đào tạo nghề và nâng cao tay nghề ; 2) Hạn chế tâm lý quá lo cho cuộc sống trước mắt, chưa đủ tầm ý chí vươn lên làm ăn lớn ; 3) Tăng cường ý thức pháp luật, kỷ cương, nhanh nhẹn tháo vát ; 4) Chịu khó học hỏi người khác, nước khác và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh của mình, nhưng cần đề phòng tâm lý tự ti, lai căng, sùng ngoại ; 5) Kiên trì mạnh mẽ và quyết khắc phục tâm lý cộng đồng tiểu nông, cục bộ, địa phương, thiếu tinh thần hợp tác ; 6) Tiếp tục đổi mới tư duy, khắc phục kinh nghiệm chủ nghĩa, tăng cường cách tư duy và hành động có lý lẽ (duy lý, có căn cứ khoa học) ; xây dựng tác phong khoa học ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP

PHÙNG VĂN TỬU *

Tư pháp là một trong ba mặt hợp thành *quyền lực thống nhất* của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo.

Từ khi giành được độc lập trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến nay, Nhà nước ta luôn luôn chú trọng đến công tác tư pháp. Bộ tư pháp đã sớm được thành lập với hệ thống các tòa án sơ cấp, tòa án đệ nhị cấp và tòa án phúc thẩm, cùng với các tòa án quân sự chuyên xử các vụ án phản cách mạng. Thời kỳ ban đầu này, công tác *công tố* và công tác *xét xử* nằm trong cơ quan tòa án với hai ngạch thẩm phán xét xử và thẩm phán công tố đều do Chính phủ bổ nhiệm. Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, công tác công tố được tách riêng thành Viện công tố, và từ Hiến pháp năm 1959 trở thành Viện kiểm sát nhân dân có hai chức năng chủ yếu là kiểm sát chung và thực hành quyền công tố. Cũng từ đây, hai hệ thống các tòa án đứng đầu là Tòa án nhân dân tối cao và viện kiểm sát đứng đầu là Viện kiểm sát nhân dân tối cao tách khỏi hệ thống hành pháp của Chính phủ để trực thuộc Quốc hội. Cũng ở thời điểm này, Bộ tư pháp giải thể, chuyển giao chức năng sang Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Việc thành lập hai hệ thống *tòa án* và *viện kiểm sát* là bước phát triển quan trọng của nền tư pháp, nhưng việc giải thể Bộ tư pháp đã ảnh hưởng tiêu cực đến một số lĩnh vực công tác pháp luật như xây dựng pháp luật, đào tạo cán bộ pháp lý, quản lý công tác luật sư, công chứng, thi hành án, tuyên truyền phổ biến pháp luật... Do đó, đến năm 1972, Ủy ban pháp chế của Chính phủ đã được thành lập và đến năm 1981 thì Bộ tư pháp đã được tái lập trên cơ sở của Ủy ban pháp chế.

Từ năm 1986 đến nay, đặc biệt kể từ khi Hiến pháp năm 1992 được ban hành, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng cùng với việc cải cách bộ máy nhà nước, tổ chức và hoạt động của các cơ quan tòa án, kiểm sát, tư pháp đã từng bước được cải cách và kiện toàn. Một loạt các văn bản pháp luật về lĩnh vực tư pháp đã được ban hành như : Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1992 được sửa đổi và bổ sung năm 1994 ; Pháp lệnh tổ chức Tòa án quân sự năm 1993 ; Pháp lệnh về thẩm phán và hội thẩm nhân dân năm 1993 ; Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992 ; Pháp lệnh tổ chức Viện kiểm sát quân sự năm 1993 ; Pháp lệnh về kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân năm 1993 ; Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 ; Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự ; Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế ; Pháp lệnh tổ chức luật sư năm 1987 ; Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989 ; Nghị định 117 của Hội đồng bộ trưởng, (nay là Chính phủ) về giám định tư pháp năm 1988 ; Pháp lệnh về thi hành án dân sự năm 1993 ; Nghị định về công chứng nhà nước năm 1991... Với việc triển khai thực hiện các văn bản đó, Nhà nước ta đã đưa công tác tư pháp vào nền nếp, theo quy định của pháp luật với những đổi mới cụ thể.

Trước hết, đó là việc thành lập thêm Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa hành chính trong hệ thống Tòa án nhân dân. Như vậy, một số các vụ việc tranh chấp trong lĩnh vực kinh tế và phá sản doanh nghiệp, một số vụ việc tranh chấp lao động và khiếu nại đối với các quyết định của cơ quan hành chính lâu nay được giải quyết theo con đường hành chính, thì từ nay được giải quyết trước tòa án theo một trình tự, thủ tục được quy định chặt chẽ. Trước đây, các thẩm phán các tòa án tỉnh, huyện được hội đồng nhân dân tỉnh, huyện bầu ra theo nhiệm kỳ của mỗi khóa hội

* Phó chủ tịch Quốc hội

Digitized by Google

đồng nhân dân nên không ổn định, không có điều kiện để chuyên môn hóa, đi sâu tích lũy kinh nghiệm. Nay chế độ bầu cử được thay bằng chế độ Chủ tịch nước bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng tuyển chọn ở cấp tỉnh và cấp trung ương gồm đại diện của các cơ quan tư pháp, tòa án, Mặt trận Tổ quốc Việt nam và Hội luật gia.

Trong Luật tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân năm 1992 đã có sự sửa đổi, bổ sung quan trọng. Đó là viện kiểm sát nhân dân địa phương phải chịu sự giám sát và có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cùng cấp. Khác với trước đây, Ủy ban kiểm sát chỉ hoạt động mang tính chất tư vấn, giúp viện trưởng, không có quyền quyết định, thì nay, theo Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992, Ủy ban kiểm sát có quyền thảo luận và quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng trong hoạt động của Viện. Đồng thời ở viện kiểm sát nhân dân các cấp đã thành lập bộ phận kiểm sát thi hành án.

Ngoài ra, các hoạt động tư pháp khác như điều tra, thi hành án phạt tù cũng đã có những đổi mới nhất định. Cơ quan điều tra từng bước được tăng cường và được tổ chức thành hệ thống, bao gồm cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân, cơ quan điều tra trong Quân đội và của Viện kiểm sát nhân dân. Công tác thi hành án phạt tù đã được tăng cường hơn, hệ thống trại giam đã được phân loại, được củng cố, chế độ giam giữ và cải tạo được cải thiện một bước đáng kể. Công tác thi hành án dân sự đã được tách khỏi chức năng của tòa án và bàn giao sang cho Bộ tư pháp. Hệ thống cơ quan thi hành án dân sự được thành lập từ trung ương đến cấp huyện. Các cơ quan và tổ chức bổ trợ tư pháp được củng cố và tăng cường một cách đáng kể. Ở hầu hết các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương đã thành lập Đoàn luật sư, Phòng công chứng nhà nước. Giám định tư pháp được tổ chức thành hai cấp : giám định tư pháp trung ương và giám định tư pháp cấp tỉnh. Ở nhiều tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương đã thành lập các văn phòng tư vấn pháp luật hoặc văn phòng dịch vụ pháp lý với sự tham gia của đông đảo các luật gia, kể cả những người đã nghỉ hưu. Cùng với việc kiện toàn tổ chức, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư pháp có bước phát triển với nhiều hình thức tập trung và tại chức, góp phần thiết thực vào việc tăng số lượng và nâng cao một bước trình độ chuyên môn của cán bộ tư pháp. Việc tiêu chuẩn hóa cán bộ theo các chức danh thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên bước đầu đã được thực hiện. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trong nhân dân được tăng cường bằng nhiều hình thức, hoạt động xuất bản và các cơ quan thông tin đại chúng đã có những cố gắng đáng kể trong lĩnh vực này.

Với những đổi mới bước đầu như trên, hệ thống tư pháp góp phần quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giải quyết các tranh chấp xảy ra, góp phần bảo đảm ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của công dân.

Tuy vậy, trong hệ thống tư pháp cũng còn không ít những yếu kém, khuyết điểm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật. Việc bắt, tạm giam, tạm giữ đã không tránh khỏi những trường hợp oan sai. Thời hạn tố tụng kéo dài ; nhiều vụ việc dân sự phải xử đi xử lại nhiều lần, thậm chí có vụ còn để kéo dài nhiều năm. Công tác thi hành án đạt hiệu quả thấp, còn một số lượng lớn bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành. Điều đáng lo ngại là có một số không nhỏ án phạt tù chưa được thi hành, hoặc kẻ phạm tội đã bị giam nhưng trốn trại trong đó có cả những tên tội phạm hình sự nguy hiểm đang lẩn trốn ngoài xã hội và tiếp tục gây án. Đội ngũ cán bộ tư pháp vừa thiếu về số lượng vừa hạn chế về trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Đặc biệt là đội ngũ thẩm phán tòa án các cấp quá thiếu trong khi phải thành lập thêm các Tòa kinh tế, Tòa lao động và Tòa hành chính. Thêm vào đó, cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động của các cơ quan tư pháp chưa được cải thiện... Do vậy, Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng đã chủ trương tiến hành cải cách tư pháp, coi đây là một bộ phận quan trọng của công cuộc cải cách bộ máy nhà nước nói chung. Vấn đề quan trọng ở đây là phải xác định được đúng các nội dung cần tiếp tục đổi mới một cách thiết thực, với bước đi thích hợp. Theo tôi, phải tập trung vào những nội dung chủ yếu sau đây :

Digitized by Google

1 - Xúc tiến và làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong đó chú trọng cả phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực chuyên môn. Đồng thời, cần xây dựng chế độ tuyển dụng, bổ nhiệm, bảo đảm tiêu chuẩn và chế độ trách nhiệm, kỷ luật đối với từng chức danh như thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên. Nhưng cũng không nên nghĩ rằng xây dựng được hệ tiêu chuẩn khoa học thì sẽ tạo ra khả năng thuận lợi cho việc đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn và sử dụng cán bộ tư pháp. Chúng ta cần quan tâm hơn nữa đến chất lượng công tác đào tạo, đến giá trị thực của các văn bằng và chứng chỉ. Văn bằng, chứng chỉ là cần thiết, nhưng cái quan trọng nhất là phải xây dựng được đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh. Muốn vững mạnh cần phải trong sạch. Cùng với trình độ, năng lực pháp lý, năng lực nghiệp vụ, trước hết người cán bộ tư pháp phải có phẩm chất đạo đức, hay nói cách khác là phải có *cái tâm* trong sáng. Có thể nói rằng cán bộ tư pháp, trong đó có thẩm phán, kiểm sát viên là những người được Đảng và Nhà nước giao trọng trách cầm cân nảy mực, bảo đảm cán cân công lý, nhưng đồng thời cũng là những con người của xã hội, chịu những tác động của đời thường. Cho nên mỗi cán bộ tư pháp trước hết cần phải thường xuyên trau dồi phẩm chất cách mạng, đạo đức "chí công vô tư". Người cán bộ tư pháp phải là người có tâm huyết đối với trách nhiệm cao cả "phụng công thủ pháp" mà Bác Hồ thường căn dặn. Đồng thời, thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra để đánh giá đúng năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của cán bộ cũng là điều hết sức cần thiết. Hơn ai hết, cán bộ tư pháp là những người có hiểu biết pháp luật, phải luôn gương mẫu trong cuộc sống và làm việc theo pháp luật.

2 - Bản chất chế độ chính trị của nhà nước ta là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Do đó, hoạt động tư pháp phải dựa vào sức mạnh của nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thuận tiện cho dân, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của dân. Thực tế cho thấy, nhiều vụ việc tranh chấp dân sự, về đất đai, nhà cửa, về hôn nhân và gia đình, về thừa kế... nếu làm tốt công tác hòa giải tại cơ sở, thì không nhất thiết phải mất nhiều thời gian và công sức giải quyết theo trình tự tố tụng. Trường hợp vụ kiện phải đưa đến trước tòa án thì việc thi hành bản án cũng sẽ không dễ dàng nếu không được quần chúng đồng tình, thuyết phục các bên đương sự. Việc đấu tranh phòng và chống tội phạm cũng cần dựa vào sức dân. Thực tế cho thấy, khó có hành vi tội phạm nào lọt được qua tai mắt của quần chúng. Vấn đề là phải tạo được phong trào quần chúng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, bên cạnh việc mở rộng thêm thẩm quyền xét xử, thành lập thêm các tòa chuyên trách, điều rất cần thiết hiện nay là phải khẩn trương cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 1992, điều 127 về việc thành lập ở cơ sở các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân.

3 - Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phải được kiện toàn trên cơ sở xác định phạm vi thẩm quyền của các cơ quan tư pháp. Trước hết, đó là thẩm quyền xét xử của các cấp tòa án. Thực tế hiện nay có tình trạng án bị ùn tắc, tồn đọng, nhiều đơn từ khiếu nại về chất lượng xét xử. Trước mắt, cần nghiên cứu thực hiện chủ trương tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án nhân dân cấp huyện theo hướng việc xét xử sơ thẩm được thực hiện chủ yếu ở tòa án cấp này. Tòa án cấp tỉnh chủ yếu xét xử phúc thẩm, chỉ xét xử sơ thẩm một số ít loại án kiện phức tạp. Tòa án nhân dân tối cao chủ yếu xét xử giám đốc thẩm, tổng kết rút kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn các tòa án địa phương thực hiện xét xử thống nhất theo pháp luật. Đồng thời cũng cần xem xét lại việc xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm của tòa án tỉnh và nhất là của Tòa án nhân dân tối cao. Hiện nay có vụ án đã qua sơ thẩm, phúc thẩm, còn phải xét xử theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm của Ủy ban thẩm phán, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chưa kể trường hợp bản án bị hủy và bị đưa về sơ thẩm xử lại từ đầu ; có vụ án phải qua 7, 8 lần xét xử. Nhưng mặt khác, đối với Tòa án nhân dân tối cao, cũng cần hạn chế việc xử sơ thẩm, đồng thời chung thẩm, vì với thủ tục này vừa hạn chế quyền dân chủ của đương sự trong tố tụng vừa triệt tiêu mọi khả năng sửa đổi quyết định của bản án khi thấy cần thiết. Để thực hiện yêu cầu

Digitized by Google

này, chúng ta cần phải kiện toàn tổ chức của tòa án các cấp, trước mắt là tăng cường đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất cho tòa án cấp huyện.

Đối với ngành kiểm sát, cũng có vấn đề cần suy nghĩ. Viện kiểm sát có hai chức năng quan trọng là : *công tố* và *kiểm sát chung*. Công tố là chức năng quan trọng hàng đầu, nhưng thực tế hiện nay cơ quan điều tra lại không trực thuộc và không chịu sự chỉ đạo trực tiếp của công tố viên. Còn về chức năng kiểm sát chung thì phạm vi lại quá rộng và không khỏi trùng lắp với hoạt động của thanh tra. Vì vậy, nếu vẫn xác định cần có hoạt động kiểm sát chung của ngành kiểm sát để bảo đảm sự thống nhất của pháp chế trong bộ máy nhà nước và trong xã hội, thì cần phải xác định, phân rõ tính chất, phạm vi của công tác kiểm sát chung, làm rõ mối tương quan giữa hoạt động kiểm sát chung với hoạt động của các cơ quan liên quan khác, nhất là với các cơ quan thanh tra chuyên ngành và Thanh tra nhà nước của Chính phủ.

4 - Cùng với việc kiện toàn các cơ quan tòa án, viện kiểm sát, cũng cần xem xét đồng bộ cả tổ chức và hoạt động của Bộ tư pháp và các cơ quan tư pháp ở địa phương. Do thực tiễn xây dựng và phát triển của nền tư pháp ở nước ta mà hiện nay Bộ tư pháp đang phải đảm đương một khối lượng công tác về nhiều mặt và rất nặng nề : làm tham mưu cho Chính phủ trong việc xây dựng pháp luật, hệ thống hóa pháp luật, tuyên truyền giáo dục pháp luật, đào tạo cán bộ pháp lý, quản lý các tòa án địa phương về mặt tổ chức, quản lý công tác thi hành án, quản lý các tổ chức luật sư, tư vấn pháp lý, công chứng, giám định... Bộ tư pháp trong những năm qua đã có cố gắng rất nhiều để triển khai công tác và đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, xét từng lĩnh vực công tác, bên cạnh những việc đã làm được cũng còn những vấn đề tồn tại. Riêng về nhiệm vụ quản lý các tòa án địa phương về mặt tổ chức, thì quan điểm giữa hai ngành tòa án và tư pháp còn khác nhau. Về vấn đề này cần sớm được tổng kết rút kinh nghiệm để xử lý dứt điểm.

5 - Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tòa án, kiểm sát, tư pháp trên cơ sở nâng cao hiệu quả giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Thời gian qua, hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Ủy ban pháp luật đối với ngành tòa án, kiểm sát nói riêng và đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung tuy có làm, nhưng thực tế còn hạn chế. Với tổ chức như hiện nay, phần lớn công sức của Ủy ban pháp luật được dành cho công tác thẩm tra, góp phần hoàn chỉnh các dự án luật, pháp lệnh, mà ít dành cho công tác giám sát các cơ quan tư pháp. Chúng ta phải có cơ chế hữu hiệu để bảo đảm cho Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội thực hiện việc giám sát các quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân tối cao đã có hiệu lực pháp luật, đặc biệt là khi giữa hai cơ quan tối cao này có ý kiến khác nhau về một vụ án cụ thể.

6 - Để đổi mới có hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, điều cốt yếu là tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp về đường lối, quan điểm, về chính sách xét xử, về bố trí đội ngũ cán bộ, bảo đảm có sự phối hợp, kết hợp giữa các cơ quan này, khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín hoặc né tránh, nể nang. Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp nhưng không làm mất tính độc lập trong công tác xét xử, điều đó đòi hỏi người cán bộ tư pháp phải có ý thức trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Ở đây, cần hiểu "độc lập" không có nghĩa là tách khỏi sự lãnh đạo của Đảng. Độc lập xét xử đòi hỏi người thẩm phán, hơn ai hết, phải bằng trí tuệ, lương tâm và trách nhiệm của mình mà xem xét kỹ lưỡng để đưa ra quyết định đúng đắn.

Có thể nói, đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp có tác dụng trước hết là nâng cao hiệu quả và hiệu lực hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, lấy lại sự tín nhiệm của nhân dân về một môi trường pháp lý an toàn, các quyền của công dân được bảo vệ và qua đó, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Đây cũng chính là mục tiêu cao cả và trách nhiệm nặng nề mà công tác cải cách tư pháp đã và đang hướng tới. ❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH TIỀN TỆ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TÀO HỮU PHÙNG *

TRONG Báo cáo chính trị của BCH TU Đảng khóa VII tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng chỉ rõ : "*Chính sách tài chính* phải nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất phát triển ; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực ; tăng tích lũy để tạo vốn cho đầu tư phát triển ; đáp ứng những nhu cầu chi thường xuyên thật sự cần thiết cấp bách ; bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia, giảm bội chi ngân sách, góp phần khống chế và kiểm soát lạm phát. Xử lý đúng đắn các mối quan hệ : tích lũy và tiêu dùng ; tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư ; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương ; chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, chi bảo đảm quốc phòng - an ninh ; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài ; vay nợ và trả nợ..." (1).

Để sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công, trước hết phải có được chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đúng đắn, tiếp đến là tạo dựng và duy trì được những tiền đề căn bản về :

- Môi trường kinh tế tài chính vĩ mô ổn định, thuận lợi cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nhân tài, vật lực cần thiết để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tạo được các nguồn lực thu hút các thành phần kinh tế, có chính sách thích hợp để định hướng và điều chỉnh hiệu quả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xét cả về mặt lý luận và thực tiễn, những vấn đề nêu trên có quan hệ trực tiếp và phụ thuộc rất lớn vào việc vận hành chính sách tài chính tiền tệ quốc gia. Những năm qua, cùng với chiến lược đổi mới toàn diện nền kinh tế do Đảng ta khởi xướng, những cải cách căn bản nhất trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ đã được thực hiện. Việc hoạch định và vận hành chính sách tài chính tiền tệ đã có những tiến bộ đáng kể. Chúng ta đã thành công trong chiến lược ổn định hóa môi trường tài chính tiền tệ, loại bỏ được tình trạng siêu lạm phát và thâm hụt ngân sách nhà nước trầm trọng, kéo dài trong nhiều năm trước đây. Thiết lập và hoàn thiện hệ thống tài chính, ngân hàng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển nền kinh tế, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế 5 năm (1991 - 1995). Nét nổi bật nhất là nền kinh tế nước ta đã nhanh chóng thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng, đạt nhịp độ tăng trưởng cao, ổn định, đồng thời đã tạo được thế và lực mới chuẩn bị cho nền kinh tế bước vào giai đoạn "cất cánh".

Tuy nhiên, quá trình đổi mới chính sách tài chính tiền tệ diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp, do đó còn có một số mặt tồn tại như :

- Cải cách diễn ra không đồng bộ nên đã hạn chế kết quả tổng thể và vai trò điều chỉnh vĩ mô của chính sách tài chính tiền tệ cũng như khả năng xử lý các vấn đề phát sinh trong nền kinh tế đang chuyển đổi cơ chế.

- Hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính, tài sản quốc gia còn thấp.

Ngân sách nhà nước chưa thoát khỏi tình trạng căng thẳng giữa nhu cầu chi cho đầu tư phát triển ngày càng lớn với khả năng đáp ứng có hạn của nền kinh tế.

- Năng lực huy động của hệ thống ngân hàng còn thấp, chưa có khả năng phân bổ hiệu quả các nguồn vốn xã hội, cũng như quản lý các khoản cho vay, đặc biệt là vấn đề cung ứng vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế còn rất hạn chế.

- Hệ thống thị trường tiền tệ phát triển chậm.

- Việc điều hành chính sách tài chính tiền tệ còn thụ động, chưa loại bỏ được nguy cơ tái lạm phát cao.

---

* GS, TS, Thứ trưởng Bộ tài chính

(1) Báo *Nhân dân*, ngày 29-6-1996, tr 5

Digitized by Google

Bước vào giai đoạn mới, giai đoạn tiếp tục đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân, nhiệm vụ đặt ra cho việc hoạch định chính sách tài chính - tiền tệ là hết sức khó khăn, nặng nề, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới toàn bộ hệ thống tài chính tiền tệ ở nước ta.

Để bảo đảm cho nền kinh tế nước ta tăng trưởng nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chính sách tài chính tiền tệ phải có khả năng thích ứng, nhạy cảm với nhiệm vụ mới và xử lý được hàng loạt các vấn đề, thậm chí có vấn đề mâu thuẫn. Thực tế này đòi hỏi việc hoạch định chính sách tài chính tiền tệ :

- Phải bám sát các mục tiêu cơ bản là hướng tới nền tài chính quốc gia vững mạnh, có khả năng quản lý, động viên, phân phối và sử dụng thật hiệu quả các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước ; tiếp tục duy trì định hướng chiến lược, nâng cao uy tín của đồng tiền Việt nam dựa trên sự ổn định về mặt giá trị và tương quan hợp lý giữa sức mua đối nội và đối ngoại của nó, tạo điều kiện mở rộng phạm vi chuyển đổi và thực hiện thành công vấn đề chủ quyền tiền tệ.

Trước mắt, cần tăng cường phối hợp chính sách, công cụ tài chính tiền tệ nhằm kiềm chế và loại bỏ căn bản các nguy cơ tái lạm phát cao ; đồng thời nâng cao một bước hiệu quả điều chỉnh vĩ mô của nhà nước.

- Chính sách, công cụ tài chính - tiền tệ phải thực sự trở thành đòn bẩy kinh tế để nhà nước động viên tối đa nhân tài, vật lực của xã hội và các thành phần kinh tế tích cực tham gia công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây chính là công cụ để nhà nước tiến hành phân bổ các nguồn lực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Muốn thực hiện có kết quả các mục tiêu trên, chúng ta cần chú ý tới một số đặc điểm quan trọng chi phối toàn bộ quá trình hoạch định chính sách tài chính tiền tệ trong những năm tới :

Thứ nhất, nước ta còn nghèo, mới ra khỏi khủng hoảng, tích lũy nội bộ và xuất phát điểm rất thấp, trong khi đó yêu cầu vốn cho phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa rất lớn (ước tính hơn 40 tỉ USD cho giai đoạn 1996 - 2000). Vì vậy, vấn đề huy động và cấp ứng nhu cầu vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được xem là ưu tiên hàng đầu, là nhiệm vụ chung của toàn xã hội ; cần đưa ra được các hình thức phù hợp để tối đa hóa khả năng động viên các nguồn lực nội địa ; đặc biệt chú trọng gắn huy động với hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, nhằm đẩy nhanh tốc độ tái tạo vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ hai, công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường theo hệ thống kinh tế mở, hướng mạnh về xuất khẩu. Do đó chúng ta cần thấy hết các thế mạnh lẫn hạn chế của các thành phần kinh tế, các lực lượng tham gia quá trình này. Từ đó, có kế hoạch khai thác tốt các tiềm năng và xác lập phương thức phối hợp để tạo ra sức mạnh tổng lực đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ ba, công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ tư (bắt đầu từ giữa những năm 70, khác hẳn cuộc cách mạng lần thứ ba về động lực và cơ chế thực hiện) đang phát triển mạnh, trong đó sức mạnh của khoa học - kỹ thuật - kinh tế đang trở thành điểm tựa của cục diện thế giới. Còn bản thân khoa học kỹ thuật trở thành chìa khóa để nắm chắc phần thắng trong tương lai. Vì vậy, phải đặc biệt chú trọng vai trò con người và quán triệt quan điểm của Đảng về vấn đề giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí..., coi đó là loại đầu tư chiến lược quan trọng bậc nhất và là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới nói chung và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng.

Phương châm đổi mới chính sách tài chính tiền tệ là : *mạnh dạn, thận trọng, chủ động từng bước điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế quản lý* phù hợp với nền kinh tế vừa mới thoát khỏi khủng hoảng đang bước vào quỹ đạo phát triển nhanh và ổn định. Cụ thể là :

a - *Trong lĩnh vực ngân sách nhà nước*, những năm tới cần tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau :

- Nâng cao vai trò, hiệu quả sử dụng công cụ tài chính, ngân sách nhằm chặn đứng tình trạng lỏng lẻo trong quản lý và sử dụng lãng phí tài sản công cộng, tài nguyên, khoáng sản thiên nhiên, bảo đảm nhà nước thực sự là chủ sở hữu và quản

Digitized by Google

lý. Cần nhận thức hết tầm quan trọng của công tác quản lý, hiệu quả sử dụng tài sản quốc gia chính là tiền đề bảo đảm cho đất nước phát triển bền vững, tự chủ, đồng thời là sức mạnh tổng lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nhằm nâng cao tính chủ động trong quản lý, điều hành và cân đối thu chi ngân sách nhà nước, một mặt cần kiện toàn, nâng cao tính thực tiễn của công tác lập kế hoạch ngân sách ở tất cả các khâu ; mặt khác điều chỉnh lại cơ cấu chi ngân sách nhà nước thực sự phù hợp với tiềm lực tài chính, sát với yêu cầu của nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư phát triển, bảo đảm vững chắc nguồn trả nợ và có mức dự phòng hợp lý, đủ mạnh.

- Đối với chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, cần cắt giảm các khoản chi không thiết thực, kém hiệu quả, tập trung đầu tư thực hiện chiến lược phát triển con người (giáo dục đào tạo, dân trí, y tế...), đồng thời có chính sách hợp lý thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế, xã hội cho mục tiêu này.

- Về đầu tư phát triển từ nguồn vốn nhà nước, bên cạnh sự định hướng tập trung vào cơ sở hạ tầng kinh tế, một số lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, công trình trọng điểm quốc gia thì khâu cốt lõi ở đây là hiệu quả quản lý và sử dụng vốn. Để đạt mục tiêu này, một mặt, cần hoàn thiện cơ chế quản lý, cấp phát và giám sát quy trình tiếp nhận, sử dụng vốn từ phía nhà nước ; mặt khác, nâng cao chất lượng của công tác lập và thẩm định các dự án đầu tư, ứng dụng các hình thức đấu thầu xây dựng, cung ứng thiết bị và tư vấn. Hiệu quả các chương trình đầu tư công cộng của nhà nước có ý nghĩa và vai trò rất lớn. Nó không chỉ tạo ra bước chuyển dịch lớn, mà còn là đầu tàu lôi kéo đầu tư của các thành phần kinh tế khác cho mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Từng bước chuẩn xác hóa các chuẩn mực chi tiêu, tăng cường công tác kiểm toán, giám sát chi, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành ngân sách nhà nước, nâng cao kỷ cương tài chính, đồng thời cho phép phân tích, đánh giá hiệu quả thực tế của từng khoản chi, cũng như toàn bộ chi tiêu công cộng qua ngân sách nhà nước, tình hình sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

Để đạt tính đồng bộ trong cải cách ngân sách có nhiều việc phải làm, nhất là việc khẩn trương tổ chức phổ biến, triển khai và cụ thể hóa bộ Luật ngân sách nhà nước. Đây là bước ngoặt có ý nghĩa rất lớn đối với công tác tài chính nói chung, ngân sách nhà nước nói riêng, là cơ sở pháp lý cao nhất, hoàn chỉnh nhất từ trước tới nay để xác lập quan hệ mới về mặt chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, giữa các cấp ngân sách trong chỉnh thể thống nhất.

Tuy nhiên, thể chế hóa những vấn đề của Luật ngân sách nhà nước là một việc làm không giản đơn, đặc biệt là xây dựng mô hình chuyển giao, điều hòa tài chính giữa các cấp chính quyền, giữa các vùng có trình độ phát triển khác nhau ; bởi nó đòi hỏi nhiều văn bản hướng dẫn dưới luật và sự phức tạp trong xây dựng các chuẩn mực, tiêu thức xác định nhiệm vụ chi, khối lượng và phương thức chuyển giao tài chính. Vì vậy, công tác chuẩn bị triển khai Luật ngân sách nhà nước cần hết sức chu đáo, tránh những đảo lộn lớn khi áp dụng vào thực tiễn. Việc áp dụng Luật ngân sách nhà nước trong thời gian tới phải tạo ra bước chuyển biến mới về chất trong quản lý điều hành toàn bộ hệ thống ngân sách nhà nước, đồng thời tăng cường được vai trò điều tiết vĩ mô của nó.

b - *Chính sách thuế*

Ngoài nhiệm vụ bảo đảm nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước, chúng ta cần chuẩn bị triển khai các luật thuế mới (VAT, thuế thu nhập công ty, thuế thu nhập cá nhân). Về trọng tâm trong cải cách thuế, ở nước ta là hệ thống thuế quan phục vụ cho quá trình tham gia hợp tác quốc tế có hiệu quả. Trước mắt, điều chỉnh các mức thuế để tham gia hợp tác với ASEAN, thực hiện các cam kết, thỏa thuận với AFTA, EU. Bên cạnh đó, cần nhận thấy vai trò của thuế là hết sức to lớn trong việc thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư, chuyển tích lũy xã hội sang sản xuất kinh doanh và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa... bằng các công cụ sau :

- Thực hiện chủ trương miễn (giảm) thuế quan đối với nhu cầu nhập máy móc, thiết bị (đặc biệt là nhập khẩu công nghệ kỹ thuật cao), trực tiếp cho mục tiêu công nghiệp hóa, hoặc thúc đẩy

Digitized by Google

xuất khẩu, đáp ứng cho nền kinh tế phát triển trong thời kỳ mới.

- Thực hiện chính sách khấu hao nhanh, nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới kỹ thuật, máy móc cũ ở các ngành quan trọng, áp dụng khấu hao đặc biệt đối với một số ngành mũi nhọn để rút ngắn khoảng cách phát triển so với bên ngoài.

- Gắn ưu đãi thuế cho FDI với việc chuyển giao công nghệ - kỹ thuật hiện đại, đào tạo và chuyển giao kỹ năng quản lý. Thực hiện miễn (giảm) thuế đối với các chi phí cho nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, công tác thử nghiệm và áp dụng công nghệ - kỹ thuật mới của các tập thể, xí nghiệp ; đồng thời có chính sách hỗ trợ vốn, hỗ trợ nghiên cứu, phổ biến thông tin từ phía nhà nước...

c - *Chính sách tiền tệ tín dụng*

Cần có kế hoạch cấu trúc lại hệ thống, cơ cấu lãi suất (bao gồm lãi suất huy động, cho vay, giữa nội tệ và ngoại tệ, giữa ngắn hạn và dài hạn...) cho thực sự hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn đa dạng của nền kinh tế. Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh quá trình thị trường hóa về vốn, lãi suất theo quan hệ cung cầu là chủ yếu nhằm buộc các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đầu tư vốn vào các lĩnh vực hoạt động có hiệu quả. Có chính sách, giải pháp khuyến khích các tổ chức tín dụng, nhất là các ngân hàng thương mại quốc doanh, đổi mới phương thức tổ chức, quản lý và ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại nhằm giảm các chi phí ngân hàng, tạo cơ sở giảm mạnh đầu ra của vốn, chú trọng công tác đánh giá, phát hiện khả năng vay, trả nợ của các đối tác ; quản lý hiệu quả các khoản cho vay nhằm tăng khối lượng vốn cho vay có hệ số an toàn cao, giảm tỷ lệ nợ quá hạn (hiện nay mức bình quân còn quá cao, xấp xỉ 5,1%).

Để khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu vốn cung ứng cho nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu cấp bách vốn trung và dài hạn cho đổi mới công nghệ, kỹ thuật và mở rộng sản xuất, cần tập trung, chủ động phát triển và hiện đại hóa hệ thống ngân hàng. Trong điều kiện thị trường tài chính còn sơ khai thì một hệ thống ngân hàng mạnh, có uy tín, hệ số an toàn cao trong các nghiệp vụ vay, cho vay cùng với chính sách lãi suất thích hợp, đồng tiền ổn định trở thành yếu tố quan trọng hàng đầu để huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn vốn.

Việc đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối cần bám sát các yêu cầu khách quan và thực tiễn phát triển kinh tế, đặc biệt là xu hướng mở rộng hợp tác kinh tế của nước ta trong giai đoạn tới. Đồng thời, tăng cường cơ sở pháp lý, môi trường thuận lợi để nhà nước quản lý hiệu quả các luồng ngoại tệ vào, ra. Chấm dứt tình trạng ngoại tệ trôi nổi trên thị trường với khối lượng lớn như hiện nay, giảm căn bản hiện tượng đô la hóa, hỗ trợ cho mục tiêu chủ quyền tiền tệ của nước ta.

Về lâu dài, cần tập trung nghiên cứu cơ sở và luận cứ vững chắc cho việc hoạch định chính sách tiền tệ thích ứng với điều kiện của nền kinh tế mở đang chuyển biến mạnh về cơ chế và xu thế quốc tế hóa đang diễn ra nhanh trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, giảm được căn bản tác động tiêu cực của các cú sốc tài chính từ bên ngoài.

d - *Phát triển thị trường tài chính*

Với thực trạng thị trường tài chính như hiện nay, một mặt hạn chế hiệu quả điều chỉnh của chính sách tài chính tiền tệ, không xử lý được tình trạng ách tắc trong lưu thông, phân bổ vốn cho nền kinh tế ; mặt khác, không thể đáp ứng một số lượng vốn lớn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là vốn dài hạn. Kinh nghiệm của các nước thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa (NICs, ASEAN...) cho thấy, việc tập trung phát triển thị trường tài chính là con đường tất yếu đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường.

Hiện nay, chúng ta đã có hệ thống thị trường vốn ngắn hạn, song quá trình phát triển diễn ra chậm, vai trò của nó trong luân chuyển, phân bổ vốn còn rất hạn chế, không rõ nét, quy mô của các thị trường này còn nhỏ bé. Trong khi chưa phát triển ngay được thị trường vốn dài hạn cần tập trung nỗ lực phát triển thị trường tín phiếu kho bạc, thị trường ngoại tệ, thị trường tín dụng liên ngân hàng...,đồng thời trên các phương diện cơ sở pháp lý, cơ chế hoạt động của các thị trường này mà phát triển hệ thống công cụ, phương tiện giao dịch, mở rộng phạm vi hoạt động của thị trường.

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VÀ TIẾP XÚC VĂN HÓA ĐÔNG - TÂY

PHAN VĂN CÁC *

TRONG tiến trình hội nhập với thế giới hiện đại, thực hiện "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" đất nước, nhân dân ta lại đối mặt với những vấn đề rất phức tạp, đầy thách thức : "Hội nhập mà không hòa tan", "hiện đại hóa mà không đánh mất bản sắc dân tộc". Xét ở tầng sâu, đó là những vấn đề của văn hóa học :

1 - Nhận thức như thế nào sự khác biệt văn hóa Đông - Tây ?

2 - Đặc điểm của văn hóa truyền thống Việt nam là gì ? Cần đối xử như thế nào với văn hóa truyền thống ?

3 - Chiến lược văn hóa của chúng ta phải như thế nào ?

Trong lĩnh vực này, càng cần thiết hơn mọi lĩnh vực khác, phải phân tích kỹ những bài học mà người thầy của Cách mạng Việt nam - anh hùng giải phóng dân tộc - danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta, nhằm vận dụng sáng tạo và phát huy có hiệu quả trong những điều kiện mới.

Nhiều nhà văn hóa học đã có lý khi chia văn hóa thế giới thành ba loại hình lớn là *văn hóa kiểu Trung hoa, văn hóa kiểu Ấn độ* và *văn hóa kiểu phương Tây*. Ba loại hình văn hóa lớn ấy có sự khác nhau rõ rệt và sự khác nhau đó, trong trường kỳ lịch sử, đã dẫn dắt các dân tộc trên những quỹ đạo phát triển không giống nhau, đang tạo nên hiện trạng và cũng sẽ tiếp tục ảnh hưởng khác nhau đến tương lai các dân tộc.

Thời xa xưa, giao thông khó khăn, núi ngăn biển cách, khiến các nền văn hóa ngay từ khi ra đời đã sớm có "cơ chế cách ly" rõ rệt và chính cơ chế này quy định văn hóa dân tộc có thể trở thành hình thái văn hóa định hình độc lập, thiếu nó thì văn hóa dân tộc sẽ không thể ngưng tụ, trầm tích để trở thành một hệ thống văn hóa có bản sắc riêng.

Dần dần, khó khăn giao thông được khắc phục, các nền văn hóa khác nhau đã tìm được con đường giao lưu, lan tỏa ảnh hưởng đến nhau theo nhiều phương thức.

Văn hóa Ấn độ ra đời trên bán lục địa Nam Á khí hậu nhiệt đới nhiều mưa, ẩm ướt, thực vật tốt tươi : người Ấn độ cổ đại có thể sống bằng hái lượm và trồng trọt phân tán nên trong lịch sử Ấn độ, thời gian tiểu quốc phân trị lâu dài hơn nhiều so với thời gian thống nhất. Cảnh quan nhiệt đới đẹp tươi đa dạng, điều kiện sinh sống dễ dàng, khung cảnh thiên nhiên êm dịu là môi trường để con người Ấn độ đắm say trong mộng cảnh, nuôi dưỡng tập quán trầm tư, chiêm nghiệm triết lý nhân sinh hư ảo, sáng tạo nên nhiều hệ thống tư tưởng rộng lớn mà thâm thúy về ý nghĩa của sự sinh tồn. Họ coi trọng giá trị của sinh mệnh đối với cái vĩnh hằng, ngưỡng mộ cái bất tử, đề cao tự chế, tự khổ và hy sinh bản ngã. Đại biểu cho tinh thần văn hóa ấy là Si-đơ-hác-ta (Siddharta) dưới gốc bồ đề ngồi trầm tư "Hãy dẫn tôi từ cái chết đến cõi bất tử", "sau bao cuộc đấu tranh nội tâm, đau đớn và khổ não, đã phát triển dần và trở thành Phật" (1), trở thành "mẫu mực hoàn chỉnh của sự uy nghiêm thanh thản và dịu dàng, vô vàn trìu mến chúng sinh và cảm thương những kẻ bất hạnh, con người hoàn toàn tự do về tinh thần và không hề có chút định kiến với bất cứ ai" (2). Hơn ba ngàn năm nay, kể từ thời Veda (3), sự thống nhất của dân tộc Ấn chủ yếu là từ ý thức tôn giáo

* Viện trưởng Viện Hán nôm, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia.

(1) Ja waharlal Nehru : *Phát hiện Ấn độ*, Nxb văn học, Hà nội, 1990, t 1, tr 209.

(2) Karl Barth (1886 - 1968), nhà thần học Thụy sĩ.

(3) Ve da : Kinh điển cổ nhất của Ấn độ, tương truyền do người Aryans di cư đến vùng Ngũ hà (Panjad) làm ra, trong khoảng từ 3 000 năm đến 800 năm trước Công nguyên.

Digitized by Google

tín ngưỡng chung, hơn là sự giác ngộ ý thức quốc gia dân tộc. Nhìn chung, tư duy Ấn độ nhẹ về ý thức nhận biết trật tự thế giới khách quan mà thiên về khuynh hướng không thức nhận đầy đủ sự khác nhau giữa hiện thực và lý tưởng, giữa sự thật với giả định hoặc không tưởng.

Văn hóa Trung hoa phát sinh và phát triển trên đại lục Đông Á rộng lớn, phía đông là đại dương mênh mông, ba bề còn lại là núi non hùng vĩ và hoang mạc bao la ; thông thương trên biển và mậu dịch đường bộ đều rất khó khăn. Với môi trường địa lý nửa khép kín như vậy, hệ thống văn hóa cổ đại Trung quốc đã có một cơ chế cách ly khá hoàn bị : người Trung hoa sống chính bằng canh nông và nông nghiệp của dân tộc này có 3 đặc điểm rõ rệt :

1- Coi trị lý nguồn nước là công việc quan trọng hàng đầu, dẫn đến đặc trưng chế độ nhất thống chuyên chế và đặc trưng tâm lý ức chế cá tính, đề cao ý thức tập thể và quyền uy cá biệt.

2 - Sống nhờ trời, phụ thuộc vào thiên nhiên, thuận theo thiên nhiên, vì thế về phương diện kết cấu tâm lý tôn thờ nguyên tắc "thiên nhân cảm ứng", yêu cầu "thiện" cao hơn nhiều so với yêu cầu "chân".

3 - Cuộc sống tuy gian khổ song có sự bảo đảm nhất định, tạo nên xu hướng tâm lý cầu "ổn", cầu "tĩnh".

Hai nền văn hóa Ấn độ và Trung hoa như hai cây đại thụ xum xuê tỏa bóng mát và bóng rợp hầu khắp phương Đông, đặc biệt đối với Việt nam trên bán đảo Đông dương từng mang tên Trung - Ấn (Ấn độ, China).

Văn hóa phương Tây mà đại biểu trước tiên là văn hóa Hy lạp ra đời từ cái nôi lưu vực Địa trung hải, nơi thai nghén nền văn hóa hàng hải sớm nhất thế giới. Với bờ biển quanh co nhiều cảng, vịnh, với các đảo lớn nhỏ rải rác, nền mậu dịch hàng hải đã sớm có tác dụng trực tiếp trong đời sống kinh tế phương Tây, và quy định hai nét đặc sắc lớn trong truyền thống văn hóa Hy lạp :

1 - Trong cuộc vật lộn với phong ba bão táp trên mặt biển và hải chiến với kẻ thù, con người buộc phải phát huy cao độ tính năng động chủ quan và tinh thần sáng tạo cá nhân. Phương thức sinh tồn mậu dịch hàng hải đòi hỏi con người sớm nhận thức thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên, đấu tranh với thiên nhiên.

2 - Tự do, bình đẳng, đề cao dân chủ là định hướng giá trị cơ bản của truyền thống văn hóa Hy lạp. Cơ sở kinh tế và tâm lý xã hội để hình thành vương quyền chuyên chế nói chung là mỏng và yếu hơn, khiến cho dưới chế độ chủ nô thời Hy lạp - La mã vẫn có tính dân chủ tương đối, và ngay trong năm trăm năm đế quốc La mã, chiếc áo choàng dân chủ vẫn luôn luôn được khoác lên, dù rất mỏng manh. Khối lượng lớn các tượng lõa thể do khảo cổ học khai quật được ở Hy lạp đương nhiên có liên quan với tập quán ở trần hoặc ở truồng của người Hy lạp trong điều kiện khí hậu ôn hòa của họ, nhưng chủ yếu nói lên một cách hùng hồn xu hướng tâm lý đặt thực thể cá nhân cao hơn hết thảy. Con người một khi đã tồn tại thì có giá trị độc lập tự thân, biểu hiện trước hết thành giá trị tự nhiên của con người là vẻ đẹp lành mạnh của cơ thể, về sau mở rộng sang lĩnh vực chính trị - xã hội, biểu hiện thành quyền lực công dân, nền tảng tâm lý của "khế ước luận".

Dễ dàng nhận thấy sự khác biệt giữa văn hóa phương Đông đề cao luân lý học với văn hóa phương Tây mà đại diện là triết học Hy lạp sớm coi trọng giải thích thiên nhiên, tìm kiếm bản nguyên của vũ trụ, khái quát các thành tựu khoa học tự nhiên.

Còn văn hóa truyền thống Việt nam ?

Sự hình thành và diễn biến của văn hóa truyền thống Việt nam là một cấu trúc khá phức tạp. Không thể nói một cách giản đơn rằng hạt nhân bao trùm, nhất quán của văn hóa Việt nam là văn hóa Nho giáo, dù là một thứ Nho giáo đã Việt nam hóa. Cũng không thể nói triết lý tự biện của văn hóa truyền thống Việt nam là văn hóa Phật giáo. Văn hóa truyền thống Việt nam hình thành trên cơ sở tầng văn hóa bản địa Đông Nam Á, có tiếp biến văn hóa Phật giáo Ấn độ và văn hóa Nho, Phật, Đạo của Trung hoa ở mức độ khác nhau trong những thời kỳ khác nhau. Nằm trên ngã ba đường giao lưu quốc tế, văn hóa Việt nam là sản phẩm của sự dung hợp văn hóa Đông - Tây với đặc điểm nổi bật là *tính khoan dung rất lớn và tính thích nghi rất cao.* Nhu cầu sinh tồn

Digitized by Google

của một dân tộc tương đối nhỏ trên một lãnh thổ tương đối hẹp luôn luôn bị tấn công bởi những thế lực to, mạnh gấp bội đã sớm làm nảy sinh và củng cố sâu đậm truyền thống yêu nước, nhân ái và bao dung, ít kỳ thị.

Cuộc đời "79 mùa xuân" của Hồ Chí Minh (1890 - 1969) là cuộc đời của một vĩ nhân đã tác động tích cực và ảnh hưởng mạnh mẽ đến một thời bão táp vốn đầy tai ương khổ ải và biến động dữ dội của đất nước, của khu vực và của toàn thế giới. Loài người đã trải qua hai cuộc chiến có quy mô toàn cầu, mà cuộc thứ hai đã gây nên nỗi kinh hoàng của toàn nhân loại trước thảm họa hạt nhân đến nay còn ám ảnh.

Với các nước phương Đông, nội dung chủ yếu của thời kỳ lịch sử này là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc bi hùng đầy máu và nước mắt ; từ thức tỉnh, vùng lên, tìm đường, đến giành được độc lập tự do, dần dần thoát khỏi ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, mà về khách quan, sự áp bức bóc lột ấy là "kết quả" của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây ồ ạt giữa thế kỷ trước. Cả Ấn độ lẫn Trung hoa, hai cái nôi lớn của văn hóa phương Đông từng tỏa sáng rực rỡ thời cổ đại, thì đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều trở thành những miếng mồi béo bở cho đàn sói đế quốc chủ nghĩa phương Tây tranh nhau xâu xé.

Còn trên dải đất chữ S chạy dài giữa Trường sơn với biển Đông khi Nguyễn Sinh Cung chào đời, non sông Việt nam đã chìm đắm trong đêm dài nô lệ của chủ nghĩa thực dân.

Nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập tờ *Le Paria*, đã đứng ra tổ chức các tờ *Thanh niên, Việt lập*... và dành nhiều công sức, tâm huyết cho các tờ báo cách mạng ấy. Người đã viết trên một ngàn năm trăm bài báo đủ các thể loại, từ những bài văn chính luận sắc sảo, đanh thép và giàu hình tượng, những truyện kể ngắn gọn và sinh động, những tiểu phẩm nhọn sắc như những mũi dao găm đâm thẳng vào chủ nghĩa đế quốc, đến những bài ca mộc mạc dân dã, vẽ những bức tranh cổ động quần chúng đấu tranh. Người cũng đã viết bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau : tiếng mẹ đẻ và tiếng nước ngoài, tiếng Pháp và tiếng Anh, tiếng Hán văn ngôn và bạch thoại, đăng ở hàng chục tờ báo trong và ngoài nước, ký trên một trăm bút danh khác nhau...

Nhà thơ Hồ Chí Minh đã sáng tác vài trăm bài thơ, trong đó có không ít bài đáng gọi là kiệt tác. Những câu thơ tiếng Việt bay bổng diệu kỳ "Non xa xa, nước xa xa", "tiếng suối trong như tiếng hát xa", "trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa", "bỗng nghe vần thắng vút lên cao" từng được bình là "thơ của muôn đời". Tập thơ chữ Hán 133 bài Người viết bằng tiếng Hán cổ trong nhà tù Quốc dân đảng Trung quốc (từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943), đến nay đã được các thi sĩ nước ngoài dịch ra trên 10 thứ tiếng và ở đâu cũng được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt. Riêng tiếng Pháp đã có ít ra là 3 bản khác nhau.

Nhà văn Hồ Chí Minh đã viết những thiên truyện và ký ngắn gọn, nhập truyện khéo, kết thúc độc đáo, có lối dẫn truyện lôi cuốn người đọc, gây ấn tượng mới mẻ, hiện đại, với những luận điểm sáng suốt về nhiều vấn đề cơ bản của lý luận văn hóa - văn nghệ. Đó là tính nhân dân, tính dân tộc, tính chiến đấu của văn học nghệ thuật ; vấn đề văn nghệ là vũ khí, nhà văn là chiến sĩ... Trên thực tế Hồ Chí Minh đã là người đặt nền móng cho sáng tác và lý luận văn học Việt nam hiện đại.

Và Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trọn đời là *nhà giáo dục*. Từ thầy giáo trẻ Nguyễn Tất Thành ở trường Dục thanh, từ giảng viên Lý Thụy của trường Huấn luyện chính trị ở phố Văn minh (Quảng châu, Trung quốc) Người trở thành người thầy lớn của cách mạng Việt nam.

Nhưng ý nghĩa rộng lớn và sâu sắc, vượt xa và bao trùm những thành tựu cống hiến từng mặt ấy, *sự nghiệp văn hóa Hồ Chí Minh* - công lao bất hủ của Hồ Chí Minh đối với văn hóa Việt nam - trước tiên là ở chỗ huy động sức mạnh của truyền thống văn hóa dân tộc và văn hóa nhân loại, Người đã lãnh đạo thành công sự nghiệp giải phóng đất nước, trả lại địa vị xứng đáng cho văn hóa Việt nam.

Với Cách mạng Tháng Tám (1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dẫn dắt nhân dân làm lại cuộc đời. Từ trong tối tăm nô lệ, đất nước bị xóa tên trên bản đồ, có nguy cơ chết dần chết mòn trong gông cùm, xiềng xích, đói rét, dốt nát, bị

Digitized by Google

đe dọa "diệt chủng về văn hóa", nhân dân ta đã vùng lên giành lại non sông, giành lại quyền sống và quyền làm chủ đất nước, trong đó, có quyền làm chủ nền văn hóa lâu đời, giàu bản sắc của dân tộc mình.

Sức hút kỳ diệu của tên tuổi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, con người đã hội đủ nơi bản thân mình lòng nhân ái và chí quật cường của dân tộc cùng tinh hoa văn hóa Đông, Tây, kim, cổ ; sức hút ấy đã tập hợp và dẫn dắt lớp lớp trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ đi vào cách mạng ; đã tổ chức hàng chục triệu quần chúng lao khổ đứng lên dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với một nước Việt nam độc lập và với chính sách văn hóa đúng đắn của Hồ Chí Minh và của Đảng, mọi giá trị văn hóa chân chính mà cha ông ta đã sáng tạo ra trong trường kỳ lịch sử của dân tộc được hồi sinh và phát triển lành mạnh. Người căn dặn : "Nghệ thuật của cha ông hay lắm, tốt lắm ! Cố mà giữ gìn. Nhưng chớ có gieo vừng ra ngô !", "chèo thì cố chèo cho vững !". Thấm thía công ơn "Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi", cả một thế hệ văn nghệ sĩ ra khỏi "tháp ngà", đi theo cách mạng, quyết tâm cống hiến tài năng trí tuệ cho dân tộc. Lập kỳ tích lớn lao trong vòng một vài năm đưa cả một dân tộc thoát nạn mù chữ, đặt khẩu hiệu "diệt giặc dốt" bên cạnh các khẩu hiệu "diệt giặc đói" và "diệt giặc ngoại xâm", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo ra mặt bằng thuận lợi cho công cuộc kiến tạo lâu đài văn hóa giáo dục của nước Việt nam mới, hy vọng và tin tưởng có ngày "non sông Việt nam trở nên tươi đẹp" và "dân tộc Việt nam được sánh vai các cường quốc năm châu".

Trong khói lửa của chiến tranh giữ nước đã vang lên khẩu hiệu độc đáo của Hồ Chí Minh : "kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến", và bao trùm lên hết thảy là phong trào "thi đua yêu nước" lôi cuốn cả toàn dân và toàn quốc, đã lay động toàn xã hội, hình thành nên *một lối sống mới*, một hệ chuẩn *đạo đức mới*, một *phong khí xã hội mới*.

Tóm lại, bằng cả cuộc đời gắn chặt văn hóa với cách mạng, cách mạng hóa văn hóa, văn hóa vì cách mạng, kết hợp hữu cơ trong bản thân mình hai tư cách yêu nước vĩ đại và nhà văn hóa kiệt xuất, Hồ Chí Minh đã đem văn hóa đến với nhân dân, đem lý tưởng cách mạng đến với các nhà văn hóa, mở ra một chương mới trong lịch sử văn hóa của dân tộc. Đó là một nền *văn hóa Việt nam hiện đại* được đặc trưng bằng một thế ứng xử mới của con người Việt nam trong cộng đồng nhân loại, con người Việt nam kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế cao cả ; kiên quyết bảo vệ độc lập tự do của dân tộc mình, đồng thời thành thực tôn trọng chủ quyền độc lập của các dân tộc khác ; tự hào mà không kiêu ngạo, khiêm tốn mà không tự ti, giàu bản sắc truyền thống mà không bảo thủ khép kín, cởi mở hòa nhập mà không mất gốc lai căng...

Nhờ Hồ Chí Minh, cả hành tinh này biết đến một nền văn hóa Việt nam, biết đến một dải đất nhỏ hẹp hình chữ S nhìn ra Thái bình dương, trên đó từng sống một Nguyễn Trãi đánh giặc và làm thơ, đã viết nên bản thiên cổ hùng văn *Bình Ngô đại cáo*, từng có một Nguyễn Du tài hoa và nhân ái đã sáng tạo ra kiệt tác Truyện Kiều, cất cao tiếng thơ bênh vực mọi kiếp người đau khổ.

Đối với kho tàng văn hóa nhân loại, Hồ Chí Minh đem đến những giá trị độc đáo của văn hóa Việt nam mà tiêu biểu nhất là tinh thần "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*," thể hiện sinh động trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lâu dài và anh dũng, trong hai cuộc kháng chiến thần thánh lần lượt làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, bảo vệ phẩm giá con người, "đem lại sự cứu rỗi linh hồn cho mọi con người trong một thế giới đầy biến động lo âu, đầy đó sa sút đạo đức, phản trắc lừa đảo, hãm hại lẫn nhau".

Sự nghiệp văn hóa Hồ Chí Minh vì thế đã "kết tinh truyền thống văn hóa nhiều thiên niên kỷ của dân tộc Việt nam" và "thể hiện những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc của họ và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau". Cũng vì thế sự nghiệp ấy là sự nghiệp của một con người" tỏa ra một thứ văn hóa, không phải là văn hóa Âu châu mà có lẽ là một nền văn hóa của tương lai." ❑

Digitized by Google

VÌ SAO NƯỚC TA ĐÃ RA KHỎI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI ?

PHAN THANH PHỐ *

Từ Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (năm 1986), nhất là từ sau Đại hội VII (năm 1991), công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân ngày một cải thiện, các vấn đề xã hội có bước tiến bộ, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Mặc dù vậy, đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) khi đánh giá thành tựu, cũng chỉ mới nhận định là nước ta "**đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội**" (1).

Qua nhiều lần thảo luận, lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của các ngành, các cấp và nhân dân *Báo cáo chính trị* của Ban chấp hành trung ương khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nhận định : "**Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc**" (2).

Rõ ràng, việc đưa ra nhận định trên, xét về mặt lô gích và lịch sử là hoàn toàn đúng đắn, bởi nó gắn liền với kết quả của mười năm đổi mới, gắn liền với hai nhiệm kỳ đại hội của Đảng.

Ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội là một nhận định có ý nghĩa rất quan trọng. Nó mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, một thời kỳ mà sự xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày một rõ hơn, lòng tin cũng ngày càng được nâng cao hơn. Tuy nhiên, bất cứ một nhận định nào, tính thuyết phục của nó cũng phải được chứng minh bằng thực tiễn, được đại đa số quần chúng nhân dân lao động đồng tình. Nói cách khác, nhận định đó phải mang tính khoa học, phải dựa trên những cơ sở nhất định, mà những cơ sở đó tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững khi bước vào thời kỳ mới ở nước ta. Dưới đây là những cơ sở của nhận định.

I - VỀ KINH TẾ :

Cuộc khủng hoảng nảy sinh từ cuối thập kỷ 70 và kéo dài suốt thập kỷ 80, diễn ra rất gay gắt, đặt nước ta trước "thử thách hiểm nghèo". Trong tình hình đó, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và kiên trì đường lối đổi mới, đưa nền kinh tế nước ta không những đứng vững mà còn vượt qua khó khăn, khắc phục nhiều mặt đình đốn, suy thoái, vươn lên giành thêm nhiều thắng lợi mới to lớn. Cụ thể :

1 - Một trong những dấu hiệu để nhận biết đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội là nhịp độ *tăng trưởng cao, liên tục*, và *ổn định*. Ở nước ta, nhịp độ tăng bình quân của GDP trong 5 năm (1991 - 1995) đạt 8,2%, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (kế hoạch là từ 5,5% đến 6,5%). Trong đó, năm 1991 là 6%, năm 1992 là 8,2%, năm 1993 là 8,6%, năm 1994 là 8,8%, và năm 1995 là 9,5%. Nhịp độ tăng trưởng của các ngành trong 5 năm (1991 - 1995) : sản xuất công nghiệp tăng bình quân là 13,3% ; sản xuất nông nghiệp là 4,5% ; kim ngạch xuất khẩu tăng 20%.

Những số liệu trên cho thấy, ở nước ta, nhịp độ tăng bình quân của GDP hằng năm thuộc *loại khá, liên tục* và *ổn định*, một nhịp độ khó đạt và khó giữ được ở các thời kỳ trước đây (thời kỳ

* PGS, PTS, Trường đại học kinh tế quốc dân

(1) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, 1994, tr 6

(2) Báo cáo chính trị của BCH TU Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng

Digitized by Google

1976 - 1980 chỉ đạt 0,4% ; thời kỳ 1981 - 1985 là 6,4% và thời kỳ 1986 - 1990 là 3,9%). Cần nói thêm rằng thành tựu này cũng khó tìm thấy và là điều mơ ước của nhiều quốc gia trên thế giới.

2 - *Cơ cấu kinh tế* có bước chuyển đổi theo hướng tiến bộ. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,7% năm 1990 đã tăng lên 30,3% năm 1995 ; dịch vụ từ 38,6% năm 1990 đã tăng lên 42,5% năm 1995 ; nông nghiệp từ 38,7% năm 1990 đã giảm xuống còn 27,2% năm 1995.

- Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tính đến cuối năm 1994, cơ cấu giá trị tổng sản lượng nông nghiệp như sau : lương thực chiếm 49,4% ; trồng trọt : 24,8% và chăn nuôi : 25,8%. Vấn đề lương thực về cơ bản được giải quyết tốt. Sản lượng lương thực qua các năm đều tăng. Năm 1990 : 21 488 ngàn tấn, năm 1991 : 21 898 ngàn tấn, năm 1994 : 26 200 ngàn tấn ; và năm 1995 : 27 500 ngàn tấn. Thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp, nhất là lương thực, có ý nghĩa rất quan trọng. Sau nhiều năm nước ta thiếu và đói, đến nay đã *giải quyết một cách cơ bản về lương thực* và trở thành nước thứ ba về xuất khẩu gạo trên thế giới. Tính ổn định về kinh tế - xã hội phải chăng bắt nguồn từ thắng lợi này. Vì như Lê Quý Đôn đã nhận xét "phi nông bất ổn". Thắng lợi của nông nghiệp đã tạo cơ sở, tiền đề cho sự phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ ; tạo tiền đề cho tích lũy vốn. C. Mác đã chỉ rõ : xét trên phạm vi toàn xã hội, nông nghiệp gắn liền với lao động tất yếu và sản phẩm cần thiết cho xã hội ; tạo điều kiện để có lao động thặng dư và sản phẩm thặng dư trong cơ cấu lao động xã hội và cơ cấu sản phẩm xã hội phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Sản xuất công nghiệp có nhịp độ tăng trưởng bình quân trong 5 năm (1991 - 1995) là 13,3%, cao hơn chỉ tiêu kế hoạch đề ra (8 - 10%). Trong đó, năm 1991 : 10,4% ; năm 1992 : 15,1% ; năm 1993 : 12,7% ; năm 1994 : 13,5% ; và năm 1995 : 14,0%.

Năng lực sản xuất trong một số ngành và một số sản phẩm quan trọng, sau thời kỳ đình đốn và suy thoái, đã được phục hồi và gia tăng qua các năm nhờ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cả về chiều rộng và chiều sâu. Có thể thấy rõ hơn điều này qua những số liệu dưới đây.

***Bảng 1** : Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu*

	Đơn vị tính	Sản lượng				
		1990	1991	1992	1993	1994
Dầu thô	triệu tấn	2,7	4,0	5,5	6,3	7,0
Điện	Tỷ KW/h	8,79	9,31	9,82	10,85	12,69
Xi măng	Triệu tấn	2,53	3,13	3,34	4,85	5,17
Thép cán	1000 tấn	101,0	149,0	196,0	243,0	250,0
Máy công cụ	cái	894	1235	844	1547	1458
Phân hóa học	1000 tấn	354	450	530	714	788
Giấy	1000 tấn	79	109	118	128,2	139,2
Xà phòng	100 tấn	55	69	72	88	91
Bia	Triệu lít	100	131	169	230	276
Sữa hộp	Triệu hộp	58	75	84	122	150
Đường	100 tấn	27	50	72	84	90

Nguồn : *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế và đổi mới kinh tế ở Việt nam*, Nxb Bộ giáo dục và đào tạo, Hà nội, 1995 ; tr 22.

- Các ngành xây dựng, vận tải, thương nghiệp, du lịch và các dịch vụ khác, đều có bước phát triển khá. Mức bán lẻ hàng hóa xã hội qua các năm đều tăng. Năm 1990 : 19 031,2 tỉ đồng ; năm 1991 : 33 403,6 tỉ đồng ; năm 1992 : 51 214,5 tỉ đồng ; năm 1993 : 67 273,3 tỉ đồng ; và năm 1995 : 85 245,0 tỉ đồng.

- Khác với các thời kỳ trước, hoạt động khoa học - công nghệ trong những năm gần đây ngày càng gắn bó với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thích nghi dần với nền kinh tế thị trường. Chính sự thay đổi phương thức hoạt động này của khoa học - công nghệ đã tạo ra cách làm mới có lợi cho sự hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ mới ở nước ta.

3 - *Quan hệ kinh tế đối ngoại* được mở rộng theo hướng đa dạng hóa và đa phương hóa. Đã khắc phục được sự hẫng hụt do thị trường truyền thống bị giảm sút đột ngột, mở rộng giao lưu với nhiều đối tác và bạn hàng mới. Tình hình xuất

Digitized by Google

nhập khẩu tăng qua các năm. Điều đó thể hiện ở bảng sau :

***Bảng 2** : Tổng giá trị xuất nhập khẩu (1989 - 1995)*

Đơn vị : triệu rúp - đôla (Mỹ)

Năm	Tổng giá trị xuất nhập khẩu		Chia ra			
			Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Số tiền	Tốc độ	Số tiền	Tốc độ	Số tiền	Tốc độ
1989	4.511,8	100	1.946,0	100	2.565,8	100
1990	5.156,4	114,0	2.404,0	123,5	2.752,4	107,3
1991	4.425,2	85,8	2.087,1	86,8	2.338,1	85,0
1992	5.121,4	115,7	2.580,7	123,6	2.540,7	108,6
1993	6.609,2	134,9	2.985,2	115,7	3.924,0*	154,5
1994	9.879,8	143,0	4.504,0	135,8	5.825,8*	148,4
1995	12.730,0	128,9	5.220,0	128,8	7.510,0*	128,9

* Bao gồm cả phần nhập khẩu của các đơn vị có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài

Nguồn : 1) *Niên giám thống kê năm 1994*. Nxb Thống kê, 1995. tr. 280. 2) *Số liệu* 1994, 1995. Báo cáo của Tổng cục thống kê, ngày 2-4-1996.

Tính đến cuối năm 1995, tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư nước ngoài khoảng 18 tỉ USD. Trong đó, đến nay 1/3 đã được thực hiện (động thái phát triển nhanh và quy mô thu hút vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu là từ năm 1991). Số vốn trên được phân bố tập trung nhiều nhất ở TP Hồ Chí Minh, Hà nội, Hải phòng...

Các số liệu trên cho thấy, lĩnh vực đối ngoại và kinh tế đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ gìn hòa bình, phá bỏ thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việc nước ta có quan hệ buôn bán với trên 100 nước ; hơn 50 lãnh thổ và vùng lãnh thổ có quan hệ đầu tư trực tiếp vào nước ta ; nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế viện trợ hoặc cho ta vay để phát triển, là bằng chứng đánh dấu bước chuyển mới quan trọng của thời kỳ phục hồi và phát triển của nền kinh tế nước ta.

4 - *Về tài chính và tiền tệ*, sau nhiều năm làm không đủ ăn, mấy năm lại đây bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Vốn đầu tư cơ bản toàn xã hội năm 1990 chiếm 15,8% trong GDP, năm 1995 đã lên đến 27,4%, trong đó, nguồn đầu tư trong nước chiếm khoảng 16,7% trong GDP. Nếu chỉ tính riêng vốn đầu tư cơ bản của nhà nước thì tình hình đầu tư cho xây lắp, cho thiết bị và cho kiến thiết cơ bản khác qua các năm nói chung có tăng lên. Điều đó biểu hiện ở bảng sau :

***Bảng 3** : Tình hình đầu tư của một số ngành cơ bản*

(Đơn vị : tỉ đồng)

	1990	1991	1992	1993	1994
Tổng số (tỉ đồng)	*2.145,8*	*2.383,0*	*3.333,2*	*5.898,4*	*4.878,0*
Trong đó :					
- Xây lắp	1.622,3	1.591,1	2.373,0	3.476,7	
- Thiết bị	314,9	603,6	630,7	1.775,1	
- Kiến thiết cơ bản khác	208,6	188,3	329,5	646,6	

Nguồn : *Niên giám thống kê năm 1994*, Nxb Thống kê năm 1995 ; tr 232

Tình hình lạm phát trong những năm gần đây được kiềm chế. Từ năm 1990 đến nay mức lạm phát đã giảm dần và có xu hướng ổn định : 67,1% năm 1991 ; 17,5% năm 1992 ; 5,2% năm 1993 ; 14,4% năm 1994 và 12,7% năm 1995. Lạm phát được kiềm chế có tác dụng to lớn góp phần ổn định nền kinh tế và biểu hiện thành công bước đầu của chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, lạm phát vẫn còn ở mức 2 con số. Điều đó chứng tỏ một số yếu tố có liên quan đối với việc điều hòa lưu thông tiền tệ còn chưa vững chắc.

5 - *Về cơ cấu thành phần kinh tế trong nền kinh tế hàng hóa :*

- Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất và nền kinh tế hàng hóa. Khu vực kinh tế nhà nước (hiểu theo nghĩa rộng) từng bước được củng cố và phát huy vai trò chủ đạo đối với các thành phần kinh tế khác. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển. Các hình thức hợp tác, liên doanh với nước ngoài hình thành trong tính đa dạng của chính sách kinh tế

Digitized by Google

nhiều thành phần. Điều đó được thể hiện trong cơ cấu vốn giữa các khu vực kinh tế.

***Bảng 4** : Cơ cấu vốn giữa các khu vực kinh tế*

(Đơn vị : %)

	1991	1992	1993	1994	1995
Tổng số	100	100	100	100	100
- Doanh nghiệp Nhà nước	88,25	78,2	71,0	63,2	58,1
- Ngoài quốc doanh	0,15	4,1	6,2	6,6	5,7
- DN nước ngoài	11,6	17,7	22,8	30,2	36,2

Nguồn : *Tạp chí tài chính*, số tháng 5-1996

Số liệu trên cho thấy sự gia tăng tỷ trọng vốn của doanh nghiệp nước ngoài hiện đang diễn ra với nhịp độ nhanh, chúng ta cần tính đến trong quá trình điều chỉnh hệ thống quan hệ sản xuất, nhất là quan hệ sở hữu.

- Sự phát triển kinh tế thị trường ở nước ta, mặc dù có những mặt, những khía cạnh làm chúng ta chưa yên tâm, song chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, là yêu cầu khách quan, là một chủ trương đúng đắn, hiện đang tiếp tục hình thành trong thực tiễn. Vấn đề đặt ra là việc giữ vững vai trò chủ đạo của vực kinh tế nhà nước và phát huy hơn nữa năng lực và sự lành mạnh trong quản lý vĩ mô của bộ máy nhà nước.

II - VỀ XÃ HỘI : Qua mười năm đổi mới, lần đầu tiên nước ta hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1991 - 1995). Từ những thành tựu về kinh tế đã tạo ra một số chuyển biến tốt về mặt xã hội, tạo nên sự gắn bó giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội. Chính nó đã góp phần đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng. *Những thành tựu về mặt xã hội được thể hiện ở* những khía cạnh sau :

1 - *Đời sống vật chất* của phần lớn nhân dân so với trước được cải thiện rõ rệt. Cụ thể là :

- Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống (mặc dù vậy mức sống của nhân dân ta so với nhiều nước nói chung còn thấp). Theo kết quả một số cuộc điều tra năm 1993 và 1994, thì tỷ lệ hộ giàu là 4,1%, hộ trên trung bình là 17,2%, hộ trung bình là 36,5%, hộ dưới trung bình là 22,3% và hộ nghèo là 20% (3).

- Sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đã tạo thêm nhiều việc làm mới, do đó mỗi năm nước ta tăng thêm hơn 1 triệu lao động có việc làm.

- Khối lượng hàng hóa bán lẻ trên thị trường xã hội tăng gấp đôi so với trước, việc mua bán thuận tiện hơn, khách hàng được coi trọng hơn so với thời kỳ bao cấp.

- Thêm nhiều nhà ở và đường giao thông được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới ở cả nông thôn và thành thị. Mạng lưới điện, hệ thống thông tin được mở rộng ở nhiều nơi (kể cả miền núi, hải đảo).

- Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, ngăn chặn bệnh dịch có nhiều tiến bộ.

- Thể dục thể thao có bước phát triển hơn so với trước, mặc dù còn phải phấn đấu nhiều để kịp các nước trong khu vực.

2 - *Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa* của nhân dân được nâng lên. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin đại chúng đã về tới phần lớn các vùng nông thôn. Công tác kế hoạch hóa gia đình và nhiều hoạt động xã hội khác có nhiều mặt tiến bộ. Đã có những cố gắng bước đầu trong việc chống các tệ nạn xã hội theo tinh thần Nghị định 87/CP của Chính phủ.

3 - Trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nảy sinh những yêu cầu mới về việc làm và tự tìm kiếm việc làm thì tính năng động, sáng tạo của nhân dân được khơi dậy và được phát huy. Người lao động chủ động hơn trong việc tìm kiếm việc làm để tăng thu nhập. Tính ỷ lại trông chờ vào nhà nước, dựa dẫm tập thể được khắc phục đáng kể. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đánh dấu sự đoạn tuyệt cơ chế bao

(3) *Theo Niên giám thống kê năm 1994*, Nxb Thống kê, 1995, tr 372

Digitized by Google

cấp, từng bước thích nghi với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

4 - Phong trào "đền ơn đáp nghĩa" đối với người có công với nước theo tinh thần "uống nước nhớ nguồn", được toàn dân hưởng ứng sâu rộng. Phong trào xóa đói, giảm nghèo diễn ra khá sôi nổi với nhiều hình thức phong phú, không chỉ ở các ngành kinh tế mà cả ở các hội, các đoàn thể. Chính các phong trào này đã làm cho mối quan hệ giữa người với người ngày càng trở nên tốt đẹp hơn. Một số mặt căng thẳng và gay cấn trong xã hội do sự phân hóa giàu nghèo, có điều kiện giải quyết theo hướng tích cực hơn.

5 - Những thành tựu kinh tế - xã hội đạt được qua mười năm đổi mới đã làm cho *lòng tin của nhân dân đối với chế độ, đối với Đảng và Nhà nước được nâng lên.* Điều đó đã củng cố thêm một bước sự vững bền của chế độ mới do Đảng lãnh đạo và lấy "dân làm gốc".

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu kinh tế và xã hội đạt được qua mười năm đổi mới, chúng ta không phải không còn những khuyết điểm và yếu kém trên các khía cạnh : chưa thực hiện tốt cần kiệm trong tiêu dùng để dành vốn cho tích lũy ; còn có hiện tượng vừa lúng túng vừa buông lỏng việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới ; vai trò quản lý kinh tế - xã hội còn yếu ; các mặt xã hội còn nhiều điểm nhức nhối... Chính những yếu kém này làm cho đất nước tuy đã ra khỏi khủng hoảng, nhưng có mặt chưa được củng cố vững chắc.

Mặc dù vậy, xét trên tổng thể về kinh tế, chính trị, xã hội, quan hệ đối ngoại, quốc phòng - an ninh ; trên cả thế và lực, và theo dòng chảy của xu hướng phát triển, nhận định của Đại hội VIII : *"Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội", nhưng một số mặt còn chưa vững chắc"* là một nhận định khoa học và khách quan, mở ra triển vọng mới, làm nức lòng người ❑

CHÍNH SÁCH ...

(Tiếp theo trang 61)

Mặc dù thị trường chứng khoán có chức năng, vai trò kinh tế rất lớn, nhất là cho việc thực hiện chiến lược vốn của ta, song đây là loại hình thị trường tài chính cao cấp, có cơ chế vận hành rất phức tạp, đòi hỏi phải được chuẩn bị hết sức cẩn thận. Hiện nay, chúng ta chưa có điều kiện cần và đủ để xác lập ngay thị trường hoàn chỉnh (cơ sở pháp lý cho quản lý, tạo dựng thị trường, chuẩn bị hàng hóa, các tổ chức tài chính trung gian của thị trường). Chính vì vậy, một mặt cần đẩy nhanh quá trình chuẩn bị ; mặt khác, có các giải pháp quá độ thích hợp nhằm khắc phục tình trạng ách tắc trong giao lưu các loại chứng khoán đã phát hành (chủ yếu là trái phiếu chính phủ), tạo điều kiện huy động vốn cho các doanh nghiệp làm ăn hiệu quả. Một trong số các giải pháp khả thi nhất hiện nay là hình thành các công ty đầu tư tài chính nhà nước để thực hiện một số chức năng kinh doanh, hỗ trợ khi chưa có thị trường chứng khoán tập trung. Đó là :

- Bảo lãnh, phân bổ và bao tiêu cho các công ty nhà nước có đủ điều kiện phát hành trái phiếu, cổ phiếu để mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện mua - bán các loại chứng khoán đã phát hành, sẽ phát hành của Chính phủ, các doanh nghiệp trực tiếp thỏa mãn nhu cầu giao lưu chứng khoán, nhờ đó nâng cao khả năng huy động vốn dài hạn cho nhà nước và các doanh nghiệp. Ngoài ra, có thể hình thành các quỹ đầu tư tài chính, chứng khoán nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư của dân cư và vốn cho các doanh nghiệp, dự án kinh tế, thu hút đầu tư của các đối tác bên ngoài thông qua quỹ.

Chính sách tài chính, tiền tệ có vai trò rất lớn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay cũng như nhiều năm sau. Chính vì vậy, nó cần phải được nghiên cứu toàn diện và đổi mới kịp thời để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển nền kinh tế nước ta ❑

Digitized by Google

MÁC - CON NGƯỜI BẤT CHẤP THỜI ĐẠI !

PHẠM THÀNH *

MÁC, *lanh-tăng-pe-xtíp (l' intempestif)* là một cuốn sách do Đa-ni-en Băng-xa-ít (Daniel Bensaid), một tác giả người Pháp viết, Nhà xuất bản Phay-a (Fayard), Pa-ri xuất bản năm 1995.

Tiếng Pháp, *"l' intempestif"* có nghĩa là *"người không hợp thời"*, *"người đến không đúng lúc"*, hoặc cũng có nghĩa là *"người khó chịu, hay quấy rầy"*. Nhưng qua nội dung cuốn sách và qua nhận xét tổng quát của tác giả về Mác, được giới thiệu ở ngay trang bìa : "Về ông Mác, con người *"intempestif"* ấy, con người vào thời đại mình đã không do dự đoạn tuyệt với những pháp điển khoa học và chính trị được người cùng thời thừa nhận rộng rãi nhất, con người đã được hồi sinh lại khi mà người ta cứ tưởng tro tàn của ông đã vĩnh viễn bị rải rác ở khắp nơi rồi. Cần phải làm một bản kiểm kê, rồi tổng kết lại". Vậy, theo tôi, phải dịch *"l' intempestif"* là *"con người vượt lên thời đại"* hay *"con người bất chấp thời đại"*, mới thật sát ý tác giả.

"Mác - con người bất chấp thời đại" là một cuốn sách viết về Mác hết sức công phu nhằm nêu bật những cống hiến đích thực của Mác về mặt khoa học, những giá trị lớn lao của học thuyết Mác mà đến nay nhiều học giả khá uyên thâm vẫn không hiểu nổi, hoặc đã hiểu hết sức sai lầm ; hơn nữa, lại là một cuốn sách do một nhà khoa học không phải cộng sản, cũng không phải mác-xít viết ra, thật đáng để chúng ta suy nghĩ !

Như Băng-xa-ít giới thiệu tổng quát ở đầu cuốn sách, tác giả không có ý định "đem một ông Mác nguyên xi và đích thực ra đối lập lại với những sự xuyên tạc ông", cũng "không khôi phục lại một chân lý lâu ngày bị chiếm đoạt, mà là có ý định lay tỉnh giấc ngủ nặng nề của các lý thuyết chính thống" (tr 10). Với ý đồ như vậy, trong suốt 400 trang sách, tác giả đã luận chiến với những cách hiểu sai lầm về Mác trên *ba* lĩnh vực : *một là*, thái độ của Mác đối với lịch sử ; *hai là*, quan điểm của Mác về xã hội học ; *ba là*, quan điểm của Mác về khoa học. Quyển sách như vậy phân ra làm *ba* phần tương ứng : Mác phê phán lý tính lịch sử ; Mác phê phán lý tính xã hội học ; và Mác phê phán tính thực chứng khoa học.

Nội dung mỗi phần khá sâu sắc và phong phú. Dưới ngọn bút luận chiến, phân tích tinh tế và bách khoa của Băng-xa-ít, những vấn đề tác giả nêu lên thường là có ý nghĩa phương pháp luận, gợi lên cho chúng ta một sự nhận thức khoa học về các nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác. Trong phạm vi bài này, tôi không thể nói hết nội dung cuốn sách, mà chỉ có thể giới thiệu *một số ý chính* của từng phần.

Phần một : Mác phê phán lý tính lịch sử.

Trong phần này tác giả tập trung phân tích thái độ của Mác đối với lịch sử.

Theo Băng-xa-ít, do không hiểu Mác, nên có học giả đã trách cứ Mác khi thì phạm phải quyết định luận kinh tế, khi thì phạm phải mục đích luận lịch sử. Ông đã lấy nhiều dẫn chứng trong tác phẩm của Mác để bác bỏ những sự trách cứ không đúng đắn ấy.

Người ta trách cứ Mác đã coi lịch sử như một thực thể có ý thức vì ông đã dùng những thuật ngữ như : "tòa án của lịch sử, những con đường ngoắt ngoéo của lịch sử". Tác giả cho rằng trách cứ Mác như thế là hoàn toàn xuyên tạc tư tưởng của Mác. Mác, Ăng-ghen không bao giờ coi lịch sử là một tinh thần thần bí. Lịch sử theo các ông, không hướng tới một mục đích nào như một định mệnh cả. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăng-ghen đã nói : không nên nghĩ rằng "lịch sử sau là mục đích của lịch sử trước". Theo các ông "Lịch sử chẳng qua chỉ là sự nối tiếp của những thế hệ riêng rẽ trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả các thế hệ trước để lại ; do đó, mỗi thế hệ một mặt tiếp tục phương thức hoạt động được truyền lại, nhưng trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi, và mặt khác, lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động hoàn toàn thay đổi ; những sự kiện đó, người ta đã xuyên tạc chúng bằng tư biện, khiến cho dường như lịch sử sau là mục đích của lịch sử trước..." (1). Ăng-ghen cũng đã phản đối việc nhân cách hóa lịch sử khi ông nói : "Lịch sử không làm gì cả". Trái lại, chính con người làm ra lịch sử của chính mình. Lịch sử chỉ là hoạt động của con người đang theo đuổi mục đích của mình. Và "giả thiết đầu tiên của lịch sử con người là sự tồn tại của những con người cá nhân đang sống".

---

* Giáo sư, Nguyên giám đốc Nhà xuất bản Sự thật, nay là nhà xuất bản chính trị quốc gia

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 299

Digitized by Google

Băng-xa-ít cho rằng, xuất phát từ một quan niệm hoàn toàn đúng đắn về lịch sử, Mác đã bác bỏ quan điểm duy tâm về lịch sử của Hê-ghen và đã sáng tạo ra một cách viết lịch sử mới, hàm ý một cuộc cách mạng về lý luận. Băng-xa-ít đã phát hiện ra một điều quan trọng mà theo tôi nghĩ chúng ta ít chú ý đến khi đề cập đến lịch sử, đó là trong lịch sử thực, có những cái không đúng thời, những cái không trùng khớp về thời gian. Ông chỉ rõ : Mác đã nhấn mạnh rằng trong lịch sử có sự không trùng khớp của các thời gian (discordance des temps), và tư tưởng đó của Mác là nhất quán từ *Phác thảo* (Grundriss) cho đến bộ *Tư bản*. Ông cho rằng tính phù hợp ở Mác không hàm ý tính thích hợp. Nó chỉ nêu ra một loạt khả năng mà thôi. Trái lại, cái trái thời gian, không trùng khớp thời gian lại là phương thức thực tế của chính trị, nghệ thuật, lý luận.

Tác giả đã lấy một loạt tác phẩm của Mác và Ăng-ghen về lịch sử để minh họa cho sự hiểu biết của ông về quan điểm của Mác đối với lịch sử. Đó là *Chiến tranh nông dân ở Đức, Đấu tranh giai cấp ở Pháp, Ngày 18 tháng sương mù, Nội chiến ở Pháp.*

Từ đó cho rằng một cuộc cách mạng đúng lúc không có nguy cơ, không có bất ngờ là một sự kiện không có sự kiện, một thứ cách mạng không có cách mạng. Không có vấn đề đúng lúc hay không đúng lúc. Các cuộc cách mạng là dấu hiệu của một sự thực là nhân loại *có thể* giải quyết về mặt lịch sử. Chính vì vậy Mác đã không do dự đứng về phía người nghèo trong chiến tranh nông dân, trong cách mạng Anh, trong cách mạng Pháp, đứng về phía chiến sĩ Công xã trong Công xã Pa-ri.

Ông cho rằng, đối với Mác, tất yếu lịch sử không có gì là định mệnh máy móc, khả năng thực tế trở thành tất yếu, và tất yếu gắn với ngẫu nhiên. Đó là một quan niệm hết sức biện chứng về tất yếu lịch sử.

Như vậy, **Phần một** của cuốn sách gợi ý cho chúng ta suy nghĩ lại về nhận thức của chúng ta trước đây đối với những cái mà chúng ta hiểu một cách máy móc và trừu tượng về tất yếu lịch sử, quy luật lịch sử. Liên hệ với khả năng bỏ qua sự phát triển của chế độ tư bản đối với cách mạng Việt nam hiện nay, chúng ta có căn cứ khoa học để tin vào khả năng đó và phấn đấu cho khả năng đó, mặc dù ở đây có thể có một sự không trùng khớp nào đó của các thời gian như Mác đã nói.

Phần hai : Mác phê phán lý tính xã hội học.

Trong phần này, Băng-xa-ít tập trung phân tích một vấn đề hiện nay đang là thời sự nóng hổi : vấn đề giai cấp và quan hệ giữa các giai cấp.

Tác giả phê phán một số nhận thức máy móc về giai cấp, cho rằng tựa hồ ở Mác giai cấp quy lại chỉ có hai : người có sở hữu và người không có sở hữu. Ông cho rằng không thể tìm thấy ở Mác một định nghĩa súc tích về giai cấp. Bởi lẽ Mác không phải là nhà xã hội học quan tâm đến việc định nghĩa giai cấp. Học thuyết về giai cấp của Mác không thể quy lại thành một trò chơi tĩnh nhằm đưa ra những định nghĩa và sự xếp loại. Nó chỉ nghiên cứu một hệ thống các quan hệ mà cuộc đấu tranh tổ chức lại thành cơ cấu, hệ thống này được Mác phát triển một cách đầy đủ trong những tác phẩm chính trị như *Đấu tranh giai cấp ở Pháp*, v. v.. Trong bộ *Tư bản*, Mác trình bày các giai cấp trong sự vận động của tư bản. Trong quyển I, giai cấp chỉ mới được xét ở bình diện sản xuất. Trong quyển II, Mác xét quan hệ giai cấp trong sự thống nhất giữa sản xuất và lưu thông, trong đó tư bản và công nhân là kẻ mua và người bán. Trong quyển III, những tính quy định từng phần của các giai cấp, ở bình diện bóp nặn giá trị thặng dư trong quá trình sản xuất và ở mức bán sức lao động trong quá trình lưu thông, từ nay được kết hợp vào trong sự vận động toàn bộ của cạnh tranh, của sự hình thành tỷ suất lợi nhuận, của sự chuyên môn hóa chức năng của tư bản, của sự phân phối thu nhập. Chỉ lúc đó các giai cấp mới lộ ra như là một cái gì khác hơn là một tổng số cá nhân làm một chức năng xã hội như nhau. Tác giả dẫn ra một câu rất quan trọng của Mác : "Mỗi nhà tư bản cá biệt cũng như toàn bộ các nhà tư bản trong mỗi lĩnh vực sản xuất riêng biệt, tham gia bóc lột toàn bộ giai cấp công nhân bằng toàn bộ tư bản, và ở trình độ bóc lột này, không chỉ vì tình cảm giai cấp chung, mà vì lợi ích kinh tế trực tiếp, bởi vì tỷ suất lợi nhuận bình quân phụ thuộc vào trình độ bóc lột toàn bộ lao động bởi toàn bộ tư bản".

Tác giả nhấn mạnh : Mác không đưa ra một định nghĩa về giai cấp (cũng như về những phạm trù khác như giá trị, tư bản, v.v.), nhưng lại trình bày những tính quy định của giai cấp trong quan hệ xung đột với các giai cấp khác. Mác nói : "không phải là những định nghĩa theo đó người ta sắp xếp sự vật vào, mà là những chức năng được quy định mà các phạm trù được quy định thể hiện".

Nghiên cứu khá sâu học thuyết giai cấp của Mác, tác giả phát hiện ra nhiều khía cạnh mới mẻ - mới mẻ vì trước đây chúng ta thường ít chú ý tới - khá lý thú. Đó là quan hệ giữa các giai cấp và đại diện chính trị của nó ; là các giai cấp trong quan hệ với nhà nước ; là biện chứng giữa các quan hệ xã hội và đại diện chính trị ; là các quan hệ giai cấp được môi giới bởi các quan hệ lệ thuộc và thống trị giữa các quốc gia - dân tộc trên quy mô quốc tế. Tác giả rút ra một nhận định : "các giai cấp do đó không tồn tại như những thực tại có thể tách biệt

Digitized by Google

với nhau, mà chỉ tồn tại trong biện chứng cuộc đấu tranh của chúng".

Từ những nhận thức về giai cấp như đã nói ở trên, tác giả đã phê phán một số quan điểm sai lầm và nói rõ quan điểm của mình về một loạt vấn đề, như thực trạng giai cấp trong xã hội tư bản hiện đại, quan hệ bóc lột và bị bóc lột, công bằng xã hội.

Qua sự trình bày của Băng-xa-ít, có thể thấy tác giả đánh giá rất cao bộ *Tư bản* của Mác, đặc biệt là học thuyết của Mác về lao động và giá trị sức lao động, kết quả của phương pháp trừu tượng hóa mà Mác đã vận dụng vào việc nghiên cứu nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Phần ba : Mác phê phán tính thực chứng khoa học.

Trong phần này, Băng-xa-ít nói về thái độ của Mác đối với khoa học.

Ông nhận xét rằng, Mác chịu ảnh hưởng của *ba* quan niệm khoa học : khoa học thực chứng Anh, sự phê phán theo tinh thần Hê-ghen, và khoa học Đức. Ông cho rằng, "trở nên có tính cách mạng, khoa học kết hợp ba phạm vi ấy trong phê phán khoa kinh tế chính trị". Đồng thời, tác giả cũng lại phát hiện ra rằng, do sự ràng buộc của một đối tượng nghiên cứu đặc thù là tư bản, Mác đã tạo ra một cách làm khoa học mới.

Trước hết, Mác đưa ra một quan niệm hoàn toàn mới về quy luật trong khoa học xã hội. Ở đây đòi hỏi một tính nhân quả khác tính nhân quả trong cơ học cổ điển, những quy luật khác với các quy luật trong khoa học tự nhiên, một tính thời gian khác được đo bằng một thước đo khác.

Tác giả nghiên cứu cách làm khoa học mới của Mác trong bộ *Tư bản*. Ông phát hiện ra rằng bộ *Tư bản* đã nói ngay từ đầu về quy luật xu hướng, và trong quyển III của bộ sách này, Mác nói nhiều về khái niệm quy luật xu hướng. Ông trích dẫn một câu điển hình của Mác : "Trong toàn bộ sản xuất tư bản, quy luật chung chỉ thể hiện như là xu hướng thống trị chỉ một cách gần đúng và một cách phức tạp". Mặc dù có những nguyên nhân đi ngược lại quy luật, nhưng quy luật vẫn biểu hiện ra với tính cưỡng chế của nó. Ở đây tác giả lấy quy luật trong vật lý lượng tử, hạt nhân v.v. để so sánh với cách nhìn của Mác về quy luật trong lĩnh vực kinh tế.

Băng-xa-ít đánh giá cao phương pháp nghiên cứu khoa học của Mác khi ông nói : "Nếu Mác đã không dự kiến những đảo lộn về phương pháp nghiên cứu khoa học mà chúng ta đang gặp hiện nay, thì những lời giải đáp bộ phận của ông cho những nghị luận quá tinh tế về hàng hóa, đã vượt quá tầm mắt khoa học thời ông. Tư duy của ông không mảy may lạc lõng trước những vấn đề đương đại".

Trong số những vấn đề chứng tỏ tầm nhìn xa rộng của Mác, tác giả đã làm nổi bật *hai* vấn đề hiện đang là mối quan tâm của toàn thể loài người. Đó là vấn đề *môi sinh*, và đặc biệt là *vai trò của khoa học với tính cách là lực lượng sản xuất trực tiếp*. Tác giả trích dẫn một đoạn của Mác trong bản thảo 1844 - 1848 nói lên tầm nhìn vượt thời đại của Mác : "Nếu quá trình sản xuất trở thành lĩnh vực vận dụng khoa học thì lúc đó ngược lại, khoa học trở thành một chức năng của quá trình sản xuất... Với tính cách là sản phẩm của lao động trí tuệ, khoa học bao giờ cũng ở dưới giá trị của nó. Bởi vì thời gian lao động tất yếu để tái sản xuất ra nó không có quan hệ nào với thời gian lao động tất yếu để sản xuất ra nó lúc khởi đầu". Ở đây, tư tưởng của Mác phải được chúng ta nghiên cứu để lý giải một loạt vấn đề của sản xuất xã hội trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.

Tóm lại, trong cuốn sách *"Mác, con người bất chấp thời đại"*, qua việc phê phán một số nhận thức mà tác giả cho là không đúng với tư tưởng của Mác, tác giả đã trình bày sự nhận thức của mình về một số vấn đề rất quan trọng của chủ nghĩa Mác mà ông coi đích thực là tư tưởng của Mác. Ông cho rằng, không nghi ngờ gì cả, chủ nghĩa Mác vẫn đang còn có tính thời sự ; và ông muốn bằng công trình nghiên cứu nghiêm túc của mình, rút ra tính nhất quán, mạch lạc về lý luận của học thuyết Mác.

Dĩ nhiên, Băng-xa-ít đã không đứng trên lập trường một chiến sĩ cộng sản để trình bày những vấn đề nói trên. Ông chỉ xét chủ nghĩa Mác dưới giác độ của một nhà khoa học, với khuynh hướng khách quan chủ nghĩa. Do đó, bên cạnh những mặt tích cực, tác phẩm của ông cũng không tránh khỏi những hạn chế về mặt giai cấp, như : lẩn tránh ý nghĩa cách mạng của chủ nghĩa Mác ; phê phán chủ nghĩa xã hội hiện thực một cách phiến diện, chỉ thấy sai lầm khuyết tật của nó mà không thấy những cống hiến to lớn của nó trên con đường tiến hóa của nhân loại ; không nêu được đầy đủ giá trị thực tiễn đang rất nóng hổi của chủ nghĩa Mác trong thời đại hiện nay. Nhìn chung lại, khuyết điểm cơ bản của cuốn sách là còn nặng tính chất hàn lâm và học thuật.

Nhưng dù sao, trong lúc bọn bồi bút của giai cấp tư sản đang ra sức bác bỏ chủ nghĩa Mác, mà có những nhà Mác học như ông Băng-xa-ít dám nói đến sự phục hồi, giá trị và tính thời sự của học thuyết Mác, thì đó là một điều hết sức có ý nghĩa ❑

Digitized by Google

NHÂN VẬT "HIẾM"

Thái Sơn

KHI đang còn ngôi trên ghế trường đại học, V đã được bạn bè cùng lớp suy tôn là nhân vật "hiếm", bởi lẽ hằng năm tất cả các môn học, V đều đạt điểm giỏi, sử dụng khá thành thạo hai ngoại ngữ (tiếng Nga và tiếng Anh), và là người duy nhất của lớp được kết nạp vào Đảng khi còn là sinh viên.

Ra trường, với bản luận văn tốt nghiệp xuất sắc, V được rất nhiều cơ quan, kể cả các đơn vị liên doanh với nước ngoài "mời chào". Thế nhưng V từ chối tất cả những nơi "béo bở", chỉ nhận lời về công tác ở một cơ quan đảng. Một số bạn bè biết chuyện này, khuyên V là không nên. Có người còn "phát khùng" bảo V là "hâm", là "dở hơi" ! Mà cũng không phải vô cớ họ nói V như thế, bởi vì trong thực tế có nhiều người, muốn vào những nơi ấy, phải bỏ ra hàng "cây" vàng, hoặc hàng chục "vé" (loại tiền 100 USD) để nhờ vả, cậy cục mà cũng chưa được. Trong khi đó thì V lại từ chối lời mời của họ, để về một nơi mà có người nói ví von : "Chuột chạy cùng sào mới vào cơ quan đảng". Nghe nói vậy V chỉ cười, chẳng tranh luận và cũng chẳng nói gì.

Với năng lực của mình, lại được sự giúp đỡ, động viên tận tình của tập thể và lãnh đạo cơ quan, chỉ trong vòng 5 năm, V đã bảo vệ xuất sắc luận án phó tiến sĩ triết học. Cũng trong thời gian này, hàng loạt công trình, đề tài nghiên cứu khoa học của V được đăng tải trên các báo, tạp chí. Những công trình đó đã được dư luận khen ngợi là có giá trị lý luận và thực tiễn.

Khi được hỏi tại sao V lại quyết định về công tác ở một cơ quan đảng, anh trả lời : Nói ra có lẽ mọi người không tin, cho rằng mình "lên gân", nhưng đó hoàn toàn là sự thật. Mình về công tác ở cơ quan đảng lúc đầu đơn giản chỉ là vì mình thích. Mình rất thích nghiên cứu lý luận chính trị, thích đọc sách kinh điển. Hình như điều đó hợp với "tạng" của mình. Càng được đọc Mác - Lê-nin càng học hỏi được nhiều. Mỗi lần đọc lại vỡ vạc ra, phát hiện thêm một vài điều mới mẻ. Nghe các chú, các anh nói rằng cũng có một số điều trong học thuyết của "các cụ" cần được sửa đổi, bổ sung cho hoàn chỉnh, mình nghĩ cũng là lẽ tự nhiên thôi. Làm gì có cái gì thật hoàn chỉnh ngay. Chính Mác và Ăng-ghen trước kia và sau đó là Lê-nin vẫn thường nói học thuyết của các ông không phải là một giáo điều kia mà. Có lúc "hăng hái" lên, V bộc bạch tâm sự : Trước kia có lúc do chúng ta chưa nhận thức được hết điều "các cụ" nói nên đã mắc phải bệnh sùng bái Mác, Lê-nin, cho rằng "phàm là" cái gì "các cụ" đã nói đều đúng cả. Ngày nay, không ít người lại nhảy sang cái cực đối lập, gần như họ phủ định sạch trơn học thuyết của "các cụ". Thế mới biết cực đoan bao giờ cũng dẫn tới những sai lầm.

Thực tế những năm vừa qua, được công tác ở cơ quan đảng, được tiếp xúc với các bậc đàn anh, được đi vào nghiên cứu, khảo sát thực tế, mình thấy khôn ra nhiều , trưởng thành nhiều . Tuy thu nhập thấp, nhưng "thu hoạch" thông tin, kiến thức, rèn luyện phẩm chất, tư cách thì được nhiều . Điều đặc biệt là thực tế giúp mình càng thấy tin yêu Đảng và Bác Hồ, càng tự hào về dân tộc Việt nam ta. Nhớ lại khi mới về cơ quan công tác, đồng chí thủ trưởng thân mật vỗ vai mình rồi nói : "Nếu cậu thật sự tin yêu Đảng ; nếu trái tim cậu thật sự thuộc về Đảng thì chắc chắn cậu sẽ tìm thấy sự say mê trong công việc ở cơ quan đảng". Bây giờ ngẫm lại, thấy những điều ông nói có lý quá.

Đương nhiên, công tác ở đâu, có hợp hay không còn tùy thuộc vào năng lực, sở trường và tính cách của mỗi người. Có những người thích "hướng ngoại", tức là họ chỉ có thể hoạt động và phát huy được tác dụng trong một môi trường rộng, có quan hệ giao tiếp với nhiều người. Những người như thế mà bắt họ ngồi một chỗ tĩnh lặng, vùi đầu vào những đống sách vở, tư liệu... là không ổn. Ngược lại, có những người lại thích "hướng nội", tức là chỉ có thể hoạt động và phát huy được trong một môi trường tĩnh, có nhiều thời gian để một mình nghiên cứu, suy tư. Những người như thế mà "tung" họ vào những nơi sôi động, đòi hỏi phải có sự quảng giao, nhanh nhẹn, tháo vát và quyết đoán kịp thời... thì cũng không đúng chỗ. Mình thuộc loại người thứ hai. Nếu mình hoạt động kinh doanh thì chỉ có thua lỗ. Nói như thế không có nghĩa mình chỉ là con mọt sách, giáo điều, lý luận suông và không có vốn thực tiễn đâu nhé. Mình cũng phải đi rất nhiều. Lý luận và thực tiễn, hai cái đó bổ trợ cho nhau ghê gớm lắm...

Đối với những người chưa quen biết V mà nghe những điều anh nói trên đây thì chắc chắn họ sẽ cho đó là "lên gân lên cốt". Nhưng tôi đã từng quen biết V từ lâu thì tôi tin. Tin thật sự. V đúng là con người như vậy đó. Và, qua đây, tôi cũng tự rút ra cho mình được nhiều bài học ❑

Digitized by Google

VĂN HÓA - BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC - VĂN HIẾN

● **VĂN HÓA** : Là một khái niệm đa nghĩa và phức tạp. Hiểu theo *nghĩa rộng*, văn hóa là tổng thể những nét đặc trưng tiêu biểu nhất của một xã hội, thể hiện trên các mặt vật chất, tinh thần, tri thức và tình cảm, biểu hiện sức sống, sức sáng tạo của một dân tộc. Ngoài văn học, nghệ thuật, văn hóa còn gồm các phong cách sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những truyền thống và những tín ngưỡng...

Xét theo *cấu trúc*, văn hóa là sự hiểu biết, sự sáng tạo, thể hiện trong nhận thức, giao tiếp, ứng xử, ngôn ngữ, tình cảm và hành vi của con người.

Theo quan điểm *giá trị*, văn hóa là trình độ phát triển các quan hệ nhân tính của một xã hội, của mỗi con người ; nó được cộng đồng khẳng định thành một hệ giá trị trên cơ sở chân, thiện, mỹ.

Văn hóa tồn tại dưới hai hình thức cơ bản : văn hóa *hữu hình* là những sử liệu thành văn, các công trình kiến trúc, dinh thự, đình, chùa, miếu, mộ, lăng..., và văn hóa *vô hình* như : âm nhạc, ngôn ngữ, huyền thoại, truyền miệng, phong tục tập quán, tôn giáo, nghi lễ... Tuy nhiên, sự phân chia này có ý nghĩa tương đối, vì đó cũng là hai mặt của một nội dung, gắn bó chặt chẽ với nhau. Các di tích, kiến trúc tôn giáo chỉ có thể thăng hoa thành giá trị văn hóa khi bàn tay, khối óc, ý tưởng thẩm mỹ, tâm hồn, tình cảm của con người đã hóa thân vào đó.

Văn hóa hình thành và phát triển trong mối quan hệ thích nghi giữa con người với tự nhiên ; giữa con người với con người. Trải qua hàng thế kỷ nhận thức, thích nghi, khai thác và cải tạo thế giới, những thành tựu, tri thức, kinh nghiệm sống đã được tích lũy và trở thành nền tảng cơ bản cho sự hình thành và phát triển văn hóa. Văn hóa không chỉ bó hẹp trong mối quan hệ giữa cá nhân - gia đình và cộng đồng xã hội mà còn mở rộng trong mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên thế giới. Lịch sử hình thành và phát triển văn hóa đồng thời là lịch sử của quá trình giao lưu, tiếp xúc, ảnh hưởng, hội nhập văn hóa, sàng lọc và cải biến, "bản địa hóa" văn hóa, cũng là quá trình tác động và dung hợp nhiều nền văn hóa của các địa phương, khu vực. Như chủ lưu hội tụ những dòng chảy khác nhau, văn hóa thể hiện sự thống nhất trong tính đa dạng. Theo nghĩa đó, văn hóa vừa mang những giá trị, những nét độc đáo của dân tộc, vừa tiềm ẩn những giá trị chung toàn nhân loại.

Văn hóa còn được hình thành trong quá trình sáng tạo của loài người, sáng tạo thế giới và sáng tạo chính bản thân con người. Sự sáng tạo văn hóa đó mang tính liên tục và kế thừa, in đậm dấu ấn lịch sử - truyền thống và thời đại.

Trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, do điều kiện tự nhiên - lịch sử khác nhau, trình độ phát triển xã hội khác nhau nên mỗi quốc gia, dân tộc sáng tạo ra những giá trị văn hóa khác nhau. Nếu nói một cách ngắn gọn, "*văn hóa* tức là *sinh hoạt*" thì có thể hiểu một dân tộc, ở một thời điểm lịch sử nhất định, kể cả dân tộc "mông muội", "dã man" cũng đều có nền văn hóa riêng của mình (1)

Văn hóa không phải là giá trị cố định, bất biến. Văn hóa là phát triển. Văn hóa thúc đẩy sự phát triển, là động lực và mục tiêu của phát triển. Sự phát triển của mỗi dân tộc phụ thuộc quan trọng vào sự phát triển văn hóa. Do đó, văn hóa với ý nghĩa đích thực của nó, đóng góp vào sự phát triển xã hội và nền văn minh nhân loại.

● **BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC** : Là những biểu hiện giá trị (vật chất và tinh thần) đặc thù, là sắc thái riêng biệt trong đời sống sinh hoạt xã hội của mỗi cộng đồng dân tộc, từ cách ăn mặc, đi lại... cho đến chiều sâu tâm hồn, cách tư duy và lối ứng xử.

Bản sắc văn hóa dân tộc được hun đúc theo chiều dài lịch sử dân tộc, được tạo nên trong quá trình lao động sáng tạo của dân tộc, từ đó hình thành các truyền thống, chuẩn mực, lối sống, tính cách, tâm lý, nếp nghĩ mang tính đặc thù của dân tộc. Đến lượt nó, bản sắc văn hóa dân tộc đi vào mọi mặt của đời sống xã hội, góp phần nuôi dưỡng, chi phối các lề thói, phong tục tập quán, tín ngưỡng của dân tộc.

Bản sắc văn hóa dân tộc là cốt cách, là "khí thiêng sông núi" của dân tộc, tạo sự khác biệt giữa các cộng đồng người. Bản sắc văn hóa dân tộc là biểu hiện sâu sắc và tập trung nhất của bản sắc dân tộc, nó gắn liền với dân tộc, tham gia vào quá trình hình thành và phát triển của dân tộc. Do vậy, bản sắc văn hóa dân tộc là tinh túy, là nội lực, là sức mạnh của dân tộc. Lịch sử cho thấy, dân tộc nào đánh mất cội rễ của mình, đánh mất bản sắc văn hóa của mình, dân tộc ấy đánh mất chính mình, đi đến chỗ nô lệ hoặc suy vong.

Bản sắc văn hóa dân tộc là cái "độc nhất vô nhị" của nền văn hóa dân tộc. Nói bản sắc văn hóa dân tộc là nói nét đậm đà sâu sắc nhất và mang tính phát triển. Bản sắc văn hóa dân tộc nếu không được bổ sung, phát

Digitized by Google

triển thì dù có hàm chứa những giá trị cao đẹp đến mấy, cũng không thể trở thành sức mạnh của dân tộc. Bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ là giá trị quá khứ vĩnh hằng mà còn là thực tại và hướng tới tương lai. Nó chỉ thực sự sống động, trở thành nội lực của dân tộc khi trong quá trình vận động, nó vừa phát huy những giá trị nội tại, vừa kế thừa, điều chỉnh, tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hóa từ bên ngoài.

Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng việc giữ gìn, kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời với việc tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, chủ trương *xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Một nền văn hóa như vậy sẽ là một sinh lực làm nền tảng cho sự phát triển dân tộc, sẽ tạo nên bản lĩnh dân tộc, vững vàng trước mọi thử thách.

● **VĂN HIẾN :** Có thể hiểu là những nét đẹp lung linh tạo ra chiều sâu, bề dày của những yếu tố cơ bản để xây đắp, tôn tạo cho truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp của dân tộc.

Một nước văn hiến là một nước có truyền thống lịch sử lâu đời, với những tập tục, nếp sống văn hóa và kết cấu văn minh riêng. Những truyền thống đó thấm đượm, ghi tạc, lưu truyền trong dân gian, có sức sống bền bỉ cùng năm tháng, được bảo tồn từ đời này sang đời khác.

Văn hiến là niềm tự hào, là yếu tố tạo ra sức mạnh tinh thần của dân tộc, là cội nguồn của sự hình thành dân tộc và phát triển dân tộc. Văn hiến bao hàm các yếu tố và giá trị văn hóa. Tuy nhiên, khái niệm văn hiến không đồng nhất với văn hóa.

Việt nam là đất nước có hàng nghìn năm văn hiến. Thời kỳ mở nước được đánh dấu bằng thời kỳ hình thành và phát triển nền văn minh Đông sơn rực rỡ, nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ, mở đầu lịch sử văn minh - văn hiến Việt nam. Với hàng nghìn năm văn hiến, dân tộc Việt nam đã tạo nên những di sản văn hóa phong phú, quy tụ nhiều nhân tài ; tạo nên một đất nước có nhiều huyền thoại, huyền tích, truyền thống ; tạo lập nền tảng bền vững cho sự sinh tồn và phát triển dân tộc. Bề dày truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt nam đã hình thành một bản sắc dân tộc Việt nam, một lối sống thuần Việt, một cốt cách, tâm hồn Việt nam, truyền thống Việt nam. Truyền thống tốt đẹp đó được hun đúc trong lịch sử, trở thành biểu tượng kết tinh những giá trị cao đẹp của dân tộc : đó là lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, lao động cần cù sáng tạo, yêu hòa bình, giàu lòng nhân ái ; là truyền thống hiếu học, trọng đạo nghĩa, trọng người hiền tài...❑

(1) Xem : Đào Duy Anh : *Việt nam văn hóa sử cương*, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1992, tr 13

LỜI CẢM ƠN

Nhân kỷ niệm *Ngày báo chí Việt nam 21-6*, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã nhận được nhiều thư, quà, lẵng hoa và thiếp chúc mừng của cá nhân và tập thể các cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể nhân dân ở trung ương và địa phương, các tạp chí, báo, đài, các cộng tác viên, thông tin viên và bạn đọc Tạp chí.

Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản* xin chân thành cảm ơn những tình cảm cao quý và sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí và các bạn. Chúng tôi sẽ cố gắng nhiều hơn nữa để Tạp chí xứng đáng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của bạn đọc.

Ban Biên tập TCCS

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY CAO SU BÀ RỊA



Địa chỉ
- Huyện Châu Đức - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Tel : (01.64) 81025 - 81977 - 81978
- Fax : 84.64.81169.

GIÁM ĐỐC
ÔNG HOÀNG TRỌNG



Công ty cao su Bà rịa

* Công ty cao su Bà Rịa có diện tích 13.800 ha, sản lượng mũ bình quân hàng năm là 12.000 tấn.

* Công ty có nhà máy Hòa Bình chế biến mũ khối, công suất 6.000 tấn / năm.

* Năm 1996 công ty đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mũ ở Xà Bang, dây chuyền hiện đại, công suất 15.000 tấn / năm.

Digitized by Google

CÔNG TY CẤP NƯỚC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

VĂN PHÒNG : 15/4 QUỐC LỘ 51 - THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
ĐT : 64.838324 - FAX : 84.64.833636

WASUCO







TRUNG TÂM DỊCH VỤ CẤP THOÁT NƯỚC BÀ RỊA VŨNG TÀU

■ *CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :*

- Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt và công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Thi công, lắp đặt các công trình cấp thoát nước.
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước.

Digitized by Google

CÔNG TY QUỐC DOANH ĐÁNH CÁ KIÊN GIANG

***Địa chỉ*: 69A Bạch đằng - TX Rạch giá**
tỉnh Kiên giang
***Điện thoại*: 862192.**





Nhiệm vụ :

- Khai thác đánh bắt thủy sản
- Công ty là hải đoàn bảo vệ vùng biển phía nam
- Ngoài ra còn có phân xưởng sửa chữa đóng mới các loại tàu thuyền, sản xuất đồ nhựa, nước đá, cửa hàng vật tư, thu mua phục vụ tốt đánh bắt và chế biến hải sản v.v..

Công ty liên tục 5 năm được nhận cờ luân lưu của Chính phủ và nhiều cờ, huy chương, bằng khen của Bộ, UBND tỉnh, Quân khu 9...

TRUNG TÂM VĂN HÓA SUỐI TRE

Địa chỉ : Ven quốc lộ 1A - Đường đi thị trấn Long khánh - Đồng nai
Điện thoại : 061.877383



Giám đốc Trung tâm văn hóa Suối tre

- Phong cảnh thơ mộng, hữu tình, núi rừng thiên nhiên bạt ngàn - địa điểm lý tưởng cho các cuộc picnic, cắm trại
- Các loại hình vui chơi, giải trí phong phú, đa dạng (đu quay vòng, máy bay điện, thiên nga, du thuyền... và các hoạt động văn hóa nghệ thuật, TDTT khác)
- Nhà hàng phục vụ tận tình, chu đáo, lịch sự - khách sạn mini đầy đủ tiện nghi
- Sẵn sàng hợp tác, liên doanh phát triển du lịch với các doanh nghiệp trong và ngoài nước

Hân hạnh đón tiếp quý khách



Nhà hàng Suối tre

Digitized by Google

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

Sản phẩm VINAMILK đa dạng và phong phú, đảm bảo các giá trị dinh dưỡng cao. Đặc biệt được bổ sung thêm các Vitamin các loại.



Địa chỉ : ☞ 36 - 38 Ngô Đức Kế - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh - ĐT : 299377 - Fax : 84-8-294845

☞ 25B Phan Đình Phùng - Quận Ba Đình - Hà Nội - ĐT : 284187

VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK

Digitized by Google

NHÀ MÁY IN BÁO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN 2

ARMY PRINTING HOUSE No2

65 HỒ VĂN HUÊ - PHƯỜNG 9 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

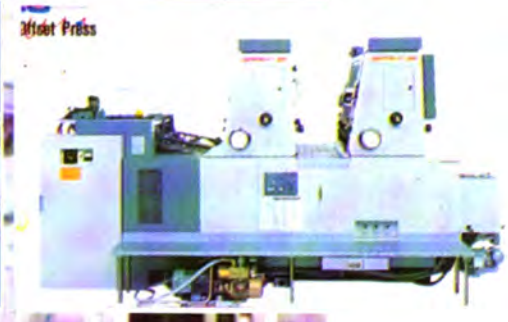
TEL : 8440703 - 8446814 . FAX : 84.8.8446814



Chuyên in các loại ấn phẩm với chất lượng cao nhất

* SÁCH, BÁO, TẠP CHÍ
* LỊCH. CATALOGE
* NHÃN HIỆU, BAO BÌ
* ẤN PHẨM MỸ THUẬT



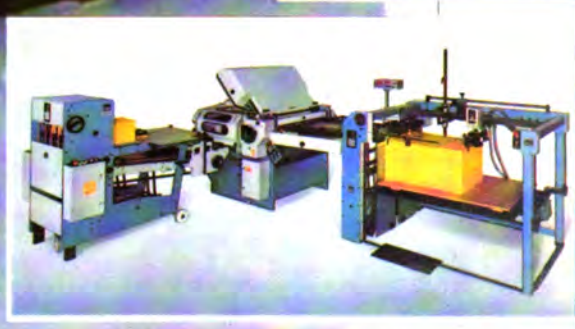






ĐẶC BIỆT

Máy in offset cuộn 4/4 màu HEIDELBERG HARRIS thế hệ mới nhất, chồng màu tự động. Công suất 45.000 sản phẩm / giờ.



HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

Digitized by Google





Một số hoạt động mừng kết quả Đại hội VIII

Ảnh : **VŨ MINH**

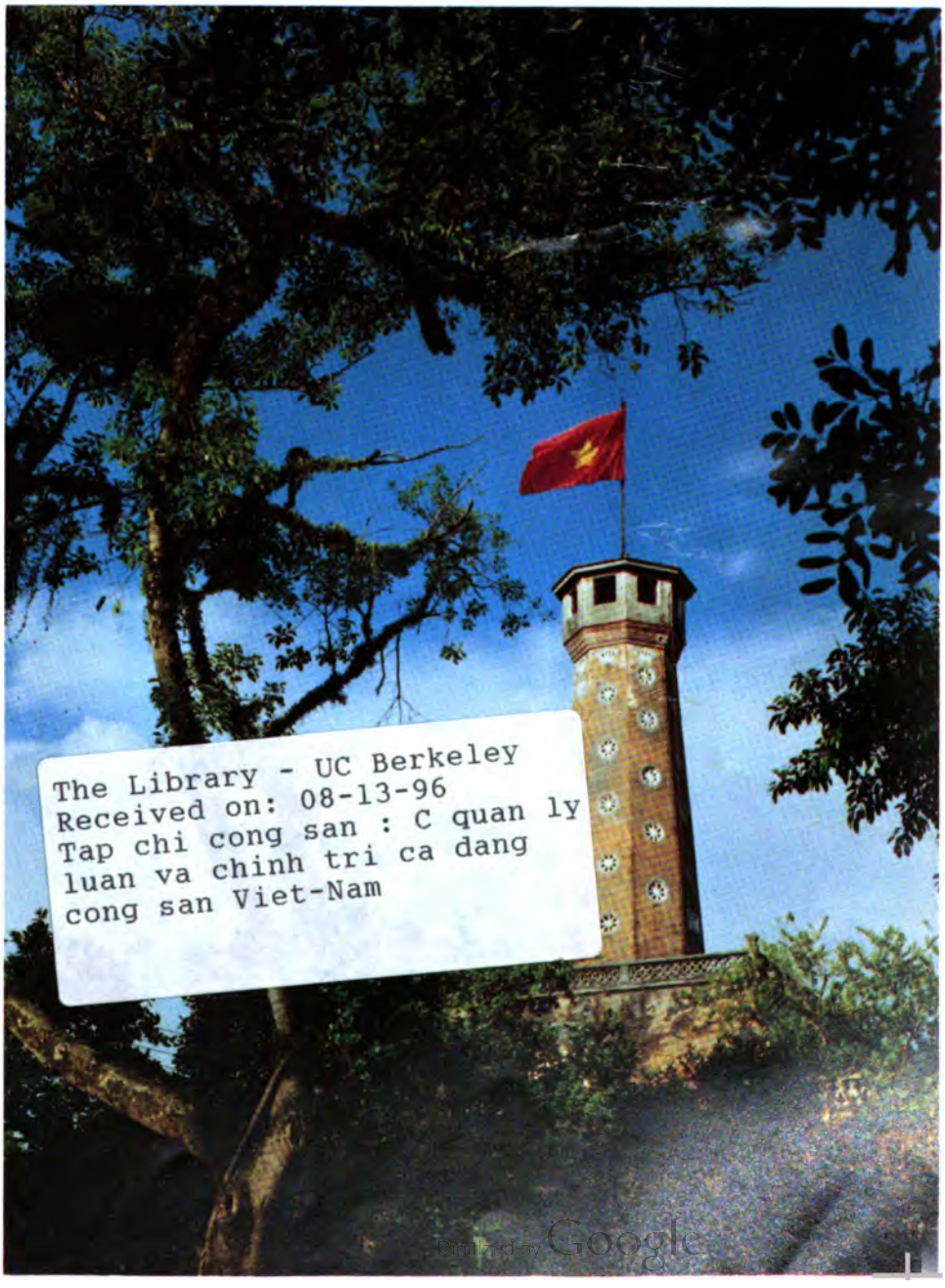


IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ SỐ : 1265-ISSN 0866-7276 GIÁ : 3.000Đ

Digitized by Google

HX
9
V5
H63
no. 14
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 08-13-96
Tap chi cong san : C quan ly
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam

14
7-1996

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN HUYỆN THỦ ĐỨC

ĐỊA CHỈ : 128A KHA VẠN CÂN - THỊ TRẤN THỦ ĐỨC - TP HỒ CHÍ MINH
ĐT : 999595 - 966800 ; FAX : 84.8.960810

GỒM CÁC CƠ SỞ TRỰC THUỘC TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐỨC

- 16 BƯU CỤC KHU VỰC VÀ KIOSQUE
- 06 TRẠM ĐIỆN THOẠI VỚI DUNG LƯỢNG 1300 SỐ (CHUẨN BỊ NÂNG LÊN 33.000 SỐ TRONG NĂM 1996)
- DỊCH VỤ BƯU CHÍNH : PCN, EMS ĐIỆN HOA
- DỊCH VỤ VIỄN THÔNG : FAX, TELEX, ĐIỆN THOẠI QUỐC TẾ
- XIN LIÊN HỆ VỚI CÁC BƯU CỤC CỦA CHÚNG TÔI ĐỂ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN THÊM.



SẴN SÀNG PHỤC VỤ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT - KINH DOANH HOẶC DÂN CƯ NGỤ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THỦ ĐỨC





HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH !

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 500

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN DUY GIA - Tiếp tục cải cách một bước nền hành chính nhà nước	3
	TIẾN HẢI - Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt	8
	LÊ QUANG THƯỞNG - Một số vấn đề về công tác đảng viên trong tình hình hiện nay	14
	NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Văn hóa thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	21
	NGUYỄN SĨ LỘC - Mấy suy nghĩ về độc lập tự chủ trong phát triển khoa học và công nghệ	26
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NÔNG HỒNG THÁI - Cao bằng phấn đấu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa	29
	NGUYỄN ÁNH MINH - Lâm đồng từng bước đi tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng đảng bộ cơ sở vững mạnh	34
	LÊ TÚ DINH - Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang đi vào cuộc sống ở vùng kinh tế Lam sơn	37
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN THẾ UẨN - Vai trò nhà nước quản lý ngoại thương trong cơ chế thị trường	41
	HOÀNG CÔNG - Cho rằng "phương pháp luận mác xít sai lầm" chỉ càng bộc lộ dụng ý xấu và sự non kém về khoa học	44
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	TRẦN CHÍ DANH - Để kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo	48
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ PHÒNG - "Xuất ngoại"	51
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VŨ HIỀN - Nhận thức về thời đại hiện nay	52
	HỒNG HOA - Những tiếng nói bạn bè chào mừng Đại hội VIII	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Các hình thức đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở Việt nam	60

Bìa 1 : ***Cột cờ Hà nội*** *Ảnh : Trần Thành Công*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

•За выполнение резолюции 8 Съезда Партии ★ НГУЕН ЗУЙ ЗА - На один дальнейший шаг реформировать государственный административный аппарат. ТИЕН ХАЙ - Партийное строительство - ключевая проблема. ЛЕ КУАНГ ТХЫОНГ - Некоторые проблемы партийной кадровой работы на нынешнем этапе. НГУЕН ХОА ДИЕМ - Культура и информация в деле индустриализации и модернизации страны. НГУЕН ШИ ЛОК - Некоторые мнения о независимости и самостоятельности в развитии науки и технологии. • Исследование - обмен мнениями ★ НГУЕН ТХЕ УАН - Роль государства в управлении внешней торговлей при рыночном механизме. ХОАНГ КОНГ - Мнение о том что "марксистская методология является ошибочной" только четче демонстрирует злые намерения и научную незрелость. • Мир : Проблемы - события ★ ВУ ХИЕН - Осознание современной эпохи. ХОНГ ХОА - Дружеские приветствования к 8^{ому} Съезду Партии.

CONTENTS

• *Striving to implement the Resolution of the 8th National Congress of the Party* • NGUYỄN DUY GIA - For the next stage to continue reforming the State administrative apparatus • TIẾN HẢI - Building up the Party is a key task • LÊ QUANG THƯỞNG - Some problems of the work of Party Member development in the current situation • NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Culture and information in the cause of industrialization and modernization of the country • NGUYỄN SỸ LỘC - Thinking of independence and self-mastering in the development of science and technology • *Research and exchange of opinion* • NGUYỄN THẾ UẨN - State's role in management of foreign trade in the market economy mechanism • HOÀNG CÔNG - The so-called "Marxist methodology is erroneous" has revealed more clearly the bad intention and inexperience in science • *World : Problems, events* • VŨ HIỀN - Knowledge of the present era• HỒNG HOA - The voice of International Friends to welcome the 8th National Congress of the Party

SOMMAIRE

• *Tâcher de réaliser les Résolutions du VIIIe Congrès national du Parti.* NGUYỄN DUY GIA - Continuons à renouveler d'un pas l'Administration d'Etat. TIẾN HẢI - Edifier le Parti - une tâche-clé. LÊ QUANG THƯỞNG - Quelques problèmes du travail à l'intention des membres du Parti dans la situation d'aujourd'hui. NGUYỄN KHOA ĐIỀM - La culture et l'information dans l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. NGUYỄN SĨ LỘC - Quelques réflexions sur l'indépendance dans le développement des sciences et de la technologie. • *Etudes - Echange de vues* • NGUYỄN THẾ UẨN - Le rôle de l'Etat dans la gestion du commerce extérieur dans le mécanisme de l'économie du marché. HOÀNG CÔNG - La soi-disant "méthodologie marxiste erronée" montre une mauvaise intention et une faiblesse en sciences. • *Le monde : Problèmes, Evénements* • VŨ HIỀN - Une conception de l'époque contemporaine. HỒNG HOA - Les voix d'amitié en l'honneur du VIIIe Congrès national du Parti.

SUMARIO

• *Esfuerzos por realizar la Resolución del Octavo Congreso del Partido* • NGUYỄN DUY GIA - A continuar en un paso la reforma de la administración estatal. TIẾN HẢI - Construcción del Partido - una clave tarea. LÊ QUANG THƯỞNG - Algunos problemas sobre el trabajo de los militantes del Partido en la actualidad. NGUYỄN KHOA ĐIỀM - La cultura y la información en la obra de industrialización, modernización del país. NGUYỄN SĨ LỘC - Algunas reflexiones sobre la independencia y soberanía en el desarrollo científico y tecnológico. • *Estudios - Intercambios* • NGUYỄN THẾ UẨN - El papel del Estado en la gestión del comercio exterior en el mecanismo de mercado. HOÀNG CÔNG - Se considera que "La errónea metodología demuestra aún más mala intención y debilidad en lo científico • *El Mundo : Problemas y acontecimientos*• VŨ HIỀN - Una concepción sobre la época contemporánea. HỒNG HOA - Voces de amistad en saludo al Octavo Congreso del Partido.

目錄

●努力實現黨的第八次全國代表大會決議★★★ 阮維嘉：繼續推進國家行政改革事業 ●進海：黨的建設是一項關鍵的任務 ●黎光賞：當前形勢下的黨員工作的若干問題 ●阮科恬：國家工業化、現代化事業與文化通訊 ●阮士祿：關于獨立自主地發展科學與工藝的思考 ●研究——交流★★★ 阮勢蘊：在市場機制中國家對外貿管理的地位 ●黃公：所謂"錯誤的馬列主義方法論"論調只能暴露其丑惡用心及科學的幼稚 ●世界：問題與事件★★★ 武賢：對當今時代的認識 ●紅花：朋友慶祝越共八大的賀辭

Digitized by Google

TIẾP TỤC CẢI CÁCH MỘT BƯỚC NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

NGUYỄN DUY GIA *

SAU hơn một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) về cải cách một bước nền hành chính nhà nước, chúng ta đã thu được kết quả bước đầu, nhưng cũng phát hiện nhiều tồn tại, vướng mắc cần tháo gỡ, trên cả ba việc lớn : cải cách thể chế, điều chỉnh bộ máy và xây dựng đội ngũ công chức.

Về cải cách thể chế hành chính

Một là, cải cách thủ tục hành chính được coi là khâu đột phá của cải cách hành chính. Chính phủ đã chủ trương tập trung trước nhất vào 7 lĩnh vực để đơn giản hóa thủ tục, giảm phiền hà và ngăn chặn tiêu cực ; khắc phục những yếu kém trong công việc hành chính hằng ngày, đụng chạm trực tiếp đến đời sống và hoạt động sản xuất - kinh doanh của nhân dân và doanh nghiệp. Nhưng thực tế mới ban hành được thủ tục hành chính trong 6 lĩnh vực: *xuất nhập khẩu ; xuất nhập cảnh ; cấp phép sử dụng đất và phép xây dựng ; cấp phát vốn ngân sách ; cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản ; giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.*

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính còn rất chậm, các thủ tục mới ban hành chưa được thực hiện đầy đủ ở các ngành và các địa phương, chưa được công bố công khai, rộng rãi cho dân và doanh nghiệp biết, chưa giám sát công chức và cơ quan hành chính nhà nước thực hiện nghiêm túc. Nhiều cơ quan trung ương và địa phương chưa thực hiện "Quy chế một số điểm trong quan hệ làm việc giữa các đồng chí phụ trách bộ máy hành chính các cấp". Hơn nữa, thủ tục mới, nhưng cách làm hầu như vẫn cũ, cộng với ý thức công chức chưa được nâng cao, nên chưa thật sự phát huy tác dụng trong cuộc sống. Những phiền hà, cản trở, trì trệ, sách nhiễu và tham nhũng chưa được ngăn chặn.

Thực tế một năm qua cho thấy một số thủ tục hành chính cần phải được tiếp tục tháo gỡ. Đó là :

- Thủ tục giao đất (NĐ 88/CP) trong mối quan hệ với Luật đất đai (điều 1, 12, 22, 79), Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất (điều 7), Pháp lệnh giao đất, Nghị định 18/CP. Pháp lệnh ngày 14-10-1994 và Nghị định của Chính phủ số 18/CP chỉ quy định hai hình thức giao đất không thu tiền và cho thuê đất, chưa quy định hình thức "giao đất có thu tiền sử dụng đất". Nghị định của Chính phủ số 87/CP và Nghị định 90/CP, quy định khung giá các loại đất và đền bù tài sản, trên thực tế không tiến hành được vì giá đất quá thấp so với giá thị trường, bù giá theo đất nông nghiệp, nhưng lấy đất để xây dựng thì giá đất lại rất cao.

- Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (NĐ 88/CP), tuy chỉ quy định ba loại giấy tờ, hoặc chỉ một trong 14 loại giấy tờ hợp lệ, nhưng trên thực tế đất đai trải qua nhiều thời kỳ biến động, nên gặp khó khăn lớn và không có hướng dẫn giải quyết thống nhất.

- Thủ tục cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa nhà trì trệ, kéo dài do nhiều lẽ, trong đó có nguyên nhân do cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ách tắc.

* GS, TS, Giám đốc Học viện hành chính quốc gia

Digitized by Google

- Thủ tục thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh quá nhiều chữ ký và con dấu, quy định không thống nhất cho các loại hình doanh nghiệp, phí đăng ký tốn kém (bình quân 10 triệu đồng). Thông tư số 472 của Bộ tư pháp sinh ra quá nhiều giấy tờ và quá nhiều cửa (10 - 12 cửa), lệ phí công chứng tài sản cao (2%) v.v..

- Thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, mặc dầu có Chỉ thị 64/TTg của Thủ tướng chính phủ, nhưng vẫn tồn đọng nhiều, nhất là khiếu nại về nhà và đất, cần có quy chế tiếp dân, hòm thư dân nguyện và chế độ thông tin với dân.

Hai là, xúc tiến thiết lập *Tòa án hành chính* để xử lý các khiếu kiện của dân đối với các quyết định của cơ quan hành chính và công chức lãnh đạo có thẩm quyền. Quốc hội đã quyết định thành lập *Tòa án hành chính* nằm trong hệ thống Tòa án nhân dân. Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho Học viện hành chính quốc gia khẩn trương đào tạo thẩm phán hành chính, chuẩn bị tổ chức nhằm thiết lập hệ thống *Tòa án hành chính* trong những tháng cuối năm 1996.

Ba là, tiếp tục hoàn chỉnh thể chế kinh tế mới. Chính phủ đã xây dựng một số dự luật về kinh tế để trình Quốc hội, đồng thời đã khẩn trương ban hành văn bản cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh. Mặt khác, do những yêu cầu bức xúc của quản lý, điều hành kinh tế - xã hội, trong khi chưa ban hành được luật và pháp lệnh, Chính phủ đã ban hành các văn bản pháp quy, chủ yếu bằng hình thức nghị định (riêng năm 1995 : 92 văn bản chính phủ, 833 văn bản Thủ tướng chính phủ, 10 328 các văn bản khác). Mặc dù trên lĩnh vực này, Chính phủ đã cố gắng và có tiến bộ, song việc xây dựng thể chế chưa theo kịp tiến trình đổi mới, nhiều vấn đề nóng bỏng cần điều chỉnh pháp luật chưa được thể chế hóa. Sự bất cập về xây dựng thể chế đòi hỏi gấp rút nâng cao trình độ kiến thức về pháp luật của bộ máy hành chính nhà nước, hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi, tổ chức tốt sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, cũng như giữa các cơ quan hành chính ở trung ương và địa phương.

Bốn là, nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật, lập lại trật tự, kỷ cương nhà nước. Kết quả nổi bật trong năm là giải quyết một số vấn đề nóng bỏng và khó khăn như cấm sản xuất, lưu thông và đốt pháo ; xử lý việc xây dựng nhà vi phạm pháp lệnh bảo vệ đê điều, xử lý vi phạm luật đất đai ở tỉnh Bà rịa - Vũng tàu ; khôi phục trật tự an toàn giao thông đô thị và giao thông đường bộ, v. v.. Những kết quả đạt được góp phần khôi phục lòng tin của dân vào hiệu lực của chính quyền. Tuy nhiên, lĩnh vực này còn nhiều khuyết điểm, có nhiều hành vi tiêu cực, kể cả một số cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước. Họ chưa coi giữ gìn trật tự, kỷ cương và phẩm chất đạo đức là nhiệm vụ hàng đầu, tình trạng buông lỏng đã phải trả giá rất đắt.

Về điều chỉnh tổ chức bộ máy và các mối quan hệ trong hệ thống hành chính

Chúng ta đã sáp nhập 8 bộ thành 3 bộ ; lập một số tổng cục, cục thuộc Chính phủ, một số tổng cục thuộc Bộ tài chính và thành lập 16 tổng công ty lớn trong cả nước. Cơ cấu tổ chức bộ máy chính phủ đã được điều chỉnh theo hướng giảm bớt số bộ quản lý chuyên ngành. Mặc dù vậy, cho đến nay, khi chuyển sang cơ chế thị trường, mô hình tổ chức bộ, tổng cục có những nội dung chưa được xác định rõ ràng, thống nhất. Việc tổ chức ra các tổng công ty cũng là vấn đề mới, cần nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị với tổng giám đốc, quan hệ giữa tổng công ty với bộ chuyên ngành.

Ngoài ra, các cấp hành chính cũng chưa làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo Luật tổ chức chính phủ, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, Nghị định 15/CP về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Tình trạng chồng chéo công việc,

Digitized by Google

không rõ trách nhiệm, đùn đẩy việc cho nhau, dồn việc lên Chính phủ và Thủ tướng chính phủ vẫn thường xảy ra.

Về xây dựng đội ngũ công chức

Để thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách nền hành chính, việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính là khâu có ý nghĩa quyết định. Do đó, phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thành những người : làm hành chính chuyên nghiệp ; được tuyển chọn và đào tạo công chức theo ngạch, kết hợp văn bằng tương ứng, theo tiêu chuẩn chức danh từng ngạch công chức ; rèn luyện đạo đức, đủ phẩm chất và năng lực thực thi công vụ.

Chính phủ đã quyết định và triển khai kế hoạch đào tạo công chức hành chính : ngạch chuyên viên chính, ngạch chuyên viên, cử nhân hành chính ; bồi dưỡng cán bộ và công chức quản lý hành chính nhà nước cao, trung cấp đương chức ở trung ương và địa phương về quản lý nhà nước, pháp luật, kiến thức và kỹ năng hành chính nhà nước, về ngoại ngữ ; bồi dưỡng cán bộ, giảng viên cho Học viện hành chính quốc gia, các trường tỉnh, thành phố và các trường quản lý bộ về cả số lượng và chất lượng nhằm nâng cao, phát triển mạnh tiềm lực, năng lực, dung lượng đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học quản lý nhà nước.

Mặc dù Chính phủ đã dự thảo nhiều lần chế độ công vụ, quy chế công chức, hiện đại hóa từng bước kỹ thuật hành chính, nhưng đây là vấn đề phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau, cho nên đến nay chưa được thông qua, thiếu hẳn chuẩn mực pháp lý ở tầm quốc gia làm căn cứ xây dựng chiến lược, quy hoạch đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực hành chính. Phòng ngừa và có biện pháp khắc phục nhanh chóng sự hẫng hụt kiến thức, hẫng hụt đội ngũ cán bộ và công chức trong sự chuẩn bị hành trang cho việc bước vào thế kỷ 21, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực tế hơn một năm thực hiện cải cách nền hành chính nhà nước cho thấy, một trong những vấn đề hệ trọng là cần *nhận thức đúng đắn bản chất công cuộc cải cách hành chính* ở nước ta. Đây là một bảo đảm cho thành công của công cuộc đổi mới, nhất là cải cách nền hành chính nhà nước. Vì :

Một là, cải cách hành chính không chỉ diễn ra ở quyền lực hành pháp một cách đơn độc, mà diễn ra cả ở quyền lực lập pháp và quyền lực tư pháp trong mối quan hệ biện chứng.

Cải cách hành chính là việc kiện toàn và phát huy hiệu lực, hiệu quả của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung, đụng chạm nhiều đến lợi ích các bộ phận, các cá nhân trong bộ máy nhà nước. Trên góc độ này, rõ ràng cuộc cải cách nền hành chính nhà nước là một vấn đề phức tạp, gay go và do đó không ngạc nhiên khi thấy có nhiều nước tiến hành cải cách nền hành chính quốc gia không thành công.

Hai là, cải cách nền hành chính nhà nước được tiến hành đồng thời với cải cách kinh tế, thúc đẩy cải cách kinh tế, bảo đảm tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đó là mong muốn lý tưởng. Tuy nhiên, lại có một tình hình rất đáng quan tâm, ở nước nào mà tình hình kinh tế trì trệ, khủng hoảng, thì cải cách hành chính nhà nước được coi là tiền đề, là điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển. Đại bộ phận các cuộc cải cách nền hành chính nhà nước diễn ra trong môi trường đó đều thành công.

Cải cách nền hành chính nhà nước không phải "áp đặt cho dân phải làm gì", mà tạo ra được khung pháp luật, tạo ra môi trường để "người dân tự thấy phải làm gì và phải sáng tạo như thế nào". Đây là điểm mấu chốt để chống lại và thu hẹp căn bệnh quan liêu, xa dân, xa cấp dưới và cơ sở trong cải cách nền hành chính nhà nước ta.

Bệnh quan liêu của bộ máy không thể thu hẹp được, nếu không áp dụng hàng loạt giải pháp khác nhau. Mỗi giải pháp nhằm vào một

Digitized by Google

mục tiêu nhất định. Tổng hợp các mục tiêu nhỏ mới tạo thành mục tiêu lớn. Biện pháp cải cách nền hành chính nhà nước là tạo ra "bà đỡ" thúc đẩy cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ chế kinh tế ngày càng đi vào chiều sâu, bám rễ trong cuộc sống hằng ngày để sát dân và phục vụ dân tốt hơn.

Ba là, cải cách nền hành chính nhà nước đụng độ trực tiếp, thậm chí là bộ phận cấu thành của luật pháp, chính sách, cơ chế, tổ chức, cán bộ, thủ tục, kỹ thuật v.v.. Cho nên, nội dung cải cách nền hành chính nhà nước phải rõ ràng, bước đi phải vững chắc (tính toán, cân nhắc quá khứ, hiện tại và tương lai), thông tin, thông báo để người dân biết, hưởng ứng và tham gia. Nó phải được tiến hành thường xuyên dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, có sự tham gia của các đoàn thể nhân dân thì mới mang lại kết quả thiết thực và bền vững.

*
* *

Trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục thực hiện cải cách hành chính với những nội dung chủ yếu sau đây :

1 - *Đi sâu tháo gỡ những vướng mắc, sửa đổi và bổ sung một số quy định trong các nghị định của Chính phủ nhằm* : thúc đẩy hoạt động kinh doanh mua bán nhà, tạo điều kiện cho việc mua bán kinh doanh được bình thường ; cải tiến, sửa đổi điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ; quy chế hình thành, thẩm định và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài để tiếp tục giảm phiền hà cho nhà đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt nam. Tổ chức quản lý ngành tài chính, bảo đảm tính thống nhất bộ máy quản lý ngành tài chính quốc gia và mối quan hệ với các địa phương, bảo đảm quyền quản lý toàn diện của ủy ban nhân dân trên địa bàn lãnh thổ. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, các ngành, các địa phương, xóa bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước. Triển khai những công việc liên quan đến mặt thủ tục hành chính đã ban hành và sắp ban hành. Xác định lại chức năng, nhiệm vụ công chứng sao cho phù hợp với tình hình mới, giảm phiền hà đối với nhân dân và doanh nghiệp.

2 - *Tăng cường công tác lập quy, nâng cao chất lượng văn bản của Chính phủ và Thủ tướng chính phủ, bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.*

- Xây dựng lại quy trình thiết lập và ban hành văn bản lập quy, trong đó không chỉ chú ý đến trình tự xây dựng văn bản lập quy, mà còn đặc biệt chú ý đến đầu mối thẩm định, kiểm soát đầu ra văn bản, kiểm soát và đánh giá tình hình thực hiện văn bản, tính khả thi các văn bản, bảo đảm đúng thẩm quyền, hợp thời, đúng hình thức và có nội dung tốt.

- Rà xét lại hệ thống văn bản pháp quy đã ban hành, phân tích, đánh giá khách quan để khắc phục tình trạng tản mạn, thiếu đồng bộ, mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, không đúng thẩm quyền, gây khó khăn và không phục vụ tốt cho dân.

3 - *Giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân.* Sửa đổi pháp lệnh thanh tra, pháp lệnh giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Hoàn thiện quyền hạn, nhiệm vụ, trình tự xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo, quy định rõ trách nhiệm của người có thẩm quyền. Xử lý kịp thời việc bồi thường, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị vi phạm. Chấn chỉnh tổ chức và quy chế tiếp dân, tư vấn luật cho người dân đến tố cáo, khiếu nại. Xử lý nghiêm minh những cán bộ, viên chức vi phạm pháp luật do dân khiếu nại, tố cáo.

4 - *Điều chỉnh và chấn chỉnh tổ chức bộ máy và mối quan hệ trong bộ máy hành chính.* Đây là một nội dung rất quan trọng, liên quan đến việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, sát dân và phục vụ dân tốt hơn. Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp cần tập trung sức lực và thời gian chủ yếu vào quản lý

Digitized by Google

kinh tế vĩ mô, chăm lo văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm hiệu lực của pháp luật, củng cố quốc phòng, an ninh, thi hành chính sách đối ngoại, quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp và kinh tế gia đình v.v..

Cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp quản lý theo ngành với theo địa phương và lãnh thổ, sát hợp với chức năng điều hành, chỉ đạo của hệ thống các cơ quan hành chính ; theo đặc điểm từng ngành, từng lĩnh vực ; làm rõ quyền hạn, trách nhiệm, thẩm quyền tập thể, cá nhân ; bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý tập trung thống nhất, đi đôi với phát huy năng động, sáng tạo của chính quyền các cấp ; xác định mối quan hệ giữa chính quyền các cấp với nhân dân theo một chế độ công vụ nghiêm túc.

Nghiên cứu ban hành một số luật và pháp lệnh mới cũng như ban hành kịp thời, cụ thể, rành mạch các văn bản pháp quy làm cơ sở pháp lý cho việc hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường và cho việc triển khai cải cách hành chính, đặc biệt là hướng dẫn thực hiện luật ngân sách, chế độ quản lý tài chính và tài sản công, quy chế về tổ chức và hoạt động cơ quan hành chính, phân định thẩm quyền hành chính, chế độ công vụ, công chức, công sở, chế độ tài phán hành chính v.v..

Thiết lập trật tự bộ máy hành chính theo cơ chế quản lý kinh tế mới để nâng cao chất lượng phục vụ và năng lực của đội ngũ công chức, xây dựng và rèn luyện đạo đức công chức, bổn phận và trách nhiệm công vụ, thay đổi lề lối, tác phong làm việc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

5 - *Điều hành và kiểm soát chặt chẽ kinh tế vĩ mô bằng pháp luật, chính sách, kế hoạch, bằng lực lượng kinh tế nhà nước, phát huy tiềm năng các thành phần kinh tế và giữ vững vai trò chủ đạo kinh tế nhà nước.* Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống kiểm tra, kiểm soát, kiểm kê nền kinh tế và hoạt động xã hội, nhất là trong giai đoạn chuyển sang nền kinh tế thị trường, bảo đảm việc giải phóng sức sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm sự phát triển cơ sở kinh tế vững chắc làm nền tảng, huyết mạch, chi phối nền kinh tế. Củng cố, hoàn thiện các tổng công ty nhà nước, giữ vững tính định hướng, đủ sức hướng dẫn, chi phối của kinh tế nhà nước, nhất là trong những ngành then chốt, xí nghiệp quan trọng, những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, quốc phòng - an ninh.

6 - *Quy định các mối quan hệ cơ bản theo nguyên tắc bảo đảm sự tập trung thống nhất cần thiết của trung ương đi đôi với việc thực hiện đúng đắn chế độ phân cấp quản lý nhà nước.* Đây là vấn đề lớn và phức tạp, liên quan nhiều mặt đến chức năng, thẩm quyền và phân bố quyền lực giữa trung ương và địa phương, đặc biệt là vai trò của chính phủ trong điều hành thống nhất hệ thống hành chính của cả nước cũng như vai trò của chính quyền cơ sở sát dân và phục vụ dân tốt hơn. Cần thể chế hóa một số vấn đề cấp bách như : Mối quan hệ trong điều hành và quản lý giữa chính phủ và các bộ với chính quyền địa phương. Quy định thẩm quyền và phân cấp quản lý cần tập trung chủ yếu vào lĩnh vực ngân sách, quy hoạch phát triển kinh tế - văn hóa, quyền lập quy, quyền cấp đất v.v.. Cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, phát huy vai trò của chính quyền các cấp trong quản lý và điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc thẩm quyền giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ đối với hội đồng nhân dân. Tổ chức thực hiện và từng bước hiện đại hóa kỹ thuật hành chính trong cơ quan nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, liên tục, hệ thống, kế thừa v. v..

(Xem tiếp trang 25)

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐẢNG LÀ NHIỆM VỤ THEN CHỐT

TIẾN HẢI

BÁO cáo chính trị của BCHTU Đảng (khóa VII) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh : trong điều kiện hiện nay, phải *"giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt"*.

Thật ra, vấn đề này không phải đến Đại hội VIII mới được đề cập, ngay từ Hội nghị Trung ương 3 (tháng 6-1992) khóa VII Đảng ta đã chỉ rõ : công tác xây dựng Đảng là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng và có ý nghĩa sống còn đối với bản thân Đảng. Sau đó, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nhiều lần khẳng định : lúc này, xây dựng kinh tế là *trung tâm*, xây dựng đảng là *then chốt*. Và, trên thực tế, chúng ta đã tập trung khá nhiều thời gian, công sức cho nhiệm vụ trọng yếu này trên tất cả các mặt : xây dựng và hoàn thiện đường lối chính trị ; tăng cường công tác lý luận tư tưởng ; củng cố công tác tổ chức ; đổi mới công tác cán bộ và phương thức lãnh đạo của Đảng, v.v..

Song, sở dĩ hiện nay chúng ta lại đặc biệt nhấn mạnh tới việc phải "*coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt*", là bởi mấy lẽ sau đây :

1 - *Cách mạng nước ta đang ở bước chuyển rất quan trọng.* Từ nền kinh tế sản xuất nhỏ là phổ biến, tập trung quan liêu bao cấp, chúng ta chuyển sang phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; mở rộng quan hệ đối ngoại ; từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đi lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cũng đang thực hiện có hiệu quả dân chủ hóa xã hội, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa...

Báo cáo chính trị của BCHTU Đảng tại Đại hội VIII đã chỉ rõ : "Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* : tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau". Đó là những nhiệm vụ thực sự có ý nghĩa cách mạng cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả về cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, cả về đối nội và đối ngoại, làm thay đổi nhiều nếp suy nghĩ và cách làm, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nó đặt ra hàng loạt vấn đề mới mẻ, khó khăn, phức tạp đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải vươn lên về mọi mặt, phấn đấu gian khổ và có quyết tâm cao. Đặc biệt là Đảng phải có đủ *trình độ, trí tuệ, bản lĩnh* để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong giai đoạn mới.

2 - *Bối cảnh thế giới hiện nay rất phức tạp ; các thế lực chống đối ta hoạt động rất ráo riết.* Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô (cũ)

Digitized by Google

và ở các nước Đông Âu đã tác động rất mạnh vào tư tưởng, tình cảm, sự suy nghĩ và niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, gây ra những hoang mang, dao động trong một bộ phận nhất định. Lúc này, rất nhiều vấn đề về đảng cần được giải đáp một cách khoa học, có sức thuyết phục để củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân ; tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trong bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp như vậy thì các thế lực chống chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc luôn chĩa mũi nhọn vào Đảng ta, tập trung sức phá hoại nền tảng tư tưởng và tổ chức của Đảng. Đặc biệt là bằng những thủ đoạn để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", chúng hy vọng có thể làm tan rã Đảng ta từ bên trong, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng, ép chúng ta phải đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Thủ đoạn thâm độc và nguy hiểm mà chúng thường dùng là :

- Đánh vào nền tảng tư tưởng của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, hòng làm lung lay hệ tư tưởng của Đảng.

- Đánh vào Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Chúng luôn rêu rao rằng Đảng cộng sản Việt nam chọn đường sai ; đi theo chủ nghĩa xã hội là đi vào ngõ cụt, vào chỗ chết. Chúng "khuyên" Đảng phải thực hiện tư nhân hóa, đa nguyên hóa chính trị, đa đảng đối lập ; tức là phải thay đổi mục tiêu, lý tưởng, nếu không như thế tức là bảo thủ, là đổi mới nửa vời, v.v..

- Đánh vào nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là vào nguyên tắc tập trung dân chủ. Chúng vu cáo Đảng ta thực hiện tập trung dân chủ là cực quyền, độc đoán ; kêu gào trong Đảng phải có nhiều phe phái mới là dân chủ. Thực chất là chúng muốn chia rẽ, phá hoại Đảng, làm cho Đảng tan rã về tổ chức.

- Kích động, chia rẽ Đảng với Nhà nước ; Đảng, Nhà nước với nhân dân. Chúng lợi dụng cuộc đấu tranh của chúng ta chống quan liêu, tham nhũng để nói xấu, bôi nhọ Đảng và Nhà nước, lôi kéo quần chúng, tách quần chúng ra khỏi ảnh hưởng của Đảng, nhất là ở những vùng dân tộc ít người và tôn giáo.

- Lợi dụng triệt để các vấn đề (thực chất là các con bài) : "đầu tư kinh tế", "tự do hóa chính trị", "hợp tác về văn hóa", "dân chủ", "nhân quyền", "đào tạo cán bộ"... để *đổi màu*, làm *chuyển hóa dần* chế độ của chúng ta theo hướng ngả sang con đường tư bản chủ nghĩa.

Trước những âm mưu và thủ đoạn thâm độc nêu trên của kẻ thù, nếu chúng ta không cảnh giác, không chăm lo xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh, đoàn kết thống nhất thì tổn thất đối với cách mạng không thể lường hết được.

3 - Còn về *bản thân Đảng ta*, bên cạnh những thành tựu, những mặt tốt, mặt mạnh là cơ bản, khi bước vào giai đoạn mới (nhất là khi thực hiện nền kinh tế thị trường) cũng đã tỏ ra lúng túng, bộc lộ một số nhược điểm và khuyết điểm. Công tác xây dựng đảng đang nổi lên một số vấn đề đáng chú ý sau đây :

- Trong điều kiện cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, mở cửa giao lưu với các nước, cán bộ đảng viên hằng ngày, hằng giờ chịu sự tác động của nhiều nhân tố mới rất phức tạp, các thế lực thù địch tiến công vào Đảng, vấn đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng đứng trước những thách thức mới. Song Đảng thiếu sự chuẩn bị đầy đủ cho bước chuyển cách mạng to lớn này, chưa chú ý đúng mức vấn đề giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức. Tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa đọa về đạo đức và lối sống đang là vấn đề nhức nhối. Một số thoái hóa về chính trị (tuy rất ít nhưng hoạt động của họ gây hệ quả xấu).

- Trình độ, kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng có mặt chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ.

- Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi yếu kém, thậm chí có nơi tê liệt ; phương thức lãnh đạo và sinh hoạt lúng túng, có tình trạng vừa kém dân chủ, vừa thiếu kỷ luật, kỷ cương. Một số cán bộ và cấp ủy chưa tôn trọng và thực hiện

Digitized by Google

đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, quan liêu, độc đoán, kèn cựa, cá nhân chủ nghĩa. Không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng.

- Công tác kiểm tra và việc chấp hành đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng chưa được thực hiện tốt.

*
* *

Thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội VIII nêu ra, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ Trung ương tới cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành. Rõ ràng công tác xây dựng Đảng lúc này thật sự trở thành nhiệm vụ then chốt.

Để công tác xây dựng Đảng *thật sự trở thành nhiệm vụ then chốt* với đúng nghĩa của nó, cần chú trọng giải quyết tốt hàng loạt vấn đề như : giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ của đội ngũ cán bộ, đảng viên ; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực ; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng ; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ; đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng ; v.v..

Trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ cố gắng đi sâu tìm hiểu, phân tích, làm sáng tỏ tư tưởng của Đảng thể hiện trong Báo cáo chính trị trên một số vấn đề cơ bản sau đây :

1 - *Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng.*

Bản chất giai cấp công nhân là vấn đề cơ bản, bao trùm, có tính nguyên tắc đối với các đảng mác xít - lê nin nít chân chính. Nó càng đặc biệt quan trọng đối với Đảng ta - một đảng ra đời và trưởng thành ở một nước nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, tỷ lệ đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân rất thấp (khoảng 9%). Hiện nay, Đảng ta lại đang hoạt động trong điều kiện hoàn toàn khác : lãnh đạo đất nước chuyển sang xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, mở cửa, nhiệm vụ chính trị mới mẻ, môi trường xã hội có nhiều phức tạp ; cán bộ đảng viên của Đảng giữ nhiều trọng trách, hằng ngày hằng giờ phải tiếp xúc với hàng và tiền, đối mặt với chủ nghĩa tư bản... Nếu không tích cực đổi mới, chỉnh đốn Đảng thì Đảng rất dễ bị biến chất. Vấn đề giữ cho Đảng không bị biến chất, đổi mới chứ không đổi màu, lúc nào cũng giữ vững được bản chất giai cấp công nhân là vấn đề hết sức quan trọng và quyết định.

Trong điều kiện hiện nay, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng có nghĩa là phải :

- Tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Khi định ra cương lĩnh, đường lối chính trị, Đảng phải luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, nắm vững quy luật khách quan, phản ánh đúng lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, từng bước tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Dù tình hình trong nước và thế giới có khó khăn, phức tạp đến đâu thì Đảng cũng không thể chao đảo, dao động, xa rời mục tiêu lý tưởng đó.

- Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, đồng thời tiếp thu tinh hoa, trí tuệ của dân tộc và nhân loại, đấu tranh bảo vệ và không ngừng phát triển, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Củng cố nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng ; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, chống mọi biểu hiện độc đoán, chuyên quyền, cục bộ địa phương, chia rẽ, bè phái trong Đảng.

- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường quan điểm, ý thức tổ chức kỷ luật của

Digitized by Google

giai cấp công nhân, xây dựng đội ngũ cán bộ và đội ngũ đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

- Gắn bó mật thiết với nhân dân, thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân và thường xuyên chịu sự giám sát của nhân dân ; đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc, của các đoàn thể chính trị xã hội ; đồng thời Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc.

- Tăng cường đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

2 - *Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ cho cán bộ, đảng viên.*

Vấn đề hết sức quan trọng lúc này là thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về đường lối, chủ trương của Đảng, về các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới, bảo đảm sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong toàn Đảng. Công tác tư tưởng, lý luận trước hết hướng vào những vấn đề cuộc sống cần giải đáp, làm sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ. Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, những hiểu biết mới, đó cũng là biểu hiện của sự thoái hóa. Đồng thời với những vấn đề nêu trên, cần uốn nắn kịp thời những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, mất niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Đảng viên có quyền được phát biểu ý kiến trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng phải chấp hành nghị quyết của Đảng, không được truyền bá những quan điểm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, không được làm lộ bí mật của Đảng và của quốc gia. Tổ chức đảng cần quản lý, có biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm nguyên tắc đảng hoặc lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng. Khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức, làm giàu phi pháp, tham nhũng, buôn lậu, kèn cựa, cục bộ, quan liêu, độc đoán. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tự rèn luyện, tự phấn đấu nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân ; không được lợi dụng việc luật pháp chưa đồng bộ hoặc cơ chế, chính sách còn sơ hở để đục khoét của công. Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ cao cấp. Xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh, đến việc làm cho người nước ngoài mà công chức không được phép làm ; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách ; quy định chế độ cán bộ, công chức, đảng viên, trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về thu nhập, về nguồn tiền mua đất, làm nhà. Những người giàu lên một cách bất thường phải có sự kiểm tra của tổ chức đảng. Quy định rõ trách nhiệm của những cán bộ, đảng viên có vợ, chồng, và con làm ăn phi pháp ; định rõ những hoạt động kinh doanh mà vợ, chồng, con của cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức ở trung ương và địa phương không được phép làm. Xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, bất kể người đó là ai và bất kể người đó ở cương vị nào. Tệ ô dù, bao che phải bị nghiêm trị.

3 - *Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng.*

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và

Digitized by Google

sinh hoạt đảng, nằm ngay trong bản chất của Đảng, là một tiêu chí để phân biệt chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, đảng cách mạng chân chính với các đảng khác. Phủ nhận nguyên tắc này là phủ nhận Đảng từ bản chất. Xóa bỏ nguyên tắc này là phá hoại sức mạnh của Đảng từ gốc. Kinh nghiệm cho thấy, ở đâu và lúc nào Đảng xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ thì Đảng không còn sức mạnh (hoặc rơi vào độc đoán chuyên quyền, hoặc trở thành một câu lạc bộ mở đường cho chủ nghĩa cơ hội, bè phái, vô chính phủ đủ loại hoạt động, cuối cùng làm tan rã Đảng về tổ chức, cũng tức là thủ tiêu bản thân Đảng). Kẻ địch đang rất muốn và thường xuyên kích động chúng ta làm điều đó. Thực tế đã có không ít đảng cộng sản bị rối loạn hoặc tan rã chỉ vì hạ thấp nguyên tắc tập trung dân chủ, sa vào cái bẫy "đa nguyên, đa đảng".

Bước vào giai đoạn mới, để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, phải làm cho toàn đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên nhận thức đúng nội dung của nguyên tắc này, đồng thời phải có cơ chế, có những quy định cụ thể trong việc tổ chức thực hiện. Trước hết, phải có quy định cụ thể bảo đảm cho mọi đảng viên được thảo luận và tham gia quyết định các chủ trương công tác của tổ chức đảng ; thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Ban chấp hành trung ương Đảng và Đại hội toàn quốc của Đảng. Những quyết định thuộc thẩm quyền của tập thể phải biểu quyết theo đa số ; mọi thành viên phải chấp hành quyết định của tập thể. Cán bộ, đảng viên phải rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia đầy đủ sinh hoạt chi bộ, tuân thủ kỷ luật của Đảng. Không để một đảng viên nào đứng ngoài sự quản lý của tổ chức. Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình ; chống cách làm hình thức, chiếu lệ, không sửa chữa khuyết điểm. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ, bè phái làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất về tư tưởng và tổ chức của Đảng đều phải xử lý kỷ luật. Đoàn kết thống nhất trong Đảng trước hết là ở cơ quan lãnh đạo. Điều này có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Phải tập trung giải quyết cho được tình trạng mất đoàn kết ở một số ngành và địa phương. Phải phân tích đúng nguyên nhân gây ra mất đoàn kết ; sau đó có biện pháp giải quyết phù hợp. Đặc biệt cần : bố trí đúng người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan chính quyền cùng cấp ; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ ; có quy chế công tác rõ ràng, chặt chẽ, nhất là về công tác cán bộ ; thường xuyên tự phê bình và phê bình, kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện xấu như kèn cựa, địa vị, hám danh lợi, cục bộ, bản vị...; bồi dưỡng tình thương yêu đồng chí, tôn trọng lẫn nhau ; phát hiện sớm hiện tượng mất đoàn kết để có kế hoạch tập trung giải quyết và xử lý dứt điểm.

Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong đảng cần có sự thảo luận và tranh luận. Đảng ta khuyến khích điều đó. Vì thế, không thể đồng nhất việc trong đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận với tình trạng mất đoàn kết. Mọi cán bộ, đảng viên phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, thật sự vì chân lý, lẽ phải ; có việc phải chờ đợi nhau. Tuy vậy, không thể đoàn kết hình thức, một chiều, xuê xoa, không dám đấu tranh.

4 - Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực.

Phải khẳng định một thực tế là, từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, đội ngũ cán bộ của ta không ngừng tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Công tác cán bộ cũng có những đổi mới đáng kể theo hướng dân chủ, tập thể hơn ; cố gắng tuyển chọn, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm những cán bộ đủ tiêu chuẩn theo một quy trình

Digitized by Google

chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu tăng cường, củng cố một bước về tổ chức.

Tuy nhiên, đến nay đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ của ta vẫn còn không ít nhược điểm và khuyết điểm làm cho đông đảo cán bộ, đảng viên lo lắng, thậm chí nhiều người không hài lòng, nhất là tình trạng : một bộ phận cán bộ sa sút về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống ; kiến thức, năng lực điều hành còn yếu, chưa ngang tầm với nhiệm vụ và chức vụ ; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý vừa hẫng hụt, vừa thiếu đồng bộ.

Tình hình và nhiệm vụ mới hiện nay đặt ra rất nhiều yêu cầu cho công tác cán bộ. Vì thế Đảng phải hết sức chăm lo vấn đề này. Cụ thể là phải xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ kế cận vững vàng, đủ bản lĩnh về các mặt. Sớm xây dựng cho được một chiến lược cán bộ của thời kỳ mới. Cần lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị trên mọi lĩnh vực. Thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Bảo đảm nguyên tắc tập thể dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân. Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đồng thời kết hợp tốt các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính phát triển trong đội ngũ cán bộ. Có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước kể cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực, cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là các cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị, coi trọng cả đức và tài (trong đó đức là gốc). Cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ mọi mặt, rèn luyện, trau dồi phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lý tưởng cách mạng, ý chí kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong đạo đức và lối sống, kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể ; khi lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể thì phải biết đặt lợi ích tập thể lên trên hết, trước hết. Phải chăm lo tạo nguồn cán bộ ngay từ trong các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề. Đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, bố trí cán bộ theo hướng thật sự dân chủ, theo một quy trình chặt chẽ. Mỗi cấp ủy cần có biện pháp quản lý và nắm chắc quá trình phát triển của cán bộ. Đánh giá, nhận xét cán bộ phải căn cứ vào những việc làm cụ thể của người đó, cả việc làm được và việc chưa làm được, cả ưu điểm và khuyết điểm trong từng thời gian nhất định. Những nhận xét, kết luận về cán bộ, mọi công việc về nhân sự nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định. Khắc phục cách làm đơn giản, thành kiến, thiếu công tâm, dân chủ hình thức. Bố trí và sử dụng cán bộ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn và sở trường. Đề bạt, bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm. Xây dựng quy chế bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn. Có chế độ cho cán bộ được từ chức hoặc rút chức để nhận công việc thích hợp. Xây dựng quy chế tuyển chọn cán bộ, tuyển chọn nhân tài. Có chính sách sử dụng đúng đắn, chính sách tiền lương và đãi ngộ hợp lý đối với các loại cán bộ. Khắc phục tình trạng "chảy máu chất xám" của khu vực nhà nước. Có biện pháp tích cực và chủ động bảo vệ, không để cán bộ bị mua chuộc, lôi kéo, khống chế...

*

* *

Xây dựng Đảng trong điều kiện mới là một công việc rất khó khăn và phức tạp nhưng nhất thiết phải làm, bởi vì nó là tiền đề vững chắc bảo đảm cho kinh tế nói riêng và toàn bộ các hoạt động của đời sống xã hội nói chung phát triển mạnh mẽ, lành mạnh và đúng hướng.

Xây dựng Đảng là vấn đề xây dựng con người, xây dựng tổ chức, rất tế nhị và nhạy cảm, cho nên không thể nôn nóng, giản đơn.

Đã gọi *xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt* thì phải tiến hành nó một cách thận trọng, tích cực, không né tránh, đồng thời có bước đi và phương pháp thích hợp ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

LÊ QUANG THƯỞNG *

Từ khi thành lập đến Đại hội lần thứ I, Đảng ta chỉ có trên dưới 500 đảng viên. Tới nay, toàn đảng đã có hơn 2,1 triệu đảng viên (bằng gần 2,9% số dân cả nước), trong đó nữ chiếm 16,9%, người dân tộc thiểu số : 8,6%, công nhân trực tiếp làm việc trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế : 8,6% (riêng ở các doanh nghiệp nhà nước : 7,8%). Về trình độ học vấn, số tốt nghiệp phổ thông trung học : 28,2%, trung học chuyên nghiệp : 11,6%, cao đẳng và đại học trở lên : 13,9% (năm 1976, số đảng viên có trình độ đại học mới có 4,2%).

Số đảng viên vào Đảng trước năm 1975 hiện chiếm gần 50% tổng số đảng viên. Đó là những thế hệ chiến sĩ cách mạng kiên cường trong đấu tranh giành chính quyền trước Cách mạng Tháng Tám, trong hai cuộc kháng chiến cứu nước. Nhờ được tôi luyện trong môi trường đấu tranh lâu dài, gian khổ và đầy hy sinh thử thách, đa số các đồng chí trên kiên định lập trường cách mạng, có nhiều kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo và vận động quần chúng. Đó là vốn quý của Đảng và nhân dân. Đến nay, một bộ phận các đồng chí này vẫn còn đang công tác ở các cấp, các ngành, và thường giữ các vị trí chủ chốt. Một bộ phận lớn đã nghỉ hưu, nhưng nhiều đồng chí vẫn tiếp tục tham gia các mặt công tác ở cơ sở, một số đồng chí vẫn được bầu vào các cấp ủy, có nhiều cố gắng trong công tác và phát huy tác dụng tốt. Một số đồng chí do tuổi cao, sức yếu, đã tự nguyện xin được miễn sinh hoạt và công tác, nhưng vẫn giữ mối liên hệ với tổ chức đảng.

Số đảng viên vào Đảng sau năm 1975 hiện chiếm hơn 50% tổng số đảng viên. Tỷ lệ này trong những năm tới sẽ ngày càng cao. Một bộ phận các đồng chí này được rèn luyện, thử thách trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ; đa số trưởng thành trong những năm hòa bình xây dựng. Đội ngũ này có mặt mạnh cơ bản là tuổi còn trẻ, sức khỏe tốt, có trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ khá, có khả năng tiếp thu và nhạy bén với cái mới. Nhưng một số đồng chí còn thiếu kinh nghiệm về công tác xây dựng đảng và vận động quần chúng.

Nhìn chung, đội ngũ đảng viên của Đảng ta từ trước tới nay có những ưu điểm cơ bản về lòng trung thành và kiên định với mục tiêu lý tưởng, về ý chí phấn đấu cách mạng và tinh thần khắc phục khó khăn, tận tụy trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ngày nay, số đông vẫn tiếp tục phát huy tính tiền phong gương mẫu, làm nòng cốt và lãnh đạo quần chúng thực hiện có kết quả công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực. Tuy nhiên, hiện nay trong đội ngũ đảng viên cũng có *những nhược điểm* và *những vấn đề đáng quan tâm sau đây*:

* Phó trưởng Ban tổ chức trung ương

Digitized by Google

- Một bộ phận đảng viên vào Đảng trong thời kỳ chiến tranh và ở nhiều vùng nông thôn, miền núi... ít được đào tạo, bồi dưỡng có hệ thống, do đó, trình độ kiến thức và năng lực công tác bị hạn chế, hoặc sức khỏe giảm sút..., nên không phát huy được vai trò lãnh đạo theo yêu cầu mới.

- Một số biến chất về chính trị, suy thoái về đạo đức và lối sống, lợi dụng chức quyền tham nhũng, làm giàu bất chính, nhưng chưa được giáo dục, đấu tranh và xử lý đúng mức. Số này, tuy không nhiều, nhưng "con sâu làm rầu nồi canh", có trường hợp gây tác hại rất nghiêm trọng đến uy tín của Đảng.

- Trong quá trình thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đã dần dần xuất hiện giàu nghèo ngay trong đội ngũ đảng viên và gia đình đảng viên (theo thống kê ở nhiều địa phương, hiện có khoảng 5 - 10% số đảng viên còn nghèo đói ; 5 - 10% số đảng viên giàu, khá, có nơi số này còn cao hơn). Một số đảng viên và gia đình thuộc diện nghèo, đông con, thiếu việc làm, nhưng chưa được tổ chức đảng giúp đỡ để vươn lên khắc phục đói, nghèo, làm tốt nhiệm vụ đảng viên. Một số đảng viên và gia đình đã tham gia làm kinh tế tư nhân, kể cả kinh tế tư bản tư nhân, nhưng chưa được tổ chức đảng hướng dẫn, chỉ đạo để thực hiện đúng quy định của Đảng.

- Đảng ta đã có lịch sử hơn nửa thế kỷ, có đội ngũ đảng viên thuộc nhiều thế hệ với độ tuổi bình quân ngày càng tăng, là điều dễ hiểu. Song do công tác phát triển đảng viên, nhất là phát triển đảng viên trẻ có lúc, có nơi chưa tốt, nên độ tuổi bình quân của toàn đảng ngày càng cao. Cuối năm 1976, tuổi bình quân của toàn đảng là 38,6 tuổi ; số dưới 30 tuổi là 26,5%. Đến cuối năm 1995, tuổi bình quân là 43,6 tuổi ; số dưới 30 tuổi chỉ còn gần 12%. Số đảng viên là cán bộ, công nhân và nhân viên về hưu ngày càng nhiều (năm 1976 mới chiếm 4,7%, cuối năm 1995 đã chiếm 27,4% tổng số đảng viên). Tỷ lệ đảng viên so với số dân còn chênh lệch khá lớn giữa các vùng (miền Bắc : 3,5 - 4,5% ; miền Trung và Tây nguyên : 1,5 - 1,7% ; miền Nam : 1,1%). Còn hàng ngàn thôn, xóm, ấp, bản chưa có đảng viên...

Trong công tác đảng viên, nhiều năm qua Đảng ta đã chú trọng cả 3 mặt : giáo dục, bồi dưỡng ; chỉnh đốn ; phát triển đội ngũ đảng viên. Từ sau khi có Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, công tác đảng viên đã được tăng cường hơn, tạo ra một số chuyển biến mới. Cấp ủy và tổ chức đảng đã chú trọng việc kiểm tra, phân tích tình hình đảng viên để có hướng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, tiến hành phân công công tác, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên *theo* địa bàn dân cư, phụ trách các hộ gia đình ; *theo* đơn vị sản xuất kinh doanh ; *theo* các nhóm chuyên đề, phụ trách các đoàn thể và các hội quần chúng... Tỷ lệ đảng viên được phân công công tác ở nhiều nơi tăng hơn trước.

Các tổ chức đảng đã bước đầu làm tốt hơn việc tổ chức và hướng dẫn đảng viên nâng cao trình độ về mọi mặt, như mở các lớp bổ túc văn hóa, lý luận chính trị, quản lý kinh tế, chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ. Ý thức tự vươn lên trong học tập và tu dưỡng của đảng viên ở một số nơi, nhất là trong số đảng viên trẻ, có chuyển biến rõ hơn. Đã củng cố các trường chính trị ở cấp tỉnh và lập lại trung tâm bồi dưỡng chính trị ở cấp huyện, tạo cơ sở thuận lợi hơn cho công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ đảng viên và cán bộ ở cơ sở. Bản tin thời sự và báo đảng đã được phát hành nhiều hơn tới các tổ chức cơ sở và chi bộ đảng.

Bước đầu phân tích chất lượng đảng viên cho thấy : trước khi có Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), số đảng viên đủ tư cách, phấn đấu tốt thường chiếm tỉ lệ từ 30 đến 40%, nay nâng lên 50 - 60%. Số đảng viên đủ tư cách nhưng có mặt hạn chế, trước là 40 - 50%, nay là 30 - 40%.

Digitized by Google

Việc kiểm tra, xem xét, xử lý số đảng viên vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật nhà nước tiếp tục được tiến hành thường xuyên. Mỗi năm phải xử lý kỷ luật khoảng 2 - 3%, trong đó khai trừ, đưa ra bằng nhiều hình thức, khoảng trên dưới 1% tổng số đảng viên.

Công tác phát triển đảng viên đã được quan tâm và có chuyển biến mới. Từ năm 1992 đến năm 1995 số đảng viên mới kết nạp liên tục tăng, riêng năm 1995 tăng hơn 2 lần so với năm 1992. Đã khắc phục được tình trạng số lượng đảng viên mới kết nạp liên tục giảm trong 4 năm 1988 - 1991. Đã thu hẹp hơn diện các thôn, xóm, ấp, bản lâu nay chưa có đảng viên. Theo thống kê của 17 tỉnh, thành, ở các thôn, xóm, ấp, bản trong 3 năm 1992 - 1994 đã có thêm 282 nơi có đảng viên và 398 nơi lập thêm được chi bộ đảng.

Kết quả đó trước hết do đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng đã tạo ra những thành tựu quan trọng ; nhiều tổ chức đảng và đảng viên đã thực hiện tốt hơn vai trò lãnh đạo. Mặt khác, do công tác phát triển đảng viên được coi trọng hơn ; nhiều cấp ủy đã tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm về công tác này. Đã mở được nhiều lớp bồi dưỡng đối tượng, tạo nguồn phát triển đảng viên, chú trọng chất lượng, không chạy theo số lượng ; chú ý hơn đến những người ưu tú trong các cơ sở sản xuất, trong sinh viên, trí thức, nữ, các dân tộc thiểu số... Số đảng viên mới được kết nạp nhìn chung bảo đảm chất lượng, tăng thêm lực lượng trẻ, có kiến thức và năng lực đổi mới. Những chuyển biến đó càng khẳng định số đông quần chúng, nhất là lớp trẻ, vẫn thiết tha với Đảng. Những nơi mà công tác phát triển đảng viên còn yếu, chính là do tổ chức đảng và đảng viên ở đó chưa làm tốt trách nhiệm của mình trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng phấn đấu vào Đảng.

Về các mặt tồn tại trong công tác đảng viên, đáng chú ý là : một số nơi chưa nhận thức đúng và chưa làm tốt việc phân tích chất lượng đảng viên, nên kết quả phân tích thiếu chính xác ; việc phân công công tác cho đảng viên ở một số nơi, nhất là trong các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, còn rất yếu. Một số nơi chưa tăng cường đúng mức các biện pháp giáo dục, bồi dưỡng và hướng dẫn, kiểm tra đảng viên học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức các mặt và năng lực công tác theo yêu cầu mới.

Đặc biệt, việc giáo dục về đạo đức, lối sống, về củng cố mối quan hệ với quần chúng ở nơi làm việc và nơi cư trú, duy trì nền nếp sinh hoạt đảng, chế độ tự phê bình và phê bình, việc quản lý đội ngũ đảng viên ở một số tổ chức đảng còn có nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Trong những "điểm nóng" xảy ra ở nhiều nơi, có một số đảng viên, kể cả một số ít đảng viên lâu năm và cấp ủy viên cơ sở, đã mắc phải chủ nghĩa cá nhân, ý thức tổ chức kỷ luật kém, nên hoặc đã kích động một số quần chúng lạc hậu gây rối, hoặc đã thụ động, bất lực trước các biểu hiện tiêu cực, gây phức tạp thêm cho việc giải quyết ổn định tình hình.

Kinh nghiệm về công tác đảng viên của Đảng ta trong nhiều năm qua cho thấy :

- Để làm tốt việc xây dựng đội ngũ đảng viên, *trước hết phải có quan điểm biện chứng, lịch sử và thực tiễn trong việc đánh giá tình hình đội ngũ đảng viên.* Các Mác đã nói : "Con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội". Con người bị quy luật sinh tồn, phát triển, đào thải của tự nhiên và xã hội chi phối. Đảng viên cũng là con người, chịu sự chi phối của quy luật chung nêu trên. Vì vậy, nếu thời kỳ nào trong Đảng cũng có một bộ phận đảng viên tích cực và một số đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, có những biểu hiện tiêu cực, thì cũng là điều dễ hiểu. Nhưng đảng viên là con người có giác ngộ lý tưởng, lại có tổ chức đảng hướng dẫn, giúp đỡ, nên họ có điều kiện để rèn luyện, trưởng thành và khắc phục các mặt yếu kém. Một tổ chức đảng mà có nhiều đảng viên yếu kém kéo dài thì trước hết là do khuyết

Digitized by Google

điểm trực tiếp của các đảng viên đó, nhưng đồng thời cũng phản ánh sự giảm sút chất lượng của tổ chức đảng. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ đảng viên phải đi từ việc xây dựng từng con người đảng viên, kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng tổ chức đảng vững mạnh. Tổ chức đảng vững mạnh sẽ tạo điều kiện để xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, và ngược lại.

Thực tiễn thắng lợi của sự nghiệp cách mạng ở nước ta trong hơn nửa thế kỷ qua cũng như trong công cuộc đổi mới hơn 10 năm trở lại đây, chứng tỏ số đông đảng viên ta có phẩm chất tốt, tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng và tính tiền phong, gương mẫu của người đảng viên trong tình hình mới. Không thể có nhận định khác. Vì vậy, *cần khẳng định những mặt tích cực, ưu điểm của đội ngũ đảng viên là cơ bản để tin tưởng và phát huy. Đồng thời phải thấy hết những mặt yếu kém để có biện pháp kiên quyết khắc phục.*

Thực tiễn cho thấy, nơi nào đánh giá tình hình đảng viên theo cảm tính chủ quan, hoặc chỉ thấy ưu điểm để động viên một chiều, hoặc chỉ thấy khuyết điểm và nặng về "xử lý", thì đều không tránh khỏi vấp váp, sai lầm. *Phải nắm vững phương châm coi trọng cả hai mặt* ***xây*** *và* ***chống****, trong đó* ***xây*** *bao giờ cũng là hướng cơ bản và chủ yếu. Đồng thời phải kiên quyết và kịp thời xử lý những biểu hiện tiêu cực, nhất là sự thoái hóa về chính trị và đạo đức, lối sống trong một số đảng viên.*

- Trong việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, phải kết hợp tốt cả *ba* mặt. *Trước hết*, tổ chức đảng phải coi trọng việc *tổ chức và hướng dẫn đảng viên hành động* trong các phong trào cách mạng của quần chúng. Trừ những đảng viên tuổi cao, sức yếu được miễn công tác và sinh hoạt theo Điều lệ Đảng quy định, còn nói chung mỗi đảng viên phải nhận và phấn đấu hoàn thành ít nhất một công tác cụ thể, phù hợp với điều kiện và khả năng từng người. Không nhận nhiệm vụ và không làm tốt công tác được giao thì thực tế không còn là người đảng viên cộng sản mà nhân dân vẫn hằng tin tưởng. *Thứ hai*, phải *tổ chức tốt các hình thức học tập*, để không ngừng nâng cao kiến thức các mặt và năng lực công tác của từng đảng viên theo yêu cầu của mỗi thời kỳ cách mạng. *Thứ ba*, phải *duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng*. Mỗi đảng viên phải có tính đảng trong mọi hoàn cảnh ; đảng viên phải tự giác khép mình vào kỷ luật Đảng ; đảng viên có cương vị lãnh đạo càng cao, càng phải gương mẫu trong sinh hoạt đảng, nhận nhiệm vụ của tổ chức đảng phân công. Tổ chức đảng tạo điều kiện cho mỗi đảng viên phát huy ưu điểm, sửa chữa thiếu sót và khuyết điểm, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn trên tình đồng chí trong sáng. Kiên quyết khắc phục tình trạng làm công tác đảng viên tách rời thực tiễn, đảng vụ đơn thuần.

II

Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo Cương lĩnh chính trị và đường lối đổi mới của Đảng, cần tăng cường hơn nữa công tác đảng viên nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng yếu để tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn đảng, như Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) tại Đại hội VIII đã nêu rõ. Để làm tốt công tác này, cần phải giải quyết đồng bộ một số vấn đề chủ yếu sau đây :

Một là : *Tiếp tục nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm trong Đảng về vị trí, vai trò và yêu cầu đối với mỗi người đảng viên cộng sản trong công cuộc đổi mới hiện nay*, cũng như trong sự nghiệp cách mạng lâu dài, vẻ vang và đầy khó khăn thử thách của nhân dân ta. Mỗi đảng viên là một tế bào của Đảng. Đảng chỉ có thể vững mạnh trên cơ sở có một đội ngũ đảng viên vững mạnh.

Mỗi đảng viên phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn bản thân mình theo lời dạy trong *Di chúc*

Digitized by Google

của Bác Hồ : "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân." Đồng thời, các tổ chức đảng, nhất là tổ chức cơ sở đảng, phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn đảng, tạo điều kiện thuận lợi cho các đảng viên phấn đấu, rèn luyện, từng bước nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, kiến thức và năng lực lãnh đạo theo yêu cầu của thời kỳ mới.

Hai là : *Nắm vững yêu cầu về tiêu chuẩn đảng viên trong tình hình mới* để có hướng xây dựng, chỉnh đốn và phát triển đội ngũ đảng viên, bảo đảm *giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiền phong của Đảng.* Đây là một vấn đề có ý nghĩa rất cơ bản. Trong giai đoạn hiện nay, đảng viên chẳng những phải có giác ngộ lý tưởng, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó mật thiết với quần chúng và có tinh thần phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao... như các thời kỳ trước đây, mà còn phải có kiến thức và năng lực lãnh đạo trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, như làm công tác chính quyền, hoạt động kinh tế, văn hóa, khoa học, đối ngoại... Hiện nay, trước thời cơ lớn và những khó khăn, thử thách gay gắt, đội ngũ đảng viên càng phải có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng và lối sống trong sạch. Vì vậy, trong Điều lệ Đảng vừa được Đại hội VIII thông qua, Đảng ta đã bổ sung một điểm mới về tiêu chuẩn đảng viên như sau : *"Đảng viên Đảng cộng sản Việt nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích lý tưởng của Đảng ; đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân ; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao ; có đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh ; gắn bó mật thiết với quần chúng ; phục tùng tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng..."*

Một vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, đang có nhiều ý kiến khác nhau là *đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân hay không ?*

Báo cáo chính trị và *Điều lệ Đảng* đã được Đại hội VIII thông qua đều tiếp tục khẳng định : *Đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân, bởi vì :*

- Làm kinh tế tư bản tư nhân là có bóc lột giá trị thặng dư. Người tiểu chủ cũng có thể thuê mướn nhân công, có tính chất bóc lột, song nguồn thu nhập chính, nguồn sống chính vẫn nhờ vào lao động của bản thân và gia đình. Còn kinh tế tư bản tư nhân thì có nguồn thu nhập chính, nguồn sống chính nhờ vào bóc lột giá trị thặng dư. Nếu đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân thì dần dần trong Đảng sẽ có một bộ phận đảng viên trở thành tư sản. Lúc đầu còn ít, nhưng dần dần trong Đảng có thể có hàng vạn đảng viên là những nhà tư sản, thì điều đó đương nhiên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

- Đảng viên tuy cũng là công dân, có quyền và nghĩa vụ công dân, nhưng không phải cái gì công dân được làm thì đảng viên đều được làm. Công dân chỉ cần tuân theo Hiến pháp, nhưng đảng viên thì còn phải phục tùng Điều lệ Đảng.

- Không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân không phải là làm thui chột tài năng làm kinh tế của đảng viên. Nếu đảng viên có tài năng làm kinh tế thì với những quy định hiện nay, họ vẫn có thể phát huy được vai trò của mình, vừa có lợi cho bản thân, vừa có lợi cho đất nước, mà vẫn giữ được lý tưởng của người đảng viên.

Đối với một số đảng viên hiện nay đã là chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân, tổ chức đảng

Digitized by Google

cần xem xét và giải quyết từng trường hợp cụ thể ; hướng dẫn và giúp đỡ họ chuyển thành dạng công ty cổ phần có sự tham gia của người lao động, của nhà nước ; hoặc thành các hình thức kinh tế hợp tác.

Tuy nhiên, đây là một vấn đề mới cần tiếp tục được nghiên cứu và tổng kết thực tiễn để có nhận thức đúng và bổ sung những quy định cho phù hợp.

Ba là : Trên cơ sở nâng cao nhận thức về các vấn đề nêu trên, cần *tăng cường và đổi mới công tác đảng viên, tập trung làm tốt một số vấn đề sau :*

- Mỗi tổ chức đảng, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể đã được xác định *hướng dẫn đảng viên xây dựng và thực hiện các chương trình kế hoạch công tác theo định kỳ*, hướng vào việc phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu ở từng loại cơ sở :

Ở *các xã, phường*, đảng viên phải đi đầu trong phong trào phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa (ở nông thôn là công nghiệp hóa nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn), chăm lo cải thiện đời sống nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, củng cố và đổi mới quan hệ sản xuất, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân ; chống các biểu hiện tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Ở *các doanh nghiệp nhà nước*, đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, tích cực tham gia các mặt quản lý doanh nghiệp, bảo đảm cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thích ứng với cơ chế thị trường, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, bảo vệ quyền làm chủ của những người lao động, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh.

Ở *các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở kinh tế hợp tác...*, đảng viên phải tích cực trong công tác vận động, giáo dục quần chúng, xây dựng các đoàn thể, tuyên truyền vận động chủ doanh nghiệp và người nước ngoài phát triển sản xuất, bảo đảm lợi ích các chủ doanh nghiệp, của các bên hợp tác liên doanh, lợi ích và nhân phẩm của người lao động theo đúng luật pháp.

Ở *các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp*, đảng viên phải phát huy tinh thần trách nhiệm, làm tốt nhiệm vụ chuyên môn, giữ vững phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, chống quan liêu, tham nhũng, không gây phiền hà cho cấp dưới và cơ sở.

Ở *các đơn vị quân đội và công an*, đảng viên phải gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, kỷ luật, tích cực góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh, toàn diện, làm nòng cốt cùng với toàn dân bảo đảm vững chắc chủ quyền quốc gia, trật tự trị an và an toàn xã hội, tạo những điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng đất nước trong hòa bình và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.

- *Đổi mới việc phân tích chất lượng đảng viên.* Thống nhất yêu cầu, mục đích của công việc này chủ yếu là để đánh giá đúng thực trạng những mặt mạnh và mặt yếu của mỗi đảng viên và đội ngũ đảng viên. Từ đó có biện pháp thiết thực biểu dương những đảng viên ưu tú, giúp đỡ những đảng viên yếu về trình độ và có khó khăn về gia đình ; tạo điều kiện cho mọi đảng viên đều có công ăn việc làm, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, hoặc khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác, trong học tập, rèn luyện cũng như trong quan hệ với quần chúng... Việc phân tích chất lượng đảng viên ở các chi bộ và cấp ủy cơ sở cần thành nền nếp thường xuyên hằng năm, qua tổng kết công tác đảng và công tác chuyên môn ở các cơ quan đơn vị, kết hợp việc tự phê bình và phê bình trong chi bộ với việc lấy ý kiến của quần chúng và các đoàn thể ở cơ sở. Không nên phân loại đảng viên theo kiểu hành chính, chỉ để báo cáo lên cấp trên, rất thiếu chính xác và chẳng có tác dụng gì, như một số nơi vẫn làm.

Digitized by Google

- *Mọi đảng viên* (trừ những đồng chí tuổi cao, sức yếu đã được miễn sinh hoạt và công tác) *đều có nhiệm vụ cụ thể theo quy định của Điều lệ Đảng và được cụ thể hóa thành các công tác do chi bộ giao, phù hợp với điều kiện và khả năng của mỗi đảng viên.* Đảng viên có trách nhiệm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, tự đánh giá và báo cáo với tổ chức đảng theo định kỳ.

- Tăng cường các biện pháp về *tổ chức và chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn đảng viên tự học* để nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh tế - xã hội... thích hợp với điều kiện cơ chế thị trường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế ; phù hợp với trình độ đảng viên ở các lĩnh vực công tác, các vùng khác nhau.

- Tiếp tục *cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng,* giáo dục, quản lý đội ngũ đảng viên trong công tác, trong việc giữ gìn đạo đức và lối sống, ở nơi làm việc và nơi cư trú.

- Tiến hành một cách nghiêm túc, kịp thời việc *xem xét, xử lý kỷ luật những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật nhà nước ; khai trừ ngay ra khỏi Đảng những đảng viên* thoái hóa về phẩm chất chính trị, đạo đức... (đây là việc làm thường xuyên của tổ chức đảng, không phải chờ cuối năm sau khi làm xong việc phân tích chất lượng đảng viên mới thực hiện).

Bốn là : *Coi trọng công tác phát triển đảng viên, không ngừng tăng thêm lực lượng trẻ, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ đảng viên một cách vững chắc và liên tục.*

Các tổ chức đảng thường xuyên chăm lo giáo dục lý tưởng cách mạng cho quần chúng, tạo nguồn kết nạp đảng viên mới là những người ưu tú trong công nhân ở các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các hợp tác xã và tổ sản xuất..., nông dân, sinh viên, trí thức, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang và đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ; giảm độ tuổi bình quân, giảm tỷ lệ chênh lệch đội ngũ đảng viên so với số dân ở các vùng. Chú trọng những cơ sở trọng điểm, những nơi còn ít và chưa có đảng viên.

Lãnh đạo Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cải tiến các hình thức tập hợp, giáo dục thanh niên để làm tốt việc tạo nguồn, giới thiệu đoàn viên ưu tú để Đảng xem xét kết nạp đạt kết quả tốt.

Trên cơ sở nắm vững các yêu cầu về tiêu chuẩn và coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng đơn thuần, cần đổi mới quan điểm đánh giá quần chúng, có chú ý xem xét về lịch sử người vào Đảng và các mối quan hệ xã hội, không định kiến, hẹp hòi trên những vấn đề phong cách, cá tính ; không đòi hỏi máy móc về trình độ học vấn với quần chúng trong các vùng dân tộc ít người ; sửa đổi các quy định và thủ tục xem xét kết nạp đảng viên không còn phù hợp.

Năm là : *Từng bước tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng viên và công tác đảng viên để có phương hướng và biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên một cách cơ bản và có hiệu quả ngày càng cao.* Từng bước trang bị các phương tiện hiện đại (như máy vi tính, mạng máy vi tính) để tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin về đảng viên, trước hết là ở các thành phố, các tỉnh đồng bằng, kinh tế phát triển khá, các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, tiến tới áp dụng chung trong toàn đảng.

Đổi mới công tác quản lý hồ sơ đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng, có quy định cụ thể để đảng viên đi công tác lưu động, đi làm ăn, thăm người thân ở xa... được dùng giấy giới thiệu sinh hoạt tạm thời hoặc thẻ đảng viên để đăng ký sinh hoạt đảng ở các chi bộ địa phương tạm trú, có báo cáo với tổ chức cơ sở đảng gốc biết. Cải tiến để phát huy tốt hơn tác dụng của việc cấp thẻ đảng và huy hiệu đảng, coi trọng việc lựa chọn, biểu dương, khen thưởng những đảng viên ưu tú, có thành tích xuất sắc trong sản xuất và công tác, trong học tập và rèn luyện theo định kỳ từ cơ sở đến các cấp huyện, tỉnh và toàn quốc ❑

Digitized by Google

VĂN HÓA THÔNG TIN TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN KHOA ĐIỀM *

TRONG nhiều văn kiện Đại hội, đặc biệt là văn kiện Đại hội VIII, Đảng ta đã xác định đường lối công nghiệp hóa - hiện đại hóa là nội dung cơ bản của quá trình đi lên của đất nước trong vài mươi năm đến. Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một trong những vấn đề rất cơ bản mà Đại hội VIII hết sức quan tâm, là lĩnh vực văn hóa - thông tin. Đây là vấn đề mà **Báo cáo chính trị** đã trình bày với một hệ thống quan điểm, chủ trương khá hoàn chỉnh.

Nhìn lại lịch sử lâu dài của dân tộc, chúng ta thấy rõ cha ông xưa rất coi trọng xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc, chăm lo xây dựng một quốc gia văn hiến. Điều đó có cơ sở của nó. Bởi vì sống ở khu vực Đông - Nam Á, nơi tồn tại những quốc gia có lực lượng kinh tế và quân sự rất lớn, lại có nền văn minh khá lâu đời, nếu không đặt đúng vấn đề văn hóa thì không tránh khỏi bị đồng hóa. Mặt khác, văn hóa luôn tiềm ẩn một hệ thống động lực và khả năng điều chỉnh hết sức quan trọng, nếu biết khai thác nó thì sẽ xử lý đúng các xung đột về lợi ích giữa các cộng đồng người, những mâu thuẫn giữa các dân tộc, tôn giáo, giữa cá nhân, cộng đồng và xã hội, giữa gia đình, làng và nước.... tạo ra những biến đổi to lớn và sự ổn định lâu dài cho đất nước.

Chúng ta tự hào về văn hóa Việt nam và truyền thống coi trọng văn hóa của cha ông. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, qua hàng ngàn năm, cho mãi đến hôm nay, văn hóa nước ta vẫn tồn tại trên cơ sở một xã hội nông nghiệp cổ truyền, với những hạn chế của phương thức sản xuất làm ăn đó.

Hơn nửa thế kỷ vừa qua văn hóa nước ta phát triển mạnh mẽ nhờ thừa hưởng những thành quả chính trị tốt đẹp của Cách mạng tháng Tám, của sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong chặng đường đầu tiên.

Để phát triển lên trình độ cao, trở thành một thời kỳ phục hưng văn hóa của đất nước, văn hóa nước ta đang hướng vào thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng lần thứ VIII đã chỉ rõ : "Mục tiêu của công nghiệp hóa hiện đại hóa là biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Rõ ràng, với mục tiêu đó, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ mở ra môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng một nền văn

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ văn hóa - thông tin

Digitized by Google

hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đóng góp tích cực vào quá trình biến đổi của con người và đất nước. Đây là thời cơ hết sức quan trọng của văn hóa Việt nam và những người làm công tác văn hóa thông tin cả nước. Mặt khác, do tính phức tạp nhiều mặt của cuộc đấu tranh nhằm bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa và khả năng đi nhanh của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, hoạt động văn hóa thông tin phải vươn lên nhiều mặt, vượt qua nhiều thử thách để tồn tại và phát triển.

Vậy câu hỏi đặt ra là : *Văn hóa Thông tin có thể đóng góp được gì cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ?*

1 - Chúng tôi nghĩ, trước hết, là vấn đề con người. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay lấy con người làm nhân tố cơ bản để phát triển. Con người ở đây là con người Việt nam, không loại trừ một ai, đang sống và làm việc trên bất cứ lĩnh vực nào, thành thị hay nông thôn, miền xuôi hay miền ngược, trong nước hay ngoài nước, đều phải và có thể góp sức mình cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và tự chuẩn bị mình thành sức mạnh của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là sự tham gia của toàn dân, sự biến đổi của toàn dân tộc theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Văn hóa thông tin cùng với các lực lượng xã hội có trách nhiệm lớn trong chuẩn bị nhân tố con người. Sự chuẩn bị đó phải bắt đầu từ thời thơ ấu cho đến khi con người có thể bắt tay vào lao động, chiến đấu và tiếp tục hoàn thiện dần những năng lực và phẩm chất của họ cho đến cuối đời. Trong thời đại ngày nay, văn hóa, nghệ thuật với khả năng đưa ra những lời giải giàu tính nhân văn sẽ giúp ích nhiều cho con người tự điều chỉnh mình theo những tiêu chuẩn của cuộc sống, của lý tưởng, nhờ đó con người Việt nam sẽ có đóng góp quyết định cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2 - Cùng với văn hóa nghệ thuật, thông tin đang giữ vai trò hết sức quan trọng trong đời sống công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thông tin đề cập ở đây là thông tin đại chúng, bao gồm những loại hình thông tin phổ cập cho hàng triệu người như sách báo, phát thanh, truyền hình, điện ảnh, các hệ thống truyền thông và sản phẩm điện tử chứa đựng thông tin, các lực lượng thông tin lưu động ở cơ sở... ngày càng phong phú, hiện đại.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đổi mới đất nước, thông tin đại chúng có vai trò rất lớn trong nâng cao nhận thức, mở mang dân trí, chuẩn bị những điều kiện và khả năng hành động của hàng chục triệu con người. Kinh nghiệm của 10 năm đổi mới vừa qua cho thấy, nhờ có chính sách phát triển và thể chế quản lý thích hợp, hoạt động thông tin đại chúng của nước ta có thể đóng góp tích cực vào quá trình biến đổi nhiều mặt của đất nước, góp phần điều chỉnh, ngăn chặn những mặt trái chiều trong cuộc sống. Nếu trong thời gian tới chúng ta có chính sách phát triển và quản lý tốt hơn nữa thì thông tin đại chúng nước ta sẽ là lực lượng vật chất đáng kể góp phần bảo đảm cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời là vũ khí chính trị sắc bén bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

3 - Trong thời đại ngày nay, khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đẩy con người tới lối sống công nghiệp gấp gáp, căng thẳng thì văn hóa thông tin là "cái van" điều chỉnh quan trọng toàn bộ lối sống xã hội, giảm nhẹ những biến dạng đạo đức, tinh thần do hoàn cảnh khách quan chi phối. Sẽ đến lúc chúng ta nhìn thấy hàng triệu người, tự giác đi vào đời sống văn hóa, trở thành thành viên văn hóa trong các lễ hội, các ngày sum họp gia đình, họ tộc, trên các điểm vui chơi, giải trí, các sinh hoạt nghệ thuật, thư viện, bảo tàng, điện ảnh ; ở đó họ khôi phục cho mình một nhân cách văn hóa rộng rãi, thoát khỏi thực tế công nghiệp hàng ngày hết sức vất vả, căng thẳng. Như thế, văn hóa có trách nhiệm đối với mỗi con người, mỗi gia đình, và ngược lại, mỗi con người, mỗi gia đình sẽ đem tới cho văn hóa sự phong phú vô

Digitized by Google

tận của một xã hội luôn luôn vươn tới thống nhất trong sự đa dạng.

4 - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay đòi hỏi chúng ta phải gắn mình với quá trình quốc tế hóa nền kinh tế thế giới, phải mở rộng giao lưu và tiếp nhận những kinh nghiệm thế giới, mặt khác vẫn phải giữ vững tính độc lập tự chủ, tinh thần tự lực tự cường trong hoạt động kinh tế, làm cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp năng động, sáng tạo, giàu cốt cách dân tộc. Muốn mở rộng giao lưu hay nâng cao tính chủ động, sáng tạo, chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa không thể không tính đến những truyền thống văn hóa tinh thần của dân tộc khi quyết định các giải pháp quản lý, phương thức khuyến khích lợi ích, sự lựa chọn các mục tiêu và công nghệ... Điều quan trọng hơn nữa trong giao lưu và hội nhập kinh tế, có thể xuất hiện quá trình bào mòn vô hình các giá trị văn hóa tinh thần dân tộc, lý tưởng cách mạng của nhân dân ta, làm lu mờ bản sắc văn hóa dân tộc. Đó là một vận nạn của nhiều nước đang phát triển khi đi vào công nghiệp hóa. Sự sa sút văn hóa dân tộc, đến lượt nó, lại tác động xấu đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dẫn đến "phản phát triển". Đó là một vòng xoáy trôn ốc theo chiều đi xuống rất tai hại. Vì vậy, chấn hưng văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ thiết thân đối với hoạt động văn hóa, đồng thời cũng là yêu cầu bức thiết trong quá trình biến một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp tiên tiến.

5 - Bản thân ngành văn hóa thông tin cũng đang quản lý một khối lượng sản phẩm và dịch vụ văn hóa thông tin khá phong phú, đa dạng, có thể trực tiếp góp phần vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là các sản phẩm xuất bản, điện ảnh, băng hình, các loại văn hóa phẩm, sản phẩm mỹ nghệ, công nghiệp in, dịch vụ quảng cáo, các ga-lơ-ri nghệ thuật, dịch vụ vui chơi giải trí v.v.. Với các loại hình đó, nhiều nước trên thế giới đã biến nó thành những ngành công nghiệp lớn, tham gia xuất khẩu. Gắn bó với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các sản phẩm văn hóa nghệ thuật của nước ta nhất định phải được bổ sung, tăng cường về nhiều mặt, đủ sức cạnh tranh với sản phẩm, dịch vụ văn hóa nước ngoài, đảm bảo ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Qua 5 điểm trình bày trên, chúng ta có thể nói rằng văn hóa thông tin không phải là lĩnh vực tiêu tốn, đứng ngoài sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà ngược lại, khi được đặt đúng vị trí của nó, văn hóa thông tin sẽ góp phần to lớn trong quá trình phát triển đất nước, phục vụ lợi ích nhân dân.

Từ trách nhiệm và thời cơ to lớn đặt ra, *văn hóa thông tin phải làm gì để tự đổi mới và phát triển, đặng góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ?*

Bước đầu suy nghĩ, chúng tôi thấy nổi lên những vấn đề sau :

1 - *Xã hội hóa hoạt động văn hóa thông tin, động viên nhân dân chủ động sáng tạo văn hóa, không ngừng nâng cao mức hưởng thụ văn hóa thông tin, hình thành rộng rãi đời sống văn hóa thông tin cơ sở, đồng thời không ngừng nâng cao vai trò tổ chức, quản lý văn hóa của các cơ quan nhà nước là vấn đề hết sức quan trọng của công tác văn hóa thông tin hiện nay.*

Quá trình nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, hình thành đời sống văn hóa thông tin sôi động từ cơ sở trước hết phải từ quan điểm xã hội hóa hoạt động văn hóa thông tin, động viên nhân dân đem tài năng, sức người, sức của xây dựng đời sống văn hóa thông tin cho mình và những người xung quanh. Thực tế nhiều nơi ở đồng bằng sông Cửu long, thành phố Hồ Chí Minh, một số tỉnh đồng bằng Bắc bộ được sự ủng hộ, hướng dẫn của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặc dù ngân sách nhà nước dành cho văn hóa chỉ tăng lên vừa phải, nhưng nhân dân đã chủ động tổ chức được nhiều hoạt động văn hóa thông tin

Digitized by Google

như : xây dựng làng văn hóa, tổ chức các điểm vui chơi giải trí lành mạnh, các tủ sách, các thuyền văn hóa, các nhóm ca nhạc, các câu lạc bộ nghệ thuật, các quỹ bảo trợ tài năng nghệ thuật, các hội trùng tu bảo quản các di tích văn hóa lịch sử, các nhóm nghe đài, đọc báo v.v., sáng kiến rất nhiều, hình thức rất phong phú. Những người đứng ra tổ chức vừa muốn góp phần xây dựng văn hóa, tỏ rõ tài năng, vừa mong có lợi ích nhất định. Cái đúng cái sai có khi chưa rõ ràng. Tuy nhiên, nếu nhà nước thông qua ngành văn hóa thông tin, kịp thời khảo sát, đánh giá, có quy định chặt chẽ, hướng dẫn kịp thời, nâng đỡ tài năng sáng kiến, nghĩa là bắt tay quản lý theo định hướng của Đảng, pháp luật Nhà nước thì nhất định quá trình xã hội hóa văn hóa thông tin sẽ tạo ra những năng lực văn hóa to lớn mà chúng ta không lường hết được.

2 - Để góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, *bản thân ngành văn hóa thông tin cũng phải được hiện đại hóa nhanh chóng ở những khâu quan trọng nhất,* đáp ứng nhu cầu thưởng thức, sử dụng văn hóa thông tin ngày càng cao trong nhân dân. Chúng tôi nghĩ, nhà nước cần tăng cường đầu tư giúp đỡ có trọng điểm các văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hóa, các đơn vị văn hóa nghệ thuật được hình thành từ nhiều thế hệ đủ sức nâng cao chất lượng sáng tạo, phục vụ, có những tác phẩm, công trình có giá trị, thu hút công chúng, làm cơ sở để đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi những sản phẩm văn hóa độc hại, thị hiếu thấp kém đang lan tràn trên thị trường. Đây là cuộc đấu tranh "xây", "chống" trong văn hóa, trong đó "xây" là mặt cơ bản, lâu dài, quyết định ; tuy nhiên trong tình hình hiện nay "chống" là biện pháp cấp thời cần giải quyết tốt. Ngành văn hóa thông tin có trách nhiệm triển khai thật tốt Quyết định 25/CP và Nghị định 87/CP của Chính phủ, bảo đảm 2 mặt xây, chống được triển khai đến nơi đến chốn. Là những người làm ra các sản phẩm văn hóa nghệ thuật, những người làm công tác văn hóa thông tin mang một nhược điểm cố hữu là rất lúng túng trong lưu thông, phát hành những sản phẩm của mình. Vì vậy, một nội dung quan trọng của văn hóa thông tin thời gian tới là phải làm tốt hoạt động phát hành các sản phẩm phim ảnh, sách báo, băng hình, các hoạt động nghệ thuật... đến tận tay người sử dụng, thu hẹp dần khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, và nhất thiết phải quản lý chặt chẽ thị trường văn hóa.

3 - Tiếp tục tăng cường tri thức, năng lực và bản lĩnh văn hóa thông tin bằng tiếp cận từ hai phía : *khai thác phát huy đầy đủ hơn nữa các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời nhanh chóng tiếp thu những tinh hoa, kinh nghiệm quý trong đời sống văn hóa nhân loại.* Cuộc đấu tranh bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc chỉ thành công trên thực tế khi chúng ta biết tiếp cận, khai thác, phát huy đúng đắn tinh hoa văn hóa thế giới cùng với quá trình phát huy các giá trị dân tộc. Thông qua tiếp cận tinh hoa văn hóa nhân loại mà làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Trước mắt chúng ta cần cố gắng để trong vòng mươi, mười lăm năm kho sách Hán Nôm của cha ông ta để lại có thể biên dịch xuất bản xong, kho tàng văn hóa nghệ thuật của các dân tộc anh em được sưu tầm, giới thiệu tương đối có hệ thống, kiểm kê lại toàn bộ hệ thống di tích lịch sử, văn hóa để có kế hoạch bảo vệ, sửa chữa.

4 - Mở rộng giao lưu văn hóa thông tin với các nước trên thế giới và khu vực là yêu cầu khách quan của vận động văn hóa hiện nay ; mặt khác, *phải hết sức tỉnh táo đối phó cuộc tiến công về văn hóa thông tin do các thế lực thù địch chĩa vào nước ta như một biện pháp hết sức quan trọng của chiến lược "diễn biến hòa bình".* Chúng ta cần làm tốt việc giới thiệu hình ảnh Việt nam và nền văn hóa phong phú của dân tộc với bầu bạn năm châu, tăng thêm tình hữu nghị, sự hiểu biết và bầu không khí quốc tế thuận lợi cho sự phát triển và ổn định của đất nước. Mặt khác, không thể cúi đầu chấp nhận trật tự văn hóa tinh thần do chủ nghĩa đế quốc áp đặt, cần có kế hoạch từng bước nâng cao khả năng chủ động ứng phó của

Digitized by Google

các cơ quan văn hóa thông tin của ta, kịp thời phê phán những luận điệu sai trái, thù địch. Sớm xây dựng chiến lược hiện đại hóa hệ thống thông tin, báo chí, xuất bản của nước ta để bắt kịp sự phát triển nhanh chóng của các phương tiện thông tin quốc tế ngày càng tinh vi, hiện đại, đáp ứng quyền được thông tin của nhân dân.

5 - *Thực sự chăm sóc, phát huy các tài năng văn hóa, nghệ thuật, nhanh chóng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ gồm cả ba khâu : quản lý, kỹ thuật và nghệ thuật có phẩm chất, trình độ chuyên môn cao ; tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức ngành văn hóa thông tin* là vấn đề mấu chốt để văn hóa thông tin trở thành mặt trận to lớn mạnh mẽ trong sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh văn hóa văn nghệ là một mặt trận và mỗi văn nghệ sĩ, người hoạt động văn hóa là một chiến sĩ trên mặt trận ấy. Trong bối cảnh đất nước ta hiện nay, tư tưởng đó vẫn nguyên vẹn giá trị của nó. Nhìn vào hoạt động văn hóa thông tin những năm qua, ở nơi nào, lúc nào những tư tưởng của Bác bị hạ thấp thì ở đó hoạt động văn hóa bị biến thành một món hàng tầm thường, công tác văn hóa và cán bộ văn hóa bị coi thường, nhiều vấn đề phức tạp trong đội ngũ phát sinh, công tác văn hóa thông tin không bắt kịp đòi hỏi cuộc sống.

Vì vậy, theo chúng tôi, công tác xây dựng đội ngũ, phát triển tài năng, nâng cao hiệu lực bộ máy là công tác hết sức quyết định cho sự đổi mới và ổn định ngành văn hóa thông tin trước yêu cầu mới to lớn của đất nước. Công tác đó cần đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, của đường lối chính sách cán bộ của Đảng.

Đó là khả năng tự đổi mới vô cùng quan trọng của hoạt động văn hóa thông tin để góp phần đổi mới đất nước trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ❑

Tiếp tục cải cách ...

(Tiếp theo trang 7)

7 - *Xây dựng các mô hình tổ chức mẫu của bộ, tổng cục thuộc chính phủ ; mô hình tổ chức ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.* Trên cơ sở những mô hình tổ chức này mà tiến tới thay đổi căn bản trong xác định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền các cơ quan nhà nước, xóa bỏ những chức năng trùng lặp, chồng chéo, không xác định rõ và không quy được trách nhiệm tập thể và cá nhân. Để làm được điều này, cần làm thử việc điều chỉnh bộ máy hành chính cấp tỉnh, huyện, xã một cách thận trọng để rút kinh nghiệm và sau đó sẽ mở rộng có kế hoạch vững chắc.

8 - *Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống các tiêu chuẩn, chức danh, ngạch bậc công chức nhà nước*, xây dựng đội ngũ công chức có tri thức, năng lực, được đào tạo có hệ thống, đề cao bổn phận, trách nhiệm phục vụ dân và đạo đức công chức. Đây là nền tảng của chế độ công vụ và quy chế công chức, khi có điều kiện ban hành văn bản pháp lệnh hoặc luật.

9 - *Ban hành và hoàn chỉnh quy chế về thi tuyển công chức, xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công. chức*, đi sâu vào những vấn đề về nhà nước, quản lý nhà nước, về nghiệp vụ - kỹ năng hành chính, về đạo đức phẩm chất công chức, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ quản lý một nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như những yêu cầu, nội dung mới và phức tạp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

10 - *Ban hành quy định về chế độ trách nhiệm và kỷ luật hành chính đối với cơ quan hành chính và công chức nhà nước.* Những yêu cầu về tri thức, năng lực và đạo đức công chức trong điều kiện của nền kinh tế thị trường và thời kỳ phát triển mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặt ra rất cao, vì tính đa dạng, phức tạp của một xã hội mà nhà nước phải quản lý, đối mặt và thử thách với đội ngũ công chức ❑

Digitized by Google

Mấy suy nghĩ về độc lập tự chủ trong phát triển khoa học và công nghệ

NGUYỄN SĨ LỘC *

ĐẠI hội Đảng lần thứ VIII là một sự kiện trọng đại, vạch ra đường lối cho một thời kỳ cả nước đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, trong đó lấy khoa học và công nghệ là nền tảng. Sự phát triển bền vững nào, suy cho cùng cũng phải dựa vào những giá trị tự thân bên trong, năng lực độc lập tự chủ của chính mình, dù đó là trong chính trị, kinh tế, hay khoa học, công nghệ. Bài này xin giới hạn trong vấn đề chính sách phát triển khoa học và công nghệ.

Trong quan hệ quốc tế về khoa học và công nghệ ngày nay, xu thế liên kết, hợp tác đang ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Không một dân tộc nào có thể tách mình ra khỏi vòng xoáy đó của thời cuộc. Song, để khỏi bị lệ thuộc hoàn toàn trong vòng xoáy đó, các nước đi sau phải tự mình ý thức được và có khả năng bảo đảm sự phát triển độc lập tự chủ của chính mình. "Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế" là quan điểm của Đảng ta được ghi trong Cương lĩnh.

Độc lập tự chủ về khoa học và công nghệ là yếu tố quan trọng góp phần giữ gìn độc lập tự chủ về kinh tế, chính trị. Nhiệm vụ chiến lược to lớn đó trong từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể mang những nội dung cụ thể khác nhau, và đương nhiên với các nước đang phát triển khác nhau không hoàn toàn giống nhau. Nước ta bước vào công nghiệp hóa với điểm xuất phát rất thấp, trong khi trình độ chung của thế giới vượt trước ta nhiều thập kỷ. Nội dung, bước đi, và biện pháp thực hiện ý chí độc lập, tự chủ trong khoa học và công nghệ sau vài ba thập kỷ tới ra sao, và để làm như vậy thì ngay từ bây giờ phải làm gì ?

Trước hết cần quan niệm đúng về độc lập tự chủ trong khoa học và công nghệ. Trong một thế giới mà các dân tộc phát triển tùy thuộc qua lại trong một cơ chế đan xen chằng chịt với nhau như hiện nay, thì phải có cách nhìn biện chứng về vấn đề độc lập, tự chủ. Thực tế ngày nay là dân tộc nào cũng tiếp thu những giá trị tinh hoa của các dân tộc khác, đồng thời cống hiến cho nhân loại những giá trị sáng tạo của mình, làm phong phú thêm cho văn minh vật chất cũng như tinh thần chung của cả loài người.

Mặt khác, phải thấy một thực tế là khi trình độ phát triển của ta còn thấp, để đáp ứng nhu cầu thay thế nhập khẩu thì nhiều công nghệ có thể mua theo con đường nhập công nghệ thương phẩm và hợp tác đầu tư với nước ngoài. Song, khi đã phát triển lên đến một trình độ nhất định, cạnh tranh ngang hàng với đối tác, và đối với những giá trị có tính chiến lược như những sản phẩm công nghệ cao thì không dễ gì mua được, vì không phải cái gì người ta cũng đem bán mà không có điều kiện, nhất là những công nghệ có tầm quan trọng chiến lược, quyết định thành bại trong cạnh tranh kinh tế và quân sự.

Muốn có độc lập tự chủ ở một lĩnh vực công nghệ nào đó, cần phải làm rất nhiều việc, bắt đầu từ đào tạo đội ngũ cán bộ quốc gia, xây dựng hạ tầng cơ sở nghiên cứu, tăng cường đầu tư tài chính, ban hành chính sách, chiến lược nói chung cũng như chính sách nhân tài nói riêng, v.v.. Chính sách của Đảng ta và Nhà nước ta suốt mấy chục năm qua không nằm ngoài những mục tiêu vừa kể nhằm từng bước xây dựng một nền khoa học và công nghệ tiên tiến của nước nhà, đáp ứng đòi hỏi của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhưng cấp bách hơn cả là ngay từ bây giờ, phải làm sao cho các quyết định về chính sách đó

* PTS, Hiệu trưởng Trường quản lý khoa học công nghệ môi trường Bộ KHCNMT

Digitized by Google

phù hợp với quy luật vận động khách quan của khoa học và công nghệ nói chung, và đối với các nước đang phát triển nói riêng.

Ở đây xin đề cập mấy vấn đề thời sự nhất, xung quanh chính sách tạo lập thị trường cho hoạt động khoa học công nghệ, cơ chế cho nó vận hành và khả năng đánh giá công nghệ, loại hàng hóa lưu thông trong thị trường đó.

Nước nào cũng vậy, khi gây dựng nền khoa học và công nghệ của mình, nhà nước đều phải có chính sách tạo lập môi trường thích hợp với nó. Đối với nước ta, nội dung cơ bản và là vấn đề trung tâm hiện nay là hình thành thị trường cho hoạt động khoa học và công nghệ. Đây là bước phát triển tiếp theo trong tiến trình đổi mới do Đảng ta lãnh đạo. Khoa học và công nghệ phải trở thành công việc của từng người dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Về mặt đó, thị trường công nghệ có hai tác dụng. *Một là*, như một môi trường truyền dẫn, nó làm thông thoáng nguồn lực khoa học, công nghệ, biến nó trở thành cơm ăn, nước uống cho mọi hoạt động kinh tế, của mọi người, mọi nhà. *Hai là*, thông qua môi trường truyền dẫn đó, nó huy động tổng lực toàn dân tham gia vào các hoạt động khoa học công nghệ, tạo điều kiện để xã hội hóa đầu tư cho khoa học và công nghệ. Một thị trường cạnh tranh lành mạnh và được tổ chức tốt, tự nó thu hút việc ứng dụng công nghệ tạo thành động lực thu hút chất xám vào phát triển kinh tế - xã hội.

Đặc điểm của nước ta là thị trường công nghệ mới manh nha, chưa hoàn hảo. Chính sách nhà nước, dù sao cũng chỉ mới chú ý đến việc đầu tư, sắp xếp lại, khuyến khích mạng lưới các cơ quan làm ra các kết quả khoa học công nghệ, tức là hướng vào thượng nguồn. Còn việc tiêu thụ sản phẩm của nó làm ra như thế nào, thường ít được chú ý, mà theo thói quen mặc cho cơ chế vĩ mô điều tiết. Lúc này, việc khơi thông hạ nguồn, sẽ tăng tốc cho toàn bộ dòng chảy.

Nước ta trong thời bao cấp đã có hàng trăm kết quả nghiên cứu công nghệ được tạo ra, trong khi chưa có thị trường tiêu thụ. Nhiều công trình trong số đó đông cứng nhiều năm, cho tới khi chính sách kinh tế mới ra đời, mới trở thành hàng hóa có ích cho xã hội. Ngay cả khi chưa có giải pháp trong nước thì thị trường, với sức lôi cuốn vô song của nó, vượt qua biên giới quốc gia, vẫn thu hút được những giải pháp công nghệ hợp lý từ bên ngoài. Thị trường công nghệ phải là tiền đề, cái có trước trong hoạch định chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Ý thức rõ vấn đề này, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội VIII của Đảng có nêu một trong những biện pháp hàng đầu là tạo lập thị trường cho hoạt động khoa học và công nghệ. Thị trường bao gồm người bán hay người có công nghệ, và người mua hay người nhận chuyển giao công nghệ và phương thức hai nhóm người này quan hệ với nhau, tức là "luật chơi" trong mua bán. Thị trường chính là môi trường thiết yếu, trực tiếp và thường xuyên kích thích cho sự nảy mầm của khoa học, công nghệ nội sinh, của việc xây dựng khả năng độc lập tự chủ trong khoa học và công nghệ.

Người bán, hiểu theo nghĩa rộng, là tất cả những ai nghiên cứu ra và có trong tay kết quả dưới dạng này hay dạng khác. Xưa nay, các chính sách khuyến khích nghiên cứu của ta thường nhằm vào đối tượng này để thúc đẩy cho các kết quả nghiên cứu triển khai nhanh chóng được ứng dụng trong sản xuất và dịch vụ, tức là theo mô hình "dùng công nghệ thúc đẩy". Đặc điểm nổi bật ở nước ta là kết quả nghiên cứu thường ít được bán thông qua các hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, mà phổ biến là dưới dạng các sản phẩm cuối cùng do các cơ quan nghiên cứu tự đứng ra sản xuất và tiêu thụ trên thị trường theo mô hình "sản xuất trong viện". Cách làm này có ưu điểm là dễ gắn các ý tưởng công nghệ với thực tiễn, nhà khoa học tham gia trực tiếp vào sản xuất, tiếp cận với thị trường, hợp với xu thế thời đại. Song nhược điểm của nó là khó quản lý do tính chất mập mờ của hoạt động sản xuất thử, thử nghiệm, dễ dẫn đến vi phạm luật lệ quản lý kinh tế.

Xét trên toàn cục, nên khuyến khích xu hướng này, vì nó chính là mầm mống ban đầu của phương thức kinh doanh bằng khoa học, biến khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Đó cũng là một phương thức chuyển các hoạt động khoa học ứng dụng về các doanh nghiệp.

Digitized by Google

Nên cho phép các viện được tự do vượt khỏi ranh giới các phòng thí nghiệm, tham gia trực tiếp vào sản xuất. Theo cách này, nhiều viện, trong những điều kiện nhất định có thể biến thành các công ty kinh doanh, tư vấn, dịch vụ.

Người mua công nghệ là tất cả những ai nhận chuyển giao công nghệ để làm ra sản phẩm hoặc dịch vụ. Do sức ép cạnh tranh, nhu cầu công nghệ của các doanh nghiệp đã tăng hơn trước nhiều . Tuy nhiên, do độ tin cậy, sự tiện lợi và nhiều nguyên nhân khác, có những công nghệ do ta làm ra không được chọn. Nhà nước phải chuyển mạnh theo hướng kích thích nhu cầu trong nước đối với những sản phẩm của các cơ quan nghiên cứu triển khai. Nên chăng, thay vì rót kinh phí cho các cơ quan nghiên cứu, thì nay có thể rót tài trợ cho các doanh nghiệp nào cam kết nhận công nghệ của các cơ quan nghiên cứu đó. Nói cách khác, Nhà nước tài trợ cho doanh nghiệp để rồi doanh nghiệp mua công nghệ do các viện trong nước làm ra.

Về quan hệ giữa người bán và người mua thông qua chuyển giao công nghệ, vấn đề đáng lưu ý là hiệu lực pháp chế của các văn bản pháp luật đã có khá đầy đủ về sở hữu công nghiệp. Hiện tượng vi phạm bản quyền, hoặc đe dọa bị mất bản quyền là nguy cơ lớn nhất khiến lưu thông các sản phẩm nghiên cứu khoa học bị ách tắc. Những tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp xuất hiện ngày càng nhiều trên mặt báo. Đã đến lúc hệ thống tư pháp cần chú tâm hơn đến vấn đề này.

Một vấn đề khác là phải *tổ chức thị trường* sao cho hình thành cơ chế vận hành hoàn hảo hơn. Cần xây dựng một cơ chế theo đó nhu cầu của thị trường được phát hiện, nhờ những quan hệ muôn hình, muôn vẻ trong xã hội, sẽ được nêu thành nhu cầu ưu tiên cho cộng đồng khoa học trong những thời điểm lịch sử thích hợp khi mà khả năng giải quyết nó đã chín muồi. Ở nước ta, tương tác đó chủ yếu dựa vào các chương trình nghiên cứu của nhà nước, do các cơ quan có thẩm quyền nêu lên. Vai trò của các tổ chức tư vấn dịch vụ trong chức năng làm cầu nối giữa người bán và người mua là rất quan trọng cần được quan tâm và có chính sách của nhà nước. Cơ chế này cần được thiết kế sao cho phản ánh xác thực nhu cầu ưu tiên của thị trường, của xã hội, góp phần nói lên tiếng nói chung về các quyết định tiến hành các hướng nghiên cứu ưu tiên phục vụ nhu cầu của họ.

Tuy nhiên, thị trường dù năng động, cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết cố hữu không thể đáp ứng được hoàn toàn mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", mà phải có sự can thiệp của nhà nước. Nhưng cơ chế can thiệp của nhà nước phải hài hòa, ăn khớp với cơ chế thị trường. Hiện nay ta thường dùng các biện pháp hành chính để sắp xếp các cơ quan khoa học, chưa thạo các đòn bẩy kinh tế, cơ chế cấp phát tài chính, giá cả, thuế để kích thích ứng dụng khoa học thông qua quan hệ thị trường.

Một vấn đề cấp bách nữa là phải hình thành một cách có tổ chức hoạt động đánh giá công nghệ, động tác quyết định cho hiệu quả của công cuộc đầu tư công nghệ trong kinh doanh. Đánh giá và thẩm định công nghệ cung cấp cơ sở cho việc lựa chọn những công nghệ thích hợp với mục tiêu của các dự án đầu tư. Bản chất của đánh giá công nghệ là huy động chuyên gia trong nước, và khi cần cả nước ngoài, phán xét các đặc tính, giá trị, thông số của công nghệ làm cơ sở cho các quyết định đầu tư.

Như vậy, cội nguồn thực lực để nước ta giành thế độc lập tự chủ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ không chỉ xuất phát từ cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu và triển khai, mà trước hết từ môi trường kinh tế - xã hội, một môi trường kinh tế - xã hội vận động theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước. Nhà nước phải chủ động tạo ra thị trường đó bằng những chính sách thích hợp, tạo khuôn khổ pháp lý cho nó vận hành, sử dụng các công cụ đánh giá và thẩm định công nghệ phục vụ cho các quyết định lớn, các chủ trương đường lối của mình. Những cái đó là hạt nhân của năng lực nội sinh trong khoa học và công nghệ, mà chỉ với những tiền đề đó chúng ta mới có thể thực thi được đường lối độc lập tự chủ mà Đảng đã đề ra ❑

Digitized by Google

CAO BẰNG PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NÔNG HỒNG THÁI *

LÀM thế nào triển khai được Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở một tỉnh miền núi như Cao bằng ?

Cho đến nay, sau những năm thực hiện công cuộc đổi mới, Cao bằng vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn và có nhiều mặt hạn chế hơn so ngay với các tỉnh trong vùng và ở biên giới. Nguy cơ ngày càng tụt hậu so với các tỉnh bạn là điều đáng báo động.

Tuy vậy, Cao bằng cũng đã gặt hái được những kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho việc cùng cả nước bước vào thời kỳ *mới* : thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những kết quả đó là :

1 - *Đã khai thác nhiều nguồn lực, đẩy mạnh phát triển, bảo đảm kinh tế có sự tăng trưởng nhanh, ổn định ; việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đem lại hiệu quả bước đầu ; có nhiều chỉ tiêu cơ bản đạt và vượt mức kế hoạch.*

Trong 5 năm 1991 - 1995, tổng sản phẩm xã hội (GDP) của tỉnh tăng bình quân 10,3%/năm (kế hoạch đề ra là 7,8%/năm) ; GDP bình quân đầu người tăng trên 9%/năm (năm 1995, GDP bình quân đầu người là 150 USD). Thu ngân sách của tỉnh bình quân mỗi năm tăng 52%.

Tuy diện tích canh tác không tăng, song nhờ thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, thực hiện các biện pháp thâm canh và tăng vụ, sản xuất theo hướng kinh doanh tổng hợp VAC kết hợp giữa trồng trọt, chăn nuôi với phát triển nghề rừng, nên 5 năm qua, tổng sản lượng lương thực đã tăng từ 14 vạn tấn năm 1991 lên 18 vạn tấn năm 1995 (bình quân mỗi năm tăng 8 000 tấn) ; sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt xấp xỉ 300 kg. Trước năm 1990 hằng năm Cao bằng phải nhập hàng vạn tấn lương thực từ nơi khác, nay căn bản đã tự túc được lương thực và bước đầu tạo ra sản phẩm hàng hóa. Phần lớn diện tích rừng đã được giao đến hộ gia đình. Nhờ thu hút các nguồn vốn, rừng trồng mới đã lên tới 2 700 ha. Khoanh nuôi bảo vệ được 27 500 ha. Giao đất rừng đạt gần 6 200 ha. Nâng độ che phủ rừng từ 14% lên 18,5%. Riêng cây ăn quả, mỗi năm trồng được từ 300 đến 500 ha.

Các xí nghiệp đã được sắp xếp lại. Bằng liên doanh liên kết, Cao bằng đã xây dựng được xí nghiệp gạch nung tuy nen công suất 20 triệu viên/năm, hai xí nghiệp chế biến trúc xuất khẩu, một xí nghiệp xi măng và một xí nghiệp sản xuất gang. Các xí nghiệp này đã và đang cho ra những sản phẩm mới ngày càng phong phú và đạt chất lượng cao hơn. Khai thác chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng cũng có bước phát triển. Ngành điện lực đã phục vụ được 20% số dân, tăng 62% so với năm 1990. Xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc, nhà văn hóa, trường học, bệnh viện, đình, chợ) tăng nhanh theo hướng coi trọng chất lượng.

* PTS, ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cao bằng

Digitized by Google

Đáng chú ý là nhịp độ đô thị hóa nhanh chóng ở các thị xã, thị trấn và thị tứ ; nhà cửa của các cơ quan và nhân dân được cải thiện, nâng cấp rõ rệt. Thị trường hàng hóa đa dạng, phong phú, mạng lưới thương nghiệp được sắp xếp lại. Các mặt hàng ưu tiên cho các đối tượng chính sách, cơ bản được bảo đảm. Xuất nhập khẩu hàng hóa bình quân tăng 36%/năm. Các thành phần kinh tế phát triển, cạnh tranh lành mạnh. Du lịch, dịch vụ bước đầu phát huy tác dụng.

Nhờ đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tỷ trọng các ngành kinh tế lớn đã có sự thay đổi theo hướng : kinh tế nông, lâm nghiệp giảm (năm 1991 chiếm 74,8% đến năm 1995 chỉ còn 64,4%) ; kinh tế công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng nhanh (từ năm 1990 đến năm 1995, công nghiệp xây dựng từ 7,1% lên 13% ; dịch vụ từ 18% lên 23%).

2 - *Gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội ; đẩy sự nghiệp văn hóa xã hội chuyển biến theo hướng phát triển cả chiều rộng và chiều sâu.*

Từ sự phát triển của kinh tế và sự quan tâm của toàn xã hội, đời sống của đại bộ phận nhân dân trong tỉnh ở vùng thấp, thị xã, thị trấn được nâng lên rõ rệt ; các vùng khác có sự cải thiện hơn trước. Bằng nguồn vốn vay từ ngân hàng và các kênh vốn khác, hàng vạn hộ nông dân, cán bộ, công nhân viên của tỉnh đã được vay hàng trăm tỉ đồng để phát triển sản xuất, bảo đảm việc làm ổn định cho trên 4 000 người và trên 3 200 hộ đồng bào dân tộc định canh định cư, thu hẹp số hộ đói, nghèo và tăng số hộ khá và hộ giàu.

Nhiều đường giao thông được cải tạo và xây dựng mới, như quốc lộ 3 (Cao bằng - Bắc thái), quốc lộ 4 (Cao bằng - Thất khê), quốc lộ Cao bằng - Trà lĩnh, Cao bằng - Pắc bó,v.v. Điện lưới đã đưa được về 7/13 huyện. 100% huyện có thông tin vi ba, phát thanh và truyền hình.

Các biện pháp cai nghiện thực hiện có hiệu quả ; cơ bản xóa xong diện tích trồng cây thuốc phiện. Các đối tượng hưởng chính sách được quan tâm hơn trước. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, nhận nuôi dưỡng Bà mẹ Việt nam anh hùng, cứu trợ nhân đạo từ thiện... được toàn dân hưởng ứng. Lòng tin của nhân dân vào chế độ, vào Đảng và Nhà nước được nâng lên.

Hoạt động chăm sóc sức khỏe, phòng và điều trị các bệnh xã hội (như sốt rét, bướu cổ, trẻ em suy dinh dưỡng) đạt nhiều tiến bộ. Mạng lưới y tế được củng cố và kiện toàn ; đã xóa xong xã trắng về y tế. Hoạt động kế hoạch hóa dân số - gia đình, chăm sóc trẻ em được đẩy mạnh. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm (từ 2,59% năm 1991 xuống còn 2,3% năm 1995). Công tác thể dục thể thao đã có sự khởi sắc. Mức hưởng thụ về văn hóa của nhân dân được nâng lên. Thông tin báo chí được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Đã phủ sóng truyền hình đến tất cả các trung tâm của huyện. Quy ước về nếp sống văn hóa được triển khai. Hoạt động sáng tác văn học nghệ thuật được củng cố và phát triển.

Vai trò của khoa học và công nghệ được tỉnh quan tâm hơn trước, gắn với cơ chế thị trường, với sản xuất. Điều đáng mừng là những năm vừa qua, nhờ đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất hàng hóa hình thành, lực lượng sản xuất phát triển, nên trong tỉnh đã xuất hiện *các mô hình về quan hệ sản xuất mới* : các tổ hợp tác nông nghiệp, lâm nghiệp dịch vụ tự nguyện ; các mô hình liên doanh liên kết giữa nhà nước, tư nhân và nước ngoài.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo đã có chuyển biến, tiến bộ : số học sinh các cấp hằng năm đều tăng, tổng số học sinh toàn tỉnh đến năm 1995 là 13,6 vạn. Hệ thống các trường được tổ chức và sắp xếp lại, cơ sở vật chất được tăng cường. Đội ngũ giáo viên từng bước được hoàn thiện, bổ sung về số lượng và nâng lên về chất lượng. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình đạo tạo ; các trường chuyên, lớp chọn được tỉnh quan tâm đầu tư hơn trước. Đến nay đã có trên 50 xã, phường và thị xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học.

Digitized by Google

3 - *Bình tĩnh trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những khó khăn về kinh tế xã hội trong nước và trong tỉnh, Cao bằng quyết tâm giữ vững ổn định tình hình chính trị, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.*

Lực lượng vũ trang của tỉnh trong bất kỳ hoàn cảnh nào đã luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động đối phó với mọi tình huống xảy ra. Chất lượng và sức chiến đấu tổng hợp từng bước được nâng lên. Kết hợp quốc phòng với an ninh, quốc phòng với kinh tế. Triển khai tích cực các phương án phòng thủ, bảo vệ theo cơ chế A và A2. Quan tâm thường xuyên công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng từng bước chính quy, hiện đại. Chăm lo chính sách hậu phương quân đội.

Lực lượng biên phòng phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác cùng nhân dân kiên quyết, khôn khéo đấu tranh, thực hiện nghiêm chỉnh chính sách biên giới hòa bình, hữu nghị và mở cửa của Đảng và Nhà nước ta ; xây dựng phòng tuyến an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ.

Lực lượng công an phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác cùng nhân dân chủ động, tích cực nắm và xử lý có hiệu quả các hoạt động của các lực lượng phản động lợi dụng tôn giáo tín ngưỡng tuyên truyền kích động, gây rối vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; thường xuyên tổ chức tấn công truy quét các loại tội phạm hình sự ; triệt phá các tụ điểm trộm cắp, nghiện hút, mại dâm. Tổ chức tốt công tác tuần tra, kiểm tra, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Tích cực xây dựng lực lượng trong sạch vững mạnh. Thế trận an ninh nhân dân và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được thực hiện có hiệu quả. Các ngành nội chính thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chức năng của mình.

4 - *Nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của đảng bộ, thực hiện có hiệu quả một số đổi mới cơ bản về hệ thống chính trị.*

Mặc dù tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, tình hình trong nước có nhiều khó khăn tác động sâu sắc tới tâm lý và niềm tin của cán bộ, nhân dân trong tỉnh, nhưng đảng bộ tỉnh đã làm tốt công tác chính trị tư tưởng, nên đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân Cao bằng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hưởng ứng thực hiện công cuộc đổi mới. Các chỉ thị, nghị quyết được triển khai thực hiện nghiêm túc. Thông qua các ngày kỷ niệm lớn mà tuyên truyền, tiếp tục khơi dậy truyền thống cách mạng. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế hoạt động, chế độ sinh hoạt. Đấu tranh tự phê bình và phê bình, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong đảng. Công tác tư tưởng đã bám sát phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Công tác cán bộ và bồi dưỡng cán bộ được chú ý đúng mức. Đảng bộ Cao bằng hiện có 600 tổ chức cơ sở đảng, gồm 2,2 vạn đảng viên. Số tổ chức đảng vững mạnh, trong sạch tăng : từ 17,5% năm 1992 lên 35% năm 1995 ; số tổ chức đảng yếu kém giảm mạnh : từ 33,6% năm 1992 xuống 6% năm 1995. 7 đảng đoàn và 28 ban cán sự đảng được thành lập hoạt động có hiệu quả. Số đảng viên phấn đấu tốt tăng ; số đảng viên bị kỷ luật giảm. Tỉnh đã sắp xếp, đề bạt 180 cán bộ thuộc tỉnh quản lý ; cử trên 700 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về chính trị và nghiệp vụ quản lý nhà nước ở các trường chính trị của tỉnh và trung ương. Đã thực hiện việc trợ cấp hằng tháng cho những cán bộ đi học, và trợ cấp cho các bí thư chi bộ và trưởng thôn.

Hoạt động của hội đồng nhân dân, và ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh đã có sự đổi mới rõ nét theo hướng phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, nâng cao năng lực quản lý điều hành. Đã triển khai thực hiện việc cải cách một bước nền hành chính và bước đầu phát huy tác dụng. Mặt trận và các đoàn thể có sự đổi mới nội dung phương thức hoạt động và đạt hiệu quả thiết thực ; tổ chức được củng cố, kiện toàn.

*
* *

Digitized by Google

Những thành tựu của Cao bằng trong 5 năm qua là nguồn cổ vũ lớn lao đối với nhân dân Cao bằng, có tác dụng tạo đà cho Cao bằng tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Tuy nhiên, Cao bằng còn phải ra sức phấn đấu nhiều và nhanh hơn nữa nhằm giải quyết một loạt vấn đề bức xúc về kinh tế - xã hội như: điểm xuất phát đi lên công nghiệp hóa và hiện đại hóa thấp ; cơ sở hạ tầng yếu kém ; lực lượng sản xuất lạc hậu, phát triển chậm ; trình độ dân trí thấp, hủ tục, mê tín dị đoan còn nhiều... Đảng bộ và nhân dân Cao bằng quyết không cam chịu tụt hậu, sống cảnh nghèo đói, lạc hậu, mà vươn lên phát huy mọi nguồn lực, tiềm năng và trí tuệ của mình, triển khai Nghị quyết Đại hội VIII vào hoàn cảnh cụ thể của tỉnh, để Cao bằng sớm có nền công nghiệp phát triển, nông lâm nghiệp, dịch vụ có bước tiến bộ, nhân dân được sống trong cảnh ấm no, hạnh phúc. Muốn vậy, từ nay đến năm 2000 đảng bộ và nhân dân Cao bằng phải tập trung phấn đấu thực hiện một số mục tiêu cơ bản như :

- Nâng mức tăng trưởng hằng năm về GDP toàn tỉnh lên trên 13%, GDP bình quân đầu người đạt 250 USD/năm ; tổng sản lượng lương thực đạt 220 nghìn tấn ; xuất nhập khẩu đạt từ 7 đến 8 triệu USD ; thu ngân sách đạt 172 tỉ đồng.

- Bảo đảm có đường cho xe ô tô vào tới trung tâm các xã ; phủ sóng phát thanh tới 100% số dân và phủ sóng truyền hình tới 80% số dân ; 100% số phường, xã có máy đàm thoại (100 người thì có một máy) ; 60% số dân được sử dụng lưới điện quốc gia.

- Xóa xong hộ đói, tăng hộ giàu ; giải quyết dứt điểm vấn đề định canh định cư và di dân tự do ; thực hiện xong chương trình xóa mù chữ ; đẩy mạnh chương trình hướng nghiệp dạy nghề cho thanh niên ; ngăn chặn và đẩy lùi các bệnh xã hội như sốt rét, bướu cổ, trẻ em suy dinh dưỡng...; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,3% (năm 1995) xuống 2,1% (năm 2000)...

Để có thể đạt được những mục tiêu trên, trước mắt đảng bộ và nhân dân tỉnh Cao bằng phấn đấu thực hiện ngay một số biện pháp cơ bản và cấp bách sau :

1 - *Tận dụng thế mạnh nông - lâm nghiệp ; chú ý phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến ; khai thác và mở mang các cơ sở du lịch, tạo nhanh nguồn vốn.*

Trong những năm tới, nông lâm nghiệp vẫn là thế mạnh của tỉnh, cần được tiếp tục phát triển, nhưng là phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa và làm hàng xuất khẩu. Đối với cây lương thực, chỉ dành một diện tích cần thiết, chọn một số giống hợp lý để bảo đảm lương thực cho tỉnh. Diện tích còn lại trồng các cây lương thực khác như ngô, đậu tương... dùng để chế biến thức ăn gia súc, tăng đàn gia súc của tỉnh. Phát triển mạnh đàn gia súc để lấy thịt, sữa, như trâu Mu ra (Ấn độ), trâu địa phương có tầm vóc tốt. Phấn đấu lai Sin hóa đàn bò, tăng số lượng từ 110 nghìn con lên 200 nghìn con. Tăng nhanh đàn dê lai giữa dê địa phương với dê bách thảo (Ấn độ) để có thể vừa nuôi nhốt, vừa nuôi thả, mà vẫn cho lượng sữa và thịt cao.

Đối với cây ăn quả, tỉnh sớm khắc phục tình trạng manh mún, trồng rải rác mỗi nơi mỗi tí, để tập trung lại thành từng vùng chuyên canh những chủng loại thích hợp như mơ, mận, cam, quít, hạt dẻ... để phục vụ cho chế biến và sản xuất hàng hóa. Một khi mặt hàng hoa quả của địa phương đã dồi dào thì sẽ ngăn chặn được nạn hàng hóa hoa quả từ bên ngoài tràn vào.

Đẩy nhanh tiến độ phủ xanh đất trống đồi núi trọc, nâng độ che phủ từ 18% hiện nay lên 40% vào năm 2000. Chú ý trồng các loại cây phù hợp mang lại hiệu quả kinh tế cao, như trúc sào làm hàng thủ công mỹ nghệ, thông và sa mộc có sức sống mạnh, lại có giá trị xuất khẩu cao...

Về công nghiệp, tăng cường các cơ sở khai thác các loại khoáng sản có trữ lượng cao ở Cao bằng như sắt, măng gan, vàng, sa khoáng. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến làm "đầu ra" cho sản xuất nông, lâm nghiệp và làm "đầu vào" cho chăn nuôi, xuất khẩu.

Digitized by Google

Về thương mại, du lịch : Nhanh chóng sửa sang, hoàn chỉnh đường giao thông ra 3 cửa khẩu Tà lùng, Hùng quốc và Sóc hà, để việc đi lại, giao lưu buôn bán giữa nhân dân trong vùng và giữa ta với Trung quốc được thuận lợi hơn. Kiến nghị với trung ương giúp thêm vốn để đẩy mạnh việc tôn tạo và khai thác những khu di tích và danh thắng (như hang Pắc bó, thác Bản dốc, khu rừng Trần Hưng Đạo, Lam sơn, Đông khê, hồ Ba bể, hồ Thang hen...), cải tạo các con đường giao thông và xây dựng sân bay ở ki-lô-mét số 5 để khách đến thăm được dễ dàng...

2 - *Nghiên cứu và tìm mô hình hợp tác xã làm ăn có hiệu quả.*

Từ thực tế sản xuất ở Cao bằng, Tỉnh ủy đã nhận định : sản xuất càng khó khăn thì càng phải có hợp tác. Do yêu cầu bức bách của sản xuất, nhiều loại hình hợp tác xã *mới* đã xuất hiện thay cho các hợp tác xã kiểu cũ bị tan vỡ hàng loạt. Đó là các tổ chức hợp tác từng khâu, từng mặt với tính chất tự nguyện ; là các tổ chức lao động tương trợ của thanh niên... Tuy nhiên, đảng bộ và nhân dân tới nay còn lúng túng, chưa tìm được mô hình thật thích hợp để tổ chức, quản lý và điều hành có hiệu quả các hợp tác xã.

3 - *Nâng cao dân trí, khắc phục tệ nạn nghiện hút và bói toán.*

Trình độ dân trí thấp không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất mà còn ảnh hưởng đến các mặt khác của đời sống xã hội ; gây khó khăn cho việc đưa các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất ; hạn chế việc giao tiếp và tiếp nhận những thông tin cần thiết : thanh niên dễ sa vào các đam mê thiếu văn hóa và tin vào những lời bói toán nhảm nhí. Hiện tượng mê tín dị đoan lan tràn đang làm cho nhiều người có lương tâm và trách nhiệm của tỉnh phải đau đầu. Để khắc phục tình hình trên, Cao bằng phải phấn đấu nhiều mặt để nâng trình độ dân trí của mình lên. Hiện nay mới có 50/224 xã ở Cao bằng thực hiện được việc phổ cập tiểu học, như vậy là quá thấp. Để có thể phổ cập tiểu học ở tất cả các xã, Cao bằng có rất nhiều việc phải làm, trong đó có việc mở rộng và tăng thêm số trường nội trú cho con em đồng bào dân tộc thiểu số (từ 6 trường nội trú với 1 500 học sinh hiện nay phải đưa lên 9 - 10 trường với 2 300 học sinh vào năm 2000). Đội ngũ cán bộ của tỉnh cũng cần được đào tạo và đào tạo lại để có được trình độ văn hóa và chuyên môn cần thiết, làm nền tảng cho trình độ dân trí trong tỉnh. Cần rà lại các chỉ tiêu, xem cán bộ nào thiếu và thiếu cái gì để có kế hoạch bồi dưỡng cho thích hợp.

Với truyền thống cách mạng kiên cường vốn có của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, với sự giúp đỡ chí tình của các tỉnh bạn, của Trung ương Đảng, của Chính phủ, đảng bộ và nhân dân Cao bằng quyết phấn đấu đạt nhiều thành tích hơn nữa trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, cùng cả nước vững bước vào thế kỷ XXI ❑

LÂM ĐỒNG...

(Tiếp thep trang 36)

xác định rõ nhiệm vụ chính trị của từng cơ sở, xây dựng quy chế làm việc với chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cùng cấp. Phải gắn xây dựng Đảng với xây dựng chính quyền, đoàn thể, khắc phục tình trạng hành chính hóa trong hoạt động của đoàn thể, đổi mới phương thức hoạt động và liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

- Đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, mạnh dạn đưa số cán bộ trẻ, có năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt vào các cương vị chủ chốt để bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục của cấp ủy, các cấp chính quyền, các đoàn thể. Quy hoạch và đào tạo cán bộ nữ, cán bộ dân tộc ngay tại cơ sở, lựa chọn trong các trường học, trong các phong trào và số con em dân tộc đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về để bồi dưỡng, đào tạo. Chú ý đào tạo kiến thức toàn diện, có định hướng, không đào tạo tràn lan để làm sao có một đội ngũ cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn kế thừa ở các cấp, các ngành, đội ngũ chủ chốt của tỉnh cho nhiệm kỳ tới ❑

Digitized by Google

LÂM ĐỒNG TỪNG BƯỚC ĐI TỚI CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ XÂY ĐỰNG ĐẢNG BỘ CƠ SỞ VỮNG MẠNH

NGUYỄN ÁNH MINH *

LÂM đồng là một tỉnh miền núi Nam Tây nguyên, có diện tích tự nhiên 1 070 000 ha, trong đó có trên 700 ngàn ha rừng và đất rừng, trên 200 000 ha đất có khả năng làm nông nghiệp. Dân số trên 830 000 người, có hơn 20% là đồng bào dân tộc thiểu số, hơn 30% đồng bào các tỉnh đến xây dựng vùng kinh tế mới.

Lâm đồng có tiềm năng để phát triển du lịch, phát triển chăn nuôi trâu, bò, rau, hoa, cây lương thực và cây công nghiệp dài ngày (phục vụ cho công nghiệp chế biến). Lâm đồng còn có tiềm năng về tài nguyên khoáng sản. Rừng ở Lâm đồng có vai trò, vị trí quan trọng cho bảo vệ môi sinh môi trường, chắn gió chống xói mòn, điều hòa nguồn nước cho những công trình thủy điện và mực nước của các dòng sông phục vụ cho sản xuất của một số tỉnh lân cận.

Căn cứ những điều kiện thuận lợi, những tiềm năng trên, đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Lâm đồng lần thứ VI đã đề ra mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng đến năm 2000 là : đạt nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm từ 15% trở lên. Đến năm 2000, GDP bình quân đầu người đạt từ 550 đến 600 USD ; thu ngân sách nhà nước đạt từ 18 đến 20% GDP ; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 2%. Hoàn thành định canh định cư vùng đồng bào dân tộc ; 80% số xã có điện và sử dụng nguồn nước sạch ; thực hiện xóa đói, thu hẹp hộ nghèo xuống dưới 20%. Hoàn thành việc phổ cập tiểu học trên phạm vi toàn tỉnh. Phổ cập cấp II ở thị trấn, thị xã, thành phố và ở 30% số xã vùng nông thôn phát triển. Phổ cập cấp III ở các cơ quan nhà nước. Phấn đấu tới năm 2000 có từ 60 - 70% số cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, không còn cơ sở đảng yếu kém, phấn đấu để 100% thôn, buôn trong tỉnh đều có đảng viên.

Để đạt được những mục tiêu trên, phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Lâm đồng trong thời gian tới là : phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trọng tâm là phát triển vùng nguyên liệu ổn định, gắn với công nghiệp chế biến nông lâm sản ; đồng thời đẩy nhanh tốc độ phát triển du lịch dịch vụ ; giải quyết những khâu ách tắc và yếu kém nhất trong lưu thông và kết cấu hạ tầng đang cản trở sự phat triển chung.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Lâm đồng

Digitized by Google

1 - Để thực hiện được phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chúng tôi tập trung vào 6 giải pháp chủ yếu :

Một là : Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, trọng tâm là phát triển vùng nguyên liệu ổn định gắn với công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông - lâm sản, tiếp tục đầu tư đổi mới trang thiết bị, nâng công suất và chất lượng sản phẩm các nhà máy chế biến trà, ươm tơ, dệt lụa, chế biến hạt điều và thực phẩm hiện có.

Hai là : Đẩy nhanh tốc độ phát triển du lịch và dịch vụ, trong đó tập trung xây dựng ngành du lịch trở thành ngành kinh tế động lực. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi chủ trương sớm hoàn thành việc quy hoạch chi tiết để đầu tư, nâng cấp các khu vui chơi, giải trí hiện có đi đôi với việc xây dựng các khu vui chơi, giải trí mới để tăng khả năng thu hút và lưu giữ khách.

Ba là : Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, tiếp tục mở rộng mạng lưới thông tin, bưu điện, đa dạng hóa, hiện đại hóa các dịch vụ bưu chính viễn thông, chú trọng đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, về giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, phát thanh, truyền hình, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng kinh tế mới.

Bốn là : Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ để ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong tất cả các ngành nông, lâm, công nghiệp, du lịch dịch vụ... nhằm phát huy và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi sinh, môi trường, đi đôi với việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Năm là : Phát triển hợp lý các vùng và lãnh thổ, nhằm khai thác triệt để và phát huy các lợi thế, tiềm năng của tất cả các vùng. Ngoài việc tập trung đầu tư đúng mức nhằm phát triển hai trung tâm lớn là Đà lạt, Bảo lộc và các thị trấn của tỉnh để đạt hiệu quả cao, phải coi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ cách mạng là trọng tâm. Tập trung sự chỉ đạo để tạo sự liên kết hỗ trợ giữa các vùng, từng bước giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư trong tỉnh.

Sáu là : Tăng cường các biện pháp thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước ; mở rộng, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo "huy động vốn trong tỉnh, trong nước là quyết định vốn bên ngoài là quan trọng". Có chính sách và giải pháp cụ thể, thích hợp để tăng nhanh tích lũy và đầu tư trong tỉnh ; đầu tư thông qua ngân sách, đầu tư của các doanh nghiệp, của nhân dân ; đồng thời có biện pháp thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài trong đó ưu tiên đầu tư cho phát triển nông nghiệp và đổi mới công nghệ chế biến hàng nông - lâm sản.

2 - Về xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và vùng kinh tế mới.

Lâm đồng là tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc và đồng bào ở các địa phương khác đến xây dựng kinh tế mới. Chỉ tính riêng trong 5 năm (1991 - 1995) đã có gần 200 000 dân di cư tự do đến Lâm đồng. Nói chung, đời sống nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc và đồng bào mới di cư còn rất khó khăn. Để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng này, đảng bộ chúng tôi đã đề ra những biện pháp như sau :

Đảng bộ chúng tôi đã chọn 16 điểm thuộc vùng đồng bào dân tộc để làm thử ; chỉ đạo khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn định canh định cư, vốn rừng, vốn các chương trình 327,120, vốn xóa đói giảm nghèo để đầu tư xây dựng các dự án từ khâu đầu đến khâu cuối. Đồng thời, chúng tôi đã đề ra một số giải pháp cụ thể là : tập trung sức,

Digitized by Google

huy động cao các nguồn lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc để hoàn thành định canh định cư và xóa đói ở vùng này vào năm 2000. Hoàn thiện một bước cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống. Dành một tỷ lệ vốn thích đáng trong tổng số vốn đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc, vùng kinh tế mới như đường sá, trường học, trạm xá, giếng nước, điện... để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, vận chuyển cung ứng hàng hóa, vật tư vào vùng sâu, vùng xa được thuận lợi, đồng thời để phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ vùng đồng bào dân tộc, trước hết là đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ y tế người dân tộc để phục vụ dạy và học, khám chữa bệnh cho nhân dân.

Đối với dân đến xây dựng vùng kinh tế mới và dân di cư tự do đến Lâm đồng, những năm tới tỉnh sẽ dành một khoản ngân sách lớn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện để nhân dân ổn định đời sống. Đồng thời chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch và giải pháp toàn diện đối với dân di cư tự do. Trước hết có quy hoạch để chủ động bố trí và bảo đảm quản lý mọi mặt đối với số dân này. Kiến nghị với Trung ương có giải pháp hạn chế đến mức thấp nhất dân di cư tự do.

3 - Về công tác xây dựng Đảng :

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ mà đại hội VI đảng bộ tỉnh đề ra, ngoài việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, chúng tôi luôn coi trọng việc học tập và quán triệt chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên nhằm bảo đảm thống nhất về tư tưởng, kiên định về lập trường, chính trị. Trong thời gian tới, đảng bộ chúng tôi luôn coi việc củng cố, xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng.

- Tập trung chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của 5 loại hình tổ chức cơ sở đảng đã được Ban bí thư trung ương Đảng quy định.

- Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, khảo sát, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ đó đề ra những giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của từng tổ chức cơ sở đảng.

- Quá trình đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải lấy đổi mới là chính, tiến hành các biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức đảng ; đồng thời sàng lọc những người thoái hóa biến chất, tăng cường bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới. Trong chỉ đạo thực hiện phải thận trọng, chặt chẽ, sâu sát, có bước đi cụ thể, thích hợp với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng tôn giáo...

- Tập trung củng cố và xây dựng cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn và đầu tư cán bộ cho cơ sở, nghiên cứu có chính sách hợp lý để khuyến khích cán bộ xã, phường yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo của cấp ủy, nhất là của ban thường vụ cấp ủy và cán bộ chủ chốt, coi đây là điều có ý nghĩa quyết định trong quá trình thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở địa phương và cơ sở. Phải phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp ủy viên và thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời sơ kết, tổng kết, phổ biến kinh nghiệm và xây dựng điển hình tiên tiến.

- Chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, trước hết là

(Xem tiếp trang 33)

Digitized by Google

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐANG ĐI VÀO CUỘC SỐNG Ở VÙNG KINH TẾ LAM SƠN

LÊ TÚ DINH

LÀ vùng đồi ở miền Tây Thanh hóa, phạm vi bao gồm 45 xã, phần lớn là các xã miền núi thuộc 4 huyện : Thọ xuân, Triệu sơn, Ngọc lặc, Thường xuân. So với các nơi khác trong tỉnh, đây là một trong những vùng có nhiều khó khăn. Diện tích đất tự nhiên có 71 000 ha, hầu hết là đất đồi. Có 1/3 dân số là dân tộc Mường, Thái. Từ 1990 về trước, sản xuất lương thực là chủ yếu nhưng vẫn không đủ ăn. Lương thực bình quân đầu người chỉ đạt 140 kg đến 180 kg/năm. Có xã như Kiên thọ chỉ đạt 96 kg/năm. Nhiều xã số hộ thuộc diện cứu tế thường xuyên chiếm 50%. Có năm, có xã (như Xuân phú) thời kỳ giáp hạt phải cứu tế khẩn cấp đến 80% số hộ. Trong khi đó vùng này còn có trên 6 000 ha đất còn hoang hóa. Giá trị kinh tế làm ra trên một ha rất thấp. Nếu thời tiết thuận lợi, năng suất bình quân trên 1 ha cả năm về lúa chỉ đạt từ 35 đến 39 tạ, ngô 8 tạ, sắn củ tươi từ 50 đến 54 tạ, mía từ 280 đến 300 tạ. Trong vùng có nhà máy đường với vốn thiết bị 15 triệu USD, nhập của Pháp khá hiện đại, từ năm 1986 đã đi vào hoạt động, nhưng cho đến năm 1990 chỉ đạt 4% đến 10% công suất, do không đủ nguyên liệu.

Thế mà chỉ trong 5 năm (1991 - 1995), kinh tế - xã hội toàn vùng biến đổi khá nhanh. Năm 1995 so với 1990, diện tích mía tăng 5,8 lần (5 650 ha/960 ha), sản lượng mía tăng 13,2 lần (330 000 tấn/25 000 tấn). Diện tích mía tăng và sản lượng lương thực nhiều xã vẫn tăng hơn trước. Có xã chuyển 140 ha trước đây trồng lúa để trồng mía, nhưng sản lượng lương thực vẫn tăng 1,7 lần. Sản lượng giấy bao bì tăng 5,6 lần. Diện tích cao su và các loại cây ăn quả tăng 2 lần. Chăn nuôi và các ngành nghề, dịch vụ đều phát triển. Đường giao thông được nâng cấp, làm mới (đường nhựa, đường cấp phối, cầu vĩnh cửu qua sông Chu). Ô tô vận tải đến được tận từng lô mía mà trước đây ít ai ngờ đến. Hàng hóa lưu thông thuận tiện dù giao thông còn phải tiếp tục giải quyết. Điện lưới đã về nhiều bản làng...

Những chuyển biến trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản là cơ chế được đổi mới. Có ba vấn đề thể hiện khá rõ :

1 - Các doanh nghiệp nhà nước trong vùng, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp chế biến nông - lâm sản, chủ yếu là công nghiệp mía, đường đã phát huy được vai trò chủ đạo, cùng kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp) làm nền tảng trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Nhiệm vụ chủ yếu của vùng kinh tế là sản xuất mía, đường. Diện tích có khả năng trồng mía đến 21 000 ha (chủ yếu là đất đồi). Nhà máy đường có thể đưa công suất lên gấp 4 lần (6 000 tấn mía/ngày). Ở đây còn có xí nghiệp sản xuất giấy bao bì công suất 3 000 tấn/năm và có thể tăng nhiều hơn nữa. Có 4 nông trường quốc doanh đều trồng mía và cao su...

Vùng đồi ở đây, qua khảo nghiệm nhiều năm, với 10 độ dốc trở xuống, không có cây nào giá trị cao như cây mía (gấp 4 lần đến 5 lần so với lúa, ngô...). Bình quân mỗi ha hiện nay đã sản xuất được 6 tấn đường và triển vọng đạt từ 8 đến 10 tấn đường. Tạo động lực cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Công ty đường Lam sơn đã giải quyết *ba yếu tố cần và đủ cho người trồng mía là vốn, công nghệ sinh học và thị trường.* Muốn trồng 1 ha mía, ngoài việc khai hoang, xây dựng nội đồng, cải tạo đất, làm đường..., chưa kể công lao động, phải cần trên 5 triệu đồng, một số tiền phần đông nông dân nghèo ở đây không thể có, do đó từ 1990 về trước vẫn còn trên 6 000 ha đất hoang hóa, đồi trọc. Công ty đã liên kết với Ngân hàng nông nghiệp Việt nam, *tạo kênh dẫn vốn*, mỗi năm từ 10 đến 20 tỉ đồng đến từng hộ, tổ hợp, hợp tác xã có trồng mía bằng nhiều hình thức, đáp

Digitized by Google

ứng yêu cầu kịp thời (tiền mặt, lương thực, vật tư, làm đất...), thủ tục đơn giản (chỉ cần có xác nhận diện tích trồng mía và hợp đồng bán mía cho nhà máy). Sau vụ thu hoạch, vốn và lãi được thu hồi nhanh, gọn. Ngoài vốn, *Công ty có trung tâm giống* (60 ha) để bình tuyển, khảo nghiệm, sản xuất giống ; có 6 trạm (mỗi trạm diện tích từ 2 ha đến 5 ha) và 10 điểm khuyến nông, chuyển giao kỹ thuật, cung ứng giống, phân...) ; có đội máy kéo dịch vụ làm đất ; có xí nghiệp sản xuất phân vi sinh tổng hợp, có đội cơ giới vận tải để thu mía tại bãi v.v. Trong cơ chế mới, các hộ lại được giao đất lâu dài, có quyền tự chủ kinh doanh, đã liên kết hỗ trợ lẫn nhau trong các tổ hợp, các hợp tác xã... nên đã huy động được tiềm lực trong dân như lao động, vốn, công cụ sản xuất, thực hiện thâm canh, nên bình quân năng suất mía tăng dần, từ 221 tạ năm 1986, lên 375 tạ năm 1990 ; vụ mía năm 1994 - 1995 đạt 563 tạ và vụ 1995 - 1996 đạt trên 600 tạ. Một số hợp tác xã, đội sản xuất của nông trường, một số tổ hợp đã đạt từ 1 000 tạ đến 1 460 tạ/ha ; chất lượng mía từ 8 CCS lên 10 CCS (hàm lượng đường trong mía). Một vấn đề quan trọng để người trồng mía yên tâm là Công ty trở thành *thị trường ổn định* cho họ, với *giá cả tương đối hợp lý*. Người trồng mía nếu đạt 400 tạ/ha trở lên, và đạt trên 9 CCS là có lãi hơn hẳn các cây khác. Năm 1995 bình quân một hộ thành viên của Hiệp hội mía đường Lam sơn (các hội viên chiếm 60% diện tích mía) có lãi ròng về mía từ 24 đến 26 triệu đồng, một số hộ đạt từ 40 đến 60 triệu đồng. Hộ trồng mía diện tích ít nhất và lãi thấp nhất cũng đạt 500 ngàn đồng. Các nông trường nhờ trồng mía, đều có thu nhập cao và đều có lãi. Dù trong cơ chế thị trường với "vạn người bán một người mua", nhưng khác trong chế độ tư bản chủ nghĩa, Công ty đường Lam sơn đã xác định quan điểm : phải lấy lợi ích người lao động làm điểm xuất phát, qua đó điều hòa đúng đắn mối quan hệ vì lợi ích chung ; và có như vậy mới cùng nhau tồn tại và phát triển. Phó thủ tướng Phan Văn Khải nhận xét : "Nhà máy đã không tồn tại như là một ông chủ quan liêu, vô trách nhiệm đối với người sản xuất nguyên liệu mà ta thường thấy ở nhiều nơi" (1). Xí nghiệp giấy Mục sơn cũng nhờ chuyển đổi phương hướng sản xuất theo nhu cầu thị trường trong nước, gắn với người sản xuất và cung ứng nguyên liệu, chuyển sang sản xuất giấy bao bì, nên từ nguy cơ giải thể, 5 năm qua đã vươn lên, kinh doanh có hiệu quả. Các nông trường trong vùng gắn bó chặt chẽ với Công ty, tích cực giúp đỡ, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, và nhân dân cũng ra sức bảo vệ nông trường.

Do phát huy vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp nhà nước, từ 1993 đến nay, Công ty liên tục giành được cờ thưởng của Chính phủ và Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn). Nông trường Sao vàng trở thành lá cờ đầu của ngành nông nghiệp tỉnh, Xí nghiệp giấy Mục sơn là lá cờ đầu của ngành công nghiệp địa phương Thanh hóa. Cả ba doanh nghiệp này và Nông trường sông Âm vừa được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động.

Từ thực tiễn vùng Lam sơn, càng khẳng định chủ trương, chính sách của Đảng : "Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả *kinh tế nhà nước* để làm tốt vai trò chủ đạo : Làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội ; mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần khác cùng phát triển ; làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô ; tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới" (2).

2 - Liên kết kiểu mới giữa các thành phần kinh tế vì lợi ích chung trong Hiệp hội mía đường Lam sơn.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần, để có sự cạnh tranh lành mạnh trên một vùng (địa bàn) kinh tế (không phân biệt địa giới hành chính), tất yếu nảy sinh những hình thức liên kết để xử lý các mối quan hệ kinh tế - xã hội phức tạp giữa nhiều chủ thể kinh doanh, nhiều lĩnh vực hoạt động, nhiều cấp quản lý.

Hiệp hội mía đường Lam sơn ra đời là một yêu cầu khách quan, là sự liên minh công - nông và trí thức trong điều kiện mới - một kiểu liên minh lấy việc điều hòa, phối hợp lợi ích kinh tế và chia sẻ rủi ro làm động lực cho sự phát triển. Đây cũng là điểm khác so với nội dung, phương

(1) *Hiệp hội mía đường Lam sơn, một mô hình kinh tế hợp tác mới*, Nxb chính trị quốc gia, Hà nội, 1994, tr 64

(2) *Báo cáo chính trị của BCHTU Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*

Digitized by Google

thức hoạt động của một số loại hình hiệp hội ở nước ta.

Trước yêu cầu đòi hỏi, giám đốc Công ty đường Lam sơn cùng Tổng giám đốc Ngân hàng nông nghiệp Việt nam và các giám đốc ba nông trường quốc doanh (Sao vàng, Sông Âm và Lam sơn) trở thành sáng lập viên hiệp hội. Qua kết quả bước đầu của 4 năm hoạt động, ngày 26-10-1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký Quyết định số 693/TTg về việc "thành lập thí điểm Hiệp hội mía đường Lam sơn", giao cho Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và UBND tỉnh Thanh hóa theo dõi, tổng kết mô hình này. Từ 1993 đến nay, nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước như Tổng bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch nước Lê Đức Anh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, các đồng chí phó thủ tướng, một số đồng chí ủy viên Bộ chính trị, nhiều bộ, ngành, ban, nhiều nhà khoa học và 42 đoàn cán bộ của 24 tỉnh, thành đã đến xem xét, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm. Hiệp hội là một tổ chức hợp tác, liên kết kinh tế theo kiểu mới giữa các thành phần kinh tế (quốc doanh, hợp tác xã, tổ hợp, hộ cá thể), giữa công nghiệp - nông nghiệp - tín dụng (Nhà máy đường, Ngân hàng nông nghiệp Việt nam, người trồng mía), giữa kinh tế trung ương và địa phương. Cơ chế hoạt động theo nguyên tắc *tự nguyện, cùng có lợi* và *dân chủ*. Nội dung cơ bản của mô hình này là :

- Hiệp hội là một tổ chức liên kết kinh tế. Mỗi thành viên là một đơn vị kinh tế tự chủ, hợp tác, nhằm hỗ trợ, thúc đẩy, nâng cao hiệu quả của từng thành viên.

- Hạn chế và chia sẻ rủi ro (có quỹ bảo hiểm rủi ro) trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Bảo vệ, điều hòa lợi ích của cộng đồng và từng thành viên.

Trong hội thảo khoa học - thực tiễn về "Mô hình Hiệp hội mía đường Lam sơn" (chương trình KX08-01), ngày 31-12-1993, Phó thủ tướng Phan Văn Khải đã phát biểu : "... Liệu có thể xoay chuyển được tình hình kinh tế và đời sống, không chỉ của một số ít hộ, mà của nhiều hộ nông dân trên từng địa bàn được không ? Sự phát triển của vùng đồi Lam sơn là một trong những mô hình bước đầu trả lời được câu hỏi đó. Chỉ trong vòng trên dưới 5 năm, với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước không lớn lắm, đã tạo được bước phát triển vượt bậc cho hàng vạn hộ nông dân. Chính vì lẽ đó mà mô hình Lam sơn có một giá trị thực tiễn rất lớn... Một trong những thành công quan trọng của vùng mía đường Lam sơn là đã biết cách phát huy mạnh mẽ ưu thế của các thành phần kinh tế và khéo kết hợp để các thành phần kinh tế bổ sung, hỗ trợ cho nhau, nhân lên gấp bội thế mạnh tổng hợp của tất cả các thành phần kinh tế, các lực lượng kinh tế để cùng nhau phát triển. Điều đó chỉ có thể thực hiện được khi chúng ta coi mục tiêu trực tiếp và đặc trưng chủ yếu của việc xây dựng kinh tế theo con đường xã hội chủ nghĩa là làm cho dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại ; xây dựng một xã hội công bằng và văn minh..." (3).

3 - Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực để thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn.

Cùng với những thành tựu về kinh tế như nói trên, bộ mặt nông thôn trong vùng mới qua 5 năm đã biến đổi khá nhanh. Bốn thị trấn và nhiều thị tứ trở thành các trung tâm thương mại - văn hóa. Các ngành nghề và dịch vụ phát triển, cơ bản không còn hộ đói ; nhiều hộ giàu lên. Có xã đã có 67% hộ khá và giàu, chỉ còn 5% hộ nghèo. Mức thu nhập bình quân một khẩu năm 1990 là 35 000 đồng/tháng, nay đạt 140 000 đồng/tháng. Xã miền núi Xuân phú là một trong những xã nghèo nhất vùng. Năm 1989 về trước trong xã có 50% số hộ, có năm đến 80% số hộ phải cứu tế. Nay mỗi năm Xuân phú đã có từ 3 đến 4 tỉ đồng hàng hóa từ mía. Toàn vùng trước đây nhà tranh chiếm trên 70%, nay có tới 80% nhà kiên cố và bán kiên cố. Trên 2 000 hộ có xe máy, 150 hộ có ô tô vận tải, máy kéo. Nhiều xã có trường học 2 tầng. Các gia đình chính sách, các hộ neo đơn được quan tâm giúp đỡ. Công ty đã nhận phụng dưỡng 84 bà mẹ Việt nam anh hùng, tặng 201 sổ tiết kiệm (200 000 đồng/sổ) cho các gia đình chính sách còn gặp khó khăn. Xí nghiệp giấy Mục sơn tuy chỉ có 380 cán bộ, công nhân viên cũng nhận phụng dưỡng suốt đời 60 bố, mẹ liệt sĩ

(3) *Hiệp hội mía đường Lam sơn, một mô hình kinh tế hợp tác mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1994, tr 60 - 64

Digitized by Google

ở 3 huyện, tặng 63 sổ tiết kiệm (500 000 đồng/sổ) cho các gia đình liệt sĩ. Công ty đường Lam sơn ngoài việc đầu tư làm mới 16 km đường nhựa, 46 km đường cấp phối, còn trích trên 1 tỉ đồng hỗ trợ 9 xã xây trường học 2 tầng, hỗ trợ 250 triệu đồng cho xã Xuân phú xây dựng lưới điện v.v.. Sinh hoạt văn thể mà nòng cốt là các xí nghiệp quốc doanh đã góp phần xây dựng nếp sống ngày càng lành mạnh. Điểm "nóng" Xuân thiên, một xã có nhiều tệ nạn xã hội như nghiện hút, trộm cướp, trấn lột, cờ bạc..., nhưng từ 1993 đến nay đã có chuyển biến tốt, liên tục được Bộ nội vụ tặng cờ "xã dẫn đầu phong trào bảo vệ an ninh", được tặng Huân chương chiến công, và gần đây được Bộ trưởng Bộ lao động thương binh xã hội tặng bằng khen về phòng chống tệ nạn xã hội.

Trong buổi làm việc với cán bộ chủ chốt tỉnh Thanh hóa ngày 29-12-1994, Chủ tịch Lê Đức Anh đã nói : "Công ty đường Lam sơn đã thật sự gắn bó chặt chẽ với nông dân không những về kinh tế, mà còn nâng cao phúc lợi, văn hóa, tinh thần, tạo thêm việc làm cho nhân dân các vùng lâm cận, làm chuyển biến cơ cấu kinh tế trong khu vực và trong tỉnh. Điều này thể hiện một cách sinh động khối liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và trí thức, phù hợp với đường lối của Đảng về phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo ... (4).

*
* *

Trên một địa bàn miền núi, nhân dân từ lâu đời sống trong cảnh đói nghèo, công cuộc đổi mới ở đây mới được 5 năm, thời gian còn quá ngắn, chưa thể đánh giá đầy đủ được. Nhưng những "thu hoạch" nói trên, nhất là về mặt xã hội chắc chắn không thể có dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, dù chúng ta đang là một trong những nước nghèo nhất thế giới, mới ở thời kỳ "định hướng xã hội chủ nghĩa" chứ chưa có xã hội chủ nghĩa đầy đủ.

Mặt trái trong cơ chế thị trường ở đây cũng phát sinh nhưng do các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn phát huy được vai trò chủ đạo, do đặc điểm của tình hình dân cư... nên không như ở nhiều vùng khác. Độ chênh lệch giàu nghèo không lớn. Hạn chế nhất ở đây là tiềm năng còn rất lớn nhưng vốn trong dân không nhiều để đầu tư khai thác, trình độ dân trí còn thấp, quan hệ sản xuất mới ở nông thôn đã hình thành nhưng vận dụng cơ chế quản lý mới còn lúng túng mà nguyên nhân chủ yếu là do trình độ cán bộ có nhiều hạn chế.

Về hướng phát triển của vùng kinh tế Lam sơn, Phó thủ tướng Phan Văn Khải nêu ý kiến : "Nếu chỉ tập trung phát triển cây mía mà không chú ý đúng mức đến việc khai thác tiềm năng đa dạng của vùng, bao gồm cả chăn nuôi, ngành nghề, dịch vụ thì không thúc đẩy được sự phân công lao động, không tạo được từng bước một cơ cấu kinh tế nông thôn tiến bộ và tất nhiên sẽ không tạo được sự phát triển có hiệu quả lâu dài cả về kinh tế, kỹ thuật và xã hội ..." (5).

Hướng đến năm 2000, vừa qua Công ty đầu tư gần 50 tỉ đồng để xây dựng một số cơ sở công nghiệp đã đi vào hoạt động để tận dụng nguyên liệu từ mía và giải quyết thêm việc làm như : xưởng sản xuất cồn công suất 1,5 triệu lít/năm (từ mật rỉ), xí nghiệp sản xuất phân tổng hợp sinh học 10 000 tấn/năm, xí nghiệp bánh kẹo (thiết bị của Đan mạch và Đài loan) 3 600 tấn/năm ; xưởng sản xuất rượu màu và nước giải khát... Công ty đang hợp tác với đối tác nước ngoài để mua thiết bị, đưa công suất lên gấp 4 lần so với hiện nay và đạt mức 100 000 tấn đường/năm. Toàn vùng đang thực hiện các dự án 327 để phủ xanh đồi trọc, cải tạo môi sinh, tăng diện tích cao su lên hai lần, cải tạo vườn tạp để trồng cây ăn quả có giá trị cao, bước đầu nuôi bò sữa, phát triển các ngành nghề... Xí nghiệp giấy Mục sơn cũng chuẩn bị đưa công suất sản xuất giấy bao bì lên gấp 10 lần hiện nay (30 000 tấn/năm) v.v.. Tất cả đang vận động trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn. Hiệp hội mía đường Lam sơn đang tích tụ vốn do các thành viên đóng góp hằng năm, tiến đến là nguồn để cổ phần hóa nhà máy đường và sẽ trở thành một tập đoàn kinh tế vùng, liên kết mọi thành phần kinh tế trên địa bàn, không chỉ riêng mía đường ❑

(4) Báo *Thanh hóa*, ngày 1-1-1995

(5) *Hiệp hội mía đường Lam sơn, một mô hình kinh tế hợp tác mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1994, tr 65

Digitized by Google

VAI TRÒ NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

NGUYỄN THẾ UẨN *

TĂNG cường và mở rộng các quan hệ kinh tế và thương mại với các nước trên thế giới là một trong những nội dung quan trọng của sự nghiệp phát triển kinh tế và xã hội ở nước ta hiện nay.

Để có thể phát huy được tác dụng to lớn của kinh tế đối ngoại đối với các quá trình tái sản xuất trong nước, nhà nước phải luôn giữ vai trò chủ đạo trong việc quản lý vĩ mô các quan hệ kinh tế đối ngoại. Đây là một đòi hỏi hết sức khách quan, bởi vì các quan hệ kinh tế đối ngoại là các quan hệ kinh tế giữa trong nước và ngoài nước. Trong các quan hệ này, chính phủ có vai trò quyết định rất lớn. Trong thời kỳ thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung, vai trò nhà nước được thể hiện qua chế độ nhà nước độc quyền ngoại thương (và ngoại tệ). Nội dung cơ bản của chế độ này là mọi hoạt động ngoại thương đều do nhà nước quản lý chặt chẽ thông qua một kế hoạch kinh tế tập trung. Bộ ngoại thương là bộ duy nhất được nhà nước ủy quyền thực hiện vai trò quản lý nhà nước đối với ngoại thương. Các tổ chức ngoại thương đều do nhà nước lập ra ; mọi hoạt động xuất, nhập khẩu đều theo chỉ tiêu nhà nước và đặt dưới sự kiểm tra và kiểm soát trực tiếp của Bộ ngoại thương. Để các tổ chức ngoại thương có thể hoạt động theo đúng các chỉ tiêu kế hoạch, nhà nước đã áp dụng chế độ bao cấp vật tư và tài chính, bảo đảm "đầu vào" và "đầu ra" cho các tổ chức ngoại thương.

Chế độ nhà nước độc quyền ngoại thương (và ngoại hối) được coi là một bộ phận cấu thành của cơ chế kế hoạch hóa tập trung phản ảnh quy luật đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Chế độ này đã được áp dụng triệt để ở miền Bắc nước ta trong suốt những năm 1955 - 1975. Trong thời kỳ này chế độ nhà nước độc quyền ngoại thương có điều kiện phát huy tác dụng tích cực, vì cơ chế kế hoạch hóa tập trung ở các nước xã hội chủ nghĩa còn mạnh. Mặt khác, nó phù hợp với yêu cầu tập trung của quy luật kinh tế thời chiến.

Sau ngày đất nước thống nhất, chúng ta tiếp tục trải qua rất nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh. Nền kinh tế rơi vào tình trạng mất cân đối và khủng hoảng nghiêm trọng. Nhà nước không còn đủ sức bao cấp cho cơ chế kế hoạch hóa tập trung như cũ. Chế độ nhà nước độc quyền ngoại thương do đó cũng mất dần hiệu lực. Quá trình đó diễn biến như sau :

- Từ năm 1976 đến năm 1980, trên cơ sở kế hoạch hóa tập trung, nguyên tắc nhà nước độc quyền ngoại thương được áp dụng triệt để trong ngoại thương cả nước để xây dựng một nền kinh tế thống nhất xã hội chủ nghĩa.

- Từ năm 1981 đến năm 1985, do những ách tắc và suy thoái nghiêm trọng trong nền kinh tế quốc dân, nhà nước đã phải thay đổi cơ chế kế hoạch hóa tập trung theo hướng mở rộng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho địa phương và cơ sở, kể cả mở rộng quyền xuất nhập khẩu.

- Từ năm 1986 đến năm 1990 là thời kỳ chuyển hẳn cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Thay cho chế độ nhà nước độc quyền ngoại thương là nguyên tắc nhà nước thống nhất quản lý xuất nhập khẩu bằng chính sách, quy chế và luật pháp, không can thiệp sâu vào quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp...

- Từ năm 1991 đến nay, nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Các hoạt động xuất, nhập khẩu tiếp tục được quản lý theo hướng : mở rộng hơn nữa quyền tự do kinh doanh xuất,

* PGS, PTS kinh tế, Bộ thương mại

Digitized by Google

nhập khẩu trên cơ sở có sự quản lý thống nhất của nhà nước về chính sách, quy chế và luật pháp. Hoàn thiện cơ chế quản lý ngoại thương theo hướng nói trên đã có tác động tích cực thúc đẩy ngoại thương nước ta phát triển nhanh chóng và có hiệu quả hơn.

Sau đây là một số vấn đề cơ bản liên quan đến vai trò nhà nước trong quản lý ngoại thương :

1 - Về *quản lý danh mục mặt hàng xuất, nhập khẩu.* Nói chung việc quản lý danh mục mặt hàng xuất nhập khẩu có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với một nước vì nó quan hệ đến sự cân đối giữa tổng cung và tổng cầu, phục vụ cho việc phát triển nền kinh tế quốc dân và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của nước đó. Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu thường được các nước xác định, và trong quản lý nó trên thực tế, có sự phân chia rõ trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước hữu quan. Để tiện việc quản lý danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu, các nước thường chia nó theo các nhóm hàng như sau : a) hàng xuất, nhập khẩu tự do, chỉ cần có xác nhận ; b) hàng xuất nhập khẩu theo hạn ngạch ; c) hàng cấm xuất, nhập khẩu.

Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu cần được ổn định trong một thời gian nhất định, và khi cần thay đổi, phải thông báo trước để các công ty khỏi bất ngờ và bị động. Đồng thời, trách nhiệm quản lý của từng cơ quan nhà nước hữu quan cũng cần được xác định rõ để tránh tình trạng một việc phải qua nhiều "cửa", gây phiền hà cho các doanh nghiệp.

Trong danh mục hàng hóa, không nên dùng những khái niệm như "chuyên dùng" hay "không chuyên dùng", "liên quan" hay "không liên quan" đến các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân, v.v., bởi vì ghi như vậy thường gây phức tạp cho việc vận dụng và dễ tùy tiện trong xử lý.

2 - Về *hình thức kinh doanh xuất nhập khẩu.* Nhà nước cần đa dạng hóa, mở rộng các hình thức kinh doanh xuất, nhập khẩu với những quy định hợp lý kèm theo, để các công ty có thể chủ động vận dụng các hình thức đó trong kinh doanh. Cần phân biệt rõ các hình thức xuất, nhập khẩu về *hàng hóa* và *dịch vụ.* Đối với các *hàng hóa,* có thể áp dụng hình thức buôn bán thông thường, hàng đổi hàng, buôn bán với điều kiện cho vay nợ, viện trợ hoặc hợp tác đầu tư. Đối với các *dịch vụ,* chủ yếu là áp dụng hình thức xuất, nhập khẩu lao động gián tiếp. Ví dụ : tạm nhập tái xuất, tạm xuất để tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh, đại lý cho nước ngoài v.v.. Tất cả những hình thức vừa nói đều thuộc loại xuất, nhập khẩu dịch vụ thương mại.

Các hình thức xuất, nhập khẩu hàng hóa, phần lớn phụ thuộc vào danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu của nhà nước. Còn các hình thức xuất, nhập khẩu dịch vụ thương mại thì không chịu sự chi phối của danh mục đó. Vì vậy, khả năng cơ động của các hình thức này rất lớn, có thể phát triển nhanh chóng mà không hề ảnh hưởng đến cung cầu trong nước. Đặc biệt thuận lợi là vốn cho các hình thức xuất, nhập khẩu dịch vụ thương mại chủ yếu là của nước ngoài. Ví dụ : chuyển khẩu hàng hóa cho Trung quốc ; quá cảnh hàng hóa cho Lào và Cam-pu-chia ; đại lý xăng dầu cho các nước, v.v...

3 - Về *chính sách đối với các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu.*

a) Cần khuyến khích mạnh khâu sản xuất hàng xuất khẩu. Thời kỳ các hoạt động xuất, nhập khẩu được tiến hành trên cơ sở các tổ chức ngoại thương tranh mua hàng xuất khẩu và tranh bán hàng nhập khẩu trên thị trường trong nước để kiếm chênh lệch giá đã qua rồi. Nay đến giai đoạn muốn xuất khẩu, phải đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Vì vậy, tạo điều kiện cho các nhà sản xuất hàng xuất khẩu có thể tiếp cận nhanh với thị trường ngoài nước và thông qua cạnh tranh quốc tế để tự khẳng định mình, là yêu cầu quan trọng đối với giai đoạn mới của chiến lược phát triển kinh tế hướng vào xuất khẩu.

b) Cần khuyến khích các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu thực hiện việc xuất và nhập hàng hóa theo đúng các mặt hàng đã đăng ký, để họ yên tâm sản xuất các mặt hàng theo đúng chất lượng, mẫu mã, chủng loại, thị hiếu của khách hàng ở nước ngoài, qua đó có thể củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng xuất khẩu của nước ta.

Digitized by Google

Tất nhiên, trong cơ chế thị trường, việc quay nhanh vòng vốn, nhất là đối với một nền kinh tế thiếu vốn như nước ta, có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu cần có quyền đề nghị Bộ thương mại bổ sung ngành hàng xuất nhập khẩu vào những mặt hàng đã đăng ký.

c) Cần có biện pháp khuyến khích và giúp đỡ các doanh nghiệp Việt nam xây dựng mạng lưới tiêu thụ của mình ở nước ngoài. Đặc biệt là thành lập các chi nhánh theo dạng công ty con hay liên doanh liên kết với các nhà doanh nghiệp địa phương ở những nước có điều kiện thuận lợi. Trong những năm gần đây, có không ít các công ty đã lợi dụng loại hình này trong buôn bán với các nước thuộc Đông Âu và Liên xô cũ. Đây là một loại hình mới đối với ngoại thương nước ta - một bước tập dượt quan trọng để chen sâu vào thị trường nước ngoài. Hiện nay, chúng ta chỉ mới khuyến khích các công ty nước ngoài đến lập công ty hoặc chi nhánh của họ ở nước ta. Nhưng ngược lại, chúng ta chưa có chính sách khuyến khích các công ty trong nước lập công ty và chi nhánh ở nước ngoài.

4 - Về một số vấn đề liên quan đến Nghị định 33 CP về quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu (ban hành ngày 19-4-1994)

- Về *điều kiện để được cấp giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu.* Điều kiện này đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu có phần chặt hơn so với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, vì để được cấp giấy phép trên, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu phải "có cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu ổn định và phải có thị trường tiêu thụ ở nước ngoài" (trong lúc các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu lại không cần như vậy). Điều đó, đương nhiên sẽ hạn chế nhiệt tình của các nhà sản xuất hàng xuất khẩu.

- Về *phạm vi hoạt động xuất, nhập khẩu.* Theo nghị định trên, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu chỉ có quyền trực tiếp xuất khẩu hàng hóa do mình sản xuất và nhập khẩu vật tư nguyên liệu cần thiết cho sản xuất của mình. Điều đó có nghĩa là các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu chỉ được phép hoạt động xuất nhập khẩu trong phạm vi hẹp, khó có khả năng mở rộng kinh doanh thêm mặt hàng mới ngoài danh mục đã đăng ký. Trong lúc đó các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu lại có thể kinh doanh tổng hợp với một danh mục mặt hàng xuất, nhập khẩu đăng ký khá rộng. Ngoài ra, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu còn bị ràng buộc bởi quy định mà các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu không bị ràng buộc : đó là khi khách hàng nước ngoài thanh toán bằng hàng đổi hàng thì từng trường hợp cụ thể phải được Bộ thương mại xem xét, giải quyết. Như vậy, rõ ràng là không công bằng.

- Về *thành phần kinh tế.* Nghị định 114 HĐBT, chương III, điều 6, điểm 2 có ghi rõ : "không phân biệt thành phần kinh tế", doanh nghiệp nào cũng "có thể được xuất khẩu hàng hóa do mình sản xuất, nhập vật tư nguyên liệu cần thiết cho sản xuất của doanh nghiệp". Nhưng đến Nghị định 33 CP không còn ghi như vậy. Phải chăng ở đây ý nghĩa "không phân biệt thành phần kinh tế" đã bao hàm trong cụm từ "doanh nghiệp xuất, nhập khẩu". Nếu đúng vậy thì trong văn bản hướng dẫn thi hành, cần giải thích rõ. Theo tôi, cần thể chế hóa *đầy đủ hơn* chính sách kinh tế nhiều thành phần trong lĩnh vực ngoại thương để có thể huy động đến mức cao nhất các tiềm năng xuất, nhập khẩu của đất nước.

- Về *chính sách khuyến khích xuất khẩu và điều tiết nhập khẩu.* Cần được xác định đồng bộ. Nghị định 114 HĐBT, chương IV đã nêu rõ nội dung cụ thể của chính sách khuyến khích xuất nhập khẩu. Để hoàn thiện chính sách này, theo tôi, chỉ cần *bổ sung thêm một số vấn đề mới*, như : trợ cấp xuất khẩu lúc thị trường biến động bất lợi cho các nhà sản xuất hàng xuất khẩu ; khuyến khích những mặt hàng mới ; khuyến khích xuất khẩu qua các thị trường mới, v.v.. Đồng thời, có chính sách nhập khẩu tương ứng và phù hợp để quản lý nhập khẩu chặt chẽ và có hiệu quả hơn.

Nói tóm lại, trong cơ chế thị trường, vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương có tầm quan trọng đặc biệt. Muốn phát triển ngoại thương nhanh chóng và có hiệu quả, trước hết cần cải tiến và hoàn thiện hơn nữa vai trò quản lý của nhà nước đối với ngoại thương ❑

Digitized by Google

CHO RẰNG "PHƯƠNG PHÁP LUẬN MÁC XÍT SAI LẦM" CHỈ CÀNG BỘC LỘ DỤNG Ý XẤU VÀ SỰ NON KÉM VỀ KHOA HỌC

HOÀNG CÔNG

LÂU nay, trong trào lưu chống chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa Mác, vẫn thường rộ lên những tiếng la ó : Chủ nghĩa Mác khủng hoảng, chủ nghĩa Mác lỗi thời, chủ nghĩa Mác đã cáo chung (!)... Mấy năm gần đây, trước những biến động chính trị thế giới, một số người ở nước ta cũng hùa giọng lên án chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bài bác chủ nghĩa xã hội khoa học. Điều nực cười là có những người chẳng hiểu gì mấy về lý luận Mác - Lê-nin cũng làm ra vẻ ta đây là kẻ thức thời, lên giọng dạy bảo Mác - Lê-nin, cứ như mình là nhà khoa học vĩ đại của thời đại. Nhiều khi họ nói rất hồ đồ và liều mạng. Mới gần đây thôi, có người dám ngang nhiên phủ nhận cả phương pháp luận của triết học mác xít - vấn đề cơ bản của mọi vấn đề, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác. Trong một tài liệu có tên là "Chia tay ý thức hệ", người viết nó phê phán chỉ trích chủ nghĩa Mác cả về phương diện phương pháp luận. Trong chương "Triết học Mác - Lê-nin - sự khủng hoảng phương pháp luận" ông ta viết : "Trước cảnh đổ vỡ của ý thức hệ, một số nhà lý luận mác xít thức thời đã chịu lùi tới cỡ này : cứ cho mọi điều đã nói là sai hết đi, thì Mác - Lê-nin vẫn còn để lại cho nhân loại một tài sản tư tưởng vô giá là phương pháp luận Mác xít - Lê-nin nít". Và theo ông ta, ngay cả về phương pháp luận, chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng sai lầm. Tức là chủ nghĩa Mác - Lê-nin vứt đi hết, chủ nghĩa Mác - Lê-nin chẳng còn gì để mà nói nữa, vì nó sai lầm đến tận cùng rồi - sai lầm cả về phương pháp luận !

Trước hết, cần khẳng định rằng : cho dù có sự đổ vỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, cho đến nay không có nhà lý luận mác xít chân chính nào, thậm chí ngay cả những nhà lý luận phi mác xít nghiêm túc ở phương Tây, lại cho rằng tất cả các luận điểm của Mác và Lê-nin là sai và chỉ còn duy nhất một phương pháp luận có giá trị. Trái lại, trên tinh thần khách quan, khoa học, mọi người vẫn khẳng định : lý luận Mác - Lê-nin không những đúng về phương pháp luận, mà còn đúng trên tất cả các vấn đề cơ bản. Có lẽ chỉ có những "triết gia lỗi lạc" kiểu như tác giả của "Chia tay ý thức hệ" là dám phủ nhận các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và phủ nhận cả phương pháp luận của triết học mác xít.

Hãy xem ông ta phê phán triết học mác xít như thế nào. Ông ta viện dẫn đến vấn đề *vật chất* và *ý thức* là những phạm trù rất cơ bản của triết học. Ông ta viết : "Điều cần nói là : ngay trong cái gốc duy vật và biện chứng mác xít ấy đã có những kẽ hở mang màu sắc phân tích cực đoan, duy tâm khách quan, tách rời, máy móc, mà quan niệm vật chất và ý thức là một ví dụ điển hình". Ông ta viết tiếp : "Ngay ở phạm trù vật chất, ý thức này, tư duy mác xít đã thể hiện một đặc điểm mà sau đó sẽ nhất quán trong toàn bộ học thuyết

Digitized by Google

mác xít là một cách nhìn mang tính phân tích cực đoan, cắt rời và phiến diện. Đã thế lại quá tin quan niệm đó là duy nhất đúng, duy nhất khoa học nên áp đặt nó cho mọi người, cho mọi lĩnh vực..."

Như vậy, theo "nhà thông thái" của chúng ta, phương pháp luận mác xít sai lầm, là bởi vì nó tách rời, đối lập vật chất với ý thức, không thấy tính duy nhất vật chất của thế giới. Ông ta phê phán triết học mác xít quan niệm một cách luẩn quẩn về vật chất và ý thức ; khi định nghĩa về vật chất thì dùng ý thức, còn khi định nghĩa về ý thức lại dùng đến vật chất...

Trước tiên nói về ý thức. Ông ta viết : "Nếu đã hiểu thuộc tính quan trọng nhất của ý thức là tính "phản ánh" và tính "tác động" thì phải biết rằng thuộc tính ấy là của vật chất nói chung, biểu hiện ở tất cả mọi mức độ từ thấp lên cao. Cục sắt và thanh nam châm, vật nọ phát tín hiệu và phản ánh vào vật kia và tác động trở lại vào vật kia. Giữa phân tử ô xy và hydrô cũng như vậy... chúng "nhận thức" lẫn nhau và "tác động" lẫn nhau..."

Như vậy, chúng ta có thể hiểu lô gích của người viết "Chia tay ý thức hệ" là : Ý thức có thuộc tính phản ánh. Mà thuộc tính phản ánh lại là thuộc tính chung của mọi dạng vật chất. Vậy ý thức là thuộc tính của mọi dạng vật chất (chứ không phải chỉ của riêng con người) : "Không phải đến con người thì cái ý thức thiêng liêng ấy mới đột nhiên xuất hiện" hoặc "ý thức không phải là chuyện riêng của thế giới con người".

Tôi thật sự ngạc nhiên và bất ngờ trước những nhận thức "cao siêu" đó của người viết "Chia tay ý thức hệ" ! Những người bình thường nhất cũng hiểu ý thức có tính phản ánh, nhưng không phải mọi sự phản ánh đều là ý thức. Ý thức là thuộc tính của vật chất, nhưng không phải mọi dạng vật chất đều có ý thức. Nói đúng hơn, ý thức là thuộc tính của một dạng vật chất sống có tổ chức cao, một dạng vật chất đặc biệt - bộ óc con người. Triết học mác xít quan niệm : ý thức là vật chất được di chuyển vào trong bộ óc người và được cải biến ở trong đó [1]. Nó là sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, với nghĩa là gắn với sự tồn tại của bộ não người. Nhưng chủ yếu và về bản chất, ý thức là sản phẩm của đời sống xã hội con người. Đó là cuộc sống lao động và giao tiếp. "Ý thức đã là một sản phẩm xã hội, và vẫn là như vậy chừng nào con người còn tồn tại" [2]. Ngay cả cơ sở tự nhiên của ý thức tức là bộ óc người cũng nhờ có lao động, giao tiếp mà ngày càng tiến hóa, hoàn thiện. Do đó *ý thức là sản phẩm đặc trưng của con người, của riêng con người* mà thôi. Không thể nói đến ý thức trước con người và ngoài con người, vì như vậy là phản khoa học và nhất định dẫn đến chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo. Không thể nói đến ý thức động vật, dù là ở loài động vật cao cấp có tâm lý, có trí khôn nhất, lại càng không thể nói tới ý thức của những vật thể vô cơ không có tri giác.

Thế mà "nhà khoa học" muốn "Chia tay ý thức hệ" của chúng ta lại dám tự cho mình là "duy vật", hạ con người xuống hàng các sinh vật và vật thể khác, tuyên bố dõng dạc cả những vật vô tri vô giác cũng có ý thức, để rồi phê phán Mác, Lê-nin là duy tâm !

Thứ hai, về *vật chất*, người viết "Chia tay ý thức hệ" đã không hiểu hoặc cố tình không hiểu giá trị lớn lao của định nghĩa *vật chất* của Lê-nin.

Như mọi người đều biết, vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, trước những phát minh mới trong khoa học tự nhiên về cấu trúc vật chất (phát hiện ra tia phóng xạ, điện tử v.v...) đã xuất hiện sự khủng hoảng về nhận thức trong giới khoa học và triết học. Nguyên nhân thật sự của cuộc khủng hoảng, như

(1) Xem C.Mác : Tư bản, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 1, quyển 1, tr 28

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 290

Digitized by Google

Lê-nin chỉ ra, là do quan niệm siêu hình bấy lâu về vật chất, tức là quan niệm đồng nhất vật chất với những kết cấu nhất định của tự nhiên. Thời cổ đại, quan niệm duy vật coi vật chất là *nước, lửa,* hoặc *không khí*... Sau này coi vật chất là *nguyên tử,* tức là phần tử nhỏ nhất không phân chia được. Do đó khi khoa học vật lý phát hiện nguyên tử không phải là nhỏ nhất, rằng dưới nguyên tử còn có điện tử, thì người ta kêu lên : vật chất tiêu tan ! Trung thành với Mác và Ăng-ghen, Lê-nin chỉ ra rằng cần phải quan niệm vật chất rộng lớn hơn, khái quát hơn, chứ không thể đồng nhất nó với những dạng cụ thể, những kết cấu vật lý nào đó của tự nhiên. Người viết : "Vật chất đang tiêu tan", điều đó có nghĩa là giới hạn hiểu biết vật chất cho đến nay của chúng ta đang tiêu tan, tri thức của chúng ta trở nên sâu sắc hơn ; những đặc tính của vật chất, trước đây được coi là tuyệt đối, bất biến, đầu tiên (tính không thể thâm nhập được, quán tính, khối lượng v.v...) đang tiêu tan và bây giờ đây tỏ ra là tương đối và chỉ là đặc tính vốn có của một số trạng thái nào đó của vật chất, Vì "đặc tính" *duy nhất* của vật chất - mà chủ nghĩa duy vật triết học là gắn liền với việc thừa nhận đặc tính này - là cái đặc tính *tồn tại với tư cách là thực tại khách quan,* tồn tại ở ngoài ý thức của chúng ta" (3). Và Lê-nin định nghĩa : "Vật chất là phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác" (4).

Rõ ràng, đó là một quan niệm duy vật và biện chứng, thể hiện một phương pháp luận khác hẳn phương pháp luận siêu hình của nhiều nhà khoa học và triết học thời đó. Nó khắc phục được sự khủng hoảng nhận thức của cả một thế hệ các nhà khoa học tự nhiên. Thế mà người viết "Chia tay ý thức hệ" dám nói liều rằng đấy là cách nhìn siêu hình, rồi lại chê Lê-nin định nghĩa một cách "luẩn quẩn" ! Hẳn ông ta không biết đoạn nghị luận sau đây của Lê-nin : "Thế nào là đưa ra một "định nghĩa". Điều đó có nghĩa là đem một khái niệm nào đó quy vào một khái niệm khác rộng hơn. Chẳng hạn, khi tôi đưa ra định nghĩa này : con lừa là một động vật tôi quy khái niệm "con lừa" vào một khái niệm khác rộng hơn. Bây giờ thử hỏi trong những khái niệm mà lý luận nhận thức có thể sử dụng, có những khái niệm nào rộng hơn những khái niệm : tồn tại và tư duy, vật chất và cảm giác, cái vật lý và cái tâm lý hay không ? Không có. Đó là những khái niệm rộng đến cùng cực, rộng nhất, mà cho đến nay, thực ra nhận thức luận vẫn chưa vượt qua được (trừ khi có những sự thay đổi luôn luôn có thể xảy ra về mặt thuật ngữ). Chỉ có bịp bợm hay ngu xuẩn đến cực độ mới có thể đòi hỏi cho hai "loại" khái niệm rộng đến cùng cực đó, một "định nghĩa" nào khác, ngoài "sự lặp lại giản đơn" : cái này hay cái kia phải được coi là có trước" (5).

Phê phán sự "luẩn quẩn" của Lê-nin, người viết "Chia tay ý thức hệ" không những không "biện chứng" hơn mà chính ông ta là loại người đã bị Lê-nin phê phán !

Nhưng chưa hết. Tác giả "Chia tay ý thức hệ" còn phê phán triết học Mác - Lê-nin là không thấy tính duy nhất vật chất của thế giới, cứ cố "vẽ ra hai thế giới". Ông ta viết : "không thể có *vật chất* và *ý thức*, chỉ có thế giới vật chất đang vận động, đang tự ý thức, tự phản ánh, tự tác động phần này vào phần kia và tự biến đổi" !

Ở đây có hai vấn đề cần nói : *Thứ nhất,* triết học Mác - Lê-nin không hề cố vẽ ra hai thế giới mà chỉ là giải quyết một cách biện chứng vấn đề vật chất và ý thức vốn đã tồn tại trong triết học từ rất lâu trước triết học mác xít. Lập trường duy vật của triết học

(3) V.I.Lê-nin : *Toàn tập,* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 18, tr 321

(4) *Sđd,* t 18, tr 151

(5) *Sđd,* t 18, tr 172

Digitized by Google

Mác - Lê-nin không phải chỉ ở chỗ khẳng định vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức, mà còn ở chỗ luôn khẳng định tính thống nhất vật chất của thế giới. Ăng-ghen viết : "Tính thống nhất chân chính của thế giới là ở tính vật chất của nó" (6). Triết học Mác - Lê-nin quan niệm về tính thống nhất này như sau : Chỉ có một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất tồn tại khách quan và độc lập với ý thức con người ; thế giới rất phong phú, đa dạng, nhưng các sự vật, hiện tượng dù phong phú, đa dạng đến đâu cũng chỉ là những dạng khác nhau, những hình thức khác nhau của vật chất. Thế giới vật chất vô cùng, vô tận. Nó không sinh ra, không mất đi mà chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác. Xã hội loài người là một dạng kết cấu vật chất đặc biệt, một bộ phận của nó và là một giai đoạn trong chuỗi biến hóa vô cùng của thế giới vật chất. Con người sinh ra từ tự nhiên. Nhưng thông qua lao động, sản xuất, với ý thức của mình, con người đã sáng tạo nên "thế giới vật chất thứ hai" in dấu ấn tinh thần của con người mà không một lực lượng nào, một loài động vật nào dù tinh khôn đến mấy, có thể làm được. Đó là sức mạnh của con người có ý thức. Như vậy, triết học mác xít đã khẳng định tính thống nhất vật chất của thế giới, đồng thời thừa nhận ý thức con người là có thật và có thể nhận thức, cải tạo thế giới.

Tác giả "Chia tay ý thức hệ" vô ý hay cố tình không hiểu điều đó. Ông ta viết : "Không thể có vật chất và ý thức, chỉ có thế giới đang vận động, đang tự ý thức, tự phản ánh, tự tác động phần này vào phần kia và tự biến đổi". Thực chất đó là sự phủ định ý thức con người, hay nói đúng hơn là hạ thấp ý thức con người xuống tầm "phản ánh" đơn giản, thụ động như bao kết cấu vật chất khác. Người viết "Chia tay ý thức hệ" đã đồng nhất ý thức với phản ánh, và khẳng định mọi dạng vật chất, mọi hình thức vật chất từ thấp đến cao đều có ý thức.

Thứ hai, từ chỗ phủ định, hạ thấp ý thức con người - mà buồn cười thay, ông ta cho rằng như vậy mới là duy vật - tác giả "Chia tay ý thức hệ" đi đến phủ định lực lượng xã hội có khả năng nhận thức thế giới và đi tiên phong trong việc cải tạo thế giới. Ông ta viết : "Đừng tưởng mình là đại diện cho "ý thức" đang đem "quy luật" đi cải tạo thế giới "vật chất" mà quên mình đang là sản phẩm rất "vật chất", đang là nạn nhân, nạn vật một cách rất "vô ý thức". Ông ta tiếp tục đi xa hơn : Giá mà Mác - Lê-nin hiểu được sự duy nhất vật chất của thế giới thì chắc các ông không "tưởng tượng ra một "đảng tiên phong" với một "ý thức" trong suốt như pha lê và kiên định như kim cương, để nhân loại có thể trao hết vận mệnh của cái thế giới "vật chất" ngoắt ngoéo đầy sự tha hóa bẩn thỉu này cho Đảng dìu dắt đến thiên đường cộng sản xa xôi kia".

Đến đây thì rõ thực chất tim đen của ông ta. Mục đích của người viết "Chia tay ý thức hệ" khi phê phán phương pháp luận mác xít chẳng phải là vì khoa học, chẳng cần phải khoa học, mà là với ý đồ phủ nhận Đảng cộng sản với tư cách là lực lượng lãnh đạo xã hội. Cái kết luận rút ra từ sự "vượt lên" của ông ta đối với phương pháp "duy tâm chủ quan" của Mác - Lê-nin (như ông ta nói) là như vậy.

Nhưng tiếc thay cho ông ta, ý đồ của ông ta quá lộ liễu, "kết luận" của ông ta quá hồ đồ. Nó hồ đồ vì nhiều lẽ. Chỉ riêng việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học - vấn đề vật chất và ý thức, đã thấy ông ta chẳng hiểu gì bản chất của ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Nói tóm lại người ta chỉ thấy sự non kém (nếu không muốn nói là dốt nát) về triết học của ông ta mà thôi ❑

(6) Ph.Ăng-ghen : *Chống Đuy-rinh* : Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tr 72

Digitized by Google

Để kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo

TRẦN CHÍ DANH *

Ở nước ta, trong công cuộc đổi mới, vấn đề sở hữu nổi lên như một vấn đề then chốt cả trong lý luận và trong tổ chức thực tiễn. Nếu không đổi mới quan hệ kinh tế cơ bản này, sẽ không có cơ sở để thực hiện cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vì thế, việc nghiên cứu chế độ sở hữu trong hệ thống lý thuyết về kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở nước ta, là một việc có tầm quan trọng đặc biệt.

Trong quá trình đổi mới chế độ sở hữu ở nước ta, có hai vấn đề then chốt : *Một là,* chuyển chế độ sở hữu đơn nhất (chế độ công hữu) sang chế độ sở hữu đa dạng, bởi vì có nhiều loại sở hữu, nhiều tổ chức kinh doanh tự chủ, độc lập mới có kinh tế thị trường. *Hai là,* xây dựng vai trò chủ đạo của sở hữu nhà nước, vì đây là vấn đề bảo đảm con đường đi lên CNXH. Hai vấn đề trên, theo tôi vừa mang tính khách quan, vừa có tính nguyên tắc.

Đa dạng hóa về sở hữu, trong đó có loại hình sở hữu giữ vai trò chủ đạo, là hai mặt có tính phổ biến trong lịch sử phát triển kinh tế của các nước trên thế giới. Từ xưa, bên cạnh chế độ sở hữu công xã nguyên thủy, bắt đầu xuất hiện sở hữu cá thể, tuy mới manh nha, nhỏ bé. Dưới chế độ nô lệ, bên cạnh quan hệ sở hữu chủ nô chiếm vai trò thống trị, vẫn tồn tại sở hữu tư nhân của công dân tự do, hơn nữa trong một số dân tộc còn có sở hữu nhà nước. Trong chế độ phong kiến, ngoài sở hữu địa chủ giữ vai trò chủ đạo, còn có sở hữu nhà nước, sở hữu cá thể, tư nhân, sở hữu tập thể phường hội. Trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất phát triển cao hơn, nên đã hình thành nhiều loại sở hữu ; trong đó sở hữu tư bản tư nhân chiếm địa vị thống trị. Dưới chủ nghĩa tư bản hiện đại, sở hữu của tư bản độc quyền nhà nước và các công ty xuyên quốc gia giữ vai trò chủ đạo.

Mặc dù các loại hình sở hữu đã có trong lịch sử vẫn tiếp tục tồn tại đan xen nhau như : sở hữu địa chủ, sở hữu phường hội (của thợ thủ công), sở hữu hợp tác xã, sở hữu tư nhân nhỏ, nhưng sở hữu nhà nước cũng vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, tùy tình hình cụ thể ở mỗi nước.

Nhìn chung, lịch sử phát triển kinh tế trên thế giới cũng như của mỗi dân tộc, mỗi nước, trong mỗi giai đoạn khác nhau đều tồn tại nhiều loại sở hữu, trong đó có hai loại hình phổ biến là chế độ tư hữu và chế độ công hữu (sở hữu công xã, sở hữu nhà nước, sở hữu chung...). Cả hai loại hình sở hữu đó đều tồn tại trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, tùy trình độ phát triển của lịch sử và tính chất chế độ xã hội ở mỗi quốc gia mà hình thức sở hữu này hay hình thức kia giữ vai trò chủ đạo.

Khi đất nước bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, nhất là trong điều kiện kinh tế chậm phát triển như nước ta, thì sự tồn tại nhiều loại hình sơ hữu là một tất yếu khách quan, và đó cũng là những nhân tố quan trọng (ở mức độ khác nhau) đối với sự phát triển kinh tế. Sở hữu cá thể, sở hữu tư bản tư nhân còn nhiều tiềm năng phát triển đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường, của xã hội ; mặt khác những loại sở hữu ấy thích hợp với trình độ phân công lao động và kỹ thuật thủ công còn phổ biến ở nước ta. Nếu vội vàng thay thế nó bằng các loại hình sở hữu khác như sở hữu tập thể qui

* TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

mô lớn, sở hữu nhà nước (một cách phổ biến như trước đây), thì không những hạn chế sự đóng góp của nó mà còn làm cho nền kinh tế trì trệ, lâm vào khủng hoảng. Tuy vậy, về khách quan, tất yếu phải xác lập kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhà nước và sở hữu nhà nước thích ứng với nó : đất đai, tài nguyên, tiền bạc, lực lượng dự trữ, và cả một phần vốn của nhà nước đưa vào các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Chăm lo xây dựng kinh tế nhà nước để thực sự giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội ; mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển ; tạo nền tảng vật chất cho xã hội mới, đồng thời là lực lượng vật chất để nhà nước thực hiện chức năng quản lý.

Thế nhưng hiện nay có ý kiến cho rằng quan hệ sở hữu nào cũng được, miễn là sản xuất tăng. Họ nhìn một chiều sự yếu kém về quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp nhà nước để đi đến phủ định kinh tế nhà nước, coi kinh tế tư nhân là phương tiện vạn năng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từ đó đòi hỏi phải đẩy nhanh quá trình tư nhân hóa và phát triển sở hữu tư nhân.

Thực tế cho thấy hệ thống kinh tế cũ có nhiều nhược điểm cần được đổi mới triệt để. Thế nhưng không thể xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất mới bằng xóa bỏ một cách giản đơn hệ thống kinh tế cũ, phủ định kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, đề cao và phát triển quá mức kinh tế tư nhân, buông lỏng vai trò quản lý và điều tiết của nhà nước để cho kinh tế tư nhân và thị trường tự do phát triển. Cần đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Mặt khác, cũng không thể dựa vào những chuẩn mực nhận thức cũ, chỉ cần căn cứ vào tỷ trọng kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác để đánh giá vai trò của chúng đối với nền kinh tế nói chung, hay từng lĩnh vực nói riêng, và coi đó là đúng định hướng xã hội chủ nghĩa ; từ đó đi đến duy trì những hình thức tổ chức kinh doanh không năng động, kém hiệu quả.

Trong điều kiện cụ thể ở nước ta, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân còn có địa bàn phát triển rộng và lâu dài, nhưng năng lực và quy mô của những thành phần kinh tế này không phải là to lớn đến mức có thể làm cho lực lượng sản xuất đổi mới nhanh chóng. Do đó, chúng ta phải đặc biệt quan tâm củng cố và phát triển kinh tế nhà nước để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của lực lượng sản xuất.

Vì thế *chủ thể công hữu trong chính sách kinh tế nhiều thành phần* và *vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân là nhân tố quyết định để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa* ở nước ta.

Về kinh tế nhà nước, nhất là doanh nghiệp nhà nước ở nước ta, tuy còn hạn chế mặt này, hay mặt khác, song nó nắm giữ cơ sở vật chất chủ yếu, huyết mạch chính của nền kinh tế quốc dân, nơi tập trung chủ yếu giai cấp công nhân và cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của đất nước, nơi đưa lại nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước. Sau đây là một vài con số : Doanh nghiệp nhà nước chiếm 85% tài sản cố định trong công nghiệp cả nước, 100% mỏ khoáng sản lớn, 83% diện tích cây công nghiệp dài ngày, 93% lao động được đào tạo. Trong GDP, tỷ trọng ở khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 44%, nhưng đóng góp khoảng từ 30 đến 35% thu ngân sách. Khu vực ngoài quốc doanh chiếm 56% GDP, nhưng chỉ đóng góp 15% thu ngân sách.

Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước cũng là vấn đề đáng quan tâm. Hiện nay một bộ phận doanh nghiệp nhà nước đã và đang đứng vững trong cơ chế thị trường, làm ăn khá và có

Digitized by Google

lãi. Nhưng còn một phần doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, nợ kéo dài. Có doanh nghiệp quản lý kém để thất thoát vốn, tài sản của nhà nước, kể cả việc chuyển vốn, tài sản nhà nước thành sở hữu khác.

Để đảm nhận được vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, cần tập trung nguồn lực phát triển những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại dịch vụ then chốt, một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng - an ninh. Đổi mới và tăng cường hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và kinh tế nhà nước trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Phát huy vai trò trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội của doanh nghiệp nhà nước trong nông, lâm, ngư nghiệp ; nhất là ở vùng miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng căn cứ cách mạng.

Cần có chính sách, cơ chế riêng đối với những hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận (trường học, bệnh viện, giải trí công cộng v.v...), thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, bảo đảm đạt được các mục tiêu xã hội, hoặc những doanh nghiệp mà chức năng chính là nhằm ổn định thị trường giá cả của một số mặt hàng thiết yếu.

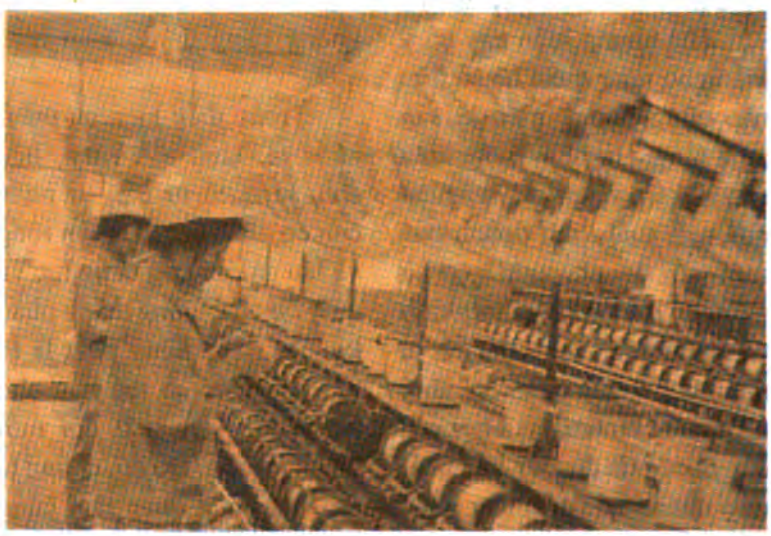
- Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển hơn nữa những doanh nghiệp đang hoạt động tốt ; xây dựng mới những doanh nghiệp cần thiết có lợi cho quốc kế dân sinh và phát triển, mở rộng những ngành mới, lĩnh vực mới.

- Tổ chức hợp lý các tổng công ty, vừa tránh phân tán lực lượng, vừa chống độc quyền hoặc trở thành cấp hành chính trung gian như trước đây chúng ta đã từng vấp phải.

- Chấn chỉnh những doanh nghiệp còn yếu kém ; những doanh nghiệp không còn khả năng phục hồi để có hiệu quả, thì trước hết, về mặt nhận thức phải coi việc phá sản là hiện tượng bình thường trong đời sống kinh tế, rồi xử lý chúng theo luật phá sản doanh nghiệp.

- Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ; nghiên cứu và áp dụng từng bước vững chắc việc chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước (sau khi nộp đủ thuế, dành quỹ tích lũy sản xuất và quỹ phúc lợi xã hội) cho công nhân viên chức làm tại doanh nghiệp theo lương cơ bản.

- Tăng cường và bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý các doanh nghiệp nhà nước, đồng thời ra sức bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh doanh có tài năng và đạo đức trong nền kinh tế thị trường. Đó là yếu tố quyết định thắng lợi trong sản xuất - kinh doanh, nhằm đưa nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ❑



Phân xưởng quay tơ - Ảnh TTXVN

Digitized by Google

"XUẤT NGOẠI"

VŨ PHÒNG

NGƯỜI ta đồn rằng, từ ngày đất nước đổi mới đến nay, các quan chức một số ngành, một số địa phương, thậm chí cả cấp huyện, quận, thị cũng "xuất ngoại" luôn. Chuyện hư thực ra sao, tôi chưa rõ lắm nên chỉ biết vậy.

Vừa rồi, nhân về công tác ở tỉnh X, tôi gặp người anh họ làm chánh văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh. Được biết tỉnh vừa có đoàn đi nước ngoài về tôi hỏi : Năm nay anh "xuất ngoại" mấy lần rồi ? Anh tôi vui vẻ trả lời : Mới đi hai lần. Một lần đi Thái lan, một lần đi Xin-ga-po. Tôi lại hỏi tiếp : Năm nay tỉnh mình có nhiều người đi không ? Thay nhau đi gần hết lượt rồi. Chức chánh văn phòng như tôi mà cũng đi được hai lần cơ mà. Đi làm gì mà nhiều thế ? Đi tham quan mà chú. Chỉ tiêu của Trung ương cho à ? Đâu có, thời buổi cơ chế thị trường, mạnh nơi nào nơi ấy được. Cứ có "mạnh thường quân" đỡ đầu là xong hết. Này nhé : Tỉnh mời nhiều đoàn nước ngoài đến khảo sát, rồi họ mời lại mình sang trao đổi. Chỉ cần họ mời thôi, tiền vé mình chịu, tiền ăn họ lo cho một ít, còn lại thì mình bỏ ra, hoặc các đơn vị kinh tế bao. Có đơn vị kinh tế, một năm họ mời và bao vài người đi ấy chứ... Tôi lại hỏi : Đi như vậy thì ngân sách địa phương chắc không phải chi ? Trả lời : Có, nhưng ít thôi, mỗi người, mỗi chuyến chi khoảng trên một ngàn đô la ! Tôi giật mình, mỗi lần mỗi người "chỉ có" trên một ngàn đô, mà mỗi năm, theo anh tôi kể thì ít nhất tỉnh cũng hơn chục người đi. Than ôi, ngân sách bỏ ra đâu có nhỏ, mất vài trăm triệu chứ phải bỡn đâu ?

Tôi tò mò hỏi tiếp : Mỗi lần "xuất ngoại" về, chắc anh học hỏi được nhiều lắm ? Cũng có, nhưng sơ sơ thôi. Chú tính "cưỡi ngựa xem hoa" mà, đi chơi là chính. Vả lại ngôn ngữ bất đồng, hiểu sao hết được. Nhiều khi xấu hổ lắm chú ạ. Thí dụ, có một đoàn đi Thái lan đích thân do phó chủ tịch phụ trách văn xã dẫn đầu. Các vị nhà ta nghỉ ở khách sạn 5 sao. Mọi tiện nghi sinh hoạt trong phòng ở đều có bản hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh. Nhưng khốn nỗi trong đoàn không ai biết lấy nửa chữ tiếng Anh. Vì thế có vị khi tắm đã tò mò bấm phải nút gọi cấp cứu. Nhân viên khách sạn vội vã đến thì thấy khách vẫn đang "trần như nhộng" trong bồn tắm...

Đang kể, anh dừng lại hỏi tôi : Các chú công tác trên trung ương chắc được "xuất ngoại" nhiều phải không ? Tôi thật thà trả lời : Được sang Lào công tác một lần rồi ! Anh tôi nhún vai nói : Đúng là người của thời bao cấp ! Các vị phải thoang thoáng một chút chứ. Các cụ ngày xưa đã dạy "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" ; thời buổi kinh tế thị trường, khoa học kỹ thuật, giao lưu quốc tế thế này mà cứ ro ró ở nhà thì lạc hậu chết.

Ông anh tôi đã nói đúng. Cán bộ hiện nay cần phải được học tập, tham quan nhiều , có thế mới nâng cao hiểu biết, đáp ứng được công việc. Học tập, tham quan nước ngoài là rất cần thiết. Nhưng tôi nghĩ nếu mỗi lần đi được chuẩn bị kỹ về mục đích, yêu cầu, có kế hoạch cụ thể rõ ràng ; khi về có tổng kết, rút kinh nghiệm thì rất tốt, rất bổ ích. Còn nếu "xuất ngoại" theo kiểu du hí bằng "tiền chùa" thì chả nên chút nào. "Xuất ngoại" bằng tiền "bao" của các đơn vị kinh tế (nhất là các đơn vị kinh tế tư nhân và đơn vị kinh tế có vốn của người nước ngoài) thì hãy coi chừng, bởi vì sẽ có lúc "há miệng mắc quai", họ yêu cầu gì (có khi sai pháp luật) mà vẫn phải gật, phải ký để "trả ơn" ❑

Digitized by Google

NHẬN THỨC VỀ THỜI ĐẠI HIỆN NAY

VŨ HIỂN

LỊCH sử phát triển của xã hội loài người thường được đo bằng những thiên niên kỷ, thế kỷ, thập kỷ, năm tháng, ngày giờ. Nhưng còn một cách đo khác sâu sắc hơn và có ý nghĩa hơn nhiều là xác định sự phát triển xã hội bằng những chuyển biến, những thay đổi có tính bước ngoặt bắt đầu từ những sự kiện đặc biệt báo hiệu sự chuyển hóa về chất của đời sống xã hội. Đó là cách phân định xã hội bằng *thời đại*, là việc dựa vào những tiêu chí nhất định để phân kỳ lịch sử và đặt tên cho nó.

Việc nhận thức rõ và xác định đúng thời đại có ý nghĩa cực kỳ quan trọng vì nó giúp ta biết được những nấc thang phát triển của xã hội, nắm được yếu tố có tính ổn định trong một thế giới đầy biến động, tìm thấy xu hướng tất yếu trong vô vàn những hiện tượng phức tạp mang tính ngẫu nhiên của đời sống xã hội.

Mỗi quốc gia, dân tộc, đặc biệt là mỗi đảng cộng sản mác xít-lê nin nít rất cần phải biết mình đang sống ở thời đại lịch sử nào với những đặc điểm, tính chất, nội dung, xu thế phát triển của nó ra sao. Biết được như vậy cũng là hiểu rõ ta đang sống ở đâu và sẽ đi tới đâu, giúp ta nhìn xa trông rộng, nắm bắt khuynh hướng phát triển và quy luật xoay vần của nhân loại để vừa có thể lựa chọn được hướng đi đúng, phù hợp với sự phát triển của lịch sử ; vừa dự báo và đoán định tới mức lường trước được những thách đố phức tạp, tránh được những vấp váp sai lệch trên đường đi ; từ đó sẽ không bị chao đảo hoặc bị cuốn trôi trước phong ba bão táp của đời sống chính trị quốc tế. Có như vậy, đất nước sẽ phát triển mạnh mẽ, thoát được khó khăn nghèo đói, bình yên cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân.

QUAN NIỆM VỀ THỜI ĐẠI

Sự phân chia các thời đại lịch sử nhân loại là một công việc không đơn giản. Xuất phát từ những cơ sở, tiêu chí khác nhau sẽ có những quan niệm khác nhau và có những cách phân định khác nhau về thời đại.

- Cách phân chia thời đại dựa trên những tiêu chí *sinh học* và *kỹ thuật*. Chẳng hạn nhà xã hội học Vi-cô người I-ta-li-a (1668-1744) phân chia các thời đại như phân chia các giai đoạn của một đời người : thơ ấu, thanh niên, thành niên và tuổi già. Có người lại lấy yếu tố kỹ thuật để phân chia như thời đại đồ đá, thời đại đồ đồng, thời đại cối xay gió, thời đại máy hơi nước, thời đại tên lửa và vũ trụ...

- Phân chia dựa vào những *yếu tố đặc thù của xã hội :* Nhà triết học duy tâm Hê-ghen (1770-1831) phân biệt lịch sử phát triển của loài người thành *ba* thời kỳ : thời kỳ phương Đông, thời kỳ cổ đại và thời kỳ Giéc-ma-ni. Nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Phu-ri-ê (1772-1837) chia tiến trình lịch sử thành *bốn* giai đoạn phát triển : mông muội, dã man, gia trưởng, văn minh...

- Phân chia thời đại theo *nền văn minh*. Giáo sư người Mỹ, ông Hơn-tinh-tơn cho rằng xã hội loài người được quyết định bởi *tám* nền văn minh : văn minh phương Tây, văn minh Khổng giáo (Nho giáo), văn minh Nhật, văn minh Hồi giáo, văn minh Ấn độ giáo, văn minh Xla-vơ, văn minh Mỹ la tinh, văn minh châu Phi. Còn nhà tương lai học An-vin Tô-phơ-lơ lại cho rằng *ba* nền văn minh kế tiếp nhau tương ứng với các thời đại : văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp.

Nhìn chung, những cách phân chia nêu trên đều có sự khái quát cao, đều có những căn cứ và có những yếu tố hợp lý nhất định, nhưng tất cả đều là cách nhìn phiến diện, mới chỉ nhấn mạnh được một vài khía cạnh của sức sản xuất, không chỉ ra được tính chất *tổng hòa* của đời sống xã hội và đặc biệt là không nêu được *động lực chính* của sự phát triển lịch sử xã hội.

Digitized by Google

- Dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để phân tích xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã xem xét vấn đề thời đại một cách khoa học, phù hợp với sự vận động phát triển của lịch sử loài người. Các ông đã coi hình thái tồn tại của thực thể xã hội là *hình thái kinh tế - xã hội* và quá trình phát triển của xã hội là sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao. Theo Mác và Ăng-ghen, lịch sử phát triển xã hội loài người cho đến thế kỷ XIX là các hình thái : cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến và tư bản chủ nghĩa. Từ đó, các ông đã rút ra kết luận là hình thái kinh tế - xã hội *cộng sản chủ nghĩa* tất yếu sẽ thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.

Kế thừa tư tưởng khoa học trong phát kiến vĩ đại của Mác và Ăng-ghen về hình thái kinh tế - xã hội, Lê-nin đã cụ thể hóa nó thêm một bước, cho rằng riêng thời đại tư bản chủ nghĩa có thể phân chia thành nhiều giai đoạn, và *chủ nghĩa đế quốc* là giai đoạn *tột cùng* của chủ nghĩa tư bản.

Như vậy, "*cơ sở khoa học duy nhất để xác định thời đại là những điều kiện vật chất khách quan, tức hình thái kinh tế - xã hội. Hình thái kinh tế - xã hội là khái niệm dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy. Hình thái kinh tế - xã hội là nội dung cấu thành thời đại. Còn thời đại là thời kỳ lịch sử hình thành, phát triển và ngự trị của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định*" (1).

NỘI DUNG THỜI ĐẠI HIỆN NAY

Từ cách phân tích như trên, chúng ta có thể hiểu thời đại như một khái niệm để chỉ một thời kỳ lịch sử tương đối ổn định của sự phát triển xã hội.

Theo quan điểm của Lê-nin, *nội dung thời đại mới* - thời đại hiện nay - là *xóa bỏ chủ nghĩa tư bản*, đồng thời *thiết lập những cơ sở của xã hội mới* là *xã hội xã hội chủ nghĩa* và *cộng sản chủ nghĩa*. Đây là một quá trình lịch sử lâu dài, bắt đầu từ nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, và sau đó là nhiều nước khác trên thế giới.

Vào các năm 1957 và 1960, Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân họp ở Mát-xcơ-va, trên cơ sở tiếp thu sáng tạo di huấn của Lê-nin, đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn sinh động của cách mạng thế giới, đã xác định : *nội dung căn bản của thời đại chúng ta là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga.*

Nội dung thời đại có *hai* vấn đề mấu chốt. *Một là*, thời đại hiện nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. *Hai là*, thời đại đó được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga. Nhận định về nội dung thời đại như vậy là sự khái quát mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, đầy tính thuyết phục, do đó đã được sự nhất trí cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tuy nhiên, sau khi thể chế xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên-xô sụp đổ, kẻ thù đủ loại lợi dụng sự kiện này để dấy lên một chiến dịch công kích, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bài bác những luận điểm cơ bản nhất về thời đại hòng làm tiêu tan lý tưởng cộng sản trong tâm trí nhân loại.

Luận điểm của họ về nội dung không có gì mới mẻ, nhưng cách diễn đạt có khác đi.

Về vấn đề thứ nhất của nội dung thời đại, họ lập luận rằng, nếu nói thời đại hiện nay là quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thì nay chủ nghĩa xã hội sụp đổ rồi, thời đại này đương nhiên là của chủ nghĩa tư bản ; rằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản đã tàn lụi thì dù có trăm năm sau cũng không thể gượng dậy được nữa !

Cách nhìn nhận của họ rõ ràng là thiếu kiến thức lịch sử và là cách nhìn cận thị. Quá trình

(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn bộ giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh : *Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời đại hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 129

Digitized by Google

chuyển biến và thay thế một thời đại này bằng thời đại khác không thể diễn ra nhanh chóng được mà phải qua một chặng dài. Quá trình đó là một xu thế tất yếu của xã hội loài người, nhưng nó diễn ra quanh co, phức tạp, chứa đựng nhiều biến cố, có cả bước tiến mạnh mẽ và cũng có cả những bước tụt lùi. Sự đổ vỡ chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên-xô là tổn thất nặng nề của phong trào cộng sản thì ai cũng biết. Đồng thời ai cũng biết rằng sự sụp đổ ấy có nhiều nguyên nhân, nhưng không thuộc về bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, càng không phải vì thế mà làm mất đi nội dung thời đại. Lịch sử đã cho thấy thời đại tư bản chủ nghĩa thay thế thời đại phong kiến đâu phải dễ dàng. Quá trình chuyển tiếp đó diễn ra hàng mấy trăm năm, trải qua biết bao phức tạp bởi sự chống trả quyết liệt của các thế lực phong kiến. Tình hình hiện nay cũng tương tự như vậy. Thế lực đế quốc không từ một thủ đoạn nào để mưu toan chặn đứng phong trào cộng sản. Điều đó càng thể hiện tính chất phức tạp của thời đại ngày nay.

Luận điệu cho rằng "chủ nghĩa xã hội đã chết và hàng trăm năm sau cũng không gượng dậy được" thực là một sự hồ đồ. Đúng là chủ nghĩa xã hội đã bị đổ vỡ một mảng lớn, nhưng một thực tế không thể chối cãi được là chủ nghĩa xã hội đang tồn tại đầy sức sống và phát triển mạnh mẽ ở *Trung quốc, Việt nam* ; đất nước *Cu-ba* vẫn hiên ngang trụ vững, vượt qua biết bao phong ba bão táp bất chấp những hành động chống phá hèn hạ ; một số nước khác vẫn tự tin tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa. Và nữa, hãy quan sát và phân tích các cuộc bầu cử quốc hội và tổng thống ở *Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Ba lan* và đặc biệt ở *Nga* vừa qua. Nếu các lực lượng cánh tả và lực lượng cộng sản tàn lụi rồi thì tại sao tình hình bầu cử lại căng thẳng, quyết liệt làm vậy ? Vì sao các lực lượng cánh hữu cùng với một số chính khách phương Tây phải lo sợ đến hoảng hốt như thế. Rõ ràng là chủ nghĩa xã hội vẫn có sức sống mãnh liệt, đang "sờ sờ trước mặt" và đang làm nghiêng ngả cán cân của các cuộc đấu tranh nghị trường. Và không sớm thì muộn, tất yếu chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ chiến thắng.

Về vấn đề thứ hai của nội dung thời đại. Kẻ thù tư tưởng của chúng ta công khai tuyên bố rằng, chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô đã sụp đổ thì vai trò của Cách mạng Tháng Mười cũng chấm hết (!).

Đây đúng là kết luận vội vã và hồ đồ. Đành rằng thành quả mà Cách mạng Tháng Mười đem lại đã bị đổ vỡ tại ngay quê hương của nó, nhưng đó quyết không phải là sự chấm dứt lý tưởng cao đẹp của Cách mạng Tháng Mười. Vả chăng, lịch sử đã tỏ rõ, không có một cuộc cách mạng nào, kể cả những cuộc cách mạng vĩ đại nhất, lại đủ khả năng kết thúc ngay công việc xóa bỏ xã hội cũ và xây dựng xong ngay xã hội mới. Quá trình chuyển từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa đã phải trải qua hàng trăm năm với nhiều cuộc cách mạng tư sản : cách mạng Anh năm 1688, các cuộc cách mạng tư sản Pháp vào các năm 1830, 1848, 1871...

Sự phát triển của xã hội loài người từ sau Cách mạng Tháng Mười đã chứng tỏ rằng lý tưởng Tháng Mười đã không chỉ là ngọn đèn pha dẫn đường tỏa sáng, mà còn có những đóng góp thực tế to lớn. Cách mạng Tháng Mười là tiếng chuông đánh thức lịch sử, báo hiệu một trang sử mới của thế giới. Thế giới trước Cách mạng Tháng Mười là một thời kỳ u mê, an phận, là thời đại của chủ nghĩa tư bản. Sự đột phá Tháng Mười làm cho chủ nghĩa tư bản bị đổ vỡ một mảng lớn. Thế giới bừng tỉnh, bung ra với sức mạnh mới của sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội, làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Thành quả của Cách mạng Tháng Mười đã tạo cho loài người có khả năng kìm giữ sự lộng hành của chủ nghĩa tư bản, làm thay đổi cả những yếu tố bên trong của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã không thể sống tự nó nữa mà đã phải cố gắng vì sự tồn tại của nó. Những thay đổi trong chiến lược kinh tế, chính trị để thích nghi, những thay đổi trong các chính sách phúc lợi xã hội, bảo hiểm xã hội... ở các nước tư bản phát triển hiện nay đều do kết quả đấu tranh của những người lao động và xa hơn là ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười.

Digitized by Google

Từ những phân tích trên đây, chúng ta càng thống nhất cao với nhận định của **Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương khóa VII tại Đại hội VIII của Đảng** : "Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến cho chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại - loài người vẫn ở trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức".

NHỮNG VẤN ĐỀ HIỆN NAY

Nhịp độ chuyển biến của thế giới nhanh chóng đến mức khó hình dung. Quá trình đó làm cho tính chất của thời đại càng phức tạp thêm bởi những biểu hiện mới.

- Sau khi Liên-xô tan rã, chủ nghĩa tư bản thay đổi chiến lược, ra sức lợi dụng quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa để tư bản hóa toàn thế giới. Đó là sự áp đặt giá trị, đồng hóa thế giới theo màu sắc tư bản chủ nghĩa ; là sự đe dọa, chà đạp, phá vỡ các giá trị truyền thống của các dân tộc và các quốc gia có chủ quyền. Vì thế, vấn đề nổi bật trên đời sống chính trị quốc tế hiện nay là các tầng lớp, giai cấp bị áp bức, bóc lột và các dân tộc, các quốc gia độc lập quyết tâm chống sự áp đặt và can thiệp, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ giá trị truyền thống và định hướng phát triển xã hội của mình. Trong bối cảnh ấy, *định hướng xã hội chủ nghĩa* là *xu hướng phát triển tất yếu của xã hội loài người.*

- Quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa *một mặt* tạo điều kiện cho sự hội nhập và vươn lên của tất cả các nước ; nhưng *mặt khác*, nó cũng là sự phân chia thành hai thái cực giàu nghèo, tạo thế độc quyền chưa từng thấy của các trung tâm công nghiệp phát triển trong các lĩnh vực tài chính, kỹ thuật công nghệ. Do đó, một số nước "sinh sau đẻ muộn" khi bước vào quá trình công nghiệp hóa gặp rất nhiều khó khăn.

- Bản thân các nước tư bản phát triển cũng gặp nhiều thách thức lớn. Do tư bản tập trung cao độ, do sự phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình "toàn cầu hóa" ngày càng đi vào chiều sâu, trong khi đó các thể chế thuộc kiến trúc thượng tầng vẫn chưa vượt khỏi phạm vi các quốc gia, dân tộc tư sản, nên mâu thuẫn vốn có giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong xã hội tư sản không hề giảm mà ngày càng tăng. Các công ty xuyên quốc gia sáp nhập, liên kết chặt chẽ với nhau về tổ chức, vốn liếng, kỹ thuật, quản lý để chi phối thị trường quốc tế, làm cho các đạo luật, quy tắc, trật tự của các quốc gia tư bản chủ nghĩa bị phá vỡ không kiểm soát được. Trong khi đó, ngay trong lòng các nước tư bản phát triển cũng đang tồn tại *"thế giới thứ tư"*. Đó là những cộng đồng người nghèo khổ, thất nghiệp, đói khát, mù chữ. Vậy nên, ngay bên trong các nước tư bản giàu có nhất, vẫn chứa đựng sự nghèo đói, và đặc biệt là sự bất công. Tất cả những điều đó thực sự là những quả bom nổ chậm, đe dọa xã hội tư bản.

- Quá trình toàn cầu hóa khi được gắn với việc tập trung tư bản thì đồng thời cũng làm cho quy mô bóc lột của chủ nghĩa tư bản mở rộng, làm cho mâu thuẫn thời đại thêm sâu sắc. Vì thế, việc giải quyết những mâu thuẫn thời đại đòi hỏi phải có sự tự giác cao, đồng thời cần có sự phối hợp khu vực và quốc tế, cần có nội dung, phương pháp thích hợp.

Chính trong bối cảnh thế giới phức tạp như vậy, các dân tộc càng phải độc lập, tự chủ và không ngừng sáng tạo ; càng hội nhập thì càng phải phát huy bản sắc dân tộc, giá trị chuẩn mực của dân tộc để "hội nhập mà không hòa tan". Đúng là thế giới phát triển theo quy luật của nó, nhưng cách thức phát triển và bước đi là vô cùng phong phú, đa dạng. Mỗi nước phải tìm ra định hướng phát triển cho mình trên cơ sở những xu hướng vận động của thời đại.

Đảng cộng sản Việt nam và nhân dân Việt nam đang từng bước thực hiện sự nghiệp đổi mới mọi mặt đời sống đất nước, sáng tạo mô hình phát triển kinh tế - xã hội riêng, đưa nước ta tiến bước vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, phù hợp với xu thế thời đại ❑

Digitized by Google

NHỮNG TIẾNG NÓI BẠN BÈ CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI VIII

HỒNG HOA

ĐẾN với Việt nam và tham dự Đại hội VIII của Đảng cộng sản Việt nam có gần 40 đoàn đại biểu cấp cao của các đảng anh em và bè bạn. Đây là Đại hội với số lượng khách quốc tế đông nhất, kể từ Đại hội V, với thành phần rộng nhất, đa dạng nhất từ trước đến nay. Nhiều đảng và tổ chức quốc tế đã gửi điện chúc mừng tới Đại hội. Báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng quốc tế liên tiếp đưa nhiều tin, bài về Việt nam, về những thay đổi sau 10 năm đổi mới, về không khí tưng bừng, phấn khởi trước, trong và sau Đại hội, bày tỏ mối quan tâm, tình đoàn kết hữu nghị với Việt nam.

MỘT CỘT MỐC QUAN TRỌNG

Đại biểu các đảng tham dự Đại hội đều cho rằng Đại hội lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt nam có ý nghĩa vô cùng to lớn để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Thay mặt Đảng cộng sản Trung quốc, đồng chí Lý Bằng đã gửi tới Đại hội những lời chúc tốt đẹp và khẳng định : "Đây là một Đại hội quan trọng có tính kế thừa và tiếp tục hướng tới tương lai trong lịch sử xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam". Đồng chí Khăm-tày Xi-phăn-đon, trưởng đoàn đại biểu Đảng nhân dân cách mạng Lào nói : "Đại hội của các đồng chí lần này là một sự kiện có ý nghĩa trọng đại trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước Việt nam". Đồng chí Hoang chang I-ếp, trưởng đoàn đại biểu Đảng lao động Triều tiên nhận định : "Đại hội lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt nam được tiến hành trong sự quan tâm to lớn ở trong và ngoài nước".

Một cảm nhận chung của các đại biểu quốc tế về Đại hội VIII là sự tự tin, thể hiện "một tinh thần lạc quan, niềm hy vọng và sự khao khát đổi mới" như trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Bê-la-rút A. I-van I-va-nô-vích đã nói. Trên cơ sở tổng kết thành quả và kinh nghiệm đổi mới trong 10 năm qua, Đại hội VIII đã tạo ra sức mạnh, khí thế mới, triển vọng mới, quyết định phương hướng cho đất nước Việt nam trong quá trình tìm kiếm một sự phát triển hơn nữa. Sức mạnh đó cùng với những vận hội và thời cơ mới tạo thành động lực để Việt nam đi tiếp con đường cách mạng. Tuy phía trước còn nhiều gian nan, thách thức và cả những nguy cơ, nhưng với việc xác định hướng đi và con đường đi đúng đắn, với niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa, với ý chí, nghị lực và sự cần cù thông minh, sáng tạo của nhân dân cộng với tiềm năng to lớn của đất nước, nhất định Việt nam sẽ nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cách mạng. Như nữ đồng chí Gi-den Mô-rô, trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Pháp nói : "Chúng tôi thấy Đại hội của các đồng chí thể hiện một giai đoạn nổi bật. Chúng tôi tin tưởng rằng Đại hội sẽ cho phép các đồng chí thu được những thành công mới trong việc phát triển đất nước các đồng chí và mang lại tiến bộ cho nhân dân, trong một sự đổi mới kinh tế và chính trị độc đáo". Ngài X. A. Mi-san, đại biểu tổ chức giải phóng Pa-le-xtin nói : "chúng tôi tin tưởng rằng kết quả của Đại hội này sẽ tạo bước nhảy vọt về chất, cải thiện, nâng cao mức sống của nhân dân Việt nam".

Đại hội VIII không chỉ tạo ra bước ngoặt mới trong tiến trình phát triển cách mạng Việt nam mà còn ghi dấu ấn Việt nam hội nhập vào cộng đồng thế giới, thể hiện nguyện vọng

Digitized by Google

"Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới".

ẤN TƯỢNG VIỆT NAM

Nhiều đại biểu nhấn mạnh rằng : Việt nam từ lâu đã trở thành biểu tượng của lòng dũng cảm, anh hùng, là tấm gương sáng, là nguồn cổ vũ đối với các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Việt nam với những chiến công hiển hách, với những truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc độc đáo, đã để lại những dấu ấn tốt đẹp trong lòng bầu bạn thế giới.

Bà A. Bren, trưởng đoàn đại biểu Đảng xã hội dân chủ Thụy điển đã phát biểu : "Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các bạn là một kinh nghiệm lịch sử nóng hổi, đòi hỏi tất các các thế hệ của thế giới hậu thuộc địa đang nổi lên, ở phương Tây cũng như ở phương Đông, phương Bắc và phương Nam, phải nghĩ lại và xác định các giá trị nhân văn cơ bản mà mọi xã hội cần dựa vào và xây dựng quan hệ của mình với các xã hội khác". Ngài Áp-đu-la Ma-sa-đa-ni, trưởng đoàn đại biểu Đảng BAATH của I-rắc nhấn mạnh : "Chúng tôi khâm phục tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường và sự hy sinh của nhân dân Việt nam anh hùng". Tiếp nối ý tưởng đó, trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Bồ đào nha, đồng chí Ph. B. Tê-xây-ra, phát biểu : "Cuộc đấu tranh lâu dài và anh dũng của Đảng cộng sản Việt nam vì giải phóng dân tộc để chiến thắng các cuộc xâm lược tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc, để giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và vì con đường xã hội chủ nghĩa là một di sản đem lại cảm hứng cho tất cả những ai đấu tranh cho giải phóng dân tộc và xã hội". Đồng chí R.L. Đu-râu, trưởng đoàn đại biểu Đảng mặt trận giải phóng dân tộc Pha-ra-bun-đô Mác-ti khẳng định : "Kinh nghiệm cách mạng của nhân dân Việt nam là một trong những di sản lớn nhất trên thế giới".

Đồng chí Hooc-kê In-xum-da, trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Chi-lê nhận định : "Tình đoàn kết của nhân dân thế giới đối với Việt nam là bản anh hùng ca đẹp nhất của thời đại". Những nhận định đánh giá về Việt nam hôm qua đã thế, còn Việt nam hôm nay, một Việt nam đang thay da đổi thịt từng ngày, cũng được các đại biểu quốc tế dành cho những tình cảm hết sức chân thành. Nhận định chung nhất của tất cả các đoàn đại biểu là : dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt nam, Việt nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Những ấn tượng mới mẻ và sâu đậm đó xuất phát từ những trái tim yêu mến, có cảm tình với nhân dân Việt nam và đặc biệt là bắt nguồn từ những điều mắt thấy tai nghe đang diễn ra trên đất nước Việt nam.

Trưởng đoàn đại biểu đảng FUNCINPEC, Ngài Chim Xia liêng nói : "Những thắng lợi to lớn đó hiện nay phải kể đến là sự ổn định về chính trị ; trật tự trị an, phong tục và truyền thống được gìn giữ ; bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và lãnh thổ ; sự tăng trưởng không ngừng về kinh tế. Đó là bằng chứng khẳng định rõ Cương lĩnh chính trị do Đại hội Đảng cộng sản Việt nam xác định vừa qua là đúng đắn, phù hợp với tình hình và đáp ứng nguyện vọng thiêng liêng của nhân dân Việt nam. Đó là điều cho thấy năng lực lãnh đạo vững vàng, đúng đắn của Đảng cộng sản Việt nam".

Đảng cộng sản Việt nam là người đã dẫn dắt nhân dân Việt nam đi tới thắng lợi ngày hôm nay. "Đảng cộng sản Việt nam đã ghi nên một trang chói lọi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng cộng sản Việt nam là niềm ngưỡng mộ của nhân dân toàn thế giới, nhất là nhân dân châu Á trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và thực hiện cuộc cách mạng xã hội..." (H. Xinh Xơ-dít, Tổng bí thư Đảng cộng sản Ấn độ (Mác-xít)

Nói lên tấm lòng đối với Việt nam và Đảng cộng sản Việt nam, các trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Bồ đào nha, Đảng xã hội chủ nghĩa Xéc-bi-a, Đảng cộng sản Đức... đã bày tỏ lòng mến phục : "Việt nam đem lại niềm lạc quan và tin tưởng" ; "Cải cách của Việt nam là một sự đóng góp hữu ích cho công tác nghiên cứu..." ; "thành công của Việt nam là nguồn động viên to lớn". Những thành công

Digitized by Google

đó có ý nghĩa không chỉ đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, mà còn đối với các lực lượng cánh tả ở các nước trên thế giới. Đồng chí Gi-den Mô-rô nói : "Thắng lợi của các đồng chí là ngọn đèn pha dẫn đường cho tất cả các dân tộc". Trưởng đoàn đại biểu Mặt trận Xan-đi-nô, đồng chí V.H.T. Phôn-xê-ca nhấn mạnh : "Nếu như ở thập niên 70 đã vang lên câu nói nổi tiếng của Chê Ghê-va-ra mà mọi nơi trên thế giới đều biết đến là tạo ra hai, ba Việt nam trong cuộc đương đầu với đế quốc, thì nay câu nói đó cũng phải được vang lên trong công cuộc xây dựng một nền kinh tế cách mạng, tức là phát triển kinh tế đi đôi với công bằng xã hội và trung thành với những nguyên tắc và lý tưởng cách mạng...".

MỘT VIỆT NAM ĐỔI MỚI

Ấn tượng chung của các bạn nước ngoài là sự đổi mới toàn diện về mọi mặt của Việt nam trong 10 năm vừa qua. Việt nam - Đổi mới. Đó là cụm từ gắn liền với nhau, là câu nói cửa miệng của bạn bè quốc tế. Bạn bè năm châu biết đến một Việt nam làm nên những kỳ tích trong một thời gian ngắn cũng là qua công cuộc đổi mới. Đổi mới đã tạo nên một Việt nam hôm nay. Đổi mới đã tạo ra khí thế mới, sắc diện mới và một tầm cao mới cho thế đứng Việt nam .

Chủ tịch Đảng nhân dân Cam-pu-chia Chia-xim cho rằng : "Hơn một thập kỷ qua, Đảng cộng sản Việt nam, Chính phủ và nhân dân Việt nam đã giành được những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thực hiện chính sách đổi mới".

Đồng chí H.R.B. Ca-brê-ra, trưởng đoàn đại biểu, Đảng cộng sản Cu-ba, khẳng định : "Được tận mắt chứng kiến những thành công của đổi mới, chứng kiến niềm vui và hạnh phúc trên gương mặt mỗi người Việt nam, chúng tôi hoàn toàn tin rằng cũng như trong chiến đấu hôm qua, hôm nay Việt nam chắc chắn sẽ thành công, chứng minh cho thế giới thấy rằng chủ nghĩa xã hội là một khả năng thực tế". Đồng chí N. Ba-xti-ta-rót, trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Hy lạp nói : "Chúng tôi quan tâm theo dõi quá trình đổi mới và tin rằng các đồng chí trước đây đã chiến thắng, ngày nay cũng có đủ bản lĩnh để thành công trong xây dựng"

Nhiều đại biểu có chung nhận định rằng đổi mới là sự nghiệp cao cả đầy ấn tượng, rằng công cuộc đổi mới ở Việt nam thành công sẽ là những bài học kinh nghiệm quí báu cho các đảng cộng sản và công nhân quốc tế, làm tăng thêm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội. Với những lời lẽ chân thành, tốt đẹp, nhiều đại biểu đã bày tỏ tình cảm trân trọng đối với sự nghiệp đổi mới của Việt nam : "Việt nam đang bắt đầu một quá trình mở cửa ra thế giới về kinh tế và văn hóa đầy ấn tượng" (A. Bren, Đảng xã hội dân chủ Thụy điển) ; "Trong 10 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, Việt nam đã đạt được những thành tích đáng khích lệ. Sự tăng trưởng thu nhập quốc dân, sự sôi động trong nền kinh tế, những thành tựu trong lĩnh vực xã hội và chính sách đối ngoại khôn khéo đã chứng minh cho điều đó" (N.G. Bin-điu-cốp, trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản liên bang Nga) ; "Những thành tựu của các đồng chí trong phát triển kinh tế - xã hội hôm nay là một tấm gương đầy khích lệ đối với chúng tôi trong cuộc đấu tranh nhằm khôi phục chủ nghĩa xã hội ở U-crai-na" (P. Si-ben-cô, trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản U-crai-na).

Trong con mắt của bạn bè quốc tế, những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt nam là đáng tự hào. Những giá trị của ngày hôm nay đã khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng cộng sản Việt nam, vai trò của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng. Điều mà bạn bè quốc tế cảm nhận sâu sắc là đổi mới nhưng vẫn giữ vững nguyên tắc, giữ được bản sắc dân tộc, phát huy những yếu tố nội tại trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học - kỹ thuật và văn hóa tiên tiến. Đổi mới theo cách Việt nam. Chính điều đó làm nên một Việt nam hôm nay.

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THẾ GIỚI HIỆN NAY

Đại hội lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt nam diễn ra trong bối cảnh thế giới có

Digitized by Google

nhiều diễn biến phức tạp. Chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào. Chủ nghĩa tư bản đã có những thay đổi và có những bước điều chỉnh nhất định để đối phó với tình hình mới nhưng cũng không thể xóa nhòa được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Nhiều đại biểu có chung nhận định rằng các thế lực của chủ nghĩa đế quốc vẫn không từ bỏ thói lộng quyền, áp đặt. Đồng chí Ph. Blan-ki, trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Bồ đào nha, cho rằng : "Chủ nghĩa đế quốc đang tìm cách áp đặt cho toàn thế giới cái gọi là "trật tự quốc tế mới", điều mà trên thực tế đã làm cho tình hình thêm lộn xộn và làm sâu sắc thêm tính chất bóc lột, áp bức và hiếu chiến". Chính vì thế, đồng chí S.A. Sê-íp, trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Li-băng kêu gọi : "Hơn bao giờ hết, chúng tôi đang cần đến phong trào đoàn kết mạnh mẽ của mọi dân tộc và mọi lực lượng dân chủ, cách mạng để đối phó với các kế hoạch thực dân mới".

Đại biểu Đảng cộng sản Bê-la-rút A.I-van I-va-nô-vích tin tưởng rằng : "Chẳng bao lâu nữa, chủ nghĩa xã hội với tư cách là một học thuyết, một phong trào quần chúng và hệ thống xã hội sẽ lấy lại được hơi thở thứ hai của mình trên phạm vi toàn thế giới. Trong sự nghiệp này, Đại hội VIII của Đảng cộng sản Việt nam đóng vai trò quan trọng". Đồng chí N.G. Bin-điu-cốp khẳng định : "Kinh nghiệm của các đồng chí và kinh nghiệm của nước Trung quốc láng giềng... là hết sức bổ ích đối với nước Nga. Trong cuộc tranh chấp về nguyên tắc giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội thì kinh nghiệm này làm tăng thêm sự lạc quan cho những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội". Đồng chí Ph. Blan-ki phát biểu : "Bất chấp những lời tuyên bố của chủ nghĩa đế quốc về "sự kết thúc của chủ nghĩa cộng sản" cách đây vài năm, ngày nay điều ngày càng rõ là lý tưởng cộng sản vẫn sống động, vẫn có những nước như Việt nam đang kiên trì đường hướng xã hội chủ nghĩa, có các lực lượng chính trị quan trọng trên tất cả các lục địa đang hướng tới việc xây dựng một xã hội mới không có người bóc lột người".

Những ý tưởng giải phóng nhân loại khỏi mọi sự áp bức bóc lột, những giá trị nhân đạo của con người, cho con người và vì con người hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của các dân tộc trên thế giới. Do vậy, chủ nghĩa xã hội cuối cùng vẫn là khát vọng chân chính của loài người tiến bộ. "Chủ nghĩa xã hội không phải là một sự lỗi thời, mà ngược lại là một tất yếu xã hội". (An-đrê-bri, đại biểu Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ Đức). "Đảng cộng sản Việt nam đã chứng minh tính thời đại và sức sống của chủ nghĩa xã hội". (A. Hô-ben-lô, đại biểu Đảng cộng sản Bra-xin).

Để vươn tới mục tiêu cao cả đó, trước hết và sau cùng, các đảng cộng sản, các phong trào cộng sản phải học hỏi, rút kinh nghiệm từ những bài học quá khứ, phải không ngừng đổi mới trên cơ sở duy trì những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đồng chí H.R.B. Ca-brê-ra đã nói : "Những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nếu biết áp dụng phù hợp vào thực tế của mỗi dân tộc thì vẫn có giá trị..., và việc tồn tại của một đảng cộng sản như một chính đảng lãnh đạo xã hội là phương thức duy nhất có khả năng duy trì những thành quả của cách mạng, duy trì nền độc lập, chủ quyền và tự do".

.....

Những tiếng nói tương tự như thế đã ngân vang trong Đại hội VIII. Có thể nói Đại hội VIII là nơi gặp gỡ giữa Đảng cộng sản Việt nam với các đảng anh em, bè bạn, là diễn đàn thể hiện sự đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau, tăng cường thêm mối quan hệ gắn bó, củng cố thêm tình cảm giữa Đảng cộng sản Việt nam, nhân dân Việt nam với các đảng và nhân dân các nước.

Những lời chúc mừng nồng nhiệt, những tiếng nói bạn bè thắm đượm nghĩa tình đã là nguồn cổ vũ lớn lao đối với Đảng ta và nhân dân ta để chúng ta càng tự tin hơn trên bước đường xây dựng đất nước Việt nam hướng tới tương lai tươi sáng, thực hiện tốt đẹp mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ❑

Digitized by Google

CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

Theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 1987, được sửa đổi và bổ sung năm 1990 và năm 1992, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được trực tiếp đưa vào Việt nam vốn bằng tiền nước ngoài hoặc bất kỳ tài sản nào được Chính phủ Việt nam chấp thuận, để hợp tác với bên Việt nam, hoặc tự mình tổ chức hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt nam. Việc đầu tư trực tiếp của nước ngoài được thực hiện dưới các hình thức sau đây :

● **HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH** : Là hình thức đầu tư nước ngoài trên cơ sở văn bản ký kết giữa hai bên hoặc nhiều bên (các bên liên doanh) để cùng nhau tiến hành một hoặc nhiều hoạt động sản xuất - kinh doanh tại Việt nam, trong đó quy định rõ trách nhiệm và phân chia kết quả sản xuất - kinh doanh cho mỗi bên, mà không thành lập một xí nghiệp liên doanh hoặc bất kỳ một pháp nhân mới nào khác. Hợp đồng hợp tác kinh doanh khác với hợp đồng thương mại và các hợp đồng kinh tế có tính chất trao đổi mua bán hàng hóa đơn thuần như giao nguyên vật liệu lấy sản phẩm ở chỗ : không hình thành một pháp nhân mới; các bên hợp doanh vẫn giữ nguyên quyền sở hữu riêng đối với tài sản góp vào hợp doanh ; kết quả hoạt động phụ thuộc vào sự tồn tại và việc thực hiện nghĩa vụ của mỗi bên hợp doanh.

● **XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH** : Là xí nghiệp được thành lập tại Việt nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh ký giữa bên Việt nam và bên nước ngoài. Trong trường hợp đặc biệt, xí nghiệp liên doanh có thể được thành lập trên cơ sở hiệp định ký giữa Chính phủ Việt nam với chính phủ nước ngoài nhằm tiến hành hoạt động sản xuất và các hoạt động kinh doanh khác trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân Việt nam. Xí nghiệp liên doanh có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt nam. Xí nghiệp liên doanh được thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, mỗi bên tham gia xí nghiệp liên doanh chịu trách nhiệm với bên kia, với xí nghiệp liên doanh và các bên thứ ba trong phạm vi vốn pháp định. Tài sản của xí nghiệp liên doanh thuộc sở hữu chung của các bên liên doanh. Toàn bộ rủi ro, lỗ lãi đều do các bên liên doanh chịu trách nhiệm theo tỷ lệ vốn đóng góp vào xí nghiệp liên doanh. Mỗi bên tham gia vào xí nghiệp liên doanh là một pháp nhân riêng, còn xí nghiệp liên doanh là một pháp nhân độc lập với các bên tham gia. Khi các bên đã đóng góp đủ số vốn quy định vào xí nghiệp liên doanh thì dù một bên có bị phá sản, xí nghiệp liên doanh vẫn tồn tại. Xí nghiệp liên doanh hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính phù hợp với hợp đồng liên doanh, điều lệ xí nghiệp liên doanh và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

● **XÍ NGHIỆP 100% VỐN NƯỚC NGOÀI** : Là xí nghiệp hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài, do họ thành lập tại Việt nam, tự quản lý và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, chịu sự kiểm soát của cơ quan Nhà nước quản lý đầu tư nước ngoài, được hưởng các quyền lợi và phải thực hiện nghĩa vụ ghi trong giấy phép đầu tư. Cơ sở pháp lý để thành lập và hoạt động của xí nghiệp 100% vốn nước ngoài là Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam, giấy phép đầu tư, điều lệ xí nghiệp và pháp luật Việt nam. Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài được thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt nam. Do tài sản của xí nghiệp 100% vốn nước ngoài thuộc tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, nên họ có quyền quyết định bộ máy quản lý, điều hành xí nghiệp, nhưng phải tuân thủ pháp luật Việt nam.

● **HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG - KINH DOANH - CHUYỂN GIAO** : Là hình thức đầu tư nước ngoài trên cơ sở văn bản ký kết giữa chủ đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước Việt nam, chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng để tiến hành khai thác trong một thời gian nhất định và chuyển giao cho nhà nước Việt nam mà không thu bất kỳ một khoản tiền nào. Vốn để thực hiện hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao có thể là 100% vốn nước ngoài, hoặc vốn nước ngoài kết hợp với vốn của Chính phủ Việt nam và (hoặc) của các tổ chức, cá nhân ở Việt nam. Những hợp đồng này có hiệu lực khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt nam cấp giấy phép đầu tư. Các chủ đầu tư có toàn quyền tổ chức xây dựng, kinh doanh công trình trong một thời gian (theo hợp đồng) đủ để thu hồi vốn đầu tư và có lợi nhuận hợp lý.

● **KHU CHẾ XUẤT** : Là một hình thức đặc thù của đầu tư trực tiếp vốn đầu tư nước ngoài. Hình thành khu chế xuất là áp dụng một loạt các chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Ở Trung quốc có hình thức *đặc khu kinh tế*. Ở một số nước khác gọi kiểu tổ chức này là *khu mậu dịch tự do*. Ở nước ta hiện nay đang sử dụng các thuật ngữ : *khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, khu công nghiệp kỹ thuật cao* để chỉ các mức độ khác nhau trong việc áp dụng chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Khu chế xuất quy định một khu vực lãnh thổ của một quốc gia và được coi như "tách rời" khỏi phần lãnh thổ còn lại bằng các đặc điểm sau : chuyên sản xuất, chế biến, gia công hàng hóa để xuất khẩu ; ở đó có các hoạt động dịch vụ để phục vụ cho việc xuất khẩu hàng hóa ; nhà nước có chính sách đặc biệt ưu đãi đối với các chủ đầu tư và các doanh nghiệp nước ngoài ; việc "ra vào" được kiểm soát nghiêm ngặt như một lãnh thổ riêng, đi vào gọi là nhập khẩu, đi ra gọi là xuất khẩu, nhưng ở đây được miễn thuế hoàn toàn. Vì vậy đây còn gọi là *khu mậu dịch tự do*.

Còn *khu công nghiệp tập trung* (như ở Sài đồng, Hà nội) thì không nghiêm ngặt như khu chế xuất. Ở đây hàng hóa có thể bán ra trong nước hoặc nước ngoài, trong khi đó khu chế xuất chỉ để xuất khẩu hàng hóa. Song những chính sách ưu đãi của khu công nghiệp tập trung thường ít hơn ở khu chế xuất.

Tính đến hết năm 1995, ở nước ta đã hình thành 6 khu chế xuất : *Tân thuận, Linh trung, Hải phòng, Đà nẵng, Cần thơ, Nội bài*, với tổng diện tích hơn 930 ha, và tổng số vốn đầu tư khoảng 315 triệu USD ❑

Digitized by Google

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH

CONSTRUCTION DEPARTMENT OF HO CHI MINH CITY

CÔNG TY DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

URBAN DEVELOPMENT SERVICE COMPANY (UDESCO)

HEAD OFFICE ADDRESS :

60 Truong Dinh St., Dist. 3, HCMC-VN

Tel : 291953 - 251182 - 299803
298572 - 200772

Fax : 84.8.298456

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG :

60 Trương Định, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại : 291953 - 251182 - 299803
298572 - 200772

Fax : 84.8.298456

Tổng giám đốc : TRẦN VĂN GIAO



TRUNG TÂM VĂN HÓA THƯƠNG MẠI SÀI GÒN QUẬN I TP. HỒ CHÍ MINH

- Vốn đầu tư 524.562.000 USD
- Công ty liên doanh giữa Việt nam (UDESCO + Công ty công viên cây xanh + Công ty du lịch Bến Thành và Jin Won Group (Đài loan)



2. *Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật 2 xã An phú - An khánh (Thủ đức, TP. HCM) : (850 ha)*

Do UDESCO làm tổng thầu xây dựng.

3. *Khu đô thị phát triển An phú :*

- Diện tích đất : 100 ha
- Tổng vốn đầu tư : 979 triệu USD Mỹ

Thành lập Công ty liên doanh giữa Cty Dịch vụ Phát triển Đô thị và City Horse Trading Co.Ltd. (HK)

Ngoài ra còn 1 số dự án khác đang thực hiện.

Digitized by Google

KYCO LTD.

CÔNG TY TNHH. THƯƠNG MẠI THỦ ĐÔ

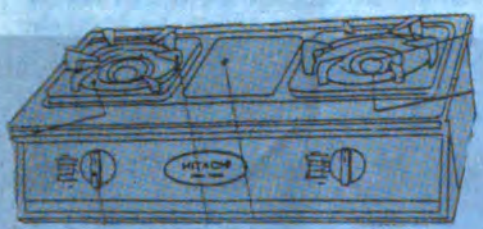
hân hạnh giới thiệu 06 kiểu BẾP GAS



MP - 11A : 01 lò nấu
Năng suất nhiệt (Kcal/giờ) 3500



MP - 20B : 02 lò nấu
- Năng suất nhiệt : (Kcal/giờ) 3000



MP - 28 D : 02 lò nấu
- Năng suất nhiệt (Kcal/giờ) 3000
- Mẫu mã đẹp, tiện lợi



MP - 30A : 02 lò nấu - 01 lò hâm
- Năng suất nhiệt : (Kcal/giờ) 3500



MP - 20B : 02 lò nấu - 01 lò nướng
- Lò nướng có thể chuyển thành lò nấu khi cần
- Năng suất nhiệt : (Kcal/giờ) 3500



MP 41A : 02 lò nấu - 01 lò nướng
- Lò nướng có thể chuyển thành lò nấu khi cần
- Năng suất nhiệt : (Kcal/giờ) 3500

TẤT CẢ ĐỀU LÀM BẰNG THÉP KHÔNG RỈ

CH 05 PHAN ĐĂNG LƯU Điện thoại : 8433454
(CỬA HÀNG TRẢ GÓP)

CÔNG TY THƯƠNG MẠI THỦ ĐÔ
97-99-101-103, Hùng Vương, P.4, Q.5, TP. HCM
Điện thoại : 8391047, FAX : 84-8-8354029

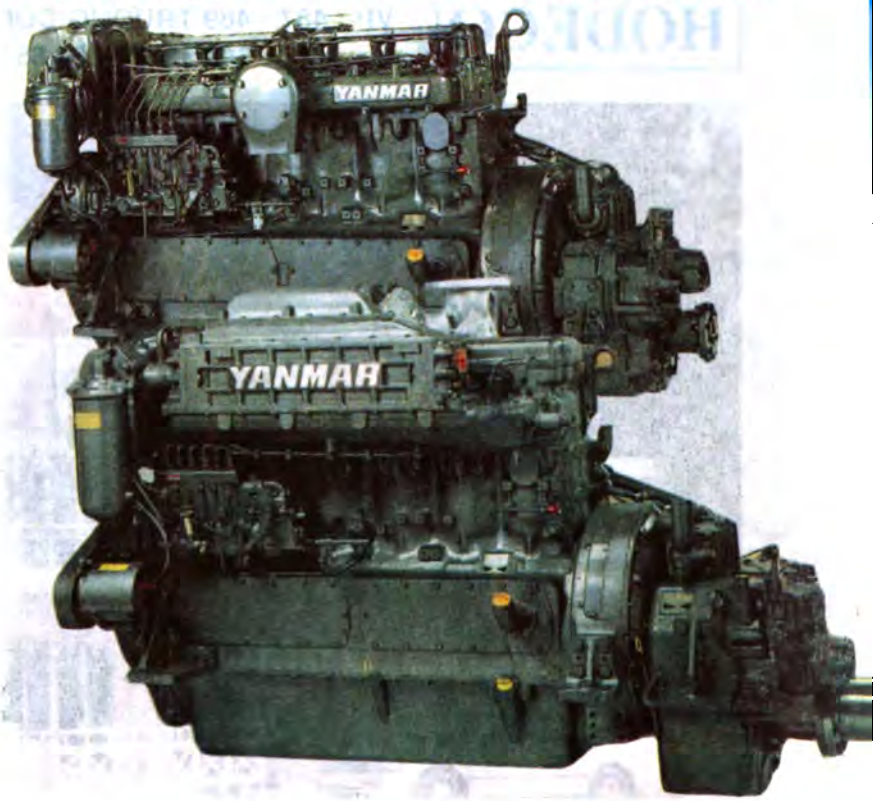
CHI NHÁNH HÀ NỘI
201 Phố Bạch mai, Quận Hai bà trưng, Hà nội.
Điện thoại : 01-4-8631524, FAX : 01-4-63108

Digitized by Google

SEAPRODEX SAIGON

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN TP. HỒ CHÍ MINH

ĐC : 87 HÀM NGHI, Q.1, TP. HCM
ĐT : 8290079 - 8291779 - 8293459 - 8293669
FAX : 84.8.8224951
TELEX : 81 1280 SPDEX VT



Là công ty chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản ở khu vực phía nam Việt nam, với doanh số hàng năm khoảng trên 45.000.000USD; có mối quan hệ với nhiều tập đoàn thương mại của các nước.

Rất hân hạnh mong được sự hợp tác của quý vị trong các lãnh vực sau đây :

- Xuất khẩu : Các sản phẩm thủy sản : tôm, cá, mực, nhuyễn thể ở các dạng đông lạnh, thức ăn chín và khô. Nhiều loại nông sản, hoa quả các dạng.
- Nhập khẩu : Thiết bị, vật tư, vật liệu, phương tiện vận tải phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.
- Vận tải biển bằng tàu lạnh, vận tải bộ lạnh, sản xuất chế biến, kho bảo quản lạnh...

CÔNG TY SỔ SỐ KIẾN THIẾT ĐỒNG THÁP

Giám đốc : Ông Lê Văn Tường
Địa chỉ : 86/10 - Bến xe thị xã Sa đéc
ĐT : 61745 - 61746. FAX : 01 - 67 -61750

- Kết quả mở số vào lúc 16h30' thứ 2 hàng tuần
- Trực tiếp truyền thanh trên Đài phát thanh Đồng tháp, tiếp âm Đài tiếng nói Việt nam 2.
- Phát hình kết quả mở số trên Đài truyền hình Cần thơ và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mua vé số Đồng tháp là góp phần xây dựng các công trình phúc lợi tỉnh Đồng tháp, người trúng thưởng đến Cty sẽ được tiếp đón nồng hậu, lãnh thưởng dễ dàng, nhanh chóng.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ CBCNV CÔNG TY KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH NHIỀU MAY MẮN

Digitized by Google

HODECO

CÔNG TY PHÁT TRIỂN NHÀ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

VP : 487 - 489 TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH - P.2 - TP. VŨNG TÀU
ĐT : 64.856274 - 64.856639 - FAX : 84.64.856205



Khu biệt thự số 1 cho người nước ngoài thuê tại đồi Ngọc tước - P.2 - TP. Vũng tàu (gần bãi sau)

■ CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ :

1 - Quản lý và kinh doanh nhà (quản lý nhà do UBND Tỉnh giao, mua bán và cho thuê nhà đối với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước).

2 - Xây dựng và phát triển nhà.

3 - Nhận thầu xây dựng trong phạm vi cả nước.

4 - Đầu tư và xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư.

5 - Sản xuất cấu kiện và vật liệu xây dựng.

6 - Kinh doanh vật tư xây dựng.

7 - Quản lý nhà cho người nước ngoài thuê trên địa bàn tỉnh Bà rịa - Vũng tàu.



Giám đốc
KS. HOÀNG HUY HIỂN

- Cần tìm đối tác đầu tư 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh liên kết với Công ty để đầu tư các dự án tại Trung tâm Thương mại TP. Vũng tàu (Trung tâm Tài chánh 12 tầng, cao ốc văn phòng cho các Công ty trong và ngoài nước thuê 15 tầng, nhà ở cao cấp cho người nước ngoài thuê 9 tầng, siêu thị 4 tầng).
- Hiện đang có bán và cho thuê các biệt thự đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 - 5 phòng ngủ trong khuôn viên 650 - 1800m^2 tại đồi Ngọc tước - P.2 - TP. Vũng tàu.

Hân hạnh được đón tiếp Quý Khách

Digitized by Google

BỘ NÔNG NGHIỆP và PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG 4

Trụ sở : 79/5 Xô viết Nghệ tĩnh - Phường 26 - Quận Bình thạnh Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8993850 - 8990877

Fax : 84-8-8993851

Tên giao dịch Quốc tế : GENERAL CONSTRUCTION COMPANY N.4

Viết tắt : G.C.C.4



Thành lập theo Quyết định số 01-TTg ngày 04/01/1995 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng công ty gồm : 16 Công ty - Xí nghiệp thành viên và 1 Trường đào tạo công nhân kĩ thuật.
- Nhiệm vụ của Tổng công ty : Xây dựng các công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu ; xây dựng công trình thủy công, công trình thủy điện ; xây dựng đường giao thông, bến cảng, công trình dân dụng, công trình công nghiệp ; sản xuất, khai thác và cung ứng vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ xây dựng ; thiết kế, chế tạo lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng và sửa chữa xe máy.

Được hoạt động trong và ngoài ngành về kiểm tra kĩ thuật chất lượng sản phẩm, công trình xây dựng.

Tổng công ty xây dựng 4 đã thi công các công trình thủy lợi, thủy điện lớn ở trong nước và nước ngoài có chất lượng, kĩ thuật và mỹ thuật cao như : Thủy lợi Dầu tiếng (Tây ninh), Thủy điện Trị an (Đồng nai), Thủy điện Thác mơ (Sông bé), Thủy điện Vĩnh Sơn (Quảng ngãi), Thủy điện Ô Chum (Cam-pu-chia), Thủy lợi Đa tẻ (Lâm đồng), Sông Quao (Ninh thuận), AZun (Gia lai Kontum), Thạch nham (Quảng ngãi) và nhiều công trình ở Đồng bằng sông Cửu long đem lại hiệu quả kinh tế cao.





● *Máy cạp tự hành có dung tích 16 m^3 thi công công trình thủy lợi sông Quao (Bình thuận)*

Digitized by Google

5/28

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH
VIETSOVPETRO

95A LÊ LỢI - THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
ĐT : 64.839871 / 839872
FAX : 64.839857 / 838655 / 838656
TELEX : 641.045 VSP VT

VIETSOVPETRO
XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH



Từ khi bắt đầu khai thác dầu từ mỏ Bạch Hổ (26.06.1986) đến ngày 10 tháng 04 năm 1996, Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO đã khai thác gần 37 triệu tấn dầu thô.

Bắt đầu cung cấp khí đồng hành cho tổ máy nhiệt điện Bà Rịa từ tháng 5 năm 1995. Đến nay Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO đã cung cấp cho tổ máy nhiệt điện Bà Rịa được 320 triệu mét khối khí, tiết kiệm hàng chục triệu USD nhập dầu.

Hiện nay, vùng hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO bao gồm 2 mỏ Bạch Hổ và Rồng. Sản lượng khai thác dầu đạt từ 20 đến 21 ngàn tấn/ngày đêm.

Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO đang áp dụng các biện pháp công nghệ tiên tiến trong khai thác dầu nhằm không ngừng tăng hệ số thu hồi dầu và bảo đảm tuổi thọ mỏ theo đúng sơ đồ công nghệ khai thác đã được Hội đồng xét duyệt trữ lượng Nhà nước Việt nam phê chuẩn, đồng thời tích cực xử lý phế thải trong quá trình sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái tại khu vực khai thác.

Tính đến cuối năm 1995, Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO đã hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền là 2,5 tỷ đồng và 2,02 triệu USD để xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, xây dựng nhà tình nghĩa, nhận phụng dưỡng suốt đời 20 Bà mẹ Việt nam anh hùng. Ngoài ra, còn hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh khác với số tiền 1,7 tỷ đồng để cứu trợ đồng bào bị thiên tai, xây dựng nhà tình nghĩa... Từ tháng 2 năm 1996 Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO còn nhận phụng dưỡng 40 Bà mẹ Việt nam anh hùng của 2 tỉnh Quảng Trị và Quảng Nam - Đà Nẵng ; tặng Nghĩa trang liệt sĩ Trường sơn một xe Uóat.

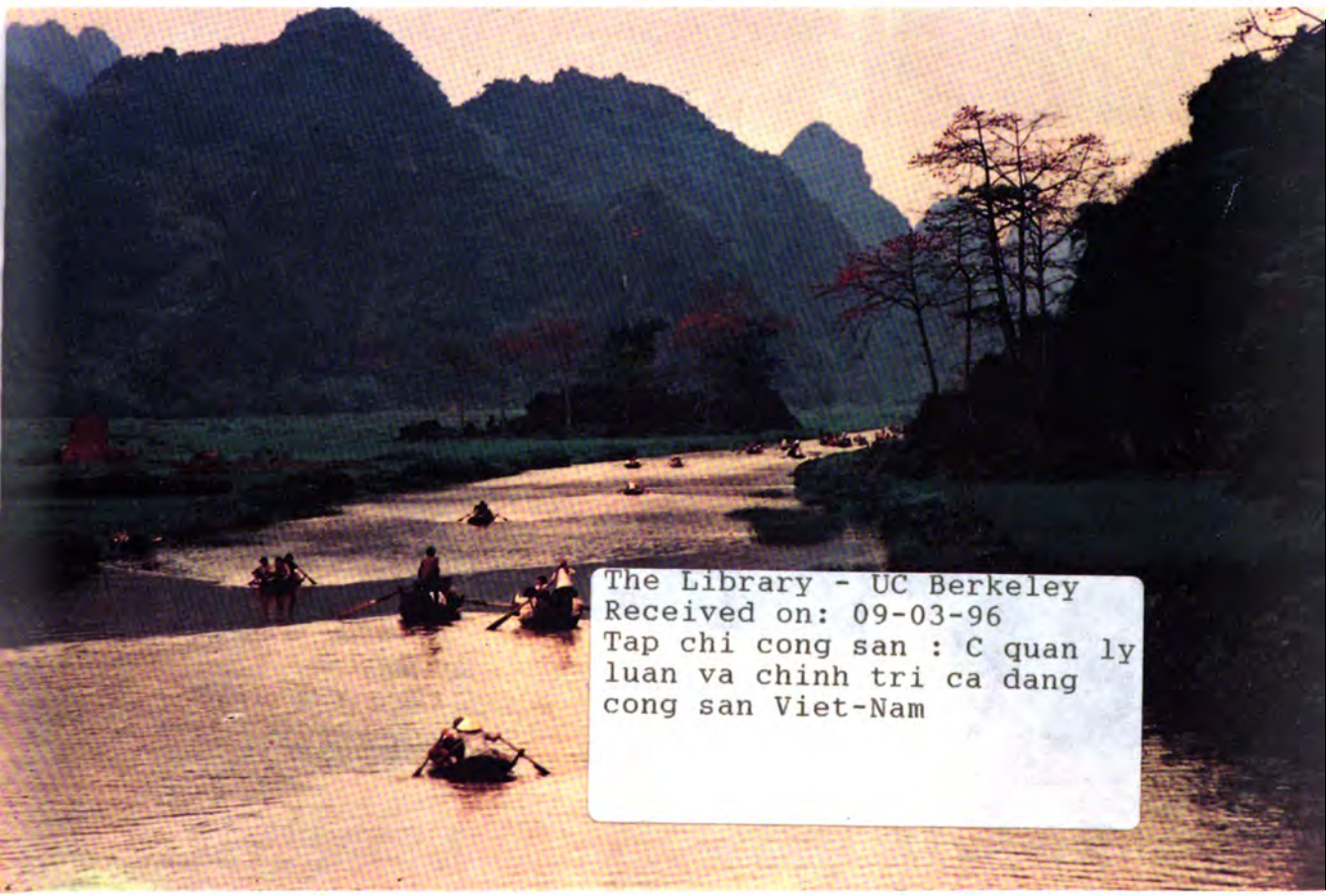
Đảng bộ Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO là Đảng bộ trên cơ sở, có 970 đảng viên hoạt động trong tất cả các đơn vị sản xuất và phục vụ, đạt 19,8% tổng số CBCNV Việt nam trong Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO. Hiện có 10 Đảng bộ cơ sở với 84 chi bộ và 10 chi bộ cơ sở.

Cán bộ công nhân viên tập thể Lao động quốc tế VIETSOVPETRO đang tích cực hưởng ứng đợt thi đua "Sản xuất giỏi và an toàn" lập thành tích chào mừng Lễ kỷ niệm 15 năm, ngày thành lập Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO (19-6-1981 - 19-6-1996).

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI CHỈ SỐ 1265.ISSN 0866-7276 GIÁ : 3000 đ

HX
9
V5
H63
no. 15
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 09-03-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

15
8-1986

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU ĐỒNG PHÚ

XÃ THUẬN LỢI - H. ĐỒNG PHÚ - SÔNG BÉ ĐT : 065.879709 - 879786 FAX : 01.65.79620



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
NGUYỄN XUÂN LAN



ĐƯỜNG VỀ CAO SU ĐỒNG PHÚ





Công ty cao su Đồng Phú thuộc Tổng Công ty cao su Việt Nam nằm trên địa bàn huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé.

Cây cao su ở Đồng Phú đang độ sung sức. Hiện nay Công ty có tổng diện tích 8.600 ha cao su, trong đó có 4.300 ha đưa vào kinh doanh, với sản lượng cao su khai thác 1995 đạt 4.000 tấn mủ. Từ năm 1996 trở đi, công ty tiếp tục đưa vườn cây mới vào khai thác, đưa sản lượng cao su khai thác mỗi năm một tăng. Vùng đất đai cao su Đồng Phú màu mỡ, đại bộ phận là đất đỏ ba dan, thích hợp cho trồng cao su, các loại cây công nghiệp và nông nghiệp thực phẩm khác...

Với lợi thế có tiềm năng lớn về lao động, đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm trong sản xuất, quản lý kinh doanh. Công ty cao su Đồng Phú rất hân hạnh đón chào quý khách trong và ngoài nước đến tham quan tìm cơ hội hợp tác đầu tư hoặc liên doanh liên kết trên mọi lĩnh vực có lợi cho đôi bên.

ẢNH :

- Đồng chí Nguyễn Xuân Lan, Giám đốc công ty kiểm tra chất lượng mủ tại Nhà máy chế biến.
- Hiệu quả phun thuốc diệt cỏ tranh trong vườn cây

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 501

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	LÊ XUÂN TÙNG - Về bốn nguy cơ và các giải pháp phòng tránh	3
	MAI KỲ - Bước phát triển mới trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta	8
	PHAN THANH - Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	12
	LÊ VĂN LÝ - Mấy giải pháp nâng cao chất lượng công tác cán bộ	17
	LÊ QUANG - Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các loại hình tổ chức cơ sở đảng	21
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN VĂN SỸ - Tỉnh Gia lai tiếp tục đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa	26
	TRẦN HIỆP - Đảng bộ thị xã Hưng yên với mục tiêu phục hưng Phố Hiến theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	31
	TRỊNH GIA BAN - NGUYỄN KIM ĐỈNH - Cảng Sài gòn từng bước vươn lên trong cơ chế thị trường	35
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TRẦN PHÚC THĂNG - Lý luận mác xít về mối quan hệ giai cấp, dân tộc và thời đại	38
	ĐOÀN PHÚC THANH - Vai trò của nhà doanh nghiệp và sự hình thành những nhà doanh nghiệp ở nước ta	42
	TRẦN ĐÌNH SỬ - Truyền thống dân tộc và tính hiện đại của truyền thống	45
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	LÊ THẾ THỰ - Cần có một cách nhìn đúng đắn hơn về sức khỏe cộng đồng và y học dự phòng	49
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ PHÒNG - "Điểm tựa"	51
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHAN DOÃN NAM - Một vài suy nghĩ về vấn đề "toàn cầu hóa"	52
	HOÀNG XUÂN LONG - Mỹ và kế hoạch xây dựng cộng đồng kinh tế châu Á - Thái bình dương	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Chính sách bảo hộ mậu dịch. Hệ thống kinh tế mở	60

Bìa 1 : *Đường vào Bích động - Ninh bình* Ảnh : ***Nhất Linh***

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ СУАН ТУНГ : О четырех опастностях и их предохранительных мероприятиях. МАЙ КЙ - Новое развитие в работе по населению и планировании семей в нашей стране. ФАН ТХАНЬ - Развитие и перестановка экономической структуры по направлению индустриализации и модернизации. ЛЕ ВАН ЛИ - Некоторые мероприятия по повышению качества кадрвой работы. ЛЕ КУАНГ - Повышение руководяшей и боевой способности типов партийных организации. НГУЕН ВАН ШИ - За-лай провинция продолжает курс обновления по пути социалистической ориентации. ЧАН ХИЕП - Партийный коммитет провинциального города Хынг Уен и цели рестоврации историко-культурного места "Фо Хиен" в течении индустриализации и модернизации. ЧИНЬ ЗА БАН и НГУЕН КИМ ДИНЬ - Порт Шайгон шаг за шагом поднимается при рыночном механизме. ЧАН ФУК ТХАНГ - Марксистская теория об отношении между классом - нацией - и эпохой. ДОАН ФУК ТХАНЬ - Роль бизнесмена и формирование контингента бизнесменов в нашей стране. ЧАН ДИНЬ ШЫ - Национальные традиции и современный характер традиций. ФАН ЗОАН НАМ - Некоторые мнения о "глобализации". ХОАНГ СУАН ЛОНГ - Соединённые Штаты Америки и план развития экономического сообшества в регионе Азии и Тихого океана.

CONTENTS

LÊ XUÂN TÙNG - About the Four Dangers and solutions to prevent them. MAI KỲ - A new development stage in the work of population and family planning in our country. PHAN THANH - Development and economic structure shift in the direction of industrialization and modernization of the country. LÊ VĂN LÝ - Some resolutions to improve the quality of cadre work. LÊ QUANG - Improving the guiding capacity and fighting strength of type of Party organizations. NGUYỄN VĂN SỸ - Gia Lai province continuing renovation in the socialist orientation. TRẦN HIỆP - Hung Yen provincial town's Party Comittee with the target of restoration of Phố Hiến in the direction of industrialization and modernization of the country. TRỊNH GIA BAN and NGUYỄN KM ĐÌNH- Saigon port step by step striving to advance in the market mechanism. TRẦN PHÚC THĂNG - Marxist theory of relation between class, nation and age. ĐOÀN PHÚC THANH - Role of businessmen and the Formation of the contingent of businessmen in our country. TRẦN ĐÌNH SỬ - Nation's traditions and their modern trends. PHAN DOÃN NAM - Some opinions about the problem of "globalization". HOÀNG XUÂN LONG - The US and the plan of forming Asia-Pacific economic community.

SOMMAIRE

LÊ XUÂN TÙNG - Sur les quatre dangers et les mesures préventives. MAI KỲ - Un nouveau pas dans le contrôle des naissances et le planning familial dans notre pays. PHAN THANH - Développer et transmuter la structure économique selon l'orientation d'industrialisation et de modernisation. LÊ VĂN LÝ - Quelques solutions pour élever la qualité du travail à l'intention des cadres. LÊ QUANG - Elever la capacité de direction et la combativité des organisations de base du Parti. NGUYỄN VĂN SỸ - La province de Gia Lai continue son renouveau d'après l'orientation socialiste. TRẦN HIỆP - Le comité municipal du Parti de Hung Yen et son objectif de restaurer l'ancienne cité de Pho Hien selon l'orientation d'industrialisation et de modernisation. TRỊNH GIA BAN-NGUYỄN KIM ĐÌNH- Le port de Saigon dans le mécanisme du marché. TRẦN PHÚC THĂNG - La théorie marxiste sur les rapports classe-nation-époque. ĐOÀN PHÚC THANH - Le rôle de l'homme d'affaires et la formation des hommes d'affaires dans notre pays. TRẦN ĐÌNH SỬ - Les traditions nationales et leur modernité. PHAN DOÃN NAM - Quelques réflexions sur la "globalisation". HOÀNG XUÂN LONG - Les Etats-Unis et le plan pour la création de la communauté économique en Asie-Pacifique.

SUMARIO

LÊ XUÂN TÙNG - Sobre los cuatros peligros y las medidas preventivas. MAI KỲ - Un nuevo paso en el control de nacimiento y la planificación familiar en Vietnam. PHAN THANH - Desarrollar y transmitir la estructura económica según la orientación de industrialización y de modernización. LÊ VĂN LÝ - Algunas soluciones por elevar la calidad del trabajo de cuadros. LÊ QUANG - Elevar la capacidad de direción y la combatividad de las organizaciones de base del Partido. NGUYỄN VĂN SỸ - Continua renovación a la orientación socialista en la provincia de Gia Lai. TRẦN HIỆP - El Comité municipal de Partido de Hung Yen y su objetivo de restaurar la antigua ciudad Phó Hiến según la orientación de industrialización y de modernización. TRỊNH GIA BAN - NGUYỄN KIM ĐÌNH - El Puerto Saigon en el mecanismo de mercado. TRẦN PHÚC THĂNG - La teoria marxista sobre las relaciones clasista, nacional y de épocas. ĐOÀN PHÚC THANH - El papel del comerciante y la formación de los comerciantes en Vietnam. TRẦN ĐÌNH SỬ - Las tradiciones nacional y su modernidad. PHAN DOÃN NAM - Algunas reflexiones sobre la "globalización". HOÀNG XUÂN LONG - Estados - Unidos y el plan de crear la comunidad económica en Asia-Pacífico.

目錄

●黎春松：論四大危機及預防措施●梅紀：我國人口家庭計劃化工作的新發展●潘青：按工業化、現代化方向發展和轉移經濟結構●黎文理：提高幹部工作質量的若干措施●黎光：提高黨的各基層組織的領導能力和戰鬥力●阮文士：嘉萊省繼續朝著社會主義方向更新●陳協：興安市委按工業化、現代化目標復興獻街●鄭嘉班和阮金鼎：西貢港在市場機制中逐步發展●陳福昇：馬克思主義關于階級、民族與時代三者關係的論述●段福青：企業家的作用及我國企業家的形成●陳廷史：民族傳統與傳統的時代性●潘尹南：關于"全球化"問題的思考●黃春龍：美國與建設亞太經濟聯盟計劃

Digitized by Google

VỀ BỐN NGUY CƠ VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG TRÁNH

LÊ XUÂN TÙNG *

ĐẠI hội VIII của Đảng một lần nữa nhấn mạnh phải thấy rõ *4 nguy cơ* đối với nước ta : nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế ; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa ; nguy cơ tham nhũng, quan liêu ; và nguy cơ "diễn biến hòa bình". Mỗi nguy cơ biểu hiện ở những mức độ khác nhau ; có nguy cơ dễ thấy, có nguy cơ khó thấy. Song cả 4 nguy cơ đều tồn tại và đều là những thách thức lớn. Với thời gian và tùy thuộc vào mức độ đối phó của chúng ta, mỗi nguy cơ sẽ bộc lộ rõ hơn hoặc dịu bớt đi, nhưng xét về mức độ nguy hiểm thì không nguy cơ nào kém nguy cơ nào.

Trong các nguy cơ đó thì nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn là thách thức to lớn và lâu dài. Năm năm qua, tốc độ tăng GDP của nước ta trung bình là 8,2%/năm ; riêng năm 1995 đạt 9,25% ; năm 1996 ước đạt 9,5%. Nhịp độ này cao hơn rất nhiều so với nhịp độ chung của thế giới và vào loại cao ở khu vực châu Á - Thái bình dương, nơi hiện được coi là tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới.

Tuy nhiên, nước ta vẫn là nước nghèo. Đến năm 2000 nếu GDP tính theo đầu người tăng gấp 2 lần so với năm 1990 thì cũng chỉ đạt khoảng 450 - 500 USD/người/năm. Đến năm 2020 nếu tổng GDP tăng được từ 8 đến 10 lần so với năm 1990 thì cũng mới đạt khoảng 1 500 đến gần 2 000 USD/người (chưa bằng mức của Thái lan vào năm 1993). Với mức tăng trưởng như những năm gần đây của nhiều nước, nhất là các nước châu Á - Thái bình dương, vào thời điểm đó, giữa nước ta với các nước đó chắc còn có khoảng cách không nhỏ. Bởi vì các nước đó vẫn tiếp tục phát triển, cho dù tốc độ không cao bằng chúng ta. Thách thức này chi phối một cách cơ bản và sâu xa các lĩnh vực khác, cả về đối nội và đối ngoại.

Đảng ta nhận định : quan liêu, tham nhũng đang "thật sự là nguy cơ lớn". Nói là nguy cơ lớn, bởi vì hiện nay nó đang ở mức báo động và có thể phát triển hơn nữa cùng với kinh tế thị trường. Nhưng điều quan trọng hơn là từ kinh nghiệm ở các quốc gia khác, Đảng ta muốn cảnh báo về hậu quả xã hội nguy hiểm của nó. Tham nhũng, quan liêu ngoài những tổn thất hữu hình về kinh tế (có thể thấy được qua con số thống kê các thiệt hại do các vụ tham nhũng gây ra) còn gây nên những thiệt hại vô hình về kinh tế - xã hội lớn hơn nhiều và không có con số nào thống kê được. Chúng ta thường nghe phàn nàn của các nhà đầu tư nước ngoài cũng như đầu tư trong nước về tình trạng quan liêu, chậm chạp của các cơ quan hành chính nước ta trong việc xét duyệt đầu tư. Những bất hợp lý trong chế độ pháp luật liên quan tới kinh tế, chẳng hạn các mức thuế xuất, nhập khẩu, các quy định về quy trình kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, xuất nhập cảnh, hay thủ tục cấp đất, giao đất, cho thuê đất v.v. nhiều khi rất chậm được sửa đổi. Điều đó góp phần làm giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, hạn chế khả năng thu hút vốn, mặc dù nước ta có Luật đầu tư nước ngoài rất cởi mở. Điều nguy hại hơn của tham nhũng, quan liêu là làm tha hóa một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, làm cho các chủ trương, chính sách bị thi hành sai lệch, dẫn đến chệch hướng. Khi lòng tin của nhân dân bị suy giảm nghiêm trọng thì đó sẽ là tiền đề của sự bất ổn định về mặt xã hội, là điều kiện tốt cho các thế lực thù địch thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" dẫn đến mất ổn

* Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư thành ủy Hà nội

Digitized by Google

định chính trị. Đối với kẻ địch, nạn tham nhũng, quan liêu vừa là cơ sở thuận lợi, vừa là mục tiêu để chúng công kích, bôi xấu chế độ, làm suy yếu nhà nước ta. Vì thế, không loại trừ khả năng chúng ngầm khuyến khích các tệ nạn đó phát triển.

Cho đến nay, vẫn còn nhiều người chưa hiểu hết âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đối với nước ta. Có những điều chúng ta có thể dễ thấy như các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu chế độ một cách thô bạo. Nhưng có những hoạt động tinh vi, khó thấy. Đó là chủ nghĩa tự do cá nhân, lối sống thực dụng, tôn sùng đồng tiền... được đưa vào nước ta thông qua nhiều hình thức trong đó có giao lưu kinh tế, văn hóa. Tính chất nguy hiểm của những hoạt động có vẻ vô hại này là ở chỗ chúng làm thay đổi tâm lý, tư tưởng, tình cảm của nhân dân ta, đặc biệt là ở thế hệ trẻ, khiến họ đi tới chỗ không chấp nhận chủ nghĩa xã hội, không chấp nhận Đảng cộng sản.

Đối tượng của hoạt động "diễn biến hòa bình" không chỉ ở thế hệ trẻ, ở một bộ phận quần chúng mà ngay cả các cán bộ, đảng viên, những người quản lý, điều hành các hoạt động quan trọng trên mọi lĩnh vực. Thực tế ở Liên xô và Đông Âu đã cho thấy điều này. Kẻ địch đã lợi dụng sự khủng hoảng lý luận về chủ nghĩa xã hội, thông qua các cuộc tiếp xúc, trao đổi chuyên gia, tham quan nghiên cứu... đã "dẫn dắt" một bộ phận, trong đó có những cán bộ có trọng trách trong Đảng, từ chỗ tìm tòi về lý luận, học thuật, đến chỗ chấp nhận và áp dụng các lý thuyết tư sản như lý thuyết kinh tế thị trường tự do, lý thuyết đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập... Bằng hoạt động này, kẻ địch đã làm "chệch hướng xã hội chủ nghĩa" ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngay từ khâu vạch chính sách trong đảng cộng sản. Đối với nước ta, các thế lực chống phá cũng mong muốn và hy vọng như vậy. Chúng đã có cả một kế hoạch gây tác động để làm biến chất những cán bộ chủ chốt, các chuyên gia, những trợ lý tham mưu cho đến các cơ quan tư pháp, lập pháp... Do đó nếu không cảnh giác, chúng ta sẽ mắc vào âm mưu "diễn biến hòa bình" và tự đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa ngay trong chính sách và pháp luật.

Đương nhiên, nguy cơ chệch hướng không phải chỉ xuất phát từ bên ngoài, do tác động trực tiếp hay gián tiếp từ bên ngoài. Đảng ta đã nhận định, xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối chủ trương của chúng ta về cơ bản là đúng đắn, nhưng ở mức độ nào đó, ở lĩnh vực nào đó cũng đã có biểu hiện chệch hướng. Thực vậy, trong quá trình tìm tòi để phát triển, không tránh khỏi những lệch lạc này khác. Ngay khi đã có chủ trương đúng đắn thì việc thực hiện nó cũng có thể mắc sai lầm. Đã có hiện tượng chỉ coi trọng lợi nhuận, tăng trưởng kinh tế đơn thuần mà coi nhẹ các yếu tố chính trị, xã hội. Đảng ta nói phải làm cho kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân nhưng ở nhiều nơi, các cấp lãnh đạo đã để cho các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp tan rã mà không có biện pháp khôi phục, hay chuyển hướng thích hợp. Do đó không những bỏ mặc người lao động tự mình đối mặt với những khó khăn của kinh tế thị trường, mà còn làm mất đi tiềm năng của một bộ phận lực lượng sản xuất rất quan trọng của đất nước. Điều này cũng xảy ra trong lĩnh vực thương nghiệp quốc doanh. Trong lĩnh vực liên doanh, một số trường hợp, chúng ta chưa chú ý đúng mức tới việc bảo vệ quyền lợi của người lao động, để chủ nước ngoài đánh đập, bóc lột lao động Việt nam hay thông đồng với họ làm ăn phi pháp, gây thiệt hại cho lợi ích nhà nước ta.

Đảng ta chủ trương khuyến khích mọi hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế đều phát triển, miễn là có hiệu quả và phù hợp với lợi ích chung. Nhưng từ đó có người cho rằng, sở hữu nào, thành phần kinh tế nào cũng được, chúng chỉ là phương tiện để phát triển sức sản xuất, rằng kinh tế nhà nước không cần đóng vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã không nhất thiết phải là nền tảng của kinh tế quốc dân. Đó cũng là biểu hiện của chệch hướng xã hội chủ nghĩa... Dĩ nhiên, ta không vội quy chụp mọi thiếu sót nếu có, mọi khác biệt so với chủ trương đường lối đều là chệch hướng. Có những vấn đề

Digitized by Google

đang trong quá trình thực nghiệm, khám phá, đúng sai chưa rõ ràng, còn phải chờ thực tiễn trả lời. Lại còn những vấn đề mà ranh giới giữa đúng hướng và chệch hướng phân biệt còn khó khăn và phức tạp.

Khác với các nguy cơ tụt hậu hay tham nhũng, quan liêu, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa thường khó thấy hơn. Nguy cơ "diễn biến hòa bình" bộc lộ tùy thuộc ở mức độ tăng giảm của các hoạt động chống phá, còn nguy cơ "chệch hướng" luôn luôn gắn với mỗi bước tiến của chúng ta. Ngay cả khi các nguy cơ khác bị đẩy lùi, kinh tế nước ta tăng trưởng tốt thì nguy cơ "chệch hướng" vẫn tồn tại. Bởi vì nó có thể nằm ngay trong tư tưởng và hành động của chúng ta, ngay trong chính sách, chủ trương, biện pháp của các cấp lãnh đạo và chính quyền từ thấp đến cao. Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa có cùng điểm đích với nguy cơ "diễn biến hòa bình", đó là dẫn xã hội nước ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Tựu trung lại, các nguy cơ này là những thách thức trên con đường phát triển của đất nước. Chỉ có đẩy lùi các nguy cơ, đất nước ta mới phát triển và phát triển đúng hướng. Ngược lại, chỉ có phát triển mới tạo nên cơ sở kinh tế - xã hội vững chắc để đẩy lùi triệt để các nguy cơ ấy.

*

* *

Mỗi nguy cơ có đặc điểm, nguồn gốc và con đường phát triển riêng. Do đó để phòng tránh cần có các giải pháp thích hợp, "đặc trị" cho mỗi nguy cơ. Song để khắc phục triệt để các nguy cơ này, chỉ có thể bằng cách phát huy sức mạnh tổng hợp, phối hợp đồng bộ các giải pháp trên tất cả các mặt : Kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội v.v., và bằng tất cả các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục. Các định hướng lớn mà Đại hội VIII của Đảng nêu ra chính là các giải pháp có tính chiến lược, tổng quát nhất, toàn diện nhất để khắc phục bốn nguy cơ đối với đất nước ta, trong đó mỗi giải pháp vừa có tác dụng trực tiếp khắc phục nguy cơ này, lại vừa có tác dụng gián tiếp khắc phục nguy cơ kia. Ở đây tôi xin nhấn mạnh thêm một số điểm :

1 - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công nghiệp hóa là con đường tất yếu để một nước nông nghiệp lạc hậu có thể trở thành một nước công nghiệp giàu mạnh. Nhưng thực tế cho thấy có những cách thức tiến hành công nghiệp hóa khác nhau và cho những kết quả khác nhau. Có những nước làm công nghiệp hóa thành công và nhanh chóng trở thành quốc gia có nền kinh tế vững mạnh, đời sống nhân dân được nâng cao một cách rõ rệt. Nhưng cũng có nước làm công nghiệp hóa rất lâu mà chưa thành công. Điều đó thể hiện ở chỗ chưa tạo được cơ cấu kinh tế tiên tiến, lực lượng sản xuất với trình độ khoa học - công nghệ hiện đại..., hoặc tuy đạt được nhịp độ phát triển khá nhanh về kinh tế, nhưng lại có quá nhiều vấn đề gay gắt nảy sinh về mặt môi trường và xã hội.

Trước xu thế chung của thế giới hiện đại, rút kinh nghiệm từ thất bại và thành công của nhiều quốc gia, và từ bài học kinh nghiệm của đất nước ta mấy chục năm qua, Đảng ta xác định, con đường đi của đất nước ta không thể nào khác là công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chỉ có công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa thành công thì mới khắc phục được nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với các nước xung quanh.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghĩa là công nghiệp hóa phải phù hợp với xu thế phát triển tiên tiến nhất của khoa học - công nghệ và xu thế quốc tế hóa, hợp tác hóa ngày càng mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới. Mục tiêu của chúng ta là, trong một thời gian tương đối ngắn (khoảng 25 - 30 năm) đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, có đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Tóm lại, chúng ta muốn bằng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giải quyết tốt

Digitized by Google

đồng thời cả mặt tăng trưởng kinh tế lẫn tiến bộ xã hội ; cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần của nhân dân ; cả sản xuất kinh doanh lẫn môi trường tự nhiên và văn hóa - xã hội... Như thế, đến năm 2020, có thể mức GDP trên đầu người của chúng ta chưa thật cao, song cuộc sống của mỗi người dân sẽ vẫn hài hòa và có chất lượng tương đối khá.

Với tinh thần đó, *Báo cáo chính trị* tại Đại hội VIII của Đảng đã đề ra một hệ thống các chủ trương, nhiệm vụ trên tất cả các mặt, từ phát triển kinh tế đến giải quyết các vấn đề xã hội ; từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý đến phương hướng, phương châm phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo để phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Đảng ta tiếp tục khẳng định con người là nhân tố hàng đầu, là động lực và là mục tiêu của phát triển kinh tế. Do đó đi đôi với việc giải quyết các vấn đề xã hội như : việc làm, xóa đói giảm nghèo, từ thiện, nhân đạo, y tế, thể thao, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, khắc phục tệ nạn xã hội... thì giáo dục - đào tạo được coi là chìa khóa của thành công. Đảng đã đề ra mục tiêu cụ thể cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo từ nay đến năm 2000, nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Với một tổng thể các chủ trương đồng bộ trên các mặt như vậy, chúng ta tin tưởng rằng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ thắng lợi và góp phần quyết định đẩy lùi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy lùi các nguy cơ khác.

2 - Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, hoàn thiện nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân là bài học sâu sắc và là nhân tố quan trọng để tiếp tục phát huy thắng lợi của cách mạng nước ta, củng cố cơ sở chính trị của xã hội ta mà nòng cốt là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Cơ sở vững chắc để có thể xây dựng khối đại đoàn kết là mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; là quyết tâm cùng nhau đẩy lùi mọi mặc cảm, định kiến, cùng nhau thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng.

Vấn đề quan trọng hàng đầu và trọng tâm của việc hoàn thiện nhà nước xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là cải cách nền hành chính. Nó vừa có tác dụng phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế, vừa là cơ sở quan trọng để chống quan liêu tham nhũng. Đảng ta chủ trương cải cách hành chính trên cả ba mặt : Thể chế, bộ máy, và đội ngũ công chức. Trước mắt là tập trung cải cách thủ tục hành chính ở những khâu quan trọng như : Xét duyệt đầu tư, cấp vốn ngân sách, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, cấp đất và cấp phép xây dựng v.v... Về bộ máy, chấn chỉnh tổ chức, biên chế, quy chế hoạt động của các cấp hành chính sao cho hệ thống quản lý hành chính có hiệu quả, hiệu lực thông suốt từ trung ương đến cơ sở. Về đội ngũ công chức, sẽ ban hành luật công chức, quy chế công vụ để định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi người ; quy định chế độ đào tạo, tuyển dụng, sử dụng và sàng lọc ; coi trọng cả trình độ chuyên môn, nghiệp vụ lẫn tinh thần tận tụy, đạo đức trong sáng của công chức.

Đồng thời với cải cách hành chính, sẽ tiếp tục đổi mới công tác lập pháp, tăng cường sự kiểm soát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước. Tiếp tục cải cách tư pháp.

Đẩy mạnh chống tham nhũng vừa là một nội dung của việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt nam, vừa là một công tác có tính cấp bách, trực tiếp đối phó với một trong bốn nguy cơ đã nêu. Chúng ta chủ trương phải tăng cường chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước ở các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở. Biện pháp là, kết hợp các mặt *hành chính* (khắc phục các sơ hở trong chính sách, chế độ, luật pháp, tiến tới thực hiện chế độ khai báo thu nhập, công khai hóa tài sản của công chức), mặt *kỷ luật* (xử lý nghiêm khắc theo pháp luật bất kể người nào) và mặt *đạo đức* (tự tu dưỡng, giáo dục của cơ quan, đoàn thể, xã hội). Chống tham nhũng cũng phải kết hợp sức mạnh của các cơ quan nhà nước, pháp luật với vai trò của quần chúng, của

Digitized by Google

báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3 - Đối ngoại, an ninh, quốc phòng.

Công tác đối ngoại có vai trò rất to lớn trong việc bảo đảm môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Chính sách đối ngoại hòa bình, rộng mở, thân thiện với tất cả các quốc gia trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, hai bên đều có lợi là một yếu tố ngăn ngừa từ xa các âm mưu chống phá nước ta.

Tăng cường an ninh quốc phòng là một nhiệm vụ chiến lược và thường xuyên bảo đảm cho công cuộc xây dựng đất nước ta thắng lợi. Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của an ninh quốc phòng là trực tiếp ngăn ngừa, đập tan mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ và sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống phức tạp khác có thể xảy ra.

4 - Xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa. Văn hóa, văn nghệ luôn luôn là một mặt trận, người nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Cùng với việc triển khai trên quy mô lớn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và mở rộng giao lưu quốc tế, chúng ta phải quan tâm đầy đủ hơn, có giải pháp đúng tầm hơn đối với lĩnh vực văn hóa. Phương hướng chung là thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, thông tin, xuất bản, phát thanh, truyền hình, điện ảnh và các loại hình nghệ thuật khác để nâng cao nhận thức mọi mặt cho nhân dân ; truyền bá những tinh hoa của văn hóa nhân loại và các giá trị tốt đẹp của dân tộc, phê phán cái sai, cái xấu, tâm lý sùng bái đồng tiền, lối sống thực dụng v. v.. Phải kết hợp chống với xây, mà xây là chính, nhằm nâng cao nhận thức, tư tưởng, tình cảm, lối sống lành mạnh cho nhân dân, ngăn ngừa sự xâm nhập của văn hóa xấu độc hại, cùng mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" gây chệch hướng xã hội chủ nghĩa thông qua giao lưu văn hóa.

5 - Xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Đây là vấn đề có tính quyết định để ngăn ngừa và đẩy lùi các nguy cơ, là nội dung cần quán triệt trong toàn Đảng và đối với từng cơ sở đảng. Suy cho cùng thì mọi nguy cơ đều có liên quan đến nội bộ đảng và giải pháp then chốt để khắc phục các nguy cơ cũng xuất phát từ đây. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) đã chỉ ra mấy nguy cơ cần phải khắc phục trong Đảng là : nguy cơ sai lầm về đường lối dẫn đến chệch hướng xã hội chủ nghĩa ; nguy cơ thoái hóa, biến chất trong một bộ phận đảng viên, mà một trong những biểu hiện là nạn tham nhũng.

Mới đây, Đại hội VIII của Đảng đề ra bảy vấn đề mấu chốt cần làm tốt để tăng cường sức mạnh của Đảng, tăng cường vai trò của Đảng trong toàn bộ đời sống kinh tế, xã hội của đất nước. Để góp phần trực tiếp vào việc ngăn ngừa và đẩy lùi bốn nguy cơ, tới đây chúng ta vẫn phải tiếp tục kiên trì thực hiện có kết quả Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa VII) về xây dựng Đảng, trong đó cần quan tâm :

- Đấu tranh có hệ thống và kịp thời chống mọi luận điệu sai trái, ra sức bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

- Tổng kết thực tiễn để kịp thời phát hiện, uốn nắn cái sai, cái lệch lạc trong sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ; đúc kết những bài học thành công cũng như những thiếu sót để hoàn thiện đường lối, chính sách trên các mặt, bảo đảm cho sự phát triển nhanh, ổn định, vững chắc, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, bảo đảm thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, đồng thời loại trừ những kẻ thoái hóa, biến chất ra khỏi đảng, bảo vệ tổ chức đảng, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm đại bộ phận tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đó là những công tác thường xuyên, lâu dài, đồng thời hết sức cấp bách để khắc phục bốn nguy cơ nêu trên đây ❑

Digitized by Google

Bước phát triển mới trong CÔNG TÁC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH Ở NƯỚC TA

MAI KỲ *

1 - Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình ở nước ta được bắt đầu từ năm 1961 với Quyết định số 216/CP của Hội đồng chính phủ. Đến năm 1990, chúng ta có gần 30 năm thực hiện công tác này và đã đạt được một số kết quả đáng kể : số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ giảm, còn 3,8 con (so với khoảng 6 con vào những năm 60) ; bước đầu phát động được phong trào thực hiện kế hoạch hóa gia đình trong nhân dân ; tranh thủ được sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, v.v..

Tuy nhiên, kết quả đó còn rất thấp so với yêu cầu, và còn cách rất xa so với mục tiêu 1,7% đề ra cho kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 và các kế hoạch 5 năm sau đó. Năm 1990 số dân nước ta đã lên đến 66 triệu 156 ngàn người, gấp 2,2 lần số dân năm 1960. Số dân tăng tuyệt đối hằng năm là hơn 1,5 triệu người, bằng số dân của một tỉnh trung bình. Xung lượng phát triển dân số rất lớn : cứ mỗi phụ nữ hết độ tuổi sinh đẻ thì lại có tới 3,3 phụ nữ bước vào độ tuổi này (tính ra hằng năm nước ta có thêm khoảng 500 ngàn phụ nữ bước vào tuổi sinh đẻ).

2 - Trong 5 năm 1991 - 1995, nhất là từ năm 1993 đến nay, do cục diện kinh tế - xã hội nước ta có nhiều thuận lợi, đặc biệt do sự quan tâm lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, do sự tham gia ngày càng tích cực và hiệu quả của các ngành và đoàn thể, do sự nỗ lực vượt bậc của toàn hệ thống làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và sự hưởng ứng nhiệt liệt của nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã có những chuyển biến rõ rệt, cả về nhận thức lẫn về tổ chức thực hiện, và đạt được những kết quả rất đáng khích lệ.

Kết quả khảo sát do Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện cho thấy, số cán bộ lãnh đạo các cấp ủng hộ việc triển khai mạnh chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình đã tăng từ 23,2% năm 1992 lên 82,3% năm 1994. Theo số liệu của tỉnh Cần thơ năm 1995, có tới 53% số cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện và xã trong tỉnh đã xác định : công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình là công tác ưu tiên số một trong các công tác phải triển khai về kinh tế - xã hội của đảng bộ và chính quyền địa phương.

Nhận thức của đối tượng trong diện phải thực hiện kế hoạch hóa gia đình cũng nâng lên rõ rệt. Trong khoảng thời gian 1988 - 1994, số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ hiểu biết các biện pháp tránh thai hiện đại (ngoài vòng tránh thai) đã tăng xấp xỉ 1,5 lần ; trung bình số con mong muốn đã giảm từ 3,3 xuống còn 2,79 con. Có thể nói, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình bước đầu có sự chuyển biến về chất. Phong trào thi đua thực hiện kế hoạch hóa gia đình, với nội dung xây dựng thôn, xã không có người sinh con thứ ba trở lên, đã phát triển rộng khắp. Ngày càng có thêm nhiều thôn, xã, kể cả ở miền núi, liên tục trong một số năm không có người sinh con thứ ba trở lên. Ngày càng có nhiều tập thể và cá nhân làm tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng dần : từ 5 395 737 năm 1988 lên 5 980 771 năm 1993, lên 7 846 651 năm 1995. Tương ứng với tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng

* GS, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Digitized by Google

biện pháp tránh thai hiện đại từ 37,69% năm 1988 tăng lên 49,16% năm 1995, tỷ lệ cặp vợ chồng được bảo vệ tránh thai cũng từ 53,18% năm 1988 tăng lên 63,83% năm 1995.

Biện pháp tránh thai có sự thay đổi đáng kể theo hướng đa dạng hóa. Tránh thai bằng bao cao su, bằng viên tránh thai và bằng đình sản nam, nữ đều tăng. Năm 1988, tỷ lệ tránh thai bằng các biện pháp đó là 1,16%, 0,41% và 2,98% ; năm 1995, các tỷ lệ đó đã tăng lên : 4,49%, 2,94% và 4,53%. Mặc dù biện pháp tránh thai bằng thuốc tiêm ở ta chưa được chính thức đưa vào chương trình, nhưng cũng đã có người (0,27%) sử dụng thông qua nguồn cung cấp của một số tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân.

Với phong trào "trai thương vợ" được phát động ở một số địa phương, số nam giới thực hiện kế hoạch hóa gia đình đã tăng lên. Trong 100 người sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại, năm 1988 mới có 3,9 người là nam giới thì đến năm 1995 đã có 10 người là nam giới. Đã có địa phương do làm tốt công tác vận động nên số nam giới đình sản hằng năm chiếm 40 - 50% số người đình sản.

Cơ cấu tuổi và số con của người sử dụng biện pháp tránh thai cũng chuyển dịch theo hướng : trẻ hơn và ít con hơn (xem bảng 1).

Bảng 1 : *Tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình xếp theo độ tuổi của người vợ và theo số con đã có*

Năm	Tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai				
	Vợ ở độ tuổi 25 - 29	Vợ ở độ tuổi 20 - 24	Vợ ở độ tuổi 15- 19	Đã có 2 con	Đã có 1 con
1988	52,17%	31,2%	5,96%	60,99%	38,91%
1995	62,72%	39,32%	12,89%	75,22%	50,48%

Nguồn : Tài liệu điều tra giữa kỳ của Tổng cục thống kê, 1-4-1994

Sau nhiều năm tỷ lệ sinh giảm rất chậm (bình quân mỗi năm giai đoạn 1979 - 1989 chỉ giảm 0,46 phần nghìn), 5 năm qua, đặc biệt là từ năm 1993, tỷ lệ sinh giảm rất nhanh, ở từng khu vực, từng địa phương cũng như trên cả nước. Theo kết quả điều tra giữa kỳ 1-4-1994 của Tổng cục thống kê, tỷ lệ sinh ở mức 25,3 phần nghìn, như vậy so với mức 30,1 phần nghìn theo Tổng điều tra dân số 1-4-1989, trung bình mỗi năm giảm được gần 1 phần nghìn. Số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ 3,8 con năm 1989, giảm xuống 3,1 con năm 1994. Kết quả điều tra ngày 1-3-1995 cho thấy tỷ lệ sinh vẫn tiếp tục giảm nhanh.

3 - Qua thực tiễn công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta 5 năm qua và những năm trước đó cũng như qua kinh nghiệm của các nước khác, có thể thấy rằng công tác này sở dĩ thành công là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây :

Một là, Đảng và chính quyền các cấp đã lãnh đạo và chỉ đạo công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình theo chương trình ; coi đây là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự thành công của công tác này.

Hai là, công khai phân bổ toàn bộ kinh phí cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và đưa tuyệt đại bộ phận kinh phí đó về địa phương ; quản lý theo chương trình mục tiêu và thực hiện thông qua hợp đồng trách nhiệm, để kinh phí đó được sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả.

Chỉ trong 3 năm, kể từ khi có Nghị quyết Trung ương 4 về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, kinh phí nhà nước cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã tăng hơn 10 lần : từ 27 tỉ đồng năm 1992 lên 77 tỉ đồng năm 1993, 226 tỉ đồng năm 1994 và 285 tỉ đồng năm 1995. Cùng với viện trợ quốc tế và kinh phí bổ sung của địa phương, tổng mức đầu tư cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 1995 đạt khoảng 0,4 USD/người/năm. Mặc dù chưa đạt mức 0,6 USD/người/năm là mức đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, nhưng nó cũng đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Ba là, có được mô hình bảo đảm tốt cả hai yêu cầu : 1) Triển khai công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình đến tận cơ sở làng xã, và 2)

Digitized by Google

Huy động được toàn xã hội tham gia công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Ở các nước phát triển, do trình độ dân trí cao, người dân có nhu cầu và quen kế hoạch hóa gia đình, nên nhiệm vụ chủ yếu của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình chỉ là : đáp ứng nhu cầu đó, tổ chức tốt hệ thống cung cấp dịch vụ kỹ thuật. Còn ở các nước đang phát triển, do trình độ dân trí thấp, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình phải thực hiện cùng một lúc *hai* nhiệm vụ : *tạo ra* và *đáp ứng* nhu cầu về kế hoạch hóa gia đình trong nhân dân, trong đó việc tạo ra nhu cầu là hết sức quan trọng. Ở nước ta, theo định hướng trên, 5 năm qua hệ thống tổ chức công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp đã được kiện toàn từ trung ương đến cơ sở. Hiện nay mạng lưới công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã phủ kín 100% số xã, phường. Xã, phường nào cũng có ủy ban dân số - kế hoạch hóa gia đình gồm đại diện các ngành, đoàn thể ở xã, phường do chủ tịch UBND xã, phường làm trưởng ban. Trong ban có một cán bộ chuyên trách được hưởng phụ cấp và một đội ngũ cộng tác viên tự nguyện (được đào tạo) để đảm nhiệm công tác tuyên truyền, vận động đối tượng trong diện kế hoạch hóa gia đình ; cung cấp các phương tiện tránh thai phi lâm sàng và theo dõi biến động dân số. Việc kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình thực tế đã góp phần quyết định thành công của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong thời gian qua và tạo cơ sở để đẩy mạnh công tác này trong thời gian tới.

Bốn là, triển khai đồng bộ các giải pháp có căn cứ khoa học về tuyên truyền vận động, thực hiện các dịch vụ và bảo đảm chính sách, chế độ để tác động đến đối tượng cuối cùng của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình là các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, từ nhiều phía và trong tất cả các mối quan hệ của họ, nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển biến về nhận thức, thái độ, hành vi đối với việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Những nguyên nhân thành công chủ yếu nêu trên cũng là những bài học kinh nghiệm quan trọng để tiếp tục triển khai công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong những năm tiếp theo.

4 - Gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000 cần phấn đấu đạt cho được mục tiêu cụ thể đã đề ra : giảm tỷ lệ sinh xuống 23 - 24 phần nghìn, bảo đảm tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ) là 2,8 - 2,9 con, tỷ lệ tăng dân số là 1,7%, để dân số giữ ở mức khoảng 82 triệu người. Đồng thời, cố gắng phấn đấu đạt mục tiêu cao hơn. Cụ thể, đến năm 2000, đưa tỷ lệ các cặp vợ chồng được bảo vệ tránh thai lên khoảng 70% (trong đó tỷ lệ các cặp vợ chồng được bảo vệ tránh thai bằng biện pháp hiện đại chiếm 85 - 90%) ; hạ tỷ lệ sinh xuống còn 20 - 21 phần nghìn ; bảo đảm tổng tỷ suất sinh ở mức 2,5 - 2,6 con, tỷ lệ tăng dân số ở mức 1,5 - 1,6%, để dân số giữ ở mức 81 triệu người. Nếu được như vậy, chúng ta sẽ tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển của chương trình sau năm 2000, bảo đảm đạt mức sinh thay thế với tổng tỷ suất sinh ở mức 2,2 con vào năm 2005 - 2006, và ổn định quy mô dân số nước ta ở mức 120 - 125 triệu (thay vì 140 - 145 triệu) vào nửa đầu thế kỷ 21.

Mục tiêu vừa nêu là rất cao xét trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và dân số. Không kể thời kỳ 1991 - 1995 (đã có số liệu chính thức về tỷ lệ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm là 8,2%), nếu liên tục 20 năm tới tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đều đạt ở mức cao là 10%, đưa tổng sản phẩm xã hội năm 2015 lên gấp gần 10 lần so với năm 1990, thì GDP bình quân đầu người tới khi ấy cũng chỉ có thể tăng gấp 6 - 7 lần nếu công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình chỉ đạt mức trung bình, tức là đạt mục tiêu như Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) đã đề ra (xem *Bảng 2*).

Digitized by Google

Bảng 2 : *Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và dân số*

Năm	Tỉ lệ tăng GDP hàng năm (%)	Tỉ lệ tăng dân số hàng năm (%) theo phương án đạt mức sinh thay thế vào năm 2015 (phương án trung bình)	Độ tăng trưởng so với năm 1990 (năm gốc để so sánh) tính bằng lần		
			GDP	Dân số	GDP/người
1990 (năm gốc)	-	-	1,000	1,000	1,000
1991	8,2	2,2	1,082	1,022	1,059
1992	"	2,18	1,171	1,044	1,127
1993	"	2,14	1,267	1,067	1,187
1994	"	2,10	1,371	1,089	1,259
1995	"	2,06	1,483	1,111	1,335
1996	10	2,0	1,630	1,134	1,437
1997	"	1,94	1,793	1,156	1,551
1998	"	1,87	1,972	1,177	1,675
1999	"	1,79	2,169	1,198	1,810
2000	"	1,72	2,386	1,219	1,957
2005	"	1,40	3,843	1,315	2,922
2010	"	1,24	6,189	1,402	4,414
2015	"	1,16	9,967	1,487	6,703

Và như vậy đến năm nào chúng ta mới không còn nằm trong *số dân có thu nhập thấp trên thế giới* mà *số lượng* cũng như *tỷ trọng*, theo dự báo sẽ ngày càng tăng (xem *Bảng 3*).

Bảng 3 : *Dự báo dân số và GNP trên đầu người thời kỳ 1991 - 2100*

Năm	Dân số thế giới (triệu người)	Số dân có thu nhập thấp (dưới 635 USD, giá năm 1991)		Số dân có thu nhập trung bình (trên 635 nhưng dưới 7 911 USD, giá năm 1991)		Số dân có thu nhập cao (từ 7.911 USD trở lên, giá 1991)	
		Số tuyệt đối (triệu người)	Tỉ trọng (%)	Số tuyệt đối (triệu người)	Tỉ trọng (%)	Số tuyệt đối (triệu người)	Tỉ trọng (%)
1991	5 350	3 127	58,4	1 401	26,1	822	15,5
2000	6 111	3 686	60,3	1 561	25,5	864	14,2
2025	8 247	5 184	62,8	2 140	25,9	922	11,3
2100	12 036	7 784	64,7	3 285	27,3	966	8,0

Nguồn : *World Development Report (June 1993).*

Một điều cũng cần được chú ý là : khi tổng sản phẩm xã hội trên đầu người của ta đạt 635 USD, thì do sự trượt giá của đồng USD (mỗi năm khoảng 2 - 3%), số USD trên sẽ không còn là *chuẩn* để xác định mức *thu nhập thấp* nữa, khi đó mức chuẩn sẽ cao hơn nhiều.

Đất nước ta có tài nguyên đa dạng, phong phú về chủng loại nhưng chất lượng không cao, số lượng không nhiều, trong lúc trí tuệ của con người Việt nam được đánh giá không thua kém các dân tộc khác. Do đó, nguồn lực *chủ yếu* để đưa đất nước ta đi lên là nguồn nhân lực được đào tạo.

Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta coi phát triển sự nghiệp giáo dục là quốc sách hàng đầu. Song, sự nghiệp giáo dục lại quan hệ khăng khít với kết quả của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Gia đình càng đông con thì càng ít có điều kiện cho con đi học. Hiện nay ở nước ta mới có 27,1% số trẻ em trong độ tuổi 15 - 19 và 3,9% trong độ tuổi 20 - 24 được đi học, đó là điều thật đáng băn khoăn trước nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các nhiệm vụ quan trọng khác như giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm suy dinh dưỡng trẻ em, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường v.v. cũng chỉ có thể thực hiện tốt nếu chúng ta giảm nhanh được tỷ lệ tăng dân số.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, như các văn kiện Đại hội VIII đã nêu, là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu của nước ta, là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội. Việc triển khai có kết quả công tác đó trong 5 năm tới và những năm tiếp theo có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Tuy mấy năm qua đạt được một số kết quả đáng mừng, sự nghiệp dân số - kế hoạch hóa gia đình ở ta vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Chỉ cần chúng ta lơi lỏng một chút, ít quan tâm hơn hoặc quyết định vội vàng một chút, là mức sinh chẳng những không giảm nữa, mà còn chững lại, thậm chí tăng lên. Trên đây mới chỉ nói về *quy mô dân số*, chưa đề cập vấn đề *cơ cấu* và *phân bố dân số* là các bộ phận hợp thành cần được giải quyết đồng bộ. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

PHAN THANH *

KẾT quả của nhiều công trình nghiên cứu và nhiều hội thảo khoa học, cùng với kinh nghiệm công nghiệp hóa ở các nước trên thế giới và ở nước ta, đều cho rằng : *nội dung "cốt lõi" của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới căn bản kỹ thuật và công nghệ, phát triển mạnh mẽ các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ hiện đại, nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế cao, lâu bền.* Như vậy, tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế dựa trên khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại có mối quan hệ hữu cơ với nhau, mà khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại lại là "nền tảng" của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do vậy, nói "phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa" là một trong những định hướng mấu chốt mà Đại hội VIII của Đảng đề ra, thực chất bao hàm ý nghĩa đó.

Qua 10 năm đổi mới, nhất là từ năm 1995 lại đây, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, mặc dù còn một số yếu tố chưa vững chắc. Cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển biến đáng khích lệ. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,7% năm 1990 tăng lên 30,3% năm 1995 ; tỷ trọng ngành dịch vụ từ 38,6% năm 1990 tăng lên 42,5% năm 1995 ; tỷ trọng nông nghiệp từ 38,7% năm 1990 giảm xuống còn 27,2% năm 1995. Cho đến nay, xét trên cả hai mặt *thế* và *lực* cho thấy, sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển biến cơ bản. Nước ta đã chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để đến năm 2020 về cơ bản nước ta trở thành một nước công nghiệp như Đại hội VIII của Đảng đã đề ra.

Một cơ cấu kinh tế tối ưu theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết phải :

- Phản ánh được và đúng các quy luật khách quan ;
- Bảo đảm khai thác tối đa các nguồn lực của đất nước ;
- Sử dụng tốt lợi thế so sánh của nước phát triển muộn về công nghiệp và lợi thế về tiềm năng ;
- Phát triển sao cho phù hợp với xu hướng của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa ;
- Đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cao.

Theo các yêu cầu trên, *hệ quan điểm* sau đây cần được quán triệt trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế :

1 - Lấy định hướng xã hội chủ nghĩa với tư cách là con đường đi đến mục tiêu đã chọn làm chỗ dựa để điều chỉnh các hoạt động, các bước đi trong tiến trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2 - Hiệu quả kinh tế - xã hội là tiêu chuẩn cơ bản và quan trọng nhất, xuyên suốt, chi phối quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

* PGS, PTS Trường đại học kinh tế quốc dân

Digitized by Google

Nếu như trong thời kỳ bao cấp, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế thường diễn ra với bất cứ giá nào, xem nhẹ hoặc không tính đến hiệu quả, thì trong thời kỳ chuyển sang cơ chế thị trường vấn đề hiệu quả kinh tế - xã hội có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nó liên quan đến sự hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; đến tích lũy mở rộng sản xuất, hiện đại hóa kỹ thuật và công nghệ ; đến nền kinh tế mở cửa và chiến lược hướng về xuất khẩu ; đến mô hình phát triển kinh tế theo chiều sâu ; và đến việc kết hợp một cách hữu cơ giữa hiệu quả kinh tế - xã hội... Tất cả cần được tính đến trong quá trình xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư kinh tế và công nghệ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

3 - Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với nước ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm mà nước ta có lợi thế. Bằng cách đó, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nâng cao nhịp độ và hiệu quả của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

4 - Đặt việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Sự nghiệp ấy được tiến hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

5 - Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải được tiến hành một cách đồng bộ trong sự gắn bó giữa cơ cấu ngành kinh tế công - nông nghiệp và dịch vụ với cơ cấu vùng lãnh thổ ; giữa nông thôn với đô thị ; giữa các thành phần kinh tế ; giữa tiết kiệm và đầu tư.

6 - Lấy việc phát huy nhân tố con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững ; gắn tăng trưởng kinh tế với đổi mới cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

7 - Kết hợp hài hòa giữa công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại trong tính đa dạng của nó ; đồng thời tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu, những ngành có ý nghĩa quyết định và những mặt hàng mũi nhọn có liên quan đến quy mô và hiệu quả tăng kim ngạch xuất khẩu trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

TRONG những năm còn lại của thập kỷ 90, *mục tiêu và nội dung cơ bản* của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là :

1 - Về cơ cấu ngành

Mục tiêu cơ cấu ngành kinh tế đến năm 2000 tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34 - 35% trong GDP ; nông, lâm, ngư, nghiệp chiếm khoảng 19 - 20% ; dịch vụ chiếm khoảng 45 - 46%. Cụ thể :

- Tập trung sức phát triển mạnh và toàn diện *nông, lâm, ngư nghiệp* theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn liền với chế biến sản phẩm bằng công nghệ ngày càng tiến bộ, hiện đại ; bảo đảm an toàn lương thực cho đất nước cả trước mắt và lâu dài, đạt 30 triệu tấn (quy thóc) vào năm 2000. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh diện tích và sản lượng cây công nghiệp, cây ăn quả ; phát triển và đưa chăn nuôi thành ngành chính và chiếm tỷ trọng 30 - 35% giá trị sản phẩm nông nghiệp vào năm 2000. Một trong những vấn đề quan trọng trong cơ cấu ngành là vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy nhanh thủy lợi hóa, từng bước cơ giới hóa, điện khí hóa và ứng dụng rộng rãi công nghệ

Digitized by Google

sinh học, phát triển ngành nghề, làng nghề và dịch vụ ; tổ chức phân công lại lao động, thực hiện kế hoạch hóa gia đình và dân số, theo hướng "ly nông bất ly hương" nhằm giảm sức ép về việc làm của nông thôn đối với các đô thị lớn ; tăng thu nhập, tăng sức mua của dân cư trên thị trường nông thôn, tạo cơ sở cho thị trường đầu ra của công nghiệp phát triển với nhịp độ nhanh trong cơ cấu ngành kinh tế.

- Trong các ngành công nghiệp, nổi lên hàng đầu là vai trò của *công nghiệp chế tạo và chế biến*. Đây là những ngành tạo cơ sở cho việc đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của toàn bộ nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng mạnh về xuất khẩu ; đồng thời thay thế nhập khẩu sản phẩm mà nước ta có nhiều tiềm năng. Đổi mới công nghệ phần lớn các doanh nghiệp. Phát triển nhanh một số ngành, một số lĩnh vực có lợi thế, một số ngành công nghiệp mũi nhọn như : Chế biến lương thực thực phẩm, khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin và một số ngành cơ khí chế tạo. Khai thác thế mạnh về nguồn tài nguyên và tranh thủ cơ hội huy động vốn trong và ngoài nước để phát triển có chọn lọc *một số cơ sở công nghiệp nặng*, bảo đảm thêm năng lực sản xuất tương ứng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và lâu bền, tạo đà về những công trình lớn cho các năm sau. Kết hợp công nghiệp dân dụng với công nghiệp quốc phòng. Theo hướng này, mục tiêu đến năm 2000 sẽ đạt 1 triệu tấn đường, 500 triệu mét vải, 30 vạn tấn giấy, 16 triệu tấn dầu thô, 3,7 tỉ mét khối khí, 30 tỉ KW/h điện, 10 triệu tấn than sạch, từ 16 đến 20 triệu tấn xi măng, 1,2 triệu tấn phân lân, 95 vạn tấn phân đạm, 2 triệu tấn thép... (1)

- Trong tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nội dung không thể xem nhẹ và chậm trễ, thậm chí phải ưu tiên đi trước một bước trong cơ cấu ngành, là phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Mục tiêu đến năm 2000 là phải bảo đảm lưu thông thông suốt các tuyến giao thông huyết mạch, tuyến xương sống và các tuyến nhánh đến các vùng, các trung tâm miền núi. Phát triển và hiện đại hóa các nhà máy điện và hệ thống tải điện từ cao thế, trung thế đến hạ thế, bảo đảm cung cấp đủ điện cho nhu cầu đô thị, khu công nghiệp, và ở nông thôn. Đến năm 2000 bảo đảm 80% số xã có điện lưới và điện tại chỗ. Sớm hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc thông suốt trong cả nước và hòa nhập với thế giới. Cung cấp đủ nước sạch cho đô thị và bảo đảm nước sạch cho nông thôn, hạn chế tai hại của hạn hán, lũ lụt. Phát triển và nâng cấp các cơ sở văn hóa, xã hội, trọng tâm là phát triển giáo dục, đào tạo và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân thông qua chương trình giải quyết các vấn đề xã hội đề ra trong kế hoạch 5 năm (1996 - 2000).

- Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ, mở thêm các loại hình mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất kinh doanh và đời sống trên các mặt : thương nghiệp (nắm bán buôn, chi phối bán lẻ) ; hoàn thiện hệ thống dự trữ quốc gia, dự trữ lưu thông đủ mạnh để can thiệp đúng lúc ; tăng khối lượng và độ an toàn về vận tải hàng hóa, vận tải hành khách với tính đa dạng của các loại hình ; phát triển và nâng cao chất lượng ngành du lịch ; phát triển mạnh các dịch vụ thông tin tư vấn về đầu tư, kinh doanh và dịch vụ trong các lĩnh vực công nghệ, pháp luật, tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ đa dạng khác. Phấn đấu đến năm 2000 giá trị hàng hóa bán ra trên thị trường tăng gấp 2,5 lần so với năm 1995, bảo đảm mức tăng bình quân hằng năm là 20%. Phát triển kinh tế đối ngoại, từ nay đến năm 2000 đưa tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hằng năm khoảng 24 - 25%, tăng nhanh tỷ trọng hàng đã qua chế biến trong kim ngạch xuất khẩu, giảm tỷ trọng xuất khẩu

(1) Xem *Báo cáo chính trị* tại Đại hội VIII của Đảng, phần III

Digitized by Google

nguyên liệu và hàng sơ chế. Hướng nhập khẩu vào nguyên liệu, nhiên, vật liệu, các loại thiết bị công nghệ đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thay thế nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu mà trong nước có khả năng sản xuất và sản xuất có hiệu quả. Đưa tổng kim ngạch nhập tăng bình quân hằng năm từ 22 đến 24%. Giảm dần mức nhập siêu (2). Trong 5 năm tới thu hút và sử dụng có hiệu quả khoảng 7 tỉ USD từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và khoảng 13 - 15 tỉ USD nguồn đầu tư trực tiếp (FDI), cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

2 - Về cơ cấu vùng lãnh thổ

Mục tiêu phát triển các vùng lãnh thổ trong 5 năm tới là : Tạo điều kiện cho tất cả các vùng đều phát triển trên cơ sở khai thác thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng, liên kết giữa các vùng, làm cho mỗi vùng đều có một cơ cấu kinh tế hợp lý và đều có chuyển biến tiến bộ, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Thực hiện phát triển trong sự kết hợp đầu tư có trọng điểm (3 vùng kinh tế Bắc, Trung, Nam và khu vực đô thị lớn có lợi thế và đô thị vệ tinh) với việc tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển, giảm đáng kể sự chênh lệch về nhịp độ phát triển giữa các vùng.

3 - Về cơ cấu thành phần kinh tế

Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho việc phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở chủ động đổi mới về tổ chức và nâng cao hiệu quả quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi về kinh tế và pháp lý để các chủ doanh nghiệp tư nhân yên tâm đầu tư chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Mở rộng các hình thức liên doanh liên kết, áp dụng rộng rãi các hình thức kinh tế tư bản nhà nước.

TÍNH hiện thực của mục tiêu và nội dung của sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói trên phụ thuộc vào *các giải pháp mấu chốt* sau đây :

1 - Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiết kiệm, đầu tư và lạm phát trong quá trình chuyển dịch cơ cấu.

- Điều dễ thấy là mức tăng trưởng kinh tế cao thường dễ đạt ở một nước có điểm xuất phát thấp diễn ra trong thời kỳ đầu cuộc đổi mới, được thừa hưởng một số công trình lớn của thời kỳ cũ chuyển qua. Đạt mức tăng trưởng kinh tế cao là cần thiết, thậm chí rất cần thiết để tránh tụt hậu. Song giữ được lâu bền mức tăng trưởng cao là rất khó khăn đối với nước ta, nếu liên hệ nó với tình hình tiết kiệm, đầu tư và lạm phát. Theo kinh nghiệm của các nước tương đồng, thông thường muốn duy trì mức tăng trưởng cao và lâu bền, mức tiết kiệm và tích lũy đầu tư trong GDP phải đạt trình độ cao. Ở nước ta, tỷ trọng hộ giàu và khá còn quá ít (4,1% hộ giàu và 17,2% hộ trên trung bình) số hộ trung bình, dưới trung bình và nghèo chiếm 78,7%, trong đó hộ dưới trung bình : 22,5% và hộ nghèo : 20% (3). Trong điều kiện đó, tỷ lệ huy động vốn nội địa sẽ thấp. Muốn duy trì mức tăng trưởng bình quân hằng năm ở mức từ 9 đến 10%, từ nay đến năm 2000 buộc phải tăng phát hành vốn tín dụng, nên lạm phát tăng, khó kiểm soát là điều có thể xảy ra và cần tính đến. Lời giải của bài toán này phải chăng là :

- Nhà nước cần sử dụng một cách đồng bộ các chính sách kinh tế đòn bẩy, nhất là chính sách tín dụng - lợi tức, chính sách thuế..., nhằm kích thích tiết kiệm và khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế hăng hái đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh.

(2) Xem *Báo cáo phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (1996 - 2000)* tại Đại hội VIII của Đảng.

(3) *Niên giám thống kê năm 1994*, Nxb Thống kê, 1995, tr 372

Digitized by Google

- Thông qua tuyên truyền giáo dục, dấy lên phong trào tiết kiệm sâu rộng mang tính toàn dân cả trong sản xuất lẫn trong tiêu dùng, dành vốn cho tích lũy đầu tư.

- Trên cơ sở cải tiến, hoàn thiện chính sách thuế, có cơ chế chống thất thu thuế, điều tiết chi, giảm bội chi ngân sách, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc trên cơ sở huy động để cho vay, khắc phục tình trạng phát hành tiền dẫn đến bội chi và lạm phát vốn tín dụng.

- Thực hiện các chính sách : bảo hiểm về giá xuất, hàng rào quan thuế đối với nhập, khuyến khích đổi mới công nghệ, điều tiết tỷ giá hối đoái hợp lý có lợi cho xuất khẩu... để khuyến khích xuất khẩu, giảm nhập khẩu những hàng hóa nước ta có khả năng sản xuất. Bằng cách đó, tăng mặt hàng, nhóm hàng xuất khẩu có giá trị lớn, tăng tỷ trọng hàng xuất qua chế biến từ 20% hiện nay lên 70% vào năm 2000 ; mở rộng thị trường xuất khẩu ; cân đối xuất nhập khẩu và tiến tới có dư để trả nợ và tích lũy mở rộng sản xuất và đổi mới công nghệ.

2 - Thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn, củng cố và phát huy thành quả của nông nghiệp, nông thôn trong việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Nâng cao năng suất lao động, vật nuôi, cây trồng trong các ngành nông, công nghiệp chế biến và dịch vụ v.v.; tăng thu nhập, mở rộng thị trường nông thôn với tư cách là một bộ phận rộng lớn của thị trường nội địa, làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp và dịch vụ trong nước và mở rộng thị trường ra nước ngoài.

3 - Trên cơ sở ngành, vùng và mặt hàng mũi nhọn đã xác định trong cơ cấu kinh tế, việc phân phối vốn đầu tư phải tập trung, tránh phân tán, lãng phí ; thi công dứt điểm để đưa nhanh vào sử dụng, phát huy có hiệu quả vốn, hoàn vốn và trả nợ. Theo hướng đó cần :

- Tranh thủ thu hút nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đa phương hoặc song phương để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, và dành một phần đầu tư cho nông, lâm, ngư nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng. Đối với vốn viện trợ không hoàn lại cần ưu tiên đầu tư cho những vùng chậm phát triển.

- Tiếp tục chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) ; đồng thời cần tập trung đầu tư nguồn vốn này vào những lĩnh vực, những sản phẩm và dịch vụ có công nghệ tiên tiến, có tỷ lệ xuất khẩu cao.

- Có chính sách cởi mở và ưu tiên hơn đối với tư nhân trong nước, trong liên doanh, liên kết vốn của tư nhân với nhà nước theo tinh thần "người trong một nước" và "lọt sàng xuống nia" khi họ thấy có lợi.

4 - Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục đào tạo, gắn giáo dục đào tạo với khoa học - công nghệ, coi đó là "quốc sách hàng đầu". Điều cần nhấn mạnh là giải pháp này phải tiến hành đồng bộ và đi trước một bước theo hướng xã hội hóa trong chính sách đầu tư. Vì sự nghiệp đó gắn với đặc trưng lao động "trí tuệ" và gắn với "sự nghiệp trồng người" - nhân tố, động lực trực tiếp của sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

5 - Kinh nghiệm của nhiều nước, nhất là các nước công nghiệp mới châu Á cho thấy đường hướng, động thái và nhịp điệu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu được xác định, trên mức độ lớn phụ thuộc vào vai trò tác động và hiệu lực quản lý của nhà nước. Kinh nghiệm đó không là ngoại lệ đối với nước ta. Do vậy, cần thông qua cải cách bộ máy hành chính nhà nước, sớm tạo ra những điều kiện cần và đủ để tăng cường vai trò và hiệu lực quản lý của nhà nước, một nhân tố có ý nghĩa cực kỳ quan trọng (nếu không muốn nói là có ý nghĩa quyết định) đến việc hiện thực hóa sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay ❑

Digitized by Google

Mấy giải pháp
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC CÁN BỘ

LÊ VĂN LÝ *

CÔNG tác cán bộ vốn đã quan trọng, nay càng quan trọng và cấp thiết. *Báo cáo chính trị* của BCH TU Đảng khóa VII tại Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh : "Toàn Đảng phải hết sức chăm lo, xây dựng tốt đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ kế cận vững vàng, đủ bản lĩnh về các mặt. Sớm xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ mới". Quán triệt chủ trương đó, trong bài này, bước đầu tôi xin trình bày một số giải pháp về nâng cao chất lượng công tác cán bộ.

1 - *Chất lượng công tác cán bộ thể hiện trước hết ở việc xác định tiêu chuẩn các chức danh cán bộ.*

Để có đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, phải xác định tiêu chuẩn cán bộ một cách khoa học. Xác định tiêu chuẩn cán bộ chính xác là cơ sở và tiền đề để đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt cán bộ đúng. Lâu nay, ta mới xác định tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn các loại cán bộ nhưng chưa xác định tiêu chuẩn cho từng chức danh cán bộ. Tiêu chuẩn bộ trưởng nông nghiệp khác tiêu chuẩn bộ trưởng công nghiệp ; tiêu chuẩn thứ trưởng, phó ban phụ trách lĩnh vực chuyên môn khác tiêu chuẩn thứ trưởng, phó ban phụ trách lĩnh vực hành chính, hậu cần. Có xác định rõ tiêu chuẩn từng chức danh cán bộ mới tránh được tình trạng đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt cán bộ chung chung. Không phải đã làm được bộ trưởng thì làm bộ trưởng bộ nào cũng được ; không phải cấp phó nào cũng lên thay cấp trưởng được. Không có đủ tiêu chuẩn, chức danh cán bộ cần thay thế mà vẫn bố trí thay thế là hạ thấp chất lượng cán bộ.

Khi xác định tiêu chuẩn các chức danh cán bộ cần chú ý ba điểm :

Thứ nhất, căn cứ vào vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của từng chức danh cán bộ để xác định. Như vậy mỗi chức danh cán bộ khác nhau sẽ có tiêu chuẩn khác nhau.

Thứ hai, tiêu chuẩn chức danh cán bộ phải phù hợp với điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội và con người Việt nam. Những cán bộ đủ tiêu chuẩn quy định thì hiệu quả giải quyết công việc và uy tín phải tốt hơn cán bộ không đủ tiêu chuẩn. Nếu ngược lại, cán bộ đủ tiêu chuẩn quy định nhưng thực tế hiệu quả giải quyết công việc và uy tín lại không bằng người không đủ tiêu chuẩn thì phải xem lại tiêu chuẩn đó. Đây chính là thước đo để đánh giá việc xác định tiêu chuẩn cán bộ có bảo đảm tính khoa học hay không.

Thứ ba, cần phân biệt điều kiện với tiêu chuẩn cán bộ. Hiện nay, trong công tác cán bộ có người lẫn lộn *điều kiện* với *tiêu chuẩn*. Điều kiện là những quy định về bằng cấp, học vị, tuổi tác, sức khỏe v.v., còn tiêu chuẩn là những tiêu chí cụ thể hóa về phẩm chất, năng lực của cán bộ. Điều kiện tuy cần nhưng chưa đủ. Mười cán bộ đủ điều kiện nhưng có khi chỉ ba, bốn cán bộ đủ tiêu chuẩn. Nếu chỉ dừng lại ở điều kiện để bố trí, đề bạt cán bộ thì thực tế là hạ thấp tiêu chuẩn cán bộ. Khi đó, người đủ cả điều kiện và tiêu chuẩn có khi không được trọng dụng bằng người chỉ mới đủ điều kiện. Không phải đội ngũ cán bộ không có tiềm năng mà do công tác cán bộ chưa phát huy được tiềm năng đó. Bằng cấp, học vị là cần thiết, nhưng chưa hẳn bằng cấp, học vị cao hơn thì trí tuệ và năng lực thực tế đã cao hơn. Do đó, đều sẽ là sai lầm nếu xem nhẹ bằng cấp, học vị hoặc tuyệt đối hóa bằng cấp, học vị ; đồng nhất bằng cấp, học vị với năng lực. Bằng

* PGS, Chủ nhiệm khoa Xây dựng Đảng, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

cấp, học vị chỉ là điều kiện để tạo ra năng lực, bản thân nó chưa phản ánh đầy đủ năng lực.

2 - *Về cơ cấu và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.*

Nhận thức đúng và thực hiện tốt cơ cấu và quy hoạch cán bộ sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Để bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục, tránh tình trạng hẫng hụt, phải xác định cơ cấu và tiến hành quy hoạch cán bộ. Trong điều kiện hòa bình, xây dựng đất nước, càng phải chú trọng xác định cơ cấu và quy hoạch cán bộ.

Trong cơ cấu cán bộ, có cơ cấu độ tuổi, cơ cấu chất lượng và cơ cấu thành phần, giới tính. Ở đây tôi chỉ trình bày cơ cấu độ tuổi. Các nghị quyết của Đảng ta đã khẳng định mỗi cấp lãnh đạo cần có ba độ tuổi. Song tỷ lệ các độ tuổi đó thế nào, cần được xác định cụ thể. Kinh nghiệm cho thấy, độ tuổi cao ở mỗi cấp lãnh đạo nên chiếm khoảng 20 - 30%. Đó là những đồng chí tuổi cao nhưng có phẩm chất, năng lực tốt, uy tín cao, có sức khỏe, ở lại cấp lãnh đạo giữ vai trò chủ chốt, bảo đảm cho cấp lãnh đạo đó đi đúng đường lối của Đảng. Trong điều kiện bình thường nếu tỷ lệ độ tuổi cao quá ít hoặc quá nhiều đều không tốt.

Độ tuổi trung bình của mỗi cấp lãnh đạo khoảng 40 - 50% là phù hợp. Đây là những đồng chí có phẩm chất, năng lực tốt, là lực lượng "tả xung, hữu đột". Sức mạnh hiện tại của mỗi cấp lãnh đạo chủ yếu là ở lực lượng này.

Độ tuổi thấp của mỗi cấp lãnh đạo khoảng 30%. Đây là lực lượng trẻ có triển vọng. Tương lai của cấp lãnh đạo phụ thuộc chủ yếu vào lực lượng này.

Các độ tuổi trên ở mỗi cấp khác nhau, mỗi giai đoạn khác nhau sẽ khác nhau. Hiện nay, ba độ tuổi thuộc ba cấp ở nước ta, theo tôi nên như sau :

Độ tuổi	Cấp trung ương	Cấp tỉnh thành phố	Cấp huyện quận
Cao	61 tuổi trở lên	56 tuổi trở lên	từ 46 tuổi trở lên
Trung bình	Từ 45 tuổi đến 60 tuổi	Từ 40 tuổi đến 55 tuổi	Từ 35 tuổi đến 45 tuổi
Thấp	Dưới 45 tuổi	Dưới 40 tuổi	Dưới 35 tuổi.

Mỗi kỳ bầu cử hoặc bổ nhiệm có hai cách luân chuyển cán bộ : luân chuyển giữa các độ tuổi trong từng cấp và luân chuyển cán bộ từ cấp dưới lên cấp trên. Cán bộ tuổi cao ở cấp quận, huyện có phẩm chất, năng lực và uy tín tốt có thể đưa lên cấp tỉnh, thành phố và sau 5 năm có thể lên cấp trung ương vẫn bảo đảm về độ tuổi.

Thực hiện tốt cơ cấu như vậy, vừa khắc phục được tình trạng hẫng hụt, vừa bảo đảm đội ngũ cán bộ kế tục sự nghiệp cách mạng có chất lượng.

Để bảo đảm cơ cấu và chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất thiết phải có quy hoạch cán bộ. Song cách làm quy hoạch cần đổi mới. Không nên mỗi chức danh cán bộ lãnh đạo đều chọn hai, ba người đưa vào quy hoạch chuẩn bị thay thế một cách công khai rộng rãi. Cách làm như vậy ở một số nơi đã khiến số người được đưa vào diện quy hoạch không yên tâm, ổn định công tác. Nhiều người mong ngóng, hướng tới chức vụ trong quy hoạch chứ không đầu tư sức lực, trí tuệ để làm tốt công việc đang phụ trách. Hơn nữa, có những trường hợp cán bộ tốt trong quy hoạch dự định bồi dưỡng thành cán bộ chủ chốt của tỉnh hoặc của huyện, nhưng vì công bố công khai nên bị gạt bỏ ngay từ khâu bầu vào cấp ủy. Vì vậy, cách làm quy hoạch, kế hoạch tạo nguồn cán bộ chỉ nên công khai trong tập thể có thẩm quyền quyết định về cán bộ.

Xác định quy hoạch cán bộ phải dựa trên cơ sở khoa học, gắn quyền hạn với trách nhiệm, nghĩa vụ với lợi ích của cán bộ. Nhiều cán bộ không muốn làm chuyên trách công tác đảng, công tác đoàn thể và các công tác xã hội. Họ làm vì trách nhiệm nhưng không hăng hái, phấn khởi khi lợi ích chưa tương xứng.

Quy luật phát triển và đào thải luôn luôn chi phối công tác quy hoạch cán bộ, trong đó có quy luật phát triển tuần tự theo kế hoạch và có quy luật phát triển đột biến, tự phát. Vì thế, làm quy hoạch không thể cứng nhắc, công thức, mà phải bổ sung, phát triển thường xuyên. Sau 6 tháng hoặc 1 năm phải xem xét đánh giá lại quy hoạch. Có người đưa vào quy hoạch, nhưng không phát triển được, cần phải

Digitized by Google

đưa ra. Ngược lại, có cán bộ không được dự kiến trong quy hoạch, nhưng qua thực tiễn công tác lại nổi lên và có triển vọng phát triển tốt, cần đưa vào quy hoạch. Làm sao mỗi chức danh đều có sẵn hai, ba người kế cận và dự bị có đủ điều kiện và tiêu chuẩn để thay thế. Tránh tình trạng bố trí, đề bạt rồi mới đưa đi đào tạo cơ bản hoặc bồi dưỡng dài ngày. Khắc phục tình trạng một người chuẩn bị thay hai chức danh hoặc chỉ chuẩn bị một người thay thế một chức danh.

Về phương pháp quy hoạch cán bộ cũng nên linh hoạt. Có thể sử dụng các phương pháp :

- Tuần tự cùng tuyến, như phó bí thư lên bí thư cấp ủy đảng ; phó chủ tịch lên chủ tịch UBND cùng cấp.
- Tuần tự không cùng tuyến, như phó bí thư cấp ủy lên làm chủ tịch UBND cùng cấp.
- Vượt cấp cùng tuyến, như thường vụ cấp ủy lên bí thư cấp ủy cùng cấp.
- Vượt cấp không cùng tuyến, như thường vụ cấp ủy lên làm chủ tịch UBND cùng cấp.
- Ngang cấp không cùng tuyến như chủ tịch UBND sang làm bí thư hoặc bí thư sang làm chủ tịch UBND cùng cấp.

Lâu nay ở nước ta thường quy hoạch cán bộ theo công thức : cấp phó lên thay cấp trưởng (phó thứ nhất, phó thường trực lên thay trưởng). Điều đó có thuận lợi, vì khi lên làm cấp trưởng các đồng chí đó đã nắm được công việc, không bỡ ngỡ mất thời gian tìm hiểu tình hình. Hơn nữa, người đang đảm nhiệm cấp phó thứ nhất, phó thường trực lên làm cấp trưởng đỡ xáo động về tư tưởng. Tuy nhiên, sẽ sai lầm nếu quy hoạch theo kiểu "sống lâu lên lão làng", không căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ cấp trưởng khi bố trí, đề bạt.

Thông thường cán bộ cấp phó có thể lên thay cấp trưởng, nhưng cũng có những cán bộ cấp phó không thể làm cấp trưởng được, hoặc làm được nhưng không tốt bằng cán bộ cấp trưởng cấp dưới lên thay thế cấp trưởng cấp trên. Có những cán bộ cấp phó có thể lên làm tốt cấp phó của cấp trên, nhưng lại không làm cấp trưởng ở cấp dưới được, vì hệ tiêu chuẩn cấp trưởng khác cấp phó.

3 - *Về đánh giá, tuyển chọn và sử dụng cán bộ*

Trung ương đã có hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá, tuyển chọn, sử dụng cán bộ. Song quy trình đó đi vào cuộc sống còn không ít khó khăn.

- Lâu nay, Đảng ta đã khẳng định, căn cứ vào kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao để đánh giá cán bộ. Đó là cơ sở để khắc phục những quan điểm và phương pháp đánh giá cán bộ lệch lạc trước đây ; là thước đo để đánh giá phẩm chất, năng lực cán bộ một cách cụ thể, khoa học. Bởi vì kết quả công tác là sự phản ánh phẩm chất và năng lực của mỗi cán bộ. Có phẩm chất tốt mà không có năng lực cũng không thể hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Có năng lực mà phẩm chất chính trị, đạo đức kém, họ sẽ lo xoay xở làm ăn vì lợi ích cá nhân, phường hội chứ không lo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thước đo này cũng xác định đúng ý nghĩa của bằng cấp, học vị. Điều đó sẽ khắc phục tình trạng xem nhẹ bằng cấp, học vị hoặc chạy theo bằng cấp, học vị một cách hình thức. Đồng thời, đánh giá như vậy sẽ không bỏ rơi những cán bộ do điều kiện chiến tranh, không được đào tạo hệ thống qua trường lớp, nên bằng cấp, học vị không cao, nhưng năng lực thực tế giỏi. Khi đánh giá cần chú trọng mục đích, động cơ hoàn thành nhiệm vụ ; hoàn thành trong điều kiện thuận lợi hay khó khăn ; hoàn thành một đôi lần hay liên tục cả một quá trình.

- Đánh giá cán bộ phải đặt cán bộ trong mối quan hệ với tổ chức, cơ chế, chính sách. Khi tổ chức chưa ổn định, cơ chế chính sách chưa hoàn chỉnh, rất khó phân biệt cán bộ năng động sáng tạo với cán bộ vô tổ chức kỷ luật. Mặc dù hiện tượng bên ngoài của hai cán bộ đó rất giống nhau, nhưng bản chất bên trong khác nhau. Phân biệt được sự khác nhau đó mới khuyến khích được những cán bộ có tâm huyết, có trách nhiệm trước những khó khăn, phức tạp, biết tháo gỡ khó khăn, vượt qua thử thách, tìm ra cách làm ăn mới. Có những cách làm ăn mới, một hướng đi mới, có thể phải ba bốn lần thể nghiệm thất bại sau mới thành công. Do đó, cũng không thể vội vàng đánh giá cán bộ qua biểu hiện bên ngoài.

Digitized by Google

- Đánh giá từng người cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh cán bộ. Không nên đánh giá một người cán bộ nào đó là tốt hay xấu một cách chung chung, mà phải nêu được cụ thể những mặt tốt và chưa tốt của họ để sắp xếp, bố trí công việc phù hợp. Người thợ rèn giỏi mà đóng tủ thì kém, nhưng khi rèn dao lại xuất sắc. Ngược lại, thợ mộc giỏi mà rèn dao thì kém, nhưng đóng tủ lại xuất sắc. Vì vậy trong công tác cán bộ cũng có trường hợp một cán bộ nào đó tuy không hoàn thành tốt công việc cũng có thể đưa ngang hoặc đưa lên. Còn nếu cán bộ sai lầm, khuyết điểm về lập trường, quan điểm, phẩm chất, đạo đức thì chỉ đưa xuống hoặc kỷ luật, không thể đưa ngang hoặc đưa lên. Nhưng nếu do bố trí cán bộ không hợp sở trường, chuyên môn, có khi điều sang ngang, hoặc đưa lên người cán bộ đó vẫn có thể phát huy tốt hơn.

Đánh giá cán bộ là cơ sở và tiền đề để tuyển chọn cán bộ, nhưng đánh giá đúng chưa chắc đã tuyển chọn đúng. Tuyển chọn cán bộ ngoài mục đích, động cơ đúng còn phải có phương pháp, cách thức tuyển chọn phù hợp. Lâu nay, chúng ta thường nói công tác cán bộ "có lên, có xuống", "có vào, có ra" là bình thường, nhưng thực tế lại không bình thường. Giải quyết vấn đề này có liên quan tới khâu tuyển chọn, bố trí, bãi miễn, miễn nhiệm cán bộ.

Nếu không quy định và thực hiện nghiêm túc việc "bổ nhiệm có thời hạn" thì cán bộ "có lên, có xuống" không thể thành hiện thực được. Hết thời hạn bổ nhiệm, nếu cán bộ đó phấn đấu tốt, có phẩm chất, năng lực và uy tín tốt thì xét ra quyết nghị bổ nhiệm thêm một thời hạn nữa. Nếu không đạt được những yêu cầu đó hoặc khi có cán bộ thay thế có chất lượng tốt hơn thì bổ nhiệm cán bộ khác thay thế. Điều đó phải trở thành chuyện bình thường trong tâm lý cán bộ và trong dư luận quần chúng.

"Bổ nhiệm có thời hạn" là một hình thức kích thích cán bộ phấn đấu liên tục và tuyển chọn, sàng lọc cán bộ một cách thường xuyên. Những cán bộ thuộc diện bầu cử thì phải được lựa chọn qua bầu cử dân chủ. Cần cải tiến hơn nữa cơ chế bầu cử hiện nay, làm sao người cầm phiếu bầu đều suy nghĩ, cân nhắc chín chắn với tâm huyết và trách nhiệm để lựa chọn những người đại diện xứng đáng.

Đối với cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ cần có quy chế, quy định bảo đảm đúng tiêu chuẩn ngay từ khi tuyển chọn để đào tạo. Học sinh tuyển vào trường đào tạo thuộc lĩnh vực nào phải có năng khiếu về lĩnh vực đó. Đào tạo rồi, khi đưa vào các cơ quan cần được tổ chức thi tuyển chặt chẽ, hội đồng thi tuyển phải do cơ quan có thẩm quyền quyết định. Tuyển ai là do yêu cầu cần tuyển và kết quả thi tuyển quyết định. Có như vậy, người có phẩm chất, đạo đức, có tài năng mới được đặt đúng vị trí, tránh được những biểu hiện tiêu cực như luồn lọt, đút lót, thiên vị, gian lận...

Loại cán bộ này khi đã tuyển vào cần ổn định công tác lâu dài, có thể cả đời gắn bó với nghề nghiệp đó. Còn cán bộ diện bổ nhiệm có thể thay đổi sau một thời hạn, cán bộ bầu cử có thể thay đổi sau một nhiệm kỳ.

Trong sử dụng cán bộ, cần chú trọng khâu bố trí, đề bạt cán bộ. Đảng ta đã tổng kết : bố trí cán bộ phải đúng người, đúng việc, đúng chỗ, đúng lúc, đúng sở trường. Đặc biệt, đề bạt cán bộ đúng lúc là vấn đề rất quan trọng. Đề bạt đúng lúc là khi cán bộ đang phát triển đi lên. Muốn biết mỗi cán bộ lúc nào đi lên, lúc nào đi xuống phải hiểu cán bộ thật sâu sắc. Người cán bộ nào cũng có thời kỳ phát triển đi lên, đi ngang rồi đi xuống. Đề bạt cán bộ quá sớm hoặc quá muộn đều có hại, kể cả cho bản thân người cán bộ đó. Lúc cán bộ cần làm việc, muốn làm việc, có khả năng làm việc tốt nhất cần được giao việc. Khi cán bộ không còn sức làm, không có khả năng làm, không còn uy tín, không nên giao những công việc trọng trách ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA CÁC LOẠI HÌNH TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

LÊ QUANG

NGHỊ quyết Đại hội VI và VII, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VI) và nhất là Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) đã nêu rõ việc đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) là một nhiệm vụ trọng tâm, có tính cấp bách của toàn đảng.

Thực hiện yêu cầu đó, các cấp ủy đảng đã tiến hành khảo sát, đánh giá lại thực trạng các loại TCCSĐ để có chủ trương đổi mới, chỉnh đốn phù hợp. Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) cũng đã ban hành các quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của nhiều loại hình TCCSĐ. Việc đổi mới và chỉnh đốn về tổ chức trong các cơ sở được chú trọng. Trước đây các chi bộ, tổ đảng ở các vùng nông thôn (phần lớn ở các tỉnh phía Bắc) được lập theo đơn vị hợp tác xã, đội sản xuất ; nay bố trí lại chủ yếu theo địa bàn dân cư (thôn, xóm, bản), làm cho nội dung lãnh đạo của tổ chức đảng phù hợp hơn với cơ chế quản lý mới. Các cấp ủy đã hướng dẫn, kiểm tra, biểu dương, khen thưởng theo định kỳ đối với các TCCSĐ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Nhiều tỉnh ủy, thành ủy tập trung chỉ đạo củng cố các cơ sở yếu kém, xử lý được nhiều "điểm nóng", đặc biệt là đã tăng cường hơn việc bố trí đảng viên là cán bộ lãnh đạo tham gia cấp ủy và trực tiếp làm bí thư ở các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cơ quan. Điều đó đã làm cho chất lượng lãnh đạo của các TCCSĐ được nâng cao hơn (trước đây chỉ có 30 - 40%, nay khoảng 80 - 90% cơ sở bố trí cán bộ lãnh đạo làm bí thư).

Qua đổi mới và chỉnh đốn đảng, kết hợp với việc thực hiện các nghị quyết khác của Đảng, bước đầu tạo ra được một số chuyển biến tích cực ở nhiều TCCSĐ. Đáng chú ý là :

- Đã củng cố được sự thống nhất cao hơn về tư tưởng, chính trị, về đường lối đổi mới của Đảng ; nâng cao hơn ý thức xây dựng đảng của cán bộ, đảng viên và niềm tin của quần chúng đối với Đảng. Ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện hoang mang dao động, giảm sút niềm tin, và kiên quyết đấu tranh với nhận thức lệch lạc của một số người muốn đưa đất nước đi theo con đường khác, hoặc đòi "đa nguyên, đa đảng".

- Duy trì tốt hơn nền nếp và cải tiến nội dung sinh hoạt đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Khắc phục tình trạng lỏng lẻo trong sinh hoạt đảng, hạ thấp vai trò lãnh đạo của nhiều TCCSĐ đã diễn ra trong các năm trước.

- Nhiều TCCSĐ đã lãnh đạo có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở, đóng góp tích cực vào thành tựu đổi mới của đất nước, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc các gia đình có công với nước ; nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong các mặt công tác ở các cơ quan, đơn vị...

- Đã củng cố và tăng cường hơn mối quan hệ gắn bó giữa tổ chức đảng và đảng viên với nhân dân.

Theo báo cáo của các cấp ủy trực thuộc trung ương vào cuối năm 1995 thì số TCCSĐ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tăng lên (trước năm 1992 khoảng 20 - 30%, nay khoảng 40 - 50%) ; số TCCSĐ yếu kém giảm hơn (trước năm 1992 khoảng 15 - 20%, nay còn khoảng trên dưới 10%).

Digitized by Google

Tuy nhiên, để đánh giá cho thật chính xác thực trạng của TCCSĐ, các cấp ủy cần có sự nghiên cứu, khảo sát kỹ hơn trên nhiều mặt, phải nắm chắc 5 tiêu chuẩn TCCSĐ trong sạch vững mạnh, nhất là tiêu chuẩn lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở, và phải dựa vào ý kiến của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân, thì việc đánh giá mới có cơ sở thực tế. Có những TCCSĐ đã được tặng danh hiệu trong sạch vững mạnh nhưng việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt kết quả thấp. Hoặc ngược lại, có nơi đạt kết quả khá cao về phát triển kinh tế, nhưng các mặt quan hệ xã hội, công tác xây dựng tổ chức đảng ít có chuyển biến rõ rệt. Mặt khác, nếu khảo sát kỹ thì cũng có thể thấy số TCCSĐ yếu kém vẫn còn nhiều, có nơi tình trạng yếu kém kéo dài, có nơi tổ chức đảng thực sự đã giảm sút hoặc tê liệt vai trò lãnh đạo, không duy trì được nền nếp sinh hoạt đảng, chất lượng sinh hoạt mờ nhạt.

Ở một số doanh nghiệp, do vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng chưa được tăng cường đúng mức, nên doanh nghiệp chậm thích ứng với cơ chế mới, làm ăn thua lỗ kéo dài, cán bộ tham nhũng, công nhân thiếu việc làm. Một số cơ quan và đơn vị sự nghiệp, nhất là ở cấp trung ương quản lý, chưa khắc phục được tình trạng sinh hoạt đảng nghèo nàn, công tác giáo dục, quản lý đội ngũ cán bộ đảng viên chưa tốt, chất lượng và hiệu quả công tác rất hạn chế.

Ở xã, phường, còn một số tổ chức đảng yếu kém, có nơi đã để xảy ra những diễn biến rất phức tạp về chính trị, xã hội, tôn giáo và những mâu thuẫn gay gắt về lợi ích tập thể. Ở một số phường trong các đô thị và vùng đồng bằng, ven đô thường tập trung rất đông đảng viên là cán bộ về hưu (có nơi chiếm trên 90% tổng số đảng viên trong đảng bộ) nhưng việc tổ chức sinh hoạt, phân công đảng viên và xác định chức năng, nhiệm vụ của chi bộ còn nhiều khó khăn, lúng túng.

Việc triển khai công tác xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài tuy bước đầu đã có một số cố gắng, nhưng vẫn còn chậm.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp cơ sở còn chắp vá, bố trí cán bộ chủ chốt ở một số cơ sở chưa tương xứng. Trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo của nhiều cán bộ cơ sở không theo kịp yêu cầu mới. Các chế độ chính sách đối với cơ sở và cán bộ cơ sở tuy đã từng bước được sửa đổi, bổ sung, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

Xuất phát từ tình hình và yêu cầu cụ thể của mỗi cấp, đã có nhiều hình thức khác nhau về việc lập các tổ chức đảng cấp trên để chỉ đạo hoạt động của TCCSĐ ở các cơ quan, doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp như : đảng ủy khối các cơ quan trung ương, đảng ủy liên cơ quan hoặc đảng ủy dân - chính - đảng cấp tỉnh ; đảng ủy khối doanh nghiệp, ban cán sự đảng các trường đại học trực thuộc cấp tỉnh, thành. Một số tổ chức đảng ở doanh nghiệp lớn trực thuộc Ban bí thư (như đảng bộ đường sắt), hoặc trực thuộc đảng bộ khối cơ quan kinh tế trung ương, hoặc trực thuộc đảng ủy cơ quan bộ, ngành, hoặc trực thuộc thành ủy. Các cơ sở nhỏ nói chung trực thuộc huyện, quận, thị ủy... Do chưa xác định được thật rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó và mối quan hệ của nó với các tổ chức có liên quan (đảng ủy cơ quan, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy địa phương...), nên nhìn chung chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng kể trên còn nhiều mặt hạn chế.

Những mặt tồn tại trên do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng về phía chủ quan, tập trung vào mấy nguyên nhân chủ yếu sau đây :

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở một số loại cơ sở chưa được rõ ràng. Một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức đến việc kiểm tra, hướng dẫn TCCSĐ bổ sung quy chế hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ đã được quy định, chưa tích cực đấu tranh để khắc phục những

Digitized by Google

biểu hiện buông lỏng, hạ thấp vai trò lãnh đạo của một số TCCSĐ.

- Chưa đầu tư đúng mức việc nghiên cứu, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ.

- Chưa làm tốt việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ cơ sở theo yêu cầu của thời kỳ mới.

*

* *

Kinh nghiệm thực tiễn trong công tác xây dựng đảng trong nhiều năm qua cho thấy, để nâng cao được chất lượng các TCCSĐ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong mỗi thời kỳ, phải giải quyết một cách đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau, trong đó phải tập trung vào một số vấn đề sau đây :

Trước hết, *phải nhận thức cho thật đúng ý nghĩa, tầm quan trọng của các TCCSĐ. TCCSĐ là nơi Đảng gắn liền với các tầng lớp nhân dân*, trực tiếp tổ chức và lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối chính trị của Đảng, thông qua các hoạt động thực tiễn mà cung cấp các thông tin phản hồi cho cấp vĩ mô điều chỉnh những chủ trương, chính sách không còn phù hợp, đề xuất những sáng kiến đã được kiểm nghiệm từ cơ sở để bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách. Mặt khác, TCCSĐ chính là nơi tất cả đảng viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ đảng viên trong sinh hoạt đảng, trong việc phân công và kiểm tra công tác, trong việc chỉnh đốn và phát triển đội ngũ đảng viên, trong việc tạo nguồn cơ bản cho đội ngũ cán bộ của Đảng trưởng thành từ cơ sở, bổ sung cho đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ở cấp bên trên...

Hai là, *mỗi TCCSĐ phải nắm vững và thực hiện đúng* chức năng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ *theo quy định của* Điều lệ Đảng, *phù hợp với tình hình cụ thể của mỗi cơ sở có đặc điểm khác nhau.*

Mỗi TCCSĐ phải là một bộ phận trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc, đều có nhiệm vụ lãnh đạo với nội dung và phương thức phù hợp với tình hình cụ thể của mỗi loại cơ sở.

Nói chung ở tất cả các loại cơ sở, tổ chức đảng phải lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng quán triệt và chấp hành nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; đề ra và tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của cơ sở, làm tốt công tác cán bộ, công tác vận động quần chúng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể vững mạnh ; xây dựng các chi bộ và đội ngũ đảng viên thực sự vững mạnh và trong sạch. Phương thức lãnh đạo của TCCSĐ là dựa vào ý kiến của nhân dân và thông qua thảo luận dân chủ, tổ chức đảng ra nghị quyết và lãnh đạo việc thực hiện nghị quyết ; thông qua cán bộ, đảng viên hoạt động trong chính quyền, cơ quan quản lý, các đoàn thể ở cơ sở và vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên để biến nghị quyết của Đảng thành hành động thực tế của quần chúng, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của cơ sở, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác ở các cơ quan, đơn vị.

Ở các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức đảng phải nắm vững và thực hiện đúng nội dung lãnh đạo toàn diện, nhất là đối với việc quản lý tài sản và vốn, xác định và thực hiện phương hướng sản xuất, kinh doanh một cách có hiệu quả, thích ứng với cơ chế thị trường, bảo đảm sự công bằng trong phân phối thu nhập, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước ; xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, bảo đảm quyền làm chủ của những người lao động, vai trò nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân ; lựa chọn, đề bạt và quản lý cán bộ chủ chốt trong doanh nghiệp theo quy định.

Ở các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trước hết là ở các doanh nghiệp *lớn* và *vừa*, phải nhanh chóng xây dựng tổ chức đảng. Nơi nào đã có

Digitized by Google

tổ chức đảng rồi thì phải lãnh đạo bảo đảm cho doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả toàn diện, thực hiện tốt các lợi ích của chủ doanh nghiệp và của các bên liên doanh ; bảo đảm lợi ích và nhân phẩm của người lao động ; lợi ích của nhà nước Việt nam theo đúng pháp luật. Đồng thời, phải quan tâm xây dựng tổ chức công đoàn và các đoàn thể quần chúng vững mạnh.

Ở các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp, nhất là ở các cơ quan trung ương, các viện nghiên cứu khoa học, trường đại học, các TCCSĐ phải thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ; củng cố sự vững vàng về chính trị và đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên ; đấu tranh có hiệu quả với những biểu hiện quan liêu, tham nhũng.

Ở các xã, phường, TCCSĐ phải thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện, nhất là đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng ; xây dựng đời sống văn hóa, giữ vững trật tự, trị an, bảo đảm sự ổn định về chính trị - xã hội, thực hiện các chính sách xã hội và bảo đảm công bằng xã hội. Chú trọng củng cố đảng ủy cơ sở, đi đôi với củng cố các chi bộ, tổ đảng ở các thôn, xóm, ấp, bản, làng, cụm dân cư, tổ dân phố ; xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa tổ chức đảng, đảng viên và quần chúng.

Ba là, *giữ vững nền nếp, thường xuyên cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chi ủy, đảng ủy ; nâng cao tính giáo dục, tính chiến đấu và chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở.*

Lâu nay, tình hình sinh hoạt đảng ở nhiều nơi còn rất nghèo nàn về nội dung. Họp chi bộ giống như họp đại diện các gia đình trong thôn, xóm, tổ dân phố ; hoặc như họp đơn vị công tác, nhắc nhở việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công nhân viên ; hoặc giống như họp công đoàn, nêu nhiều ý kiến về các vấn đề thời sự, chế độ, chính sách, đời sống...

Ở nhiều chi bộ nông thôn, phần lớn đảng viên có quan hệ gia đình, dòng họ, việc khắc phục tư tưởng cục bộ, bản vị rất khó khăn ; hoặc ở những cơ quan, đơn vị có 100% cán bộ, công nhân và nhân viên là đảng viên thì thường lẫn lộn nội dung sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt chuyên môn ; hoặc ở những nơi có một số đảng viên là cán bộ lãnh đạo thiếu tính đảng, thường nêu lý do bận công việc chung, bỏ bê sinh hoạt đảng, dẫn tới tình trạng sinh hoạt chi bộ mang tính hình thức, ít có tác dụng thiết thực.

Để nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, các chi bộ phải xuất phát từ chức năng nhiệm vụ lãnh đạo của mình, nắm chắc tình hình đặc điểm của địa phương, đơn vị để chuẩn bị tốt nội dung cuộc họp và ra nghị quyết về nhiệm vụ của chi bộ trong thời gian tới, tập trung thảo luận, tranh luận để có giải pháp sát đúng đối với việc thực hiện các công tác trọng tâm ; có sự phân công cán bộ, đảng viên phụ trách từng lĩnh vực công tác cụ thể. Mỗi cuộc họp chi bộ, có thể đi sâu vào từng chuyên đề, vừa để nâng cao nhận thức ý thức trách nhiệm của đảng viên, vừa để rút kinh nghiệm sâu sắc trong công tác chỉ đạo đối với những vấn đề cần quan tâm, như lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác ở cơ quan, đơn vị ; hoặc để phổ biến kinh nghiệm phấn đấu tốt của đảng viên, thực hiện có kết quả công tác phát triển đảng viên... Phân biệt rõ tính chất và ranh giới về nội dung họp chi bộ với họp chuyên môn và họp công đoàn ; khắc phục cả *hai* khuynh hướng không đúng đắn : cho rằng chi bộ chỉ bàn những vấn đề về công tác tư tưởng, công tác quần chúng, không bàn các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị ; lẫn lộn chức năng, nhiệm vụ của chi bộ với chức năng nhiệm vụ của chính quyền và cơ quan quản lý. Cả hai khuynh hướng đó đều hạ thấp vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng.

Bốn là, *tăng cường hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất*

Digitized by Google

lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cấp cơ sở.

Tình hình hiện nay đặt ra những yêu cầu mới cao hơn về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ cơ sở.

Đội ngũ cán bộ ở cơ sở hiện nay chủ yếu được tuyển lựa từ những người ưu tú trong phong trào cách mạng của quần chúng và trong các hoạt động thực tiễn. Số anh chị em này có nhiều mặt hạn chế về trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ. Chúng ta đã khắc phục bằng cách tích cực bồi dưỡng anh chị em qua các trường lớp ngắn ngày và trong công tác thực tế. Số cán bộ được qua đào tạo có hệ thống ở các trường lớp chính quy cũng dần dần tăng lên, nhưng vẫn chưa chiếm tỷ lệ cao trong toàn thể đội ngũ.

Tình hình mới đòi hỏi sự kết hợp tốt hơn tất cả các nguồn cán bộ hiện có, từng bước phát triển mạnh mẽ hơn nguồn cán bộ được tuyển lựa và được đào tạo cơ bản chính quy, có phẩm chất và có thành tích học tập tốt, trở về công tác ở cơ sở, qua thử thách trong công tác thực tế và được giao công việc từ thấp tới cao, trưởng thành vững chắc từ môi trường cơ sở mà đi lên.

Tăng cường chất lượng các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các cấp, các ngành, nhất là trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, để làm tốt hơn công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở và đảng viên theo quy định.

Tiếp tục làm tốt việc xây dựng, củng cố đội ngũ cấp ủy viên và cán bộ chủ chốt ở cơ sở, bảo đảm cả hai mặt đức, tài, "vừa hồng, vừa chuyên". Cần xây dựng đồng bộ các chức danh bí thư, chủ tịch, giám đốc, thủ trưởng các đơn vị. Ở các xã, phường nói chung, phải bảo đảm yêu cầu đa số bí thư đảng ủy, chi ủy có đủ điều kiện để được giới thiệu ứng cử làm chủ tịch Hội đồng nhân dân, đa số bí thư chi bộ làm trưởng thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố... Ở các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cơ quan, đa số bí thư đảng ủy phải là những đồng chí được tuyển lựa trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở các đơn vị đó.

Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, cải tiến chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở. Chú trọng công tác phát triển đảng viên gắn với quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ ở những nơi nguồn cán bộ tại chỗ còn mỏng, như ở các vùng miền núi, các phường trong các đô thị, các trường đại học, các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... Điều động cán bộ ở các cấp bên trên để tăng cường cho những nơi cán bộ còn thiếu và yếu, hoặc ở những cơ sở mới được thành lập.

Năm là, *tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên, nhất là cấp trên trực tiếp của cơ sở.*

Các cấp ủy phải tin tưởng và *phát huy mạnh mẽ tinh chủ động và sáng tạo của tổ chức cơ sở đảng, đồng thời tăng cường trách nhiệm chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên* đối với các cơ sở, nhất là các cơ sở trọng điểm và đơn vị yếu kém ; tiếp tục bổ sung luật pháp, đổi mới cơ chế, chính sách ở tầm vĩ mô, tạo những điều kiện thuận lợi cho cơ sở hoạt động.

Cần sắp xếp lại tổ chức và sự chỉ đạo ở khâu cấp trên của các TCCSĐ trong các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, sao cho đầu mối gọn hơn, chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức được xác định rõ hơn. Các tổ chức đó cần tập trung chỉ đạo làm tốt các mặt công tác tư tưởng, công tác kiểm tra, công tác đảng viên... ở các đơn vị trực thuộc, đồng thời phối hợp với các ban cán sự đảng, đảng đoàn và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn và công tác cán bộ ở các cơ quan, đơn vị đó ; phối hợp với các cấp ủy địa phương để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm tốt các mặt công tác xã hội, thực hiện luật pháp trên địa bàn ❑

Digitized by Google

TỈNH GIA LAI TIẾP TỤC ĐỔI MỚI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGUYỄN VĂN SỸ *

THỰC hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới ở một tỉnh Tây nguyên như tỉnh Gia lai phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa như thế nào là một công việc không ít khó khăn. Bởi vì, điểm xuất phát về kinh tế, xã hội nói chung của Gia lai là rất thấp. Ngay sau khi được giải phóng, Gia lai ở trong tình trạng xơ xác hoang tàn, nghèo nàn và lạc hậu. Sản xuất chủ yếu còn ở phương thức giản đơn "phát, đốt, chọt, tỉa", và với lối sống du canh du cư cùng các hủ tục nặng nề. Sau những năm xây dựng lại đất nước, đặc biệt là những năm đổi mới, tình hình của Gia lai có khá hơn. Đó là do đảng bộ và nhân dân tỉnh Gia lai đã tìm ra *những giải pháp đúng đắn*, phù hợp với hoàn cảnh riêng như :

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng ; phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp toàn diện, gắn với công nghiệp chế biến và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ; phát triển các ngành dịch vụ.

Không ngừng tăng quy mô đầu tư trên địa bàn của tỉnh ; chú ý đầu tư cho phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Đẩy mạnh phát triển các mặt của đời sống xã hội, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển.

Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên củng cố ổn định chính trị, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

Tuy nhiên, trong những năm tới, để có thể góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và hòa mình vào dòng chảy lớn của cả nước, Gia lai phải quyết tâm phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra. Trước mắt, đảng bộ và nhân dân tỉnh Gia lai cố gắng làm tốt một số công việc cơ bản sau :

1 - *Phát triển nông nghiệp, nông thôn và công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Về nông nghiệp : Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp toàn diện, tạo vùng nguyên liệu tập trung với quy mô lớn, bảo đảm năng suất, chất lượng, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa phù hợp với thị trường, gắn với chế biến sản phẩm bằng công nghệ tiến bộ, hiện đại. Đẩy mạnh thâm canh, đa canh, áp dụng rộng rãi công nghệ sinh học, thực hiện từng bước cơ giới hóa, điện khí hóa, phấn đấu đạt diện tích các loại cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Khai thác tốt diện tích lúa nước hiện có, đồng thời tăng thêm diện tích lúa nước ở những nơi có điều kiện thủy lợi như huyện Ayun-pa. Tăng năng suất bằng cách áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống mới, phân, bảo vệ thực vật. Giữ vững và phát triển các loại cây màu, đặc biệt là ngô lai (kể cả ngô vụ đông xuân), sắn, đưa sản lượng lương thực quy thóc dự tính đạt 286 500 tấn vào năm 2000. Thực hiện giao lưu với các vùng để bảo đảm cân đối an toàn lương thực của tỉnh trong mọi tình huống.

* Nguyên Ủy viên trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Gia lai

Digitized by Google

Chú ý phát triển cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày. Đến năm 2000 diện tích cây cao su là cây công nghiệp chủ lực của tỉnh phải đạt được 50 000 ha, cà phê đạt diện tích từ 30 000 đến 35 000 ha, chè đạt diện tích 2 450 ha, điều 20 000 ha, mía từ 10 000 đến 12 000 ha, lạc 10 000 ha...

Phát triển mạnh chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc. Phấn đấu đến năm 2000 chăn nuôi sẽ trở thành ngành sản xuất quan trọng, chiếm từ 25% đến 30% GDP trong ngành nông nghiệp của tỉnh. Cụ thể là đưa tổng đàn gia súc lên 611 400 con trong đó gồm 16 400 con trâu, 305 000 con bò, 290 000 con lợn. Từng bước áp dụng phương thức chăn nuôi công nghiệp để có lượng sản phẩm hàng hóa lớn, có chất lượng cao cung cấp cho chế biến và xuất khẩu. Thực hiện tốt công tác lai tạo giống theo hướng trọng tâm là "sin hóa" đàn bò và "nạc hóa" đàn lợn. Củng cố các cơ sở thú y, bảo đảm an toàn dịch bệnh. Quy hoạch đồng cỏ và xây dựng một số cơ sở chế biến thức ăn gia súc để tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi phát triển.

Về lâm nghiệp : Phát huy mọi nỗ lực để xây dựng và phát triển vốn rừng. Bảo vệ và giữ gìn các loại động, thực vật rừng quý hiếm. Phát huy chức năng phòng hộ và bảo vệ môi trường của rừng. Tăng thêm nguồn tài nguyên sinh học, đáp ứng nhu cầu về lâm sản cho công nghiệp chế biến hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Phát triển nền lâm nghiệp xã hội, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia bảo vệ, trồng rừng và phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Tổ chức lại ngành lâm nghiệp nhằm bảo vệ và phát triển vốn rừng để đẩy nhanh tiến độ giao đất, khoán rừng, bảo đảm rừng và đất rừng có chủ cụ thể, gắn với lợi ích của người lao động. Tổ chức quản lý, bảo vệ tốt số diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh khoanh nuôi, tái sinh và trồng rừng, nâng độ che phủ lên 51% năm vào 2000, nhằm làm giàu và phát triển vốn rừng. Khai thác tài nguyên rừng theo đúng quy trình, quy phạm, gắn với công nghiệp chế biến. Nghiêm trị những kẻ khai thác gỗ trái phép, hạn chế và đi đến chấm dứt nạn phá rừng làm rẫy. Gắn các mục tiêu phát triển lâm nghiệp với công tác định canh, định cư, tạo công ăn việc làm cho nhân dân ở vùng có rừng, nhất là số đồng bào sống du canh, du cư.

Về phát triển nông thôn : Coi trọng việc tổ chức thực hiện các chính sách khuyến khích và hỗ trợ mạnh cho nông, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến ở nông thôn (như chính sách thuế, giá nông sản, tín dụng, chuyển giao công nghệ, sử dụng đất...) để vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa bảo đảm tăng nhanh thu nhập cho nông dân và dân cư nông thôn. Xúc tiến việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn theo hướng mở mang công nghiệp và dịch vụ. Phát triển đa dạng công nghiệp chế biến và tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, thị tứ, thị trấn gắn với công nghiệp ở đô thị lớn trong tỉnh và vùng. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Coi trọng xây dựng kết cấu hạ tầng ở vùng nông thôn, đặc biệt vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Về công nghiệp : Phát triển theo hướng đầu tư có trọng điểm vào các ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghiệp chế biến nông, lâm sản và sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng mác cao, gạch nung, đá ốp lát xuất khẩu... Đồng thời với việc đẩy nhanh tốc độ phát triển và cải tạo đàn bò, lợn, nghiên cứu và triển khai xây dựng nhà máy chế biến súc sản. Phát triển các ngành công nghiệp điện, nước, cơ khí, khai khoáng (than bùn làm phân vi sinh, vàng, đá quí...) và một số ngành công nghiệp hàng tiêu dùng phục vụ đời sống.

Trong phát triển công nghiệp cần, chú trọng việc kết hợp giữa công nghệ hiện đại với trình độ cơ khí, nửa cơ khí và thủ công ; giữa quy mô vừa và nhỏ, giữa tập trung ở đô thị và phân tán ở nông thôn một cách hợp lý, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Đến năm 2000, hoàn thành một số công trình công nghiệp đưa vào sản xuất như : cải tạo và xây dựng mới các nhà máy chế biến cao su ở Đức cơ, Chư Prông, Chư sê, mỗi nơi có công suất

Digitized by Google

từ 1 500 tấn đến 2 500 tấn/năm. Xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm cao su gồm sản phẩm cao cấp như săm lốp ô tô, xe máy, sản phẩm cao su gia dụng phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa nhà máy chế biến chè Bàu cạn và Biển hồ. Hoàn thành xây dựng và đưa vào sản xuất nhà máy chế biến đường ở Ayun-pa công suất 1 000 tấn mía/ngày. Tiếp tục phát triển vùng trồng mía và nghiên cứu xây dựng thêm nhà máy đường để đưa công suất toàn tỉnh lên 3 000 tấn mía/ngày sau năm 2000. Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến hạt điều xuất khẩu có công suất 5 000 tấn/năm ở vùng nguyên liệu. Hình thành hai trung tâm chế biến gỗ tại An khê và Plei-ku với công nghệ hiện đại để tinh chế gỗ xuất khẩu quy mô 25 000 m^3 gỗ tròn/năm. Ngoài dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng với công suất 44 000 tấn/năm, và nhà máy của Bộ xây dựng có công suất 8,2 vạn tấn/năm, tiếp tục khảo sát, đánh giá trữ lượng vùng nguyên liệu và các điều kiện sản xuất - kinh doanh để xây dựng nhà máy xi măng có công suất lớn hơn và có công nghệ tiên tiến hơn vào các năm tiếp theo. Xây dựng nhà máy sản xuất gạch bằng phương pháp lò nung tuy - nen công suất 20 triệu viên/năm tại Chư-pa. Ngoài ra xây dựng một số cơ sở sản xuất gạch ngói tại An khê, Ayun-pa... Ngoài các công trình trên đây, cần đầu tư nghiên cứu xây dựng các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy ; chế biến dầu thực vật, thức ăn gia súc, các loại bánh kẹo, thuốc chữa bệnh, khai thác khoáng sản, cơ khí, điện máy và điện tử.

2 - *Xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các vùng lãnh thổ.*

Khắc phục tình trạng xuống cấp của hệ thống giao thông hiện có ; nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Mở rộng các tuyến chính trong nội thị và nâng cấp các tuyến vành đai thị xã Plei-ku, đường nội thị các thị trấn lớn như An khê, Ayun-pa và các thị trấn khác. Tiếp tục đầu tư nâng cấp một số tuyến quan trọng liên huyện, liên xã, đến các trung tâm kinh tế, cụm dân cư, biên giới và vùng căn cứ cách mạng cũ.

Đầu tư dứt điểm và đưa vào khai thác có hiệu quả công trình thủy lợi Ayun-hạ, phát huy tốt năng lực tưới của các công trình hiện có, đồng thời ưu tiên đầu tư một số công trình chủ yếu là đập dâng thuộc loại vừa và nhỏ, phục vụ tưới cho cây lương thực và cây công nghiệp. Hỗ trợ xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ với phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm". Nhanh chóng hoàn thiện hệ thống mạng lưới điện quốc gia đến trung tâm huyện, từng bước điện khí hóa nông thôn theo từng cụm xã và các xã có điều kiện nhận điện lưới quốc gia. Phấn đấu từ 50% đến 60% số xã có điện vào năm 2000. Đầu tư xây dựng một số công trình thủy điện nhỏ ở những xã, làng, cụm làng không có điện lưới. Cải thiện điều kiện cấp thoát nước cho thị xã Plei-ku, xây dựng các hệ thống cấp nước cho các thị trấn. Đầu tư thỏa đáng cho chương trình nước sạch nông thôn của tỉnh, đặc biệt các vùng thiếu nước sinh hoạt vào mùa khô. Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin liên lạc, chú ý phát triển liên lạc điện thoại. Đến năm 2000 đạt 70% số xã, 47 cụm xã đều có nhà bưu cục. Coi trọng đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng nhằm phục vụ giáo dục, y tế, khoa học, văn hóa, thông tin, thể thao, để từ đó tạo nên bước chuyển biến mạnh trong chiến lược xây dựng con người theo tinh thần nghị quyết của Đảng đã đề ra.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và phân vùng kinh tế của tỉnh đã hình thành hai vùng kinh tế Đông và Tây Trường sơn mà từng bước tiến hành điều chỉnh cơ cấu kinh tế của từng vùng nhằm khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng. Xây dựng thị xã Plei-ku trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng Tây Trường sơn, gắn với hành lang kinh tế dọc theo các trục đường 19, 14 ; hình thành rõ chức năng kinh tế : công nghiệp - thương mại - dịch vụ. Vùng Tây Trường sơn hướng tới việc xây dựng các vùng sản xuất tập trung cao su, cà phê, chè,

Digitized by Google

lạc... gắn với công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng. Vùng Đông Trường sơn phát triển ưu thế về cây công nghiệp như điều, mía, mè (vừng), thuốc lá, gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển cây lương thực, đặc biệt là lúa nước ở Ayun-pa. Tiếp tục đầu tư cho hai thị trấn An khê, Ayun-pa thành hai trung tâm của vùng và trở thành thị xã, đặc biệt là đối với An khê cửa ngõ giao lưu kinh tế với các tỉnh bạn.

3 - *Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, mở rộng các loại hình dịch vụ, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.*

Cố gắng thực hiện tốt nội dung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từ nay đến năm 2000 là xóa bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng với cả nước tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường như thị trường tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và dịch vụ ; thị trường sức lao động, thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Khắc phục các vấn đề tồn tại của thị trường như cấm chợ, ngăn sông, kinh doanh ngầm, thị trường ngầm, độc quyền bằng hành chính, mệnh lệnh trong kinh doanh... Đổi mới công tác kế hoạch hóa theo hướng vận dụng cơ chế thị trường để định hướng thị trường theo sự quản lý của nhà nước, nâng cao chất lượng lập các dự báo, các cân đối lớn của nền kinh tế và các giải pháp, cơ chế chính sách có cơ sở khoa học và thực tiễn để bảo đảm tính vững chắc của kế hoạch. Kế hoạch phải bao quát được toàn bộ các nguồn lực phát triển ở tất cả các thành phần kinh tế. Tập trung cho việc xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng các chương trình, dự án. Từng bước chuyển dần sang điều hành kế hoạch trung hạn trên cơ sở phân định rõ kế hoạch từng năm. Thực hiện tốt cơ chế đấu thầu các công trình, dự án đối với phần vốn đầu tư tập trung của ngân sách nhà nước. Tiếp tục rà soát, bổ sung, chấn chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp ; làm tốt công tác quy hoạch đô thị (kể cả thị xã Plei-ku và các thị trấn, thị tứ). Quán triệt và thực hiện tốt các chính sách đổi mới đối với các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, giá cả, ngân hàng ; đẩy mạnh hoạt động thương mại, xuất khẩu và dịch vụ trong giai đoạn mới. Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của nhà nước, khắc phục hoặc hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, tạo điều kiện cho người sản xuất kinh doanh làm ăn phát đạt, quản lý tài sản công ; kiểm kê, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội, giữ nghiêm kỷ cương, phép nước.

4 - *Nâng cao đời sống văn hóa - xã hội, giáo dục đào tạo, chăm lo sức khỏe cho nhân dân.*

Về đời sống văn hóa - xã hội : Duy trì và phát triển nền văn hóa tiên tiến, bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa nghệ thuật của đồng bào các dân tộc. Kế thừa và phát huy giá trị đạo đức và thẩm mỹ, các di sản văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc trong tỉnh, đi đôi với học tập, tiếp thu tinh hoa văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc anh em trong nước và thế giới. Xây dựng tinh thần dân tộc chân chính. Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, đưa văn hóa văn nghệ tới các vùng cao, vùng sâu, trên cơ sở phát triển mạnh mạng lưới thông tin qua các kênh nghe, nhìn. Đến năm 2000 phủ sóng phát thanh 100% và nâng diện phủ sóng truyền hình lên 70% diện tích lãnh thổ. Thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, phim ảnh, và các hình thức nghệ thuật khác, hướng dẫn nhân dân hiểu biết và làm theo pháp luật, khắc phục tệ mê tín dị đoan, phát huy gương người tốt việc tốt, xây dựng văn minh xã hội, lối sống lành mạnh, phê phán lối sống buông thả, tâm lý vọng ngoại, lai căng, mất gốc về văn hóa. Hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu phát triển của giai đoạn mới.

Giải quyết cơ bản vấn đề định canh định cư đối với đồng bào dân tộc. Tiếp nhận và bố trí dân cư từ nơi khác đến. Xây dựng một số vùng kinh tế mới gắn với việc giao đất, khoán

Digitized by Google

rừng, bảo đảm ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân, trước hết là đồng bào vùng căn cứ cách mạng, vùng xa xôi hẻo lánh. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi gia đình đầu tư mở mang ngành nghề, tạo việc làm cho người lao động. Mọi hoạt động tạo ra thu nhập hợp pháp đều được coi là việc làm chính đáng. Mọi công dân đều được tự do hành nghề, thuê mướn nhân công. Phát triển dịch vụ việc làm... Thực hiện công bằng xã hội và các chính sách xã hội như : tổ chức thực hiện tốt pháp lệnh về người có công và các chính sách hỗ trợ bà con tạo việc làm, tăng thu nhập ; đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện, tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc, bảo trợ trẻ em mồ côi, lang thang, cơ nhỡ, người già neo đơn, nạn nhân chiến tranh, người tàn tật ; bài trừ tham nhũng, hối lộ, chống lãng phí xa hoa, đẩy lùi các tệ nạn xã hội ; thực hiện đồng bộ các biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và pháp luật để phòng chống các tệ nạn cờ bạc, mại dâm, ma túy ; truy cứu đến cùng các vụ tham ô.

Về giáo dục, đào tạo : Phấn đấu nâng cao dân trí, tạo nền tảng học vấn cần thiết cho mọi người, nhất là thanh thiếu niên. Coi trọng cả ba mặt : mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Ngăn chặn tình trạng xuống cấp trong giáo dục, đào tạo. Phấn đấu đến năm 2000 cơ bản xóa mù chữ cho số người trong độ tuổi quy định (từ 13 đến 35 tuổi) phổ cập cấp I cho thanh niên nông thôn và thanh niên người dân tộc. Phổ cập cấp II cho thanh niên thành thị trong độ tuổi từ 15 đến 35. Nâng tỷ lệ trẻ em từ 6 - 14 tuổi đến lớp lên trên 90%, độ tuổi mầm non đến lớp lên 40%. Chú trọng công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân lành nghề bằng các biện pháp và các hình thức thích hợp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. Đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo cán bộ là con em đồng bào các dân tộc. Đầu tư thỏa đáng để củng cố và phát triển hệ thống các trường dân tộc nội trú. Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích đối với giáo viên dạy giỏi và học sinh học giỏi ; chính sách đãi ngộ đối với giáo viên vùng sâu, vùng khó khăn. Có biện pháp thu hút các nguồn đầu tư trong và ngoài nước (các giới, các xí nghiệp, các tổ chức, cá nhân) cho giáo dục đào tạo.

Về chăm lo sức khỏe cho nhân dân : Tiếp tục củng cố hệ thống y tế nhà nước, đặc biệt là y tế làng, xã và huyện, nơi giữ vai trò chủ yếu trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho đồng bào dân tộc, người nghèo, cho các gia đình chính sách. Tăng đầu tư của nhà nước kết hợp với tạo thêm các nguồn kinh phí khác cho y tế như phát triển bảo hiểm, tranh thủ nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế. Khuyến khích và quản lý tốt hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân của các tổ chức và cá nhân. Nâng cao chất lượng đào tạo, có chính sách đãi ngộ để sử dụng tốt cán bộ y tế hiện có, nhất là những cán bộ y tế công tác ở làng, xã. Ngăn chặn tình trạng xuống cấp trong ngành y tế và các hiện tượng tiêu cực trong các dịch vụ y dược. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, khống chế và đẩy lùi các bệnh sốt rét, phong, dịch tả, ly, bướu cổ..., tăng cường công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, kết hợp với kế hoạch hóa gia đình. Phấn đấu đến năm 2000, hạ tỷ lệ sốt rét xuống còn 1 - 2%, hạ tỷ lệ bướu cổ xuống 10 - 15%, hạ tỷ lệ mắc bệnh phong xuống còn 0,001%, giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống 2% ; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống 30%, tiêm chủng mở rộng cho 90% trẻ em, giảm tỷ lệ sinh hằng năm 0,06%.

Đồng thời với việc phát triển sản xuất và chăm sóc tốt hơn mọi mặt xã hội đối với nhân dân trong tỉnh, lãnh đạo tỉnh Gia lai cũng đặc biệt chú trọng công tác quốc phòng, an ninh, công tác mặt trận, xây dựng chính quyền và xây dựng Đảng theo các quan điểm, nội dung mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đề ra ❑

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ THỊ XÃ HƯNG YÊN VỚI MỤC TIÊU PHỤC HƯNG PHỐ HIẾN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

TRẦN HIỆP *

THỊ xã Hưng yên ngày nay (Phố Hiến xưa) có lịch sử rất lâu đời. Từ thế kỷ XVI, dưới thời Lê - Trịnh, nơi đây là trụ sở của Ty hiến sát trấn Sơn nam, gọi là Hiến nam hay Hiến doanh, vì thế mới xuất hiện cái tên Phố Hiến. Phố Hiến nằm trên bờ tả ngạn sông Hồng, là một cảng sông, thuyền bè ra vào tấp nập nên còn có tên là Vạn Lai Triều. Nhờ vị trí địa lý thuận lợi và những tiềm năng kinh tế được khai thác, sử dụng tốt ; đồng thời nhờ chính sách hợp lý của nhà nước phong hiến nước ta lúc đó, Phố Hiến đã phát triển rất nhanh, không chỉ là trung tâm buôn bán của miền Bắc, mà còn là nơi giao lưu, buôn bán của nhiều địa phương trong nước và một số nước Á, Âu. Từ nửa cuối thế kỷ XVI đến thế kỷ XVII, Phố Hiến rất thịnh đạt, đông vui, nhộn nhịp, có tới 20 phường, trong đó có 8 phường thủ công với hàng vạn dân. Phố Hiến thời kỳ đó đã thật sự trở thành một "tiểu kinh đô". Văn bia ở chùa Thiên ứng dựng năm 1625 đã ghi nhận : "Phố Hiến là nơi đô hội tiểu Tràng an của bốn phương" (Hiến Nam danh thị tứ phương đô hội tiểu Tràng an dã). Và đến nay, nhiều người vẫn còn nhớ câu "thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến".

Sang thế kỷ XVIII, sông Hồng đổi dòng, bến cảng dần dần bị cát vùi, tàu bè khó cập bến ; thiên tai liên tiếp và chiến tranh, loạn lạc kéo dài, vì thế triều đình Lê - Trịnh phải thay đổi chính sách, chuyển lỵ sở trấn Sơn nam sang nơi khác. Các thương điếm của những người nước ngoài lần lượt đóng cửa, các nhà buôn rút dần. Những biến động về thiên nhiên và xã hội nêu trên là nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm của Phố Hiến.

Năm 1831, dưới thời nhà Nguyễn, vua Minh Mạng cho thành lập tỉnh Hưng yên, đặt tỉnh lỵ ở Phố Hiến, các hoạt động kinh tế - xã hội ở nơi đây có khá hơn nhưng không được phục hồi như trước.

Sau này, qua các cuộc chiến tranh, thị xã Hưng yên bị tàn phá nặng nề. Và từ đó tới những năm gần đây, thị xã Hưng yên hầu như bị lãng quên, chỉ còn lại trên 60 di tích ghi đậm nét dấu ấn một thời kỳ hưng thịnh của Phố Hiến trong lịch sử xa xưa.

Trong công cuộc đổi mới, cùng với nhân dân Hải hưng và nhân dân cả nước, đảng bộ và nhân dân thị xã Hưng yên đã và đang phát huy truyền thống vẻ vang, sử dụng có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh của mình, quyết tâm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện nhằm mục tiêu *phục hưng Phố Hiến xưa (thị xã Hưng yên ngày nay) theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Mục tiêu nêu trên có đúng hướng không, có phù hợp với tình hình thực tế và hợp lòng dân hay không ? Đó là những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có lời giải đáp một cách có căn cứ khoa học và có sức thuyết phục.

Câu trả lời rất gọn của chúng tôi là : đúng hướng, hợp với tình hình thực tế và hợp lòng dân. Sở dĩ nói như vậy bởi vì :

Thứ nhất, Hưng yên nằm ở vị trí trung tâm đồng bằng sông Hồng ; là nơi hội tụ của ba con sông : sông Hồng, sông Luộc, sông Châu ; giao thông đường thủy và đường bộ đều thuận tiện. Từ thị xã, ngược sông Hồng hơn 50 km là tới thủ đô Hà nội. Nếu xuôi sông Hồng đến ngã ba Tuần Vường, từ Tuần Vường có thể về Thái bình, Nam định để ra biển. Theo sông Luộc có thể đi Ninh giang, Kiến an ra cảng Hải phòng. Từ trung tâm thị xã, theo đường 39A đi hơn 60 km tới thủ đô Hà nội ; theo đường 39B khoảng 50 km tới thị xã

* Tỉnh ủy viên, Bí thư thị ủy Hưng yên

Digitized by Google

Hải dương ; đi về hướng Đông Nam hơn 10 km đến cầu Triều dương, qua sông Luộc, sang tỉnh Thái bình ; về phía Tây 2 km đến bến phà Yên lệnh, qua sông Hồng, đi khoảng 10 km nữa là tới quốc lộ 1A đi các tỉnh phía Nam. Do giao thông thuận tiện như vậy cho nên trong nhiều thời kỳ, Phố Hiến xưa (thị xã Hưng yên ngày nay) đã trở thành vị trí chiến lược quan trọng trong công cuộc phòng thủ đất nước, chống giặc ngoại xâm, cũng như trong xây dựng và phát triển kinh tế. Rồi đây, nếu tỉnh và trung ương phê duyệt phương án mở rộng thị xã, với diện tích, số đơn vị hành chính và dân số tăng gấp đôi hiện nay (trong đó gồm tất cả những địa điểm nằm trong khu vực Phố Hiến xưa) thì thế mạnh của thị xã Hưng yên sẽ được khai thác và phát huy gấp bội.

Thứ hai, thị xã Hưng yên có một quần thể di tích lịch sử, văn hóa đa dạng và độc đáo. Trên 60 di tích ở đây đều gắn với những địa danh, những nhân vật lịch sử và huyền thoại được bảo tồn, trong đó có 9 di tích được nhà nước xếp hạng, cùng hàng trăm bia ký và cổ vật có giá trị, minh chứng cho một vùng đất văn minh và giàu đẹp ở đồng bằng sông Hồng. Quần thể di tích lịch sử văn hóa Phố Hiến là tiềm năng du lịch rất lớn của thị xã Hưng yên. Cuối năm 1992, Hội khoa học lịch sử Việt nam cùng với địa phương đã tổ chức cuộc hội thảo khoa học quốc tế về Phố Hiến. Các đại biểu tham dự hội thảo (kể cả trong nước và nước ngoài) đều nhất trí khẳng định những giá trị đích thực của nó. Chính vì thế mới đây Bộ văn hóa - thông tin đã phê duyệt đầu tư gần 5 tỉ đồng để trùng tu, tôn tạo quần thể di tích này.

Thứ ba, nhân dân thị xã Hưng yên có truyền thống cách mạng và trình độ dân trí phát triển khá, lao động cần cù và sáng tạo.

Mục tiêu phục hưng Phố Hiến theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xác định bởi những nội dung cụ thể. Đó là :

1 - *Tập trung sự ưu tiên cho xây dựng kết cấu hạ tầng*, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phấn đấu đưa thị xã Hưng yên trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ và du lịch của tỉnh Hải hưng nói riêng và của cả khu vực đồng bằng sông Hồng nói chung.

Giao thông và thông tin liên lạc là mục tiêu ưu tiên đầu tư số một trong những năm qua với tổng số vốn gần 20 tỉ đồng. Hệ thống thông tin liên lạc trong và ngoài nước được nâng cấp và đổi mới nhanh chóng cả về thiết bị và phương tiện phục vụ. Đường nội thị được rải nhựa, đường nông thôn được nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và lưu thông hàng hóa. Những tuyến đường chính qua thị xã đã và đang được nâng cấp. Cầu Triều dương trên sông Luộc mới hoàn thành. Phà Yên lệnh trên sông Hồng đang được xây dựng với dự toán gần 8 tỉ đồng sẽ tăng cường hơn nữa sự giao lưu kinh tế - xã hội giữa thị xã với các huyện, tỉnh bạn tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển vào những năm sau.

Xây dựng cơ bản cũng được đầu tư 15 tỉ đồng. Gần 30 hạng mục quan trọng như trạm tưới bãi Lam sơn, trạm bơm Cửa gàn, nhà xưởng của Công ty may Hưng yên, nhà Bưu điện, Trường trung học sư phạm và các trường phổ thông... được xây dựng đã thiết thực phục vụ sản xuất, học tập, sinh hoạt của các tầng lớp nhân dân, đồng thời cũng thực sự làm thay đổi cảnh quan của Thị xã.

2 - *Xây dựng cho được một cơ cấu kinh tế phù hợp.*

Xuất phát từ tình hình thực tế hiện nay và hướng phát triển của thị xã trong những năm tới, chúng tôi xác định cơ cấu kinh tế : công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp - thương mại, dịch vụ và du lịch với tỷ lệ 6-2-2.

Trên địa bàn Thị xã hiện nay có 4 doanh nghiệp của trung ương, 6 doanh nghiệp của tỉnh, 12 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, hàng trăm tổ hợp sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Dệt, may, nhựa, vật liệu xây dựng và chế biến nông sản là những ngành mà Thị xã chú trọng. Bạ năm gần đây, công nghiệp trên địa bàn Thị xã phát triển theo hướng hiện đại hóa với tốc độ khá cao. Hằng năm, mức tăng trưởng bình quân đạt 55%, doanh thu tăng gần 60%. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1995 đạt 107 tỉ đồng. Một số doanh nghiệp như Công ty may, Công ty nhựa, Nhà máy thực phẩm xuất khẩu... được hiện đại hóa nhanh, có mức doanh thu lớn, thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên khá cao. Các doanh nghiệp quốc doanh hằng năm đều hoàn

Digitized by Google

thành nghĩa vụ đối với nhà nước và tự khẳng định vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế quốc dân trên địa bàn Thị xã. Liên doanh giữa Công ty nhựa Hưng yên với Công ty Ni-chi-men (Nhật bản) có tổng số vốn đầu tư 150 tỉ đồng, với Công ty Rê-sin (Hàn quốc) có tổng số vốn đầu tư 5 tỉ đồng đã được thực hiện. Những hợp đồng với các công ty nước ngoài của Công ty may Hưng yên, Công ty may II Hải hưng, Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Hải hưng đã mở ra một thời kỳ mới trong kinh tế đối ngoại của Thị xã. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp với những sản phẩm truyền thống như mũ, bao tải đay, may mặc, dệt thảm len, vật liệu xây dựng... sau nhiều năm khó khăn, ách tắc nay đã bước đầu đi vào thế ổn định và phát triển, giải quyết công ăn việc làm cho một lực lượng lao động đáng kể của Thị xã, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng thiết yếu tại chỗ, góp phần ổn định đời sống của một bộ phận nhân dân, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Nhờ liên doanh liên kết kinh tế với các doanh nghiệp quốc doanh sản xuất hàng xuất khẩu nên giá trị tổng sản lượng của toàn ngành tiểu thủ công nghiệp năm 1995 đã lên tới 3,8 tỉ đồng.

Phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện đi đôi với việc xây dựng nông thôn mới là lĩnh vực được đảng bộ thị xã quan tâm chỉ đạo :

Năng suất lúa trong những năm 1991 - 1995 trung bình hằng năm tăng 17,5%, bình quân đầu người tăng 51 kg so với 5 năm trước. Năm 1995, năng suất, tổng sản lượng lúa đạt cao nhất từ trước tới nay. Diện tích trồng đay ở đồng mầu, trồng sen ở đồng trũng, cũng tăng hơn mấy năm trước. Đặc biệt, nghề trồng dâu nuôi tằm truyền thống được phục hồi và phát triển khá. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển (đàn lợn tăng 39%, đàn bò tăng 27,8%, sản lượng cá tăng 53%).

Trong kinh tế nông nghiệp, chúng tôi chú ý phát triển các loại cây, con có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là cây nhãn. Nhãn lồng Hưng yên với vị ngọt đậm đà là một sản phẩm từ bao đời nay đã được nhân dân cả nước biết đến và ưa chuộng : "Dù ai buôn Bắc, bán Đông ; đố ai quên được nhãn lồng Hưng yên". Nếu tính giá trị kinh tế, một cây nhãn bằng một sào lúa, một tạ nhãn quả bằng một tấn thóc. Cây nhãn những năm gần đây đã phát huy hiệu quả kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập cho nhiều hộ nông dân các xã ven thị. Chẳng hạn xã Lam sơn, năm 1995 thu từ nông nghiệp được hơn 1 tỉ đồng, nhưng thu từ nhãn được hơn 7 tỉ đồng. Chính vì nhãn có giá trị kinh tế cao như vậy, nên Thị ủy chủ trương "nhãn hóa các vườn tạp", tập trung chuyển 150 ha đất cấy lúa một vụ và rau màu sang trồng nhãn, phấn đấu đến năm 2000 trồng từ 25 đến 30 nghìn cây nhãn để có từ 3 500 đến 4 000 tấn quả tươi. Thực tế cho thấy, phát triển mạnh cây nhãn là hướng đi đúng, góp phần nâng cao nhanh chóng thu nhập và đời sống của nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, 5 000 hộ nông dân của Thị xã đã được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài ; hình thức và cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp được hình thành phù hợp với thực tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.

Cùng với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, các hoạt động dịch vụ, thương mại và du lịch, trong đó đặc biệt là du lịch cũng được chú ý đẩy mạnh. Hiện tại, do có những khó khăn khách quan và chủ quan, ngành du lịch của Thị xã chưa được phát triển như mong muốn, nhưng chắc chắn trong thời gian không xa nữa nó sẽ được phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng đáng kể trong các ngành kinh tế của Thị xã.

3 - *Mở rộng Thị xã ra vùng phụ cận* bao gồm toàn bộ quần thể di tích lịch sử văn hóa Phố Hiến xưa với diện tích khoảng 45 - 50 km^2, dân số khoảng 10 - 12 vạn người. Huy động mọi nguồn vốn trong nước và nước ngoài để đẩy nhanh nhịp độ đô thị hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; đồng thời duy tu, tôn tạo, bảo tồn khu di tích lịch sử văn hóa Phố Hiến. Từng bước hình thành, tiến tới ổn định và phát triển hai khu công nghiệp ở trung tâm và phía Bắc Thị xã nhằm thu hút lao động, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào Thị xã trên cơ sở thực hiện đúng pháp luật.

4 - *Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng* ; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các loại hình tổ chức cơ sở đảng ; xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên ngang tầm với yêu cầu xây

Digitized by Google

dựng Thị xã theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xây dựng Thị xã theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một nhiệm vụ rất lớn, khá khó khăn và phức tạp. Nhiệm vụ đó có đạt kết quả tốt hay không tùy thuộc vào sự lãnh đạo của đảng bộ Thị xã, trước hết là của Thị ủy ; tùy thuộc vào những con người thực hiện nó, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhận thức như vậy, nên Thị ủy rất quan tâm tới công tác xây dựng Đảng, coi đó là nhiệm vụ then chốt.

- Trước hết, chúng tôi rất chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ; đấu tranh kiên quyết với những tư tưởng cục bộ, bản vị, bè phái ; từ đó tạo ra sự nhất trí cao với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. 5 năm qua có 281 cán bộ, đảng viên, 629 quần chúng ưu tú đã được đào tạo, bồi dưỡng qua các lớp lý luận chính trị và nghiệp vụ chuyên môn.

- Thường xuyên chăm lo xây dựng các loại hình tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, tập trung giải quyết dứt điểm những đơn vị yếu kém. Vì thế, trong 5 năm (1991 - 1995) số đơn vị đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh năm sau cao hơn năm trước. Đến hết năm 1995 số đơn vị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh chiếm trên 60%, trong đó có 6 đơn vị được tỉnh ủy Hải hưng biểu dương và tặng cờ ; chỉ còn 1 đơn vị xếp vào loại yếu từng mặt.

- Trong công tác cán bộ, sau đại hội đại biểu đảng bộ Thị xã lần thứ XV (1991), đội ngũ cán bộ đã được sắp xếp lại nhằm phát huy năng lực của từng người và phù hợp với yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ. Công tác quy hoạch gắn với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được tiến hành thường xuyên. Trong 5 năm (1991 - 1995) Thị ủy đã cử 55 cán bộ, chủ yếu là cán bộ trẻ, kế cận dự các lớp học do trung ương và tỉnh tổ chức. Đội ngũ cán bộ cơ sở đã được đổi mới căn bản ; lực lượng trẻ, có năng lực và phẩm chất được tăng cường.

- Việc quản lý, phân công công tác cho đảng viên theo tinh thần kế hoạch 04 của Tỉnh ủy Hải hưng được Thị ủy quán triệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt ở tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Số đông đảng viên đã phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu trong việc thực hiện nhiệm vụ và rèn luyện phẩm chất, giữ gìn tư cách của người đảng viên. Chất lượng đội ngũ đảng viên ngày càng được nâng cao.

- Công tác phát triển đảng được quan tâm hơn trước. Nhiệm kỳ qua, toàn đảng bộ kết nạp được 265 người vào Đảng, tăng gấp đôi so với nhiệm kỳ trước. Trong số đảng viên mới được kết nạp, thanh niên chiếm 45% ; nữ 46% ; số có trình độ cao đẳng và đại học chiếm 35%.

- Phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc của cấp ủy được đổi mới khá rõ. Trong chỉ đạo, cấp ủy đã chọn những nội dung trọng tâm, then chốt nhất để tập trung giải quyết, nhất là đối với những vấn đề bức xúc đang đặt ra đòi hỏi phải có sự giải quyết kịp thời.

Trên đây là những nội dung chủ yếu nhằm thực hiện mục tiêu phục hưng Phố Hiến xưa (nay là thị xã Hưng yên) theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có những việc chúng tôi đã làm được. Có những việc đang làm. Có những việc sẽ làm trong thời gian tới.

Hướng đi đã rõ. Những nội dung cụ thể cũng đã được xác định. Quyết tâm của đảng bộ và nhân dân thị xã Hưng yên không thiếu. Song có những vấn đề trên thực tế vượt quá tầm với của một đảng bộ cấp huyện, thị ; đòi hỏi phải có sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư thỏa đáng của tỉnh và trung ương. Trước mắt chúng tôi đề nghị tỉnh và trung ương sớm phê duyệt việc mở rộng quy mô Thị xã theo tờ trình của Ủy ban nhân dân Thị xã ; tăng cường đầu tư vốn cho Thị xã xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ nối liền Thị xã với các địa phương bạn ; tạo môi trường thuận lợi để các chủ đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào thị xã Hưng yên.

Với tinh thần : "Đưa nhanh Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vào cuộc sống", đảng bộ và nhân dân thị xã Hưng yên sẽ tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, từ nay đến năm 2000 quyết tâm thực hiện mục tiêu : "Phục hưng Phố Hiến xưa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa" ❑

Digitized by Google

Cảng Sài gòn từng bước vươn lên trong cơ chế thị trường

TRỊNH GIA BAN - NGUYỄN KIM ĐÍNH *

TRONG những năm hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, Cảng Sài gòn chưa bao giờ giải phóng tàu nhanh, đúng hạn định. Đây là nỗi băn khoăn, trăn trở của nhiều đời giám đốc. Điều này do nhiều nguyên nhân như : tổ chức sản xuất chưa phù hợp, công lao động thấp nên công nhân không hào hứng làm việc v.v.. Nhưng nguyên nhân chủ yếu và sâu xa nhất khiến cho sản xuất đình trệ là do trang thiết bị cũ kỹ lạc hậu, vừa thiếu lại không đồng bộ ; cơ chế quản lý quan liêu, cơ sở không có quyền chủ động trong tổ chức sản xuất, việc gì cũng phải chờ lệnh trên. Vì vậy, năng suất bốc dỡ giải phóng tàu rất thấp, hàng hóa thông qua Cảng chỉ đạt khoảng từ 1 đến 2 triệu tấn/năm.

Sản xuất không phát triển kéo theo đời sống của người lao động ngày càng khó khăn. Tình trạng lấy cắp tài sản nhà nước ở Cảng và các tệ nạn xã hội khác xung quanh Cảng thường xảy ra. Đã có thời kỳ phải huy động lực lượng bảo vệ của Cảng phối hợp với lực lượng vũ trang và bán vũ trang để ngăn chặn nhưng tình trạng trên vẫn xảy ra và hàng năm làm thiệt hại hàng tỉ đồng của nhà nước.

Từ khi được giao quyền chủ động sản xuất kinh doanh, (năm 1990) Ban lãnh đạo Cảng Sài gòn đã nhận thức được một hướng phát triển mới. Đó là phải từng bước đầu tư chiều sâu kết hợp với đầu tư mở rộng. Có làm như vậy mới khắc phục được mâu thuẫn giữa một bên là yêu cầu ngày càng lớn của nhiệm vụ xuất - nhập khẩu hàng hóa khi đất nước mở cửa, và chuyển sang nền kinh tế thị trường, với một bên là cơ sở vật chất kỹ thuật còn cũ kỹ, lạc hậu của Cảng.

Để biến nhận thức đó thành hiện thực, trước hết Cảng tổ chức lại sản xuất, lựa chọn cho mình một mô hình thích hợp nhất, để từ một xí nghiệp có quy mô lớn với 4000 cán bộ, công nhân viên và 20 đầu mối trực thuộc, chỉ huy theo kiểu tập trung, chuyển sang hình thức xí nghiệp liên hợp (XNLH) gồm nhiều xí nghiệp, công ty với quy mô vừa và nhỏ, phù hợp với trình độ quản lý của Việt nam. Các công ty, xí nghiệp thực hiện chế độ hạch toán báo sổ và được XNLH giao một số quyền như : tuyển dụng lao động, cho thôi việc, quy định hình thức trả lương, phân phối thu nhập, tổ chức sản xuất trong nội bộ xí nghiệp...

Chỉ sau một thời gian ngắn, hình thức tổ chức sản xuất mới đã phát huy tác dụng rõ rệt, khai thác tốt hơn *năng lực hiện có* của Cảng, mà nhiều năm trước đây mô hình quản lý tập trung không thực hiện được.

Song song với việc tổ chức lại sản xuất, Cảng chủ trương *tìm kiếm nguồn vốn đầu tư* để từng bước đổi mới kỹ thuật, thay thế dần các thiết bị cũ, nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu vận chuyển qua cảng của nền kinh tế thị trường. Nhờ sự giúp đỡ của ngành hàng hải, Ban lãnh đạo Cảng đã tìm ra phương thức vay vốn của các công ty Nhật bản, Pháp và Xin-ga-po bằng thiết bị phù hợp với yêu cầu về vốn và trình độ sử dụng, quản lý của nước ta, quy ra tiền và trả dần bằng cước phí vận chuyển, hoặc bằng phương thức nhận sửa chữa tàu để đổi lấy thiết bị của các công ty này. Bằng các phương thức trên, Cảng đã nhập được 3 máy có sức nâng 22 tấn, 30 tấn và 40 tấn (máy nâng cũ có sức nâng 16 tấn) ; một xe kéo công-te-nơ có sức kéo 40 tấn. Nhờ vậy

* Ban Tổ chức trung ương Đảng

Digitized by Google

Cảng đã đưa sản lượng từ 2 triệu tấn lên 3 triệu tấn/năm.

Năm 1992 - 1993, Cảng tiến hành thêm một bước về các dự án công nghiệp hóa, hiện đại hóa như sử dụng nguồn vốn tự có và vốn vay các ngân hàng nước ngoài (với lãi suất chấp nhận được) để mua sắm các thiết bị mới có tính năng kỹ thuật hiện đại hơn. Đó là : tàu lai dắt mới, có công suất 1000 CV ; loại cần cẩu bánh lốp di động, vừa cẩu được hàng rời, vừa cẩu được hàng công-te-nơ (mỗi lần cẩu được 18 tấn hàng rời, hoặc từ 40 đến 50 tấn hàng công-te-nơ) ; xe cẩu cỡ lớn nâng được 4 tấn và xếp được cao bằng 4 công-te-nơ.

Năm 1994 - 1995, Cảng tiếp tục dùng vốn tự có nhập thêm một xe tải nhẹ, 3 xe gạt, 11 tàu ngoạm, 9 tàu kéo, một cần cẩu chuyên dùng và hàng trăm thiết bị, phương tiện chuyên dùng khác phục vụ công tác quản lý và văn phòng với tổng trị giá 41,263 tỉ đồng ; xây dựng Cảng Tân thuận với các trang thiết bị hiện đại, chuyên bốc xếp hàng công-te-nơ. Những thiết bị này đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả và đạt trên 80% công suất thiết kế ; đưa năng lực bốc xếp của cảng đạt trên 4000 tấn/ngày/tàu (trước kia chỉ đạt 1000 tấn/ngày/tàu) ; giải phóng tàu loại 10 000 tấn chỉ trong 2 - 3 ngày (trước đây mất 10 ngày). Hiệu quả kinh tế được nâng lên rõ rệt, và khả năng hoàn trả vốn trong vòng 3 - 4 năm là hiện thực.

- Năm 1992 tổng sản lượng đạt 5 003 980 tấn, bằng 116,6% kế hoạch và bằng 120,6% so năm 1991. Tổng giá trị thu được 154,504 tỉ đồng, nộp ngân sách 22,034 tỉ đồng. Lợi nhuận đạt 11,037 tỉ đồng.

- Năm 1993 tổng sản lượng đạt 5 505 625 tấn, bằng 110,14% kế hoạch và bằng 110,8% so năm 1992. Tổng giá trị thu được 223,96 tỉ đồng, bằng 144,51% kế hoạch. Lợi nhuận đạt 16,98 tỉ đồng, bằng 154,54% so với năm 1992.

- Năm 1995 tổng sản lượng đạt 7 211 627 tấn, bằng 110,6% kế hoạch và bằng 130,8% so với năm 1993. Tổng giá trị thu được 133,461 tỉ đồng, bằng 130,7% kế hoạch và bằng 148,8% so năm 1993. Nộp ngân sách 37,659 tỉ đồng, bằng 186% kế hoạch. Lợi nhuận đạt 66,367 tỉ đồng, bằng 178,24% kế hoạch và bằng 391,4% so với năm 1993.

Hiện nay không còn hiện tượng tàu chờ ở Cảng ; tình trạng Cảng thường xuyên bị phạt đã được khắc phục, do đó hằng năm tiết kiệm cho nhà nước hàng tỷ đồng. Trong những năm tới nền kinh tế của đất nước phát triển với tốc độ nhanh hơn, công tác xuất nhập ngày càng tăng mạnh. Theo dự đoán của lãnh đạo Cảng Sài gòn, sản lượng hàng hóa qua Cảng có thể lên đến 10 triệu tấn/năm vào năm 2000. Vì vậy, ngay từ bây giờ Cảng phải có dự án để kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Ban lãnh đạo Cảng dự kiến phát triển thêm 5 điểm tiếp nhận tàu, đưa tổng số lên 35 điểm ; tăng thêm bến bãi chứa hàng công-te-nơ (trong tương lai gần, loại hàng chở bằng hình thức này sẽ tăng nhanh) ; đầu tư vào việc tăng thêm diện tích đất đai để nối liền các bến cảng thành hệ thống liên tục, xuyên suốt, vừa thuận lợi cho việc quản lý, vừa tăng năng lực bốc dỡ, và còn phục vụ trực tiếp khu chế xuất Tân thuận v.v.. Dự kiến vốn đầu tư cho các dự án trong những năm tới vào khoảng 55 triệu USD, bằng nhiều nguồn vốn cả trong và ngoài nước.

Qua gần 5 năm thực hiện các chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm cho nhịp độ tăng trưởng của Cảng khá nhanh, bình quân khoảng trên 20% ; thu nhập của người lao động cũng tăng lên (trung bình đạt khoảng 120 USD/người/tháng, (năm 1989 chỉ đạt 288 000 đồng Việt nam). Riêng năm 1995, lương bình quân của một cán bộ công nhân viên là 1,92 triệu đồng/tháng.

Hoạt động sản xuất - kinh doanh phát triển ổn định, đã thúc đẩy và tạo điều kiện cho các hoạt động phúc lợi, cả về vật chất và tinh thần. Ở mức độ nào đó, có thể đánh giá hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Cảng Sài gòn thông qua kết quả hoạt động phong phú, đa dạng của các phong trào về phúc lợi tập thể dành cho văn hóa, thể thao của Cảng trong nhiều năm qua.

Digitized by Google

Cảng Sài gòn có đội tuyển bóng đá đã nhiều năm được xếp hạng A1, nay là ngoại hạng, và 7 đội bóng đá của các xí nghiệp, thường xuyên có khoảng 200 người tham gia các đội bóng chuyền, 150 người tham gia tập và thi đấu các môn : cầu lông, quần vợt, bóng bàn, võ thuật, cờ tướng, có 6 đội văn nghệ khoảng 200 người hằng năm đều tổ chức hội diễn và phục vụ những ngày lễ lớn. Công đoàn Cảng hằng năm đã tổ chức cho hàng nghìn lượt người đi tham quan nghỉ mát ở Đà lạt và Vũng tàu.

Các hoạt động nói trên chẳng những đã góp phần trực tiếp giúp người lao động phát triển một cách toàn diện, mà còn góp phần làm cho việc tiếp thị, giao lưu với các đơn vị kinh tế trong cả nước và quốc tế có hiệu quả. Điều đó cũng nói lên tính ưu việt của một doanh nghiệp nhà nước trong cơ chế thị trường đang từng bước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cảng Sài gòn không ưu tiên xây dựng trụ sở cơ quan trước mà tập trung đầu tư cho kỹ thuật và sản xuất ; lo chỗ làm việc cho các đơn vị trực thuộc, vì đó là nơi trực tiếp với khách hàng, làm ra của cải. Tuy vậy, ở cơ quan trung tâm của Cảng, mỗi người, từ lãnh đạo cho đến nhân viên phục vụ đã có nhiều thay đổi : phong cách giao tiếp lịch thiệp văn minh hơn ; lề lối làm việc ngăn nắp khoa học hơn ; các phương tiện làm việc được trang bị khá đầy đủ và hiện đại, phục vụ công việc nhanh chóng.

Nhìn lại quá trình thực hiện đầu tư theo chiều sâu ở Cảng Sài gòn, có thể rút ra những điều đáng chú ý như sau :

1 - Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải trên cơ sở tính toán hết sức thực tế, tức là phải gắn sát với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ để vừa đạt hiệu quả về chính trị, vừa đạt hiệu quả về đầu tư nói riêng và hiệu quả kinh tế nói chung.

2 - Phải năng động để tìm nguồn vốn có lãi suất chấp nhận được và đầu tư từ thấp đến cao, đầu tư chính xác vào những việc có điều kiện thu hồi vốn nhanh để lấy ngắn nuôi dài. Đồng thời lại phải tạo được thị trường ổn định để có điều kiện khai thác công nghệ mới đạt hiệu quả cao hơn. Quá trình này có thể kết hợp sử dụng công nghệ chuyển giao từ các nước phát triển, phù hợp trình độ quản lý của ta, với việc sử dụng công nghệ có hàm lượng kỹ thuật cao hơn.

3 - Thực tiễn của Cảng trong mấy năm vừa qua là căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của bản thân mình, của đất nước mà tiến hành tổ chức lại sản xuất cho phù hợp và cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý để có điều kiện tiếp nhận và khai thác công nghệ mới đạt hiệu quả cao nhất. Vấn đề này là một thực tế sinh động của Cảng Sài gòn.

4 - Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý cho thích ứng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lãnh đạo Cảng có chính sách khuyến khích, kết hợp với bắt buộc đối với từng đối tượng cán bộ, công nhân viên ở mỗi đơn vị trong việc học tập như : giữ nguyên lương và thưởng thích đáng cho những anh chị em tham gia các khoá học trong và ngoài ngành ; coi nhiệm vụ học tập như nhiệm vụ chuyên môn hằng ngày.

5 - Quá trình tổ chức lại sản xuất và thực hiện các quy trình công nghệ mới ở Cảng Sài gòn luôn luôn gắn liền với việc giải quyết những vấn đề xã hội, vấn đề công ăn việc làm. Ở đây quá trình tổ chức lại sản xuất, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, người lao động không những không bị đẩy ra ngoài, mà còn được thu hút, tổ chức lại thông qua việc mở rộng sản xuất, đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh, nhằm làm cho đơn vị tăng trưởng và góp phần giải quyết những vấn đề xã hội chung của cả nước.

6 - Cần có hình thức trả lương và chính sách xã hội phù hợp, quan tâm ngày một đầy đủ hơn đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo điều kiện để tái sản xuất sức lao động, thu hút mọi người lao động tập trung vào phục vụ cho chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đạt hiệu quả cao ❑

Digitized by Google

LÝ LUẬN MÁC XÍT VỀ MỐI QUAN HỆ GIAI CẤP, DÂN TỘC VÀ THỜI ĐẠI

TRẦN PHÚC THĂNG *

C. MÁC và Ph. Ăng-ghen rất coi trọng mối quan hệ giai cấp - dân tộc - thời đại, và các ông đã đề cập vấn đề này ngay từ những tác phẩm quan trọng đầu tiên. Các ông đặc biệt quan tâm tới việc hình thành các quốc gia dân tộc, mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế.

Ngay từ *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản,* Mác và Ăng-ghen đã chỉ rõ sự hình thành các quốc gia dân tộc ở phương Tây như thế nào. Theo các ông, giai cấp tư sản, do việc xóa bỏ tình trạng phân tán của tư liệu sản xuất, của tài sản và của dân cư đã làm cho "những địa phương độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan khác nhau thì đã được tập hợp lại thành một dân tộc *thống nhất,* có một chính phủ *thống nhất,* một luật pháp *thống nhất,* một lợi ích dân tộc *thống nhất,* có tính chất giai cấp và một thuế quan *thống nhất"* (1).

Lê-nin cũng đã từng nhấn mạnh : "Trên toàn thế giới, thời kỳ thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến gắn liền với các phong trào dân tộc" (2).

Như vậy, các quốc gia dân tộc ở phương Tây đã ra đời cùng chủ nghĩa tư bản hay từ khi các quốc gia tư sản được thành lập.

Ở phương Đông, dân tộc ra đời sớm hơn do những yêu cầu chống thiên tai và chống ngoại xâm.

Tuy nhiên, trong bất kỳ điều kiện nào, dân tộc chỉ ra đời khi các giai cấp đã ra đời. Vì vậy, một cộng đồng dân tộc bao giờ cũng bao gồm các giai cấp và các tầng lớp xã hội khác nhau. Lợi ích dân tộc là lợi ích chung của các thành viên dân tộc. Các thành viên này thường tham gia vào cộng đồng với tư cách là các nhóm, các giai cấp, các tầng lớp xã hội. Lợi ích toàn dân tộc liên kết các thành viên, nhưng lợi ích của các thành viên (kể cả với tư cách là các giai cấp, các tầng lớp xã hội) lại tạo nên những mâu thuẫn trong cộng đồng. Những mâu thuẫn này bao giờ cũng có, nhưng không phải bao giờ cũng gay gắt. Mức độ phát triển của mâu thuẫn tùy thuộc vào *hai* yếu tố : *thứ nhất* là hoàn cảnh lịch sử, và *thứ hai* là vai trò của giai cấp thống trị trong quốc gia dân tộc. Trong lịch sử, mâu thuẫn trong nội bộ một dân tộc sẽ giảm đi, thậm chí có thể giảm đến mức tối đa khi dân tộc đứng trước họa xâm lăng. Trong trường hợp này, tất cả các giai cấp và các tầng lớp xã hội đều có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền dân tộc. Lực lượng xã hội nào cản trở việc bảo vệ chủ quyền dân tộc sẽ đứng đối lập với dân tộc, bị cả dân tộc lên án, bài xích. Đó là những điều kiện để yếu tố dân tộc được xem như nổi trội, lợi ích dân tộc được xem như cao hơn lợi ích của từng giai cấp, từng tập đoàn riêng rẽ. Đó là lúc dân tộc cần được bảo tồn.

Mâu thuẫn dân tộc cũng có thể trở nên không gay gắt khi giai cấp thống trị dân tộc là lực lượng tiến bộ của dân tộc.

Theo quan điểm mác xít, giai cấp nào thống trị trong lĩnh vực kinh tế, giai cấp ấy nhất định phải giữ vai trò thống trị trong dân tộc. Giai cấp nào đại diện cho một phương thức sản xuất tiến bộ, giai cấp ấy sẽ là lực lượng tiến bộ của dân tộc.

Bất kỳ giai cấp thống trị nào cũng đều phải đứng trước hai lợi ích : lợi ích của giai cấp và lợi ích của dân tộc. Giai cấp tiến bộ là giai cấp nhận

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập,* Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 547

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập,* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 25, tr 302 - 303

Digitized by Google

thức được những yêu cầu tất yếu khách quan, biết được chiều hướng phát triển của lịch sử và do đó có khả năng kết hợp hài hòa hai lợi ích này. Do lợi ích của giai cấp thống trị gắn liền với lợi ích dân tộc nên chẳng những nó phải chăm lo việc bảo vệ chủ quyền dân tộc mà còn phải xây dựng phát triển dân tộc, làm cho dân tộc trở thành những quốc gia dân tộc hùng mạnh, sánh vai với các cường quốc trên thế giới hay trong khu vực. Trong trường hợp này, giai cấp thống trị phải giáo dục toàn dân tộc ý thức dân tộc và nó có thể tạo ra những anh hùng dân tộc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thậm chí, giai cấp thống trị có thể hy sinh cả lợi ích cục bộ của giai cấp mình vì những lợi ích to lớn và lâu dài của dân tộc trong đó có lợi ích lâu dài của giai cấp. Khi đó những nhân vật ưu tú của giai cấp thống trị cũng sẽ là những nhân vật ưu tú của dân tộc. Những cá nhân trong giai cấp thống trị mà dân tộc thấy cần phải loại bỏ, giai cấp thống trị cũng phải gạt bỏ. Đó là những thời điểm giai cấp thống trị thực sự "trở thành dân tộc". Nó biến đổi dân tộc theo mẫu hình lý tưởng của nó, đồng thời nó cũng khai thác tất cả sức mạnh vật chất và tinh thần của dân tộc, hòa mình vào dân tộc để thực hiện những mục tiêu lý tưởng của mình. Thời kỳ hoàng kim của mối quan hệ dân tộc - giai cấp là thời kỳ "dân tộc hóa" được lý tưởng của giai cấp và "giai cấp hóa" được hình thức phát triển của dân tộc. Giai cấp nào không có khả năng làm được điều đó thì không có khả năng trở thành giai cấp thống trị, không thể "trở thành dân tộc".

Dân tộc không chỉ là địa bàn hoạt động của một giai cấp mà nó là nguồn sống, là nguồn sức mạnh, là cơ sở tồn tại của nhiều giai cấp. Vì vậy, Ăng-ghen cho rằng : Chừng nào chưa có độc lập dân tộc thì một dân tộc lớn về mặt lịch sử cũng không có khả năng ngay cả để bàn luận một cách ít nhiều nghiêm túc những vấn đề nội bộ trong nước. Ông xem sự cần thiết phải có độc lập dân tộc cũng như con người ta cần trước tiên có đất dưới chân, không khí, ánh sáng và không gian rộng rãi. Nếu không, tất cả chỉ là chuyện ba hoa. Ông cũng xem độc lập dân tộc là cơ sở cho bất kỳ sự hợp tác quốc tế nào. Vì vậy ông ủng hộ quyền dân tộc tự quyết. Ông khẳng định : chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu, khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình. Đứng trên quan điểm ấy, Mác và Ăng-ghen cho rằng, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc nhưng lúc đầu nó phải mang hình thức của một cuộc đấu tranh dân tộc. Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* các ông khẳng định : *Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc.*

Kế tục sự nghiệp của Mác và Ăng-ghen, Lê-nin đã nêu ra cương lĩnh về quyền dân tộc tự quyết, đấu tranh không mệt mỏi cho quyền tự quyết dân tộc và độc lập dân tộc trên cả phương diện lý luận cũng như thực tiễn.

Tuy nhiên, những người mác xít không phải là những người dân tộc chủ nghĩa. Trên thế giới, ngoài chủ nghĩa dân tộc nước lớn, chủ nghĩa sô vanh cực kỳ phản động, chủ nghĩa dân tộc của giai cấp thống trị, còn có chủ nghĩa dân tộc địa phương, chủ nghĩa dân tộc của giai cấp bị trị. Song nói chung chủ nghĩa dân tộc đều không chú ý hoặc chú ý không đúng mức tới vấn đề giai cấp, không có quan điểm đúng đắn về mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc.

Lê-nin nói rằng : "Chủ nghĩa Mác không thể điều hòa được với chủ nghĩa dân tộc, dù là chủ nghĩa dân tộc "công bằng", "thuần khiết", tinh vi và văn minh đến đâu đi nữa" (3)

Quan điểm của chủ nghĩa Mác, như đã nói ở trên là giai cấp và dân tộc không thể tách rời nhau. Trong bất kỳ trường hợp nào, *"cái giai cấp"* không thể bị triệt tiêu trong *"cái dân tộc"* mà ngược lại nó luôn giữ vai trò chi phối *"cái dân tộc"*. Chủ nghĩa Mác còn cho rằng sẽ hình thành các dân tộc vô sản, và chúng ta cũng đã thấy những hình thức sơ khai của loại hình này.

Rõ ràng các dân tộc đã được xây dựng theo mẫu hình của giai cấp thống trị. Chính giai cấp thống trị đã đem ý tưởng của mình vào tất cả các chính sách đối nội và đối ngoại. Nếu giai cấp thống trị là giai cấp bóc lột thì ở trong nước họ

(3) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 24, tr 167

Digitized by Google

thực hiện các chính sách nhằm duy trì sự bất bình đẳng trong xã hội và sự bất bình đẳng giữa các thành phần dân tộc, phân biệt đối xử đối với các dân tộc ít người hoặc với các chủng tộc tự trị. Sự phân biệt chủng tộc ở Mỹ đến nay vẫn còn nặng nề, mặc dù trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Mỹ đã từng viết : "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Nước Mỹ ngày nay đã trở thành nước giầu nhất thế giới nhưng lời tuyên bố cách đây trên 200 năm vẫn không được thực hiện một cách triệt để.

Theo Ri-sác Béc-gơ-rôn (Richard Bargeron), hiện nay nước Mỹ có tới 32,5 triệu người nghèo và 34 triệu người lương thấp. Riêng người da đen chiếm 30% số người nghèo trong khi họ chỉ chiếm 12% dân số.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, mặc dù còn nhiều khuyết điểm, nhưng vấn đề bình đẳng giữa các dân tộc, các chủng tộc trong một quốc gia đều đã được quan tâm giải quyết và đã mang lại kết quả cụ thể, không ai có thể phủ nhận được.

Về chính sách đối ngoại, các giai cấp bóc lột của nước lớn trong mấy thế kỷ qua đã thi hành chính sách thực dân. Chính Pi-tơ Ph. Đrắc-cơ (Peter F. Drucker) trong cuốn sách *"Xã hội hậu tư bản"* cũng đã viết rằng : Ai cũng biết - và bất kỳ một cuốn sách lịch sử nào cũng dạy rằng - bốn thế kỷ vừa qua trong lịch sử thế giới là bốn thế kỷ của nhà nước dân tộc phương Tây. Và những gì mọi người đều biết là sự thật ; nhưng đó là một sự thật mang tính nghịch lý.

Cái nghịch lý ấy là : quá trình thành lập các quốc gia dân tộc lại chính là quá trình những dân tộc lớn thực hiện âm mưu xóa bỏ ranh giới dân tộc, mở rộng quyền thống trị của giai cấp cầm quyền, biến các dân tộc khác thành các dân tộc bị trị.

Vì vậy, Pi-tơ Ph. Đrắc-cơ (Peter F. Drucker) viết tiếp : Ngay tại châu Âu, cái nôi của nhà nước dân tộc, hết cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác trong suốt bốn thế kỷ qua là đều nhằm thiết lập nên một nhà nước xuyên quốc gia. Sáu lần trong thời kỳ này, nhà nước dân tộc châu Âu đã cố gắng trở thành người thống trị châu Âu và nằm trong vòng kiểm soát của nó.

Tình trạng bành trướng của quốc gia dân tộc nói trên thực chất là tư tưởng bành trướng của giai cấp tư sản nước lớn, phục vụ cho nhu cầu tìm kiếm thị trường và tham vọng chính trị của những bộ phận cực đoan nhất trong giai cấp ấy.

Chừng nào giai cấp còn tồn tại thì các dân tộc vẫn còn bị thống trị bởi các giai cấp nhất định, và lợi ích giai cấp vẫn chi phối không phải chỉ những mối quan hệ dân tộc mà chi phối cả những vấn đề toàn cầu. Vì lợi ích giai cấp mà người ta tạo ra những mâu thuẫn dân tộc, đem đối lập dân tộc này với dân tộc khác để thực hiện những ý đồ chính trị xấu xa của mình.

Ngày nay, trên thế giới, hiện tượng phân cực nước giầu và nước nghèo vẫn tồn tại, thậm chí khoảng cách giữa giầu nhất và nghèo nhất càng tăng hơn gấp bội. Tuy nhiên, những vấn đề toàn cầu đang nổi lên như những thực tế khách quan đòi hỏi toàn thể loài người phải quan tâm. Bên cạnh đó, việc hình thành các khu vực kinh tế, các khối cộng đồng của một số quốc gia dân tộc có cùng lợi ích đã đem lại những nét mới trong quá trình phát triển của xã hội loài người.

Tất cả những điều trên đây đã làm cho quan hệ giữa các dân tộc không giản đơn như những thế kỷ trước đây hay như đầu thế kỷ XX.

Nhân loại tiến bộ đang phấn đấu để đi tới một nền hòa bình và thịnh vượng chung, loại bỏ chiến tranh, loại bỏ nạn người bóc lột người và nạn người áp bức người. Song trước mắt, khi mâu thuẫn giai cấp chưa được loại bỏ thì mâu thuẫn dân tộc cũng chưa bị thủ tiêu. Tư tưởng bá quyền, thống trị cả thế giới của lực lượng cầm quyền thuộc dân tộc này hay dân tộc khác vẫn còn chi phối đường lối chiến lược và sách lược của họ. Ngay những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, Mỹ vẫn thực hiện chính sách cấm vận đối với những dân tộc có chủ quyền. Mỹ vẫn ngang nhiên can thiệp vào công việc nội bộ của dân tộc này hay dân tộc khác. Việc bao vây, cô lập bất kể một dân tộc nào trên thế giới khi họ không phải là nguy cơ đối với an ninh toàn cầu, đều không phải là những việc làm vì toàn cầu, vì đại nghĩa.

Digitized by Google

Nhìn vào thực tế có thể khẳng định rằng, mặc dù thế giới đã có các biến đổi to lớn, nhưng vai trò của các quốc gia dân tộc còn hết sức quan trọng. Quá trình hội nhập của các quốc gia dân tộc phải đi liền với quyền tự quyết dân tộc. Âm mưu xóa bỏ quyền tự quyết dân tộc dưới bất kỳ hình thức nào đều là biểu hiện của đầu óc thực dân.

Ngày nay, trước sự biến động của thế giới, mọi giai cấp và tầng lớp xã hội đều có sự phân hóa nhất định. Các lực lượng tiến bộ thuộc các giai cấp và các tầng lớp xã hội khác nhau sẽ càng ngày càng tìm ra những tiếng nói chung nhằm đưa xã hội loài người tiến tới một xã hội văn minh trong thế kỷ XXI. Tuy nhiên, các thế lực bảo thủ, phản động vẫn còn là một lực lượng đáng kể. Các lực lượng này vẫn tìm mọi cách gây ra sự chia rẽ trong nội bộ các dân tộc, hoặc chia rẽ các quốc gia dân tộc, nhằm tạo cơ sở để thực hiện các âm mưu chính trị của mình. Một trong những âm mưu ấy là xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trước khi bước vào thế kỷ XXI. Đó thực chất là mục tiêu của giai cấp tư sản phản động, của bộ phận bảo thủ cực đoan nhất của nó. Mục tiêu ấy vẫn chi phối mối quan hệ quốc tế của một số nước.

Những người mác xít chân chính luôn mong mỏi và tin tưởng rằng xã hội loài người sẽ đến lúc không còn giai cấp và mâu thuẫn giữa các dân tộc cũng không còn. Tuy nhiên, sự mong mỏi và thực tế không phải bao giờ cũng là một.

Thực tế tình hình thế giới hiện nay đòi hỏi mọi người phải phân biệt rõ cái thực và cái giả, cái đã đến và cái chưa đến để suy nghĩ và hành động sao cho khỏi sai lầm. Phải vạch trần mọi âm mưu chia rẽ dân tộc và phá vỡ khối thống nhất dân tộc ; loại bỏ mọi ác cảm xấu xa thâm căn cố đế chống lại các dân tộc riêng biệt. Mặt khác, chính trong điều kiện hiện nay lại càng phải quyết tâm đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để giải quyết vấn đề dân tộc và giai cấp. Bởi vì như Mác và Ăng-ghen đã chỉ rõ : "Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo" ; "Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ". (4)

Việt nam là một quốc gia có nhiều dân tộc, nhiều nhóm dân tộc, nhưng mỗi dân tộc ở Việt nam không phải là một thành phần biệt lập. Các thành phần dân tộc ở Việt nam đã có truyền thống đoàn kết, chống ngoại xâm, bảo vệ lãnh thổ chung của cả dân tộc. Điều đó đã làm nên sức mạnh Việt nam để chiến thắng tất cả những âm mưu chia rẽ thâm độc của kẻ thù, giành những thắng lợi lớn lao trong lịch sử. Từ khi nước Việt nam dân chủ cộng hòa được thành lập, ở trong nước các thành phần dân tộc ngày càng hòa đồng, bình đẳng trên mọi phương diện. Dân tộc Việt nam lại luôn luôn chung sống hòa bình và hợp tác, cùng với các dân tộc anh em trong khu vực và trên thế giới xây dựng hòa bình, ấm no, hạnh phúc. Giai cấp công nhân Việt nam ra đời tuy muộn màng (cuối thế kỷ XIX), nhưng lại trưởng thành nhanh chóng, đã xứng đáng là giai cấp tiên tiến của dân tộc, đại diện cho dân tộc, có quyền lợi gắn chặt với dân tộc và đã cùng nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đưa dân tộc tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta tin rằng trong tương lai, xu thế thế giới sẽ đi tới hòa đồng, nhưng sự hòa đồng ấy dựa trên cơ sở phát triển rực rỡ của mỗi dân tộc. Mỗi dân tộc càng phát triển rực rỡ bao nhiêu thì càng tạo điều kiện cho sự hòa đồng các dân tộc trên thế giới nhanh chóng bấy nhiêu. Sự hòa đồng của thế giới không thể tạo ra bằng sự thống trị của các siêu cường. Sự hòa đồng ấy chỉ có thể tạo ra bằng sự kết hợp hoàn toàn bình đẳng giữa các dân tộc văn minh.

Khi nào toàn thế giới đều đạt đến một trình độ phát triển cao, con người thoát khỏi sự trói buộc của điều kiện kinh tế thấp kém, thoát khỏi những tham vọng chính trị toàn cầu, lúc đó mới có thể nói một cách thật nghiêm túc và đầy đủ vấn đề hòa đồng.

Những quan điểm trên đây không phải là những điều áp đặt vào lịch sử. Ngược lại chính nó là những điều rút ra từ lịch sử, - lịch sử của những thế kỷ trước và lịch sử sôi động hiện nay, giúp ta soi sáng mối quan hệ giai cấp, dân tộc và thời đại ❑

(4) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 565

Digitized by Google

VAI TRÒ CỦA NHÀ DOANH NGHIỆP VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHỮNG NHÀ DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC TA

ĐOÀN PHÚC THANH *

TRONG nhiều thập kỷ qua, loài người đã liên tiếp đạt được những thành tựu rực rỡ về khoa học và công nghệ, đặc biệt trên lĩnh vực thông tin hiện đại. Năm 1988, lần đầu tiên trong lịch sử, đường cáp sợi quang truyền thông xuyên đáy Đại tây dương nối liền nước Mỹ với châu Âu, đã truyền đi cùng một lúc 40 ngàn cuộc đàm thoại. Tuyến cáp thứ hai, nối liền Mỹ - Nhật, với chiều dài 16 000 km xuyên Thái bình dương được hoàn thành vào tháng 4-1989. Với khả năng viễn thông hiện nay, tốc độ truyền tin 1,5 tỉ bit/sec vẫn bị coi là chậm mà phải đạt tới 3 tỉ bit/sec. Dẫu rằng thông tin có hiện đại cũng không thể thay thế được con người trong lĩnh vực điều hành quản lý. Bởi lẽ, về lĩnh vực quản lý là quá trình xử lý các mối quan hệ. Có vốn, có công nghệ vẫn chưa đủ, còn cần có người quản lý, nhất là với trình độ tay nghề cao.

Đã từng có những giám đốc vực dậy cả một công ty mà tên tuổi gắn liền với uy tín của một nước. Đó là trường hợp của ông Lê-vi với hãng xe hơi quốc doanh Rơ-nôn (Renault) ở Pháp, khi hãng này đang trên đà xuống dốc và đe dọa cuộc sống của hàng trăm ngàn công nhân vì không có việc làm. Đó là ông Lô-cô-ca, một nhà doanh nghiệp Mỹ nổi tiếng thế giới đã từng cứu nguy cho hãng xe hơi mang tên Crít-xlơ (Chrysler). Ở nước ta có giám đốc Nguyễn Đăng Quang đưa Công ty sơn mài Lam sơn vào hàng những doanh nghiệp quốc doanh kinh doanh có hiệu quả. Công ty có doanh số đạt 225 tỉ đồng, lợi nhuận 7 tỉ đồng và nộp ngân sách 7 tỉ đồng năm 1992. Như vậy, cái giá của nhà quản lý là rất lớn, vượt ra ngoài những giá trị thực tế mà họ tạo ra cho mỗi doanh nghiệp.

Ở Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai, việc có chân trong ban quản trị một công ty lớn còn có giá trị hơn là làm việc trong một cơ quan nhà nước hoặc làm một nghề nào khác. Cũng vì thế mà những sinh viên giỏi nhất từ các trường đại học hàng đầu ở Nhật đều xin vào làm tại các công ty lớn (1). Theo E.xli-bu-xa-oa (1840-1931), một quan chức chính phủ đã trở thành một nhà quản lý doanh nghiệp xuất sắc thời Minh Trị, "vai trò của các nhà kinh doanh đối với sự thịnh vượng của quốc gia cũng quan trọng không kém vai trò của các quan chức và nhà lãnh đạo chính trị". Cũng theo ông, một nhà kinh doanh hiện đại là một đầy tớ của đất nước, cũng đồng thời là người bảo vệ và thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật (2).

Ở Nhật bản, hiếm có một chính khách quan trọng nào lại không có một nhóm nhà tư bản làm cố vấn và giúp đỡ về vật chất. Mọi chính sách kinh tế của nhà nước đều được tham khảo trước từ các nhà quản lý kinh doanh chủ chốt (3).

Để ghi công các nhà quản lý, ở Đức Tạp chí *Người quản lý* năm 1992 đã chọn đưa vào bảng danh dự dành riêng cho những người nổi tiếng 10 trong số 30 nhà doanh nghiệp hàng đầu. Cũng ở nước này, đầu năm 1994 đã mở cửa một bảo tàng lịch sử có diện tích trưng bày 4 000 m^2 để giới thiệu các nhà doanh nghiệp, bởi vì, theo các nhà lãnh đạo, "đội ngũ những nhà doanh nghiệp là một bộ phận lịch sử của nước Đức sau chiến tranh".

---

* Giảng viên, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem M.Y. Toshino : *Hệ thống quản lý của Nhật bản*, Viện kinh tế thế giới, Hà nội, 1987, t 1, tr 160

(2) (3) *Sđd*, t 1, tr 107, 163

Digitized by Google

Theo từ điển *Toàn cầu*, một từ điển bách khoa của Pháp, đầu óc kinh doanh là "yếu tố chất lượng" trong thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của một nước, nó làm cho của cải vật chất trên đời sinh sôi, nảy nở khôn cùng. Một tờ báo ở Liên xô (cũ) giữa năm 1989 cũng đã nêu : tiềm lực của một quốc gia bằng tiềm lực lao động cộng với tiềm lực trí tuệ và tiềm lực về đầu óc kinh doanh.

Chuyển sang cơ chế mới, Đảng ta đã xác định vai trò của các nhà quản lý và đi đến chủ trương : "phát triển đội ngũ những nhà kinh doanh giỏi thuộc nhiều tầm cỡ, từ người chủ kinh tế hộ gia đình đến người quản lý các doanh nghiệp lớn. Tạo môi trường cho những người có khả năng kinh doanh phát huy được tài năng" (4). Chủ trương trên phản ánh một thực tế là chúng ta đang bị hụt hẫng lớn về cán bộ quản lý kinh tế, nhất là các nhà kinh doanh giỏi. Để hình thành đội ngũ các nhà doanh nghiệp giỏi ở nước ta, trong thời gian tới cần tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - *Hình thành khoa quản trị kinh doanh trong các trường kinh tế lớn, tiến tới có thể thành lập trường chuyên ngành để đào tạo nghề giám đốc cho các thành phần kinh tế.*

Cũng theo từ điển *Toàn cầu* của Pháp, để kinh tế tăng trưởng, yếu tố đầu tiên phải tính đến là "kinh tế đào tạo". Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì muốn thành đạt, một nhà kinh doanh hiện đại phải có học vấn. Trên thị trường hiện nay, đằng sau "cuộc đánh vật" về hàng hóa, dịch vụ, là sự giành giật quyết liệt về nhân tài, về người có trí tuệ. Nhà quản lý giỏi, theo Lê-nin phải biết kết hợp nhiệt tình cách mạng với bản lĩnh của một thương nhân thông minh và có học (5).

Chúng ta đều biết, nước Mỹ đã đi đầu và có công lớn trong việc đào tạo các nhà quản lý kinh doanh, dẫn tới sự ra đời hệ thống trường kinh doanh ở nhiều nước trên thế giới. Tại nước này, hiện nay có khoảng 700 khoa và trường đào tạo các nhà quản lý, trong đó Ha-vớt là trường đã cung cấp một số lượng triệu phú nhiều hơn tất cả các trường ở châu Âu cộng lại. Ở CHLB Đức, 15 năm qua đã tăng 12 tỉ mác cho đào tạo các nhà kinh doanh. Đó là một sự tốn kém lớn, nhưng theo các nhà lãnh đạo, nếu không tốn kém như vậy thì sẽ không đạt tới trình độ có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ở Thái lan, những người chưa qua trường đào tạo kinh doanh mang tên Mát-thay-loong thì không thể nói đến kinh doanh được. Một cuộc khảo sát của Y. A-ô-nu-ma Kê-i-dai đối với 1 500 nhà quản lý của 250 công ty lớn nhất thuộc các ngành sản xuất ở Nhật năm 1962 cho thấy : 60% số nhà quản lý trên là những người đã tốt nghiệp các trường đại học lớn nhất ở Nhật bản. Đáng chú ý là trường đại học Kê-i-ô, một trường đào tạo các nhà quản lý kinh doanh hiện đại nhất Nhật bản, được thành lập từ những năm đầu thời Minh Trị.

Kinh nghiệm cho thấy rằng, không có công thức chung cho việc lựa chọn một giám đốc doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc lựa chọn ấy phải căn cứ vào *những tiêu chuẩn nghiêm ngặt*. Tiêu chuẩn *quan trọng nhất* là giám đốc phải tốt nghiệp một trường đại học kinh tế, và nhất thiết phải được đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh. Do vậy, ở ta bên cạnh việc tiếp tục gửi con em ra nước ngoài học tập, cần xúc tiến thành lập thêm một số khoa về quản trị kinh doanh ở các trường đại học kinh tế, đại học quốc gia, tiến tới xây dựng *trung tâm đào tạo các nhà doanh nghiệp* ở bậc đại học. Cùng với quá trình đào tạo mới, Nhà nước cần đẩy mạnh hình thức *bồi dưỡng* nhằm "hiện đại hóa bộ não" cho các nhà doanh nghiệp. Đây cũng là công việc đào tạo lại có kết quả nhất đối với đội ngũ giám đốc đang tại chức trong điều kiện nước ta hiện nay. Tóm

(4) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 45

(5) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 45, tr 424

Digitized by Google

lại, vấn đề là ở chỗ : phải tổ chức lại hệ thống trường lớp, nhằm tăng cường sự quản lý thống nhất của nhà nước về chương trình, nội dung, về tài chính và phương pháp tiến hành.

2 - *Đa dạng hóa loại hình đào tạo bồi dưỡng và gắn đào tạo lý thuyết với hoạt động thực tiễn.*

Về điểm này, chủ trương của Đảng đã rõ : "Phát triển nhiều hình thức đào tạo lại, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước và các nhà kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế theo kịp yêu cầu của cơ chế quản lý mới và nắm bắt được kiến thức quản lý hiện đại" (6). Để thực hiện chủ trương trên, ngoài hệ thống đào tạo chính quy và bồi dưỡng ngắn hạn ở trong và ngoài nước, có thể sử dụng các hình thức sau đây :

a) *Đào tạo, bồi dưỡng từ xa qua các phương tiện thông tin đại chúng.* Đây là một phương pháp đã được nhiều nước trên thế giới sử dụng có hiệu quả và hiện đang được một số địa phương ở ta thử nghiệm. Ví dụ, ở Bỉ hiện có tới 18 chương trình vi-đi-ô dạy về quản lý kinh doanh bằng ba thứ tiếng Anh, Pháp, Hà lan ; mỗi chương trình dài khoảng 1 giờ, chuyên sâu về từng vấn đề cụ thể trong quản lý doanh nghiệp. Ở ta, từ đầu năm 1994 Đài truyền hình Việt nam đã phối hợp với Công ty dầu khí BP, đài BBC và Trường đại học Căm-brít-giơ triển khai chương trình dạy tiếng Anh trong kinh doanh trên đài. Tại TP Hồ Chí Minh, Viện đào tạo mở rộng cũng đang phối hợp với Đài tiếng nói nhân dân thành phố thử nghiệm chương trình đào tạo qua đài các môn ngoại ngữ, tin học, toán và quản trị kinh doanh.

b) *Đào tạo, bồi dưỡng qua việc xuất bản thêm nhiều tài liệu, sách báo về quản lý kinh tế mà các nhà doanh nghiệp cần.* Ở Nhật bản sau chiến tranh, các sách về kinh tế và quản lý kinh doanh bán rất chạy. Ở nước ta, mấy năm qua tình hình cũng tương tự. Điều đó, một mặt bộc lộ nhu cầu tăng lên về kiến thức quản lý kinh tế hiện đại ; mặt khác, thể hiện vai trò không thể thiếu của loại "kênh" thông tin quan trọng này. Vì lẽ đó, cần tiếp tục khuyến khích các dịch giả, các nhà nghiên cứu góp phần làm phong phú thêm kho tàng tri thức về quản lý kinh tế và những kiến thức có liên quan. Đồng thời, tạo điều kiện để các nhà kinh doanh thành đạt ở trong và ngoài nước thực hiện việc "chuyển giao thế hệ" thông qua sách báo, tài liệu họ có và các bài giảng do họ tiến hành.

c) *Đào tạo, bồi dưỡng qua việc tổ chức các câu lạc bộ giám đốc và các cuộc hội thảo khoa học* để các nhà doanh nghiệp có điều kiện trực tiếp trao đổi kinh nghiệm với nhau. Đặc biệt, để các nhà doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận với thị trường các nước trên thế giới, cần quan tâm đến những cuộc tham quan tìm hiểu của các nhà doanh nghiệp trên cơ sở kết hợp với những chuyến thăm viếng của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta ở nước ngoài. Thực tế cho thấy, bằng cấp và trường lớp chỉ là một "cửa ải" trong nhiều "cửa ải". Bởi vậy, dù được tiến hành dưới hình thức nào, công tác đào tạo bồi dưỡng cũng phải bảo đảm phối hợp lý thuyết với những vấn đề do thực tiễn kinh doanh trong nước đặt ra. Thị trường chính là vòng sát hạch cuối cùng đối với nhà doanh nghiệp.

Y. Phu-cu-da-oa, nhà giáo dục học nổi tiếng Nhật bản những năm đầu thời Minh Trị, người thành lập trường đại học kinh doanh Kê-i-ô, có nói : "Học vấn cần phải được giải phóng khỏi một xu hướng nặng về lý thuyết và phải được áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh" (7). Muốn thế, các nhà doanh nghiệp cần được trang bị về nghệ thuật và phương pháp quản lý thông qua các bài tập về mọi tình huống có thể gặp trong quá trình điều hành quản trị hoặc xây dựng các

(Xem tiếp trang 48)

(6) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 45

(7) *Hệ thống quản lý Nhật bản*, Viện kinh tế thế giới, Hà nội, 1986, tr 110

Digitized by Google

Truyền thống dân tộc và tính hiện đại của truyền thống

TRẦN ĐÌNH SỬ *

TRUYỀN thống, với tư cách là một nhân tố điều tiết quá trình sản xuất văn hóa - xã hội, có ý nghĩa rất quan trọng trong công cuộc xây dựng nền văn hóa, văn nghệ nói chung, nhất là vào những thời điểm xã hội đang có sự chuyển biến về mô hình.

Chức năng của *truyền thống* là truyền lại kinh nghiệm quá khứ cho các thế hệ mai sau. Chính vì vậy mà nó là một hiện tượng có tính mâu thuẫn và trong từng thời kỳ lịch sử khác nhau vai trò của truyền thống cũng khác nhau. Tìm hiểu các khía cạnh của truyền thống sẽ giúp ta có quan điểm đúng đắn đối với vấn đề này trong giai đoạn hiện tại.

Khái niệm *truyền thống* đối với chúng ta rất quen thuộc, nhưng không phải bao giờ cũng được hiểu đúng. Trong *Bách khoa triết học* của Liên xô, mục "Truyền thống" ghi rằng : hành động và quan hệ truyền thống không nhằm đạt mục đích nào đó, cũng không nhằm thực hiện một chuẩn mực nào, mà chỉ nhằm lặp lại một mẫu mực của quá khứ (1). Cách hiểu đó dù muốn hay không đã xem *truyền thống* như một cái gì bất biến, có sẵn, được truyền lại bằng lặp lại và luôn luôn đối lập với *cách tân* và *hiện đại*.

Quả là *truyền thống* có khía cạnh hoạt động bằng lặp lại, và nhờ thế mà nó đóng vai trò điều tiết, kiểm soát đối với hoạt động và tiến trình đời sống xã hội. Trong các xã hội đối kháng giai cấp cổ xưa, các phong tục, cấm kị, điều răn, nghi thức đóng vai trò duy trì tình trạng hiện tại. Truyền thống cũng có tác dụng báo hiệu những biến đổi nguy hiểm và đề ra nhiệm vụ cho tương lai. Quan trọng hơn, truyền thống cung cấp kinh nghiệm cho các thế hệ đời sau. Đây là điều mà Mác và Ăng-ghen đã nói rất rõ trong *Hệ tư tưởng Đức*. Nhưng mặt khác truyền thống còn là cái được kế thừa, cái đưa vào đời sống hiện đại, cho nên nó cũng có tính hiện đại. Chẳng hạn như tinh thần yêu nước vốn có của ông cha ta được thể hiện trong sự nghiệp bảo vệ đất nước và xây dựng văn hóa từ xa xưa, đến giai đoạn xây dựng nhà nước độc lập thời Lý Trần, thời Lê mới được xác lập thành truyền thống trong *Việt Điện U linh, Bình Ngô đại cáo*. Đến đầu thế kỷ XX, đứng trước hiểm họa "ưu thắng liệt bại" các chí sĩ yêu nước lại một lần nữa xác định truyền thống yêu nước. Truyền thống này được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta phát huy cao độ. Có thể nói, truyền thống là mối liên hệ của lịch sử, mà một đầu là những giá trị tư tưởng, văn hóa được sáng tạo trong quá khứ lịch sử dân tộc và một đầu là sự thẩm định, xác lập và phát huy của người hiện đại. Vì vậy, có thể nói *truyền thống là các giá trị quá khứ mang ý nghĩa hiện đại*. Ở đây người hiện đại không hề giản đơn lặp lại mẫu mực cũ, mà là người chủ động, tích cực xác lập và phát huy truyền thống. Trong tác phẩm *Ngày mười tám tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác*, Mác cũng nói cái ý người ta làm sống lại quá khứ là để phục vụ cho cuộc đấu tranh hiện tại, chứ không phải dựng dậy các bóng ma (2).

Tính hiện đại của truyền thống ngày nay được làm sáng tỏ thêm bởi lý thuyết *tiếp nhận*. Nhà nghiên cứu văn học Nga M.Ba-kha-tin có một nhận xét thú vị : "Cuộc sống của các tác phẩm vĩ đại trong các thời đại xa cách thời điểm ra đời của chúng có vẻ như là một hiện tượng nghịch lý. Trong quá trình của đời sống sau khi ra đời của chúng, chúng được làm phong phú thêm bởi những ý nghĩa mới, ý vị mới. Các tác phẩm ấy hình như đã lớn vượt

* PGS, PTS Văn học, Đại học quốc gia

(1) *Bách khoa triết học*, (Tiếng Nga) Mát-xcơ-va, 1970, t 5, tr 253

(2) Xem C. Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t 2, tr 388 - 389

Digitized by Google

quá cái tầm cỡ mà chúng đã có trong thời của mình, khi được sáng tạo ra. Chúng ta có thể nói rằng, dù là Sếch-xpia hay là người cùng thời với Sếch-xpia cũng chưa hề biết tới một "Sếch-xpia vĩ đại" như ngày nay ta biết" (3). Chúng ta cũng có thể nói như thế về Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu. Cũng có thể nói như vậy về các nhân vật lịch sử như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Quang Trung... Các vị ấy, với tư cách là nhà văn, nhà văn hóa, nhân vật lịch sử, đã để lại cho chúng ta bao nhiêu truyền thống, không phải là tự các vị ấy có thể trả lời, mà chính chúng ta, người Việt nam hiện đại phải tìm tòi, khám phá mới có thể trả lời được. Vấn đề truyền thống vốn có tính mâu thuẫn và nghịch lý của nó. Tiền nhân đã sáng tạo ra các giá trị, nhưng phát hiện và tạo dựng truyền thống lại là công việc của hậu sinh. Và trong chúng ta hôm nay không ai dám nói rằng mình đã biết hết các truyền thống phong phú của cha ông để lại. Điều đó đặt ra yêu cầu bức thiết là phải tạo điều kiện, khuyến khích và có kế hoạch để nghiên cứu phát hiện và kế thừa các truyền thống nhiều mặt nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển đời sống hiện tại. Xã hội càng phát triển, hiện đại, giao lưu càng mở rộng, con người càng có điều kiện hiểu sâu truyền thống, càng có nhu cầu tiếp nhận truyền thống. Và với sự phát huy vai trò của cá tính sáng tạo hôm nay chắc chắn truyền thống sẽ được nẩy nở phong phú hơn, chứ không phải chỉ truyền lại nguyên dạng.

Truyền thống nhiều khi chỉ được hiểu như những gì cũ kỹ, lỗi thời, lạc hậu, cần phải khắc phục và vượt qua. Ở phương Tây không ít người hiểu truyền thống là những gì thuộc sản phẩm của thời trung cổ trở về trước, đối lập với các giá trị xuất hiện từ thời Phục hưng. Các sử gia phương Tây xem thời trung đại của họ là "đêm dài trung cổ", nơi ngự trị tuyệt đối của thần quyền, quân quyền ; cá tính và óc sáng tạo của con người hoàn toàn bị bóp nghẹt. Chịu ảnh hưởng của quan niệm đó, một số nhà khoa học của ta cũng xem xã hội Việt nam trước thế kỷ XX, thậm chí trước năm 1930 là thời trung cổ, một thời đại phong kiến lạc hậu, thời đại của chữ "ta", của "cộng đồng", thời đại "phi ngã". Những tính chất ấy không phải không có, song khoa học ngày nay đã đổi mới quan niệm về thời trung đại (4). Đó không giản đơn là "đêm trường trung cổ", mà là, ngay đối với nhiều quốc gia châu Âu, đó là thời đại hình thành dân tộc, nhà nước, hình thành thứ ngôn ngữ mà ngày nay người ta vẫn sử dụng, hình thành nhiều truyền thống có ảnh hưởng lâu dài. Thời trung đại trong lịch sử dân tộc Việt nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX không phải là "đêm trường trung cổ", mà là một trong những thời đại vẻ vang của dân tộc. Đó là thời đại thành lập quốc gia Đại Việt, thời đại hình thành tiếng nói như ta vẫn dùng cho đến ngày nay, hình thành văn học viết và hầu như toàn bộ truyền thống văn hóa, xuất hiện những tên tuổi được quốc tế ghi danh kỷ niệm như danh nhân văn hóa thế giới. Do vậy, đánh giá thấp thời đại trung đại là đánh giá thấp toàn bộ truyền thống dân tộc. Điều thú vị là khi nghiên cứu toàn bộ văn học Việt nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX, cái gây hứng thú sâu sắc cho người đọc hiện đại lại chính là những yếu tố đổi mới, sáng tạo, yếu tố cá tính tài hoa thể hiện trong sáng tác của các nhà văn. Cho nên thành phần của truyền thống văn hóa và văn học này không chỉ là các yếu tố "cộng đồng", "phi ngã", "tập cổ", "thuật nhi bất tác", mà chủ yếu là yếu tố sáng tạo, cá tính độc đáo, tài hoa. Như vậy, vấn đề bức thiết đặt ra là cần đổi mới quan niệm, phương pháp đánh giá về thời trung đại trong lịch sử để nhìn nhận đúng hơn nhiều giá trị phong phú có ý nghĩa hiện đại của nó, nhất là những giá trị kinh tế, xã hội, văn hóa, văn học dân tộc.

Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật thường bắt gặp cách hiểu một chiều cho rằng đối với cá tính sáng tạo thì truyền thống chỉ là gánh nặng, và chỉ khi nào người ta vứt bỏ được

(3) M. Bakhatin : *Mỹ học của sáng tác ngôn từ*, Mát-xcơ-va, 1979, tr 331

(4) A.Ia. Gurêvích : *Những phạm trù văn hóa trung cổ*. Mát-xcơ-va, 1972

Digitized by Google

truyền thống thì lúc đó cá tính mới có thể là mình, và trong trạng thái đó anh ta mới thực sự sáng tạo ; rằng càng ít lệ thuộc vào truyền thống thì lượng tự do càng nhiều và sức sáng tạo càng lớn ! Ở đây có một sự hiểu lầm nào đó về ý nghĩa của truyền thống đối với sáng tạo và hình thành nhân cách nghệ sĩ. R.Vây-man, nhà nghiên cứu văn học người Đức đã giải thích vấn đề khá sáng tỏ. Cái gì quyết định sự hình thành nhân cách nhà nghệ sĩ. Liệu anh ta có thể là nghệ sĩ được chăng khi anh ta không sành ngôn ngữ, không chiếm lĩnh các phương thức, phương tiện sáng tạo truyền thống (5). Cách đây đã lâu có nhà văn nói với thanh niên : Bạn không thể trở thành nhà văn Việt nam nếu bạn không thuộc bao nhiêu câu ca dao, câu tục ngữ, bao nhiêu câu Kiều, bao nhiêu bài thơ của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, bao nhiêu bài thơ Mới... Dĩ nhiên, số lượng "bao nhiêu" là điều võ đoán, và sáng tác thì phải có tài năng, nhưng cái sự "thuộc lòng" cũng có ý nghĩa lắm. Các Mác từng nói : "chỉ có âm nhạc mới đánh thức được cảm xúc âm nhạc ở con người". Suy ra có thể nói chỉ có truyền thống nghệ thuật mới nuôi dưỡng được tình cảm nghệ thuật, ý thức nghệ thuật ở người nghệ sĩ. Nói cách khác, chính truyền thống góp phần tạo thành nhân cách nghệ sĩ của nhà văn. *Tách rời truyền thống nghệ thuật dân tộc thì khó mà hình thành tài năng nghệ thuật.*

Có những người xem truyền thống chỉ là đối tượng để phủ nhận trong quá trình đổi mới. Họ thường lập luận rằng : người ta có xu hướng khi khen một nhà văn nào đó thì phải chỉ ra những chỗ khác hẳn với người đi trước trong sáng tác của người đó, xem đó là tính độc đáo, tinh túy trong ngòi bút sáng tạo của nhà văn. Chẳng ai khen hay thưởng thức chỗ giống hệt của một nhà văn so với người đi trước. Quả đúng như vậy. Nhưng lý giải hiện tượng đó như thế nào ? Nếu hiểu sức mạnh, động lực sáng tạo chỉ là thuần túy cá tính, cá thể rõ ràng là không đủ. Nhu cầu xã hội mới là cội nguồn thúc đẩy cá nhân, tài năng sáng tạo. Những thời điểm xã hội chuyển mình chính là lúc đòi hỏi tính tích cực sáng tạo của cá nhân là sinh thể xã hội, là kết tinh của các quan hệ xã hội và tinh hoa xã hội. Nguyễn Du sáng tạo *Truyện Kiều* là một tập đại thành của văn học cổ điển, vừa là một đột phá truyền thống, một bước siêu việt so với tác phẩm của tác giả Trung quốc mà ông dựa vào. Trong các yếu tố tạo thành sức mạnh độc đáo của nhà văn có truyền thống truyện thơ dân tộc, truyền thống xót thân, thương người của thời đại, có cảm quan của ca dao, dân ca và của thi ca cổ điển Trung quốc mà ông đã nhập tâm. Thiên tài Nguyễn Du là ở chỗ ông nhìn sắc hơn, sâu hơn các mâu thuẫn và khát vọng thời đại và có năng lực tổng hợp, sáng tạo. Đến lượt mình Nguyễn Du lại mở ra nhiều truyền thống mới. Như vậy, truyền thống không giản đơn là các mẫu mực có sẵn để cho người sau lặp lại, cũng không phải là cái đối tượng để người sau vượt qua, mà là yếu tố tham gia vào thành tố bên trong của nghệ sĩ và thúc đẩy nó sáng tạo theo nhu cầu xã hội. Ngay trong thơ Mới, một phong trào chịu ảnh hưởng sâu đậm của phương Tây, thì đúng như Hoài Thanh và Hoài Chân nhận định : "Hồn thơ Pháp hễ chuyển được vào thơ Việt là đã Việt hóa hoàn toàn... Thi văn Pháp không làm mất bản sắc Việt nam" (6). Ảnh hưởng bên ngoài thực chất là những "cái hích" làm cho truyền thống dân tộc tự đổi mới, chứ không thay thế được truyền thống. Ở đây lại có vai trò lựa chọn, phát huy của cá tính. Trong thơ Mới, cùng chịu ảnh hưởng của tư tưởng giải phóng cá tính của phương Tây, nhưng Thế Lữ tìm về với những tiên nga, bồng lai ; Huy Thông làm sống lại người anh hùng lỡ vận ; Huy Cận tiếp nối nỗi sầu nhân thế nghìn xưa với cảm hứng vũ trụ ; Xuân Diệu mơ ước những thanh sắc, tài hoa trong lịch sử ; Nguyễn Nhược Pháp, Đoàn Văn Cừ hồi cố những nếp sống, phong tục quá khứ ;

(5) R. Vây-man : "Truyền thống như một phạm trù của lịch sử văn học". *Lịch sử văn học và thần thoại học*, Mát-xcơ-va, 1975, tr 86

(6) Hoài Thanh và Hoài Chân : *Thi nhân Việt nam* (1932 - 1941), Nxb Văn học, Hà nội, 1988, tr 38

Digitized by Google

Vũ Đình Liên, Thanh Tịnh hoài niệm những linh hồn người xưa. *Bức tranh quê* là một lối thơ tức cảnh mới, Thâm Tâm đắm đuối với thể *hành*, còn Nguyễn Bính xúc động với cuộc đời bằng cảm thức dân gian... Có thể nói, *truyền thống là điểm tựa và là yếu tố thuộc nội lực của cá tính sáng tạo.*

Văn học cách mạng sau năm 1945 dưới sự lãnh đạo của đường lối văn nghệ của Đảng cộng sản Việt nam đã có sự khai thác toàn diện truyền thống văn nghệ dân tộc, nhất là văn nghệ dân gian ở thời kỳ đầu và sau đó là toàn bộ di sản thành văn. Do nhiệm vụ lịch sử đấu tranh giải phóng, thống nhất đất nước, truyền thống bất khuất, anh hùng, tự hào dân tộc, hy sinh cho dân tộc được phát huy cao độ, sự lựa chọn truyền thống có tính cá nhân chưa có điều kiện phát huy nhiều, nhưng sức mạnh truyền thống không mài mòn cá tính, bởi truyền thống là một quan hệ xã hội, một quan hệ đối với quá khứ. Cá tính nghệ sĩ được thể hiện thành cái "tạng" đa dạng, còn sức mạnh truyền thống tạo thành xu hướng "truyền thống hóa" trong sáng tác, làm cho văn học và văn nghệ ta đậm đà tính dân tộc hơn bao giờ hết.

Từ sau thời kỳ khởi đầu công cuộc đổi mới, chức năng của truyền thống không thay đổi, song quan hệ xã hội trong truyền thống đã thay đổi nhiều, nhất là trên thế giới, một số mặt đang có xu thế toàn cầu hóa. Nội hàm truyền thống đã được mở ra trong tất cả chiều sâu và chiều rộng, không tập trung vào một vấn đề yêu nước như thời chiến. Quan hệ đối với truyền thống phong phú hơn nhưng cũng phức tạp hơn. Tuy đây đó cá biệt có biểu hiện hư vô, suy đồi, cũng có biểu hiện lai căng như những thể nghiệm, nhưng quan hệ đối với truyền thống rõ ràng là phong phú hơn : có kế tục, phát huy, có đối thoại, quan niệm mới, có khám phá, phát hiện. Tất cả cho thấy truyền thống luôn luôn là yếu tố giàu sức sống, mà những nhân tố của sức sống đó là tính năng động sáng tạo của con người hiện đại, là bước phát triển mới trong nhiều lĩnh vực, là hơi thở mới của thời đại, thời cuộc ❑

VAI TRÒ ...

(Tiếp theo trang 44)

dự án kinh doanh cụ thể. Họ cần tăng cường học tại xưởng, tại nhà máy và thực hiện một chế độ sinh hoạt nghiêm ngặt trong quá trình học tập, như kinh nghiệm nhiều trường tiên tiến trên thế giới đã áp dụng.

3. *Đào tạo, bồi dưỡng qua các hoạt động tư vấn quản trị.*

Theo tổ chức lao động thế giới của Liên hợp quốc, tư vấn quản trị là hình thức giúp phân tích giải quyết các vấn đề thực tế, truyền kinh nghiệm quản lý tốt của xí nghiệp này cho xí nghiệp khác. Đây là hình thức đào tạo tại chỗ, thích hợp với đặc điểm của nước ta, khi đại bộ phận giám đốc và chủ doanh nghiệp chưa qua đào tạo cơ bản về quản trị kinh doanh, thiếu kinh nghiệm điều hành doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, lại ít có thời gian và điều kiện để đào tạo lại một cách chính quy. Trước tình hình đó, phải nhờ vào tư vấn của các chuyên gia nước ngoài có tên tuổi, nhất là các lĩnh vực phức tạp như tài chính, pháp lý, tiếp thị, thương mại quốc tế, v.v..

Giám đốc là một nghề khó. Để có được những giám đốc giỏi, trước hết cần thay đổi nhận thức và quan niệm của xã hội đối với nghề kinh doanh và nhà doanh nghiệp. Đồng thời, có phương pháp đúng trong việc hình thành đội ngũ những nhà doanh nghiệp giỏi trên cơ sở tư duy kinh tế mới. "Ai giỏi nghề gì, làm nghề ấy" ; không nên biến nhà doanh nghiệp giỏi thành chính khách tồi. Muốn vậy, Nhà nước cần có chính sách cụ thể gắn giám đốc với nghề nghiệp, với trách nhiệm về bảo tồn và phát triển vốn. Không nên duy trì cơ chế giám đốc có nhiều quyền nhưng lại không chịu trách nhiệm gì, nhất là về vốn ❑

Digitized by Google

Cần có một cách nhìn đúng đắn hơn về sức khỏe cộng đồng và y học dự phòng

LÊ THẾ THỤ *

Sức khỏe con người không chỉ phụ thuộc vào yếu tố sinh học và di truyền mà còn có quan hệ rất mật thiết với môi trường. Con người phải tìm ra cách tiếp cận tối ưu với môi trường thiên nhiên, nhằm điều khiển các mâu thuẫn, khai thác hợp lý các yếu tố có lợi, loại trừ hoặc hạn chế các yếu tố bất lợi. Đó chính là nguyên tắc đúng đắn của y học dự phòng, với mục đích là làm cho con người sống khỏe, sống lâu, sống có ích. Quan niệm của y học dự phòng về xã hội cần đạt tới là một xã hội tiến bộ, dân chủ, công bằng và nhân đạo. Do đó một chính sách dự phòng có hiệu quả phải dựa trên nền tảng của công tác giáo dục, nâng cao dân trí, cải thiện chất lượng cuộc sống nhằm làm cho con người có hiểu biết và hành động đúng.

Có hai hướng tiếp cận mới về sức khỏe được đặt ra :

- Cần có những định hướng về sinh học và di truyền để tìm ra những bí ẩn của sự sống, nghiên cứu về con người với tư cách là một đơn vị sống.

- Một định hướng có tính cách tổng hợp tất cả các yếu tố : tâm sinh lý, xã hội, kinh tế, dân số... cấu tạo nên nhân cách của con người xã hội, một sự định hướng xoay quanh vấn đề y tế cộng đồng và y học dự phòng.

Cả hai định hướng trên không hề mâu thuẫn với nhau mà bổ sung cho nhau, cần thiết cho những tiến bộ của y học để tạo ra các kết quả cuối cùng chính xác cho các khoa học về con người.

Khái niệm dự phòng trong y học ngày nay phải được xem như là một tập hợp các biện pháp nhằm không chỉ giảm thiểu số lượng và mức độ trầm trọng của bệnh tật mà còn hướng vào sự thăng tiến sức khỏe cá nhân và cộng đồng, nhằm :

- Bảo đảm sức sống về thể chất, tinh thần và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển những khả năng sinh tồn của từng cá nhân bao gồm óc sáng tạo, ước vọng, hưởng thụ, mối quan hệ tích cực với ngoại cảnh.

- Giảm bớt những đe dọa đè nặng lên con người do ảnh hưởng của ngoại cảnh, tâm lý xã hội để duy trì các mâu thuẫn ở mức độ mà con người có thể điều chỉnh được, nhưng không làm giảm đi những khả năng sống của nó nhờ vào tiềm lực của cộng đồng xã hội.

Quan niệm mới này đòi hỏi sự quan tâm đúng mức đến các yếu tố sau đây :

1. Điều khiển khả năng sống của các cá thể

Quá trình sống của một con người bao gồm : Sinh - Lão - Bệnh - Tử. Việc bảo đảm, duy trì và giữ gìn sức khỏe con người phụ thuộc vào cả quá trình ấy. Làm cho con người có thể sống khỏe và sống lâu là mục đích của chúng ta .

Được trang bị ngay từ đầu những yếu tố di truyền, con người chịu ảnh hưởng bởi một chuỗi các yếu tố ngoại cảnh, đôi khi có lợi nhưng thường luôn luôn bị tấn công, làm hao mòn dần khả năng thích ứng, đẩy nhanh quá trình già nua và đi đến sự xuất hiện bệnh tật. Quá trình sức khỏe và bảo vệ sức khỏe là lịch sử của quá trình đấu tranh chống lại những ảnh hưởng chồng chất và đa dạng, cũng là quá trình quan trọng của con người tham gia vào công việc quản lý đầy đủ khoảng thời gian sống của mỗi cá nhân.

2. Dự phòng và y học

Sức khỏe và dự phòng như đã được định nghĩa, liên quan đến vấn đề dân số. Nó vượt qua tầm bao quát của ngành y tế, đặc biệt là lĩnh vực lâm sàng và điều trị. Một chính sách dự phòng có hiệu quả phải dựa trên nền tảng cơ bản của công tác giáo dục, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống, thay đổi phong tục tập quán, lòng tin và khả năng thực hành của dân chúng, của các tổ chức nhà nước và xã hội.

3. Hiểu biết và hành động

Dựa trên những kiến thức thu thập được trong cuộc sống, chúng ta chỉ mới nêu ra được hoạt động cụ thể mà chúng ta cho rằng có lợi cho sức khỏe. Trên thực tế, lĩnh vực sức khỏe và các yếu tố xác định sức khỏe có những cánh cửa chưa được mở ra hoặc hiểu biết một cách mơ hồ. Mặc dù vậy, trong những hiểu biết về sức khỏe còn ít ỏi ấy, đại bộ phận con người biết rất rõ những gì có lợi và những gì có hại đối với sức khỏe nhưng lại không tuân theo những qui tắc đã biết đó. Điều đáng tiếc là trình độ hiểu biết và hành động của con người lại không tương xứng với nhau. Nói cách khác, con người có học thức ngày nay lại hành động xấu hơn là tổ tiên ngày xưa. Xã hội không thể dửng dưng trước thái độ

* PTS, Phó viện trưởng Viện vệ sinh - Y tế công cộng - Bộ y tế

Digitized by Google

của con người về vấn đề sức khỏe của mình, nhất là trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, cần phải có những qui định một cách rõ ràng, cụ thể và nghiêm khắc hơn về những nhiệm vụ của con người đối với sức khỏe của mình và của cả cộng đồng. Cần phải có những công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc về nguyên nhân của những hành động phản vệ sinh của con người. Chỉ khi đó mới có thể tìm ra những phương pháp tạo ra cho con người những chế độ lao động, nghỉ ngơi, ăn uống, sinh hoạt... hợp lý. Bởi vì sức khỏe con người là một vấn đề mang nhiều sắc thái tâm lý mà ngày nay còn ít được chú ý đến.

4. Tính thống nhất của dự phòng

Trong môi trường sống con người và tự nhiên không có sự ngăn cách. Các quan hệ giữa con người và thiên nhiên rất phức tạp và đa dạng. Thiên nhiên vô cùng khắc nghiệt nhưng thiên nhiên cũng đã nâng đỡ con người suốt cả cuộc đời. Ngày nay mối quan hệ mật thiết giữa con người và môi trường xung quanh đã xảy ra nhiều biến đổi quan trọng. Những yếu tố hợp thành dòng thác thống nhất của các hoạt chất sinh học mà thiên nhiên phải cần đến hàng triệu năm mới tạo ra đã ngày càng tách xa khỏi sự kiểm soát của thiên nhiên và rơi vào sự thống trị của công nghệ. Điều này có một ảnh hưởng rất cơ bản đối với sức khỏe con người. Sức khỏe của con người không những phụ thuộc vào môi trường bên ngoài, mà ở mức độ cao hơn phụ thuộc vào chính môi trường bên trong. Sự đồng nhất giữa những yếu tố của môi trường bên trong và môi trường bên ngoài nằm ngay trong một chủ thể.

Đây là một vấn đề sinh thái học riêng biệt đã hình thành trong vài thập kỷ qua. Những hy vọng giữ cho thiên nhiên không có sự biến đổi là không hiện thực, bởi vì gắn liền với các quá trình hoạt động của con người, thiên nhiên đang được biến đổi. Do đó nếu ngừng tác động vào thiên nhiên cũng là ngừng hoạt động có tính cách con người, về thực chất cũng là làm mất sự tồn tại của con người. Vấn đề ở đây là con người phải tìm ra một cách tiếp cận tối ưu với thiên nhiên, duy trì và điều khiển các mâu thuẫn giữa con người và môi trường để không biến thành những tiền đề hủy diệt đối với sự sống.

Nguyên tắc dự phòng là cơ sở phát triển của một hướng mới. Việc khai thác rộng rãi và hợp lý các hoạt chất sinh học của thiên nhiên là sự phát triển về chiều sâu của mối quan hệ tương tác giữa con người và sinh quyển. Đó cũng là sự đóng góp quan trọng trong sự thống nhất lịch sử giữa con người và môi trường.

5. Động lực cá nhân và động lực xã hội của y học dự phòng

Tất cả các yếu tố dù nội tại hay ngoại lai đều không ngừng tiến triển trong lòng của những vấn đề phức tạp, dưới áp lực của nhiều yếu tố liên hệ đến các động lực của cá nhân, tác động của kỹ thuật và xã hội (kỹ nghệ hóa và đô thị hóa, công nghiệp và kỹ thuật mới). Một chính sách nhằm thăng tiến sức khỏe cần phải chứng tỏ khả năng làm chủ lũy tiến của sức khỏe ấy, không có nghĩa là thực hiện sự kiểm soát của xã hội mà là dân chủ hóa những mối liên hệ xã hội trong việc thỏa mãn sự cung cấp nhu cầu tổng quát làm cho con người hoàn toàn được thoải mái trong sinh hoạt, lao động và phát triển, xứng đáng với con người hơn.

Với ý nghĩa đó, dự phòng đồng thời là một vấn đề phải được đưa ra bàn luận trên các hoạt động của xã hội và kiểu cách tổ chức các hoạt động ấy. Một trong những khía cạnh của tự do dân chủ là mức độ đạt được trong lĩnh vực dự phòng, là chỉ tiêu có ý nghĩa nhất về khả năng của một dân số tự lựa chọn gánh vác vận mệnh của chính mình.

Sự thăng tiến của sức khỏe, viễn cảnh đầy triển vọng của mỗi người là sự bảo đảm tốt nhất rằng tự do không có nghĩa là luôn luôn thực hiện trong sự thụ động của công dân mà là sự tham gia tích cực và sáng tạo cho tương lai của họ.

6. Làm chủ được tiến bộ

Quan niệm về dự phòng mà toàn xã hội đạt tới là một xã hội tiến bộ, dân chủ, công bằng và nhân đạo. Chúng ta không thể đơn giản hóa tính cách mâu thuẫn của tất cả các tầng lớp trong xã hội. Thật vậy, xã hội phát triển dưới tác động của khoa học, công nghệ và cơ chế thị trường có thể tạo ra sự tiến bộ và lợi ích vật chất cho một số người hay một bộ phận con người thì cùng lúc lại làm gia tăng giá thành đối với những người khác, làm chồng chất thêm sự đau khổ cho giới lao động liên hệ. Vì thế, nó không được xem như là một sự tiến bộ của toàn thể xã hội nói chung. Sự quan tâm đến những vấn đề bao trùm lên toàn xã hội do yêu cầu phát triển và ý chí loại trừ các khổ đau ấy, không thể là cách làm đơn giản, bù trừ bằng một giải thưởng cho nó được "thông qua" mà phải biết cân nhắc, điều tiết, lựa chọn để cho sự tiến bộ xã hội phù hợp với thực tại và đem lại lợi ích cho tất cả mọi người.

Trên quan điểm ấy, sự phát triển của một chính sách dự phòng cho sức khỏe thực sự mà chúng ta giành được là điều kiện của một xã hội tiến bộ - xã hội xã hội chủ nghĩa ❑

Digitized by Google

"ĐIỂM TỰA"

VŨ PHÒNG

LÂU nay thiên hạ cứ nghĩ, các ông chủ tư nhân chỉ say sưa với làm ăn kinh tế, với lời lỗ, thị trường, ít quan tâm đến chính trị. Nhưng thực tế không hoàn toàn như vậy. Gần đây có hiện tượng một số ông chủ tư nhân rất thích "chính trị", thích một cái danh "chính trị", một chỗ đứng nào đó trong các bậc thang chính trị của xã hội. Có ông càng làm ăn lớn, lại càng ham muốn có cái danh "chính trị" hoặc một địa vị xã hội nào đó...

Để thỏa mãn ham muốn ấy, họ có nhiều cách vận động khéo léo, tế nhị. Họ làm quen và thường mời các nhà báo đến thăm và đưa tin về cơ sở của họ (mặc dầu có cơ sở mới ra đời, hoặc làm ăn thua lỗ) để phô trương thanh thế. Họ tranh thủ cảm tình của các quan chức từ trung ương đến cơ sở như : mời đến thăm ; chụp ảnh chung với các thủ trưởng làm kỷ niệm (rồi cho phóng thật to, treo giữa phòng khách sang trọng để mọi người tưởng rằng họ rất thân thiết với lãnh đạo). Họ đến thăm các thủ trưởng trong những ngày lễ tết, khi ốm đau, khi gia đình có việc vui, việc buồn. Họ mời các thủ trưởng làm cố vấn ; những thủ trưởng có chức vụ kha khá, có ảnh hưởng lớn trong ngành hoặc địa phương dù đã về hưu, họ vẫn mời làm cộng tác viên, hoặc trực tiếp làm cán bộ quản lý cho họ với mức thù lao cao gấp chục lần lương đương chức (phó chủ tịch quận X ở một thành phố lớn nọ về hưu tháng trước, tháng sau được mời làm trưởng phòng nhân sự của một công ty tư nhân cỡ lớn ở thành phố). Họ biếu không các thủ trưởng một số cổ phần ở đơn vị họ. Họ chào mời các thủ trưởng đi nghỉ mát trong nước vào dịp hè và thậm chí đi tham quan du lịch nước ngoài. Đó là chưa kể tới những bữa tiệc thường xuyên ở các nhà hàng sang trọng có các chiêu đãi viên trẻ, đẹp sẵn sàng chiều lòng khách...

Bằng những cách đó, dần dần họ trở thành bạn "thân tình", bạn "làm ăn", "đệ tử" của không ít các thủ trưởng. Và nhờ vậy họ có được ít nhiều tiếng tăm, ảnh hưởng trong thương trường, và cũng đã có người trong số họ được trúng vào hội đồng nhân dân xã, phường, huyện, tỉnh, hoặc có chân trong một số tổ chức xã hội. Khi đã có các thủ trưởng ở đằng sau, có ô che cho họ, khi đã có cương vị nhất định, họ dùng đó làm "điểm tựa" để làm giàu, coi thường cả pháp luật, kỷ cương. Một số cơ sở kinh tế quốc doanh đã cho họ mượn tên, sử dụng tiền vốn và cơ sở vật chất để kinh doanh. Không ít hợp tác xã đã thành xí nghiệp tư nhân nhưng vẫn cứ mang danh hợp tác xã. Đã có những trường hợp ông chủ tư nhân đến hội nghị được giới thiệu là đồng chí chủ nhiệm. Từ đó đã tạo điều kiện để các cơ sở tư nhân làm ăn phi pháp, trốn lậu thuế, lừa bịp để vơ vét tiền của của nhà nước và nhân dân, làm thiệt hại nền kinh tế đất nước, gây tổn thất cho không ít cơ sở kinh tế quốc doanh và làm điêu đứng đời sống của bao nhiêu con người, làm giảm niềm tin của quần chúng nhân dân đối với cơ sở kinh tế và doanh nghiệp của nhà nước.

Công bằng mà nói, không phải chủ tư nhân nào cũng lợi dụng "điểm tựa" như thế. Không ít người nêu cao lòng tự trọng, lòng yêu nước, hăng hái làm việc thiện, tự giác tham gia vào công tác xã hội với một động cơ trong sáng, muốn góp phần mình vào sự nghiệp chung của đất nước. Và nếu như nhờ sự đóng góp ấy mà "hữu xạ tự nhiên hương", uy tín của họ được nâng lên, do đó cơ sở của họ làm ăn tấn tới, thì đó là điều rất đáng hoan nghênh, nhất là trong thời buổi kinh tế thị trường này. Số muốn dùng tiền bạc để tạo ra "điểm tựa", phục vụ mưu đồ làm giàu bất chính chỉ là số ít, nhưng rất nguy hại.

Nguyên nhân để lọt lưới những ông chủ tư nhân mua được "điểm tựa", có người quy cho mặt trái của cơ chế thị trường, hối thúc người ta làm giàu bằng mọi giá. Đó mới chỉ là nguyên nhân một phía. Còn phía khác phải kể đến, đó chính là có những thủ trưởng thiếu tỉnh táo hoặc quá ham muốn lợi ích cá nhân, thích được tâng bốc, nịnh hót, không sâu sát cơ sở, do đó đã tạo ra cơ hội cho các ông chủ tư nhân không trong sáng lợi dụng để làm liều.

Đã đến lúc phải báo động tình trạng này và khẩn trương tạo ra một cơ chế kiểm soát chặt chẽ mối quan hệ giữa các công chức nhà nước và các ông chủ tư nhân, đồng thời tìm cho ra và xử lý thích đáng những cán bộ thoái hóa, hư hỏng ❑

Digitized by Google

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ "TOÀN CẦU HÓA"

PHAN DOÃN NAM

Từ đầu những năm 90, khái niệm "toàn cầu hóa" bắt đầu được đề cập một cách rộng rãi, không chỉ trong các công trình nghiên cứu có tính chất học thuật của các học giả thế giới, mà còn được xem như một cách đề cập mới, một cách suy nghĩ mới của nhiều nước trong việc đề ra chiến lược phát triển của mình cho thế kỷ tới.

Vậy *toàn cầu hóa* là gì ? Có gì khác nhau giữa *chủ nghĩa toàn cầu* (globalism), *toàn cầu hóa* (globalization) và *quốc tế hóa* (internationalization) ? Cả ba khái niệm này đều là sản phẩm của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ tin học và giao thông vận tải. "*Chủ nghĩa toàn cầu*" là chính sách có tính toàn cầu, đặc biệt là của các nước lớn khi đề ra chiến lược đối ngoại trong cuộc cạnh tranh giữa họ với nhau, cũng như trong cuộc đấu tranh của họ chống lại các nước nhỏ hơn nhằm áp đặt ảnh hưởng của mình trên toàn thế giới. Còn "*toàn cầu hóa*" là một xu thế phát triển mới nảy sinh trong thời đại bùng nổ cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là cách mạng tin học trong 30 năm trở lại đây. Xu thế này thúc đẩy sự vật phát triển vượt ra khỏi biên giới của một khu vực riêng lẻ để trở nên một hiện tượng bao trùm lên toàn thế giới. *"Toàn cầu hóa" dùng để chỉ tập hợp những hiện tượng vốn chưa có tính chất toàn cầu nhưng đang vận động vươn lên thành hiện tượng toàn cầu nhờ sử dụng những thành tựu mới của cách mạng khoa học công nghệ.* Vì nó là xu thế phát triển tất yếu của sự vật trong thời đại mới, nên trong việc chuẩn bị tiến vào thế kỷ 21, hầu như tất cả các nước, ở mức độ khác nhau, đều tính đến nhân tố "toàn cầu hóa" khi đề ra chiến lược phát triển của mình, nhất là về mặt kinh tế và chính sách đối ngoại, nhằm tận dụng những cơ hội mới, cũng như đối phó với những thách thức mới,để có thể đưa dân tộc mình tiến lên một cách nhanh nhất và vững chắc nhất.

Giữa *"quốc tế hóa"* và "toàn cầu hóa" có sự khác nhau. Sự khác nhau không phải chỉ ở phạm vi địa lý hay thành phần các thành viên tham gia các quá trình này. "Quốc tế hóa" là một quá trình trong đó mối quan hệ được thể chế hóa giữa các dân tộc (internation) dựa trên những tiêu chuẩn và hệ thống chung đã được cộng đồng quốc tế chấp nhận và thực hiện thông qua việc ký kết các điều ước, hiệp định và qua tập quán quốc tế. Trên một số mặt hoạt động của xã hội loài người, "quốc tế hóa" là bước đầu để đi đến "toàn cầu hóa". Ví dụ chế độ mậu dịch tự do đã được quốc tế hóa bằng việc ký kết hiệp định GATT. Chế độ này sẽ được toàn cầu hóa trong tương lai với việc tham gia của đại bộ phận các nước trên thế giới. Nhưng như trên đã nói, toàn cầu hóa là một xu thế, cho nên những sinh hoạt của xã hội loài người được toàn cầu hóa một cách rất lặng lẽ, nhờ các phương tiện thông tin toàn cầu, mà không cần phải thông qua một điều ước quốc tế nào : quá trình toàn cầu hóa nền văn hóa nhạc rốc, nhạc pốp, các loại đồ ăn liền v.v. là những thí dụ.

Nhân tố chính thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa là sự bùng nổ của cách mạng tin học. Cách đây khoảng 25 năm những bức hình về quả đất được chụp từ các vệ tinh và nhất là chụp từ mặt trăng đã làm thay đổi tư duy con người về trái đất. Lần đầu tiên người ta thấy được toàn bộ hình ảnh quả đất, nó chỉ là một quả cầu xanh, bé nhỏ trong vũ trụ bao la, chẳng khác gì một cái làng nhỏ trong thế giới rộng lớn. Từ đó cụm từ "làng toàn cầu" bắt đầu xuất hiện và làm nảy sinh trong đầu óc các nhà bác học và giới kinh doanh những giấc

Digitized by Google

mơ viễn tưởng đầy tính lãng mạn mà người ta gọi là những "giấc mơ toàn cầu". Thế nhưng sau 25 năm, những giấc mơ đó đang từng bước biến thành sự thật cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ. Với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận siêu ngạch dựa trên việc ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ mới, các công ty đa quốc gia được người ta xem như là những "bà đỡ" cho sự ra đời của quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới. Quá trình toàn cầu hóa hiện nay chỉ mới là bước đầu, nhưng nó được xem là một xu thế tất yếu của sự phát triển của xã hội loài người trong thế kỷ tới và sẽ chi phối toàn bộ đời sống xã hội trên tất cả các mặt : chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa v.v.. Hiện nay trên thế giới đã hình thành 5 mạng lưới có liên hệ chặt chẽ với nhau tạo thành những trụ cột chính đầu tiên cho quá trình toàn cầu hóa :

- Mạng lưới thứ nhất là *mạng lưới thông tin toàn cầu*. Có người gọi đó là "làng thông tin toàn cầu" (Global Information Village). Làng thông tin toàn cầu này được nối liền với nhau bằng một hệ thống các "đường thông tin siêu cao tốc". Các máy tính cá nhân được nối liền với nhau qua mạng lưới địa phương và cũng có thể nối liền với các nước khác trên thế giới qua hệ thống INTERNET, tạo thành mắt xích then chốt của các "đường thông tin siêu cao tốc".

- Mạng lưới thứ hai gọi là "*chợ văn hóa toàn cầu*" (Global Cultural Bazaar). Đây là mạng lưới mới nhất nhưng lại phổ cập nhất trong hệ thống các mạng lưới toàn cầu và có tác động sâu sắc nhất đối với đời sống văn hóa xã hội tất cả các nước : phim ảnh, ti vi, đài, nhạc, tạp chí, áo phông, các trò chơi, đồ chơi và các công viên kiểu Đi-xnây-len... là những phương tiện để truyền bá những hình ảnh toàn cầu và những giấc mơ toàn cầu.

- Hệ thống đại siêu thị toàn cầu (Global Shopping Mall) là mạng lưới thứ ba của quá trình toàn cầu hóa thể hiện sinh hoạt hằng ngày của các dân tộc trên thế giới từ cách ăn uống, mặc và giải trí. Các đại siêu thị này là công cụ của các công ty siêu quốc gia để toàn cầu hóa các sản phẩm của họ.

- Hệ thống *trụ sở lao động toàn cầu* (Global Workplace) là mạng lưới gồm các nhà máy, công xưởng, văn phòng luật sư, bệnh viện, nhà ăn và tất cả những nơi làm việc đủ các loại, mà ở đó hàng hóa được sản xuất, các thông tin được xử lý và là nơi cung cấp mọi thứ dịch vụ. Ngày nay trên thế giới, tất cả các sản phẩm từ điếu thuốc cho đến ô tô đều bao gồm vật liệu do hàng chục nước cung cấp, được kết hợp lại qua các dây chuyền lắp ráp, được nhất thể hóa toàn cầu nhằm sản xuất nhanh nhất, tốt nhất, giá thành hạ nhất, nhưng thu về lợi nhuận tối đa. Các cơ sở xử lý dữ liệu, các văn phòng luật sư, các hãng quảng cáo... và các công ty bảo hiểm đã và đang trở thành những dây lắp ráp toàn cầu đủ mọi kiểu. Kết quả của quá trình toàn cầu hóa này là sự cùng tồn tại giữa một thị trường lao động rộng lớn có quy mô toàn cầu về nghệ thuật quản lý, về kiến thức máy tính, về những phát minh mới trong việc sản xuất hàng hóa và tất cả những kiến thức khác có lợi cho nền sản xuất hàng hóa... với nguồn lao động to lớn có tính toàn cầu. Việc sử dụng chất xám đang được toàn cầu hóa. Với việc sử dụng chất xám trên phạm vi toàn cầu, các công ty đa quốc gia là những nhân vật chính trong hệ thống lao động toàn cầu này, không những đã sản xuất ra hàng loạt hàng hóa với giá rẻ và có thể bán chúng ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Bằng cách này họ còn có thể tiêu diệt sự cạnh tranh của đối thủ bằng cách lôi kéo các đối thủ của họ vào các liên minh sản xuất có tính toàn cầu. Người ta cho rằng hiện nay 60% hàng hóa của Mỹ được sản xuất ở ngoài nước Mỹ. Ngược lại, nhiều xưởng sản xuất phim lớn của Hô-li-út là tài sản của các công ty Nhật.

- Trụ cột thứ 5 thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa đời sống xã hội loài người, trước tiên là nền kinh tế thế giới, là *mạng lưới tài chính toàn cầu* (Global Financial Network). Mạng lưới này đang không ngừng làm thay đổi việc chu chuyển tài chính trên thế giới và làm thay đổi cả cơ cấu nền kinh tế thế giới. Suốt 24 tiếng đồng hồ trong một ngày, hàng ngàn tỉ đô la đã được chu chuyển trên khắp thế giới thông qua các thị trường hối đoái với tốc độ tính bằng giây.

Digitized by Google

Năm mạng lưới toàn cầu nói trên trước hết là sản phẩm của thời đại thông tin, hay nói cho đúng hơn là sản phẩm của nền kinh tế thông tin (không những bao gồm tin học mà nó còn bao gồm nhiều hoạt động như hoạt động sản xuất ra thông tin, sản xuất ra công cụ phục vụ xử lý thông tin, môi giới buôn bán thông tin v. v.). Sự vận hành của 5 mạng lưới này đã làm cho nền kinh tế thế giới thay đổi một cách toàn diện cả về phương pháp sản xuất cũng như phương pháp quản lý theo hướng toàn cầu hóa.

Từ toàn cầu hóa về kinh tế sẽ kéo theo toàn cầu hóa về mọi mặt của đời sống xã hội loài người. Toàn cầu hóa tuy mới ở giai đoạn sơ khởi nhưng đang trở thành một xu thế phát triển tất yếu của xã hội loài người trong kỷ nguyên thông tin, kỷ nguyên trí tuệ. Nó tạo ra những cơ hội rất lớn cho tất cả các nước, nhất là các nước đang phát triển , trong việc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa một cách có hiệu quả bằng việc ứng dụng những thành quả của cách mạng tin học và phát triển nền kinh tế thông tin. Cụ thể như nước ta ngành bưu chính viễn thông đã có một bước nhảy vọt rất lớn trên con đường hiện đại hóa theo tiêu chuẩn quốc tế trong một thời gian rất ngắn (tuy nhiên còn có nhiều vấn đề phải bàn như cước phí điện thoại, số lượng máy trên đầu người v.v.). Mặt khác, nó đặt ra cho tất cả các nước những thách thức hết sức nghiêm trọng :

- *Thách thức lớn nhất* là chủ quyền ngày càng bị hạn chế một cách tương đối. Các chính phủ không còn quyền độc lập tuyệt đối trong vấn đề vạch chính sách, trước hết là các chính sách kinh tế ; vì rằng các nước đều phụ thuộc vào ngoại thương và đầu tư nước ngoài. Ngay nước Mỹ hiện nay vẫn là nước có nền kinh tế và quân sự lớn nhất thế giới, nhưng những chấn động trên thế giới đã chi phối chính phủ Mỹ trong việc đề ra chính sách. Cách đây 20 - 30 năm, ngoại thương Mỹ đã chiếm 10% GNP, nay con số đó là 25%. Do đó, ở một mức độ quan trọng, sự hưng thịnh hay suy sụp của nền kinh tế Mỹ không phải chỉ do các quyết định của chính phủ Mỹ mà nó còn tùy thuộc vào quyết định của các công ty, các ngân hàng, các chính phủ khác và các nhà đầu tư nước ngoài nằm ngoài vòng kiểm soát của chính phủ Mỹ. Đối với các nước đang phát triển thì thách thức này càng lớn vì sự phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài khá lớn. Và quá trình toàn cầu hóa cũng sẽ ảnh hưởng nhiều đến các chính phủ trong việc hoạch định các chính sách an ninh - quốc phòng và cả về chính sách đối nội.

- *Thách thức lớn thứ hai* là quá trình toàn cầu hóa đang và sẽ làm xói mòn quyền lực nhà nước dân tộc (Nationstate), có xu hướng làm cho các truyền thống dân tộc bị hủy hoại và các quan hệ xã hội - gia đình bị đổ vỡ. Do nền kinh tế thế giới được toàn cầu hóa, nhu cầu của các nước cần xích lại gần nhau, do đó biên giới giữa các quốc gia - dân tộc dần dần bị vô hiệu hóa (Liên minh châu Âu là một ví dụ).

- *Thách thức lớn thứ ba* mà quá trình toàn cầu hóa đặt ra cho tất cả các dân tộc là nguy cơ tụt hậu. Sự cạnh tranh giữa các nước sẽ diễn ra vô cùng nghiệt ngã. Muốn khỏi tụt hậu, chứ chưa nói đến việc thắng trong cuộc cạnh tranh này, các nước trước hết phải đào tạo một đội ngũ cán bộ có trình độ cao, có tầm nhìn chiến lược.

*

* *

Cũng như tất cả các sự vật đang phát sinh và phát triển, quá trình toàn cầu hóa cũng chứa đựng trong bản thân nó nhiều mâu thuẫn mà người ta gọi là những nghịch lý toàn cầu.

- *Một là,* như người ta thường nói, thế giới ngày nay trở thành nhỏ hơn nhưng cái cộng đồng dân tộc sống trong thế giới này không phải vì thế mà đoàn kết hơn. Thực tế thì trong lúc các nền kinh tế có xu hướng ngày càng xích lại gần nhau và hòa cùng với nhau thành một hệ thống thế giới, sự phụ thuộc lẫn nhau tăng lên, thì các dân tộc, các cộng đồng lại có xu hướng ngày càng tách xa nhau. Quá trình nhất thể hóa nền kinh tế thế giới đang làm phức tạp hơn những vấn đề về chính trị và xã hội toàn cầu. Về mặt chính trị, chủ nghĩa bộ tộc có chiều hướng phát triển, nhiều nước mới xuất hiện bằng cách tách ra khỏi các liên bang cũ hoặc tách khỏi một số nước đa dân tộc cũ. Điều đó cũng dễ hiểu, vì trong lúc các dân tộc muốn xích lại gần nhau hơn về kinh tế để

Digitized by Google

được buôn bán tự do phục vụ cho lợi ích dân tộc mình, thì một khi đã có sức mạnh về kinh tế họ lại muốn độc lập hơn về chính trị và văn hóa. Vào những năm cuối của thế kỷ 20, xu hướng ly tâm về chính trị và văn hóa diễn ra khắp mọi nơi trên thế giới, từ hình thức thấp nhất là yêu cầu nhiều quyền tự trị hơn của các bang, các tỉnh trong một liên bang, một nước, đến hình thức triệt để nhất là tách ra thành những nước độc lập hoàn toàn.

- *Nghịch lý lớn thứ hai* nằm ngay trong bản thân nền kinh tế toàn cầu hóa, đặc biệt thể hiện qua khâu tổ chức sản xuất kinh doanh và phân phối thu nhập. Trong lúc quy mô của nền kinh tế ngày càng mở rộng ra phạm vi toàn cầu, thì những đầu thủ nhỏ nhất lại tỏ ra có vai trò quyết định nhất trong cạnh tranh. Về mặt tổ chức sản xuất mà nói, các đơn vị sản xuất kinh doanh được tổ chức gọn nhẹ bao nhiêu thì tính cơ động của chúng càng lớn bấy nhiêu. Đây là thời đại suy tàn của các tập đoàn sản xuất kếch sù. Tuy hiện nay các công ty đa quốc gia khổng lồ vẫn đang phát triển ở hầu hết các nước trên thế giới, song với nền kinh tế thế giới ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu thì các công ty nhỏ và vừa đang ngày càng khống chế nền kinh tế thế giới.

Mặt nữa của nghịch lý toàn cầu này là ở khâu phân phối, hố cách biệt giàu nghèo giữa Nam và Bắc ngày càng lớn. Đặc biệt là ngay trong bản thân các nước có nền kinh tế phát triển vào loại hàng đầu thế giới, hố cách biệt đó cũng ngày càng mở rộng. Theo một tài liệu đã được công bố thì năm 1989 ở Mỹ : 1% số hộ gia đình có thu nhập từ 180 000 đô la/năm trở lên đã chiếm 80% của cải toàn nước Mỹ. Trong lúc đó 20% số hộ dân cư có thu nhập thấp chia nhau 5,7% toàn bộ của cải quốc gia. Sự chênh lệch ở các nước công nghiệp phát triển khác tuy không quá xa như ở Mỹ nhưng cũng không kém nghiêm trọng. Một trong những nguyên nhân làm cho hố ngăn cách giữa giàu và nghèo là việc tự động hóa, tin học hóa nền sản xuất làm cho hàng triệu người lao động không có tay nghề đáp ứng đòi hỏi mới của nền sản xuất bị gạt ra khỏi lực lượng lao động.

- *Nghịch lý lớn thứ ba* là trên lĩnh vực văn hóa và tôn giáo. Trong lúc nền sản xuất thế giới đang được toàn cầu hóa thì các dân tộc càng muốn khẳng định bản sắc của mình không chỉ về mặt chính trị mà cả về mặt văn hóa và tôn giáo. Tiếng Anh đang được "toàn cầu hóa", xem như là tiếng giao dịch chính trong nền thương mại quốc tế, nhưng xu hướng củng cố và phát triển tiếng mẹ đẻ, thậm chí cả thổ ngữ đang là một điều phổ biến ở tất cả các nước. Ở Ca-na-đa, tiếng Pháp được xem là ngôn ngữ chính thức song song với tiếng Anh. Đi đối với việc phục hồi và củng cố tiếng mẹ đẻ là việc phục hồi và phát triển nền văn hóa dân tộc, các lễ hội truyền thống. Thực tế là một khi làn sóng toàn cầu hóa có khả năng làm mất đi những truyền thống dân tộc có từ hàng ngàn năm, người ta mới thấy những truyền thống đó quan trọng và ra sức bảo vệ chúng.

Nghịch lý này còn được thể hiện rõ nét trong lĩnh vực tôn giáo. Trong lúc nền văn minh mới của kỷ nguyên thông tin, kỷ nguyên trí tuệ đang phát triển mạnh mẽ khả năng của con người trong việc hòa nhập thiên nhiên, trong việc khám phá ra những bí ẩn của vũ trụ thì tôn giáo cũng phát triển chưa từng có. Trong khi các dân tộc chuẩn bị hành trang để đi vào thế kỷ 21 một cách rất tự tin thì ở nhiều nước lại xuất hiện những giáo phái với hàng vạn tín đồ, họ tin rằng thế giới sắp đến ngày tận thế. Người ta xem đây là sự "phản ứng" tất nhiên của thần thánh trước sự "xâm lược" của trí tuệ con người !

Tuy có những nghịch lý, song quá trình toàn cầu hóa là một xu thế lịch sử tất yếu không thể đảo ngược. Đây là một quá trình phát triển lâu dài và rất phức tạp. Có những mặt của quá trình này phát triển với tốc độ cao như thông tin, văn hóa ; có những mặt cho đến nay đang dừng lại ở bộ phận dân cư nhỏ trên thế giới ngay trong các nước phát triển nhất. Tuy nhiên, vì là một xu thế, cho nên các dân tộc muốn giành được thế chủ động trong công cuộc phát triển đều cần phải coi trọng nhân tố này trong khi vạch ra các bước đi lâu dài của mình.

Vấn đề có tính chiến lược hàng đầu là việc xây dựng lại nền giáo dục. Trong thời đại mới, vốn con người có tính chất quyết định. Do đó,

Digitized by Google

giáo dục là nhân tố hàng đầu đối với tất cả các nước ; đặc biệt ở các nước đang phát triển như nước ta thì đó là nhân tố quan trọng có tính chất sống còn.

- Để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực do sự bùng nổ thông tin có thể gây ra cho mỗi nước, không có cách nào khác là chính phủ các nước phải làm chủ được hệ thống thông tin. Chính phủ phải tổ chức lại bộ máy thông tin để có thể cung cấp một cách nhanh nhất, chính xác nhất và đầy đủ nhất cho nhân dân trong nước và ngoài nước những tin tức mà mọi người quan tâm. Kèm theo những thông tin đó là ý kiến chỉ đạo hướng dẫn. Chỉ có như thế mới đánh bại được những nguồn thông tin sai lệch nhiều khi có dụng ý xấu, mới củng cố và gây được lòng tin của nhân dân đối với chính phủ, và từ đó đánh bạt được những luận điệu xuyên tạc có tính chất "diễn biến hòa bình". Muốn làm được điều đó, cần phải tiến hành trước hết ở khâu thông tin.

- Vấn đề thứ ba hết sức quan trọng là việc chọn lựa chiến lược phát triển . Nên chăng công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước của chúng ta lấy kinh tế thông tin làm trọng tâm. Sở dĩ nói vậy là vì nếu đi bằng con đường truyền thống của thời kỳ cách mạng công nghiệp thì nguy cơ tụt hậu là rất lớn. Cần xây dựng một đội ngũ chuyên gia tin học và một nền kinh tế thông tin mạnh thì mới có hy vọng đuổi kịp các nước láng giềng.

- Cuối cùng là việc phục hồi, gìn giữ và phát huy nền văn hóa dân tộc. Sẽ không giữ được bản sắc dân tộc về mặt chính trị nếu không giữ được bản sắc dân tộc về mặt văn hóa - nghệ thuật. Ở đây cần tránh hai điều. *Một là,* dưới danh nghĩa phục hồi văn hóa dân tộc, chúng ta phục hồi những lễ hội, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan. *Hai là,* lấy cớ hiện đại hóa văn hóa dân tộc, chúng ta biến quan họ thành nhạc ráp, nhạc rốc. Sự kết hợp những tinh hoa của nền văn hóa dân tộc với những cái hay, cái mới trong nền văn hóa thế giới hiện đại là điều không dễ nhưng là con đường để chúng ta hòa nhập vào trào lưu văn minh của thế giới, đồng thời vẫn giữ được những phẩm chất, phong cách riêng biệt của người Việt nam ❑

MỸ VÀ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

HOÀNG XUÂN LONG *

Khu vực hóa đang là xu hướng nổi bật trong đời sống kinh tế quốc tế hiện nay. Theo thống kê của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), chỉ trong khoảng thời gian từ 1990 đến 1994, đã có gần 40 thỏa thuận khu vực được ký kết. Việc Mỹ mong muốn xúc tiến hình thành một khu vực mậu dịch tự do châu Á - Thái bình dương dường như cũng nằm trong xu hướng chung đó.

Đối với Mỹ, mối quan hệ liên Thái bình dương có ý nghĩa rất quan trọng. Địa bàn giao lưu kinh tế truyền thống của Mỹ là châu Âu giờ đây lâm vào suy thoái, trong khi châu Á lại tràn đầy sức sống. Ngoại trưởng Mỹ Cri-xtô-phơ từng phát biểu tại Hội nghị APEC ở Xít-tơn : "Đối với Mỹ, không có nơi nào quan trọng hơn châu Á khi Mỹ tiến hành khôi phục nền kinh tế của mình... Mỹ muốn một châu Á mở cửa để có thể tăng gấp đôi số hàng xuất khẩu sang đó và tăng gấp đôi số việc làm trong nước". Thực tế, hiện nay châu Á - Thái bình dương chiếm 50% GNP và 40% ngoại thương thế giới. Tỷ trọng của châu Á - Thái bình dương trong tổng ngoại thương của Mỹ đã là 40% và tạo ra cho Mỹ 2,5 triệu việc làm. Chỉ riêng Hàn quốc và Xin-ga-po, với 48 triệu dân, hằng năm đã mua của Mỹ khối lượng hàng hóa nhiều hơn tất cả số hàng mà các nước Nam Mỹ (với 300 triệu dân) mua của Mỹ. Buôn bán Mỹ - Trung tăng theo cấp số nhân, từ 1985 đến 1993, nhập khẩu từ Trung quốc và Mỹ tăng 560%. Buôn bán Mỹ - Nhật đạt doanh số lớn nhất thế giới. ASEAN là thị trường lớn thứ tư của Mỹ. Còn Đài loan, chỉ có 21 triệu

* PTS, Bộ khoa học, công nghệ và môi trường

Digitized by Google

dân mà chiếm vị trí thứ 6 trong danh sách các bạn hàng của Mỹ.

Mặt khác, châu Á là nơi thu hút khối lượng vốn đầu tư rất lớn. Có những tính toán cho rằng, từ nay đến năm 2000, châu Á cần đầu tư 400 tỉ USD vào ngành năng lượng, 750 tỉ vào thông tin, 50 tỉ vào các sân bay... Đây là cơ hội cho nước Mỹ đầu tư thu lợi nhuận để khôi phục nền kinh tế của mình.

Phải chăng cố gắng của Mỹ thể hiện trong lời tuyên bố của tổng thống Bin Clin-tơn : "Mỹ muốn xây dựng một cộng đồng Thái bình dương mới", đã là điều kiện cần và đủ để hình thành một cộng đồng kinh tế mang tính chất mậu dịch tự do châu Á - Thái bình dương ?

Mỹ từng là tín đồ trung thành của *chủ nghĩa toàn cầu*. Giờ đây Mỹ lại sốt sắng giương cao ngọn cờ *chủ nghĩa khu vực*. Nhưng hướng tới chủ nghĩa khu vực, không hoàn toàn có nghĩa là người Mỹ đã thay đổi chính kiến. Thực chất, khu vực hóa là một giai đoạn hoặc là một bộ phận cấu thành của tiến trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới. Cùng với ý đồ xuyên qua Đại tây dương - hình thành một khu mậu dịch tự do giữa khối Bắc Mỹ và Liên minh EU, ý đồ xuyên Thái bình dương - hình thành khu mậu dịch tự do châu Á - Thái bình dương, là biểu hiện rõ nhất của quan điểm thống nhất giữa tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa. Mặc dù khuôn trong giới hạn "khu vực", nhưng khác hẳn các khối kinh tế EC, NAFTA, ASEAN, tính "toàn cầu" ở đây nổi trội do tham vọng to lớn hòa nhập nhiều nền kinh tế vốn có chế độ xã hội khác nhau, trình độ phát triển kinh tế khác nhau, văn hóa và tín ngưỡng khác nhau... Bởi vậy, trở ngại to lớn mà kế hoạch xây dựng "cộng đồng Thái bình dương mới" phải đương đầu cũng tương tự như những trở ngại mà tiến trình toàn cầu hóa đã gặp phải.

Cho đến nay, quan hệ kinh tế quốc tế vẫn là một dạng quan hệ đặc thù. Nét đặc thù thể hiện ở tính chất lỏng lẻo trong quan hệ giữa các chủ thể kinh tế (các quốc gia). Cơ chế thị trường không đóng vai trò như "bàn tay vô hình" điều tiết các hành vi kinh tế mà trái lại, mỗi quốc gia phải tự chịu trách nhiệm về quyền lợi của đất nước mình. Cơ chế thị trường cũng không sắp đặt được một sự cân đối kinh tế ổn định, không kiến tạo được sự phát triển chung chi phối tất cả các hoạt động kinh tế v.v..

Quan hệ lỏng lẻo thể hiện trong quan hệ kinh tế quốc tế không hề ám chỉ một hiện tượng ngẫu nhiên, thoảng qua. Tồn tại giao lưu kinh tế ở quy mô quốc tế là tất yếu khách quan. Tuy nhiên, tính đặc thù của quan hệ kinh tế quốc tế lại phân biệt nó với quan hệ kinh tế nội bộ của quốc gia. Như vậy, dù thế nào cũng không thể trông đợi sự hội nhập các nền kinh tế thuộc các quốc gia khác nhau trên nền tảng cơ chế thị trường chung cho toàn thế giới. Nhìn vào danh mục các vấn đề thông qua ở Hiệp định chung về thuế quan và buôn bán (GATT), người ta có cảm giác về một tiến trình tiến tới hệ thống thương mại tự do. Trong thập kỷ 60, vòng đàm phán Ken-nơ-đi tập trung vào hạ thấp hàng rào phi thuế quan. Vòng đàm phán U-ru-goay, bắt đầu từ thập kỷ 80, tập trung vào tăng cường quy chế đa phương và mở rộng quy mô của chúng bao gồm nhiều lĩnh vực như dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ. Dự kiến vòng đàm phán sắp tới, bắt đầu từ cuối thập kỷ 90, sẽ tập trung vào quy chế chi phối các hoạt động kinh tế liên quan đến buôn bán, kể cả sản xuất nội bộ từ các nước... Đáng tiếc, những gì được tranh cãi, thông qua trên bàn đàm phán lại tỏ ra rất ít có tác dụng thực tế. Bước tiến của GATT ghi nhận ý nguyện chủ quan của một bộ phận tham gia Hiệp định hơn là thúc đẩy sự biến đổi trong thể chế thương mại quốc tế. Xem ra, những tính toán của Mỹ nhằm xây dựng cộng đồng kinh tế châu Á - Thái bình dương, dựa trên lý luận *"toàn cầu hóa"*, đã có những cường điệu đáng kể :

1 - Vai trò nhà nước dường như bị xói mòn bởi nhiều nhân tố mới. Trước sức mạnh của sức sản xuất mang tính quốc tế, bộ máy nhà nước buộc phải tập trung vào việc cải thiện các điều kiện bên trong để đi theo các hình thức tự do cạnh tranh. Trước làn sóng người lao động không có giấy tờ vượt qua biên giới, những phương tiện thông tin hiện đại, nhanh nhạy... nhà nước buộc phải tìm cách hoạt động trong quan hệ phối hợp với bên ngoài. Khu vực nhà nước vừa bị các thành phần

Digitized by Google

kinh tế ngoài quốc doanh thách thức, vừa bị giảm hiệu quả so với lực lượng xuyên quốc gia (trong thập kỷ qua đã có 30 000 công ty xuyên quốc gia hoạt động, doanh số của các công ty này lớn hơn toàn bộ số xuất khẩu của thế giới : 5,8 ngàn tỉ USD năm 1992). Nhà nước không còn là "vật đệm" hay "cái khiên" với chức năng hàng đầu nhằm chống lại nền kinh tế của các nước khác trên thế giới nữa, nhưng nhà nước vẫn đứng vững trên nghĩa vụ thực hiện chủ quyền tối cao về đối ngoại và lợi ích kinh tế của đất nước.

Đấy là tình hình các nhà nước nói chung, còn ở châu Á, hiện tượng phổ biến là nhà nước quyết định các chiến lược, kế hoạch phát triển và đảm nhiệm việc xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở. Chính nhiều nhà kinh tế học đã không ngần ngại nêu cao vai trò nhà nước khi phân tích bài học phát triển của các nền kinh tế mới tiến hành công nghiệp hóa ở châu Á.

Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, vai trò nhà nước ở các nước châu Á càng nổi bật. Thông thường có sự định hướng chung trong các ngành công nghiệp hướng vào xuất khẩu. Các nhà xuất khẩu đã được hưởng một số biện pháp ưu đãi (tiền thuế, nguồn ngoại hối tự do và một số khu vực mậu dịch tự do) có lợi cho xuất khẩu. Ngoài ra, còn có cả sự ủng hộ về thể chế cho xuất khẩu (nhất là ở Hàn quốc, Xin-ga-po và Đài loan). Ở đây cũng không diễn ra hiện tượng loại trừ lẫn nhau giữa nhà nước và công ty xuyên quốc gia, ngoại trừ trường hợp đã rút kinh nghiệm ở Phi-líp-pin. Chẳng hạn, nhà nước Xin-ga-po có uy lực lớn đối với nền kinh tế và với các công tý xuyên quốc gia trên lãnh thổ của mình, mặc dù "quốc gia thành phố" này có một số lượng rất lớn các công ty xuyên quốc gia. Hay như ở Ma-lai-xi-a, các công ty xuyên quốc gia về điện tử đã đầu tư vào nước này theo chương trình hướng dẫn của chính phủ.

Rõ ràng, không thể xem nhẹ tính độc lập khá cao của các nền kinh tế châu Á vốn được xây dựng trên vai trò của nhà nước. Tính độc lập đó, cùng với vị thế kinh tế đạt được gần đây là cản trở lớn đối với phong cách "một bà bảo mẫu quốc tế" của Mỹ. Các nền kinh tế châu Á không dễ gì chấp nhận kế hoạch "sân chơi bằng phẳng" cho mọi hoạt động kinh tế, mà thực chất là ấn định luật chơi của Mỹ cho tất cả các chủ thể tham gia vào cộng đồng.

2 - Phân công lao động quốc tế đã trải qua một số biến đổi. Nếu như trong phân công lao động cũ, nhóm nhỏ các nước công nghiệp cung cấp máy móc và tư liệu sinh hoạt, còn các nước thế giới thứ ba cung cấp sản phẩm thô, thì từ những năm 60, các nền kinh tế công nghiệp hóa mới (NIEs) đã xuất khẩu cả sản phẩm chế tạo. Chẳng hạn, sản phẩm chế tạo trong khối lượng xuất khẩu ở Đông Á từ 1980 đến 1985 đã nhảy vọt lên 13% hàng năm. Theo đó, thị trường thế giới và quan hệ cạnh tranh được mở rộng cả về phương diện lao động và công nghiệp. Tuy nhiên, phân công lao động mới còn xa mới thể hiện được tính hợp tác toàn cầu của nó. Tại khu vực châu Á - Thái bình dương, vẫn tồn tại các bất cập như :

- Trình độ phát triển kinh tế ở khu vực có sự chênh lệch rất lớn, bao gồm nhiều tầng nấc : Mỹ, Nhật bản thuộc các nước phát triển, "bốn con rồng nhỏ" thuộc các nước và khu vực công nghiệp mới, các nước còn lại thuộc nền kinh tế đang phát triển. Một số nước có số người làm việc trong ngành công nghiệp xuất khẩu còn rất ít, chiếm chưa đầy 10% tổng số việc làm ; nguyên liệu thô chiếm hơn 2/3 khối lượng xuất khẩu. Mặc dù lý thuyết "lợi thế so sánh" khẳng định rằng, thương mại quốc tế, với sự chuyên môn hóa mà nó tạo nên, đem lại lợi ích cho tất cả các thành viên tham gia trao đổi, nhưng lợi ích của các nhóm nước nói trên vẫn không đều nhau. Cách biệt lợi ích sẽ cản trở tiến trình nhất thể hóa kinh tế.

- Đường hướng và trọng điểm chiến lược của các nước ở châu Á - Thái bình dương cũng khác biệt nhau. Các nước vẫn cố gắng tìm kiếm chiến lược thương mại riêng của mình, trong đó, thậm chí có cả "chiến lược thay thế nhập khẩu" nhằm phát triển các ngành công nghiệp non trẻ trong nước.

3 - Người Mỹ luôn khẳng định : văn hóa không phải là vận mệnh. Chẳng hạn trong bài phát biểu "vai trò của Mỹ với một cộng đồng Thái bình dương mới", Phran-B. Bíp-nây (Frank B. Bibney) -

Digitized by Google

chủ tịch Viện Thái bình dương và là Phó chủ tịch Hội đồng hợp tác kinh tế Thái bình dương, nhấn mạnh : Đã đến lúc phải gác lại lối lập luận tẻ nhạt cho rằng, sự khác biệt lớn về văn hóa, truyền thống, chủng tộc và tôn giáo giữa các nước Thái bình dương làm cho bất cứ hình thức hợp tác chặt chẽ nào cũng không thể thực hiện được. Mặc dù vậy, trên thực tế, người ta không thể không nhận thấy một tiến trình "Á hóa châu Á", trong đó, nhận thức về bản sắc của châu Á đang hình thành mạnh mẽ. Bản sắc châu Á có thể bộc lộ ở các diễn đàn quốc tế lớn như Hội nghị Liên hợp quốc về nhân quyền tổ chức tại Viên (Áo) năm 1993, và cũng có thể bộc lộ cả trong hành vi hoạt động kinh tế thường nhật. Nếu chú ý tới cạnh tranh giữa Nhật bản và Mỹ trên đất Thái lan, chúng ta sẽ thấy rõ, các công ty Nhật phát đạt ở Thái lan không phải chỉ nhờ hàng tỉ USD đã rót vào đó. Điều quan trọng hơn là người Nhật biết phát huy văn hóa của mình.

Khu vực hóa thường diễn ra giữa các nước có nền văn hóa tương đồng (như là điều kiện đủ), có nghĩa là tính thống nhất trong khối kinh tế đòi hỏi những quan điểm chung về đánh giá lợi ích, thói quen hợp tác kinh doanh... và ít nhất không bị cản trở bởi các vấn đề dân tộc, tôn giáo. Tuy nhiên, dù lợi ích kinh tế to lớn đến đâu, sự thống nhất vẫn bị đe dọa bởi xung đột văn hóa. Chẳng hạn như sự kiện Thổ nhĩ kỳ mới đây. Các nhà lãnh đạo Thổ nhĩ kỳ từng rất muốn theo đuổi chiến lược phe mạnh và làm cho nước họ trở thành một thành viên phương Tây. Họ liên kết với phương Tây trong khối NATO, xin làm hội viên trong cộng đồng châu Âu. Tuy nhiên, những người ủng hộ sự phục hồi Hồi giáo lại lập luận rằng, Thổ về căn bản là thuộc xã hội Hồi giáo Trung Đông. Hơn nữa, trong khi giới thượng lưu của Thổ xác định Thổ thuộc về xã hội phương Tây, thì giới thượng lưu phương Tây lại không chấp nhận như vậy. Tổng thống Ô-dan đã nói lên lý do khiến Thổ sẽ không trở thành hội viên của Cộng đồng kinh tế châu Âu : "Chúng tôi là những người Hồi giáo, còn họ là những người Thiên chúa giáo".

Thực tế, hiện có quá nhiều khác biệt căn bản về văn hóa giữa châu Á và Mỹ : tính cộng đồng đối lại với chủ nghĩa cá nhân ; sự phục tùng của xã hội vào một trung tâm đối lại với chủ nghĩa tự do, phân quyền ; chú trọng vào nhân tố con người đối lại với tôn sùng kỹ thuật v.v.. Trong khi người Mỹ tự hào về văn hóa của họ và khẳng định "mô hình Mỹ", thì các nước châu Á ngày càng ý thức về lợi thế văn hóa của mình và xem đó là hành trang tối cần thiết cho sự phát triển trong tương lai. Ví dụ, một số vấn đề nổi bật trong những mục tiêu đến năm 2020 của Ma-lai-xi-a do thủ tướng Ma-ha-thia Mô-ha-mét nêu lên tại phiên khai mạc kỳ họp Hội đồng thương mại Ma-lai-xi-a tổ chức ở Ku-a-la Lăm-pơ ngày 28-2-1991 : "Tăng cường và phát triển một xã hội thực sự dân chủ, thực hiện một kiểu dân chủ Ma-lai-xi-a theo định hướng cộng đồng... Xây dựng một xã hội kiểu mẫu về đạo đức và tinh thần. Một xã hội mà ở đó con người lành mạnh về tôn giáo, tín ngưỡng, thấm nhuần các chuẩn mực cao nhất về đạo đức... Một hệ thống xã hội mà hạnh phúc của nhân dân không chỉ xoay quanh nhà nước hay từng cá nhân, mà bao gồm cả một hệ thống gia đình vững mạnh và năng động."

Cuối cùng, xem ra chính thái độ chủ quan "văn hóa không phải là vận mệnh" lại là cản trở thuộc về văn hóa đối với hợp tác kinh tế Mỹ - châu Á.

4 - Nếu là bước quá độ tiến tới toàn cầu hóa thì các quan hệ khu vực phải khởi đầu cho việc tự do hóa những gì còn chưa được WTO bao quát, hoặc chưa bao quát đầy đủ. Cho đến nay, các nước vẫn còn đang đứng trên phạm vi khu vực nhỏ để xét đoán khu vực lớn. Thái lan và Ma-lai-xi-a lo sợ ảnh hưởng của ASEAN sẽ bị chi phối và bị phân tán trong một cộng đồng kinh tế rộng lớn hơn và quan liêu hơn. Nhiều nước châu Á khác cũng lo sợ Mỹ sẽ sử dụng Cộng đồng kinh tế châu Á - Thái bình dương để củng cố Hiệp định tự do buôn bán Bắc Mỹ (NAFTA).

Những phân tích trên giải thích tại sao các nước châu Á chưa nhất trí với con đường và cách làm của Mỹ trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế châu Á - Thái bình dương. Thậm chí có nhiều ý kiến đề xuất phương án "triển khai hợp tác kinh tế mang tính khu vực nhỏ, phát triển phương thức hợp tác đa dạng, nhiều tầng nấc và từ nhiều con đường khác nhau" để đối lại phương án "thành lập vành đai kinh tế Thái bình dương" với phạm vi tập hợp hầu hết các nước ven bờ Thái bình dương.

Kế hoạch bắc cầu qua Thái bình dương của Mỹ đã gặp phải những dòng nước xoáy. Người Mỹ đang tìm cách vượt qua vùng xoáy. Nhưng có lẽ họ chỉ thực sự thành công khi dám xóa bỏ bản thân những mưu toan áp đặt và những lợi ích vị kỷ của Mỹ, thực sự tôn trọng nước khác, bảo đảm được vẻ êm đềm đúng như cái tên của đại dương này ❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH BẢO HỘ MẬU DỊCH. HỆ THỐNG KINH TẾ MỞ

● **CHÍNH SÁCH BẢO HỘ MẬU DỊCH** là chính sách kinh tế của nhà nước nhằm bảo vệ nền kinh tế dân tộc chống lại sự cạnh tranh chèn ép của nước ngoài. Nó thể hiện ở các biện pháp như : đánh thuế cao đối với các hàng hóa nước ngoài ; cấm hoặc hạn chế xuất khẩu hoặc nhập khẩu một số loại mặt hàng; trợ cấp cho các nhà kinh doanh trong nước, v.v..

Ở *các nước tư bản chủ nghĩa phát triển*, chính sách bảo hộ mậu dịch phục vụ lợi ích của các tổ chức tư bản độc quyền và các công ty đa quốc gia, nó bảo đảm cho các tổ chức đó độc quyền chiếm giữ và phân chia các thị trường đầu tư và tiêu thụ sản phẩm. Ở *các nước đang phát triển*, chính sách bảo hộ mậu dịch bảo vệ và khuyến khích nền kinh tế dân tộc, nó phát huy thế mạnh và tận dụng mọi tiềm năng vốn có về kinh tế để có thể dần dần thay thế nhập khẩu bằng xuất khẩu, chống lại sự bành trướng của nước ngoài.

● **HỆ THỐNG KINH TẾ MỞ** là hệ thống kinh tế trong đó các thành phần kinh tế và các địa phương trong nước có sự giao lưu rộng rãi thông suốt trong cả nước, đồng thời có sự giao lưu với nền kinh tế các nước thế giới, nhằm triệt để khai thác các nguồn vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và thị trường, phát huy mọi nguồn lực đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, giành vị trí cần thiết trong phân công lao động quốc tế.

Chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta đã bao hàm nội dung xây dựng hệ thống kinh tế mở. Nó đặt ra yêu cầu phải hình thành cơ cấu kinh tế có hiệu quả thoát ra khỏi tình trạng tự cấp, tự túc, khép kín, chuyển mạnh sang khai thác các lợi thế để phát triển những sản phẩm, những ngành và lĩnh vực hoạt động có lợi và hiệu suất tối đa. Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự phát triển của lực lượng sản xuất và mở rộng phân công lao động ngày càng vượt ra ngoài phạm vi quốc gia. Ở nước ta nhiều năm qua hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp, các ngành và các địa phương còn mang nặng tính khép kín, thiếu sự giao lưu cần thiết. Việc xuất nhập khẩu chưa thật sự chủ động, chưa xuất phát từ yêu cầu xây dựng một cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả, đủ sức cạnh tranh với bên ngoài. Ngày nay, các hình thức tổ chức kinh tế không thể chỉ đóng khung trong phạm vi từng nước. Cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia biến đổi cùng với quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên toàn thế giới. Nền kinh tế mỗi quốc gia sẽ là một hệ thống mở trong môi trường kinh tế thế giới vừa hợp tác, vừa cạnh tranh. Hệ thống kinh tế mở *một mặt* đòi hỏi toàn bộ hệ thống quản lý kinh tế phải thích ứng với cơ chế thị trường, với luật pháp và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tác nước ngoài kinh doanh và hợp tác với ta. *Mặt khác*, nó đòi hỏi phải có những biện pháp cần thiết để bảo vệ an ninh chính trị và chủ quyền quốc gia, hạn chế những thua thiệt về kinh tế, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tinh hoa, đạo đức của dân tộc.

Khái niệm "hệ thống kinh tế mở" có nội dung rộng rãi, đầy đủ và hoàn chỉnh hơn khái niệm "mở cửa". Khái niệm "mở cửa" không thật chặt chẽ về mặt ngữ nghĩa, nó dễ được hiểu như chỉ là sự tăng cường trao đổi mậu dịch quốc tế ở tầm vĩ mô, liên quan trực tiếp đến việc quản lý cửa khẩu - biên giới và giao lưu hợp tác với nước ngoài ❑

Digitized by Google

CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG

BÃI BẰNG PAPER COMPANY



TRẦN NGỌC QUÊ
Bí thư kiêm Tổng giám đốc

- Công ty giấy Bãi Bằng thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ là công trình hợp tác hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển có thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất khép kín, công suất thiết kế 55.000 tấn giấy/năm.
- Sản phẩm của Công ty bao gồm : giấy in, giấy viết, giấy Telex, giấy potaobpy ; giấy tập kẻ ngang, vở học sinh và giấy máy vi tính. Định lượng từ 50 GAM/M2 - 120 GAM/M2
- Độ trắng 74-830 GE. Giấy được sản xuất thành cuộn hoặc RAM từ khổ A0 - A4.
- Sản phẩm của Công ty có bán trên thị trường trong và ngoài nước

Địa chỉ :
- Thị trấn Phong châu -
huyện Phong châu - Vĩnh phú

- Điện thoại : 01-21-46733/42154/42028
- Telex : 411498 SCANMABBVT
- Fax : 84 - 21 46732



❑ *Năm 1995 kế hoạch sản xuất 38.000 tấn, 6 tháng đầu năm đã sản xuất được 21.670 tấn, nhờ cải tiến công nghệ và tổ chức quản lý mà riêng quí II/95 đạt sản lượng cao chưa từng có 13.033 tấn. Trước tình hình đó Bộ Công nghiệp nhẹ giao thêm kế hoạch là 42.000 tấn, công ty đang phấn đấu đạt 50.000 tấn. Dự kiến từ 1997 trở đi sản xuất 70.000 tấn/năm ; sau năm 2000 sản xuất trên 10 vạn tấn/năm.*

Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

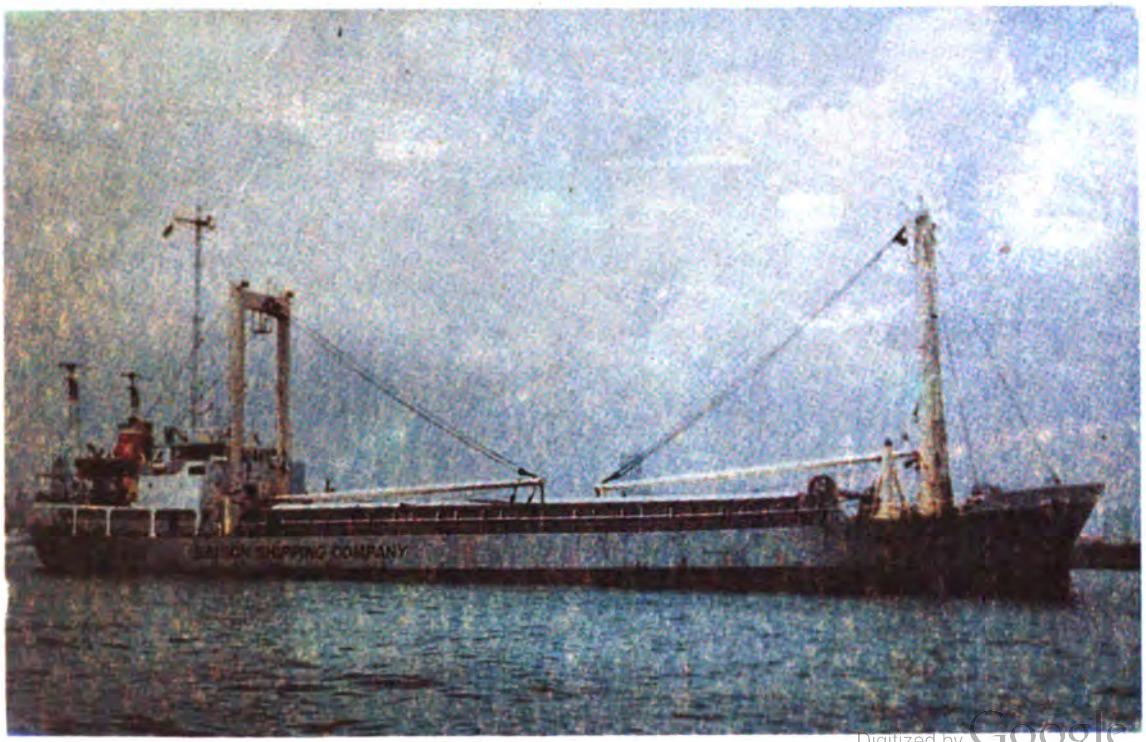
Trụ sở : số 9 Nguyễn Công Trứ - Quận I - TP Hồ Chí Minh
* Tel : 230286 - 231747 * Telex : 811260 SGSCO VT * Fax : (84-8) 225067

17 Tôn Đức Thắng -
Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Tel : 230015 - 230218
Fax : 230013

* CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
57 Đinh Tiên Hoàng
Tel : (31) 41346
Fax : 34 41346

* CHI NHÁNH VŨNG TÀU
66/6 Võ Thị Sáu
Tel : (64) 59417
Fax : (64) 59418

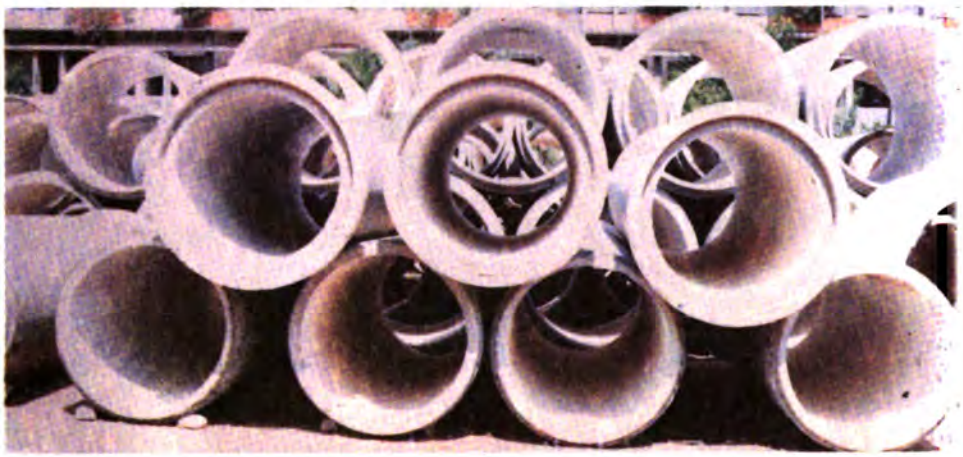




Digitized by Google

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG

CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN II - BỘ NĂNG LƯỢNG



ĐỊA CHỈ :
354A ĐƯỜNG HÀ NỘI - THỦ ĐỨC
TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI :
963077 - 968348
FAX : 84.8.963077

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- Xây lắp các công trình điện trung, cao thế từ 15 đến 110kV.
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đặc biệt Xí nghiệp sản xuất các loại sản phẩm bê tông ly tâm như cột điện dài từ 8,4m đến 20m và ống thoát nước có đường kính từ 40cm đến 1500cm với chiều dài theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm bê tông ly tâm các loại do Xí nghiệp sản xuất đạt chất lượng cao đã nhận được sự tín nhiệm của khách hàng.
- Những công trình trọng điểm của thành phố Hồ Chí Minh như nút giao thông Hàng Xanh, Phú Lâm... đã dùng các loại ống do Xí nghiệp sản xuất để lắp đặt cho hệ thống thoát nước.
- Những đô thị đang phát triển như Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu cũng đang sử dụng đại trà ống bê tông ly tâm của XN xây dựng.



▲ *Chuẩn bị khuôn cốt thép quay ly tâm ống nước bê tông.*



Xây dựng xưởng mới tại Linh Xuân ▶

Hân hạnh được phục vụ quý khách

Kiên Giang

TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1) Kiên giang nằm phía tây châu thổ sông Cửu long. Giáp Campuchia và Thái lan. Có đồng bằng, biển, đảo và núi rừng Diện tích : 6243 km^2 với 56,8 km biên giới, 200 km bờ biển, 105 hòn đảo. Dân số ≈ 1,4 triệu. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế (GDP) từ 1991 - 1995 là 9,6%.

Kiên giang là một tỉnh giầu tiềm năng, kinh tế liên tục tăng trưởng, chính trị ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững.







Cá Chim và Tôm hai chủng loại được xuất khẩu mạnh

2) 5 năm liền nông nghiệp đạt trên 1 triệu tấn. Năm 1995 đạt 1.690.000 tấn.

3) Với bờ biển dài, ngư nghiệp phát triển nhanh, sản lượng tăng bình quân hằng năm 11,3%. Năm 1995 đạt 170.200 tấn. Công ty quốc doanh đánh cá Kiên giang là một điển hình về kết hợp giữa kinh tế và bảo vệ an ninh bờ biển rất hiệu quả.

Digitized by Google



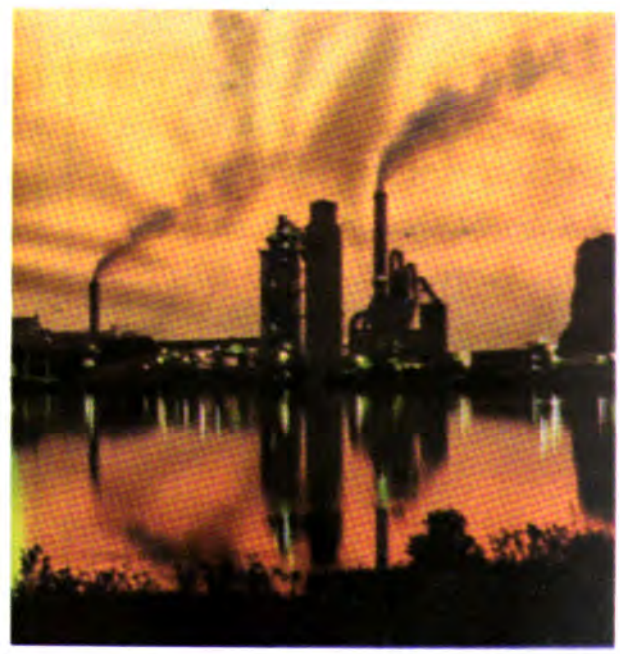
LÊ HỒNG ANH
Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư Tỉnh ủy Kiên giang



4) CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1 - Xây dựng nhà máy bê tông đúc sẵn và tấm lợp.
2 - Xây dựng nhà máy sản xuất bao xi măng 20 triệu/năm.
3 - Xây dựng nhà máy nghiền xi măng 300.000 tấn/năm.
4 - Xây dựng nhà máy giấy.
5 - Xây dựng cảng Tắc cậu.
6 - Xây dựng cảng An thới - Phú quốc.
7 - Xây dựng cảng cá Nam du - Kiên hải.
8 - Xây dựng cảng cá và dịch vụ phát triển nghề cá thổ chi.
9 - Nạo luồng đường dẫn tàu và mở rộng cảng XNK Hòn chén.
10 - Các trung tâm, chương trình khuyến nông, khuyến ngư.
11 - Đầu tư chế biến chăn nuôi heo - vịt.
12 - Trồng bắp lai - bao tiêu sản phẩm.
13 - Tàu thuyền đánh bắt xa bờ.
14 - Các nhà máy chế biến hải sản - nông sản xuất khẩu
15 - Nhà máy chế biến đường.
16 - Dự án phát triển Phú quốc.
17 - Dự án phát triển bán đảo Cà mau.
18 - Dự án phát triển cầu, đường nông thôn.
19 - Nâng cấp quốc lộ 80 và 61, đường Nam kỳ khởi nghĩa.
20 - Mở rộng sân bay Rạch sỏi.
21 - Các khách sạn 3 sao tại An hòa, Hòn chông.
22 - Tàu khách cao tốc Rạch giá - Phú quốc.
23 - Khôi phục và phát triển các nghề truyền thống.

5) Kiên giang rất nhiều địa danh và thắng cảnh nổi tiếng đa dạng. Một kho tàng du lịch vô tận mời gọi khai thác.



6) Nhà máy xi măng Hà tiên 1 triệu 400 ngàn tấn/năm là một phần của ngành vật liệu xây dựng đang được phát triển ở Kiên giang.

Digitized by Google

CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 710

(TRỰC THUỘC CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM)

★ **Trụ sở đóng tại** : 127 Đinh Tiên Hoàng, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

★ **Điện thoại :** 446106 / 446110 / 446043 / 446134 / 019081249 ; **Fax** : 84.8.446043

★ **Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước** số 1348/QĐ-TCCB-LĐ ngày 05 tháng 07 năm 1993 của Bộ Giao thông vận tải.

★ **Giấy phép kinh doanh** số 102835 của Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 15/07/1993.

★ **Tổng số vốn kinh doanh : 16.200 triệu đồng**
Trong đó : + Vốn cố định : 7.800 triệu đồng
+ Vốn lưu động : 8.400 triệu đồng

★ **Tài khoản số** : 02.0087 Ngân hàng Đầu tư Phát triển TP.HCM

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- Chuyên thiết kế, tổ chức thi công và xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông.
- Làm mới nền mặt đường ô tô với các loại kết cấu quy mô xây dựng.
- Sửa chữa đường ô tô, cầu, cống, kè, đập, cảng, sân bay, san lấp mặt bằng.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, sửa chữa, phục hồi xe máy, máy móc chuyên dùng.
- Sản xuất bê tông nhựa nóng công suất 800 - 2.000 tấn/ca.
- 02 trạm trộn bê tông nhựa nóng (sản xuất tại Cộng hòa Triều Tiên) công suất 100 tấn/giờ đặt tại Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh và tại Bà Rịa - Vũng Tàu.
- 01 trạm trộn bê tông nhựa nóng (do Mỹ sản xuất) công suất 80 tấn/giờ và 02 trạm trộn bê tông nhựa nóng công suất 25 tấn/giờ tự chế tạo trong nước.
- Trên 100 đầu thiết bị phương tiện thi công lớn chuyên dùng.
- Có mỏ đá trữ lượng 800.000 m3. Công suất khai thác 60.000 m3/năm và toàn bộ hệ thống thiết bị khai thác hiện đại.

ĐÃ THI CÔNG :

- Nâng cấp các tuyến quốc lộ 1A, 14, 60, 13, 51
- Trong 04 năm (1990 - 1993) đã thực hiện 150 km đường bê tông nhựa nóng.
- Nâng cấp các đường giao thông nội thành (TP. Hồ Chí Minh) : đường Tôn Đức Thắng - đại lộ Hàm Nghi - đại lộ Lê Lợi - đường Đinh Tiên Hoàng và hệ thống đường công vụ tại khu Công nghiệp Biên Hòa - Cảng Sài Gòn.
- Nâng cấp đường tại Vũng Tàu.
- Thi công công trình nút giao thông Hàng Xanh - TP. Hồ Chí Minh.

NĂNG LỰC và KHẢ NĂNG THI CÔNG :

- Giá trị thực hiện từ 60 - 100 tỷ đồng/năm
- Thiết bị thi công hiện đại, đảm bảo chất lượng, tiến độ và mỹ quan công trình.
- Phạm vi hoạt động cả nước. Công ty sẵn sàng ký kết và thực hiện các hợp đồng thi công với các chủ đầu tư, các cơ quan, đơn vị địa phương trong và ngoài ngành Giao thông vận tải.

HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

GIÁM ĐỐC
KS. NGUYỄN MINH QUANG



IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Tạp chí Cộng sản

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 16
MAIN



The Library - UC Berkeley
Received on: 10-08-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

16
8-1996

Digitized by Google

BỘ NÔNG NGHIỆP và PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG 4

Trụ sở : 79/5 Xô viết Nghệ tĩnh - Phường 26 - Quận Bình thạnh Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8993850 - 8990877

Fax : 84-8-8993851

Tên giao dịch Quốc tế : GENERAL CONSTRUCTION COMPANY N.4

Viết tắt : G.C.C.4



Thành lập theo Quyết định số 01-TTg ngày 04/01/1995 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng công ty gồm : 16 Công ty - Xí nghiệp thành viên và 1 Trường đào tạo công nhân kĩ thuật.
- Nhiệm vụ của Tổng công ty : Xây dựng các công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu ; xây dựng công trình thủy công, công trình thủy điện ; xây dựng đường giao thông, bến cảng, công trình dân dụng, công trình công nghiệp ; sản xuất, khai thác và cung ứng vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ xây dựng ; thiết kế, chế tạo lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng và sửa chữa xe máy.

Được hoạt động trong và ngoài ngành về kiểm tra kĩ thuật chất lượng sản phẩm, công trình xây dựng.

Tổng công ty xây dựng 4 đã thi công các công trình thủy lợi, thủy điện lớn ở trong nước và nước ngoài có chất lượng, kĩ thuật và mỹ thuật cao như : Thủy lợi Dầu tiếng (Tây ninh), Thủy điện Trị an (Đồng nai), Thủy điện Thác mơ (Sông bé), Thủy điện Vĩnh Sơn (Quảng ngãi), Thủy điện Ô Chum (Cam-pu-chia), Thủy lợi Đa tẻ (Lâm đồng), Sông Quao (Ninh thuận), AZun (Gia lai Kontum), Thạch nham (Quảng ngãi) và nhiều công trình ở Đồng bằng sông Cửu long đem lại hiệu quả kinh tế cao.





● *Máy cạp tự hành có dung tích 16 m^3 thi công công trình thủy lợi sông Quao (Bình thuận)*

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 502

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Những bài học của 10 năm đổi mới	3
	TRẦN VĂN ĐĂNG - Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc đổi mới đất nước	10
	BÙI NGỌC THANH - Cơ sở khoa học của các quan điểm hoạch định chính sách xã hội của đảng	14
	BÙI PHAN KỲ - Mấy vấn đề về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh thế giới ngày nay	18
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	THÀNH PHƯƠNG - Chủ nghĩa tư bản nhà nước : quan niệm và các hình thức vận dụng ở nước ta	21
	PHƯƠNG LỰU - Suy nghĩ về việc xây dựng đội ngũ lý luận phê bình văn học trong vận hội mới	25
	HỒ KIẾM VIỆT - Tỉnh táo trước sự đổi màu của trào lưu xã hội - dân chủ	28
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	VŨ SỬU - Đôi điều rút ra từ công ty sứ kỹ thuật Hoàng liên sơn	33
	ĐOÀN NAM ĐÀN - Công tác trật tự trị an trong vùng công giáo ở Xuân thủy	36
NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 51 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	NGUYỄN THANH TÂM - Tổng khởi nghĩa toàn dân - hình thái khởi nghĩa điển hình của Cách mạng Tháng Tám 1945	40
	LÊ VĂN YÊN - Những quyết định sáng suốt của Hồ Chí Minh dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám	45
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	VŨ KHÔI - "Hòa hợp, hòa giải dân tộc" phải chăng là "giải pháp chính trị mở lối ra cho Việt nam" ?	49
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN ĐÌNH BẢNG - Điểm dừng	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRỊNH GIA BAN - Việt nam - ASEAN sau một năm hội nhập	53
	NGUYỄN THỊ HOA - Nước Nga sau bầu cử tổng thống	55
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	"Giá trị châu Á"	58
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Chính sách mậu dịch tự do. Bảo hộ mậu dịch	60

Bìa 1 : *Cây đa Tân trào* *Ảnh : TTXVN*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ФУ ЧОНГ - Уроки десяти лет обновления. ЧАН ВАН ДАНГ - Расширение блока всенациональной солидарности в течение курса обновления страны. БУЙ НГОК ТХАНЬ - Научные фундаменты взглядов партии на планирование социальных курсов. БУЙ ФАН КЙ - Некоторые проблемы строительства и защиты социалистической родины в нынешней мировой обстановке. ТХАНЬ ФЫОНГ - Государственный капитализм : концепция и формы его применения в нашей стране. ФЫОНГ ЛЫУ - Некоторые мнения о формировании рядов литературных критиков в новой стадии развития страны. ХО КИЕМ ВЬЕТ - Быть трезвым при перемене цвета социал-демократической тенденции. НГУЕН ТХАНЬ ТАМ - Генеральное всенародное восстание - типичная восстанческая форма Авгутовской Революции 1945-ого года. ЛЕ ВАН УЕН - Дальневидные решенния Президента Хо Ши Мина, ведущие к победе Авгутовской Революции. ВУ ХОЙ - Правда ли национальное согласие и примирение являются политическим решением, открывающим "выход для Вьетнама". ЧИНЬ ЗА БАН - Вьетнам и ASEAN один год после интеграции.

CONTENTS

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Lessons drawn from 10 years of renovation TRẦN VĂN ĐĂNG - Expanding the nation-wide solidarity bloc during the cause of renovation of the country BÙI NGỌC THANH - Scientific bases of the Party›s views on planning social policies. BÙI PHAN KỲ - Some problems on building and defending the socialist fatherland in the present world situation. THÀNH PHƯƠNG - State capitalism : concept and methods of its application in our country. PHƯƠNG LỰU - Some opinions on formation of a contingent of literary critics in the new era. HỒ KIẾM VIỆT - Being conscious of change in colour of the social - democratic trend. NGUYỄN THANH TÂM - General nation-wide insurrection - an uprising form typical of the August 1945 Revolution. LÊ VĂN YÊN - Clear-sighted decisions of President Ho Chi Minh leading to the victory of the August Revolution. VŨ KHÔI - Is it true that "National concord and conciliation" is a political solution opening an "outlet for Vietnam"? TRỊNH GIA BAN - Vietnam - ASEAN : one year of integration.

SOMMAIRE

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Les leçons obtenues après dix ans de renouveau.TRẦN VĂN ĐĂNG - Elargir la grande union nationale dans l'oeuvre de renouveau du pays. BÙI NGỌC THANH - Sur la base scientifique des points de vue du Parti dans la détermination des politiques sociales. BÙI PHAN KỲ - Quelques problèmes de l'édification et de la défense de la Patrie socialiste dans l'actuelle conjoncture mondiale. THANH PHƯƠNG - Le capitalisme d'Etat : sa conception et les formes de son application dans notre pays. PHƯƠNG LỰU - Quelques réflexions sur la formation d'un contingent des critiques littéraires dans la nouvelle étape. HỒ KIẾM VIỆT - Soyons en éveil devant le changement de couleur politique des mouvements socio-démocratiques. NGUYỄN THANH TÂM - L'insurrection générale - la forme typique de la Révolution d'Août 1945. LÊ VĂN YÊN - Les décisions clairvoyantes de Ho Chi Minh menant à la victoire de la Révolution d'Août 1945. VŨ KHÔI - "La concorde et la conciliation" sont-elles une "solution politique" donnant "une issue pour le Vietnam" ? TRỊNH GIA BAN - Vietnam - ANSEA après un an d'intégration.

SUMARIO

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Las lecciones de diez años de renovación. TRẦN VĂN ĐĂNG - Ampliar el bloque de gran unidad nacional en la obra de renovación del país. BÙI NGỌC THANH - Bases científicas de los criterios sobre la definición de la política social del Partido. BÙI PHAN KỲ - Algunos problemas sobre la edificación y defensa de la Patria socialista en la actual coyuntura mundial. THÀNH PHƯƠNG - El capitalismo de Estado : concepciones y formas de aplicación en Vietnam. PHƯƠNG LỰU - Reflexiones sobre la edificación del contingente de los teóricos y críticos literarios en la nueva oportunidad.HỒ KIẾM VIỆT - Sea despierto ante el cambio de color de la tendencia socio-democrática. NGUYỄN THANH TÂM - La Insurrección General de todo el pueblo - la forma insurreccional típica de la Revolución de Agosto de 1945. LÊ VĂN YÊN - Las decisiones clarividentes del Presidente Ho Chi Minh conducen a la victoria de la Revolución de Agosto. VŨ KHÔI- ¿Es acaso la "concordia y reconciliación nacionales" la "solución política" que "abra la salida para Vietnam" ? TRỊNH GIA BAN - Vietnam - ASEAN después de un año de integración.

目錄

●阮富仲：革新十年的經驗教訓●陳文登：在國家革新事業中擴大民族大團結●裴玉清：黨制定社會政策的觀點的科學依據●裴潘旗：在目前國際背景下建設和保衛社會主義祖國的若干問題●成方：我國對國家資本主義的看法及應用●芳榴：對在新機遇中建設文學理論隊伍的思考●胡劍越：對社會、民主潮流的變色提高警惕●阮誠心：一九四五年八月革命起義的典型——全民總起義●黎文安：導至八月革命勝利的胡志明主席的英明決斷●武魁：所謂"民族和睦、和解"是否爲"越南打開出路"的"政治措施"？●鄭嘉班：越南融入東盟一年之後

Digitized by Google

NHỮNG BÀI HỌC CỦA 10 NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

Từ Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đến nay, đất nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới - giai đoạn đổi mới có tính cách mạng, vượt qua biết bao khó khăn và thử thách để đi lên. Trên chặng đường 10 năm ấy, công cuộc đổi mới vì chủ nghĩa xã hội đã được triển khai ngày càng toàn diện, sâu rộng, đồng bộ, và thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng, tạo ra thế và lực mới để đưa đất nước tiếp tục tiến lên.

Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6-1996) đã tổng kết, đánh giá một cách khách quan, toàn diện về 10 năm đổi mới, chỉ ra những thành tựu và khuyết điểm ; phân tích những nguyên nhân khách quan và chủ quan ; rút ra một số bài học kinh nghiệm để tiếp tục chỉ đạo công cuộc đổi mới trong thời gian tới. Sự tổng kết, đánh giá của Đại hội VIII càng giúp chúng ta nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn tầm vóc lớn lao và ý nghĩa trọng đại của sự nghiệp đổi mới.

Đại hội VIII chỉ ra rằng, 10 năm qua, trong bối cảnh có rất nhiều phức tạp, toàn đảng toàn dân ta một lần nữa đã tỏ rõ bản lĩnh cách mạng và trí sáng tạo của mình, kiên trì đường lối đổi mới, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, tạo một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội, giữ vững ổn định chính trị, thực hiện có kết quả một số đổi mới về hệ thống chính trị, phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế. Cho đến nay, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tuy một số mặt còn chưa vững chắc. Chúng ta đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, đưa đất nước chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn ; Đảng và Nhà nước ta có bước trưởng thành mới, tích lũy thêm được những kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ta.

Một câu hỏi lớn đặt ra là : *Vì sao chúng ta tiến hành đổi mới bước đầu có kết quả ?* Có thể có nhiều cách trả lời, có nhiều cách rút bài học. Điều quan trọng nhất là cần nhìn thẳng vào sự thật, tổng kết từ thực tiễn một cách thật sự nghiêm túc và khoa học. Đại hội VIII của Đảng trên cơ sở kế thừa và phát triển các bài học đã có, xuất phát từ những thực tế mới, đã rút ra 6 bài học chủ yếu sau đây :

1 - Giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đây là một bài học rất cơ bản, nhất quán, xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta, thể hiện sự kiên định, vững vàng của Đảng ta trên những vấn đề nguyên tắc ; sự nhạy bén, sắc sảo trong chỉ đạo chiến lược ; và sự linh hoạt, mềm dẻo trên những vấn đề sách lược.

Chúng ta biết, khi tổng kết sự nghiệp chống Mỹ cứu nước nói riêng, sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nói chung, Đảng ta đã rút ra bài học phải nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ*

* PGS, PTS khoa học lịch sử

Digitized by Google

quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta một lần nữa khẳng định : "Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau. Toàn đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau".

Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989), trong khi vạch ra chủ trương đổi mới mạnh mẽ các lĩnh vực của đất nước, Đảng ta nhấn mạnh phải nắm vững và quán triệt những vấn đề có tính nguyên tắc, trong đó có nguyên tắc "đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, bằng những hình thức và bước đi thích hợp". Đảng nhiều lần khẳng định : đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta ; xây dựng nước Việt nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta.

Tại Hội nghị đó, Ban chấp hành trung ương Đảng cũng khẳng định : Chủ nghĩa Mác-Lê – nin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới tư duy là nhằm khắc phục những quan niệm không đúng, làm phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh không có nghĩa là giáo điều, rập khuôn ; trái lại, phải luôn luôn phát triển, vận dụng sáng tạo.

Tiếp theo đó, Đại hội VII của Đảng, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và nhiều Nghị quyết của BCH TU, của Bộ chính trị đều khẳng định phải kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hội nghị giữa nhiệm kỳ và Đại hội VIII còn nêu lên bốn nguy cơ, trong đó có nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Trung ương luôn luôn chú ý uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những việc làm chưa đúng có thể dẫn đến chệch hướng ; phê phán những quan điểm sai lầm, dao động, muốn đi con đường tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, *bài học đặc biệt quan trọng của 10 năm qua là* : chúng ta tiến hành đổi mới mạnh mẽ nhưng không xa rời mục tiêu lý tưởng, không xa rời những vấn đề có tính nguyên tắc, không phủ nhận những thành tựu của quá khứ ; trái lại, đổi mới trên cơ sở kế thừa và phát triển những truyền thống tốt đẹp, kiên định và vận dụng sáng tạo những vấn đề có tính nguyên tắc để thực hiện có hiệu quả hơn mục tiêu đã định. Phân tích và giải quyết các vấn đề theo quan điểm biện chứng, cụ thể, lịch sử, không từ cực này nhảy sang cực kia. Tránh cả hai khuynh hướng : không chịu đổi mới hoặc đổi mới một cách cực đoan.

Chính nhờ tư tưởng chỉ đạo nêu trên mà chúng ta không dao động, mất phương hướng. Sự kiên định, vững vàng, niềm tin sắt đá đã từng là động lực, là cái tạo ra sức mạnh của toàn đảng, toàn dân ta trong hơn 60 năm qua.

Chúng ta kiên định con đường đi một cách sáng tạo cho nên lựa chọn, sử dụng và bố trí cán bộ cũng lấy sự vững vàng, kiên định làm tiêu chuẩn hàng đầu. Trong công tác cán bộ chúng ta không đổi mới một cách cực đoan, không trẻ hóa một cách hình thức. Phương châm của chúng ta là : kết hợp ba độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Nó đã trở thành nền nếp ở tất cả các ngành các cấp trong nhiều năm nay ; và chính đây là một nhân tố bảo đảm sự ổn định và phát triển của đất nước ta.

2 - Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Digitized by Google

Trước hết, cần hiểu đúng vấn đề *chính trị và đổi mới chính trị*. Ở đây nói đổi mới chính trị là theo nghĩa đổi mới tư duy chính trị, đổi mới nội dung, tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, chứ không phải là thay đổi định hướng chính trị, thay đổi chế độ chính trị.

Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, tạo dựng niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Sở dĩ chúng ta coi đổi mới kinh tế là trọng tâm vì kinh tế bao giờ cũng là cơ sở, là nền tảng của một xã hội ; mặt khác phải đồng thời đổi mới chính trị một cách vững chắc vì chính trị tạo điều kiện, mở đường, thúc đẩy sự phát triển kinh tế ; đồng thời chính trị lại là vấn đề đặc biệt phức tạp và nhạy cảm, nếu vội vã để xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được.

Thực tế 10 năm qua chúng ta coi trọng cả đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị chứ không phải chỉ đổi mới kinh tế, "không chịu đổi mới chính trị" như có người xuyên tạc.

Các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, của Bộ chính trị về kinh tế, như : Nghị quyết Trung ương 2 khóa VI (tháng 4-1987) về lưu thông phân phối, thực hiện "4 giảm", bỏ cấm chợ ngăn sông ; Nghị quyết Trung ương 3 khóa VI (tháng 8-1987) về đổi mới quản lý nhà nước đối với các xí nghiệp quốc doanh ; Nghị quyết 10 của Bộ chính trị khóa VI (1988) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp ; Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI (3-1989) về tổng kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI ; Nghị quyết Trung ương 5 khóa VII (6-1993) về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn ; Nghị quyết Trung ương 7 khóa VII (7-1994) về công nghiệp hóa, hiện đại hóa,... là thể hiện sự đổi mới kinh tế, nhưng đồng thời cũng là sự đổi mới về tư duy chính trị (thừa nhận kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường, mở cửa, cạnh tranh ; tiền tệ, chất xám, sức lao động,... cũng là hàng hóa ; cho kinh tế tư bản tư nhân phát triển không hạn chế về quy mô và phạm vi...).

Mặt khác, trong 10 năm qua, Đảng ta cũng có rất nhiều nghị quyết chuyên về đổi mới chính trị. Các nghị quyết Trung ương 5, 6, 7, 8 (khóa VI) đề ra các chủ trương và biện pháp củng cố, xây dựng Đảng, tăng cường công tác quần chúng, đề ra các nguyên tắc đổi mới, phân tích những khuynh hướng sai lầm của cải tổ, cải cách ở Liên xô và Đông Âu, chấn chỉnh công tác tư tưởng, đổi mới phương thức lãnh đạo... Sau Đại hội VII, Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị có một loạt nghị quyết về đổi mới chính trị như : Nghị quyết Trung ương 2 (12-1991) và Nghị quyết Trung ương 8 (1-1995) về xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước, sửa đổi Hiến pháp, cải cách hành chính nhà nước... Nghị quyết Trung ương 3 (6-1992) về xây dựng Đảng, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại ; Nghị quyết Trung ương 4 (11-1992) về chăm lo con người, đổi mới công tác giáo dục, y tế, văn hóa, bồi dưỡng thế hệ trẻ, Nghị quyết 9 của Bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng...

Rõ ràng, chúng ta không hề coi nhẹ việc đổi mới chính trị. Trái lại, cùng với đổi mới kinh tế, coi đổi mới kinh tế là trọng tâm, chúng ta đồng thời có nhiều chủ trương đổi mới chính trị một cách vững chắc.

Chúng ta quan niệm rằng, *thực chất* và *nội dung chủ yếu* của đổi mới hệ thống chính trị là *thực hiện tốt hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ vai trò và quyền làm chủ của nhân dân*. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn hiện nay là nhằm xây dựng và từng bước

Digitized by Google

hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Trên thực tế, 10 năm qua việc phát huy dân chủ ở nước ta (cả trong đảng, nhà nước và xã hội) đã có nhiều tiến bộ trên các lĩnh vực : chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng... Người dân cảm thấy sống thoải mái và dễ chịu hơn, tuy còn không ít vấn đề phải tiếp tục giải quyết. Việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng vừa rồi là một ví dụ sinh động.

Bài học ở đây là : trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị, phải đi từng bước thận trọng và vững chắc, phải bắt đầu từ việc giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi ; không nôn nóng, chủ quan, đừng để bị kích động. Đặc biệt chúng ta sớm thấy một số biểu hiện lệch lạc và đã kịp thời uốn nắn, khẳng định dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Bác bỏ mọi mưu toan lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta.

3 - Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Đổi mới về kinh tế, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết để giải phóng và phát huy các năng lực sản xuất, tăng nhanh năng suất lao động và của cải xã hội. Thực tế 10 năm qua cho thấy đây là một động lực rất quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhưng thực tế cũng cho thấy kinh tế thị trường không phải là liều thuốc vạn năng. Cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng có mặt trái, mặt tiêu cực, không phù hợp với nội dung bản chất của chế độ xã hội mới ; thậm chí nó còn là môi trường thuận lợi làm nảy sinh và phát triển nhiều loại tiêu cực xã hội : phân cực giàu nghèo rất nhanh, bất công xã hội quá mức ; giá trị đạo đức tinh thần, truyền thống tốt đẹp của dân tộc xuống cấp ; đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến, vùng đồng bào dân tộc, còn quá khó khăn. Chất lượng phục vụ y tế, giáo dục, đào tạo ở nhiều nơi rất thấp. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học. Tình trạng ách tắc giao thông, ô nhiễm môi trường sinh thái, hủy hoại tài nguyên ngày càng tăng, văn hóa phẩm độc hại lan tràn. Tệ nạn xã hội phát triển. Trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm tốt, v.v...

Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương phải thực hiện tốt vai trò quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Điều đó chẳng những thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội mới, là nội dung bản chất của chủ nghĩa xã hội, mà còn là một yêu cầu rất bức bách trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta - một nước sau 30 năm chiến tranh, phải giải quyết rất nhiều hậu quả về xã hội. Cả nước có 1 triệu 10 vạn liệt sĩ, 60 vạn thương binh, 30 vạn người mất tích (trong đó hầu hết là đảng viên và đoàn viên), gần 2 triệu dân thường bị giặc giết hại, 2 triệu người tàn tật, 2 triệu người bị nhiễm chất độc hóa học...

Chính nhờ Đảng và Nhà nước ta nắm bắt đúng tâm tư nguyện vọng của nhân dân, nhạy bén với những sáng kiến của quần chúng, đã kịp thời có chủ trương đúng, dấy lên nhiều phong trào và việc làm rất hợp lòng dân : đó là các phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt nam anh hùng, nuôi dưỡng chăm sóc những người có công với nước, trở về với cội nguồn,...

Digitized by Google

Đảng ta nhiều lần nhấn mạnh phát triển kinh tế phải đồng thời làm tốt chính sách xã hội. Không chờ kinh tế phát triển cao, mà *ngay từ đầu* và *trong quá trình phát triển kinh tế*, đã phải chăm lo thích đáng các vấn đề về xã hội ; tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ; khuyến khích làm giàu nhưng đó phải là làm giàu hợp pháp và đi đôi với xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa những người có công ; mở cửa giao lưu quốc tế nhưng phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ; kiên quyết ngăn ngừa và khắc phục những hiện tượng phản văn hóa, suy đồi về đạo đức nhân văn... Còn phương châm phương pháp tiến hành là "nhà nước và nhân dân cùng làm", "xã hội hóa các vấn đề về chính sách xã hội".

Vừa qua, tuy còn rất nhiều vấn đề phải giải quyết, tệ nạn xã hội còn không ít điều nhức nhối, làm cho lòng dân không yên, nhưng phải thừa nhận rằng chúng ta đã gặt hái được những thành quả ban đầu :

- Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm. Mỗi năm thêm hơn 1 triệu lao động có việc làm. Thêm nhiều nhà ở và đường giao thông được cải tạo và xây dựng mới ở cả nông thôn và thành thị.

- Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin đại chúng, công tác kế hoạch hóa gia đình và nhiều hoạt động xã hội khác có những mặt phát triển và tiến bộ.

- Người lao động được giải phóng khỏi ràng buộc của nhiều cơ chế bất hợp lý, phát huy được quyền làm chủ và tính năng động sáng tạo, chủ động hơn trong tìm việc làm, tăng thu nhập, tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng xã hội.

Chính những điều đó đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân và giữ vững sự ổn định chính trị xã hội.

4 - Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

Đảng ta luôn luôn cho rằng : cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Và trên thực tế, chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới tiến lên, giành những thành tựu lớn. Cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, kể cả đồng bào ta ở nước ngoài, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Vừa qua, bằng các chủ trương chính sách đúng đắn, cởi mở, hợp lòng dân, Đảng và Nhà nước ta đã khơi dậy được những tiềm năng sáng tạo của nhân dân, động viên nhân dân phát huy lòng yêu nước, truyền thống đáng tự hào của dân tộc, hăng hái đi vào xây dựng đất nước, làm giàu cho gia đình, bản thân, cộng đồng. Trong xã hội ngày càng có không khí mới, hồ hởi, phấn chấn hơn.

Đảng hết sức coi trọng và đề cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các đoàn thể chính trị xã hội, phát triển rộng rãi các hình thức đoàn kết, tập hợp nhân dân, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp... Nêu cao tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, khép lại quá khứ, xóa bỏ những định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng tới tương lai vì đại nghĩa của dân tộc. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa được phát huy. Đồng bào các dân tộc, các tầng lớp nhân dân đoàn kết, gắn bó. Đồng bào ta ở nước ngoài ngày càng hướng về quê hương. Hàng

Digitized by Google

năm đồng bào về thăm quê ngày một đông. Dòng người tị nạn ra nước ngoài đã được chấm dứt. Các hội xã hội nghề nghiệp phát triển rất nhanh dưới nhiều hình thức phong phú. Đến nay cả nước đã có hơn 150 hội cấp toàn quốc.

5 - Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Công cuộc đổi mới của nhân dân ta ngày nay phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước. Đi đôi với phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, chúng ta đã triệt để khai thác những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước vì hòa bình, độc lập và phát triển, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Có thể nói, 10 năm qua chúng ta đã có sự đổi mới rất mạnh về tư duy đối ngoại, phù hợp hơn với tình hình quốc tế và đáp ứng đúng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng của nước ta trong giai đoạn mới. Việc Đại hội VII của Đảng (6-1991) long trọng tuyên bố : "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" đã mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ đối ngoại của nước ta.

Chúng ta đã triển khai tích cực và năng động chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa. Đã khôi phục quan hệ bình thường và phát triển sự hợp tác nhiều mặt với Trung quốc ; tăng cường quan hệ đoàn kết và hữu nghị đặc biệt với Lào ; phát triển quan hệ với các nước láng giềng khác, các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN ; củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với nhiều nước, từng bước đổi mới quan hệ với các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) và Đông Âu; mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực ; bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ ; thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều nước Nam Á, Trung Đông, châu Phi, châu Mỹ la tinh.

Đảng ta tiếp tục phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc, các tổ chức và phong trào tiến bộ trên thế giới ; thiết lập và thúc đẩy quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Mở rộng hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội. Đã có quan hệ với 188 đảng và tổ chức chính trị.

Nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 162 nước, có quan hệ buôn bán với 120 nước. Hơn 700 công ty của 55 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển.

Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hòa bình, phá thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện và nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của nước ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bài học rút ra ở đây là : Mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, giữ gìn bản sắc văn hóa và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thực hiện đa dạng hóa và đa phương hóa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, vừa hợp tác vừa đấu tranh, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, đôi bên cùng có lợi ; trân trọng những quan hệ truyền thống. Vừa qua các bạn quốc tế đánh giá cao vấn đề này, cho rằng chúng ta đổi mới, mở cửa nhưng vẫn chung thủy với đồng chí bạn bè. Ta còn khó khăn nhưng giúp đỡ hết sức nhiệt tình, vô tư, trong sáng các đảng và các phong trào còn đang gặp khó khăn hơn ta.

Digitized by Google

6 - Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta. Là đảng cầm quyền, Đảng chịu trách nhiệm về tất cả các lĩnh vực của đất nước và dân tộc. Những thắng lợi của công cuộc đổi mới là kết quả tổng hợp của một loạt nhân tố, nhưng nhân tố hàng đầu, quyết định nhất, là sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

Với bản lĩnh chính trị vững vàng, tính kiên định cách mạng, tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, Đảng ta tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống vẻ vang, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt và tổng kết được những hoạt động thực tiễn sáng tạo của quần chúng, kịp thời đề ra chủ trương đổi mới đúng đắn, khơi dậy và phát huy tiềm năng to lớn của nhân dân.

Thực tế cho thấy, muốn tiến hành đổi mới thành công, trước hết phải giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, coi đây là vấn đề nguyên tắc. Bởi vì sự lãnh đạo của đảng cộng sản là nhân tố bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có sự lãnh đạo của đảng cộng sản thì không thể có độc lập dân tộc vững chắc, không có quyền làm chủ thật sự của nhân dân, không có nhà nước của dân, do dân, vì dân, và càng không có chủ nghĩa xã hội. Không phải ngẫu nhiên mà suốt mấy chục năm qua, nhất là mấy năm gần đây, các thế lực chống cộng không ngừng tiến công vào đảng cộng sản, cổ vũ cho con đường phát triển " kinh tế thị trường tự do", "tư nhân hóa", "đa nguyên đa đảng", tìm mọi cách để thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng và xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

Trước những yêu cầu nhiệm vụ mới rất phức tạp, trước những đòn tiến công phá hoại của các thế lực thù địch, chúng ta không chập chờn, dao động về vấn đề này. Trái lại, chúng ta hết sức kiên định, củng cố và nâng cao những nhận thức đúng đắn, uốn nắn những lệch lạc, đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái. Đảng ta ngay từ cuối năm 1988 đầu năm 1989 (lúc đó Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu chưa sụp đổ) với sự nhạy bén chính trị sắc sảo, đã đề ra 5 nguyên tắc đổi mới, trong đó có nguyên tắc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, và khẳng định dứt khoát : trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta chúng ta không chấp nhận "đa nguyên đa đảng".

Đương nhiên, để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng đúng đắn và có hiệu quả, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức mạnh về mọi mặt. Ngay từ Đại hội VI, Đảng đã đề ra chủ trương phải đổi mới tư duy, đổi mới cán bộ, đổi mới phong cách công tác. Đến Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) Đảng tiếp tục chỉ rõ phải đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hoạt động của hệ thống chính trị. Đại hội VII (6-1991) đề ra chủ trương *tự đổi mới, tự chỉnh đốn.* Hội nghị Trung ương 3 (6-1992) đã cụ thể hóa chủ trương đó và nhấn mạnh : lúc này xây dựng kinh tế là *trung tâm* và xây dựng Đảng là *then chốt.*

Trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn, Đảng chú trọng giữ vững và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ; chống các khuynh hướng : bảo thủ, dao động, cơ hội, cực đoan.

Đổi mới và chỉnh đốn đảng là nhằm xây dựng và bảo vệ đảng, bảo đảm thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ chính trị, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, nó phải gắn với đổi mới các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, trước hết là với quá trình thực hiện và hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý, với kiện toàn hệ thống chính trị, với phong trào hành động cách mạng của quần chúng, khơi dậy và phát huy trí sáng tạo của nhân dân, tổ chức, động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng ❑

Digitized by Google

MỞ RỘNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

TRẦN VĂN ĐÂNG *

ĐẠI đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc luôn luôn là một nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng nước ta. Mỗi bước tiến lên của đất nước đều liên quan tới việc phát huy nhân tố này như thế nào. Phân tích những sai lầm, khuyết điểm trong những năm cuối 70, đầu 80, Đại hội VI của Đảng đã rút ra bài học đầu tiên là phải thực sự lấy dân làm gốc, mọi đường lối, chủ trương, mọi phong trào đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Sau 10 năm đổi mới, đất nước đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, đạt được nhiều thành tựu trên mọi mặt : chính trị ổn định, kinh tế phát triển, xã hội có nhiều chuyển biến tốt : quốc phòng, an ninh được giữ vững. Có được những thành tựu này, trước hết phải khẳng định, đó là do lòng yêu nước và những nỗ lực lớn lao của toàn dân. *Báo cáo chính trị* tại Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh : "Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay".

Cũng phải khẳng định rằng, có được những thành quả đó là nhờ sự đóng góp to lớn của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là của Mặt trận Tổ quốc Việt nam- tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất của cả dân tộc. Mặt trận đã đoàn kết, động viên mọi giai cấp, tầng lớp nhân dân, mọi giới, mọi người Việt nam trong và ngoài nước cùng phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhưng để có khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được tăng cường trong những năm đổi mới vừa qua, lại phải nói tới vai trò cực kỳ quan trọng của Đảng cộng sản Việt nam- một thành viên đồng thời là người lãnh đạo Mặt trận dân tộc thống nhất. Mười năm qua thực sự đã là 10 năm đổi mới trên lĩnh vực thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân của Đảng, biểu hiện trên những vấn đề sau :

1 - Từ việc đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức lý luận, Đảng đã đề ra hệ thống các quan điểm, nguyên tắc đúng đắn, phù hợp để chỉ đạo việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân.

Trước hết, Đảng đã điều chỉnh nhận thức, đổi mới tư duy, đề ra bước đi thích hợp cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khắc phục sự nóng vội, chủ quan, giáo điều, duy ý chí.

Ngay sau khi nước nhà thống nhất, Đảng ta chủ trương tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của toàn dân, tiến hành công cuộc cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phương hướng là : nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng theo phương châm tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối nói trên cơ bản là đúng đắn. Song Đảng đã chậm cụ thể hóa, phạm phải những sai lầm, khuyết điểm trong chủ trương, chính sách lớn và tổ chức thực hiện. Trên lĩnh vực đại đoàn kết dân tộc, cũng có tư tưởng chủ quan, bó hẹp.

Khắc phục những hạn chế nói trên, từ Đại hội VI, Đảng từng bước bổ sung, hoàn thiện và hình thành nên một hệ thống quan điểm về đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. Cùng với việc khẳng định giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vừa xây dựng vừa

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thư ký Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam

Digitized by Google



Ngày hội Ảnh : KHẮC HƯỜNG

bảo vệ Tổ quốc, Đảng nêu lên nhiệm vụ đoàn kết mọi người Việt nam tán thành công cuộc đổi mới nhằm mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Tư tưởng chỉ đạo chiến lược và mục tiêu nói trên đã mở đường và đặt cơ sở mới cho việc tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, khơi nguồn cho các phong trào yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân.

Thứ hai, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, tạo môi trường, điều kiện để mọi tầng lớp xã hội đều phát triển bình đẳng, cùng nhau chủ động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Quy luật phát triển khối đại đoàn kết dân tộc luôn luôn đòi hỏi phải xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp. Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng và trong nhiều nghị quyết tiếp theo, vấn đề nói trên được xử lý vừa mang tính nguyên tắc bảo đảm không chệch định hướng, vừa quán triệt tinh thần đổi mới. Đảng ta cho rằng, trong điều kiện nước ta chỉ có một đảng lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc Việt nam, với nền tảng là liên minh công - nông - trí, có vai trò rất quan trọng. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt nam chỉ có thể được mở rộng và củng cố khi nó dựa vững chắc trên nền tảng liên minh nói trên. Đại hội VII của Đảng xác định : một mặt phải mở rộng nền tảng của khối liên minh, từ liên minh công nông thành liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ; mặt khác sự mở rộng không chỉ thể hiện ở sự đa dạng, đa phương, đa chiều, mà còn thừa nhận sự khác nhau cả về chính kiến, thái độ và hệ tư tưởng, miễn là thống nhất hành động vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Công cuộc đổi mới muốn phát triển sâu rộng phải đi đôi với mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau miễn là không trái với lợi ích chung của dân tộc ; cùng nhau xóa bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, vượt qua mọi sự khác biệt, tôn trọng tính đa dạng của cộng đồng ; động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt nam yêu nước mang trong mình dòng máu Lạc Hồng, dù ở trong nước hay ở nước ngoài, đều có cơ hội góp sức vào sự nghiệp chung của đất nước ; phát huy tối đa sức mạnh bên trong của toàn dân để tiếp thu nguồn lực bên ngoài ; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế,

Digitized by Google

sức mạnh truyền thống với sức mạnh thời đại, tranh thủ thời cơ phát triển đất nước.

Sự đổi mới về tư duy, nhận thức đó không chỉ đưa đến môi trường thông thoáng và không khí đoàn kết, cởi mở, xích lại gần nhau, mà còn làm cho sự đồng thuận trong xã hội được hình thành từ nhiều chiều, nhiều hướng nhưng đều qui về cùng một phương, tạo thành tổng hợp lực của toàn dân tộc.

Thứ ba, giải quyết hài hòa các lợi ích về kinh tế của xã hội - tập thể - cá nhân, coi đó là cơ sở vững chắc, lâu dài cho khối đại đoàn kết và phát huy sức mạnh dân tộc.

Cùng với việc đa dạng hóa các hình thức sở hữu, thừa nhận sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và có nhiều hình thức phân phối thu nhập, Đảng ta xác định phải coi trọng lợi ích cá nhân, coi đây là một trong những động lực trực tiếp có tác dụng kích thích sản xuất, làm tăng của cải cho xã hội, tạo điều kiện đáp ứng tốt hơn lợi ích tập thể, lợi ích xã hội. Lợi ích vật chất kết hợp chặt chẽ với động lực tinh thần, đặc biệt là tinh thần dân tộc được đề cao đã có tác dụng động viên, tập hợp toàn dân thực hiện dân giàu, nước mạnh, khuyến khích mọi người làm giầu cho mình và cho đất nước, mỗi người vì lợi ích của mình và của Tổ quốc mà quyết tâm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu.

2 - Không ngừng đổi mới nội dung, phương thức tổ chức, tập hợp quần chúng. Tổ chức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng từng bước đổi mới, tạo điều kiện thúc đẩy phong trào quần chúng phát triển cả về bề rộng, chiều sâu và hiệu quả thiết thực.

Từ sau khi đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, đã có lúc hệ thống chính quyền, và cả các tổ chức đoàn thể quần chúng ở không ít nơi, đã sa vào tệ hành chính, quan liêu, xa rời quần chúng, hoạt động mang tính hình thức. Trong hai bản Chỉ thị số 17 CT/TU (18-4-1983) *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt nam trong giai đoạn mới* và Chỉ thị số 53 CT/TU (28-11-1984) *về tăng cường công tác vận động quần chúng*, Đảng đã chỉ ra yêu cầu phải đổi mới nội dung, phương thức tập hợp quần chúng và đổi mới tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Trong Nghị quyết 8B của BCHTU (khóa VI) và Nghị quyết 07/BCT của Bộ chính trị BCHTU (khóa VII) và nhiều nghị quyết chuyên đề khác, Đảng tiếp tục đề ra những quan điểm, nguyên tắc và cụ thể hóa nhiệm vụ đổi mới tổ chức, hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị đối với việc thực hiện công tác dân vận, mặt trận. Nhờ đó công tác này đã có nhiều chuyển biến, tiến bộ.

Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của các tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng đã có sự chuyển biến tích cực. Nhiều nơi đã chú trọng cải tiến, nâng cao trình độ chỉ đạo, phối hợp trong công tác vận động quần chúng nói chung và công tác mặt trận nói riêng. Tình trạng buông lỏng, khoán trắng, hoặc hoạt động chồng chéo, không rõ chức năng, nhiệm vụ dẫn đến lấn sân, bao sân, bỏ trống trận địa, đã được khắc phục một bước. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị được tăng cường nên đã kịp thời giải quyết những vướng mắc trong nhân dân và giữa nhân dân với một số cấp ủy và chính quyền địa phương. Từ đó đã tạo ra được sự ổn định, đoàn kết trên phạm vi cả nước.

Nhìn chung, tổ chức, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể đã có sự khởi sắc, bước đầu thể hiện sự đa dạng, thiết thực và hiệu quả ; từng bước khắc phục được sự trì trệ, xơ cứng và hình thức chủ nghĩa. Cũng theo hướng mở rộng, thiết thực, hiệu quả và trên nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải về tài chính, nhiều tổ chức, hội quần chúng đã ra đời. Nhiều hoạt động đáp ứng sở thích, nguyện vọng, mang lại lợi ích thiết thân và bảo vệ được quyền lợi chính đáng cho nhiều tầng lớp nhân dân, làm cho việc tập hợp lực lượng quần chúng có bước phát triển rõ rệt ; đoàn viên, hội viên gắn bó hơn với tổ chức. Hệ thống tổ chức của mặt trận và các đoàn thể quần chúng được củng cố, kiện toàn một bước theo hướng tinh giản, thu hút những người tiêu biểu, người ngoài đảng có năng lực, phẩm chất tham gia ban chấp hành các tổ chức, đoàn thể với tỉ lệ

Digitized by Google

ngày càng cao hơn. Hoạt động của các tổ chức đã hướng mạnh về cơ sở, tham gia tích cực vào việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...

Các phong trào yêu nước, phong trào hành động cách mạng của quần chúng từng bước được nâng cao và ngày càng phát triển phong phú, đa dạng. Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, mỗi ngành, giới, đoàn thể đều có những phong trào riêng, đồng thời cũng xuất hiện nhiều phong trào có quy mô rộng lớn trên phạm vi cả nước, được sự quan tâm, hưởng ứng của nhiều tầng lớp, như phong trào xóa đói giảm nghèo, giúp nhau làm kinh tế gia đình, cuộc vận động xây dựng cuộc sống mới ở các khu dân cư... Các phong trào dân sinh, các hoạt động và phong trào xã hội, từ thiện, nhân đạo, bài trừ văn hóa độc hại, giữ gìn và bảo vệ truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng có quy mô, số lượng rộng lớn. Phong trào dân chủ thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia lên án và đấu tranh chống những hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, bất công trong xã hội. Các phong trào dân trí thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào định cư ở nước ngoài và nhiều tổ chức quốc tế.

3 - Đảng tự chỉnh đốn và đổi mới về nội dung, phương thức lãnh đạo, tăng cường mối quan hệ máu thịt với các tầng lớp nhân dân.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng được coi là điểm mấu chốt để triển khai sự đổi mới công tác vận động, đoàn kết toàn dân cũng như tổ chức, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Cùng với việc đổi mới tư duy, nhận thức, nâng cao năng lực trong việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách như đã trình bày trên, trong những năm đổi mới vừa qua Đảng và Nhà nước ta còn đạt được nhiều chuyển biến, tiến bộ trong việc tăng cường mối quan hệ với các tầng lớp nhân dân.

Ngoài việc tiến hành thường xuyên công tác tự chỉnh đốn đội ngũ về mọi mặt, Đảng còn đề ra nhiều nội dung, biện pháp và tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đảng yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên chịu sự giám sát của nhân dân. Thông qua phong trào cách mạng sâu rộng trong nhân dân Đảng rèn luyện, giáo dục đảng viên và đổi mới phương thức lãnh đạo của mình.

Việc tôn trọng và phát huy vai trò của nhà nước, mặt trận và các đoàn thể quần chúng cũng có nhiều chuyển biến, tiến bộ ; khắc phục rõ nét tình trạng gò ép, áp đặt, mất dân chủ. Phương thức lãnh đạo thông qua hệ thống tổ chức đảng và tính tiên phong gương mẫu của đảng viên để vận động, thuyết phục ngày càng được quán triệt, thực hiện tốt hơn trong nhiều cấp bộ đảng. Nhất là từ sau Nghị quyết 8B và Nghị quyết 07, nhiều cấp ủy đã thực hiện thành nền nếp mối quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo với mặt trận và các đoàn thể. Từ lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước đến cấp cơ sở đã thường xuyên coi trọng việc tiếp cận, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, lắng nghe ý kiến các tầng lớp nhân dân trong quá trình nghiên cứu, xây dựng và thực hiện những chủ trương, chính sách lớn. Do vậy, các chủ trương chính sách của Đảng đã mang hơi thở của cuộc sống, được dân đồng tình, và đã tác động thực sự đến việc củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng quan tâm, chú trọng hơn việc quy hoạch đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo và tạo điều kiện về chính sách, chế độ, phương tiện hoạt động đối với hệ thống mặt trận, các tổ chức đoàn thể quần chúng. Đồng thời Đảng tăng cường lãnh đạo Nhà nước xây dựng các đạo luật thể chế hóa vai trò, vị trí và nhiệm vụ của mặt trận, các đoàn thể.

Nhìn lại chặng đường đổi mới vừa qua, có thể khẳng định : cùng với những thành tựu về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, an ninh quốc phòng, trên lĩnh vực đại đoàn kết dân tộc đã có sự đổi mới tương đối toàn diện, có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, trước mắt chúng ta còn rất nhiều khó khăn thử thách. Chúng ta không thể thỏa mãn, bằng lòng với những kết quả đạt được, mà phải tiếp tục tìm tòi, đổi mới cả về tư duy, nhận thức, lẫn hoạt động thực tiễn để thật sự phát huy vai trò khối đại đoàn kết dân tộc, huy động sức mạnh của cả cộng đồng thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ❑

Digitized by Google

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CÁC QUAN ĐIỂM HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CỦA ĐẢNG

BÙI NGỌC THANH *

TRONG nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã giao cho các nhà khoa học tiến hành nghiên cứu hàng trăm đề tài cấp nhà nước về khoa học xã hội, trong đó có hơn 30 đề tài có liên quan đến việc xác định quan điểm hoạch định chính sách xã hội như : lý luận và phương pháp luận về chính sách xã hội (KX04-01) ; chính sách xã hội nông thôn (KX08-04) ; vận dụng một số chính sách và đổi mới cơ chế quản lý việc thực hiện chính sách xã hội trong thực tế (KX04-17) ; quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu xã hội (KX01-10) ; đổi mới chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân và thợ thủ công Việt nam (KX04-07) ; luận cứ khoa học cho việc đổi mới và hoàn thiện chính sách xã hội nhằm định hướng và hình thành giá trị xã hội và chuẩn mực xã hội (KX04-15) ; luận cứ khoa học cho xây dựng chính sách giải quyết việc làm ở nước ta khi chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (KX04-04) ; luận cứ khoa học cho việc đổi mới và hoàn thiện chính sách bảo đảm xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở Việt nam (KX04-05) v.v..

Từ kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn phong phú đó, Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã xác định hệ thống 5 *quan điểm cơ bản* để hoạch định các chính sách xã hội. Các quan điểm đó đều xuất phát từ lợi ích của nhân dân, lấy con người làm trung tâm, vì con người và phục vụ lợi ích của con người. Cùng với các chính sách khác, chính sách xã hội đang và sẽ là một trong những chỉ báo quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa, của tiến bộ và ổn định xã hội.

1 - "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện cả ở khâu phân phối tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình". Ở quan điểm này, chúng ta thấy đã thể hiện rõ bản chất nhân đạo của thể chế chính trị, đồng thời cũng là sự đúc kết kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới của Đảng ta.

Cả giai đoạn dài ở các nước được gọi là giàu có, các nước phát triển không hề thấy có sự công bằng nhiều hơn so với các nước nghèo khổ và ngay ở các nước phát triển khi giàu có hơn trước cũng không thấy xuất hiện sự công bằng tăng thêm, mà trong nhiều trường hợp thường ngược lại. Thực tiễn 10 năm đổi mới ở nước ta khẳng định rằng, nếu có chính sách đúng, có sự điều tiết hợp lý và luôn tuân thủ định hướng xã hội chủ nghĩa thì có thể nâng cao tính công bằng ngay từ giai đoạn đầu của sự phát triển. Nghĩa là công bằng không tự dưng đến, mà phải thông qua sự tác động trực tiếp của Đảng cầm quyền, của nhà nước quản lý thì mới có được.

Lâu nay ở nhiều nước hầu như người ta chỉ luận bàn đến sự công bằng trong phân phối sản phẩm xã hội mà gần như "lãng quên" sự công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất. Hiển nhiên đây là một nguyên lý cách mạng, bởi vì tư liệu sản xuất thuộc về ai thì kết quả sản xuất phần lớn sẽ thuộc về người đó. Trước đây, Đảng ta làm cách mạng dân chủ nhân dân, giải phóng dân tộc thì một trong những sự kiện có tầm cỡ lớn là đem lại nhà xưởng, máy móc cho công nhân ; đem lại ruộng vườn, trâu bò, cày cuốc cho nông dân ; đem lại trường sở, giảng đường, phòng thí nghiệm, các kho tư liệu khoa học quý báu cho trí thức v.v.. Ngày nay Đảng ta đang lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề

* PTS, Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

Digitized by Google

phân phối công bằng tư liệu sản xuất lại càng có ý nghĩa trọng đại ; bảo đảm cho mỗi người lao động chân chính có tư liệu sản xuất tối thiểu để tự tạo việc làm, phát huy tốt khả năng lao động của chính mình, đó cũng là điều kiện tiên quyết trong cuộc sống tự chủ của mỗi người. Có thể hiểu rằng, công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất sẽ là một trong những điều kiện quan trọng để bảo đảm công bằng trong phân phối sản phẩm xã hội.

2 - *"Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động".* Đây là quan điểm tưởng chừng như đơn giản, nhưng thực ra đằng sau nó là cả quá trình tổng kết mà Đảng ta đã sàng lọc, thử nghiệm qua các thời kỳ, các cơ chế cũ, mới khác nhau. Phân phối theo kết quả lao động (chất lượng và số lượng lao động) là một nguyên tắc phân phối được hình thành và đi vào thực tiễn từ khi ra đời phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, cho đến nay vẫn là nguyên tắc đúng đắn không thể bác bỏ.

Cũng cần nói thêm là chính cách mạng vô sản được bắt đầu từ lĩnh vực lao động, từ học thuyết giá trị thặng dư của Mác. Để biện hộ cho sự phân phối bất công của mình, giai cấp tư sản đưa ra lý thuyết ngụy biện rằng "máy móc tạo ra giá trị". Với chiêu bài đó, họ cố che đậy chuyện tước đoạt thành quả lao động, bóc lột giá trị thặng dư của người lao động. Mác đã vạch trần sự gian dảo đó và khẳng định chính công nhân là người tạo ra sản phẩm, tạo ra giá trị ; máy móc có vai trò vô cùng quan trọng nhưng dù có hiện đại, tinh vi đến đâu chúng vẫn chỉ là sản phẩm của chính sức lao động mà thôi. Không có tác động của lao động sống thì máy móc hiện đại đó vẫn chỉ nguyên vẹn là nó, không tăng thêm được "một nguyên tử" giá trị nào.

Ở quan điểm này có *ba* vấn đề mới thể hiện trong hoàn cảnh mới :

Một là, phân phối phải dựa vào hiệu quả kinh tế. Đây là sự tổng kết của Đảng và trở thành điểm quan trọng trong nội dung văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12 năm 1986). Trong cơ chế bao cấp, không ít trường hợp người lao động làm việc nghiêm túc, sản phẩm làm ra nghiêm chỉnh, hàm lượng lao động sống kết tinh thành lao động quá khứ (giá trị) rất cao. Nhưng oái oăm thay, giá trị sử dụng (công dụng) của sản phẩm lại rất thấp, bán theo tem phiếu thì người ta mua vậy, còn bán ra nước ngoài (xuất khẩu) thì không mấy ai mua. Từ thực tiễn đó Đảng ta đã xác định phương hướng kết hợp kế hoạch với thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối cũng phải tuân theo thước đo đó.

Hai là, phân phối phải dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác (vốn, công cụ, máy móc, đất đai...). Mác đã chỉ ra rằng, để bảo đảm cho một quá trình sản xuất tiến hành bình thường thì phải gắn kết nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố là *sức lao động, đối tượng lao động* và *công cụ lao động*. Chúng ta đã trải qua những ngày tháng vốn liếng, tư liệu sản xuất của nhà nước thì ít, không đủ để kết hợp với nguồn lao động xã hội dồi dào, trong khi đó nhiều tư liệu sản xuất trở thành tài sản cất trữ, càng để lâu càng được giá và nhiều nguồn vốn đọng lại trong dân không có điều kiện sử dụng. Khi Đảng có chính sách và cơ chế "bung ra" đúng hướng thì lập tức tiền bạc, máy móc, công cụ của nhân dân đã có cơ hội đi vào hoạt động sản xuất, lưu thông và sinh lời. Vì vậy, phân phối theo sự đóng góp các nguồn lực được coi là một chính sách mới, có sức hấp dẫn.

Ba là, điều tiết hợp lý trong phân phối. Đây là một vấn đề rất phức tạp, nhưng một nhà nước của dân, do dân và vì dân không thể không làm tốt việc này. Trong sản xuất kinh doanh, ở đâu, bao giờ cũng xuất hiện những yếu tố lợi thế và yếu thế. Theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì các khoản *địa tô chênh lệch một* và *lợi nhuận siêu ngạch* (không do đầu tư chiều sâu, không do công sức lao động mà có) thì về nguyên tắc phần lớn các khoản đó phải thuộc về nhà nước. Nhà nước phải thu, điều tiết lại cho hợp lý. Mặt khác, trong cấu trúc xã hội bao giờ cũng có tầng lớp có thu nhập cao, tầng lớp có thu nhập trung bình và tầng lớp có thu nhập thấp. Điều tiết "hai đầu cao, thấp" là việc phải làm, không thể để tồn tại tình trạng "kẻ ăn không hết,

Digitized by Google

người lần không ra". Nhưng điều tiết sao cho người có thu nhập cao tiếp tục làm ra nhiều sản phẩm hơn nữa và người có thu nhập thấp (nhất là những người còn khả năng lao động) không xuất hiện tư tưởng ỷ lại, trì trệ, thì đây lại là cả một "nghệ thuật" trong chính sách, nhất là những chính sách mang tính chất đòn bẩy.

3 - *"Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư".* Quan điểm này mang tính chiến lược của Đảng, là việc tiếp tục thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách xã hội. Ngày 13 tháng 6 năm 1955 trong bài nói chuyện tại hội nghị sản xuất cứu đói, Bác Hồ đã khẳng định "Chính sách của Đảng và Chính phủ hết sức chăm lo đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Vì vậy, cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới, đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân"* (1). Rồi Bác lại căn dặn : "Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm". (2).

Ở quan điểm này có vấn đề cần được lý giải thêm về khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Vấn đề giàu, nghèo là vấn đề có tính lịch sử và ở mỗi giai đoạn nó có nội dung, bản chất khác nhau, vì vậy hiện nay ở mức độ nhất định vẫn còn có quan niệm lẫn lộn. Dưới thời thống trị của thực dân, phong kiến, toàn dân ta bị áp bức bóc lột ; toàn dân đều là "dân nghèo". Chỉ có bọn cướp nước và bọn bán nước là những kẻ giàu có. Sự giàu có của chúng là do mồ hôi, công sức của nhân dân lao động. Vì vậy bọn thực dân, phong kiến là đối tượng của cách mạng phải đánh đổ. Các giai cấp cần lao nghèo khổ (công nhân, nông dân) là động lực của cách mạng và đương nhiên họ được tôn vinh. Ngày nay trong cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý" với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" thì người làm giàu bằng trí tuệ, sức lực của mình và theo pháp luật nhà nước chính là những người được trân trọng và được Đảng, Nhà nước khuyến khích hết mức. Từ đây trừ các trường hợp thiên tai, bão lũ, hạn hán, tai nạn rủi ro, đau ốm dài ngày và các đối tượng chính sách xã hội, còn tất cả những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, có chung hành lang pháp luật, có chung môi trường sản xuất kinh doanh, được phân phối tư liệu sản xuất ngang nhau, được dạy nghề và chuyển giao kỹ thuật như nhau.. mà không thoát ra được khỏi đói nghèo thì họ chẳng có gì để được tôn vinh, thậm chí còn đáng trách bởi sự trì trệ dẫn đến đói nghèo của họ chính là lực cản đối với việc thực hiện mục tiêu "dân giàu". Vì lẽ đó *Báo cáo của BCHTU Đảng khóa VII về các văn kiện trình Đại hội VIII* đã khẳng định rằng : "Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, đi đôi với chăm lo xóa đói giảm nghèo...". Thực ra Đảng và Chính phủ đã chỉ đạo công việc trọng đại này từ 5 năm nay. Kết quả cho thấy hằng năm đã giảm được hơn 2% số hộ đói nghèo và tăng thêm được 3% số hộ giàu. Xóa đói thì có khả năng làm nhanh hơn, nhưng giảm nghèo thì quả là cả một quá trình lâu dài.

4 - *"Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", "nhân hậu thủy chung".* Quan điểm này đặt trong điều kiện thực thi cơ chế thị trường, có ý nghĩa to lớn đối với tất cả những người hoạch định và triển khai thực hiện các chính sách xã hội, đặc biệt là chính sách "ưu đãi xã hội". Có thể nói đây là "lời tuyên thệ đạo đức của người cộng sản" trong cơ chế thị trường (đặc biệt là đối với lớp người được sinh ra sau chiến tranh). Cơ sở khoa học của quan điểm đặc thù Việt nam này chính là tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Truyền thống nhân ái của dân tộc thì đúng là đã có từ ngàn xưa và song hành với cả chiều dài lịch sử của dân tộc, nhưng chỉ từ khi Đảng cộng sản Việt nam ra đời với sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt nam thì truyền thống đó mới được cô đúc, tạo nên sức mạnh gắn kết cả dân tộc thành một khối đại đoàn kết vững chắc hơn

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 7, tr 260

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 287

Digitized by Google

bao giờ hết. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng học tập, hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải gắn bó chặt chẽ với truyền thống dân tộc ; không thể nói đã thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà lại không có sự hiểu biết về truyền thống của chính dân tộc mình. Người nói : "Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin được"(3).

Theo lời dạy của Người, toàn đảng, toàn dân ta đã thực hiện được biết bao nhiêu điều nhân ái, ân tình. Từ hàng loạt các công việc cụ thể như xóa đói giảm nghèo, bảo đảm cuộc sống làm ăn ổn định của hàng chục triệu người ở các vùng bị thiên tai lớn, ổn định và nâng cao từng bước đời sống của đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây ; nâng mức trợ cấp đối với các thân nhân liệt sĩ, của thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng, phong tặng và nuôi dưỡng các bà mẹ Việt nam anh hùng... Đảng ta xác định đó là một quan điểm lớn phải được thấu suốt trong việc hoạch định và thực hiện chính sách xã hội.

5 - *Cuối cùng là quan điểm cho rằng "Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và các tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội".*

Đây là một quan điểm mà trong nội dung của nó bao hàm khá nhiều vấn đề phức tạp đã được xem xét. Ví dụ chính sách xã hội có phải là chính sách bao cấp không ? Có áp dụng cơ chế thị trường một cách rạch ròi đối với tất cả các đối tượng thuộc chính sách xã hội không ? Vai trò của nhà nước, của nhân dân, của các tổ chức và của bản thân các đối tượng chính sách xã hội như thế nào ?...

Trong những vấn đề xã hội cấp bách như : những tồn đọng của chiến tranh ; về thiên tai hay điều kiện tự nhiên khắc nghiệt ; về người cao tuổi, trẻ mồ côi, người tàn tật... thì đối tượng thường rơi vào những nhóm người bị thiệt thòi. Chính sách xã hội đầy tính nhân văn của Đảng không phải là bao cấp, càng không thể "thị trường hóa". Vì vậy, nhà nước phải có sự đầu tư lớn để tạo điều kiện cho mọi đối tượng có được cuộc sống bình đẳng với các nhóm dân cư khác. Sự đầu tư lớn đó không thể chỉ từ ngân sách nhà nước mà phải từ nhiều nguồn. Thực tế cho thấy trong việc thực hiện hai pháp lệnh (người có công và bà mẹ Việt nam anh hùng), nguồn chi ngân sách là *một* thì các nguồn chi khác là *hai*. Tuyệt đại bộ phận các bà mẹ Việt nam anh hùng còn sống đã được các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp, cá nhân nhận phụng dưỡng tiếp tục đến hết đời ; hàng chục vạn hài cốt liệt sĩ đã được cất, bốc, quy tập với nhiều lực lượng cùng làm ; gần 3 000 nghĩa trang, đài tưởng niệm liệt sĩ được xây mới hoặc tu bổ, nâng cấp ; trên 600 xã phường đã xây dựng nhà bia ghi tên liệt sĩ ; hơn 82 ngàn ngôi nhà tình nghĩa trị giá 270 tỉ đồng ; gần 16 vạn sổ tiết kiệm nghĩa tình có số dư gần trăm tỉ đồng... Công sức của nhân dân trong những công việc đó là vô cùng lớn. Với sự động viên đúng đắn, bản thân những đối tượng còn một phần khả năng lao động và gia đình họ cũng rất chủ động trong việc tạo ra cuộc sống hạnh phúc cho chính mình. Từ đó mà hình ảnh "thế kiềng ba chân", (nhà nước, nhân dân và bản thân đối tượng) đã hình thành, cùng có trách nhiệm. Lần này Đảng ta đã nâng lên thành quan điểm xã hội hóa việc thực hiện chính sách xã hội. Đây là quan điểm có căn cứ khoa học và có cơ sở thực tiễn vững chắc.

Các vấn đề xã hội trong cơ chế thị trường có phạm vi rộng và có độ phức tạp cao. Giải quyết thỏa đáng các vấn đề đó không phải một sớm một chiều và càng không thể đơn giản hóa. Mỗi một câu, một ý và những quan điểm của các văn kiện Đại hội VIII là cả một đề tài khoa học, một bản tổng kết thực tiễn. Vì vậy chúng ta cần nghiên cứu, nắm vững và vận dụng hợp lý, linh hoạt trong những điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi cấp thì mới đem lại hiệu quả thiết thực ❑

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 661 - 662

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG BỐI CẢNH THẾ GIỚI NGÀY NAY

BÙI PHAN KỲ *

LÂU nay, nói đến bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ta thường nghĩ ngay đến nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ trang, tăng cường các hoạt động an ninh, sẵn sàng đánh bại thù trong giặc ngoài, coi đó là toàn bộ nội dung của nhiệm vụ chiến lược thứ hai. Điều đó đúng nhưng chưa đủ.

Trong bối cảnh thế giới còn đầy rẫy nguy cơ xung đột, ở một khu vực mà hầu khắp các nước xung quanh đều tăng cường binh bị, tranh chấp chủ quyền, nhất định chúng ta phải không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân. Nhưng những biến cố đối với chủ nghĩa xã hội trong một thập kỷ gần đây không cho phép ta thực sự yên tâm chỉ với các chủ trương giải pháp đó. Thực tế ở Liên xô và một số nước khác, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị xóa bỏ ngay cả khi các công cụ chuyên trách bảo vệ nó vẫn còn nguyên vẹn cả về tổ chức và trang bị ; ngay cả khi vũ khí, kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ của lực lượng ấy được tăng cường mạnh mẽ.

Đúng là đã xảy ra tình huống : các lực lượng vũ trang được xây dựng theo bản chất giai cấp công nhân, làm nhiệm vụ bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã không bảo vệ nổi cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng đã sản sinh ra nó. Sự phát triển của đấu tranh giai cấp đã dẫn đến một thời kỳ mà chỉ riêng các công cụ vũ lực của nền chuyên chính không đủ bảo vệ nổi chế độ, và cũng bị vô hiệu hóa trước những phương thức đánh phá và lũng đoạn đã hoàn toàn đổi mới.

Đương nhiên, mỗi nước có nét riêng, không phải cái gì đã xảy ra ở nơi khác thì sẽ diễn ra như thế ở nước ta. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay làm chúng ta nhớ lại tình hình nước Nga dưới thời Lê-nin : tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản, dưới sự "chỉ giáo" của các chuyên gia tư sản. Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy mà Liên xô vẫn đứng vững và vươn lên nhanh chóng thành một quốc gia có tiềm lực công nghiệp khổng lồ, đánh thắng chủ nghĩa phát xít, cứu loài người khỏi thảm họa của chiến tranh thế giới thứ hai. Còn mấy chục năm sau trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi hơn nhiều , chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô lại sụp đổ.

Tìm hiểu nguồn gốc sâu xa và những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở một số nước, Đảng ta nhận định : "Trong quá trình xây dựng, bên cạnh những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, đã có những nhược điểm và khuyết điểm to lớn chậm được phát hiện và khắc phục, gây ra tình trạng trì trệ về kinh tế - xã hội rồi đi tới khủng hoảng". Như thế, nguyên nhân cơ bản không phải là do thù trong hay giặc ngoài, mà là chính do sai lầm chủ quan của các lực lượng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, xuất hiện khủng hoảng cũng chưa thể dẫn đến sụp đổ nếu xem xét bằng quan điểm thực tiễn và quan điểm lịch sử.

* Thiếu tướng, PGS. Viện chiến lược quân sự, Bộ quốc phòng

Digitized by Google



Vì Tổ quốc thân yêu Anh : **ĐÀO HOA NỮ**

Xảy ra trì trệ về kinh tế rồi đi tới khủng hoảng là điều không tốt nhưng chưa phải là cái gì ghê gớm ; bởi vì đó là căn bệnh của mọi phương thức sản xuất trong lịch sử, của mọi hình thái kinh tế - xã hội, thậm chí đã trở thành căn bệnh mãn tính của chủ nghĩa tư bản. Vậy mà trừ những kẻ bại trận bị chiến tranh đế quốc thanh toán, đã mấy nước đế quốc chịu sụp đổ vì trì trệ và khủng hoảng kinh tế ? Như thế là từ trạng thái khủng hoảng đến sụp đổ lại có nguyên nhân trực tiếp khác nữa.

Là phương thức sản xuất mới ra đời, lại đảm nhiệm bao nhiêu trọng trách quốc tế, hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa vừa phát huy vai trò lịch sử, vừa tự hoàn thiện trong quá trình thể nghiệm. Phạm sai lầm này, khuyết điểm khác là việc thường tình, nhưng nó vẫn tồn tại. Trải qua gần bảy mươi năm, hết "chiến tranh nóng" lại đến "chiến tranh lạnh", chủ nghĩa đế quốc vẫn không làm gì được. Có thể nói, dù còn không ít khuyết, nhược điểm, nhưng dựa vào sức mạnh vật chất đã tạo ra, dựa vào sức mạnh của quần chúng do sự thức tỉnh của họ đối với những quyền lợi mà họ giành được trong tay chế độ cũ, chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực không thể bị đánh bại bằng chiến tranh chinh phục, cũng không dễ bị loại bỏ bằng bao vây, cấm vận, cô lập về chính trị, ngoại giao, thậm chí cả khi lâm vào tình cảnh phải cứu trợ (như Cu-ba hiện nay). Nếu không rơi vào tai họa "tự phủ định" của chủ nghĩa cơ hội thì cách mạng sẽ vẫn đứng vững, bất chấp mọi áp lực của thế giới tư bản. Sự phủ định của chủ nghĩa cơ hội, mà chủ nghĩa cơ hội này cũng tồn tại ngay cả trong lực lượng vũ trang, đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sụp đổ của chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng là sinh mệnh của chủ nghĩa xã hội không nằm bên ngoài mà nằm ngay bên trong của nó, nằm "giữa đỉnh đầu" của nó.

Tất nhiên sẽ là mất cảnh giác nếu không đánh giá đúng sự nguy hiểm của những phương thức tiến công tổng lực của kẻ thù, trong đó có các thủ đoạn diễn biến hòa bình. Nhưng đặt nó lên hàng chủ yếu của các nguyên nhân gây sụp đổ sẽ rơi vào phương

Digitized by Google

pháp đánh giá sự vật bằng các mối liên hệ bên ngoài, thay cái tất yếu bằng cái không tất yếu, thay cái cơ bản bằng cái không cơ bản.

Ngày nay, trong cuộc chiến lâu dài để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, trừ những tranh chấp về biển, đảo có thể biến thành xung đột, đòi hỏi ta phải chủ động đề phòng, thì khả năng bị các đối tượng tiến công bằng thực binh từ bên ngoài để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội không còn lớn như trước. Nhưng khả năng bị "chiến tranh mềm" hút vào thị trường tự do, bị các giá trị kinh tế, chính trị, văn hóa tư sản chi phối, dẫn đến xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, lại đang có cơ sở để biến thành hiện thực. Điều này có thể xảy ra đối với tất cả các lực lượng xã hội, trong đó có cả quân đội và an ninh.

Xây dựng và điều khiển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, mà vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, là một công việc vô cùng khó khăn, phức tạp, chẳng khác gì bơi giữa hai làn nước. Nó đòi hỏi phải có khoa học và nghệ thuật, có niềm tin và bản lĩnh vững vàng ; biết vận dụng và sử dụng mọi phương tiện, công cụ, nhưng không bao giờ xa rời mục đích ; biết tận dụng thời cơ hòa bình và hòa dịu, nhưng không mất cảnh giác trước các thế lực thù địch. Cùng với các công cụ bảo vệ chuyên trách, các "vận động viên" phải tự mình bám chắc mục tiêu mà bơi cho tới đích, không bị cuốn theo dòng chảy ngược vì "chính sách hai mặt" của chủ nghĩa tư bản.

Từ những điều phân tích ở trên, có thể *rút ra kết luận :*

1 - Để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong tình hình mới, *phải không ngừng tăng cường bản chất cách mạng, bản chất giai cấp và lý tưởng xã hội chủ nghĩa của các lực lượng vũ trang.* Đây không phải là khẩu hiệu suông, mà là bài học xây dựng lực lượng vũ trang của chúng ta suốt nửa thế kỷ qua, và là bài học nóng hổi rút ra từ thực tiễn của Liên xô và Đông Âu vừa qua. Một khi quân đội, lực lượng an ninh mà trước tiên là các cấp chỉ huy cao nhất của nó mất phương hướng chính trị, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, rơi vào chủ nghĩa cơ hội, thì quân đội sẽ bị vô hiệu hóa, và trở nên bất lực trước các biến động to lớn của đời sống chính trị - xã hội. Khi đó không một tiềm lực vật chất dù to lớn đến đâu của quân đội có thể chống đỡ được sự sụp đổ của chế độ chính trị đã sản sinh ra nó.

2 - Quân đội, và các lực lượng vũ trang nói chung, là công cụ hữu hiệu bảo vệ tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Nhưng sự bảo vệ vững chắc nhất lại nằm trong toàn bộ hệ thống chính trị của đất nước, trong toàn bộ đường lối, chính sách của Đảng. Do đó, *vấn đề quyết định nhất là xây dựng, củng cố vững chắc hệ thống chính trị - xã hội, xây dựng Đảng thật vững mạnh, cả trong tổ chức quân đội và an ninh.*

3 - Giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một quan hệ vừa có khía cạnh tách biệt, vừa có khía cạnh đồng nhất. Ở khía cạnh thứ nhất : xây dựng thuộc về lĩnh vực kinh tế, xã hội. Bảo vệ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Hai lĩnh vực có nội dung độc lập, đi theo những quy luật và đòi hỏi riêng của mình. Đối với quân đội và các lực lượng vũ trang phải chăm lo nâng cao chất lượng về mọi mặt, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng về chính trị, tăng cường tiềm lực, nắm vững đối tượng chiến lược, đối tượng tác chiến trong mỗi giai đoạn lịch sử, từ đó có phương án đối phó thích hợp với các hoạt động xâm phạm lợi ích quốc gia, khuynh đảo chế độ.

Ở khía cạnh thứ hai : mỗi vế của mối quan hệ *xây dựng* và *bảo vệ* đã nằm ở trong vế kia, không có sự tách biệt. Xây dựng tốt là cách bảo vệ tốt nhất. Ngược lại bảo vệ tốt tức là xây dựng thành công. Với mối quan hệ khăng khít như vậy, *đường lối xây dựng kinh tế - xã hội đúng đắn, cũng như mỗi bước tiến thực sự trong công cuộc xây dựng đất nước chính là công cụ, là phương thức bảo vệ tốt nhất Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta* ❑

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC: QUAN NIỆM VÀ CÁC HÌNH THỨC VẬN DỤNG Ở NƯỚC TA

THÀNH PHƯƠNG *

MỘT vấn đề hết sức quan trọng đối với nước ta hiện nay là việc vận dụng lý luận chủ nghĩa tư bản nhà nước nên ở mức độ nào, thông qua những hình thức gì là phù hợp ? Trả lời được câu hỏi trên quả thật không dễ dàng, nhưng lại rất bức xúc trong thời điểm hiện nay, trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Đối với những nước đi lên chủ nghĩa xã hội như nước ta thì chủ nghĩa tư bản nhà nước mang tính chất đặc biệt và được thể hiện ở hai điểm chủ yếu sau đây :

- Tính chất chính trị của nhà nước đã thay đổi. Đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Nhà nước có trong tay một thực lực kinh tế dựa trên hình thức sở hữu nhà nước, nắm giữ những vị trí then chốt trọng yếu của nền kinh tế. Kinh tế nhà nước giữ vài trò chủ đạo đối với các thành phần kinh tế khác.

Với tính chất đặc biệt đó, thực hiện tốt chức năng kiểm kê, kiểm soát, nhà nước sẽ hướng hoạt động của các doanh nghiệp theo định hướng của mình. Bởi vậy, chủ nghĩa tư bản nhà nước là "cái không đáng sợ". Khi so sánh kinh tế tư bản nhà nước trong cơ cấu thành phần kinh tế, Lê-nin cho rằng kinh tế tư bản nhà nước có trình độ cao hơn nhiều so với kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và gần với chủ nghĩa xã hội hơn các thành phần kinh tế khác. Chính vì lẽ đó, Lê-nin coi chủ nghĩa tư bản nhà nước là sản phẩm tất yếu, là một "bước tiến" lịch sử đối với các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế còn lạc hậu.

Về nội dung chủ nghĩa tư bản nhà nước, có thể hiểu qua các khía cạnh :

- Là sự kiểm kê, kiểm soát của nhà nước đối với các thành phần kinh tế.

- Là các hình thức kinh tế quá độ dựa trên hình thức sở hữu hỗn hợp về vốn giữa nhà nước xã hội chủ nghĩa với kinh tế tư bản tư nhân trong và ngoài nước.

- Là việc học tập, sử dụng có chọn lọc những thành tựu khoa học - công nghệ và chuyên gia khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế ở các nước tư bản tiên tiến.

- Là việc coi trọng lợi ích kinh tế, hiệu quả kinh tế với tư cách là động lực của sự phát triển nền kinh tế quốc dân.

Từ những nội dung trên có thể quan niệm chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với ba mức độ như sau :

- Ở mức độ cao và toàn diện nhất, chủ nghĩa tư bản nhà nước như là một hình thái kinh tế - xã hội quá độ.

- Ở mức hẹp và thấp hơn, chủ nghĩa tư bản nhà nước là một chính sách, một công cụ mà nhà nước xã hội chủ nghĩa dùng để điều tiết và quản lý hoạt động của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư bản tư nhân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Dưới góc nhìn kinh tế, chủ nghĩa tư bản nhà nước là các hình thức kinh tế trung gian, quá độ. Các hình thức này dựa trên hình thức sở hữu hỗn hợp, có thể tồn tại trong một số thành phần kinh tế như : kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế nhà nước, kinh tế tư bản tư nhân (tùy theo hàm lượng vốn cổ phần mà thành phần đó chi

* Giảng viên Trường đại học kinh tế quốc dân

Digitized by Google

phối) trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong điều kiện nước ta, theo tôi *có thể coi chủ nghĩa tư bản nhà nước vừa là các hình thức kinh tế trung gian, quá độ, vừa là một chính sách kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.* Quan niệm chủ nghĩa tư bản nhà nước ở mức độ nói trên, về nội dung, cho phép rút ngắn đáng kể thời gian thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc lựa chọn các hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước cần quán triệt một số quan điểm sau đây :

Thứ nhất : Phải có quan điểm mới và toàn diện, xem xét cả trước mắt và lâu dài để lựa chọn các hình thức ; đồng thời vừa làm vừa phát hiện các hình thức mới hữu hiệu có thể vận dụng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

Thứ hai : Việc vận dụng, phát triển và mở rộng các hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước phải bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với giữ gìn độc lập chủ quyền và bản sắc văn hóa của dân tộc ; gắn phát triển với phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái ; giải quyết đúng đắn mối quan hệ về nghĩa vụ và quyền lợi của cả người lao động và người sử dụng sức lao động trong các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài ; bảo đảm phát triển theo đúng mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Thứ ba : Quá trình phát triển và mở rộng các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước phải bảo đảm khu vực kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo ; nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành và phát triển, đủ sức hòa nhập vào nền kinh tế thế giới và nền kinh tế trong khu vực.

Những quan điểm cơ bản nêu trên là cơ sở để vận dụng các hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước vào điều kiện cụ thể ở nước ta. Có thể có các hình thức sau ;

1 - Liên doanh liên kết giữa nhà nước với kinh tế tư nhân trong nước. Hình thức này, trong thời kỳ cải tạo đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc trước đây, thường tồn tại dưới dạng "công tư hợp doanh". Sau ngày miền Nam giải phóng, việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh làm xuất hiện một số "công tư hợp doanh" thương nghiệp. Nhìn chung các hình thức "công tư hợp doanh" xuất hiện ở cả hai miền Nam - Bắc trải qua hai thời kỳ khác nhau, song đều nằm trong khuôn khổ của mô hình "kinh tế chỉ huy tập trung", nên về thực chất tổ chức và hoạt động của "công tư hợp doanh" giống như một tổ chức kinh tế quốc doanh.

Đổi mới nền kinh tế với chính sách kinh tế nhiều thành phần và "mở cửa", hình thức liên doanh liên kết này thường hướng vào lực lượng kinh tế tư nhân và tổ chức kinh tế nước ngoài thông qua hoạt động đầu tư trực tiếp, còn lực lượng kinh tế tư nhân trong nước có phần bị lãng quên hay chưa được chú ý đúng mức. Điều này có nguyên nhân khách quan và chủ quan là : lực lượng kinh tế tư nhân trong nước sau nhiều năm bị xóa bỏ vừa được khôi phục, cần có thời gian phát triển về vốn và kinh nghiệm để có đủ khả năng hợp tác, liên doanh liên kết với nhà nước. Qua mười năm đổi mới, với sự hoạt động của quy luật tích tụ và tập trung vốn bằng nhiều con đường và nguồn gốc khác nhau, tiềm năng của lực lượng kinh tế tư nhân ở nước ta đã có bước phát triển đáng kể. Liên doanh, liên kết với lực lượng kinh tế tư nhân một mặt nhà nước có thể kiểm soát và định hướng được sự phát triển của lực lượng kinh tế tư nhân, mặt khác nhà nước còn hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của thành phần kinh tế này.

Nhà nước cần có biện pháp và chính sách, nhất là chính sách kinh tế hợp lý hợp tình. Nếu đối với lực lượng kinh tế tư nhân nước ngoài nhà nước đã có chính sách ưu đãi thì chí ít lực lượng kinh tế tư nhân trong nước cũng phải được đối xử bình đẳng, hoặc có thể ưu tiên hơn

Digitized by Google

vì cái lợi mà tư nhân trong nước được hưởng là cái lợi của 'lọt sàng xuống nia" như ông cha ta thường nói.

2 - Liên doanh với nước ngoài. Đây là hình thức liên doanh theo tỷ lệ vốn có mức độ khác nhau giữa nhà nước và các tổ chức kinh tế nước ngoài, được gọi là các xí nghiệp liên doanh. Hình thức này xuất hiện trong thời kỳ đổi mới nền kinh tế được thực hiện thông qua đầu tư trực tiếp để hình thành các trung tâm công nghiệp mới với kỹ thuật công nghệ cao. Việc triển khai hình thức này trong những năm qua đã đưa lại một số kết quả đáng kể như hình thành một số trung tâm công nghiệp kỹ thuật cao, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, làm thay đổi bộ mặt của đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế về năng lực điều hành, quản trị của cán bộ Việt nam trong liên doanh ; ở một số liên doanh, bên đầu tư nước ngoài đã có những vi phạm như : mua chuộc cán bộ quản lý và cán bộ đối tác ; đầu tư chui ; chèn ép hà khắc công nhân Việt nam (năm 1994 đã có 26 vụ đình công của công nhân) ; mua bán bất động sản trái phép ; lừa đảo, trốn thuế, ép giá gia công, tăng giá đầu tư thiết bị v.v.. Những hạn chế này cần được giải quyết thỏa đáng, tạo điều kiện để tiếp tục mở rộng hình thức liên doanh với nước ngoài một cách có hiệu quả trong thời gian tới ở nước ta.

3 - Tô nhượng, mà thực chất là hình thức xí nghiệp có 100% vốn nước ngoài được hình thành trong các khu chế xuất. Tô nhượng là gì ? Theo Lê-nin : "Đó là một giao kèo, một sự liên kết, một liên minh giữa chính quyền nhà nước xô-viết, nghĩa là nhà nước vô sản, với chủ nghĩa tư bản nhà nước... Người nhận tô nhượng là nhà tư bản" (1)

Hình thức tô nhượng được đưa ra ở nước Nga dưới thời Lê-nin, nhưng do điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, ít được sự hưởng ứng của các nhà tư bản nước ngoài, nên hình thức này được thực hiện không đáng kể. Ở một số nước khác, nhất là Trung quốc, hình thức này được áp dụng cho loại xí nghiệp có 100% vốn nước ngoài thông qua việc hình thành các khu chế xuất, đã thu được những thành công nhất định, song không phải không có chỗ chưa thành công.

Mục tiêu của việc hình thành khu chế xuất là : a) Thu hút vốn đầu tư nước ngoài và trong nước. b) Giải quyết công ăn việc làm và thông qua đó mà đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề. c) Du nhập kỹ thuật hiện đại và kinh nghiệm quản lý tiên tiến. d) Tạo nguồn hàng xuất khẩu có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, góp phần hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực. e) Tăng nguồn thu ngoại tệ, góp phần cải thiện cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế. g) Thúc đẩy nền kinh tế nội địa có mũi nhọn đột phá phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ở nước ta, loại hình xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, trong các khu chế xuất hiện đang còn rất mới mẻ, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Qua gần 4 năm thực hiện hình thức này cho chúng ta thấy, có nhiều dự án khu chế xuất chưa hoàn tất về thủ tục ; số đối tác tham gia chưa nhiều, lại chưa ổn định, nên việc triển khai còn nhiều hạn chế.

Những khó khăn và chưa thành công của việc triển khai hình thức khu chế xuất ở nước ta, cùng với sự ra đời của các khu chế xuất trên thế giới và ở các nước châu Á (mà sự thành công của nó mới khoảng 20%), đòi hỏi chúng ta phải có bước đi thận trọng, vững chắc và triển khai có hiệu quả hình thức này.

4 - Cho thuê thông qua đấu thầu một số cơ sở vật chất của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế nhà nước. Đây là một hình thức được thực hiện thông qua ký kết hợp đồng giữa nhà nước với lực lượng kinh tế tư nhân trong và ngoài nước. Hợp đồng này cũng giống hợp đồng của hình thức tô nhượng trong khu chế xuất. Sự khác nhau giữa chúng được phân biệt ở chỗ : a) Thời gian hợp đồng ký ngắn hơn so với hình thức tô nhượng. b) Nếu đối tượng thuê

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 43, tr 269

Digitized by Google

của hình thức tô nhượng là quyền sử dụng đất đai, thì hình thức này áp dụng cho thuê các đối tượng hầm mỏ, khu rừng, xí nghiệp, cửa hàng..., trong một thời gian nhất định. Những đối tượng này thường là những đối tượng mà nhà nước không có khả năng nắm, hoặc nhà nước kinh doanh sẽ không có hiệu quả.

5 - Gia công đặt hàng. Hình thức này thường áp dụng đối với các ngành sản xuất vật chất, ngành mà hàm lượng lao động sống đòi hỏi nhiều. Nó là hình thức khá phù hợp với nước ta, một nước tỷ lệ tăng dân số còn cao và lực lượng lao động hằng năm tăng nhanh, vấn đề công ăn việc làm hiện đang là sức ép cần được giải tỏa. Hình thức gia công đặt hàng có thể thực hiện theo hai chiều : các doanh nghiệp nhà nước Việt nam nhận gia công cho kinh tế tư nhân trong và ngoài nước và ngược lại kinh tế tư nhân trong và ngoài nước nhận gia công cho các doanh nghiệp nhà nước Việt nam.

6 - Đại lý. Đây là hình thức thường áp dụng trong các ngành dịch vụ (hiểu theo nghĩa rộng). Nó bao gồm đại lý mua, đại lý bán, đại lý về các dịch vụ khác giữa các doanh nghiệp nhà nước Việt nam với các tổ chức kinh tế tư nhân trong nước và ngoài nước trong những thời hạn nhất định.

Trong đời sống thực tế, các hình thức kinh tế tư bản nhà nước diễn ra rất phong phú và đa dạng. Vì vậy, phải xuất phát từ thực tiễn luôn biến động để điều chỉnh các hình thức ít hoặc không còn thích hợp, tìm tòi sáng tạo thêm các hình thức mới có hiệu quả hơn để vận dụng vào thực tiễn nước ta. Tuy nhiên, cho dù lựa chọn và ứng dụng hình thức nào cũng phải bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để việc vận dụng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước ở nước ta có được tính *hiện thực*, tính *hiệu quả* và tính *định hướng* của *mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh* cần bảo đảm các điều kiện sau đây :

Một là, thực lực kinh tế của nhà nước được tăng cường theo hướng :

- Nắm giữ được những ngành, khâu then chốt, trọng yếu nhất của nền kinh tế quốc dân.

- Hệ thống ngân sách, ngân hàng thuộc khu vực kinh tế nhà nước vững mạnh, đủ sức thúc đẩy tăng trưởng bền vững và kiềm chế được lạm phát theo mức dự kiến của từng thời kỳ.

- Lực lượng dự trữ quốc gia về vật tư, hàng hóa chiến lược bảo đảm đủ để nhà nước dập tắt được các cơn sốt do tình trạng tự phát của thị trường gây ra.

- Hàm lượng vốn thuộc sở hữu nhà nước trong các hình thức kinh tế của chủ nghĩa tư bản nhà nước được phát triển theo hướng tăng khả năng khống chế - chi phối.

Hai là, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam được giữ vững. Phải coi đây là một điều kiện chính trị tiên quyết để đất nước có một bộ tham mưu có khả năng lãnh đạo, tổ chức, bảo đảm giải quyết các mâu thuẫn của thời kỳ quá độ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy, Đảng phải thực sự trong sạch, đảng viên và nhất là cán bộ phải thực sự có trí tuệ và năng lực.

Ba là, xây dựng được nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà quyền lực của nó thể hiện ở sự điều tiết kinh tế thị trường bằng pháp luật bảo đảm thực sự là của dân, do dân và vì dân. Muốn vậy, phải đẩy mạnh cải cách nhà nước về hành chính, xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, đổi mới kế hoạch hóa, tăng cường năng lực của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tính nghiêm minh của các cơ quan tư pháp.

Bốn là, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập chủ quyền dân tộc với việc mở rộng kinh tế đối ngoại, tạo môi trường chính trị, kinh tế, xã hội thuận lợi (kết cấu hạ tầng, ổn định chính trị, hệ thống luật pháp, quan hệ lao động, chính sách thuế, chính sách giá đất đai, thủ tục xét duyệt thẩm định v.v.) cho các chủ thể kinh tế tham gia các hình thức kinh tế tư bản nhà nước ❑

Digitized by Google

SUY NGHĨ VỀ VIỆC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN HỌC TRONG VẬN HỘI MỚI

PHƯƠNG LỰU *

ĐẠI hội VIII của Đảng nhằm đưa đất nước lên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chắc chắn cũng sẽ mở ra một vận hội mới cho văn học, trong đó có lý luận phê bình phát triển với những khả năng và yêu cầu cao hơn. Nhưng trước hết, cũng như xã hội và văn học nói chung, lý luận phê bình không thể có được một bước phát triển mới nếu không nhìn rõ được những thành tựu và những mặt hạn chế của nó trong thời gian qua. Mười năm đổi mới đã chứng tỏ nền lý luận phê bình có một tiềm lực, nếu chưa áp đảo, thì cũng đủ sức ngăn chặn những biểu hiện cực đoan từ phía này hay phía khác. Nó quả đã có một xung lực tự điều chỉnh, tự đối trọng. Nếu trong trạng thái ổn định và phát triển chung của đất nước có vai trò của văn học, thì trong sự tương đối ổn định và phát triển của văn học, không thể quên vai trò của lý luận phê bình. Tuy nhiên, không nên hiểu thành tựu này chỉ là của những nhà lý luận phê bình chuyên nghiệp, càng không phải chỉ thuộc riêng về một cái gọi là "phe phái" theo định kiến nào đó. Bởi vì trong lý luận phê bình không có ai tuyệt đối đúng, và trừ một số ít thay lòng đổi dạ, còn cũng không có một ai tuyệt đối sai.

Việc nói đến sai sót của lý luận phê bình đã qua theo tôi không phải là khó. Cái khó là việc nêu toàn diện những yêu cầu sắp đến cho nó. Vì vậy điều then chốt dưới đây dù có đúng, cũng chưa chắc thật trúng ! Đó là phải *đặt vấn đề quan điểm trên cơ sở đạo đức và khoa học.* Điều này không phải làm "khô nhạt" quan điểm, mà chính vì quan điểm là quan trọng nhất, cho nên phải tiếp cận nó thêm từ bình diện đạo đức và khoa học. Xã hội càng hiện đại thì càng phải giữ gìn tinh hoa truyền thống, mà cái truyền thống quan trọng nhất đối với người làm văn hóa, giáo dục, khoa học, nhất là khoa học xã hội và nhân văn, là đạo đức trung thực. Thiếu trung thực, là một điều tôi cảm nhận có lẽ thuộc mặt trái của lý luận phê bình trong nhiều năm qua, và xem ra nó đang có cơ phát triển, nếu phóng tầm mắt rộng ra đến hiện trạng cả nền văn hóa tinh thần của chúng ta.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản,* nhân một hiện tượng cụ thể, Mác và Ăng-ghen đã đi đến một khái quát : "Sản xuất vật chất đã như thế, thì sản xuất tinh thần cũng không kém phần như thế". Bây giờ khi tham nhũng đã trở thành "quốc nạn", thì có gì lạ những chuyện gian trá đã bộc lộ ở mọi bình diện, mức độ và sắc thái trong văn hóa, giáo dục, khoa học, nhất là khoa học xã hội và nhân văn. *Loại hình gian trá trong sản xuất tinh thần* có thể dành cho một đề tài cấp nhà nước nhưng phải giao cho những nhà khoa học có trình độ và trung thực, nếu không, thì chí ít công trình sẽ bỏ sót một cấp độ gian trá mới nảy sinh. Hiển nhiên là chúng ta vẫn bắt gặp được nhiều nhà trí thức, trong đó có các nhà lý luận phê bình rất trung thực. Nhưng nếu xét theo tỷ lệ, thì cái mật độ của "tính chính trực trí thức" (probité intellectuelle) đã thưa thớt hơn trước nhiều.

Không thể xây dựng một đất nước giàu mạnh trên cơ sở tham nhũng. Kinh tế thị trường là một chìa khóa đặc hiệu, nhưng đừng quên rằng kinh tế thị trường cũng phải biết lấy chữ "tín" làm đầu. Buôn gian bán lận, làm hàng giả, hoàn thiện nhanh chóng "kỹ nghệ lấy tiền công" đúng là sẽ làm giàu, nhưng chỉ

* GS, TS, Chủ tịch Hội đồng lý luận phê bình Hội nhà văn Việt nam

Digitized by Google

cho một thiểu số , còn đa số dân lành có thể vẫn rơi vào vòng cơ cực lầm than, đất nước lại sẽ nguy khốn. Cũng vậy, đông, tây, cổ, kim, không có bất cứ bước tiến nào của văn minh tinh thần lại đi kèm với sự gian trá. Gian trá trong văn hóa, giáo dục, khoa học, nhất là khoa học xã hội và nhân văn, chỉ làm màu mỡ thêm cho mảnh đất diễn biến hòa bình. Dung túng cho sự gian trá là chuẩn bị cho quá trình sụp đổ.

Chúng ta đang đặt vấn đề quan điểm của nhà lý luận phê bình trong một bối cảnh như vậy. Vậy thì quán triệt đường lối của Đảng, quán triệt quan điểm Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhất thiết phải trung thực và nhất quán ! Không thể chấp nhận cái lối "nói vậy chứ không phải vậy" mà trên thực tế đã buông lỏng, thậm chí dung túng ngày càng nhiều cho sự xâm phạm về tư tưởng và tổ chức. Rồi như "ngưu tầm ngưu, mã tầm mã", những loại "vẽ râu một bên" sẽ được sử dụng. Đã đành sách lược là cần, đoàn kết được với nhiều người lại càng tốt, song đó là thái độ đối nhân xử thế, nhưng về quan điểm thì phải rõ ràng, không thể nước đôi ! Lê-nin đã từng chế giễu gã men sê vích Xtơ-ru-vơ : "... Cùng với Lê-nin, chúng tôi phê bình Mác-tư-nốp. Cùng với Mác-tư-nốp, chúng tôi phê bình Lê-nin". Rồi lại có loại lúc tả lúc hữu. Trong cuộc đấu tranh phức tạp, sự chuyển hóa tả hữu là điều dễ hiểu, nhưng đó phải là một quá trình có nguyên nhân sâu xa và đích thực, chứ không phải ba động liên hồi.

Đặt vấn đề quan điểm trên bình diện đạo đức, hiển nhiên là mỗi người trước hết phải tự nghiêm khắc với bản thân mình, chứ không phải chỉ nghiêm khắc với người, để rồi tự cô lập. Đối với những quan điểm sai trái, nhưng xét đến cùng là ăn theo nói leo, hoặc dựa dẫm đâu đó, rồi tự phong là phát kiến của mình, từ đó xuyên tạc, bôi nhọ người khác, nghĩa là đã sai trái lại không trung thực thì càng phải nghiêm khắc gấp bội. Vì thực chất việc đáng phê phán ở đây còn là vấn đề đạo đức, chứ chủ yếu không chỉ là vấn đề quan điểm ! Ngược lại, có những quan điểm lệch lạc, nhưng chủ thể của nó rất trung thực, chỉ thẳng thắn bày tỏ, chứ không hề xuyên tạc bôi nhọ bất cứ ai với bất cứ mưu đồ dã tâm nào, thì nên được ghi nhận để cảm hóa và phân hóa. Bởi vì những người trung thực thường biết kiểm tra tư duy trước thực tiễn đang vận động, do đó có hàm chứa một tiềm năng chuyển hóa.

Liên quan với điều nói ở trên là vấn đề khoa học. Nhưng trước khi gắn chặt với vấn đề quan điểm, khoa học tỏ ra cũng liên quan với đạo đức. Khoa học là việc khám phá và nắm bắt chân lý của đối tượng khách quan. Nhưng đây chỉ là bình diện "hướng ngoại". Tri thức luận cổ phương đông còn nhấn mạnh bình diện "hướng nội". Tự biết mình đâu phải dễ, ở đây cũng có biết bao nhiêu cửa ải, và do đó, nếu vượt qua được, cũng sẽ có biết bao nhiêu chân trời. Đặc biệt những ai biết được sâu sắc và toàn diện *cái không biết* của chính mình, cũng chính là bậc đại trí vậy. Khổng Tử có nói : "Bất tri, vi bất tri, thị tri giả". Nhưng chính vì tỏ ra không biết gì về sự không biết của chính mình, cho nên việc đổi mới tư duy vừa qua, bên cạnh những thành tựu đích thực, cũng còn không ít những hạn chế về mặt giá trị khoa học. Đó là những lối nói không thèm chứng minh , thiếu luận cứ cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn, không am hiểu lịch sử vấn đề, lấy cũ làm mới, và nổi lên lối nói ngược hời hợt, dễ dãi.

Nhưng điều đáng lưu ý là sự phản bác trở lại. Bên cạnh những thành tựu, cũng có không ít trường hợp là những lối định hướng trơ trụi, tính thuyết phục không cao. Quả là ở đây có một thừa số chung, đó là sự hời hợt. Hình như nó còn in lại dấu vết của mặt non yếu trong truyền thống - cả một nền văn học trung đại hàng mười thế kỷ của ta, sáng tác thơ văn rạng rỡ là thế, nhưng thành tựu về lý luận phê bình, nhất là lý luận không có mấy. Rồi trong việc xây dựng nền văn học hiện đại ít chú ý khơi nguồn về mặt này. Chứng cớ là các nhà thơ, nhà văn hầu như đã được đọc khá nhiều bản

Digitized by Google

dịch của những kiệt tác, nhưng hầu như các công trình cổ điển về lý luận phê bình trên thế giới chưa dịch và giới thiệu được gì. Kết quả là đa số các nhà lý luận phê bình nước ta rất ít có cảm quan và tri thức lịch sử về chuyên ngành của mình. Hiểu biết ít quá, cho nên hay sính cãi vặt, thậm chí trương cờ, lập thuyết !

Lịch sử đã vậy, hiện tại về cơ bản cũng gần như vậy : những văn bản gốc ít được chú ý dịch, giới thiệu, dễ đưa đến sự phiến diện trong đánh giá. Thí dụ đối với lý luận văn học phương Tây hiện đại, trước thì phủ nhận quá đáng, nay thì ít nhiều có chiều hướng nhẹ dạ cả tin. Hai thời, hai chiều nghịch hướng, nhưng rất nhất quán ở chỗ là thiếu hiểu biết, hay nói đúng hơn là không cần hiểu biết đối tượng như thế nào, cứ nhanh nhẩu bộc lộ khuynh hướng "thời thượng" trước cái đã. Trước bế môn bài bác đã tác hại, nay mở toang cửa lả lơi, lại càng nguy hại hơn. Bởi vì ở phương Tây hiện đại, lắm lý thuyết như thế, cho nên sự xuất hiện của mỗi thứ, ít nhiều cũng là trong thế đối lập với những thứ trước đó hoặc đương thời. Chủ nghĩa này phê phán chủ nghĩa kia như cơm bữa. Ngay trong một trường phái, ý kiến nhiều lúc cũng không nhất trí, trò khác thầy, thậm chí người đề xướng ra chủ thuyết cũng có lúc tự hoài nghi. Cho nên nếu ngày nay chúng ta ca ngợi một chiều bất cứ ý kiến nào của Phrớt, của Nít-sơ, v.v.., thì chỉ mua cười cho phương Tây ! Hẳn cứ đọc, cứ tìm hiểu một cách toàn diện và có hệ thống lý luận phê bình văn học phương Tây hiện đại, muốn phê phán thì sẽ không thiếu chỗ, mà muốn ca ngợi thì cũng có lắm điều hay. Tất cả vấn đề là ở thái độ khoa học, tức là chỉ hình thành dần khuynh hướng của chủ thể trong quá trình chiếm lĩnh được đối tượng. Đã đành khoa học nói chung là phải nói đến cái mục tiêu khám phá ra cho được những chân lý mới với những phương pháp hiệu nghiệm, nhưng trước hết là phải có tri thức khoa học, mà cụ thể ở đây là những tri thức lịch sử và hiện đại về chuyên ngành lý luận phê bình văn học. Tôi nghĩ rằng, việc đặt vấn đề quan điểm trên bình diện đạo đức và khoa học, sẽ có ý nghĩa đối với việc xây dựng đội ngũ lý luận phê bình văn học (hay nói rộng ra là văn nghệ) theo các mặt sau :

Một là, phải ra sức cổ vũ, động viên, chăm sóc và vun xới để ngày càng có nhiều những tác giả (nhất là lớp trẻ) và công trình lý luận phê bình đã trung thành lại trung thực và sâu sắc, bớt dần đi những thứ có vẻ không sai, nhưng lập lờ, nhạt nhẽo, vô vị ; đồng thời phải biết độ lượng và chờ đợi những người tuy có ít nhiều sai trái, nhưng trung thực và có trình độ.

Hai là, trong đấu tranh, phê phán, đề xuất vấn đề quan điểm trên tầm vĩ mô là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết, nhưng phải chú ý thêm rằng trong từng vụ việc cụ thể, thì những quan điểm sai trái, tuy không tất yếu, nhưng thường đi đôi với bệnh phản khoa học và thói vô đạo đức. Bởi thế, trên tầm vĩ mô, việc nêu trực diện vấn đề quan điểm có khi không thật cấp thiết, mà lại thường kém hiệu quả. Cần triển khai mạnh mẽ việc đấu tranh trên bình diện khoa học, nhất là về mặt đạo đức, có khi lại bảo vệ được quan điểm một cách hiệu nghiệm hơn nhiều.

Ba là, trên bình diện lãnh đạo và quản lý văn nghệ (trong đó có văn học) một phương thức quan trọng là thông qua lý luận phê bình, nghĩa là có liên quan với hai nội dung nói trên, thì phải trung thành đến mức chí cốt, tránh cho được mọi ấn tượng phải đánh dấu hỏi hoài nghi ! Về mặt khoa học, không nhất thiết phải là các nhà lý luận phê bình, nhưng các nhà lãnh đạo quản lý văn nghệ phải am hiểu một ngành khoa học khác, mà tôi tạm gọi là ngành trung gian giao thoa giữa khoa học quản lý với nghệ thuật học. Đó là ngành *xã hội học nghệ thuật* hàm chứa nhiều nội dung học thuật phong phú về các vấn đề tổ chức, sản xuất, tiêu thụ, truyền bá, dự báo và giá trị học nghệ thuật v.v.. Không thể xây dựng một đội ngũ lý luận phê bình vững mạnh nếu không được nắm chung trong sự lãnh đạo quản lý nhất quán và có hiệu quả ❑

Digitized by Google

Tỉnh táo trước sự đổi màu của trào lưu xã hội - dân chủ

HỒ KIẾM VIỆT *

XÉT từ chiều sâu lịch sử của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa quốc tế thì trào lưu xã hội - dân chủ vốn có nguồn gốc từ trong phong trào xã hội chủ nghĩa, nhưng là khuynh hướng đối lập với chủ nghĩa xã hội mác-xít. Chính vì có sự đối lập này, mà *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* mặc dù là tác phẩm phổ biến nhất trong toàn bộ văn phẩm xã hội chủ nghĩa, Mác và Ăng-ghen vẫn không gọi đó là "Tuyên ngôn xã hội chủ nghĩa". Theo Ăng-ghen, *xét về bản chất*, "năm 1847, chủ nghĩa xã hội có nghĩa là một phong trào tư sản, còn chủ nghĩa cộng sản là một phong trào công nhân" (1). Tuy vậy, trong các Quốc tế xã hội chủ nghĩa, Quốc tế I cũng như Quốc tế II, sự đối lập về tư tưởng như trên chưa dẫn đến sự phân liệt về tổ chức. Tên gọi vẫn là "Quốc tế xã hội chủ nghĩa" và các chi nhánh ở các quốc gia vẫn một tên gọi là "đảng xã hội - dân chủ". Phải đến sự phá sản của Quốc tế II và sự thành lập Quốc tế III - Quốc tế cộng sản - mới đánh dấu sự phân liệt về tổ chức.

Tham gia Quốc tế cộng sản là các đảng xã hội - dân chủ theo chủ nghĩa Lê-nin và trở thành các tổ chức cộng sản. Còn các đảng xã hội - dân chủ vẫn giữ nguyên tắc cũ, tiếp tục con đường cải lương tư sản, thì từ năm 1951 tập hợp thành tổ chức mới : "Quốc tế xã hội chủ nghĩa". Các đảng nằm trong tổ chức này tuy không cùng tên gọi, nhưng có cương lĩnh thống nhất, với mục tiêu xây dựng một xã hội mới đối lập với cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa cộng sản.

Như chúng ta biết, khuynh hướng xã hội - dân chủ vốn phát triển mạnh ở phương Tây. Đến nay cũng vậy. Có thể kể ra một số đảng có thế lực lớn như : Đảng xã hội - dân chủ Đức, Đảng xã hội Pháp, Công đảng Anh, Đảng xã hội I-ta-li-a, Đảng xã hội - dân chủ Thụy điển, Đảng xã hội - dân chủ Áo. Ở Nhật, có Đảng xã hội và Đảng dân chủ - xã hội. Ở Ô-xtơ-rê-li-a, có Công đảng... Phần lớn các đảng xã hội - dân chủ đều đã nắm chính quyền và thực thi cương lĩnh xã hội - dân chủ.

Điều đáng quan tâm là từ những năm 50 và 60 của thế kỷ này, Quốc tế xã hội chủ nghĩa chủ trương đi vào "thế giới thứ ba". Điều đó dễ hiểu. Sau khi cảm thấy trào lưu xã hội - dân chủ có phần bị chững lại ở châu Âu, nơi mà quần chúng ít nhiều đã biểu lộ sự bất bình, bất tín nhiều đối với không ít chính quyền do những người xã hội - dân chủ chi phối, tổ chức quốc tế đó hy vọng châu Á, châu Phi có thể là "miếng đất mầu mỡ" cho sự phát triển của trào lưu đó. Với mục tiêu chủ yếu là ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc ở đây đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội mác-xít, những người truyền bá tư tưởng xã hội - dân chủ đã ra sức lợi dụng tâm lý dân tộc, tôn giáo ở đây để hình thành đủ thứ chủ nghĩa xã hội phi mác xít : "chủ nghĩa xã hội tôn giáo", "chủ nghĩa xã hội dân tộc" v.v..

Ở Việt nam, thông qua "Liên minh xã hội Á châu", những người xã hội - dân chủ đã truyền bá vào Việt nam cái gọi là "những nguyên tắc và mục tiêu xã hội chủ nghĩa hợp với địa lý - chính trị châu Á", nơi mà theo họ "phải đặc biệt chú trọng đến số phận và tương lai của *nông dân*". Những đòi hỏi của nông dân ở đây về cải thiện đời sống và tiến bộ, theo họ, "cũng mạnh mẽ như thợ thuyền, nếu không nói là mạnh mẽ hơn" (2). Tuyên ngôn của "Liên minh xã hội Á châu" nêu rõ :

* PGS, Học viện chính trị quân sự

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 517.

(2) Xem Nhuệ Hồng : *Chủ nghĩa xã hội - dân chủ*, Sài gòn, 1953, tr 253

Digitized by Google

"Trong phần lớn các nước Á châu chuyên về nông nghiệp, tầng lớp nông dân chiếm đa số lớn lao trong dân chúng. Sự kiện đó đã ảnh hưởng quyết định đến tính chất và khuynh hướng của xã hội chủ nghĩa tại Á châu" (3). Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội dân chủ đã không thể ảnh hưởng tới đại đa số nhân dân, đặc biệt là đội ngũ đảng viên cộng sản và cán bộ cách mạng nước ta. Bởi vì, chủ nghĩa xã hội dân chủ với chủ trương "điều hòa giai cấp", không tán thành dùng bạo lực lật đổ nhà nước của các giai cấp áp bức bóc lột, làm sao đứng vững được trước thực tế nước ta : mọi cuộc đấu tranh bằng biện pháp hòa bình của nhân dân ta đòi quyền sống đều bị chính quyền thực dân phong kiến đàn áp bằng lưỡi lê, súng đạn và máy chém. Ngô Đình Diệm trong những năm thống trị ở miền Nam nước ta, cũng đã tìm cách đưa tư tưởng xã hội - dân chủ vào thuyết "cần lao nhân vị" của ông ta hòng ngăn chặn cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất nước nhà, song chế độ độc tài, gia đình trị của ông ta đã nhanh chóng bị bóc trần trước cuộc đấu tranh kiên cường của nhân dân ta.

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là một thời cơ cho những người xã hội dân chủ ở các nước "hồi sức" sau những khó khăn nghiêm trọng vấp phải. Không phải ngẫu nhiên, Phi-líp Héc-tô-gơ (Philippe Hertog), ủy viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Pháp, đại biểu nghị viện châu Âu, đã nhận định về những người xã hội - dân chủ đầu những năm 90 ở đây như sau : họ đã "thất bại", "chính sách của họ đã lỗi thời rồi" (4). Do nhiều nguyên nhân, trong đó có sự khủng hoảng về tư tưởng - lý luận, không ít những người cộng sản ở Liên xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, trước hết là các lãnh tụ của họ, đã tìm liều thuốc an thần ở hệ thống quan điểm của trào lưu xã hội dân chủ. Cái gọi là "tư duy chính trị mới" thực chất chỉ là tư duy của những người mang danh cộng sản nhưng thực chất là kẻ cơ hội, muốn từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đi theo chủ nghĩa xã hội dân chủ. Trong chủ trương "cải tổ" mà người ta nói là "để có chủ nghĩa xã hội nhiều hơn" ở Liên xô (cũ), cụm từ sau chỉ là cái cần thiết thêm vào để đánh lạc hướng, che giấu ý đồ phản bội, từ bỏ lập trường, quan điểm cách mạng.

Với tinh thần độc lập tự chủ, tự lập tự cường, tỉnh táo theo dõi tình hình quốc tế và khách quan đánh giá quá trình cải tổ, cải

(3) Xem Nhuệ Hồng : *Chủ nghĩa xã hội - dân chủ*, Sài gòn, 1953, tr 253

(4) Xem bài "Một cuộc nói chuyện với P. Héc-tô-gơ", báo *Thế giới* (Le Monde), ngày 24-9-1991.



Hạ long
Ảnh : ***Xuân Kỳ***

Digitized by Google

cách, đổi mới ở các nước trên thế giới, Đảng ta đã sớm nhận ra đâu là chủ nghĩa Mác - Lê-nin chân chính và đâu là chủ nghĩa xã hội dân chủ đội lốt chủ nghĩa Mác - Lê-nin, để định ra đường lối **đổi mới** với đầy đủ ý nghĩa cách mạng. Quá trình định ra và thực thi đường lối đó ở ta, đương nhiên không thuận chèo mát mái. Đảng ta phải đương đầu với đủ loại kẻ thù bên trong và bên ngoài. Các kẻ thù có thể ở các cực khác nhau, nhưng chúng đã tìm thấy *điểm chung* là sử dụng con bài xã hội - dân chủ, làm rạn nứt tư tưởng Đảng ta từ bên trong, trên cơ sở đó chuyển hóa dần Đảng ta từ một đảng mác-xít - lê-nin nít chân chính thành một đảng xã hội - dân chủ kiểu phương Đông.

Không thể chủ quan cho rằng mọi cán bộ, đảng viên của chúng ta đều đã thấm nhuần tư tưởng Mác - Lê-nin - Hồ Chí Minh đến mức có thể miễn dịch đối với tư tưởng xã hội - dân chủ về mặt xã hội - chính trị. Vì vậy, cần vạch rõ những "kênh" qua đó trào lưu xã hội - dân chủ đã và đang xâm nhập vào ta để mọi người cảnh giác.

Một là, có một thời gian khá dài ở ta người ta hay nói về mặt được mà ít nói về mặt trái của các nước Bắc Âu như Na uy, Phần lan, Thụy điển..., nơi mà đảng cầm quyền là đảng của những người xã hội - dân chủ. Điều đó không phải không gây cho nhân dân và cán bộ đảng viên ta một ấn tượng đẹp về mô hình xã hội ở các nước đó. Cho nên, khi chủ nghĩa xã hội hiện thực bị khủng hoảng nghiêm trọng, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, người ta dễ liên tưởng, đối chiếu sự "thất bại" của chủ nghĩa xã hội *mác xít* với sự "thành công" của chủ nghĩa xã hội *dân chủ* trong hiện thực.

Đối với những người vốn đã dao động về tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội mác xít thì đó là mảnh đất tốt cho chủ nghĩa xã hội dân chủ thâm nhập.

Hai là, với nội dung "Á châu hóa", cương lĩnh của những người xã hội - dân chủ không phải không có sức hấp dẫn đối với những người hữu sản, đặc biệt là tầng lớp trí thức tiểu tư sản chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản. Với mục tiêu "quân bình hóa xã hội, tư hữu hóa nhân dân", coi "tiểu tư sản hóa nhân dân" là một hướng đi tất yếu của lịch sử, cương lĩnh trên dù rất không tưởng vẫn có thể đánh lừa được những người trong các tầng lớp xã hội có địa vị kinh tế tương ứng.

Chúng ta đã đọc một số bài viết của một số người có quan điểm đối lập với *Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng cộng sản Việt nam. Các luận điệu của họ thực ra chỉ là những luận điệu xã hội - dân chủ cũ rích từng bị phê phán : "quyền tư hữu là sự phản chiếu trên bình diện kinh tế của tự do và nhân phẩm", hoặc "tự do, độc lập và nhân phẩm trên mảnh đất và ngôi nhà của mình"... Chính từ kết luận của họ - "quyền tư hữu chính là động lực thúc đẩy các lực lượng sản xuất" - đã nảy sinh khuynh hướng đòi tư nhân hóa kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Không chỉ dừng ở chỗ truyền bá những tư tưởng sai lầm nói trên. Cương lĩnh xã hội - dân chủ còn ra sức *cổ vũ những hoạt động bạo loạn, lật đổ* ở các nước xã hội chủ nghĩa : "Phải tạo lập một nhà nước giải phóng nhân dân khỏi sự hạn chế của Đảng ở các nước xã hội chủ nghĩa". "Những người dân chủ xã hội trên thế giới và các tầng lớp tiến bộ phải dùng mọi biện pháp (kể cả những hoạt động tại Liên hợp quốc) để làm áp lực buộc nhà nước cộng sản mở rộng dân chủ cũng như thừa nhận những thành tích dân chủ đạt được trong thực tiễn. Nếu quả thật nhà nước độc tài cộng sản không thể cải thiện nổi thì ta, không có quyền lựa chọn nữa : chỉ có một cách là phải thủ tiêu nó đi, nếu cần bằng bạo lực".

Thật rõ như ban ngày, ý chí của trào lưu xã hội - dân chủ chống chủ nghĩa xã hội mác xít không khác gì của giai cấp tư sản phản động ! Trong khi đối với nhà nước tư sản, nó

Digitized by Google

chỉ chủ trương "xã hội hóa" bằng phương pháp hòa bình, thì đối với nhà nước xã hội chủ nghĩa, nó kêu gọi thẳng thừng phải dùng "nổi loạn của lao động và khản kháng của trí thức" để lật đổ. Thế nhưng, đừng tưởng ai trong chúng ta cũng dễ dàng nhận ra mâu thuẫn đó. Thực tế cho thấy không hiếm kẻ đã bị tư tưởng xã hội dân chủ chi phối, dọa dẫm Nhà nước và Đảng ta bằng những luận điệu tương tự. Họ lập luận theo kiểu hình thức chủ nghĩa : việc phát triển kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường là phát triển chủ nghĩa tư bản, mà đã phát triển chủ nghĩa tư bản thì không thể dung hòa được với việc trên kiến trúc thượng tầng vẫn là nhà nước của một giai cấp và do một đảng độc tôn lãnh đạo. Bất chấp thực tế lịch sử họ muốn mọi người *đồng nhất* một cách sai lầm dân chủ với chế độ đa đảng, độc tài với chế độ một đảng. Bằng cách đó, họ hy vọng có thể làm nhân dân đối lập với Đảng cộng sản Việt nam, với Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, làm nhân dân không chấp nhận nhà nước hiện nay là của mình, vì mình và do mình nữa.

Ba là, trong khi khai thác đặc thù văn hóa phương Đông, những người truyền bá tư tưởng xã hội - dân chủ thường lợi dụng các giá trị triết học phương Đông, các danh nhân châu Á như Khổng Tử, Găng-đi... để tô son trát phấn cho nền dân chủ tư sản, chống lại chuyên chính vô sản và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Người ta nói đến chữ "hòa" của Nho học, đến thuyết "bất bạo động" của Găng-đi, đến tư tưởng "tam giáo đồng nguyên", "các tôn giáo hòa đồng" của Trung quốc, của Ấn độ, bất chấp điều kiện lịch sử. Họ muốn chứng minh cho sự không tồn tại của đấu tranh giai cấp ở phương Đông, và muốn mọi người tin về "sự phi lý" của những người cộng sản đã du nhập học thuyết đấu tranh giai cấp ngoại lai vào Việt nam. Họ lên án bạo lực cách mạng, chuyên chính cách mạng ; cố tình đồng nhất bạo lực, chuyên chính với "cái ác", lờ đi sự khác nhau *căn bản* giữa bạo lực *cách mạng,* chuyên chính *cách mạng* của tuyệt đại đa số nhân dân bị áp bức bóc lột với bạo lực *phản cách mạng,* chuyên chính *phản cách mạng* của một nhúm kẻ đi áp bức bóc lột. Họ tưởng người ta quên rằng ngay kinh, sách của các tôn giáo cũng không thiếu trường hợp nêu rõ cần trừng trị những kẻ áp bức nhân dân, phạm tội ác đối với xã hội. Trong khi không nói gì đến tội ác tày trời của không ít chính quyền tư sản thì họ lại ra sức thổi phồng một số sai lầm khó tránh khỏi trong thời kỳ đầu sau cách mạng ở một số nước xã hội chủ nghĩa (như ở Liên xô dưới thời Xta-lin). Họ cố chứng minh đó không phải là sai lầm nhất thời mà là bản chất của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Bốn là, đề cao trí thức, văn nghệ sĩ, coi họ là người thực hiện "sứ mệnh lịch sử của chủ nghĩa xã hội dân chủ" là "xây dựng tổng hợp đề lịch sử, kiến tạo một xã hội quân bình và một con người toàn diện", thay thế cho các giai đoạn "chính đề lịch sử" (chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cá nhân) và "phản đề lịch sử" (chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tập thể). "Con người toàn diện", theo họ, là "một thực thể tiềm ẩn, một thành phần nội hàm riêng biệt và một thành phần tổng quan với xã hội". Họ phê phán chủ nghĩa cộng sản không quan tâm đến "con người nội tâm". Họ khẳng định chỉ chủ nghĩa xã hội - dân chủ mới công nhận và phát triển "con người nội tâm". Theo họ, định luật chính của cuộc sống vẫn là định luật phát triển tinh thần. Chính trí thức, văn nghệ sĩ là lực lượng có ý thức và nhạy bén về nỗi đè nén của "con người nội tâm". Do đó, trong cuộc đấu tranh chống cộng sản, trí thức, văn nghệ sĩ là "chất", là "phẩm", đóng vai trò lãnh đạo ; còn quần chúng lao động bình thường chỉ là "lượng" của cuộc đấu tranh đó.

Digitized by Google

Để cổ vũ trí thức, văn nghệ sĩ chống lại chế độ mà nhân dân ta phải đổ bao xương máu mới xây dựng nên, chủ nghĩa xã hội - dân chủ nêu nguyên tắc "hỗ tương" giữa văn nghệ và chính trị, kinh tế, trong đó văn nghệ không chịu sự chi phối của chính trị, kinh tế, bởi nó là "khu vực tự trị" với những nguyên lý độc lập. Nó có thể đề cao chính trị, kinh tế, mà cũng có quyền định hướng đi cho chính trị, kinh tế. "Văn nghệ có thể tương sinh với chính trị nhưng cũng có thể tương khắc".

Chủ nghĩa xã hội dân chủ rốt cuộc cũng không che giấu ý đồ coi văn nghệ là "một khí giới đấu tranh" chống chủ nghĩa cộng sản. Nó tâng giới trí thức, văn nghệ sĩ lên "đẳng cấp sĩ phu lãnh đạo xã hội, giáo hóa nhân dân, đại diện xứng đáng cho giai đoạn tổng hợp đề lịch sử". Ý tưởng đó thể hiện khá rõ trong nhiều luận văn có chất liệu "cương lĩnh chính trị" của một số người chống đối Đảng ta, tự cho mình là "thất phu hữu trách", là đại diện cho trí tuệ mới trong thời đại tin học chống lại "hủ nho, hủ Mác".

Điều vô cùng nguy hiểm là có một số cán bộ, đảng viên vốn không phải ở trận tuyến đối lập với quan điểm đường lối của Đảng, song từ những điểm vừa nêu, họ có thể bị chủ nghĩa xã hội - dân chủ tiêm vào tư duy yếu tố phi mác xít, và đến mức nào đó, tư tưởng và hành vi của họ sẽ không còn là cộng sản mà là xã hội - dân chủ. Đấy cũng là điều mà những kẻ thực hành chiến lược "diễn biến hòa bình" hy vọng. Tuy nhiên, phần lớn các thế lực phản động không thể kiên nhẫn ngồi chờ cho đến khi tình huống trên diễn ra. Vì vậy, cùng với chiến lược "diễn biến hòa bình", chúng còn tính tới tổ chức bạo loạn lật đổ. Nhưng để có môi trường chính trị thuận lợi cho hành động đó, chúng không thể không nghĩ cách chuyển hóa đội ngũ cách mạng từ bên trong. Do đó, một phương sách của các thế lực thù địch là ra sức sử dụng trào lưu xã hội - dân chủ, khuyến khích các "lý thuyết gia" chống chủ nghĩa xã hội mác xít "sáng tạo" lý luận sao cho hợp tâm lý, tình cảm của những cán bộ, đảng viên vốn mang trong mình truyền thống kiên cường bất khuất và lòng nhân ái vị tha, nhưng lại có điểm nhược do thành phần xuất thân : đa số đều là tiểu tư sản, mà tiểu tư sản thì tính kiên định xã hội chủ nghĩa chưa đủ cơ sở vững chắc. Hơn nữa, đất nước lại đang trong quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, tuy có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng còn ở giai đoạn sơ khai. Nhận xét sau đây của Lê-nin về thái độ của quần chúng tiểu tư sản ở Nga đối với chủ nghĩa xã hội thật đáng để chúng ta ngẫm nghĩ : "Nước Nga là một nước tiểu tư sản hơn những nước Tây Âu nhiều. Cho nên người ta đặc biệt hay thấy xuất hiện ở nước ta những nhân vật, những tập đoàn, những trào lưu, có thái độ mâu thuẫn, do dự và dao động (...) đối với chủ nghĩa xã hội, thái độ vốn có của mọi tầng lớp tiểu tư sản" (5).

Điều cần nhận rõ là chủ nghĩa xã hội - dân chủ tuy hợp với khẩu vị của một số tầng lớp tiểu tư sản, nhưng nếu đưa vào Việt nam nguyên xi hệ thống quan điểm như ở phương Tây thì cũng khó thuyết phục, nhất là đối với những người ít nhiều đã hiểu biết về những gay cấn xã hội của các nước Âu, Mỹ và sự bất lực của các đảng xã hội - dân chủ ở đó. Cho nên, dù lợi dụng được những bất lợi do sự khó khăn còn lâu dài về kinh tế xã hội để chống Đảng ta, các thế lực thù địch khi đưa chủ nghĩa xã hội - dân chủ vào nước ta đều tìm mọi cách biến đổi nó, tạo nên mùi vị sao cho thật hợp với tâm trạng của những người dao động về hệ tư tưởng. Xin hãy cảnh giác ! ❑

(5) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, t 20, tr 358

Digitized by Google

ĐÔI ĐIỀU RÚT RA TỪ CÔNG TY SỨ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

VŨ SỬU *

CÔNG ty sứ kỹ thuật Hoàng liên sơn (trước đây là nhà máy sứ Hoàng liên sơn) được xây dựng từ đầu năm 1980 theo Quyết định 38/TTg của Thủ tướng chính phủ. Quy trình công nghệ sản xuất sứ gồm : gia công nguyên liệu, tạo hình sản phẩm và nung sản phẩm. Công suất thiết kế ban đầu của Công ty là 720 tấn sản phẩm/năm, cơ cấu sản phẩm gồm 370 tấn sứ dân dụng và 350 tấn sứ cách điện các loại. Nhà máy đi vào sản xuất từ năm 1984, nhưng gần mười năm sau cũng mới sử dụng được chưa đầy 30% công suất thiết kế. Thời điểm cao nhất sản xuất được 250 tấn sản phẩm/năm.

Khi nền kinh tế nước ta chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường, Công ty gặp nhiều khó khăn, thậm chí có nguy cơ phải giải thể. Nhưng bắt đầu từ năm 1993 trở lại đây, Công ty đã từng bước vươn lên đạt một số kết quả quan trọng, nhờ đó đã đứng vững và ngày càng phát triển. Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty trong những năm vừa qua như sau :

Năm	Sản lượng sứ (tấn)	Doanh thu (tỉ đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Thu nhập bình quân đầu người/tháng (ngàn đồng)
1993	291	5,9	350	270
1994	666	9,5	580	470
1995	1000	18,0	1100	650

Chất lượng sản phẩm của Công ty được nâng lên, sản phẩm cũng ngày càng đa dạng. Từ chỗ chỉ có 10 loại sản phẩm, đến nay Công ty đã sản xuất được trên 30 loại sản phẩm khác nhau, đáp ứng được nhu cầu của thị trường và giữ được uy tín với khách hàng. Công ty đã bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định cho 250 lao động, đồng thời còn tạo việc làm cho hàng trăm lao động khai thác nguyên liệu, sản xuất phụ kiện cơ khí của sứ điện... Đời sống văn hóa, tinh thần, bảo vệ sức khỏe, vệ sinh công nghiệp của công nhân được Công ty chăm lo tốt hơn, làm cho họ ngày càng phấn khởi, gắn bó với công việc.

Những thành tích trên đây là kết quả của cả một quá trình phấn đấu bền bỉ và gian khổ của tập thể lãnh đạo và công nhân Công ty. Qua theo dõi, tìm hiểu thực tế ở Công ty, chúng tôi rút ra một vài kinh nghiệm thành công của Công ty trong mấy năm qua như sau :

Một là : Sắp xếp một bước công tác quản lý nội bộ, tập trung vốn đầu tư có trọng điểm vào việc đổi mới thiết bị công nghệ. Đây là khâu quyết định nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, giữ uy tín với khách hàng.

Trong cơ chế bao cấp, việc tổ chức sản xuất của Công ty là do nhà nước lo từ đầu đến cuối, sản xuất sản phẩm gì, số lượng bao nhiêu, bán cho ai đều do cấp trên quy định. Công tác quản lý tài chính thực hiện hạch toán chung toàn Công ty (không áp dụng chế độ hạch toán nội bộ từng phân xưởng), phân phối kết quả lao động hực hiện theo kiểu định mức bình quân, do đó đã triệt tiêu động lực kích thích sản xuất phát triển, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và nâng cao năng suất lao động. Tình hình trên kéo dài nhiều năm đã làm cho sản xuất kinh doanh củ· Công ty trì trệ, các nguồn lực sản xuất bị tiêu hao và thất thoát lớn, kinh doanh thua lỗ, đời sông của người lao động không bảo đảm (năm 1991 Công ty phải giải quyết cho hàng trăm lao động nghỉ việc theo "chế độ 176"). Vì vậy có nhiều ý kiến cho rằng nên dẹp bỏ Công ty sứ...

Đứng trước tình hình đó, ban lãnh đạo của Công ty đã nghiêm túc phân tích nguyên nhân của những khó khăn, thuận lợi vừa qua. Tỉnh và các ngành, các cấp đã tích cực ủng hộ, tạo điều kiện để Công ty mạnh dạn xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh sử dụng có hiệu quả các yếu tố kỹ thuật - tài chính và nguồn nhân lực hiện có. Trước hết Công ty đã thực hiện phân

* Trưởng ban kinh tế tỉnh ủy Yên bái

Digitized by Google

công, phân cấp gắn với trách nhiệm cá nhân một cách chặt chẽ, đồng thời tổ chức lại bộ máy gián tiếp, các phòng nghiệp vụ chuyên môn từ 4 cấp xuống còn 3 cấp : công ty - xí nghiệp sản xuất - tổ sản xuất. Xí nghiệp thực hiện hạch toán nội bộ đối với 10 tổ sản xuất. Hệ thống đơn giá, định mức lao động, vật tư, toàn bộ các chi phí trực tiếp và gián tiếp được tính toán khá chi tiết, đầy đủ và công khai, làm cơ sở cho việc thực hiện hạch toán chi phí nội bộ. Từ khi tiến hành hạch toán chi phí nội bộ các xí nghiệp và đơn vị trực thuộc Công ty đã thực sự phát huy tinh thần chủ động và tự chịu trách nhiệm, tự bù đắp chi phí, tận dụng và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Các xí nghiệp đã tiến hành khoán sản phẩm cho người lao động. Người chăm chỉ làm việc có nhiều sản phẩm chất lượng cao thì được thưởng, người làm không tốt thì kịp thời nhắc nhở phê bình và bị trừ lương cắt thưởng. Do đó không khí làm việc trong Công ty đã thực sự sôi động và có hiệu quả.

Muốn nâng cao chất lượng, số lượng và giá trị của sản phẩm, tăng sức cạnh tranh đối với các sản phẩm sứ nhập ngoại, Công ty xác định phải đổi mới thiết bị và công nghệ. Trong những năm 1990 - 1991, Công ty đã chú ý đầu tư mở rộng một bước dây chuyền sản xuất nhưng chỉ mới chú trọng đến công đoạn gia công và công đoạn tạo hình sản phẩm. Trong khi đó nung là khâu quyết định thì thiết bị lại quá lạc hậu cũ kỹ, thường xuyên phải ngừng để sửa chữa. Do đổi mới kỹ thuật chưa đồng bộ nên tỷ lệ sản phẩm đạt tiêu chuẩn có lúc chỉ đạt 57%. Đứng trước thực trạng đó, Công ty đã mạnh dạn vay 15 tỉ đồng tín dụng dài hạn để đầu tư mua mới một số thiết bị chuyên dùng và lắp đặt lò nung hiện đại (có thể nói đây là một trong những hệ thống thiết bị công nghệ hiện đại nhất so với các cơ sở sản xuất gốm sứ hiện có tại Việt nam). Nhờ có hệ thống công nghệ hiện đại này, Công ty sứ Hoàng liên sơn đã sản xuất được sản phẩm có cấp điện áp 110 KV (trước đây chỉ sản xuất được sản phẩm có cấp điện áp dưới 35 KV), chất lượng sản phẩm tăng lên rõ rệt, sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc gia chiếm 99% trở lên. Tại Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp quốc tế tổ chức ở Hà nội năm 1994, Công ty đã được tặng 4 huy chương vàng và năm 1995 được tặng 5 huy chương vàng về chất lượng sản phẩm.

Trong công tác tiếp thị, Công ty đã có những đổi mới quan trọng, nhất là đổi mới phương thức tiêu thụ sản phẩm cho phù hợp nhu cầu của khách hàng. Hiện nay thị trường tiêu thụ của Công ty đã được tổ chức ở cả ba vùng Bắc - Trung - Nam, và ở mỗi vùng đều có văn phòng đại diện làm công tác tiếp thị. Công ty thực hiện việc giao hàng tại kho cho khách hàng, giao hàng theo phương thức trả chậm, trả góp và có bảo hành chất lượng sản phẩm từ 6 tháng đến 1 năm, thậm chí 2 năm... Nhờ đó mà thị trường của sản phẩm sứ Hoàng liên sơn không ngừng được mở rộng, uy tín của Công ty ngày một tăng. Từ chỗ năm 1993 mới có 47 khách hàng, năm 1994 có 56 khách hàng, thì năm 1995 số khách hàng của Công ty đã lên đến 182. Không những mở rộng được thị trường trong nước mà sản phẩm sứ của Công ty đã vươn ra thị trường nước ngoài như Đài loan, Lào và sắp tới xuất sang Nhật bản.

Hai là : Làm tốt công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng, đào tạo nhân lực, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Tập thể lãnh đạo Công ty có chung một quan điểm về công tác tổ chức cán bộ, coi đây là nguyên nhân của mọi thành công trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Công ty. Thực hiện "chiến lược con người", ngoài việc sử dụng tốt đội ngũ cán bộ hiện có, Công ty còn đặc biệt chú ý đến việc đào tạo, xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư và đội ngũ công nhân lành nghề (nhất là thợ bậc cao) hợp lý, khắc phục được tình trạng thầy nhiều hơn thợ. Để có đội ngũ này Công ty đã chủ trương dành kinh phí thích đáng cho việc đào tạo cán bộ, công nhân theo phương thức chính quy và tại chỗ.

Mấu chốt quyết định sự đổi mới quy trình công nghệ là sức sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công nhân, kỹ thuật giỏi, có trình độ nghiên cứu phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Để sử dụng có hiệu quả đội ngũ này, Công ty đã chia thành hai nhóm : nhóm nghiên cứu phát triển và quản lý nghiệp vụ ; nhóm quản lý công nghệ sản xuất,

Digitized by Google

trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất. Công ty chú ý gắn trách nhiệm cá nhân với hưởng thụ trên kết quả lao động sáng tạo của mỗi người. Nhờ đó, trong hai năm 1994 - 1995 toàn Công ty đã có 36 sáng kiến có giá trị, làm lợi 1,7 tỉ đồng, Công ty đã trích thưởng các sáng kiến hơn 115 triệu đồng.

Mỗi năm Công ty đã đầu tư hơn 430 triệu đồng cho việc cải thiện điều kiện làm việc và bảo đảm sức khỏe cho công nhân như : chống nóng, lọc bụi, bảo đảm đủ ánh sáng, thông gió, cải cách hệ thống vận chuyển nội bộ từ thủ công lên cơ giới, tổ chức bồi dưỡng ca ba, có nước giải khát mùa hè (không thu tiền), trang bị đủ quần áo lao động hai mùa (mỗi mùa 2 bộ), thường xuyên tổ chức khám chữa bệnh, hằng năm tổ chức cho 2/3 số công nhân đi nghỉ mát và tham quan du lịch trong nước. Mức thu nhập của công nhân ở Công ty ngày một tăng và ổn định. Thực tiễn vừa qua cho thấy việc tăng mức thưởng thông qua con đường phúc lợi cải thiện điều kiện sống và làm việc cho công nhân là yếu tố quyết định năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất của Công ty sứ Hoàng liên sơn.

Ba là : Kết hợp chặt chẽ sự lãnh đạo của đảng ủy với công tác quản lý, điều hành của ban giám đốc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn đảng bộ, và vai trò của các đoàn thể quần chúng trong Công ty, hướng tất cả vào mục tiêu : năng suất - chất lượng - hiệu quả và nâng cao thu nhập của người lao động.

Nhân tố có ý nghĩa quyết định sự thành công của Công ty trong công cuộc đổi mới, đưa Công ty vượt qua những thử thách hiểm nghèo của thời kỳ chuyển đổi cơ chế, và vững vàng đi lên trong cơ chế mới như hôm nay chính là nhờ có vai trò lãnh đạo của đảng bộ và một tập thể cán bộ đảng viên có bản lĩnh vững vàng, có trí tuệ và dám nghĩ, dám làm.

Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và xử lý nhanh nhạy những vấn đề phát sinh trong sản xuất kinh doanh, Công ty đã áp dụng mô hình bí thư kiêm giám đốc, phó bí thư trực chuyên lo công tác Đảng. Hơn 3 năm thực hiện, mô hình này đã thực sự phát huy ưu thế về sự phối hợp giữa chức năng nhiệm vụ của giám đốc và bí thư đảng ủy. Đảng ủy đã tập trung xây dựng quy chế hoạt động trên nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, có hiệu quả. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi hoạt động của mình. Bí thư đảng ủy kiêm giám đốc Công ty theo tôi, là mô hình tối ưu để phát huy tài năng sáng tạo, dám nghĩ dám làm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước về phát triển sản xuất, nâng cao mức thu nhập gắn liền với việc chăm lo đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ ; chăm lo công tác phát triển đảng. Sức sống và cũng là nét mới trong sinh hoạt đảng ở Công ty là luôn luôn lấy tự phê bình và phê bình làm vũ khí đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, tham ô lãng phí, bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và sự đoàn kết nhất trí giữa đảng viên và quần chúng. Đây chính là nguyên nhân, sức mạnh tạo nên những thắng lợi mới của Công ty trong những năm qua. Để không ngừng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên, đảng ủy Công ty đã tổ chức, động viên và có chế độ cụ thể bồi dưỡng trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật và quản lý cho từng đối tượng cán bộ. Đến nay 100% số đảng viên đã học qua chương trình lý luận cơ sở, 90% số cấp ủy viên có trình độ đại học, 75% có trình độ lý luận trung, cao cấp.

Hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong Công ty có sự đổi mới về nội dung và hình thức. Nổi bật nhất là hoạt động của công đoàn đã góp phần quan trọng trong việc đổi mới của Công ty. Nội dung sinh hoạt của công đoàn không những bám sát mục tiêu sản xuất, kinh doanh của Công ty trong từng thời gian cụ thể để kịp thời giáo dục, động viên cán bộ, đoàn viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, mà còn chủ động đề xuất với đảng ủy và ban giám đốc nhiều biện pháp thiết thực, phối hợp cùng Công ty giải quyết những vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và nâng cao thu nhập cho người lao động ❑

Digitized by Google

Công tác trật tự trị an trong vùng công giáo ở Xuân thủy

ĐOÀN NAM ĐÀN *

HUYỆN Xuân thủy (Nam hà) có 360 nghìn dân thì 1/3 theo đạo Thiên chúa. Trong huyện có 29 xứ đạo, 116 nhà thờ họ, 12 dòng tu (gồm 500 tu sĩ), 1 giám mục, 5 linh mục.

Hiện nay ở Xuân thủy có 145 ban hành giáo (gồm 332 người) hoạt động trong "Hội đồng giáo xứ", "tông đồ", "thừa phái viên" để điều hành các công việc của xứ, họ. Toàn huyện có 700 hội đoàn thu hút 20 nghìn giáo dân tham gia. Nhiều hội được củng cố, thành lập và phát triển : Hội nữ lưu, Hội túng nẻ, Hội giới trẻ, Hội tu đời, Hội con đức mẹ v.v. Các tổ chức công giáo có nhiều hình thức hoạt động đa dạng, thu hút được quần chúng. Ngoài các hình thức hoạt động tín ngưỡng, các tổ chức công giáo còn mở rộng việc hoạt động trên các lĩnh vực khác như y tế, giáo dục, từ thiện, dạy nghề v. v.. Các nhà thờ cũng được sửa chữa, nâng cấp, mua sắm thêm trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu lễ hội phù hợp với từng lứa tuổi, giới tính, hình thức, quy mô sinh hoạt.

Nói chung, hoạt động tín ngưỡng của giáo dân, của các tổ chức công giáo ở huyện Xuân thủy phù hợp với hiến pháp, pháp luật của Nhà nước ta, nhằm mục đích "tốt đời, đẹp đạo", cùng nhau đoàn kết xây dựng đất nước giàu mạnh, công bằng, văn minh. Tuy nhiên, trong các hình thức hoạt động tín ngưỡng rất đa dạng của giáo dân không thể tránh khỏi những mặt hạn chế, tiêu cực. Trong tình hình "mở cửa", các phần tử phản động, các thế lực thù địch vẫn lợi dụng các hoạt động của giáo dân và tổ chức công giáo để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình". Mục đích của họ là gây chia rẽ, làm mất đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương giáo, gây biến động về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Nhận thức rõ đặc điểm, tình hình dân cư và những phức tạp trong hoạt động tín ngưỡng của giáo dân, đảng bộ huyện Xuân thủy luôn luôn gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đảng bộ xác định phải dựa vào quần chúng giáo dân, coi đây là nhân tố quyết định trong việc bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn dân cư công giáo. Huyện ủy đã tiến hành khảo sát, đánh giá tình hình trật tự, trị an trong toàn huyện. Trên cơ sở đó, huyện ủy giao cho các ban, ngành chức năng như Ban tổ chức, Ban tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Công an, Ban chỉ huy quân sự... đi sâu khảo sát đánh giá tình hình theo từng chuyên đề, đề ra những giải pháp phù hợp. Huyện đã tổ chức cho những người có chức vụ trong giáo hội, trong các ban hành giáo ở cơ sở nghiên cứu, quán triệt Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình hiện nay, trên cơ sở đó các tổ chức công giáo xây dựng quy ước sinh hoạt phù hợp với hiến pháp, pháp luật và các quy định của Nhà nước ta.

Đảng bộ đã phát động phong trào xây dựng mô hình tự quản làm cơ sở cho việc xây dựng gia đình, xây dựng xứ, họ an toàn. Đến nay, toàn huyện có 146 tổ tự quản ở các xứ đạo, có 2 giáo sĩ, 49 ban trùm tham gia. Hàng tháng tổ tự quản sinh hoạt, phổ biến các chủ

* Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với mọi người dân. Thông qua đó, cấp ủy, chính quyền nắm bắt được nhận thức, những khâu vướng mắc và tâm tư, tình cảm của nhân dân để có hướng giải thích và biện pháp giải quyết kịp thời. Qua việc xây dựng mô hình tự quản, quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân ở cơ sở được phát huy, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển tốt. Để xây dựng gia đình, xứ, họ an toàn, cấp ủy, chính quyền nhiều xã đã kết hợp cùng với từng xứ, từng họ, ban hành giáo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng giáo dân tự giác thực hiện các quy định, quy ước về tôn giáo. Cấp ủy, chính quyền địa phương còn vận động và tổ chức cho giáo dân tham gia thảo luận các tiêu chuẩn xây dựng họ đạo an toàn, viết đăng ký gửi chính quyền, mặt trận tổ quốc xã. Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở luôn chú trọng công tác vận động các giáo sĩ, chức sắc tôn giáo, coi đây là việc làm rất cần thiết, vì làm tốt công tác đó sẽ có tác động tốt tới giáo dân. Nhân dịp các ngày lễ, tết, đảng ủy, chính quyền các xã đã chủ động gặp gỡ, thăm hỏi các chức sắc tôn giáo, tặng quà, động viên, trao đổi, nhắc nhở họ làm tốt việc đời, việc đạo. Đặc biệt, trong đợt thực hiện chỉ thị 135/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ), chính quyền các cấp đã động viên các chức sắc tôn giáo, cùng giáo dân tích cực tham gia phong trào quần chúng tấn công, trấn áp tội phạm. Vì vậy, ở các buổi lễ, thông qua tòa giảng, từ giám mục tới các giáo sĩ đều thông báo tinh thần nội dung "chiến dịch 135", nhắc nhở giáo dân nêu cao tinh thần cảnh giác, phát hiện tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Bằng sự kiên trì, kết hợp đồng bộ các biện pháp tuyên truyền, vận động quần chúng, đảng bộ huyện Xuân thủy đã duy trì, thực hiện tốt chính sách đoàn kết tôn giáo, làm cho đồng bào ngày càng hiểu rõ hơn chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tự do tín ngưỡng.

Đảng bộ huyện Xuân thủy đã xác định yếu tố quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trật tự an toàn xã hội là tập trung đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của giáo dân. Từ năm 1991 đến nay, Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo việc sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là giải quyết lương thực, thực phẩm nhằm ổn định đời sống nhân dân. Huyện đã chỉ đạo đồng bộ các biện pháp đổi mới công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp, các biện pháp thâm canh, tăng vụ, đổi mới cơ cấu giống, chất lượng giống, làm tốt công tác thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh. Vì vậy, sản xuất nông nghiệp đã có bước phát triển nhanh và khá vững chắc. Năng suất lúa từ trên 7 tấn/ha (năm 1990) nay tăng lên 11,8 tấn/ha. Sản lượng lương thực toàn huyện từ 98 nghìn tấn lên 180 nghìn tấn. Bình quân lương thực đầu người đạt trên 500 kg. Các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, chế biến nông sản, thực phẩm, xây dựng cơ bản, thực hiện chính sách xã hội đều phát triển. Điều đó đã làm cho giáo dân tin vào vai trò lãnh đạo của đảng bộ và chính quyền các cấp, tin vào khoa học kỹ thuật.

Bên cạnh việc chăm lo đẩy mạnh sản xuất, Huyện ủy đã chỉ đạo các ngành, các cấp chú trọng phát triển y tế, văn hóa, giáo dục. Mấy năm qua, Xuân thủy đã củng cố và xây dựng thêm 14 trạm y tế với trên 130 giường bệnh ; xây dựng mới 10 trường học với 116 lớp ; mua sắm các trang thiết bị y tế, dụng cụ học tập, với tổng kinh phí trên 2 tỉ đồng. Huyện đã chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với việc xây dựng nông thôn mới ; đã làm trên 200km đường dây điện hạ thế với tổng kinh phí trên 35 tỉ đồng. Đến nay, 100% số xã trong huyện đã có điện. Đường giao thông nông thôn được cải tạo, nâng cấp. Trong 3 năm qua, đảng bộ thường xuyên chăm lo tới công tác xóa đói giảm nghèo ; đầu tư trên 1 tỉ

Digitized by Google

đồng để giải quyết việc làm, và cho các hộ nông dân nghèo ở vùng công giáo vay hàng trăm triệu đồng để kinh doanh, sản xuất, nhằm ổn định đời sống.

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân, Huyện ủy tăng cường chỉ đạo phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các ngành, và đoàn thể đã tổ chức hơn 300 cuộc họp với 9 785 lượt giáo dân tham gia học tập nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về công tác tôn giáo, về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thông qua đó trình độ nhận thức của quần chúng giáo dân được nâng cao. Đồng bào đã cung cấp cho công an và chính quyền địa phương hàng trăm nguồn tin có giá trị, giúp cho chính quyền xử lý nhiều vụ vi phạm quy ước tôn giáo, triệt phá nhiều ổ nhóm trộm cắp, vận động nhiều đối tượng phạm tội ra tự thú, đưa 24 đối tượng đi cai nghiện ma túy và tự giáo dân đã hòa giải 127 vụ mâu thuẫn trong nội bộ. Những vụ phạm pháp ở các xã vùng công giáo ngày càng giảm, nhiều năm không để xảy ra trọng án. Đến nay, lực lượng an ninh cơ sở toàn huyện có 86 người là gốc giáo, gần 200 giáo dân là đại biểu hội đồng nhân dân hoặc tham gia chính quyền xã, thị trấn. Trong những năm qua, quần chúng giáo dân đã đóng góp hàng chục triệu đồng cho quỹ khen thưởng "vì an ninh quê hương" ; 26 lượt giáo dân đạt thành tích được khen thưởng trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc ; 41 xứ, họ được công nhận là "xứ, họ an toàn" ; hàng nghìn hộ giáo dân được công nhận là "gia đình hòa thuận".

Thực tế cho thấy, phong trào bảo vệ chính trị, trật tự an toàn xã hội chỉ có thể phát triển mạnh khi chú trọng các mặt : tuyên truyền thuyết phục, xóa bỏ mặc cảm, thành kiến ; chọn người giao việc ; đưa những giáo dân có trình độ tham gia công tác quản lý...

Các tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc đã từng bước đổi mới phong cách lãnh đạo và quan hệ với các chức sắc tôn giáo và giáo dân. Các đồng chí lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp đã dành nhiều thời gian gặp gỡ trao đổi ý kiến với giám mục, linh mục, giáo sĩ, giáo dân, thăm hỏi, động viên, khích lệ những việc làm tốt, nhắc nhở những thiếu sót, tạo điều kiện thuận lợi để giáo sĩ và tổ chức tôn giáo hoạt động theo pháp luật. Trong các dịp lễ lớn của địa phận, xứ, họ, chính quyền cấp huyện, xã đã giải quyết kịp thời việc xin rước lễ vừa long trọng, tiết kiệm, an toàn, vừa đúng quy ước tôn giáo. Mặt trận Tổ quốc đã tổ chức cho các linh mục, ban đại diện giáo phái trong huyện thăm hỏi nhau, viếng linh mục, tăng ni qua đời. Huyện cũng đã tổ chức, tạo điều kiện cho các giáo sĩ đi tham quan thành tựu kinh tế, khoa học kỹ thuật, các công trình lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh của đất nước, tạo sự gần gũi giữa giáo sĩ và chính quyền, khơi dậy lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc và tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các tôn giáo với nhau, giữa các chức sắc tôn giáo với tổ chức đảng và chính quyền. Huyện đã từng bước hướng dẫn giáo sĩ tham gia các hoạt động xã hội như : phong trào tiết kiệm, đẩy mạnh sản xuất, xóa đói giảm nghèo, kế hoạch hóa gia đình, giải quyết tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa và các hoạt động từ thiện v.v..

Huyện cũng rất chú trọng chăm lo xây dựng cơ sở chính trị vùng giáo, coi việc xác định hệ thống chính trị mạnh là yếu tố quan trọng hàng đầu để thực hiện tốt công tác bảo vệ trật tự, trị an. Đảng bộ đã tập trung xây dựng đảng bộ, chi bộ "trong sạch vững mạnh", giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Đảng bộ các cấp đã kiện toàn các chi bộ vùng giáo phù hợp với quy mô thôn xóm. Mấy năm qua, số đảng viên là giáo dân tham gia cấp ủy tăng. Những đảng viên có uy tín, có năng lực được đưa vào giữ các chức vụ chủ chốt ở cơ sở như bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng xóm. Công tác giáo dục, quản lý đảng viên được

Digitized by Google

tăng cường thông qua việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên phụ trách một việc cụ thể, một số hộ gia đình... Trên cơ sở đó để đánh giá, phân loại đảng viên. Cấp ủy các cấp còn thường xuyên gặp gỡ đảng viên gốc giáo để hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ ; thăm hỏi, giúp đỡ những đảng viên có hoàn cảnh khó khăn ; tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình sống "tốt đời, đẹp đạo". Hằng năm, Huyện ủy tổ chức đều đặn các "hội nghị đảng viên gốc giáo" ở huyện, xã, qua đó nắm bắt tình hình, nhất là xem các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ về tôn giáo vào dân ra sao để có sự phản ánh, điều chỉnh và có kế hoạch vận động giáo dân ngày càng tốt hơn.

Đi đôi với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tạo nguồn phát triển đảng viên, đảng bộ luôn chú trọng công tác kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên, kịp thời xử lý, đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, sa sút ý chí chiến đấu. Đảng bộ thường xuyên chăm lo củng cố, xây dựng tổ chức chính quyền và các đoàn thể, phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy đảng với chính quyền, các đoàn thể trong việc thực hiện công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bằng những cách thức chỉ đạo, hoạt động trên đây, mấy năm qua công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong huyện Xuân thủy nói chung và ở vùng công giáo của huyện nói riêng, được duy trì và ngày càng phát triển. Từ đó Huyện ủy đã rút ra một số kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo công tác này :

1 - Muốn xây dựng và phát triển phong trào quần chúng trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng giáo, phải đánh giá tôn giáo một cách khách quan, toàn diện. Hoạt động tôn giáo là một nhu cầu tinh thần, tình cảm thiêng liêng của quần chúng có đạo. Trong vận động quần chúng vùng giáo phải phân biệt được đâu là hoạt động tôn giáo thuần túy, đâu là hoạt động lợi dụng tôn giáo, phải tin tưởng vào quần chúng giáo dân, giải quyết kịp thời, thỏa đáng những yêu cầu chính đáng của giáo dân.

2 - Bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí, tạo cho nông thôn ngày càng đổi mới thực sự... là yếu tố rất quan trọng làm cho giáo dân gắn bó, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

3 - Giải quyết kịp thời, dứt điểm những mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống đời thường, và những vụ việc vi phạm trật tự, an toàn xã hội, vi phạm luật giáo hội và đạo đức tôn giáo. Lấy họ đạo - một tổ chức sẵn có và khá chặt chẽ của giáo hội làm đơn vị vận động, lấy ban hành giáo và các cụ cao tuổi có uy tín trong họ đạo tham gia công tác vận động, các đảng viên gốc giáo là nhân tố lãnh đạo nòng cốt.

4 - Nâng cao phẩm chất, năng lực cho cán bộ vùng giáo và những người làm công tác tôn giáo. Việc đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ nòng cốt ở cơ sở phải bảo đảm trước mắt và lâu dài ; có chính sách đãi ngộ thiết thực, động viên kịp thời.

5 - Xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa các cấp lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng với các giáo sĩ. Thực sự tôn trọng giáo sĩ, chủ động bàn bạc, tránh định kiến, cửa quyền, xâm phạm tự do tín ngưỡng. Thu hút những người tiến bộ, tích cực vào các tổ chức đoàn thể, để bồi dưỡng họ và thông qua họ để tuyên truyền, vận động giáo dân.

6 - Tăng cường quản lý đối với hoạt động tôn giáo bằng hiến pháp, pháp luật và các văn bản pháp quy cụ thể.

7 - Các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng phải thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và phối hợp hoạt động chặt chẽ. Không thể giao phó công tác này cho một ngành hay một vài cá nhân hoạt động đơn độc ❑

Digitized by Google

TỔNG KHỞI NGHĨA TOÀN DÂN - HÌNH THÁI KHỞI NGHĨA ĐIỂN HÌNH CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

NGUYỄN THANH TÂM *

CÁCH mạng Tháng Tám (1945) của Việt nam là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo giành được thắng lợi đầu tiên ở một nước thuộc địa. Tuy chủ yếu chỉ diễn ra trong tháng 8-1945 nhưng đã trải qua cả một quá trình chuẩn bị rất gian khổ : Cách mạng Tháng Tám được tiến hành bằng cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang của toàn dân, nên hình thái khởi nghĩa chính là tổng khởi nghĩa. Hình thái này diễn ra từ giữa tháng 8-1945 đến đầu tháng 9-1945, là sự kế tục và phát triển cao của một quá trình biện chứng : khởi nghĩa địa phương, khởi nghĩa từng phần, tiến lên tổng khởi nghĩa. Đặc điểm nổi bật của hình thái tổng khởi nghĩa là sự gắn bó chặt chẽ giữa chủ trương của Đảng với hoạt động nổi dậy của nhân dân và thời cơ cách mạng chín muồi.

Đầu tháng 8-1945, ở nước ta, những điều kiện cho tổng khởi nghĩa nổ ra đã đầy đủ. Kẻ thù chính là phát xít Nhật đã lâm vào thế bị động, tinh thần chiến đấu rã rời, co cụm về các thành phố lớn, thị xã, các ngả đường giao thông quan trọng. Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim lập ra từ ngày 17-4-1945, sau gần 4 tháng đóng vai trò bù nhìn, tích cực ủng hộ Nhật trong chính sách cướp bóc, kéo dài ách cai trị, đến ngày 7-8-1945 đã hoàn toàn tan rã. Một bộ phận trong quân đội của bọn phản quốc, một số chỉ huy trong đội quân hoàng gia

* PTS, Phó tổng biên tập Tạp chí Lịch sử Đảng



Lán Nà Lừa (Tuyên quang) nơi Bác Hồ ở và làm việc trước tháng 8-1945

Ảnh : TRẦN THÀNH CÔNG

Digitized by Google

của triều đình Huế, cả một số quan lại cao cấp (khâm sai, tỉnh trưởng...) trong chính quyền bù nhìn và khoảng 400 hàng binh Nhật [1] đã được Việt minh thuyết phục . Đạo quân chính trị - quần chúng cách mạng qua 5 tháng cao trào tiền khởi nghĩa (từ tháng 3 đến tháng 7-1945) đã phát triển "hàng chục triệu đội viên, gồm đủ các tầng lớp sĩ, nông, công, thương, binh" [2] đang sẵn sàng vùng dậy. Lực lượng Việt nam giải phóng quân (sau khi thống nhất các lực lượng vũ trang) đã có 5000 chiến sĩ và hàng vạn tự vệ cứu quốc, du kích chiến đấu. Cán bộ Việt minh, đảng viên cộng sản bám trụ phong trào và số ở tù mới thoát ra ít nhiều được huấn luyện cách thức tổ chức khởi nghĩa vũ trang và số đông được rèn luyện qua cuộc chiến đấu quyết liệt nắm chính quyền từng phần, làm chủ bộ phận. Vùng giải phóng đã được xác lập ở các tỉnh miền núi Việt bắc và lan rộng tới các chiến khu Trần Hưng Đạo (Hải hưng, Quảng ninh, Kiến an). Quang Trung (Ninh bình, Thanh hóa, Hòa bình), các chiến khu ở Quảng ngãi và nhiều nơi khác của cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Ở những nơi đó, chính quyền cách mạng dưới hình thức chủ yếu là Ủy ban nhân dân cách mạng, Ủy ban dân tộc giải phóng làng, xã, huyện, khu được thành lập. Tuy nhiên, trên quy mô toàn quốc chính quyền vẫn nằm trong tay bọn phát xít Nhật và tay sai. Tình thế cách mạng "vẫn đang ở thời kỳ khởi nghĩa từng phần hoặc chuẩn bị chiến tranh du kích" [3].

Bối cảnh thế giới lúc này cũng có nhiều thuận lợi cho tổng khởi nghĩa ở Việt nam. Ngày 8-8-1945, thực hiện đúng cam kết với các nước Đồng minh, chính phủ Liên xô đã tuyên bố chiến tranh với Nhật. Mờ sáng ngày 9-8-1945, 4 cánh quân của Liên xô tấn công tiêu diệt đạo quân Quan đông của Nhật, một đạo quân thiện chiến với hơn 1 triệu quân, 4000 khẩu pháo, hơn 1000 máy bay, đang quyết liệt cố thủ Mãn châu (Trung quốc). Đòn sấm sét này đã làm tan rã ý chí của quân đội Nhật. Ngày 11-8-1945, chính phủ Nhật gửi thông điệp cho Hoa kỳ, Liên xô và các nước Đồng minh chấp nhận đầu hàng vô điều kiện.

Nhờ kiên trì theo dõi, bám sát và phân tích đúng tình hình thế giới, Đảng ta và đồng chí Hồ Chí Minh đã dự báo đúng từ nhiều tháng trước sự kết thúc cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Cơ hội "ngàn năm có một" đã đến để nhân dân Việt nam thực hiện tổng khởi nghĩa giành độc lập dân tộc, giành chính quyền. Nhưng vào khoảnh khắc đó, tình hình còn lắm phức tạp, khó khăn. Nhật bại, một số nước Đồng minh (Mỹ, Anh, Tàu) âm mưu nhảy vào Đông dương để thực hiện chế độ thác quản. Bảo Đại và chính quyền tay sai đã phát tín hiệu tiếp tục làm tay sai cho chủ mới. Theo lệnh của Đờ-gôn, mấy sư đoàn quân Pháp đang trên đường tới gần Đông dương thực hiện mưu đồ xâm lược Việt nam lần thứ hai. Bọn phản động theo Nhật ráo riết vận động để nắm chính quyền. Bọn phản động theo Pháp chuẩn bị ngóc đầu dậy. Nhân dân miền Bắc, miền Trung chưa kịp hồi sức sau nạn đói khủng khiếp cướp đi mạng sống của hai triệu dân ta do Nhật, Pháp gây ra. Mưa lũ nhiều ngày, nhiều quãng đê vỡ, đồng ruộng, đường sá nhiều tỉnh ở Bắc bộ nước ngập trắng xóa.

Vào thời điểm đó, vận mệnh lịch sử của dân tộc sẽ được định đoạt : hoặc dân tộc độc lập, nhân dân thoát khỏi đời nô lệ, hoặc mãi mãi không bao giờ đạt được quyền và nguyện vọng thiêng liêng ấy. Trách nhiệm lịch sử mà cả dân tộc trao cho Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh suốt 15 năm phấn đấu cho đến bây giờ là phải kịp thời và kiên quyết lãnh đạo toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành độc lập, giành chính quyền, thống nhất đất nước trước

(1) Puruta Môtô, Oka Kazuaki : "Từ binh lính quân đội Thiên hoàng đến chiến sĩ Việt minh - Vài nét về những người Nhật bản tham gia Việt minh", *Cách mạng Tháng Tám - một số vấn đề lịch sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1995, tr 314

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 3, tr 379

(3) Trường Chinh : *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt nam*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1975, t 1, tr 236

Digitized by Google

khi quân Pháp chưa kịp trở tay, trước khi quân Anh, Mỹ và quân Quốc dân đảng Trung hoa vào Đông dương thực hiện những mưu đồ riêng rất thâm độc của chúng. Đảng ta, nhân dân ta đã chủ động, khẩn trương, tự lực tự cường tiến hành cuộc chạy đua lịch sử. Thời khắc cuộc chạy đua được bắt đầu từ Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-8) và Đại hội quốc dân Việt nam ở Tân trào (Tuyên quang). Với nhận định sáng suốt là điều kiện cho tổng khởi nghĩa đã chín muồi, "cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới" (4), Trung ương Đảng - Bộ tham mưu của toàn Đảng và vị tư lệnh cách mạng Việt nam - lãnh tụ Hồ Chí Minh đã quyết định *chuyển hình thái khởi nghĩa từng phần giành chính quyền bộ phận sang ngay hình thái tổng khởi nghĩa giành toàn bộ chính quyền cả nước*. Phương châm duy nhất của tổng khởi nghĩa là : *tập trung, thống nhất, kịp thời,* đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay thôn quê, và thành lập ngay chính quyền dưới hình thức Ủy ban nhân dân ở những tỉnh, thành phố do cách mạng làm chủ. 12 giờ trưa ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng nhận được tin Nhật chấp nhận đầu hàng Đồng minh. Lập tức, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp đã cử ra *Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc* và Lời kêu gọi của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được soạn thảo. Đêm 13-8, *Quân lệnh số 1* (Lệnh tổng khởi nghĩa) phát đi kịp thời, kêu gọi quân, dân toàn quốc tiến hành tổng khởi nghĩa. Thể hiện ý chí, nguyện vọng của 25 triệu đồng bào, Đại hội quốc dân trong buổi họp đầu tiên đã nhất trí tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng. Ủy ban dân tộc giải phóng (tức Chính phủ lâm thời) được thành lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Từ ngày 14 đến ngày 18-8-1945, phần lớn xã, huyện còn lại của 5 tỉnh trong *Khu giải phóng* (trừ Hà giang), các tỉnh Yên bái, Phú thọ, Bắc giang, Vĩnh yên, Phúc yên, Bắc ninh, Thái bình (Bắc bộ) ; Thanh hóa, Nghệ an, Hà tĩnh, Quảng ngãi, Khánh hòa (Trung bộ) ; Mỹ tho, Sa đéc (Nam bộ) đã tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Các tỉnh ly : Bắc giang, Hải dương, Hà tĩnh, Quảng nam, Quảng ngãi giành được chính quyền đầu tiên.

Ngày 19-8, tổng khởi nghĩa ở Hà nội thắng lợi dưới hình thức biểu tình tuần hành vũ trang của năm chục vạn nhân dân nội thành, ngoại thành, đánh dấu bước ngoặt phát triển nhanh chóng của làn sóng tổng khởi nghĩa. Trong 4 ngày sau đó, làn sóng tổng khởi nghĩa liên tiếp quật đổ chính quyền địch ở 17 tỉnh ly : Yên bái, Thái bình, Phúc yên, Thanh hóa, Khánh hòa (19-8) ; Bắc ninh, Thái nguyên, Ninh bình (20-8) ; Cao bằng, Tuyên quang, Bắc cạn, Sơn tây, Nam định, Kiến an, Nghệ an, Ninh thuận (21-8) và Hưng yên (22-8).

Ngày 23-8-1945, 15 vạn nhân dân kinh đô Huế và các huyện của Thừa thiên xuống đường mít tinh tuần hành vũ trang buộc chính quyền trung ương địch đầu hàng, vua Bảo Đại phải thoái vị đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ quân chủ phong kiến chuyên chế. Trong ngày 23 và ngày 24-8, có 19 tỉnh ly, thành phố tổng khởi nghĩa giành được chính quyền : Bắc cạn, Hòa bình, Hải phòng, Hà đông, Quảng trị, Quảng bình, Bình định, Lâm viên, Gia lai, Tân an, Bạc liêu (23-8), Hà nam, Phú thọ, Quảng yên, Đắc lắc, Phú yên, Bình thuận, Gò công, Mỹ tho (24-8).

Ngày 28-5, hơn 1 triệu nhân dân nội thành Sài gòn và các vùng ven thuộc Biên hòa, Bến lức, Gò đen, Bình chánh, Búng, Lái thiêu, Nhà bè, Hóc môn, Cần giuộc, Cần đước... tổ chức cuộc mít tinh tuần hành khổng lồ lật đổ chính quyền tay sai Nhật ở Sài gòn, lập chính quyền cách mạng. Cùng ngày đó có thêm 13 tỉnh ly (chủ yếu ở Nam bộ) : Chợ lớn, Gia định, Sóc trăng, Châu đốc, Long xuyên, Vĩnh long, Bà rịa, Thủ dầu một, Trà vinh, Tây ninh, Biên hòa, Sa đéc, Lạng sơn, Kon tum, tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

(4) *Văn kiện Đảng* (1930 - 1945) Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1977, t 3, tr 414

Digitized by Google

Từ ngày 26 đến 28-8, 6 tỉnh ly : Hòn gai, Sơn la, Cần thơ, Rạch giá, Đồng nai thượng, Hà tiên giành được chính quyền.

Ngày 2-9-1945, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập* ở Hà nội, tuyên bố trước nhân dân ta và thế giới sự ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, kết thúc quá trình tổng khởi nghĩa trong đất liền, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do, dân chủ, thì các chiến sĩ cách mạng bị giam tại nhà tù Côn đảo đã nổi dậy tự vũ trang phá ngục tù, giải phóng đảo.

Như vậy là chỉ trong vòng hai tuần lễ, tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã thành công. Trong hơn 60 tỉnh, thành khởi nghĩa thắng lợi, chỉ có 4 tỉnh ly ở dọc biên giới phía Bắc là Hà giang, Lào cai, Móng cái, Lai châu còn bị bọn phản động, quân Tưởng và quân Pháp chiếm đóng.

Nhìn bao quát, trong 5 ngày đầu, hình thái tổng khởi nghĩa diễn ra chủ yếu ở làng, xã, huyện thuộc các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung. Trong 19 tỉnh thành tiến hành tổng khởi nghĩa trong thời gian ấy, thì 5 tỉnh căn bản giải phóng cả thôn quê và thị xã. Lúc đầu tổng khởi nghĩa tiến triển chậm và thận trọng so với chủ trương và tinh thần quyết tâm của Đảng. Có hai lý do chính. *Thứ nhất*, Lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, trong đó có nêu "đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng không kể thành phố hay thôn quê", mặc dù được hỏa tốc truyền đi, nhưng do giao thông liên lạc khó khăn, đường sá tắc nghẽn vì lũ lụt, lại không có điện thoại, điện đài, phải truyền đạt qua các đại biểu đi dự Hội nghị trung ương, nên chưa kịp đến các địa phương. Tới ngày 18-8, lệnh tổng khởi nghĩa phát đi từ Tân trào mới đến được một số tỉnh miền Bắc, miền Trung. Nhiều nơi tình thế tổng khởi nghĩa đã chắc thắng, nhưng cán bộ địa phương lại thận trọng chờ lệnh của Trung ương, không triệt để tận dụng thời cơ hành động ngay. Do đó, nhiều địa phương vẫn chỉ đạo, tiến hành giành chính quyền theo tinh thần của thời kỳ khởi nghĩa từng phần từ xã lên huyện rồi mới giành chính quyền ở tỉnh ly; từ ngoại thành vào nội thành.

Các thị xã giành được chính quyền trước, ngoài việc nắm được tinh thần chỉ đạo trước đó của Trung ương, nắm được thời cơ, có lực lượng, còn do tình hình cụ thể ở các địa phương đó thúc bách là quân Nhật tìm cách trao chính quyền cho bọn phản động thân Nhật. Nếu lực lượng cách mạng không nhanh chóng giành lấy chính quyền, thì chính quyền đó sẽ rơi vào tay bọn phản động. *Thứ hai*, ta vừa khởi nghĩa, vừa thăm dò phản ứng của quân Nhật. Nước Nhật đã đầu hàng Đồng minh, nhưng ở Việt nam còn gần chục vạn quân Nhật có cả vũ khí, xe cơ giới khắp các xứ đổ về, lại được Đồng minh chỉ định đóng vai trò "duy trì trật tự" trong thời gian chờ quân Đồng minh vào giải giáp. Thực tế ấy đòi hỏi phải hết sức thận trọng. Đó là bước thăm dò cần thiết. Chỉ khi biết chắc chắn tinh thần, thái độ hoang mang của địch, ta mới có những hành động táo bạo đồng loạt.

Ở giai đoạn đầu của tổng khởi nghĩa, sự chỉ đạo của Trung ương Đảng là quyết định, nhưng Xứ ủy Bắc kỳ cũng đã thể hiện một vai trò rất quan trọng cho thắng lợi. Theo sự phân công của Trung ương, Xứ ủy chịu trách nhiệm chỉ huy chuẩn bị và tiến hành tổng khởi nghĩa ở 10 tỉnh đồng bằng Bắc bộ và 2 thành phố Hà nội, Hải phòng. Tích cực chuẩn bị lực lượng, trước đó mấy tháng, Xứ ủy đã có sáng kiến lấy tên các vị anh hùng dân tộc hoặc các địa danh ghi đậm chiến công hiển hách trong lịch sử chống xâm lăng để đặt tên bí mật cho 10 tỉnh, thành do mình phụ trách. Điều đó có tác dụng giáo dục, phát huy tinh thần yêu nước, chí quật khởi cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời giữ được bí mật, che mắt địch trong việc xúc tiến kế hoạch tổng khởi nghĩa. Xứ ủy Bắc kỳ thăm dò thái độ quân Nhật qua cuộc biểu tình ngày 17-8 (ở Hà nội) mà xác định quyết tâm tổng khởi nghĩa ở Hà nội bằng phương pháp mít tinh, tuần hành vũ trang

Digitized by Google

quần chúng có tự vệ cứu quốc làm lực lượng xung kích, đánh chiếm những vị trí quan trọng của địch. Hà nội khởi nghĩa thắng lợi bằng tổng biểu tình, Trung ương Đảng thấy đây là một sáng tạo có giá trị, nên chỉ thị cho các địa phương nơi nào có tình thế, có lực lượng cứ tiến hành khởi nghĩa như cách làm của Hà nội. Theo hướng đó và do ảnh hưởng to lớn của tổng khởi nghĩa ở Hà nội mà từ ngày 19-8 đến ngày 23-8 đã có hơn nửa số tỉnh trong toàn quốc giành được chính quyền.

Ở Sài gòn, chỉ trong một đêm 24-8 và ngày 25-8 cả thành phố đã nhanh chóng trở thành "một thành phố đỏ", xuất phát từ một cuộc biểu tình khổng lồ, thu hút tất cả mọi lực lượng yêu nước thuộc mọi chính đảng, tôn giáo, tầng lớp có tinh thần dân tộc. Liền sau đó, "trong 3 ngày sau, toàn thể 20 tỉnh Nam bộ đều hoàn thành khởi nghĩa giành chính quyền thành công" (5) và giành chính quyền chủ yếu từ thành phố, tỉnh lỵ về làng xã.

Nếu trong hình thái khởi nghĩa từng phần, khởi nghĩa ở nông thôn theo phương châm giải phóng từng vùng, làm chủ từng bộ phận là chính, thì trong tổng khởi nghĩa, khởi nghĩa ở các thành phố, tỉnh lỵ có vai trò quyết định thắng lợi nhanh chóng, triệt để của cách mạng giải phóng dân tộc. Tổng khởi nghĩa ở ba thành phố Hà nội, Huế, Sài gòn, trong đó Hà nội đóng vai trò đi tiên phong, và đồng thời với ba thành phố đó là nhiều tỉnh lỵ ở các nơi khác, đã có ý nghĩa to lớn đối với tổng khởi nghĩa cả nước.

Hình thái diễn biến trong Cách mạng Tháng Tám rất phong phú, nhất là thời kỳ tổng khởi nghĩa. Có khởi nghĩa bắt đầu ở xã, huyện rồi kết thúc ở tỉnh lỵ, thị xã ; có khởi nghĩa bắt đầu ở thành phố, thị xã rồi lan tỏa về các làng xã thôn quê ; có khởi nghĩa từ ngoại thành vào nội thành ; có khởi nghĩa cả ngoại thành và nội thành cùng tiến hành. Tuy nhiên, hình thái khởi nghĩa *chung nhất là toàn dân nổi dậy đồng loạt và gần như đồng thời trong cả nước*. Điều đó khác với tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917) chỉ có công nhân và binh lính cách mạng tham gia. Tính chất khởi nghĩa toàn dân sâu sắc của tổng khởi nghĩa Tháng Tám được quy định từ đường lối chính trị đại đoàn kết dân tộc của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu cao cả độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân. Tổng khởi nghĩa toàn dân tiến hành đồng loạt tạo ra sức mạnh dời non, lấp biển, đáp ứng yêu cầu chính trị cấp thiết giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông dương và quân Pháp quay trở lại xâm lược ; đồng thời làm tê liệt mọi mưu toan cản phá cuộc tổng khởi nghĩa của quân Nhật và bọn tay sai.

Hình thái diễn biến tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám cho thấy, cả trong đường lối, chủ trương của Đảng, cũng như trong thực tiễn phong trào cách mạng ở các địa phương, không có vấn đề "lấy nông thôn bao vây thành thị", cũng không có vấn đề "Việt minh nắm chính quyền bằng phương pháp nhanh chân thế vào chỗ trống quyền lực, một cách ôn hòa". Tổng khởi nghĩa Tháng Tám ít đổ máu, đó là một sự thật lịch sử và cũng là ước muốn nhân đạo của một cuộc cách mạng nhân dân. Nhưng để đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật khởi nghĩa ấy, cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam đã trải qua những thời kỳ khó khăn ác liệt của khởi nghĩa địa phương, khởi nghĩa từng phần. Để đi tới tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi vẻ vang, nhanh gọn, đã có biết bao nhiêu anh hùng, liệt sĩ, đồng bào, đồng chí, cán bộ, đảng viên cộng sản chiến đấu anh dũng, hy sinh xương máu trước bạo lực quân thù. Vì vậy Cách mạng Tháng Tám là một cuộc tổng khởi nghĩa toàn dân, một cuộc cách mạng bạo lực của quần chúng ❑

(5) Trần Văn Giàu : "Một số đặc điểm của khởi nghĩa Tháng Tám 1945 ở Nam bộ, Sài gòn", *Tạp chí Lịch sử Đảng* số 6 - 1990, tr 10

Digitized by Google

NHỮNG QUYẾT ĐỊNH SÁNG SUỐT CỦA HỒ CHÍ MINH DẪN TỚI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

LÊ VĂN YÊN *

GẦN đây, các thế lực thù địch cố tìm mọi cách xuyên tạc, bôi đen những tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng thường nhai lại những luận điệu cũ, rằng cuộc Cách mạng Tháng Tám và nước Việt nam mới ra đời năm 1945 chỉ là "ngẫu nhiên", "ăn may", chứ vai trò của Hồ Chí Minh và Đảng ta không có gì đáng kể... Hơn 50 năm đã trôi qua, với những sự kiện lịch sử và tư liệu mới thu thập được chúng ta càng có điều kiện phân tích, lý giải một cách khoa học ý nghĩa, tầm vóc và giá trị đích thực của cuộc Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt nam mới, gắn liền với những quyết định và chỉ đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh ; đồng thời góp phần phê phán những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với lịch sử cách mạng vẻ vang của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta.

*
* *

Vào những năm cuối thập kỷ 30, trước những chuyển biến nhanh chóng của tình hình thế giới, nhất là nguy cơ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đến gần, với nhãn quan chính trị sáng suốt, Hồ Chí Minh đã đề nghị Quốc tế cộng sản để Người trở về nước lãnh đạo cách mạng Việt nam và được chấp nhận. Mùa đông năm 1938, Người đến Trung quốc tìm cách về nước để trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam. Tháng 6-1940, Người bắt đầu liên lạc được với Đảng ta. Tại buổi gặp các đồng chí ở "Ban hải ngoại" và các đồng chí lãnh đạo của Đảng từ trong nước ra, Người nêu một nhận định chính xác : chủ nghĩa phát xít nhất định bị tiêu diệt, đây là thời cơ thuận lợi cho các dân tộc đứng lên tự giải phóng. Được tin Pháp đầu hàng Đức, Người triệu tập cuộc họp quan trọng tại "Ban hải ngoại" của Đảng ở Côn minh, phân tích rõ : "*Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng* (tôi nhấn mạnh - L.V.Y." (1)

Với kinh nghiệm hoạt động quốc tế phong phú, trên cơ sở phân tích, đánh giá chính xác tình hình thế giới, mưu đồ của chủ nghĩa phát xít, của những nước thực dân, tuy lúc đó là Đồng minh ..., Người quyết định lập "Việt nam đồng minh hội" trên đất Trung quốc. *Trước mắt*, để hợp pháp hóa về mặt tổ chức, có điều kiện về nước một cách đàng hoàng ; còn *lâu dài*, để có tổ chức liên lạc với quốc tế và duy trì quan hệ với Quốc dân đảng Trung hoa, nhất là đề phòng việc "Hoa quân nhập Việt" của Tưởng. *Những quyết định trên thể hiện tầm nhìn xa thấy rộng, sự mẫn cảm chính trị và tinh thần đầy trách nhiệm của Hồ Chí Minh trước vận mệnh của dân tộc, định hướng cho thành công của Cách mạng Tháng Tám sau này.*

Trong thời gian này, Người triển khai những hoạt động quốc tế dồn dập nhằm tranh thủ mọi lực lượng, tạo hậu thuẫn cho cách mạng Việt nam, như : trực tiếp gặp Chu Ân Lai, đại diện Đảng cộng sản Trung quốc, bàn phối hợp hoạt động giữa cách mạng hai nước ; cử Trần Văn Hinh đi Diên An để mở rộng quan hệ quốc tế,

* PTS khoa học lịch sử

(1) *Đầu nguồn*, Nxb Văn học, Hà nội, 1975, tr 234

Digitized by Google

đón nhận thông tin của Quốc tế cộng sản [2], gửi thư cho Quốc tế cộng sản yêu cầu giúp đỡ; viết bài cho *Cứu vong nhật báo*, tờ báo của Đảng cộng sản Trung quốc, khẳng định cách mạng Việt nam là một lực lượng trong phe Đồng minh chống phát xít v.v.. Người còn quyết định mở lớp huấn luyện chính trị và quân sự cấp tốc cho hơn bốn chục cán bộ cách mạng Việt nam. Sau lớp huấn luyện, đội ngũ này trở về nước tuyên truyền, tổ chức các đoàn thể cứu quốc, đồng thời Người còn quyết định chọn Cao bằng làm căn cứ địa cách mạng. Người nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp : "Cao bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng nước ta. Cao bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi". Như vậy, *những quyết định sáng suốt và kịp thời của Hồ Chí Minh trong việc tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, chuẩn bị thực lực bên trong bao gồm đào tạo cán bộ, chọn căn cứ địa cách mạng v.v. là bước chuẩn bị rất cần thiết cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám.*

Mùa xuân năm 1941, Người về Cao bằng. Tại đây, Người đặt đại bản doanh ở Pác bó, tiến hành xây dựng các đoàn thể cứu quốc, tổ chức thí điểm Mặt trận Việt minh, mở lớp ngắn ngày đào tạo cán bộ và trực tiếp triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (khóa I). Trong hội nghị, Người gợi ý, phân tích với những nhận định sáng suốt về tình hình quốc tế và trong nước. Nhờ đó, hội nghị có cơ sở thống nhất quan điểm về tình hình quốc tế ; xác định cách mạng Việt nam là một bộ phận của cách mạng dân chủ thế giới chống phát xít, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu ; thành lập "Mặt trận Việt nam độc lập đồng minh" gọi tắt là Việt minh... Sau hội nghị, Người chỉ đạo soạn thảo các văn kiện của Mặt trận Việt minh như *Tuyên ngôn, Chương trình* và *Điều lệ*. Những văn kiện này thể hiện đầy đủ sự thống nhất quan điểm của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta về những vấn đề thuộc chiến lược của cách mạng Việt nam. Sức mạnh và vai trò to lớn của Mặt trận Việt minh được phản ánh trong thực tiễn, có sức lôi cuốn, hiệu triệu mạnh mẽ quần chúng đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Thành lập Mặt trận Việt minh là quyết định sáng tạo của Hồ Chí Minh, nó đáp ứng đúng yêu cầu của lịch sử, dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám. Có thể nói, không có Việt minh thì không có Cách mạng Tháng Tám. Với Hội nghị Trung ương 8, đặc biệt là quyết định thành lập Mặt trận Việt minh, Đảng ta thực tế đã hoàn toàn tiếp thu tư tưởng và quan điểm cách mạng của Người. Một thời kỳ *mới* đã mở ra : *thời kỳ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng cho hoạt động của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc* mà *kết quả trực tiếp* là *thành công của Cách mạng Tháng Tám.*

Từ sau Hội nghị Trung ương 8, lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang được xây dựng đều khắp, Việt minh và phong trào cách mạng phát triển mạnh trong cả nước. Nhưng Việt minh chưa có quan hệ chính thức với nước nào trong phe Đồng minh. Để bảo đảm cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam thành công, Hồ Chí Minh quyết định tranh thủ Đồng minh. Tháng 8-1942, Người lên đường đi Trung quốc. Lúc này, chính quyền Tưởng muốn dựa vào tổ chức "Việt nam cách mạng đồng minh hội", một tổ chức người Việt ở Trung quốc gồm nhiều đảng phái, để thực hiện kế hoạch "Hoa quân nhập Việt". Đối với kế hoạch này, Người đã nhiều lần phân tích cho chính quyền Tưởng thấy, ở Việt nam chỉ có Việt minh là tổ chức có lực lượng lớn, có quần chúng đông, muốn "nhập Việt" thì phải hợp tác với Việt minh. Vì thế, chính quyền Tưởng mời Người tham gia cải tổ "Việt nam cách mạng đồng minh hội", là một tổ chức vốn đã lục đục, rệu rã. Người nhận lời, nhằm vừa tranh thủ, vừa phân hóa và lôi kéo những người yêu nước bị lừa bịp trong tổ chức này về phía cách mạng. Tại đại hội của tổ chức này, Người trình bày hai bản báo cáo "Về tình hình các đảng phái trong nước" và "Về phân hội quốc tế chống xâm lược của Việt nam" [3]. Trong đó, Người không

(2) Xem King Chen : *Việt nam và Trung quốc 1938 - 1950*, Niu-Oóc, tr 39 (bản dịch)

(3) Hai tài liệu này lưu tại Viện lịch sử Đảng, ký hiệu 13/111/24-2,3

Digitized by Google

ngần ngại nhấn mạnh vai trò của Đảng cộng sản Việt nam, của Cách mạng Tháng Mười ; đồng thời khẳng định cách mạng Việt nam là lực lượng dân chủ chống phát xít và sẵn sàng tiếp nhận sự giúp đỡ của lực lượng Đồng minh. Người còn khéo léo đề cao "quốc sách" đối ngoại của Tưởng, nhằm vừa tranh thủ Quốc dân đảng Trung hoa, vừa buộc họ có nghĩa vụ giúp đỡ cách mạng Việt nam. Nhận định về việc tham gia đại hội này, Người nói với Lê Tùng Sơn : "Thắng lợi ! Ta tham gia đại hội này là đúng. Không được ảo tưởng về Tưởng Giới Thạch, nhưng phải lấy Trung quốc làm cái cầu để tranh thủ các nước đồng minh". Rõ ràng, *quyết định tranh thủ Quốc dân đảng Trung hoa của Hồ Chí Minh là có nguyên tắc, một quyết định sáng suốt và táo bạo nhằm vừa tranh thủ, vừa hạn chế nó, tạo điều kiện chuẩn bị thực lực bên trong cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam khi thời cơ đến.*

Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai chuyển biến nhanh chóng có lợi cho lực lượng dân chủ.

Với tầm nhìn chiến lược, nên trong một bức thư *Gửi đồng bào toàn quốc*, Người đã chỉ rõ : "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp, ta phải làm nhanh". Những ngày tháng này, bằng nhiều nguồn tin, Hồ Chí Minh phát hiện ra mâu thuẫn giữa Mỹ - Anh - Pháp về thuộc địa nói chung, về Đông dương nói riêng. Với nhãn quan chính trị nhạy bén, Người quyết định gặp đại diện Mỹ ở Côn minh. Trước hết, Người thông báo về hoạt động của quân Nhật ở Việt nam, nêu rõ Việt minh đã lớn mạnh, muốn hợp tác với Mỹ cùng chống Nhật, và mong có sự công nhận chính thức của Mỹ đối với Việt minh. Đại diện Mỹ cám ơn, tặng một số thuốc men và hứa sẽ trả lời. Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông dương, làm cho Mỹ không còn nắm được tin tức ở nơi này. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy Mỹ ở Côn minh đã nhiều lần cử đại diện đến gặp Người để bàn phương thức hợp tác Việt minh - Mỹ. Mở đầu cho sự hợp tác, phía Mỹ tặng Việt minh một số súng đạn, thuốc men và cử hai nhân viên điện đài sang giúp. Đầu tháng 5-1945, Người về Cao bằng, thường xuyên liên hệ bằng thư và điện đài với các tổ chức của Mỹ ở Trùng khánh. Cuối tháng 5, Người về Tân trào chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa, đồng thời triển khai kế hoạch tiếp nhận viện trợ và quân tình nguyện Mỹ (cho đến ngày 10-8-1945, Việt minh đã nhận được của Mỹ 22 chuyến thả dù tiếp viện). Từ đó, Mỹ tiếp tục cung cấp cho Việt minh một số vũ khí, thuốc men và những trang bị khác ; đồng thời, huấn luyện cho lực lượng vũ trang Việt minh cách sử dụng các loại vũ khí, điện đài và kỹ thuật trận địa. Còn Việt minh thì ngoài việc cung cấp cho Mỹ những tin quan trọng về hoạt động của quân Nhật, đã cứu và giúp đỡ 17 phi công Mỹ rơi trên đất ta v.v.. Qua những cuộc tiếp xúc với Mỹ, Hồ Chí Minh đã làm tăng thêm vị trí và ảnh hưởng của Việt minh đối với lực lượng Đồng minh, làm cho Mỹ hiểu được mục đích, tổ chức, hoạt động của Việt minh, do đó đã có những quan hệ tốt và giúp đỡ có hiệu quả. Quyết định của Hồ Chí Minh trong việc giao thiệp với Quốc dân đảng Trung hoa và Mỹ trong năm 1945 là nhằm khai thác mặt tích cực của họ, thêm bạn cho cách mạng nước ta ; đồng thời làm cho họ thấy rõ tính chất chính nghĩa, vị trí và khả năng của cách mạng nước ta, thấy rõ cuộc đấu tranh của dân tộc ta là một lực lượng trong mặt trận Đồng minh chống phát xít mà họ cần quan hệ. Đây là *minh chứng điển hình cho quan điểm của Người là đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết, tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ, thực hiện cho được mục tiêu độc lập, tự do ; đồng thời đó còn là hoạt động có hiệu quả chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám.*

Mùa thu năm 1945, lực lượng dân chủ thế giới giành được thắng lợi liên tiếp trong cuộc chiến với chủ nghĩa phát xít. Hồ Chí Minh đã chỉ thị thành lập "khu giải phóng" và cử ra Ủy ban cách mạng để lãnh đạo các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. *Khu giải phóng đã trở thành căn cứ địa cách mạng*, một hậu phương vững chắc để tiến tới tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Digitized by Google

Tháng 8-1945, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh. Ở Đông dương, quân Nhật hoảng loạn. Phong trào cách mạng cả nước sục sôi, những điều kiện cho tổng khởi nghĩa đã chín muồi. Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng ta chuẩn bị gấp "Hội nghị toàn quốc của Đảng" và "Đại hội đại biểu quốc dân" ở Tân trào. Người nhấn mạnh : lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường sơn cũng phải giành cho được độc lập. Và : "cần tranh thủ từng giây, từng phút, tình hình sẽ biến chuyển nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội" (4). Ngày 13-8, Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc, chủ trương phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào nước ta giải giáp quân Nhật. Ngày 15-8, khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, Người đã đề nghị kết thúc nhanh hội nghị để các đại biểu có thể sớm trở về địa phương phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Cùng ngày, Người gửi bức điện tới đại diện Mỹ ở Côn minh yêu cầu Liên hợp quốc thực hiện lời hứa cho Đông dương và các dân tộc được hoàn toàn độc lập, và khẳng định ý chí của nhân dân Đông dương quyết tâm giành độc lập. Ngày 15-8 Hội nghị toàn quốc của Đảng bế mạc thì chiều ngày 16-8, thực hiện chỉ thị của Người, "Đại hội đại biểu quốc dân" khai mạc và họp đến ngày 17-8 dưới sự chủ trì của Người, Đại hội tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách lớn của Việt minh và bầu Ủy ban dân tộc giải phóng. Ngay sau đại hội, Người gửi *Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa* tới đồng bào cả nước : "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Hội nghị toàn quốc của Đảng, Đại hội đại biểu quốc dân và *Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa* của Hồ Chí Minh là những sự kiện lịch sử trọng đại. Đảng và Hồ Chí Minh *đã đề ra chủ trương, kế hoạch tổng khởi nghĩa kịp thời, đúng thời cơ, động viên được sự đoàn kết nhất trí của toàn dân trong giờ phút quyết định của lịch sử dân tộc để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.*

Đáp lời kêu gọi của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, dưới ngọn cờ Việt minh, nhân dân ta triệu người như một tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thành công. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh quyết định soạn thảo *Tuyên ngôn độc lập*, ấn định ngày ra mắt quốc dân và tuyên bố sự ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa trước khi quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Đây là quyết định nhạy bén, sáng suốt của Hồ Chí Minh trước sự biến chuyển nhanh chóng của tình hình quốc tế sau chiến tranh ; đồng thời khẳng định ý chí sắt đá của dân tộc ta quyết tâm bảo vệ nền độc lập mới giành được.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt nam mới là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt nam, cũng là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác - lê-nin ở một nước thuộc địa. Lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt nam - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ; đồng thời đóng góp quan trọng vào tiến trình cách mạng thế giới, phá vỡ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử nhân loại là chế độ thực dân, thực hiện vai trò tiên phong trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội. Cách mạng Tháng Tám ở Việt nam là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đầu tiên thắng lợi ở một nước thuộc địa ; là cuộc cách mạng vô sản thứ hai sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười. Thành công của Cách mạng Tháng Tám gắn liền với những quyết định sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chứng minh tính đúng đắn và khoa học của những tư tưởng cách mạng của Người trong thời đại mới. Đó không chỉ là chân lý mà còn là minh chứng điển hình bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc, nhằm hạ thấp ý nghĩa trọng đại của Cách mạng Tháng Tám cùng những tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.❑

(4) Võ Nguyên Giáp : *Từ nhân dân mà ra*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1969, tr 212

Digitized by Google

"Hòa hợp, hòa giải dân tộc" phải chăng là "giải pháp chính trị mở lối ra cho Việt nam" ?

VŨ KHÔI *

GẦN đây, một vài nhóm người từ hải ngoại, một vài người ở trong nước cố tình phủ nhận những thành quả của cách mạng, nhất là những thành tựu nhân dân ta phấn đấu giành được trong công cuộc đổi mới. Họ bôi đen xã hội ta, cho rằng xã hội Việt nam hiện nay "là một xã hội khập khiễng : chính trị tráo trở, kinh tế chụp giựt, đạo đức băng hoại, văn hóa suy đồi, cuộc sống không còn kỷ cương, một cảnh ma-phi-a chính trị - kinh tế trong giai đoạn tranh tối, tranh sáng..." (?) Họ đề nghị cần có một giải pháp chính trị, mở lối ra cho Việt nam là "hòa hợp, hòa giải dân tộc". Họ khẳng định không có con đường nào tốt hơn là "hòa hợp, hòa giải dân tộc". Theo họ, "hòa hợp, hòa giải dân tộc" có nghĩa là Đảng cộng sản Việt nam phải sám hối, xây dựng chế độ chính trị đa nguyên để thực hiện đoàn kết tạo nên "một vườn hoa dân tộc Việt nam muôn sắc muôn hương" (!)

Chưa nói tới chuyện họ đã làm được gì cho đất nước, cho dân tộc, chỉ mới nghe họ nói, ta cũng đã thấy đó là những tiếng nói lạc lõng, không thiện chí, không tôn trọng sự thật, cần phải phê phán, bác bỏ.

Vì sao lại đặt vấn đề hòa hợp, hòa giải dân tộc ?

Cứ coi như họ có "tâm huyết", muốn tìm một "giải pháp", một "lối ra" cho đất nước. Theo họ, đó là hòa hợp, hòa giải dân tộc. Vấn đề đặt ra là ai hòa hợp, hòa giải với ai ? Vì sao phải thay vì phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc bằng "hòa hợp, hòa giải dân tộc" ?

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, tuy là một nước có nhiều dân tộc, tiếp thụ ảnh hưởng của nhiều luồng tư tưởng văn hóa, nhưng xu hướng thống nhất quốc gia dân tộc bao giờ cũng chính thống và chiếm ưu thế.

Cách mạng Việt nam trải qua mấy thế hệ nối tiếp nhau, đặc biệt là qua hai cuộc chiến tranh cứu nước lâu dài, sự phân tuyến những người Việt nam rất rành mạch : một bên là đại đa số nhân dân Việt nam chiến đấu và chiến thắng ; bên kia là một số ít người đi theo bọn đế quốc xâm lược, làm tay sai cho chúng, đối lập lại với dân tộc Việt nam. Chúng ta không coi tất cả những người cộng tác với đế quốc và chính quyền tay sai, những người rời bỏ Tổ quốc chạy theo bọn bại trận đều là phản động, là kẻ thù của nhân dân. Không. Vì chúng ta biết trong số họ, có người do hoàn cảnh này, hoàn cảnh khác mà phải đi làm binh sĩ trong quân đội tay sai, viên chức trong bộ máy chính quyền bù nhìn, nhưng vẫn ẩn dấu tinh thần dân tộc. Có người đã bí mật ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến, hoặc hạn chế những việc làm có hại cho Tổ quốc, cho nhân dân. Những người làm tay sai cho giặc ngoại xâm chống phá cách mạng, gây tội ác với nhân dân, chỉ là số ít. Và với truyền thống nhân ái khoan dung, "đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người quay lại", nhân dân ta không hề "trả thù" "rửa hận" đối với họ như những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của những kẻ xấu.

Ai cũng biết rằng Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử công dân Vĩnh Thụy (tức Bảo Đại đã từng làm vua) làm cố vấn Chính phủ, và Đoàn thể cách mạng còn giới

* Đại tá, PTS sử học, Học viện chính trị quân sự

Digitized by Google

thiệu và vận động cử tri bầu Vĩnh Thụy vào Quốc hội. Sau cách mạng (1945) thành công, nhiều quan lại trong chính quyền tay sai của bọn thực dân, phong kiến đã được khoan hồng, được sử dụng, trong đó có Ngô Đình Nhu. Chính Vũ Hồng Khanh, một người cầm đầu tổ chức phản động đối lập cũng nhận rằng "Cụ Hồ là một người nhân đức, Cụ muốn hợp tác với chúng tôi một cách thành thực" (1).

Cuộc chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra trên đất nước ta là một cuộc chiến tranh khốc liệt, dã man, "trời không dung, đất không tha". Các thế lực phản động tin chắc rằng sau cuộc chiến này, những người chiến thắng sẽ thực hiện "một cuộc tắm máu". Nhưng sự thật lại hoàn toàn không phải như thế. Trừ bọn phản động hiện hành, còn tất cả binh sĩ, viên chức chính quyền cũ đều được đối xử khoan hồng, trở thành công dân bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của nước Việt nam độc lập thống nhất. Không ít tướng tá trong quân đội của chế độ cũ đã gây nhiều tội ác với nhân dân, từng "tử thủ" chặn bước tiến công của quân đội cách mạng, gây thương vong cho quân đội ta khi tiến về giải phóng Sài gòn, sau một thời gian học tập cải tạo, đã được về sinh sống bình thường với gia đình. Trên tinh thần xóa bỏ hận thù, hướng về tương lai, chúng ta hoan nghênh và sẵn sàng tạo điều kiện để những người trước đây trốn chạy ra nước ngoài theo bọn đế quốc và tay sai nay thực lòng hướng về Tổ quốc, được gia nhập vào khối đại đoàn kết dân tộc...

Rõ ràng là dân tộc Việt nam, trước đây cũng như hiện nay, chưa bao giờ phân ly thành nhiều lực lượng đối nghịch như có người tự đặt ra rồi hô hào "hòa hợp, hòa giải dân tộc". Đó chỉ là một thủ đoạn lộn sòng vụng về. Thực tế hiện nay đang tồn tại một dân tộc Việt nam thống nhất, bao gồm những người thuộc các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo khác nhau, sống ở trong nước và định cư ở nước ngoài, đang mong muốn và ra sức xây dựng cho một nước Việt nam độc lập, thống nhất, giàu mạnh và văn minh.

Thời nào cũng vậy, dân tộc nào cũng thế, bao giờ trong dân tộc cũng có một số ít người đi ngược dòng lịch sử, chống lại chính đồng bào mình. Nhưng với họ, nhân dân ta bao giờ cũng khoan hồng độ lượng. Bởi vì, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : "Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau nơi bàn tay. Trong mấy triệu người, cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ... Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang" (2).

Trước những thời cơ và thách thức lớn đối với đất nước hiện nay, mỗi người Việt nam đều ý thức về sự đồng tâm hiệp lực, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đưa đất nước tiến lên. Dân tộc ta đang mở rộng vòng tay chờ đón tất cả những người vì lý do khác nhau chưa hòa mình vào dân tộc sớm trở về với đại gia đình dân tộc Việt nam, để cho *khối đại đoàn kết dân tộc càng được mở rộng và củng cố vững mạnh*. Đó là yêu cầu khách quan của lịch sử, là nguyện vọng thiết tha của mọi người Việt nam yêu nước. Dân tộc ta hiện nay đâu có bị chia rẽ, phân ly thành nhiều khối, nhiều phe thù nghịch mà cần giải pháp "hòa hợp, hòa giải dân tộc".

Đoàn kết dân tộc khác hẳn với "chính trị đa nguyên".

Có người cố thuyết minh rằng đoàn kết dân tộc là phải xây dựng chế độ "chính trị đa nguyên". Nói như thế là thiếu căn cứ và không đúng với thực tế. Chế độ chính trị *nhất nguyên* của nước ta ra đời do cuộc cách mạng của toàn dân. Nhà nước dựa trên nền tảng đại đoàn kết dân tộc và nhà nước lại có vai trò tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết ấy. Trong lịch sử chế độ chính trị nước Việt nam dân chủ cộng hòa, có một thời điểm xuất hiện chế độ *đa nguyên* vào đầu

(1) Lời Vũ Hồng Khanh nói với tác giả bài viết này, ngày 22 tháng 8 năm 1983, tại Vĩnh lạc - Vĩnh phú

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 139 - 140

Digitized by Google

năm 1946. Thực chất chế độ đa nguyên ấy không phải bắt nguồn từ bản chất nền chính trị dân chủ cộng hòa của ta. Đó chỉ là do tình hình thực tế lúc đó cần phải như thế. Trong tình thế hiểm nghèo buộc ta phải chấp nhận một số yêu sách ngang ngược của bọn thực dân đế quốc và tay sai của chúng. Lúc ấy, các đảng phái phản động đối lập được hoạt động công khai và tham gia chính quyền nhà nước. Chúng đã chống phá ta trắng trợn, gây biết bao thiệt hại cho công cuộc kháng chiến kiến quốc, gây nhiều tội ác dã man với đồng bào ta. Khi quân đế quốc rút thì chúng cũng tự bỏ chạy theo quan thầy của chúng.

Trên nửa thế kỷ dân tộc ta đấu tranh quyết liệt chống ngoại xâm, lịch sử đã sàng lọc kỹ càng. Tất cả những người con ưu tú của dân tộc đều gia nhập Đảng cộng sản và các đoàn thể cách mạng, hoặc do hoàn cảnh nào đó không trực tiếp tham gia cách mạng và đi theo kháng chiến được thì họ cũng ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Chính Đảng cộng sản đã xây dựng nên khối đại đoàn kết dân tộc. Đảng cộng sản vừa là hạt nhân, vừa là lực lượng lãnh đạo khối đại đoàn kết ấy. Đảng cộng sản và chính quyền nhà nước đã huy động, tổ chức toàn dân đấu tranh qua các cao trào cách mạng, và cả những khi cách mạng thoái trào phải giữ gìn lực lượng để giành thắng lợi từng bước tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Nhưng có những kẻ cố tình phủ nhận sự thật đó. Dĩ nhiên, điều khó tránh khỏi là trong quá trình cách mạng, Đảng ta, Nhà nước ta có những sai lầm khuyết điểm, những yếu kém. Một số phần tử phản động muốn lợi dụng điều này để phá hoại chúng ta. Có kẻ tự nhận mình là "cựu kháng chiến Việt nam" nhưng lại xuyên tạc cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, cho đấy là "cuộc chiến ý thức hệ", đánh đồng lực lượng đại diện cho dân tộc với những thế lực chống lại dân tộc, những kẻ phản bội cách mạng ; từ đó đòi thực hiện chế độ "chính trị đa nguyên". Gương mặt những tổ chức chính trị, những con người được họ xem là sáng giá nhất, định đem ra đối sánh với Đảng cộng sản, với những người yêu nước cách mạng trong một thể chế đa nguyên thì chẳng ai lạ gì, đó thật sự là những cái quái thai chính trị, những bộ mặt phản dân hại nước.

Ngày nay chúng ta đang sống trong một thế giới giao lưu và hợp tác rộng rãi nhưng cũng đầy biến động. Đất nước ta đã giành được những thành tựu rất quan trọng trong công cuộc đổi mới nhưng vẫn đang còn nhiều khó khăn to lớn. Những khó khăn đó không phải do nguyên nhân không hòa hợp, hòa giải dân tộc, mà do nhiều nguyên nhân khách quan và cả chủ quan trong đó có nguyên nhân phá hoại của các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang lớn tiếng đòi "hòa hợp hòa giải", đòi "đa nguyên chính trị". Sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt nam đang đòi hỏi mỗi con người Việt nam ở mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo... có quá khứ và hoàn cảnh hiện thời khác nhau, đều phải cố kết nhau trong đại gia đình dân tộc Việt nam. Sự cố kết ấy hiển nhiên phải có một mục tiêu chung, như Chủ tịch Hồ Chí Minh trước đây đã nói: "Khi nào cùng ý chí, cùng kỳ vọng thì khi ấy mới có đoàn kết, bằng không thì có hô hào đoàn kết mấy đi nữa cũng không thể nào đoàn kết được"(3). Mục tiêu đó hiện nay là *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*, do Đảng cộng sản đề xướng và đang được thực hiện. Ai thực lòng ủng hộ và đóng góp vào sự nghiệp vẻ vang đó thì sẽ hòa nhập cùng dân tộc, vào khối đại đoàn kết dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đoàn kết dân tộc từ trước đến nay và từ nay về sau đâu có cần đến nền "chính trị đa nguyên". Cái "chính trị đa nguyên" mà họ mưu toan thực hiện chính là nhằm hạ thấp và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, gây mất ổn định chính trị. Đây thật sự là hiểm họa cho dân tộc. Những kẻ hô hào "đoàn kết dân tộc trong một nền chính trị đa nguyên" thực chất là những kẻ mưu toan phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, phá hoại sự vươn tới tương lai tốt đẹp của đất nước ❑

(3) Báo *Thanh niên*, số 2 (ngày 21-6-1925)

Digitized by Google

Điểm dừng

NGUYỄN ĐÌNH BẢNG

LÂU nay, dưới con mắt mọi người, uy tín và tài năng của ông X chẳng có gì đặc biệt cả. Nhưng từ khi ông trúng vào cấp ủy, rồi trở thành một trong những nhân vật đứng đầu địa phương thì tên tuổi ông cứ nổi như cồn và "tài năng" của ông nở rộ như hoa mùa xuân.

Chẳng phải nói ngoa đâu, mà đúng là như vậy. Tên tuổi ông trước đây rất ít người biết đến. Công bằng mà nói thì ông có viết được một vài bài báo, nhưng không vì thế mà nổi danh, bởi vì những bài báo ấy chẳng có tiếng vang gì cả và tên tác giả của nó - tên ông - chỉ được in nho nhỏ, khiêm tốn dưới mỗi bài báo như trăm nghìn tác giả bình thường khác. Nhưng nay, tên tuổi ông thì cả cái tỉnh này đều biết, bởi vì nó xuất hiện liên tục trên báo chí, đài phát thanh và vô tuyến truyền hình của địa phương. Mọi người thật sự ngạc nhiên và thán phục vì cái "sức viết" và sự "uyên bác" ở ông. Ông viết và phát biểu về mọi vấn đề thuộc mọi lĩnh vực. Từ nông nghiệp, công nghiệp, phân phối lưu thông, đến văn hóa văn nghệ, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học kỹ thuật... vấn đề nào ông cũng tỏ ra am hiểu tường tận, lý luận sắc bén. Một số bài nói chuyện của ông khi ông tới thăm các ngành, các cơ sở nhiều khi chẳng có nội dung gì cũng được in lên báo và phát trên đài của địa phương ; mà còn đăng ở vị trí rất trang trọng nữa chứ. Còn tên ông thì được đưa lên đầu bài, in chữ to, có gạch dưới, khác hẳn lệ thường.

Uy tín và tài năng của ông X rõ ràng là có những bước tiến nhảy vọt.

Đối lập với trường hợp ông X là trường hợp của ông Y. Giống như ông X trong giai đoạn hiện tại, trước kia ông Y cũng đã từng là một nhân vật mà tên tuổi được rất nhiều người biết đến. Chẳng hạn :

- Xe ô tô của ông sơn màu gì, biển số bao nhiêu, mọi người đều biết. Vì thế, chẳng cần dán giấy ưu tiên, khi qua cầu phà thuộc địa phương các nhân viên bảo vệ bao giờ cũng mời xe ông lên trước.

- Ông đi thăm cơ sở nào, đơn vị nào đều báo trước vài ngày để các cơ sở và đơn vị đó chuẩn bị đón tiếp cho chu đáo. Và, tất nhiên khi ông đi có cả các phóng viên truyền hình và báo chí của địa phương đi theo.

- Ông tới dự hội nghị nào thì hội nghị đó trở nên quan trọng và bài phát biểu của ông bao giờ cũng được báo chí địa phương đăng nguyên văn, ở vị trí trang trọng nhất.

Nhưng tất cả những điều nói trên chỉ là dĩ vãng của một thời : thời "oanh" của ông Y. Sở dĩ chỉ gọi là thời "*oanh*" bởi vì bây giờ, theo cách gọi của đám cán bộ trẻ thì ông đang lâm vào thời "*liệt*".

Đúng là ông Y liệt thật. Tại đại hội đảng bộ tỉnh vừa rồi, vì một số lý do, ông không tham gia cấp ủy nữa. Mà đã không tham gia cấp ủy thì uy tín và tài năng của ông dường như chẳng còn gì ; tên tuổi của ông cũng lu mờ. Nhiều hội nghị quan trọng ông không được mời ; các bài nói, bài viết của ông người ta không chú ý như trước. Trước đây ông nói người ta nghe, ông phán người ta chịu. Bây giờ thì ông nói ông nghe, ông phán ông làm... Âu đó cũng là chuyện thường tình và dễ hiểu.

"Có lên có xuống", "có vào có ra", đó là chuyện hết sức bình thường trong công tác cán bộ. Điều muốn nói ở đây là các cơ quan thông tin đại chúng không nên "thái quá" trong khi tuyên truyền cho cá nhân các đồng chí lãnh đạo. Và, bản thân người lãnh đạo cũng nên biết tự kiềm chế, biết dừng lại ở những giới hạn cần thiết. Mọi sự vật, hiện tượng đều có điểm dừng. Nếu không như vậy thì chỉ dẫn tới những hệ quả xấu mà thôi.

Đảng và Chính phủ vẫn thường nhắc báo chí cần giảm bớt việc đưa những tin mang tính lễ tân, hiếu hỷ là hoàn toàn có lý ❑

Digitized by Google

VIỆT NAM - ASEAN SAU MỘT NĂM HỘI NHẬP

TRỊNH GIA BAN

CÁCH đây một năm, Việt nam đã trở thành thành viên đầy đủ của Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN). Sự kiện này đánh dấu bước phát triển mới của Việt nam trong quan hệ quốc tế và trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới. Đây cũng là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị quốc tế nói chung và khu vực Đông - Nam Á nói riêng.

Trên bước đường phát triển, Việt nam cũng như các nước Đông - Nam Á khác đều đang đứng trước *những thách thức to lớn*. Đó là sự cạnh tranh ngày một gay gắt về kinh tế, thương mại, dẫn tới đòi hỏi cấp bách phải hiện đại hóa nhanh chóng nhằm phát triển năng động và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đó là sự thách thức của chính sách bảo hộ mậu dịch trong khi trình độ phát triển của các quốc gia còn quá chênh lệch. Đó là mâu thuẫn ngày càng lớn và gay gắt giữa sự phát triển với việc giải quyết các vấn đề về xã hội, môi sinh - môi trường và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Đó là nhu cầu giải quyết các vấn đề về lãnh thổ quốc gia, về dân tộc và sắc tộc bằng đối thoại, nhằm tạo lập bầu không khí hòa bình, ổn định, an ninh cho sự hợp tác và phát triển của mỗi khu vực.

Để vượt qua những thách thức có tính toàn cầu, đạt tới những mục tiêu của từng quốc gia và khu vực, các quốc gia cần phải hợp tác với nhau, khai thác và phát huy những lợi thế về chính trị, kinh tế, điều kiện tự nhiên, văn hóa, và quan hệ quốc tế.

Sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước ASEAN có một chỗ dựa khá vững chắc, đó là sự *tương đồng* trong nhiều lĩnh vực. Có thể nói, điểm tương đồng lớn nhất, căn bản nhất là các nước này cùng chung một mục tiêu : hòa bình, độc lập, ổn định, hợp tác phát triển và thịnh vượng. Đó cũng là nguyện vọng khát khao của hơn bốn trăm triệu dân ASEAN và của toàn thể nhân dân trong khu vực này.

Lợi ích chung của các quốc gia dân tộc trong khu vực, về cơ bản là nhất trí. Đây là nét tương đồng có tính chất chi phối và quyết định nhất đối với các quan hệ hợp tác và phát triển của các nước, nó được tạo dựng từ những điều kiện lịch sử lâu đời và quan hệ hữu nghị giữa các nước. Sự tương đồng đó là điều kiện quan trọng hàng đầu đưa cộng đồng ASEAN và toàn khu vực đến một tương lai xán lạn - một "kỷ nguyên châu Á - Thái bình dương".

Việt nam và các nước khác trong ASEAN có những điều kiện tự nhiên và xã hội rất gần gũi với nhau. Họ có chung vùng trời, vùng biển ; có nguồn tài nguyên rừng, biển phong phú ; có chung một vùng khí hậu rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp ; đồng thời cũng có chung nhược điểm là nguồn sống chính của nhiều nước trước đây đều dựa vào nông nghiệp kém phát triển. Đa phần các nước từng là *thuộc địa* : thuộc Pháp, như *Việt nam* ; thuộc Anh, như *Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po* ; thuộc Hà lan, như *In-đô-nê-xi-a,* v.v.. Thông thường, các nước đã có những yếu tố tương tự nhau về tự nhiên, về lịch sử, xã hội, thì cũng có những yếu tố gần gũi nhau về kinh tế. Cụ thể, các nước này hiện có sự giống nhau *về* cơ cấu sản xuất hàng hóa nói chung và cơ cấu hàng hóa xuất khẩu nói riêng ; *về* những chính sách kinh tế (do đó có điều kiện thuận lợi để trao đổi, học hỏi lẫn nhau) ; *về* những kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn,

Digitized by Google

kể cả kinh nghiệm xương máu trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, thoát khỏi sự lệ thuộc nước ngoài.

Bên cạnh việc xem xét những nét tương đồng, để đi đến sự hợp tác ngày càng rộng rãi và hiệu quả hơn trên tất cả các lĩnh vực, cũng cần phải hiểu biết cặn kẽ những nét khác biệt giữa các nước trong Hiệp hội. Trong hoàn cảnh thế giới ngày nay, khi "vừa đấu tranh và cạnh tranh với nhau, vừa hội nhập và hợp tác với nhau" được các nước coi như một tất yếu để cùng tồn tại và phát triển, thì sự khác biệt giữa các nước chưa hẳn chỉ là khó khăn, trở ngại, mà có thể lại là những điều kiện cần thiết để đa dạng hóa nội dung các quan hệ hợp tác, hoặc để các nước khai thác, phát huy những nét riêng, bổ sung cho nhau. Khác với các thành viên khác trong ASEAN, Việt nam xây dựng nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng rõ ràng điều đó không ngăn trở Việt nam gia nhập ASEAN. Về *kinh tế*, giữa các nước trong Hiệp hội và Việt nam còn khoảng cách khá xa về nhiều mặt. Vài chục năm gần đây, nhờ thực hiện chính sách kinh tế linh hoạt, thích ứng nhanh với thị trường thế giới, thu hút đầu tư nước ngoài rộng rãi, thực hiện sự liên kết và phân công hợp tác kinh tế trong và ngoài khu vực, nhiều nước ASEAN đã xây dựng được một nền kinh tế năng động, phát triển nhanh. Dựa vào con số thống kê (tính đến hết năm 1995) của các nước ASEAN để so sánh thì thấy rõ. *GDP bình quân đầu người* ở nước có mức cao nhất như Xin-ga-po là 18 025 USD ; ở nước có mức thấp như In-đô-nê-xi-a là 650 USD ; còn ở Việt nam chỉ có 220 USD. Về mức *dự trữ ngoại tệ*, Xin-ga-po : 53 tỉ USD ; In-đô-nê-xi-a : 12 tỉ USD ; Việt nam : 1 tỉ USD. Về *xuất khẩu*, Xin-ga-po : 88,8 tỉ USD ; In-đô-nê-xi-a : 37 tỉ USD, Việt nam : 5,4 tỉ USD. Trong khi các nước như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a đã trở thành thành viên của *Câu lạc bộ những nước có nền kinh tế mới công nghiệp hóa*, thì Việt nam mới chỉ bước vào giai đoạn đầu thực hiện quá trình công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu. Về *cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật*, nhất là hệ thống đường sá, sân bay, bến cảng, quy hoạch và kiến thiết đô thị..., chúng ta thua xa các nước ASEAN. Về *cơ cấu kinh tế*, trong khi các nước bạn trong ASEAN đã khẳng định được vai trò của công nghiệp (bao gồm công nghiệp truyền thống, công nghiệp chế biến, công nghiệp mới) đối với sự phát triển của nền kinh tế..., thì ở nước ta vai trò nông nghiệp còn rất quan trọng trong nền kinh tế (tỷ trọng nông nghiệp đang còn chiếm phần đáng kể trong GDP ; công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, công nghiệp kỹ thuật cao, còn rất yếu). Khu vực dịch vụ ở nước ta chỉ mới phát triển, nên chưa thể có một định hướng chuẩn xác, do đó chưa giúp gì được nhiều cho sự phát triển sản xuất và các hoạt động khác của nền kinh tế.

*
* *

Để Việt nam hội nhập nhanh chóng và có điều kiện phát triển theo kịp các nước ASEAN, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp cơ bản mang tính tất yếu của quá trình hội nhập và phát triển :

Thứ nhất, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp, mà trực tiếp nhất ở đây là luật đầu tư nước ngoài và trong nước, luật ngân sách, luật kế toán và kiểm toán, luật ngân hàng... và hệ thống chính sách cởi mở nhưng có nguyên tắc nhằm thu hút đầu tư nước ngoài ; đặc biệt, nên có những quy định ưu đãi đối với các nước ASEAN trong việc hợp tác, đầu tư vào Việt nam. Đơn giản hóa các loại thủ tục như : thủ tục cấp giấy phép đầu tư, thủ tục hải quan, thủ tục thị thực nhập cảnh, v.v..

Thứ hai, đẩy nhanh quá trình đổi mới cơ chế quản lý ; khẩn trương thực hiện có hiệu quả cải cách nền hành chính ; cấu trúc lại cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng về xuất khẩu và thay thế nhập khẩu ; có kế hoạch để nhanh chóng và mạnh dạn đổi mới trang thiết bị, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, nhằm tạo ra lượng hàng hóa có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

(Xem tiếp trang 57)

Digitized by Google

NƯỚC NGA SAU BẦU CỬ TỔNG THỐNG

NGUYỄN THỊ HOA

NƯỚC Nga vừa trải qua một sự kiện chính trị trọng đại liên quan đến vận mệnh và con đường đi của đất nước. Đó là cuộc bầu cử tổng thống mà thực chất là một cuộc đấu quyết liệt giữa hai ứng cử viên nặng ký nhất là ông B.En-xin (đương kim tổng thống) và ông G. Diu-ga-nốp (Chủ tịch Đảng cộng sản liên bang Nga). Trải qua hai vòng bầu cử, với số phiếu ủng hộ 53,7% ở vòng hai, tổng thống En-xin đã được tái cử. Theo một số nhà phân tích, đối với ông B.En-xin, cuối cùng thì cuộc bầu cử cũng đã kết thúc một cách tương đối suôn sẻ và thuận lợi. Tuy nhiên, những vấn đề của nước Nga đặt ra sau bầu cử lại không phải dễ dàng.

So với nhiệm kỳ đầu, nhiệm kỳ thứ hai này của tổng thống En-xin đang đứng trước không ít những khó khăn và thách thức. Bối cảnh nước Nga hiện nay với nhiều chuyển biến sâu sắc và phức tạp về chính trị, kinh tế, xã hội đặt ra những vấn đề to lớn và rất khó lường.

Điều dễ nhận thấy đầu tiên từ cuộc bầu cử tổng thống là *lực lượng đối lập với chính quyền không phải là nhỏ*. Xã hội Nga những năm vừa qua đã phân hóa thành nhiều khuynh hướng, nhiều trào lưu tư tưởng và màu sắc chính trị ; xuất hiện hàng trăm chính đảng và phong trào. Những đảng phái và tổ chức đó đại diện cho nhiều đường lối, tiếng nói khác nhau, do vậy, chúng làm phân tán sự ủng hộ đường lối của chính phủ.

Trong khung cảnh chính trị phức tạp với nhiều sắc thái của các lực lượng đối lập, lực lượng lớn nhất làm chao đảo chính trường Nga hiện nay là lực lượng cánh tả mà nòng cốt là Đảng cộng sản liên bang Nga (KPRF). Chính quyền buộc phải thừa nhận một thực tế là có một lực lượng như thế, một phong trào như thế đang dần dần lớn mạnh, chiếm lĩnh vị trí trên chính trường nước Nga, làm thay đổi cán cân lực lượng nước Nga.

Đảng cộng sản liên bang Nga hiện có khoảng 55 vạn đảng viên, là đảng có cơ sở trong quần chúng mạnh nhất và rộng rãi nhất (hơn 2 vạn tổ chức cơ sở đảng ở tất cả các địa phương ở Nga). Đảng cộng sản liên bang Nga có quan hệ với hơn 150 đảng và phong trào trên thế giới. Trong điều kiện khó khăn hiện nay, với tư cách là lực lượng đối lập chính, Đảng cộng sản liên bang Nga đã từng bước xác lập vị trí và ảnh hưởng của mình trong đời sống chính trị đất nước.

Phong trào cộng sản ở Nga ngày càng thu hút sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng và các đảng phái. Bằng sự liên minh với các tổ chức, phong trào như "Chính quyền nhân dân" của cựu thủ tướng Liên xô N. Ru-sơ-cốp, "Đảng nông nghiệp Nga" của ông M. Ráp-sin, Đảng cộng sản liên bang Nga đã chứng tỏ sự uyển chuyển, mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược và chiến lược của mình. Trong cuộc bầu cử tổng thống vừa qua, Chủ tịch Đảng cộng sản liên bang Nga G. Diu-ga-nốp đã được hơn 200 tổ chức và phong trào cánh tả ủng hộ, nhận được 40,3% số phiếu bầu. Trong con mắt của 30 triệu cử tri, Đảng cộng sản liên bang Nga là nơi gửi gắm những niềm tin, lẽ công bằng và tính nhân bản. Với một số người khác, đó là lối thoát của nước Nga khỏi sự bế tắc hiện tại.

Một điều không ai có thể phủ nhận được là trong những năm dưới chính quyền Xô-viết do Đảng cộng sản lãnh đạo, những giá trị truyền thống tốt đẹp của đất nước và con người Nga đã được bảo tồn và nâng lên thành những giá trị thiêng liêng làm nên sự vĩ đại của một dân tộc, một đất nước xếp vị trí hàng đầu thế giới. Trở về với quá khứ, đối với một số người, là trở về với những giá trị tốt đẹp đó.

Digitized by Google

Trong bối cảnh nước Nga có sự phân hóa sâu sắc như hiện nay, để tồn tại và tiếp tục phát triển, phong trào cộng sản đứng trước nhiều vấn đề mới phức tạp về phương hướng, đường lối và phương pháp đấu tranh, về bài học tăng cường đoàn kết nội bộ... Sau bầu cử, các lực lượng cộng sản và dân tộc yêu nước tiếp tục phát triển mở rộng cơ sở đảng trong quần chúng, dự định thành lập phong trào mới, tiến hành đại hội thành lập và bầu ban lãnh đạo thống nhất.

Những gì đã và đang diễn ra ở Nga, từ cuộc bầu cử vào Đu-ma quốc gia tháng 12-1995 cho đến cuộc bầu cử tổng thống Nga vừa qua đã cho thấy : khác với dự đoán và mong muốn của những phần tử chống cộng, chủ nghĩa cộng sản không những không chết, mà đã và đang thực sự được phục hồi. Nó đã hiện diện khỏe khoắn, trở thành một lực lượng lớn mạnh, một đối trọng đáng được quan tâm trên chính trường nước Nga. Điều đó chứng tỏ lý tưởng của nó vẫn có sức sống trường tồn. Những giá trị cao đẹp mà cách đây hơn một thế kỷ, Mác, Ăng-ghen và sau này là Lê-nin đã vạch ra vẫn là những mục tiêu của những người cộng sản và niềm tin của đông đảo nhân dân Nga. Với vai trò của mình trong Đu-ma quốc gia (có gần 200 đại biểu), và trong xã hội, phong trào cộng sản cũng buộc giới chức trong chính quyền phải thay đổi cách nhìn nhận, không thể tiếp tục giữ thái độ chống đối như cũ, cũng như không thể giữ nguyên những chính sách như cũ.

Thách đố thứ hai đối với Chính phủ Nga hiện nay là *làm sao đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đưa nước Nga vươn lên tương xứng với tiềm năng của nó.* Bức tranh kinh tế Nga hiện nay không mấy sáng sủa. Chính quyền Nga đã chi rất nhiều tiền trong chiến dịch bầu cử tổng thống vừa qua. Đây cũng là thời điểm chính quyền giảm sự thu nhập về thuế. Trong khi đó, tổng số lương mà các cơ quan, xí nghiệp còn nợ lại đã lên tới 5,8 tỉ đô la. Thâm hụt ngân sách trong quý 1-1996 là 20 tỉ đô la. Triển vọng về kết quả của việc thực hiện đường lối kinh tế mới của chính phủ để có thể vực dậy nền kinh tế vẫn còn là điều xa vời.

Nhìn nhận một cách khách quan, cuộc cải cách kinh tế diễn ra ở nước Nga hơn 4 năm qua cũng đã đem lại một số kết quả nhất định, nhưng còn rất nhiều vấn đề nan giải. Cuộc cải cách này đã mang lại lợi ích cho một số người. Họ đã giàu lên nhanh chóng và trở thành tầng lớp tư sản mới của nước Nga. Tuy nhiên, đời sống nhân dân nói chung mà đặc biệt là của người lao động ở thành phố và tuyệt đại bộ phận nông dân không những không được cải thiện mà có phần bị giảm sút nghiêm trọng. Gần 1/3 số dân Nga (khoảng 50 triệu người) có thu nhập dưới mức nghèo khổ. Trong khi đó cuộc chiến tranh ở Trê-sni-a với những hậu quả khôn lường về người và của vẫn đề nặng lên tâm trí người dân Nga, tạo nên những cơn sóng ngầm chia rẽ sự hòa hợp dân tộc và ổn định đất nước. Những vụ đánh bom và dọa đánh bom liên tiếp ở Mát-xcơ-va cùng một số nơi khác sau bầu cử cho thấy cuộc đấu tranh của chính quyền Nga chống tội phạm và tham nhũng sẽ vẫn còn là cuộc đấu tranh lâu dài và vô cùng phức tạp.

Có lẽ, sự rạn nứt lớn nhất trong xã hội Nga 5 năm qua kể từ khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước này sụp đổ là sự khủng hoảng về tư tưởng, sự đổ vỡ về tinh thần và sự "bần cùng hóa" về đạo đức. Hơn ai hết, chính người dân Nga đã cảm nhận được thực tế này. Trong nền chung của xã hội, khi mà một số người chối bỏ quá khứ, quay lưng với lịch sử, còn một số khác lại mất lòng tin vào chế độ xã hội hiện tại thì việc định hướng tư tưởng là vấn đề căn bản cho sự tồn tại và phát triển đất nước. Ở Nga như có sự hẫng hụt, như đang thiếu vắng một định hướng tư tưởng rõ ràng. Điều này thể hiện rõ trong cuộc bầu cử tổng thống vừa qua, chưa có một đảng phái chính trị nào có đủ sức thu hút về tư tưởng để có thể chiếm được cảm tình trong tuyệt đại đa số nhân dân.

Một vấn đề khác đặt ra cho nước Nga sau cuộc bầu cử là *nội bộ chính quyền Nga hiện nay như thế nào.* Cuộc bầu cử tổng thống đã tạo ra những liên minh mới đồng thời cũng tạo ra sự phân hóa mới trong nội bộ chính quyền Nga. Theo một số nhà phân tích, sự thắng lợi của

Digitized by Google

tổng thống B.En-xin không có nghĩa là tạo được sự ổn định ngay lập tức ở Nga. Trái lại, chưa biết chừng một thời kỳ bất ổn chính trị mới ở điện Crem-li sẽ xảy ra. Cuộc tranh giành quyền lực và ảnh hưởng giữa các lực lượng đồng minh của tổng thống B. En-xin xoay quanh ba cạnh của một tam giác quyền lực : Thủ tướng đương nhiệm V. Tréc-nô-múc-đin, tướng về hưu A.Lê-bét và Chánh văn phòng tổng thống vừa được bổ nhiệm A. Chu-bai-xơ. Tướng Lê-bét hy vọng trở thành tổng thống năm 2000, đã tuyên bố : " Một dòng máu mới sắp chảy vào vị trí của quyền lực. Và tôi là một ví dụ của dòng máu mới đó". Thủ tướng Tréc-nô-múc-đin thì nói "sẽ không chuyển giao quyền lực cho bất kỳ ai"... Do các thành viên tham gia bao gồm nhiều lực lượng khác nhau như vậy, liệu Chính phủ Nga có tạo được một sức mạnh thống nhất để xóa bỏ mọi sự chia rẽ vốn đã ăn sâu trong lòng nước Nga, có thể đưa nước Nga thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - chính trị và xã hội hiện nay được không ? Và hơn hết, nó có tiêu biểu cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của toàn dân tộc không ? Đó là những câu hỏi không dễ trả lời.

Cũng như nhiều dân tộc khác, người Nga hay có cách so sánh bằng hình tượng. Người ta nói rằng, dưới thời cộng sản, nước Nga đã từ chỗ là một nước "thường thường bậc trung" vượt lên thành siêu cường nhất nhì thế giới. Còn đến thời ông Goóc-ba-trốp đã làm cho nó từ vị trí hàng đầu tụt xuống hạng cuối. Người ta còn nói, dưới thời Xô-viết người dân thiệt về cái miệng ít được nói (do cơ chế tập trung), nhưng cái bụng lại được no, con người được bảo hiểm và an toàn tuyệt đối. Còn thời cải tổ, cái miệng được sử dụng hết cỡ (nhờ dân chủ hóa, công khai hóa), nhưng cái bụng thì lép dần và con người chẳng được ai chăm lo bảo vệ.

Những so sánh ấy chưa hẳn đã chính xác nhưng nó cũng nói được nhiều điều. Tuy nhiên người ta còn để ngỏ chưa khái quát về nước Nga hiện nay, đặc biệt là nước Nga sau cuộc bầu cử tổng thống. Điều đó còn chờ vào sự trả lời của thực tế.❑

VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 54)

Thứ ba, Nhà nước ta cần phải đầu tư thích đáng vào việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ có năng lực để tham gia các hội nghị thường kỳ và các hoạt động của ASEAN. Cần sớm tham gia vào khu vực mậu dịch tự do (AFTA) để tận dụng những thuận lợi của các thành viên AFTA, và có như vậy Việt nam mới thực sự là một thành viên với ý nghĩa thật đầy đủ của ASEAN.

Ngoài ra, nước ta cần sớm có những cải cách căn bản hơn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng ; đa dạng hóa các định chế tài chính, đặc biệt đối với khu vực tư nhân, để tài chính, ngân hàng thực sự là đòn bẩy quan trọng thúc đẩy nền kinh tế phát triển và hòa nhập với ASEAN.

Sau một năm hoạt động chính thức trong Hiệp hội các nước Đông - Nam Á, chúng ta tiếp tục khẳng định : Việt nam trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN là một điều tất yếu trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Giữa Việt nam và các nước khác trong Hiệp hội có những điểm tương đồng và khác biệt là lẽ tất nhiên, bởi tính độc lập của mỗi quốc gia cũng như bởi hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước. Đảng và Chính phủ Việt nam ý thức rõ những thuận lợi, thời cơ và những thách thức, đã đề ra những quyết sách thích hợp với đường lối đổi mới đất nước và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn, có chính sách mở cửa, hội nhập và hợp tác cởi mở với khu vực và thế giới, cộng với sự nỗ lực lớn lao của nhân dân ta nhằm thực hiện sự liên kết, gắn bó và tin cậy lẫn nhau giữa các nước trong Hiệp hội. Đó là điều kiện căn bản để chúng ta cùng các nước trong cộng đồng thực hiện thắng lợi mục tiêu chung : ***hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và thịnh vượng.***❑

Digitized by Google

"GIÁ TRỊ CHÂU Á"

"GIÁ trị châu Á" là một đề tài thu hút sự tham gia tranh luận rộng rãi ở cả phương Tây lẫn phương Đông. Mặc dù còn có ý kiến cho rằng, không thể có một "giá trị châu Á", vì châu Á có quá nhiều truyền thống văn hóa, từ Phật giáo, Khổng giáo, Thiên chúa giáo đến Ấn độ giáo và Hồi giáo... Song hầu hết các chuyên gia vẫn khẳng định là có một "giá trị châu Á", và giá trị này là yếu tố then chốt tạo nên sự phát triển thần kỳ của nhiều nước châu Á.

Vậy "giá trị châu Á" là gì và đặc điểm của nó như thế nào ?

Nói một cách ngắn gọn nhất, "giá trị châu Á" là các thành quả vật chất và tinh thần mà các dân tộc châu Á đã đạt được, những thành quả này có ý nghĩa sâu sắc, và được đa số các tầng lớp trong xã hội thừa nhận. Nó bao gồm một số đặc điểm nổi bật sau :

- Tinh thần tự lực tự cường ; ý thức dân tộc cao và lòng yêu nước nồng nàn.

- Đạo đức lao động và tinh thần kỷ luật cao.

- Các yếu tố truyền thống về tổ chức xã hội : tính tập thể, sự phục tùng, coi trọng lợi ích cộng đồng, coi trọng cấu trúc gia đình, kính trọng người cao tuổi v.v.

Động lực then chốt của sự phát triển

Chính nhờ biết bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, kết hợp với tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại mà nhiều nước châu Á đã thành công trên con đường xóa bỏ đói nghèo, tiến tới phồn vinh. Hay nói một cách khác, "giá trị châu Á" cộng với tinh hoa văn hóa nhân loại đã tạo ra sự phát triển nhanh chóng. Người ta đã nhiều lần nói đến chuyện "tính cách" Nhật bản đã giúp Nhật đuổi kịp và vượt nhiều nước phương Tây chỉ trong một thời gian ngắn. Hay như trường hợp của Đài loan, thành công của Đài loan là do tố chất văn hóa : một hệ thống văn hóa mới được kết hợp giữa văn hóa Nho giáo với văn hóa hiện đại. Hầu hết NIEs Đông Á, ngoài việc khai thác các yếu tố truyền thống phương Đông còn biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại, tạo thành hợp lực quan trọng thúc đẩy công cuộc phát triển của đất nước. Nhờ ở "giá trị châu Á" mà các nước Đông Á chỉ mất 40 năm đã đạt được điều mà phương Tây phải mất đến 2 thế kỷ. Tới năm 2000, kinh tế Đông Á từ Nhật tới In-đô-nê-xi-a sẽ tương đương sức mạnh hiện nay của Mỹ và đạt 4/5 sản lượng hiện tại của Cộng đồng châu Âu. Trong thế kỷ tiếp theo, các nước này có thể sẽ có tiếng nói quyết định đối với các xu hướng phát triển các ngành kinh tế chủ chốt của thế giới. Căn cứ vào nhịp độ tăng trưởng GDP và nhiều yếu tố khác, Ngân hàng thế giới đã đưa ra dự báo kinh tế đến năm 2020. Theo báo cáo này thì thế giới sẽ được chứng kiến những pha rượt bắt ngoạn mục : Trung quốc sẽ vượt Mỹ để trở thành siêu cường kinh tế số một thế giới ; trong số năm nước kinh tế hàng đầu, có bốn nước châu Á ; và trong số mười lăm nền kinh tế mạnh nhất thế giới sẽ có chín nước thuộc thế giới thứ ba, trong đó, Thái lan sẽ vượt Anh và chiếm vị trí số 8.

Theo các chuyên gia, thành công của châu Á bắt đầu từ gia đình. Ở châu Á, gia đình là nơi tôn nghiêm. Ở đó, tính chính trực được nuôi dưỡng và những giá trị tốt đẹp nhất được truyền từ đời này sang đời khác. Trong quá trình phát triển, các hủ tục, mê tín dị đoan... phải bị mất đi, song có nhiều truyền thống phải được bảo tồn ngay cả khi xã hội phát triển nhanh chóng. Sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là sự xâm nhập mạnh mẽ của công nghệ và lối sống phương Tây đã không làm mất đi bản sắc dân tộc của châu Á. Các phong tục, tập quán, lễ hội, nền nếp gia đình

---

* *Nguồn* : 1-Tạp chí *Thương mại châu Á*, số 10-1994
2 - Tạp chí *Tấm gương* (CHLB Đức), số 11-9-1995
3 - Tạp chí *Tuần châu Á*, số 15-12-1995
4 - Tạp chí *Thông tin công tác tư tưởng*, số 7-1996, và một số bản tin tham khảo của TTXVN

Digitized by Google

vẫn tồn tại và phát triển với những nét độc đáo riêng của phương Đông. Kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo ; coi trọng đạo lý, làm việc thiện, ghét cái xấu, cái ác... vẫn là những chuẩn mực được xã hội trân trọng, được bảo tồn và trở thành nội lực quan trọng của sự phát triển. Và đó chính là nét đặc trưng của "giá trị châu Á".

Dân chủ từ điểm nhìn châu Á

Trong những năm 80, thủ tướng Xin-ga-po Lý Quang Diệu và thủ tướng Ma-lai-xi-a Ma-ha-thia Mô-ha-mét có thể coi là những người đi đầu trong cuộc đấu tranh cho những "giá trị châu Á", và mạnh mẽ chống lại sự can thiệp của nước ngoài vào đời sống chính trị của khu vực. Hiện nay có nhiều người đưa ra khái niệm *đường lối châu Á*. Mặc dù còn có một số điểm bất đồng, song những nguyên tắc cơ bản đã được thống nhất, trong đó nội dung cơ bản gồm những giá trị : gia đình, tôn trọng chính quyền, nhất trí trong quyết định và quyền lợi tối cao của cộng đồng đối với cá nhân.

Một quan chức châu Á nói : "Sự phục hưng của châu Á đang phát triển rất mạnh". Thực ra, châu Á đã nói đến sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại từ lâu, nhưng sau khi kết thúc chiến tranh lạnh, vấn đề này mới trở lại một cách mạnh mẽ. Theo các nhà phân tích, trong số 10 chính sách có hiệu quả ở Đông Á, có các chính sách : sự cam kết xã hội giữa nhà nước và nhân dân. Nhà nước bảo đảm những nhu cầu cơ bản, luật pháp và trật tự, còn nhân dân tôn trọng chính quyền và tự lực cánh sinh chứ không chờ phúc lợi ; một môi trường đạo đức trong sạch, tự do báo chí nhưng có trách nhiệm xã hội và loại bỏ "chủ nghĩa cá nhân cực đoan" kiểu phương Tây.

Trong một lần trả lời phỏng vấn tạp chí *Tấm gương* (CHLB Đức), thủ tướng Ma-lai-xi-a nhấn mạnh : "Trong một nền dân chủ châu Á, thiểu số và cá nhân phải được hưởng quyền tự do. Tuy nhiên, các quyền tự do này không được đặt lên trên quyền lợi của đa số. Chúng tôi yêu cầu sự tôn kính người già, những cơ cấu gia đình ổn định, sự tôn trọng cộng đồng, và điều này khác với phương Tây". Và một nhà ngoại giao phương Tây đã nói : "Các giá trị của phương Tây không phải là một khối nguyên vẹn. Một số giá trị thì tốt, còn một số thì xấu. Nhưng người ta phải đứng ra ngoài phương Tây để thấy điều này cho rõ và để chính phương Tây nhận biết đã gây ra sự sa sút của nó thế nào".

Trong quá trình phát triển có những truyền thống phải mất đi, song có nhiều truyền thống phải được bảo tồn. Chẳng hạn như "tôn trọng chính quyền" là một truyền thống mà châu Á cần giữ vững, bởi nó liên quan đến ổn định chính trị - một nhân tố rất quan trọng để phát triển. Điều đó có nghĩa là dân chủ phải phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của xã hội. Một quan chức Ma-lai-xi-a phát biểu : "Ở Ma-lai-xi-a luôn luôn có sự đấu tranh không ngừng giữa quyền lợi của cộng đồng với quyền lợi của cá nhân. Nhưng chúng tôi biết bên nào luôn luôn thắng : *Cộng đồng*". Như vậy, dân chủ ở châu Á đối lập với kiểu dân chủ giành cho thiểu số và cho cá nhân quyền ưu tiên cao nhất ; đối lập với dân chủ dựa trên nguyên tắc buông lỏng và đấu tranh liên miên của phương Tây. Một quan chức châu Á sau khi dẫn ra số liệu về tình trạng tội phạm, số cặp vợ chồng li dị và số các bà mẹ sống cô đơn ngày càng tăng ở Mỹ, đã kết luận : "Đáng lẽ cần phải khiêm nhường khi truyền bá những giá trị của họ ra bên ngoài, thì người Mỹ lại tự tin rao giảng về giá trị tự do cá nhân, cố ý phớt lờ những hậu quả xã hội... Chỉ có một xã hội hay tranh chấp như Mỹ mới viện cớ rằng, ngăn cấm việc phổ biến văn hóa khiêu dâm, bạo lực là làm xói mòn toàn bộ nền tảng của tự do ngôn luận. Báo chí được tự do, song phải có những quy định để bảo đảm cho nó hoạt động có trách nhiệm trước xã hội". Điều này giải thích vì sao đang có một sự chuyển biến lớn về tâm lý ở châu Á. Quan niệm "phương Tây là nhất" đã thay đổi. Nhiều người châu Á đã bắt đầu phát hiện lại châu Á, để có niềm tin vào châu Á và tự hào là người châu Á.

Rõ ràng, dân chủ châu Á là một nền dân chủ gắn với "giá trị châu Á". Trong đó, một nhân tố then chốt đã nổi lên : châu Á tập trung xây dựng sự đồng tâm nhất trí trong khu vực.

"Giá trị châu Á" với những nét đặc trưng nhất đã trở thành một khái niệm đầy sức thuyết phục, và sẽ có rất nhiều để đóng góp cho sự phát triển của thế giới hiện nay ❑

TRỊNH CƯỜNG
(tổng thuật)

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH MẬU DỊCH TỰ DO. BẢO HỘ MẬU DỊCH

● **CHÍNH SÁCH MẬU DỊCH TỰ DO :** Là chính sách áp dụng cho thương mại, đặc biệt là trong thương mại quốc tế, trong đó phân hệ các biện pháp không mang tính chất cản trở, hoặc có hạn chế đối với hàng hóa nước ngoài trên thị trường nội địa nước chủ nhà.

Đặc điểm cơ bản của chính sách mậu dịch tự do là : 1) Mở cửa thị trường nội địa cho hàng hóa nước ngoài tự do xâm nhập, trước hết bằng cách xóa bỏ hàng rào thuế quan, rồi sau đó là xóa bỏ các trở ngại khác. 2) Điều kiện để áp dụng chính sách này là sau khi nền kinh tế quốc dân, nhất là các công ty kinh doanh ngoại thương đã sẵn sàng chấp nhận sự cạnh tranh khốc liệt của hàng ngoại nhập. Trong lịch sử, nước Anh là nước tư bản đầu tiên đã từng thi hành chính sách này sau thời gian đóng cửa thị trường nội địa để phát triển kinh tế. Ngay cả các nước công nghiệp mới (NICs) cũng chỉ mở cửa sau một thời kỳ (ngắn hoặc dài hạn là tùy vào hoàn cảnh cụ thể) đóng cửa. Trong lý thuyết "biên giới mềm" quan niệm rằng hàng hóa vươn tới đâu thì biên giới của quốc gia sản xuất ra hàng hóa ấy vươn tới đó. Do đó mở cửa thị trường nội địa cho hàng hóa nước ngoài tự do xâm nhập chỉ có thể đem lại thành công khi nền sản xuất trong nước đã đủ mạnh, nếu không chúng sẽ bị "bóp chết" (dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả buôn lậu) bởi sự thua thiệt do không cạnh tranh được với hàng ngoại nhập.

● **CHÍNH SÁCH BẢO HỘ MẬU DỊCH :** Là chính sách áp dụng trong thương mại bao gồm các biện pháp nhằm bảo hộ (bảo vệ) thị trường và sản xuất nội địa khỏi sự xâm thực, cạnh tranh khốc liệt của hàng nhập ngoại có nhiều ưu thế hơn hẳn hàng trong nước về các mặt chất lượng, giá cả cũng như sức hấp dẫn.

Đây thường là loại chính sách được thi hành như một giai đoạn tạm thời, chuẩn bị tiền đề để chuyển sang kiểu chính sách mậu dịch tự do (nếu thi hành có hiệu quả). Cho nên, việc áp dụng nó ở nước này, hay nước khác là một hiện tượng tự nhiên, bình thường trong quan hệ kinh tế và thương mại quốc tế. Chính sách bảo hộ mậu dịch có mục đích bảo vệ các ngành kinh tế, các đơn vị sản xuất - kinh doanh đang còn yếu kém ở chặng đầu mới hình thành và phát triển, được gọi là chính sách bảo hộ mậu dịch *kiểu phòng ngự* (bảo hộ mậu dịch ôn hòa).

Sau thời kỳ bảo hộ mậu dịch kiểu phòng ngự, sẽ chuyển sang chính sách mậu dịch tự do, nghĩa là hành động phù hợp với quy luật khách quan của quốc tế hóa đời sống kinh tế. Những nước nhầm lẫn bảo hộ mậu dịch như mục đích tự thân (kéo dài quá mức thời kỳ bảo hộ, hoặc không xuất phát từ mục đích phát triển sản xuất trong nước) đều phải trả giá đắt, làm cho nền kinh tế lạc hậu và tụt hậu về nhiều mặt so với thế giới.

Khác với chính sách bảo hộ phòng ngự mà các nước có nền kinh tế phát triển (đặc biệt là các nước đế quốc) áp dụng, chính sách *"tân bảo hộ"* hay *"siêu bảo hộ"* là một kiểu chính sách có đối tượng được nó bảo hộ không phải là các ngành, các hãng, các công ty non yếu mới ra đời, mà là các ngành, các đơn vị sản xuất - kinh doanh dù đã hùng mạnh ở trong nước, nhưng chưa đủ tiềm lực để đánh gục đối thủ cạnh tranh của các nước khác trên "vũ đài" kinh tế thế giới.

Chính sách "tân bảo hộ" chĩa mũi nhọn vào một nước hay nhóm nước nào là tùy hoàn cảnh cụ thể. Ví dụ, trước thập kỷ 80 các nước nhóm NICs, Ấn độ, ASEAN, v.v. bị chọn làm "bia" mục tiêu, vì sản phẩm công nghiệp của họ bắt đầu đe dọa làm tràn ngập thị trường các nước tư bản phát triển. Xung quanh vấn đề bảo hộ mậu dịch thường bùng nổ các cuộc xung đột hay chiến tranh thương mại. Để chọc thủng bức tường bảo hộ, một số nước áp dụng một loại chính sách ưu tiên đặc biệt cho mậu dịch vùng biên (nơi có các cửa khẩu) còn gọi là chính sách *biên mậu*, để xâm nhập hàng hóa của mình sang nước khác. Cuộc đấu tranh đòi tự do hóa mậu dịch quốc tế diễn ra đặc biệt mạnh mẽ tại Hội nghị về mậu dịch và phát triển của Liên hợp quốc (UNCTAD) từ năm 1964 và Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) từ năm 1947.

Để thực hiện chính sách bảo hộ mậu dịch, các quốc gia thường áp dụng nhiều biện pháp khác nhau. Lịch sử đã biết đến hai loại biện pháp chủ yếu là *thuế quan* và *phi thuế quan*. ❑

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

HANOI

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI

BỐ CÁO THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1/ TÊN DOANH NGHIỆP : TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI.
TÊN GIAO DỊCH QUỐC TẾ : HANOI CONSTRUCTION CORPORATION.
Tên tiết vắt : HACC.

2/ Tổng công ty xây dựng Hà nội là doanh nghiệp lớn của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 7 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ và ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại thông báo số 5825/ĐMDN ngày 13 tháng 10 năm 1995.

- Quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20-11-1995 của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

3/ Trụ sở chính : Số 57 Quang Trung - Hà nội ; Điện thoại : 8.262063 - 8.266102 - 8.227432 - 8.226676 ; Fax : 84 - 4.8.268521.
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh : 12 Hồ Xuân Hương, 29BS Nguyễn Đình Chiểu. Điện thoại : 8433.174

4/ Đăng ký kinh doanh : Số 110725 ngày 17-5-1996 tại ủy ban kế hoạch Thành phố Hà nội.

5/ Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch kế hoạch phát triển ngành xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng, sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị VLXD, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật, liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật và chính sách của Nhà nước.

6/ Vốn kinh doanh : 179,530 tỷ đồng.
VNĐ tài khoản số : 7301-0016G - Ngân hàng đầu tư phát triển Hà nội.
USD tài khoản số : 36211.370163 - Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.

7/ Các đơn vị thành viên (ở thời điểm thành lập TCT).

a) Các doanh nghiệp hạch toán độc lập.

1. CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1
Địa chỉ : 59 Quang trung Hà nội.
Điện thoại " 8.262537 - 8.256004 ; Fax : 84.4.8.228838

2. CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 2.
Địa chỉ : Dịch vọng - Từ liêm, Hà nội.
Điện thoại : 8.343680 - 8.344660

3. CÔNG TY XD BT HỒ CHÍ MINH.
Địa chỉ : 301 Đội cấn - Ba đình - Hà nội.
Điện thoại : 8.327414 ; Fax : 84.4.8.327412.

4. CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 34.
Địa chỉ : Thanh xuân - Đống đa - Hà nội.
Điện thoại : 8.541252 - 8.542605 ; Fax : 84.4.8.545383.

5. CÔNG TY XÂY DỰNG 208.
Địa chỉ : 1F Thái hà - Hà nội.
Điện thoại : 8.561820 - 8.563284 ; Fax : 84.4.8.562156.

6. CÔNG TY XÂY DỰNG TÂY HỒ.
Địa chỉ : Quảng an Từ liêm Hà nội.
Điện thoại : 8.255746 - 8.252615 ; Fax : 84.4.8.239841.

7. CÔNG TY XD VÀ SX VLXD SỐ 5.
Địa chỉ : 242 Minh Khai Hà nội.
Điện thoại : 8.633033 - 8.621007.

8. CÔNG TY XD & TTNT BẠCH ĐẰNG.
Địa chỉ : 1B Hàm Tử Quang - Hà nội.
Điện thoại : 8.256805 - 8.252150 ; Fax : 84.4.8.241073.

9. CÔNG TY LMĐN VÀ XÂY DỰNG
Địa chỉ : 61E La thành - Hà nội.
Điện thoại : 8.343011 - 8.346741 ; Fax : 84.4.8.355270.

10. CÔNG TY TCCG VÀ XÂY LẮP.
Địa chỉ : Thanh xuân - Đống đa - Hà nội.
Điện thoại : 8.584146 - 8.582764.

11. CÔNG TY KDVT VÀ XD.
Địa chỉ : 1 Đốc ngữ - Hà nội.
Điện thoại : 8.326181 - 8.326184 ; Fax : 84.4.8.326181.

12. CÔNG TY TVĐT THIẾT KẾ XD.
Địa chỉ : 109 Phương mai - Hà nội.
Điện thoại : 8.522203 - 8.523898.

13. CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 4.
Địa chỉ : 243A La thành - Hà nội.
Điện thoại : 8.348976 - 8.348384 ; Fax : 84.4.8.348863.

14. CÔNG TY PHÁT TRIỂN KTXD.
Địa chỉ : 243 La thành - Hà nội.
Điện thoại : 8.344651 - 8.34341 ; Fax : 84.4.8.341863.

15. CÔNG TY BÊ TÔNG XD HÀ NỘI.
Địa chỉ : Đông ngạc - Từ liêm - Hà nội.
Điện thoại : 8.343390 -8.344283 ; Fax : 84.4.8.344283.

16. CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 6.
Địa chỉ : 25 Nguyễn Du - Vinh.
Điện thoại : 0.38.8.44410 - 8.44737 ; Fax : 84.38.8.44737.

17. CÔNG TY XÂY DỰNG K2.
Địa chỉ : Quảng xương - Thanh hóa
Điện thoại : 0.37.8.53340 ; Fax : 84.37.8.55413.

b) Đơn vị sự nghiệp.

1. TRƯỜNG CNKT XÂY DỰNG.
Địa chỉ : Trung hòa - Từ liêm - Hà nội.
Điện thoại : 8.533771 - 8.582667

c) Các liên doanh :

1. CÔNG TY XD GAMON - CC1.
2. CÔNG TY LIÊN DOANH XÂY DỰNG VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN
3. CÔNG TY LIÊN DOANH KHÁCH SẠN VƯỜN BẮC THỦ ĐÔ.
4. CÔNG TY QUỐC TẾ HỒ TÂY.
5. CÔNG TY KỸ THUẬT NỀN MÓNG ECON - HÀ NỘI.
6. CÔNG TY LIÊN DOANH TƯ VẤN VỀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG.
7. CÔNG TY LIÊN DOANH KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH
8. CÔNG TY LIÊN DOANH XÂY DỰNG VIC.

CHỦ TỊCH HĐQT : KS. NGUYỄN VĂN THIỆN.
TỔNG GIÁM ĐỐC : PTS. LƯƠNG QUỐC DŨNG.
Tổng công ty xây dựng Hà nội bắt đầu hoạt động từ ngày 1-1-1996.

TỔNG GIÁM ĐỐC TCT XD HÀ NỘI
PTS. LƯƠNG QUỐC DŨNG

Digitized by Google

CÔNG TY ĐẦU TƯ XNK
DAKLAK
(INEXIM DAKLAK)





- ***Head office :***
  164 Hoang Dieu Street
  Buon Ma Thuot, Daklak, VN
  Tel : 84.50.852 951 - 852 029 - 852 203
  Fax : 84.50.852 864

- ***Hanoi office :***
  2B Dang Thai Than Street,
  Hoan Kiem Dist., Hanoi
  Tel & Fax : 84.4.8266 889
  Hand Phone : 019041855

- ***HCM office :***
  113 Nguyen Thai Binh St., Dist.1,HCMC
  Tel : 821.2871 - 821.2872 - 821.2873 - 821.2850
  Fax : 821.2875

- ***Nha Trang office :***
  9 Phu Dong Street
  Tel : 84.58.822 409

☛ Liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư và gia công với các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước về các lĩnh vực liên quan đến sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng xuất nhập khẩu.

☛ Trực tiếp xuất khẩu cà phê và các mặt hàng nông lâm sản khác trên thị trường quốc tế. Sản lượng cà phê xuất khẩu hằng năm 35.000 - 40.000 tấn.

☛ Nhập khẩu những vật tư, nguyên liệu, thiết bị, hàng tiêu dùng, phụ tùng thay thế phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của ngành và cho nhu cầu của các đơn vị kinh tế khác.



☛ *Involved in joint - venture and business cooperation with local and foreign economic organizations to promote production processing and import - export trade.*

☛ *Direct export of coffee and other agricultural products to markets all over the world. Total annual yield quantity of coffee exported 35.000 - 40.000 MT.*

☛ *Direct import of materials, machinery, equipment, spare parts and consumer goods.*

TELEPHONE : 821.2871 - 821.2872
821.2873 - 821.2850

PETROLIMEX

CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ TĨNH

5 NĂM PHÁT TRIỂN VÀ TRƯỞNG THÀNH

ĐỊA CHỈ : ĐƯỜNG TRẦN PHÚ. THỊ XÃ HÀ TĨNH
ĐIỆN THOẠI : 855574 - 856733 - 856637 ; FAX : 855183



Giám đốc :
Kỹ sư TRẦN TÙNG



Trụ sở chi nhánh

Năm	Doanh số (tỷ đồng)	Nộp ngân sách (tỷ đồng)
1992	32,304	0,4
1993	35,455	0,656
1994	54,534	1,39
1995	75,784	9,385
6T-1996	43,284	5,844

- **KINH DOANH CHÍNH :**
  1) Xăng Mogas 83, Mogas 92
  2) Diezel, dầu hỏa, ma zút, nhựa đường
  3) Các loại mỡ máy, dầu nhờn BP nổi tiếng
  4) Bếp gas và gas nhiên liệu
- **DỊCH VỤ :**
  1) Thiết kế lắp đặt công nghệ cột bơm
  Xây dựng cửa hàng xăng dầu
  2) Hướng dẫn sử dụng nhiên liệu và các thiết bị chuyên dùng xăng dầu
  3) Có đội xe vận chuyển xăng dầu theo yêu cầu quý khách.



Cửa hàng ở Đèo ngang - (Kỳ nam)

- **MẠNG LƯỚI :**

Có 12 cửa hàng xăng dầu đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia ở tất cả các huyện thị trong tỉnh Hà tĩnh, từ Gia lách tới Đèo ngang.

- **PHƯƠNG THỨC PHỤC VỤ :**

+ Bán buôn, bán lẻ, đại lý
+ Nhận hàng gửi, cấp lẻ dần

Bạn sẽ hoàn toàn hài lòng về số lượng và chất lượng chủng loại nhiên liệu và thái độ phục vụ tại chi nhánh chúng tôi.

Digitized by Google

CÔNG TY KHOÁNG SẢN LÂM ĐỒNG

Địa chỉ : 41 Hùng Vương, Đà Lạt ●ĐT : (063) : 822808 - 822809 ●Fax : (8463) 821470



Văn phòng công ty



CHỨC NĂNG :

● Thăm dò, khai thác, chế biến xuất khẩu các loại khoáng sản, kim loại và phi kim loại.

●Nhập khẩu : Máy móc, thiết bị, phụ tùng sản xuất, hàng tiêu dùng thiết yếu.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT :

● Thiếc tinh xuất khẩu : 800 tấn/năm

● Đá bán quí : 200 tấn/năm

● Hàng mỹ nghệ bằng đá : 20.000 sản phẩm/năm

● Thị trường tiêu thụ: Đài Loan, Nam Triều Tiên, Nhật, Mã Lai, I-ta-li-a.

● Các dự án đang triển khai : Cao lanh, Bentonite và nước khoáng, Antimon, Diatomite, VLXD thông thường.

CÔNG TY KHOÁNG SẢN LÂM ĐỒNG
HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

CÔNG TY KINH DOANH & PHÁT TRIỂN NHÀ LÂM ĐỒNG

Địa chỉ : 21 Trần Phú - Đà Lạt - Lâm Đồng * ĐT : (063) 822.885 - 821.659 - 822.243



PHẠM VI HOẠT ĐỘNG :

- ❍ **Nhận quy hoạch - Thiết kế và nhận thầu thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.**
- ❍ **Thực hiện kinh doanh địa ốc - Mua bán dưới nhiều hình thức.**
- ❍ **Quản lý và cho thuê nhà đất thuộc diện NN quản lý.**
- ❍ **Cho các tổ chức và cá nhân thuê nhà ở và làm việc.**
- ❍ **Tổ chức thực hiện bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.**





SG.3

SAIGON 3

Garment Company



Địa chỉ : 86 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel : 8225255 - 8222403 Fax : 84.8.251087

Hân hạnh được đón tiếp Quí khách

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU PHÚ RIỀNG

PHURIENG RUBBER COMPANY

ĐỊA CHỈ : HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH SÔNG BÉ ● TEL : 0.65.877767, 877715 ● FAX : 0.65.877758

- SẢN LƯỢNG NĂM 1996 : 10.200 TẤN MỦ LOẠI SVR3L VÀ SVR5
- CÔNG TY CHÚNG TÔI RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC QUAN HỆ VỚI TẤT CẢ BẠN HÀNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC CÓ NHU CẦU VỀ SẢN PHẨM MỦ CAO SU



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
HÀ NGUYÊN CÁT







- *Văn phòng giám đốc Cty cao su Phú riềng*
- *Vườn cây khai thác nông trường 6*
- *Mủ cốm loại 1 đưa vào máy ép*

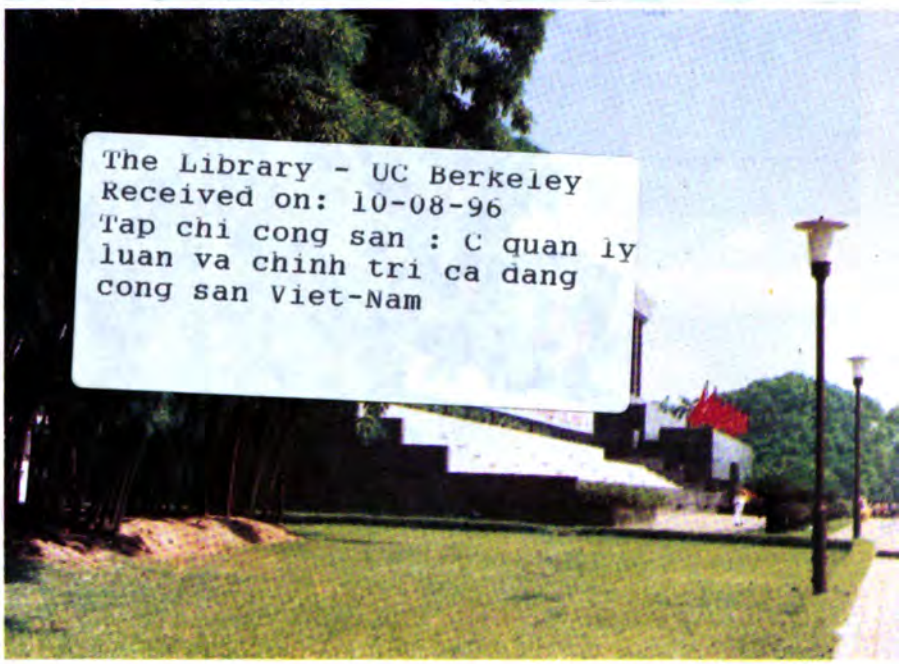
IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

9
V5
H63
v. 1996
no. 17
MAIN

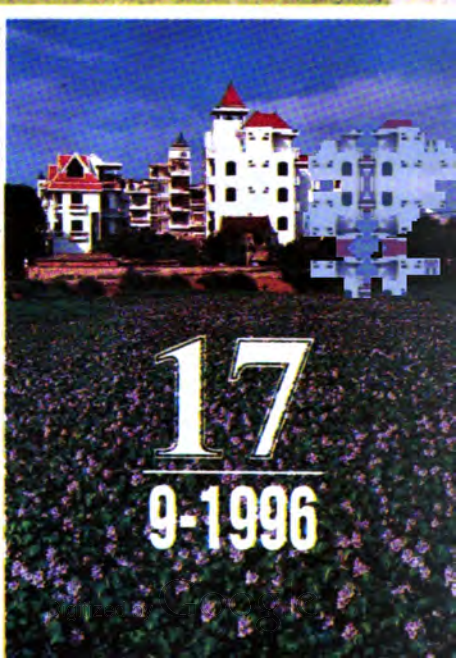
Tạp chí Cộng sản





The Library - UC Berkeley
Received on: 10-08-96
Tap chi cong san : C quan ly
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam





17
9-1996

CÔNG TY CAO SU BÌNH LONG

• Thị trấn An Lộc, huyện Bình Long, Sông Bé • Tel : 01.65.66324-66180 • Fax : 65.66222

CHÚC MỪNG NĂM MỚI



HAPPY NEW YEAR



- Tiền thân là đồn điền TERRE ROUGE trên vùng đất đỏ màu mỡ.
- 10 năm qua trồng mới 15.500 ha với các loại giống năng suất cao, đã có 9.643 ha khai thác mủ. Năm 1994 ước lượng 7.400 tấn mủ cao su chế biến.
- Công nghệ mủ kem (Latex) đầu tiên và duy nhất của ngành cao su những năm qua.
- 9 nông trường, lao động có tay nghề kỹ thuật cao. Cơ sở hạ tầng, giao thông liên lạc thông suốt, bảo đảm đầu tư phát triển công nông nghiệp.

Giám đốc công ty : NGUYỄN VĂN SAO

With Best Wishes for a Happy and Prosperous New Year

Công ty cao su Bình Long hân hạnh đón chào sự hợp tác liên kết phát triển sản xuất

BINH LONG
RUBBER COMPANY

★ Location : An Loc District Town, Binh Long District, Song Be Province
★ Tel : 01.65.66324
★ Fax : 65.66222

- Former name is TERRE ROUGE on fertile basaltic soll 15,500 ha were planted 10 years ago with chigh yellding cultivars, of which 9,643 ha are exploited. Outyield about 7,400 tons of processed latex in 1994.
- Cream latex technology has been applied firstly and unlque in the company.
- Company consitst of 9 plantations with skill workers. Well transportation and infractructure assure the investment for ago-industrial development.

Warm welcome joint - venture and co-operation in production with our company.

Kính chúc Quý khách hàng trong và ngoài nước
An khang Thịnh vượng

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 503

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	VŨ OANH - Đại đoàn kết dân tộc là sức mạnh để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	3
	ĐẶNG XUÂN KỲ - Quan điểm thực tiễn trong phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh	7
	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Một số vấn đề rút ra từ thực tiễn công tác cán bộ trong những năm đổi mới	11
	NGUYỄN SINH CÚC - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân giai đoạn 1996 - 2000	17
NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI	NGUYỄN VĂN THẢO - Bản chất của nhà nước ta : của dân, do dân, vì dân	21
	PHẠM NGỌC QUANG - Đổi mới quản lý nhà nước đối với kinh tế	25
	THANH LÊ - Vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu	29
	BÙI XUÂN HIẾU - Bảo vệ môi trường sinh thái - vấn đề có tính thời đại	33
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN ĐỨC THĂNG - Mấy suy nghĩ về hợp tác xã nông nghiệp và công tác định canh định cư ở Lào cai	36
	THẾ GIA - Từ thực tiễn phát triển sản xuất lương thực ở An giang	39
	NGUYỄN SỸ- Tiềm năng Tiên sơn và hướng đi đã chọn	43
ĐIỀU TRA	TRẦN LAN HƯƠNG - Sự lựa chọn ngành nghề của tuổi trẻ	47
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	HỒ TẤN PHONG - Vấn đề bảo hộ sản xuất nội địa trong chiến lược kinh tế mở	50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	TĂNG ĐÔ - Của quý !	52
TƯ LIỆU LỊCH SỬ	SONG HÀ - Bài báo của Bác Hồ viết về giữ bí mật của nhà nước	53
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HỮU CÁT - Những biểu hiện mới trong quan hệ giữa các nước ở Đông - Nam Á	54
	TRẦN BA KHOA - Về chiến lược quân sự quốc gia mới của Mỹ	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Thuế quan - Phi thuế quan	60

Bìa 1 : *Mùa thu lịch sử* — Ảnh : *TTXVN, Đinh Quang Thành, Cao Việt Hòa*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВУ ОАНЬ - Широкая всенациональная солидарность является импульсом для индустриализации и модернизации страны. ДАНГ СУАН КЙ - Практический взгляд в революционном методе Президента Хо Ши Мина. НГУЕН ФУ ЧОНГ - Некоторые проблемы, извлеченные с практики кадровой работы в годы обновления. НГУЕН ШИНЬ КУК - Перестановка струтуры национальной экономики в 1996-2000 периоде. НГУЕН ВАН ТХАО - Наше государство, в сушности государство для народа, созданное и управляемое народом. ФАМ НГОК КУАНГ - Обновление государственного управления экономикой. ТХАНЬ ЛЕ - Проблема борьбы против бюрократизма. СУАН ХИЕУ - Защита экологической среды-эпохальная проблема. ЧАН ЛАН ХЫОНГ - Выбор профеций молодыми. ХО ТАН ФОНГ - Проблема протекционизма внутреннего производства в стратегии открытой экономики. НГУЕН ХЫУ КАТ - Новые явления в отношениях между государствами Юго-Восточной Азии. ЧАН БА ХОА - О новой национальной военной стртегии Соединненных Штатов Армерики.

CONTENTS

VŨ OANH - The Great national unity is inpulse for industrialization and modernization of the country. ĐẶNG XUÂN KỲ - Pragmatic view points of Ho Chi Minh's revolutionary method. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Some problems drawn from the practice of the cadre work during the years of renovation. NGUYỄN SINH CÚC - National economic structure shift in the 1996 - 2000 period. NGUYỄN VĂN THẢO - Our State in nature is a state of the people, by the people and for the people. PHẠM NGỌC QUANG - Improving State management in economy. THANH LÊ - Problem of combating bureaucratism. XUÂN HIẾU - The protection of the ecological environment - a contemporary problem. TRẦN LAN HƯƠNG - Choice of job of the youth. HỒ TẤN PHONG - Problem of domestic production protection in the strategy of open economy. NGUYỄN HỮU CẢT - New trends in the relation between South East Asian countries. TRẦN BÁ KHOA - About national military strategy of the USA.

SOMMAIRE

VŨ OANH- La grande union nationale constitue notre force pour réaliser l'industrialisation et la modernisation du pays. ĐẶNG XUÂN KỲ - Le point de vue sur la pratique dans la méthode révolutionnaire de Ho Chi Minh. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Quelques questions tirées de la pratique du travail à l'intention des cadres pendant les années de renouveau. NGUYỄN SINH CÚC - La transmutation de la structure de l'économie nationale pour la période 1996 - 2000. NGUYỄN VĂN THẢO - Notre Etat - un Etat du peuple, par le peuple et pour le peuple. PHẠM NGỌC QUANG - Le renouveau de la gestion d'Etat dans le domaine économique. THANH LÊ - La lutte contre le bureaucratisme. XUÂN HIẾU - La protection de l'environnement - un problème de l'époque. TRẦN LAN HƯƠNG - Les jeunes et le choix des métiers. HỒ TẤN PHONG - Le protectionnisme dans la stratégie de l'ouverture économique. NGUYỄN HỮU CẢT - Sur les nouveaux aspects dans les relations entre les pays du Sud-Est asiatique. TRẦN BÁ KHOA - Sur la nouvelle stratégie militaire nationale des Etats-Unis.

SUMARIO

VŨ OANH - La gran unidad nacional es la fuerza por la industrialización y la modernización del país. ĐẶNG XUÂN KỲ - El punto de vista de la práctica en el procedimiento revolucionario de Ho Chi Minh. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Algunos problemas de la práctica en el trabajo de cuadros durante los años de la renovación. NGUYỄN SINH CÚC - Trasmutación de la estructura de la economía nacional en el período 1996 - 2000. NGUYỄN VĂN THẢO - La naturaleza de nuestro Estado : del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. PHẠM NGỌC QUANG - Renovar la gestión de Estado con respecto a la economía. THANH LÊ - El problema de la lucha contra el burocratismo. XUÂN HIẾU - Protección del medio ecológico - un problema del carácter de época. TRẦN LAN HƯƠNG - La juventud ante la selección de profesiones. HỒ TẤN PHONG - El problema de la protección de la producción interna en la estrategia de la economía de abertura. NGUYỄN HỮU CẢT - Nuevas manifestaciones en la relación entre los Estados en el Sureste Asiático. TRẦN BÁ KHOA - Acerca de la nueva estrategia militar nacional de Estados Unidos.

目錄

●武黛：民族大團結是實現國家工業化、現代化的力量●鄧春琪：胡志明革命方法中的實踐論觀點●阮富仲：在革新年代里幹部工作實踐中得出的問題●阮生菊：1996年—2000年國民經濟機制的轉換●阮文草：民有、民治、民享是我們國家的本質●范玉光：國家經濟管理方面的革新●清黎：反官僚主義鬥爭問題●春孝：保護生態環境是時代性的問題●陳關香：青年的職業選擇●胡晉鋒：在開放式經濟戰略中保護國產商品的問題●阮有吉：東南亞各國關係的新現象●陳伯科：關于美國國家新軍事戰略

Digitized by Google

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC LÀ SỨC MẠNH ĐỂ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

VŨ OANH

NGHỊ quyết số 07 ngày 17-11-1993 của Bộ chính trị (khóa VII) về Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất đã chỉ rõ : "Đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta. Tư tưởng đại đoàn kết phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng xã hội, gắn quyền lợi với trách nhiệm, lợi ích riêng của mỗi người với nghĩa vụ công dân, lấy lợi ích dân tộc làm trọng ; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất, khuyến khích mọi người, mọi thành phần kinh tế phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp, cần kiệm xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Đồng thời khuyến khích toàn dân thực hiện tốt các chính sách xã hội".

Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nhiệm vụ của toàn xã hội, toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của Nhà nước. Vì thế phải chấn chỉnh, đổi mới hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ; tăng cường hiệu lực quản lý, luật pháp của nhà nước ; phát huy sức mạnh của cả dân tộc. Công cuộc đó phải lấy đại đoàn kết dân tộc làm tư tưởng, lực lượng và động lực. Còn đại đoàn kết dân tộc phải lấy sự nghiệp tiếp tục đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm điểm tương đồng. Đó là hai mặt trong mối quan hệ hữu cơ hợp thành một tổng thể vận động và phát triển.

Trong những thập kỷ cuối của thế kỷ 20, một loạt nước đã tiến hành cải cách kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó có nhiều nước đã tính đến những thành tựu mới về khoa học - công nghệ, đến tốc độ mới của phát triển lực lượng sản xuất ; đã hướng về phía trước, coi trọng cả dự báo và kinh nghiệm đã qua ; có chiến lược phát triển nền kinh tế mở, phát huy lợi thế so sánh của mình trên thị trường quốc tế ; loại bỏ những chính sách, cơ chế gò bó, kìm hãm yêu cầu phát triển mới. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa họ đã triệt để huy động sức dân tham gia , đồng thời có bù đắp lại công sức lao động và tiền vốn của dân ; và kết quả là nhiều nước, nhất là các nước Đông Á và Đông Nam Á đã từ một nước nông nghiệp chuyển thành một nước công nghiệp phát triển, đưa GDP bình quân đầu người tăng từ 5 đến 7 lần, có nơi tăng trên 10 lần.

Nước ta đã và đang từng bước hội nhập với cộng đồng khu vực ASEAN và cộng đồng quốc tế. Ta vừa có khó khăn, là một nước còn nghèo, vừa có lợi thế của một nước đi sau. Điều quan trọng là, trong khi hội nhập với cộng đồng quốc tế, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn luôn có ý thức phát huy bản lĩnh, chủ động sáng tạo cao để xây dựng một nền

Digitized by Google

kinh tế - xã hội năng động, phát triển lành mạnh ; tận dụng khả năng hòa bình, hợp tác có cạnh tranh để cùng phát triển ; tranh thủ khoa học công nghệ hiện đại và khoa học quản lý kinh tế để phục vụ cho sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thành tựu của sự nghiệp đổi mới đã tạo ra tiền đề, mặt bằng rất thuận lợi cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; mặt khác chỉ có tiến hành nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới có thể thực hiện được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Vừa qua, bên cạnh mặt thành tựu là chủ yếu, nền kinh tế - xã hội của nước ta cũng có không ít khó khăn, tiêu cực : nạn tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp ; sự xuống cấp về văn hóa, y tế, giáo dục chưa khắc phục được bao nhiêu ; các tệ nạn xã hội khác đang phát triển nặng nề... đòi hỏi phải đi sâu giải quyết từng vấn đề, đồng thời có giải pháp cơ bản phát triển kinh tế, từng bước cải thiện đời sống nhân dân mới đủ sức vượt khó khăn, tiêu cực. Giải pháp cơ bản đó, chính là công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

72 triệu người Việt nam chẳng những là chủ thể của sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà còn là một nguồn vốn phong phú, đa dạng có khả năng tái sinh lớn nhất. Đó là vốn quý nhất trong mọi nguồn vốn. Đội ngũ lao động của Việt nam gắn với đất đai, tài nguyên, lực lượng sản xuất, với khoa học - công nghệ, khoa học quản lý hiện có, sẽ là một nguồn nhân tài vật lực hết sức phong phú, trong đó lực lượng mạnh nhất là trí tuệ và tài năng, tiềm năng của đất nước ta.

Con người Việt nam vốn thông minh, sáng tạo, cần cù, giàu lòng yêu nước, nhân ái, vị tha lại có đường lối hòa hợp, đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta sẽ là lực lượng hùng hậu thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực hiện nhiệm vụ chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta phải xử lý, giải quyết tốt hàng loạt những vấn đề rất cơ bản sau đây :

Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải bảo đảm vừa công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. Đó là một yêu cầu chính đáng, một song đề đòi hỏi phải giải quyết đồng thời, tức là phải tính toán hài hòa giữa 2 mặt tích lũy và tiêu dùng. Thông thường, khi tập trung nắm vốn, xây dựng công nghiệp hiện đại, rất dễ lãng quên, coi nhẹ việc huy động, tạo điều kiện cho nhân dân cùng làm, dân đầu tư, tự làm, dân được hưởng.

Phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Song cũng không hẳn chỉ diễn ra một chiều như vậy. Nếu quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa không kết hợp với mở mang ngành nghề sản xuất - kinh doanh ; trong sản xuất - kinh doanh không dành tỷ lệ thích đáng cho lao động sống, trong các sản phẩm lao động (kể cả hàng hóa xuất khẩu) không có hàm lượng lao động sống thích đáng thì càng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cao, hàm lượng lao động quá khứ quá lớn sẽ phát sinh, mở rộng số người lao động không có việc làm. Đây cũng là yếu tố có thể gây ra mất ổn định chính trị - xã hội, gây phương hại đến đại đoàn kết dân tộc và cũng có nghĩa là hạn chế thắng lợi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngay từ nền tảng của nó.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình tự nhiên, phản ánh quá trình chuyển dịch của lực lượng sản xuất theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Đó là một xu hướng tiến bộ. Song về giá trị tuyệt đối, sản lượng nông - lâm - ngư nghiệp phải ngày một tăng lên. Vì vậy, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VII) của Đảng ta nhấn mạnh : từ nay đến năm 2000 phải rất quan tâm đến phát triển nông nghiệp, nhất là phát triển lương thực. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết phải đi vào nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tiến hành công nghiệp hóa, hiện

Digitized by Google

đại hóa đất nước mà coi nhẹ phát triển nông thôn, nông nghiệp là nguy hiểm, là bỏ rơi khả năng giữ vững ổn định chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển, làm phương hại tới liên minh công - nông - trí, nền tảng của đại đoàn kết dân tộc.

Huy động, sử dụng vốn đầu tư, là một trong những vấn đề quyết định sự thành bại của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Song vấn đề vốn lại tùy thuộc rất lớn vào các chính sách, trước hết là chính sách sử dụng các thành phần kinh tế, chính sách đối ngoại, quốc phòng an ninh. Cơ cấu vốn bao gồm : sức người, kiến thức, trí tuệ, đất, rừng, biển, các tài nguyên thiên nhiên, các công trình kiến trúc, các kết cấu hạ tầng và tiền vốn. Đại đoàn kết dân tộc là điều kiện thiết yếu để khai thác và phát huy tốt các yếu tố, tiềm năng đó.

Tiếp tục đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ giỏi. Nhưng ta chưa có một đội ngũ như thế. Cần khẳng định rằng đất nước ta, Đảng ta không thiếu những người có phẩm chất, tài năng, trí tuệ ; nhưng vì nhiều lẽ chúng ta chưa khơi dậy và phát huy được hết khả năng của họ. Phần lớn những tài năng đó tồn tại như một tiềm năng. Thực hiện tốt việc "chiêu hiền, đãi sĩ", phát triển và trọng dụng mọi người có tâm huyết với đất nước, có tài năng là việc làm hết sức quan trọng và cần thiết để đoàn kết dân tộc, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đại đoàn kết dân tộc vì mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được nâng lên tầm cao mới và đi vào chiều sâu mới, thông qua việc thực thi những chủ trương, chính sách cụ thể thiết thực đối với các giai tầng xã hội.

Trước hết đó là thực hiện hòa thuận, đoàn kết ở từng gia đình, trong các lực lượng, các tầng lớp, thành phần, dân tộc, tôn giáo và người Việt nam định cư ở nước ngoài trong đại gia đình dân tộc Việt nam ; phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế ; xây dựng hệ thống kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác (dưới dạng hợp tác đa dạng, năng động, liên kết, liên doanh), làm chủ trên các lĩnh vực chiến lược quan trọng ; khuyến khích phát triển mạnh các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh... cùng phát triển, cùng làm giàu... Mỗi thành phần, mỗi giai cấp đều có lợi ích chính đáng nằm trong lợi ích chung của dân tộc.

Các thành phần kinh tế và các lực lượng xã hội trong cộng đồng dân tộc Việt nam hòa hợp, đoàn kết cùng tồn tại lâu dài, cùng tiến trên chặng đường thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng một đất nước giàu mạnh, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội từ gốc : công nhân được đào tạo và bồi dưỡng lại tay nghề, được tham gia quản lý xí nghiệp bằng cổ phần ; nông dân được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài ; trí thức được quyền sở hữu sản phẩm trí tuệ riêng ; các thành phần cá thể và tư nhân được bảo đảm quyền tự chủ sở hữu của mình v.v..

Khuyến khích mọi người đều vươn lên bằng vốn, sức lao động, trình độ khoa học - kỹ thuật, tài quản lý kinh doanh của mình. Phấn đấu đến năm 2000 bộ phận nhân dân có thu nhập thấp nhất cũng hơn mức bình quân cả nước hiện nay.

Phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao dân trí, phát triển xã hội. Vận động nhân dân tham gia đông đảo vào công cuộc khắc phục tình trạng xuống cấp về văn hóa, giáo dục, phòng bệnh và chữa bệnh. Chấn hưng tinh hoa văn hóa dân tộc, lấy văn hóa dân tộc làm cốt cách để tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, của thời đại. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng. Đầu tư nghiên cứu những giá trị chuẩn mực đạo đức nhằm phát huy cốt cách, truyền thống Việt nam trong quan hệ xã hội, quan hệ thị trường. Chẳng hạn như các vấn đề : cạnh tranh đi đôi với hợp tác, tương trợ lẫn nhau ; làm giàu hợp pháp đi đôi với việc xóa đói giảm nghèo...

Ngay trong quan hệ thị trường cũng không phải chỉ có một chiều tiêu cực, mà có

Digitized by Google

hai mặt của đạo đức là tốt và xấu song song tồn tại và đấu tranh chuyển hóa lẫn nhau. Những truyền thống tốt đẹp như : thanh lịch trong quan hệ ứng xử, văn minh thương nghiệp, trọng tín, trọng nhân, nhân đạo từ thiện ; thương người như thể thương thân, sống, làm việc theo pháp luật v.v. vốn là một nhân cách, một phẩm chất tốt đẹp của người Việt nam cần được phát huy.

Vận động nhân dân tích cực tham gia và xây dựng các phong trào : uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa ; làm giàu hợp pháp, xóa đói giảm nghèo ; quốc phòng nhân dân, an ninh nhân dân ; dân số, kế hoạch hóa gia đình ; nhân đạo từ thiện ; bảo vệ môi trường...

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải rất coi trọng xây dựng, bảo vệ môi trường sinh thái, nhân văn ; phải có sức đủ mạnh để vận động nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ môi trường. Công tác vận động và vai trò luật pháp cần được tăng cường để toàn dân nâng cao nhận thức về tác hại của môi trường bị hủy hoại, mặt khác phải tăng cường tổ chức, thực hiện luật pháp một cách nghiêm túc để tạo nên thói quen, tự giác làm xanh, sạch, đẹp môi trường.

Xuất - nhập khẩu là một vấn đề có tầm chiến lược của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi nhà nước, các ngành, các địa phương phải tính đến việc mở rộng, chuyển mạnh về xuất khẩu, phát động các thành phần kinh tế tìm kiếm thị trường, hướng ra thị trường quốc tế để làm xuất khẩu. Động viên và phát huy tiềm lực của đồng bào Việt nam ở nước ngoài không những đem khả năng khoa học công nghệ mà còn tham gia tìm kiếm mở rộng thị trường hàng hóa Việt nam ở nước ngoài phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ❑

Quan điểm...

(Tiếp theo trang 10)

hiểu đúng được quy luật phát triển của xã hội và nắm được những điều kiện cụ thể của nước mình ; do đó mà nhận rõ phải và có thể làm gì và làm như thế nào để thay đổi những điều kiện ấy phù hợp với những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, đặng mang lại độc lập cho dân tộc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân [7].

Từ thực tiễn cách mạng nước ta nhiều chục năm qua, có thể khẳng định : bất cứ cách làm nào, nếu xuất phát từ thực tế Việt nam để suy nghĩ và hành động thì đều đi đến thắng lợi ; nếu ngược lại thì nhất định bị tổn thất, thậm chí thất bại. Có lúc, chúng ta đã có những chủ trương không đúng, không phù hợp, nhưng do quán triệt được quan điểm thực tiễn, không kinh viện và rập khuôn máy móc nên đã kịp thời sửa chữa, hạn chế được tổn thất. Những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cũng như những sai lầm trong cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, hợp tác hóa nông nghiệp, v.v. là những minh chứng cho điều đó.

Bước vào thời kỳ đổi mới, cũng là lúc tình hình quốc tế rất không thuận lợi. Những biến động chính trị dồn dập ở Liên xô, Đông Âu không khỏi không gây xáo động trong tư tưởng của cán bộ đảng viên và nhân dân. Thế nhưng cách mạng Việt nam vẫn tiến bước. Đạt được những thành tựu đáng kể như ngày nay phải nói rằng một phần rất quan trọng là vì Đảng ta đã vận dụng được tư tưởng cơ bản trong phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh. Đó là quan điểm thực tiễn, lấy thực tiễn Việt nam làm điểm xuất phát, lấy độc lập và chủ nghĩa xã hội làm mục tiêu cho mọi cải tạo biến đổi hiện thực ở Việt nam, và làm thước đo sự đúng sai trong suy nghĩ và hành động của chúng ta ❑

(7) Trường Chinh : *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt nam*, Nxb thông tin lý luận, Hà nội, 1991, tr 49

Digitized by Google

QUAN ĐIỂM THỰC TIỄN TRONG PHƯƠNG PHÁP CÁCH MẠNG CỦA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG XUÂN KỲ *

TỔNG kết lịch sử cách mạng Việt nam, tổng kết thắng lợi của 10 năm đổi mới, *Báo cáo chính trị* của Đảng tại Đại hội lần thứ VIII vừa qua đã rút ra một kết luận quan trọng : Chúng ta phải kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vì đó không những là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, mà còn là điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của chúng ta.

Nghiên cứu kho tàng tư tưởng và toàn bộ hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta có thể rút ra rất nhiều bài học quý báu. Trong đó phải nói tới phương pháp cách mạng của Người, mà tư tưởng cơ bản, quan điểm cơ bản chi phối mọi suy nghĩ và hành động của Người là *quan điểm thực tiễn* : luôn luôn bám chắc vào thực tiễn đất nước, lấy thực tiễn làm thước đo kiểm nghiệm chân lý, tự chủ và sáng tạo trong suy nghĩ và mỗi bước đi, để giành cho được độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

*

* *

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, Hồ Chí Minh (lúc đó tên là Nguyễn Tất Thành) quyết định ra đi tìm đường cứu nước. Thực tế Việt nam lúc đó là các phong trào dân tộc và yêu nước đang rơi vào bế tắc, đất nước như không có đường ra. Phong trào chống thuế năm 1908 đã bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Phong trào Duy Tân đã bị dập tắt và hàng loạt nhà yêu nước đã bị bắn giết hoặc tù đày. Phong trào Đông du của Phan Bội Châu đã bị thất bại, năm 1909 ông và các đồng chí của ông đã bị trục xuất khỏi Nhật bản. Cuộc khởi nghĩa do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo chỉ còn như một ngọn lửa leo lét ở vùng Yên thế. Phan Chu Trinh tuy được Hội nhân quyền Pháp can thiệp và được tha khỏi nhà tù Côn đảo, nhưng ông đã yêu cầu chính quyền thực dân Pháp cho ông được sang Pháp (3/1911) để tránh chế độ quản thúc đối với ông và hy vọng ở Pháp ông có thể "vận động được một quy chế thuộc địa không câu thúc những hoạt động tự lực khai hóa của nhân dân". Xuất phát từ tình hình đó, Hồ Chí Minh với thiên tư đặc biệt và với tư duy độc lập tự chủ của mình đã vượt qua lối mòn của những người đi trước, quyết định chọn cho mình một hướng đi, một cách đi mới để cứu dân cứu nước.

Với quyết tâm lớn, với ý chí và nghị lực phi thường, Hồ Chí Minh đã hòa mình vào phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc và cuối cùng đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Điều gì đã làm cho Hồ Chí Minh tin theo Lê-nin, tin theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin ? Vì người đã tìm thấy ở Lê-nin, ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin câu trả lời bức thiết nhất cho cả dân tộc Việt nam khi bước vào thế kỷ XX : làm thế nào có thể giành được độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho mỗi con người. Đây là mục tiêu mà Người hướng tới và cả dân tộc đòi hỏi. Suốt 10 năm đi tìm đường, Hồ Chí Minh đã đi qua bốn châu : Á, Âu, Phi, Mỹ ; đã khảo sát nhiều nước thuộc địa, đã tìm hiểu cả ba nước tư bản phát

* GS, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

triển nhất thời kỳ đó là Mỹ, Anh, Pháp với những cuộc cách mạng tư sản điển hình, đã tiếp xúc với nhiều lớp người, nhiều tư tưởng, nhiều học thuyết. Nhưng tất cả đều không đem lại lời giải đáp cho cách mạng Việt nam. Chỉ có chủ nghĩa Mác - Lê-nin là học thuyết cách mạng nhất, chắc chắn nhất, chân chính nhất, vạch đường cho sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin "như người đi đường đang khát tìm được nước uống", như bước ra khỏi đêm đen dày đặc để thấy được ánh sáng mặt trời.

Xuất phát từ thực tế Việt nam và thực tế các nước thuộc địa khác, đem chủ nghĩa Mác - Lê-nin soi rọi vào thực tế ấy, cái thực tế có nhiều đặc điểm không giống với các nước phương Tây, Hồ Chí Minh đã nêu ra nhiều luận điểm mới bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Người đã dùng hình ảnh "con đỉa hai vòi" để nói lên bản chất của chủ nghĩa thực dân đế quốc, để thấy sự cần thiết phải "đồng thời cắt cả hai vòi" của con đỉa ấy thì giai cấp vô sản ở chính quốc, giai cấp vô sản và nhân dân ở thuộc địa mới được giải phóng ; Người dùng hình ảnh "con chim hai cánh" để nói lên mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa phải chủ động, không trông chờ ỷ lại, phải "đem sức ta mà giải phóng cho ta". Hơn nữa, cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và "có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn". Ngay từ đầu, Người đã xác định : *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"* (1), cuộc cách mạng ấy phải do Đảng cộng sản lãnh đạo ; phải đi từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội... Phải là người am hiểu sâu sắc thực tế tình cảnh các nước thuộc địa, phải nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nắm vững phép biện chứng duy vật là linh hồn của học thuyết cách mạng và khoa học ấy, phải có bản lĩnh chính trị hết sức vững vàng mới có thể sớm nêu ra những vấn đề rất cơ bản của cách mạng Việt nam và cách mạng của các dân tộc thuộc địa được chính xác như vậy.

Trong thư gửi lại những người bạn chiến đấu của mình ở Hội liên hiệp thuộc địa và báo *Le Paria* khi rời nước Pháp giữa năm 1923, Hồ Chí Minh đã đánh giá cao những hoạt động của Hội và của báo, nhưng Người thấy những người cách mạng ở các thuộc địa còn phải làm nhiều hơn nữa. Những gì đã làm được chỉ là bước mở đầu.

"Chúng ta phải làm gì ?

Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc.

Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta" (2).

Quan điểm của Hồ Chí Minh rất rõ ràng. Dù các dân tộc thuộc địa có chung số phận, chung lý tưởng, nhưng phương pháp thực hiện mục tiêu lý tưởng là phải xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của mỗi dân tộc, từ thực tế mỗi nước để tiến hành, chứ không thể rập khuôn máy móc giống nhau. Mỗi người cách mạng dù có đi đâu, nhưng rồi phải trở về nước mình, để thực hiện mục tiêu đã xác định, là cải tạo biến đổi cái hiện thực đau khổ của đất nước, dân tộc mình, làm cho đất nước từ thuộc địa trở thành độc lập, làm cho dân tộc từ bị áp bức trở thành tự do, từ những con người bị bóc lột nghèo khổ thành những người được ấm no, hạnh phúc, có được cuộc sống xứng đáng của con người.

Ngay đối với việc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng vậy, chủ nghĩa Mác - Lê-nin là học thuyết cách mạng và khoa học

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t 2, tr 114

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 192

Digitized by Google

bao quát những vấn đề rộng lớn của nhân loại. Khi đến với học thuyết cách mạng và khoa học ấy, trung tâm chú ý của Hồ Chí Minh là rút ra những gì cần cho cách mạng Việt nam, phù hợp với dân tộc Việt nam, giúp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, phát triển đất nước. Người đứng trên lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, để phân tích tình hình xã hội Việt nam, từ đó xác định đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt nam. Con đường Hồ Chí Minh đã đi là con đường từ Việt nam đi ra thế giới để rồi lại trở về Việt nam ; từ chủ nghĩa yêu nước đi đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin để rồi trở về cứu dân cứu nước ; từ người đi tìm đường trở thành người dẫn đường cho cả dân tộc đi tới thắng lợi của sự nghiệp giải phóng, đi tới độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nếu con đường ra đi của Hồ Chí Minh đã là con đường đầy gian nan vất vả, thì con đường trở về Tổ quốc của Người cũng không phải là con đường bằng phẳng thênh thang. Phải vượt qua rất nhiều trở ngại, cuối năm 1924, Hồ Chí Minh mới rời được Mát-xcơ-va đến Quảng châu (Trung quốc), tập hợp những người Việt nam yêu nước tiên tiến lúc đó để huấn luyện, đào tạo, tổ chức họ lại, qua đó truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối cách mạng mới vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt nam, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt nam vào năm 1930.

Vượt qua mọi cản trở, sau 30 năm đi xa, Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc vào năm 1941, đúng vào lúc tình hình thế giới đang có nhiều biến động lớn và cả nước Việt nam đang sục sôi cách mạng. Những hạt giống cách mạng mà Hồ Chí Minh gieo trên 10 năm trước đã nảy mầm, đã sinh sôi trên cả ba miền đất nước và đang chuẩn bị cho một cao trào cách mạng chưa từng thấy.

Từ đó, Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng đưa cách mạng Việt nam bước vào một thời kỳ mới, với đường lối và phương pháp cách mạng đầy sáng tạo. Quan điểm thực tiễn, lấy thực tiễn Việt nam làm điểm xuất phát, làm thước đo chân lý ; lấy cải tạo, biến đổi có tính cách mạng hiện thực Việt nam làm mục tiêu, đã được quán triệt cả trong việc xác định đường lối và thực hiện đường lối. Chính vì vậy mới có sự chuyển hướng chiến lược rất kiên quyết đã được nêu ra trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5 - 1941) cũng như chủ trương rất nhạy bén, kịp thời thể hiện trong Chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (tháng 3 - 1945), và đã được các địa phương trong toàn quốc triển khai thực hiện bằng rất nhiều hình thức, biện pháp hết sức phong phú, đa dạng. Từ thực tế chung của cả nước, mỗi địa phương lại căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương mình để tìm cách làm thích hợp, nhằm giành thắng lợi cao nhất có thể giành được, tạo nên thắng lợi vĩ đại và kỳ diệu của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trên phạm vi cả nước. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám chính là thắng lợi của đường lối và phương pháp cách mạng đầy sáng tạo, thực sự đã trở thành mẫu mực cho cách mạng giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX này.

Từ Cách mạng Tháng Tám đến nay đã hơn nửa thế kỷ, trong đó có 30 năm dân tộc ta phải liên tục chiến đấu chống thù trong giặc ngoài để giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Quan điểm thực tiễn trong phương pháp cách mạng đã được vận dụng và phát huy cao độ trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, làm nảy sinh biết bao nhiêu cách đánh địch chưa hề có trong từ điển quân sự thế giới, đã sáng tạo ra biết bao nhiêu cách đấu tranh có thể trở thành kinh điển của phong trào giải phóng dân tộc, đưa đến những thắng lợi có ý nghĩa thời đại, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mở đầu sự thất bại của chủ nghĩa thực dân mới trên phạm vi thế giới.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đã luôn luôn chú ý đến những đặc điểm của Việt nam, đặc biệt là đặc điểm về

Digitized by Google

kinh tế xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu. Vì vậy, Người luôn lưu ý việc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta không giống với các nước khác, không thể làm nhanh mà phải tiến dần từng bước. "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột áp bức. Muốn thế chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp. Chúng ta phải dần dần tập thể hóa nông nghiệp. Chúng ta phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân, đối với thợ thủ công. Chúng ta phải biến một nước đốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc" (3).

Đúng là Hồ Chí Minh có nói đến "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc" lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng Hồ Chí Minh cũng đã giải thích ngay là tiến nhanh, tiến mạnh không có nghĩa là đốt cháy giai đoạn, áp đặt theo ý muốn chủ quan, mà phải tiến vững chắc. Chỉ có trên cơ sở tiến từng bước vững chắc mới có thể tiến nhanh, tiến mạnh được. Điều này hoàn toàn đúng với quan điểm của Lê-nin : đối với các nước kinh tế còn kém phát triển, chủ nghĩa tư bản ở đây chưa có bao nhiêu hoặc chưa mạnh, việc giành chính quyền đã khó, nhưng việc xây dựng chủ nghĩa xã hội lại khó hơn rất nhiều. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước đó phải dài hơn so với các nước đã có chủ nghĩa tư bản phát triển.

Do thực tế Việt nam không giống với các nước khác, Hồ Chí Minh còn thấy phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam cũng không thể máy móc rập khuôn như ở các nước khác : "... đứng về mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy chúng ta đã có kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta" (4). Người đã lưu ý khi miền Bắc chuẩn bị bước vào thời kỳ quá độ : "Ta không thể giống Liên xô, vì Liên xô có phong tục, tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội" (5). "Nếu muốn công nghiệp hóa gấp thì là chủ quan. Cho nên trong kế hoạch phải tăng tiến công nghiệp. Làm trái với Liên xô, đó cũng là mác xít. Trung quốc phát triển cả công nghiệp nặng, nhẹ, đồng thời cả nông nghiệp. Ta cho nông nghiệp là quan trọng và ưu tiên rồi tiến đến thủ công nghiệp, sau mới đến công nghiệp nặng" (6).

Đọc lại những lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta có thể thấy cách suy nghĩ rất thực tế của Người. Và điều này là đúng. Cũng cần nói thêm, đối với Hồ Chí Minh, thực tế Việt nam phải là thực tế đã được nhận thức đúng đắn, gạt bỏ được tính phiến diện, bề ngoài, sai lệch mà tư duy thường ngày dễ mắc phải. Đó là thực tế đã được nhận thức dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và bằng phương pháp biện chứng duy vật để phân tích cụ thể tình hình cụ thể của cách mạng Việt nam. Vì vậy, Người nắm bắt được thực tế với bản chất bên trong, với những đặc điểm, mâu thuẫn nội tại, phát hiện ra những quy luật vận động của thực tế đất nước, của dân tộc và cách mạng Việt nam để xác định đường lối, chủ trương và thực hiện đường lối chủ trương đã đề ra nhằm giành thắng lợi cho cách mạng. Về vấn đề này, đồng chí Trường Chinh đã viết : Hồ Chí Minh là một trong số những vĩ nhân đã

(Xem tiếp trang 6)

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 7, tr 784

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 8, tr 499

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 7, tr 499

(6) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 5, tr 572 - 573

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ RÚT RA TỪ THỰC TIỄN CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

Mười năm qua, bám sát và phục vụ nhiệm vụ chính trị theo đường lối đổi mới, công tác cán bộ của Đảng ta cũng có những đổi mới đáng kể. Cùng với việc sắp xếp lại tổ chức cho gọn nhẹ, giảm bớt đầu mối trung gian, chúng ta đã thay đổi, bố trí hàng loạt cán bộ để đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý mới trong điều kiện kinh tế thị trường. Bên cạnh những cán bộ lâu năm, vững vàng về chính trị, đã chú ý đào tạo và sử dụng những cán bộ có tư duy đổi mới, năng động, tháo vát, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có kiến thức khoa học, kinh tế, luật pháp, có đầu óc kinh doanh...

Việc đánh giá và sử dụng cán bộ không chỉ nặng về lý lịch, thành phần, bằng cấp, quá trình... như trước, mà đã chú ý nhiều hơn đến tiêu chuẩn, lấy hiệu quả thực tế công việc làm một căn cứ chủ yếu. Một số quy chế và quy trình đã được ban hành và thực hiện theo hướng dân chủ hơn. Trong việc bố trí cán bộ, đã chú ý kết hợp giữa các độ tuổi, các loại, các lớp cán bộ, không trẻ hóa hình thức.

Nói chung trong những năm đổi mới, chúng ta đã lựa chọn, đào tạo và bố trí đúng cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành, các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể, bảo đảm được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới chứng tỏ chúng ta có một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh, trưởng thành nhanh, vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình, bước đầu đáp ứng được những đòi hỏi của giai đoạn cách mạng mới.

Kiến thức, trình độ và năng lực công tác của cán bộ ở các cấp đều có tiến bộ rõ rệt. Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII có 84,7% có trình độ đại học và trên đại học (khóa VI chỉ có 43,3% ; khóa VII : 65%). Số cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp công tác ở cơ quan trung ương có trình độ đại học và trên đại học là 75,2% (trong đó 26,7% là phó tiến sĩ và tiến sĩ) ; ở cấp tỉnh và thành phố, số có trình độ tương tự như thế là 55,9% ; ở cấp huyện, số cán bộ có trình độ trung học và đại học chiếm 46,7% ; còn ở xã, phường là 12,9%. Tuy 95% số cán bộ được đào tạo là ở Liên xô và Đông Âu trước đây, hoạt động lâu trong hoàn cảnh chiến tranh và cơ chế bao cấp, hầu như chưa được thử thách qua cơ chế thị trường, nhưng đi vào cơ chế mới đã thích ứng nhanh, thông minh, năng động.

Vấn đề có ý nghĩa quan trọng là đội ngũ cán bộ của ta, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, đoàn kết nhất trí, không có tình trạng chia rẽ, bè phái. Đây là một truyền thống vô cùng quý báu của Đảng, và là một trong những nhân tố bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong toàn đảng, toàn dân. Trong điều kiện đời sống rất khó khăn và có nhiều tác động tiêu cực của xã hội, số đông vẫn giữ được lối sống lành mạnh, quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp chung.

Bên cạnh những ưu điểm và sự trưởng thành nêu trên, đội ngũ cán bộ và công tác của ta cũng còn không ít nhược điểm, khuyết điểm. Nổi bật nhất là :

- Tình trạng sa sút về phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ. Bên cạnh những biểu hiện dao động, mất niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, có những hiện tượng chạy theo lối sống cơ hội thực dụng, làm giàu bất chính, lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong cơ chế chính sách để ăn cắp của công, thu vén cá nhân, ăn chơi sa đọa. Một

* PGS, PTS khoa học lịch sử

Digitized by Google

số vụ tham nhũng, buôn lậu phát triển thành những "đường dây" có tổ chức. Sự phân hóa giàu nghèo diễn ra ngay trong đội ngũ cán bộ ; số giàu không bình thường đang tăng lên. Đã có không ít cán bộ, trong đó có một số vừa làm việc cho cơ quan nhà nước, vừa tự động xin vào làm việc cho các cơ quan đại diện và công ty liên doanh với nước ngoài, hoặc xin thôi việc nhà nước để làm trong các cơ sở kinh tế của người nước ngoài và các công ty tư nhân. Có những người giàu lên rất nhanh, đang bị dư luận nghi vấn, hoặc lên án. Một số bộc lộ rất lộ liễu tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, gia trưởng, độc đoán, ý thức tổ chức kỷ luật kém, phát ngôn tùy tiện, bất chấp các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng. Cá biệt có những người do bất mãn mà đi đến phản bội lại lý tưởng của Đảng và lợi ích của nhân dân.

- Kiến thức và năng lực quản lý còn yếu, nhất là kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Trong các cấp ủy tỉnh, số được học về quản lý nhà nước mới có 12,8% ; ở cấp huyện : 10,3% ; cấp xã, phường : 6,4%. Còn về quản lý kinh tế thì cấp tỉnh là 33,8% ; cấp huyện : 16,2% ; cấp xã, phường : 7,7%. Nhìn chung đội ngũ cán bộ chủ chốt vùng sâu, vùng xa, trình độ học vấn còn thấp.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt vừa hẫng hụt, vừa thiếu đồng bộ, nhất là ở cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố. Đội ngũ cán bộ khoa học phân bổ không đều. Chuyển sang kinh tế thị trường và mở cửa nhưng thiếu cán bộ có kiến thức quản lý kinh doanh giỏi, cán bộ thông thạo về kinh tế đối ngoại, cán bộ có kiến thức luật pháp, thiếu các chuyên gia đầu ngành, nhất là về khoa học, lý luận... Đội ngũ cán bộ hưu trí ngày càng đông nhưng cũng chưa có chính sách phát huy tốt. Cán bộ cơ sở chưa được quan tâm đào tạo bồi dưỡng đúng mức.

Về công tác cán bộ : Tồn tại lớn hiện nay là vẫn chưa có được một chiến lược cơ bản và lâu dài xây dựng đội ngũ cán bộ phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng thời kỳ mới. Chưa quan tâm đúng mức đến việc đào tạo và sử dụng cán bộ xuất thân từ công nông. Nhiều việc hầu như vẫn làm theo nếp cũ, kể cả quan điểm, chính sách, phương thức, quy trình. Thiếu dự báo để chuẩn bị đội ngũ cán bộ đón đầu cho thời kỳ mới, thường sa vào những công việc cụ thể mang tính đối phó, chắp vá. Tình trạng hẫng hụt cán bộ là do thiếu chuẩn bị và cũng có phần do quan điểm và phương pháp đánh giá lựa chọn chưa phù hợp.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuy có nhiều cố gắng, nhưng hiệu quả còn thấp ; chất lượng chưa cao ; đào tạo chưa gắn với quy hoạch sử dụng, chưa chú ý đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh ; chưa chăm lo tạo nguồn ngay từ các trường đại học ; nhiều học sinh giỏi không được đào tạo, bồi dưỡng tiếp để trở thành nhân tài phục vụ đất nước.

Sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác cán bộ chưa chặt chẽ, có nơi gần như khoán trắng cho cơ quan tổ chức. Sự phối hợp và kết hợp giữa các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ (kể cả việc đào tạo và bố trí sử dụng) chưa chặt chẽ. Chưa phát hiện, sử dụng tốt cán bộ thật sự có phẩm chất và năng lực. Một số cấp ủy và tổ chức đảng buông lỏng công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý cán bộ ; có phần nhấn mạnh một chiều vấn đề lợi ích, xem nhẹ việc giáo dục lý tưởng, đạo đức.

Thiếu cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ cho từng chức danh, dẫn đến việc xem xét, đánh giá cán bộ không cụ thể, thiếu chuẩn xác và công bằng ; không ít trường hợp người làm việc hiệu quả thấp lại được đề bạt, người làm việc có hiệu quả cao lại bị bỏ sót. Trong việc bố trí và sử dụng cán bộ thường nặng về cơ cấu, có khi không bảo đảm tiêu chuẩn.

Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ có những thiếu sót, khuyết điểm. Tình trạng thiếu tập trung, người có thẩm quyền nể nang, né tránh ; cơ quan có thẩm quyền chờ đợi sự thương lượng, thỏa thuận, dẫn đến chần chừ trong quyết định. Mặt khác, lại có tình trạng thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Khâu đánh giá, nhận xét, đề bạt cán bộ nhiều khi hình thức là tập thể nhưng thực chất là dựa vào ý kiến của một vài cá nhân. Việc quản lý cán bộ vừa phân tán, chồng chéo, vừa thiếu tập trung thống nhất. Một số vấn đề về trách nhiệm quản lý cán bộ giữa tổ chức đảng và chính quyền, giữa tập thể và cá nhân ... còn chưa rõ.

Chính sách cán bộ thiếu nhất quán, chưa khuyến khích người tài, người làm việc có hiệu quả, người công tác ở cơ sở, ở vùng khó khăn,

Digitized by Google

vùng sâu, vùng xa. Chưa tạo được động lực để tập hợp, thu hút nhân tài, động viên và thúc đẩy cán bộ phấn đấu vươn lên phát huy hết tài năng phục vụ đất nước. Nhiều chế độ, chính sách đã cũ nhưng không được sửa đổi kịp thời. Chính sách lương mới tuy có tiến bộ nhưng cũng đẻ ra nhiều vấn đề phức tạp khác. Hiện nay có tình trạng chênh lệch quá xa về thu nhập giữa cán bộ các ngành, các vùng, giữa cán bộ chính trị với cán bộ quản lý kinh tế, giữa cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu. Nạn "chảy chất xám" là nguy cơ đáng báo động.

Từ thực tiễn đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ trong thời gian qua, đồng thời căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ sắp tới, có thể rút ra một số vấn đề nhằm chỉ đạo thực hiện tốt hơn nữa công tác cán bộ :

1 - Quán triệt quan điểm giai cấp công nhân trong công tác cán bộ, có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước.

Quán triệt quan điểm giai cấp trong công tác cán bộ là vấn đề có tính nguyên tắc. Bất cứ giai cấp nào, chế độ xã hội nào cũng có đường lối cán bộ riêng của mình. Đảng và Nhà nước phải đào tạo, lựa chọn và sử dụng những người thật sự trung thành với lý tưởng của giai cấp công nhân, với lợi ích của dân tộc, với chủ nghĩa xã hội, có ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó với người lao động. Không để những phần tử cơ hội, phản động lọt vào hàng ngũ lãnh đạo để phá hoại sự nghiệp cách mạng. Những người được bố trí vào cương vị lãnh đạo của đảng và nhà nước trước hết phải là những người đã được đào tạo và thử thách trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, những người hết lòng phấn đấu vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đương nhiên, chúng ta không hiểu quan điểm giai cấp một cách đơn giản, thô thiển, cứng nhắc, dẫn đến biệt phái, hẹp hòi, thành phần chủ nghĩa. Quan điểm giai cấp sâu sắc được vận dụng nhuần nhuyễn là phải làm sao đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước, không kể người đó trong đảng hay ngoài đảng, thuộc dân tộc, tôn giáo nào, ở trong nước hay người Việt nam ở nước ngoài. Cũng không nên định kiến với những người quá khứ có sai lầm nay đã hối cải và sửa chữa. Bất cứ ai có phẩm chất, có sáng kiến, có tài năng đều được trọng dụng, miễn sao họ toàn tâm, toàn ý phụng sự đất nước, phụng sự nhân dân. Hồ Chủ tịch là một mẫu mực tuyệt vời về thực hiện chính sách này. Người dày công bồi dưỡng, vun trồng những cán bộ có tâm, có tài, có triển vọng ở mọi tầng lớp xã hội, mọi tôn giáo, dân tộc, tin tưởng và mạnh dạn giao việc cho những người thật sự có đức, có tài, thu hút, cảm hóa, tập hợp được những trí thức giỏi nhất của đất nước trên tất cả các lĩnh vực.

2 - Đổi mới quan điểm và phương pháp đánh giá cán bộ.

Đánh giá cán bộ là vấn đề hết sức hệ trọng và rất tế nhị, nhạy cảm, phức tạp. Nó chẳng những là khâu mở đầu quyết định để bố trí, sử dụng cán bộ đúng hay sai, mà còn là một nhân tố dễ gây ra những tâm tư, thắc mắc, ân oán, mất đoàn kết nội bộ. Muốn đánh giá cán bộ đúng, phải có quan điểm và phương pháp thật sự khoa học, khách quan, công tâm, theo một quy trình dân chủ. Việc đánh giá cán bộ phải dựa trên các căn cứ :

- Nắm vững và dựa vào tiêu chuẩn cán bộ : Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, tiêu chuẩn chung đối với người cán bộ lãnh đạo và quản lý nước ta là :

+ Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

+ Có đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư ; trung thực ; kiên quyết đấu tranh bảo vệ các quan điểm, đường lối của Đảng.

+ Có kiến thức và năng lực tham gia các quyết định của tập thể và khả năng tổ chức thực tiễn, làm việc có hiệu quả.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất.

+ Gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.

Các mặt đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, cả đức và tài không thể xem nhẹ mặt nào. Trong tình hình hiện nay cần đặc biệt quan tâm vấn đề phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. "Đức là cái gốc của người cách mạng" (Bác Hồ). Người có phẩm chất chính trị là người vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên

Digitized by Google

định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Người có đạo đức cách mạng là người sống trung thực, không tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị ; không cơ hội, tham nhũng ; có lối sống giản dị, trong sáng, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

- Thực sự lấy hiệu quả công tác và sự đóng góp thực tế làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ.

- Đặt cán bộ trong môi trường và điều kiện cụ thể, trong mối quan hệ biện chứng với đường lối, chính sách, tổ chức và cơ chế quản lý để xem xét toàn diện các mặt khách quan, chủ quan, trong cả quá trình phát triển của cán bộ.

- Bảo đảm chế độ tập thể, dân chủ trong việc đánh giá cán bộ. Những nhận xét, kết luận về cán bộ nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định. Cấp quản lý cán bộ phải tiếp cận với cán bộ, trực tiếp nghe cán bộ tự đánh giá về mình ; đồng thời phải có cơ chế lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đảng và quần chúng ở cơ sở nơi cán bộ đó công tác và nơi cư trú

Dân chủ là một khâu then chốt trong việc đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ, đổi mới cơ chế quản lý cán bộ, và là điều kiện cần thiết để bảo đảm cho công tác cán bộ đạt hiệu quả tốt. Tình trạng thiếu dân chủ, không kết hợp đúng đắn giữa tập trung và dân chủ, hoặc dân chủ hình thức, làm cho việc đánh giá, sử dụng cán bộ thiếu chính xác, thiếu công bằng. Muốn thực hiện tốt vấn đề này, lại phải cụ thể hóa, thể chế hóa thành các quy chế, quy định cụ thể.

3 - *Trong khi chăm lo tính đồng bộ của đội ngũ cán bộ, cần đặc biệt coi trọng và tập trung xây dựng tốt đội ngũ cán bộ chủ chốt, trước hết là những cán bộ lãnh đạo cấp vĩ mô và cấp cơ sở.*

Xây dựng được đội ngũ cốt cán tốt và giỏi thì chính từ họ sẽ nhân ra được nhiều cán bộ khác, sẽ tập hợp được những người có đức, có tài, tạo được niềm tin của quần chúng.

Trong việc xây dựng đội ngũ cốt cán, phải đặc biệt chú trọng xây dựng *đội ngũ cán bộ cấp vĩ mô*, trước hết là người đứng đầu, thật sự vững vàng, có đủ bản lĩnh để giải quyết những tình huống phức tạp có quan hệ đến sự phát triển của đất nước và sự sống còn của chế độ. Thực tế cho thấy, trong bất cứ hoàn cảnh nào, nhất là vào những thời điểm quyết định có tính chất bước ngoặt, vận nước đặt tất cả vào cán bộ cấp cao nhất.

Đi đôi với việc xây dựng đội ngũ cốt cán cấp vĩ mô, phải hết sức chú trọng xây dựng đội ngũ *cốt cán ở cơ sở*. Bởi vì đây chẳng những là nơi trực tiếp lãnh đạo và tổ chức quần chúng thực hiện sáng tạo các nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước, mà còn là một nguồn cung cấp cán bộ cho các cấp trên. Phải có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở về phẩm chất và năng lực, đồng thời chú ý đúng mức đến chính sách chăm lo đời sống và điều kiện, phương tiện làm việc cho cán bộ cơ sở. Có chính sách đưa cán bộ đã tốt nghiệp ở các trường về công tác ở cơ sở để vừa tăng cường cho cơ sở, vừa tạo điều kiện cho cán bộ trưởng thành, tạo nguồn cán bộ cung cấp cho các cấp trên sau này.

Công tác cán bộ nói chung và việc xây dựng đội ngũ cốt cán nói riêng phải luôn bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị, xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, và phục vụ nhiệm vụ chính trị. Thực hiện đúng phương châm *"kế thừa và phát triển"*, tích cực bồi dưỡng sử dụng số cán bộ đã có, đồng thời đào tạo mới và đào tạo lại. Công tác cán bộ phải đi trước một bước, phải dự báo chiều hướng phát triển của tình hình, đón trước thời cơ và thách thức để chuẩn bị cán bộ sao cho không bị động, lúng túng.

Một trong những nội dung quan trọng của chiến lược cán bộ là phải tạo được nguồn cán bộ, tức là phải xây dựng được quy hoạch cán bộ và chăm lo đào tạo bồi dưỡng cán bộ, trong đó quan trọng nhất là quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán trong hệ thống chính trị. Quy hoạch là thể hiện chức năng *lãnh đạo - chủ động - định hướng* của Đảng, gắn với nhiệm vụ chính trị, với chiến lược kinh tế - xã hội. Càng đi vào kinh tế thị trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng càng phải nắm chắc cán bộ, có kế hoạch bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ. Cần khẳng định dứt khoát phải có quy hoạch cán bộ, đồng thời phải hiểu đúng nội dung và đổi mới phương pháp tiến hành quy hoạch sao cho thiết thực và có hiệu quả.

4 - *Chú ý giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh của cán bộ, giữ gìn đoàn kết nội bộ.*

Digitized by Google

Hơn bao giờ hết, lúc này phải đề cao việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác Hồ, thường xuyên tự phê bình, phê bình, kết hợp với việc tổ chức để quần chúng giám sát, phê bình, góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải đưa vấn đề này vào sinh hoạt đảng một cách nền nếp, có biện pháp quản lý chặt chẽ các hoạt động, giám sát các nguồn thu nhập của cán bộ để kịp thời phát hiện và uốn nắn những biểu hiện sai trái. Ở đâu có đảng viên, cán bộ vi phạm tiêu chuẩn về đạo đức, lối sống thì cấp ủy và chi bộ ở đó phải chịu trách nhiệm.

Giáo dục, rèn luyện và quản lý tốt đội ngũ cán bộ là biện pháp quan trọng để bảo vệ đảng. Lúc này, bảo vệ cán bộ chính là bảo vệ phẩm chất chính trị, quan điểm, đạo đức, lối sống ; giữ cho cán bộ không bị thoái hóa sa ngã, không tiếp tay hoặc móc nối với các thế lực thù địch. Sớm xây dựng và thực hiện nội quy, quy chế về quản lý cán bộ. Xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ thoái hóa biến chất, tham nhũng. Đối với những người có dư luận tham nhũng phải có biện pháp tích cực kiểm tra, điều tra, làm rõ. Trường hợp cần thiết có thể lập hội đồng giám định các nguồn thu nhập bất minh.

Thường xuyên quan tâm xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong đội ngũ cán bộ, khắc phục bằng được những hiện tượng mất đoàn kết ở một số nơi. Mỗi nơi tùy tình hình mà phân tích nguyên nhân cụ thể để có biện pháp giải quyết dứt điểm. Nhưng nói chung là phải giáo dục cho mọi cán bộ nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình đối với đảng, đối với đất nước, đối với công việc chung. Tuân thủ các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình. Thực hiện các chính sách về cán bộ một cách nhất quán, công tâm, công bằng. Bố trí đúng cán bộ lãnh đạo chủ chốt, trước hết là người đứng đầu. Người đứng đầu một đơn vị phải là người trung thực, gương mẫu, tận tụy, có năng lực và trình độ, có uy tín, có khả năng thu phục nhân tâm, và phải là trung tâm đoàn kết.

Kinh nghiệm của nhiều nơi cho thấy, khi đã có hiện tượng mất đoàn kết thì cấp trên phải chỉ đạo kiên quyết, giải quyết ngay, xử lý ngay, không để kéo dài. Vì càng để kéo dài tình hình sẽ càng phức tạp, dẫn đến đối phó nhau, căng thẳng hơn, mất đoàn kết sẽ trầm trọng và khó gỡ hơn.

5 - *Gắn việc quy hoạch tạo nguồn cán bộ với việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ thành một quá trình liên tục.*

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần chú ý theo quy hoạch, gắn lý luận với thực tiễn, với yêu cầu sử dụng. Nội dung các kiến thức, các quan điểm cần thống nhất giữa các trường lớp, giữa các ngành và địa phương theo giáo trình chuẩn quốc gia ; không nên để tình trạng mỗi trường, mỗi nơi dạy một khác, thậm chí quan điểm đối chọi nhau. Có kế hoạch định kỳ bồi dưỡng cán bộ.

Cán bộ lãnh đạo chủ chốt cần biết rộng, có kiến thức cơ bản tương đối toàn diện và cần được luân chuyển qua nhiều công việc ở nhiều lĩnh vực và địa phương khác nhau. Cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ cần chuyên sâu, ổn định.

Đào tạo, bồi dưỡng phải kết hợp với yêu cầu dự kiến bố trí công tác, sao cho khi nhận nhiệm vụ mới, người cán bộ có thể phát huy tác dụng được ngay, tránh tình trạng để bạt rồi mới đưa đi đào tạo.

Kinh nghiệm cho thấy, muốn xây dựng được đội ngũ cán bộ và tuyển chọn được nhiều nhân tài cho đất nước, phải chú ý kết hợp việc đào tạo từ trong các trường lớp với việc rèn luyện cán bộ trong hoạt động thực tiễn, từ cơ sở, nâng cao trình độ dân trí, chăm lo tạo nguồn cán bộ ngay từ trong các trường đại học và cao đẳng. Chấn chỉnh việc đào tạo giáo dục ở các trường này, coi trọng cả hai mặt dạy kiến thức và phẩm chất đạo đức.

Trong việc bố trí và sử dụng cán bộ, cần chú ý : Bảo đảm đúng tiêu chuẩn ; bố trí đúng người, đúng việc, đúng sở trường ; thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ, bảo đảm tính liên tục và phát triển. Để bạt, bổ nhiệm cán bộ cần đúng lúc, giao việc đúng tầm, khuyến khích cán bộ vươn lên đảm nhiệm công việc cao hơn. Tốt nhất nên giao việc vào lúc cán bộ đang có xu hướng phát triển, đừng để đến lúc cán bộ đã chững lại mới để bạt.

Thực hiện quy chế "bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn". Đối với những cán bộ theo cơ chế bầu cử thì hết nhiệm kỳ coi như hết trách nhiệm, ai muốn tiếp tục tái cử vào nhiệm kỳ mới thì phải thực hiện theo đúng quy chế ứng cử và đề cử. Còn đối với cán bộ giữ chức vụ do bổ nhiệm thì sau một thời gian quy định nhất thiết phải đánh giá lại, kết hợp với việc lấy phiếu tín nhiệm và tự

Digitized by Google

phê bình của cán bộ để kịp thời điều chỉnh, bố trí lại khi cần thiết. Kiên quyết khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín trong từng ngành, từng địa phương. Đối với những đồng chí có sai lầm khuyết điểm, nếu cấp ủy đã kiểm điểm giúp đỡ, nhưng sửa chữa chậm hoặc không sửa chữa cần được xử lý, miễn nhiệm, hoặc thay đổi công tác. Không bố trí cán bộ vào những công việc mà bản thân cán bộ đó chưa được chuẩn bị. Có cơ chế để cán bộ tự xin từ chức, đảm nhận công việc phù hợp hơn.

6 - *Đảng trực tiếp thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị.*

Một trong những nội dung lãnh đạo của đảng cầm quyền là phải trực tiếp nắm vấn đề cán bộ, bao gồm cả việc định ra đường lối, chính sách cán bộ và quyết định bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan nhà nước và trong các tổ chức chính trị xã hội. Đảng thông qua các đảng viên và các tổ chức đảng (ban cán sự đảng, đảng đoàn) trong các cơ quan nhà nước và trong các đoàn thể để thực hiện đường lối, chính sách cán bộ. Đảng quyết định sự phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy và các tổ chức đảng. Cấp ủy tập trung quản lý tốt số cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt.

Sự lãnh đạo của các cấp ủy là nhân tố quyết định sự thành công của công tác cán bộ. Từ quan điểm đánh giá cán bộ đến phương pháp tiến hành, thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ đều phụ thuộc vào vai trò của cấp ủy. Ở đâu và lúc nào cấp ủy, trước hết là người lãnh đạo chủ chốt, có quan điểm đổi mới đúng đắn, thật sự dân chủ, khách quan thì ở đó, lúc đó công tác quy hoạch, lựa chọn, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ thu được kết quả tốt. Khắc phục tình trạng cấp ủy không trực tiếp lo công tác cán bộ, chỉ khoán trắng cho cơ quan tổ chức, cơ quan tham mưu. Đồng thời phải tăng cường chất lượng các cơ quan tham mưu, giải quyết và phối hợp tốt mối quan hệ công tác giữa các cơ quan tham mưu làm công tác cán bộ ❑

Chuyển dịch...

(Tiếp theo trang 20)

chính thức ODA, vốn vay của ADB, WB, cần chú ý sử dụng nguồn vốn đó có hiệu quả. Thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào những ngành và vùng trọng điểm có tác dụng thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế cả nước, như công nghiệp, du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao công nghệ. Muốn vậy, cần đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép và miễn giảm thuế vào những ngành và vùng cần thu hút vốn FDI.

Sáu là, công tác quy hoạch phải đi trước một bước để làm cơ sở cho kế hoạch và định hướng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo cán bộ cũng như tìm thị trường cho sản phẩm của ngành, vùng. Việc quy hoạch nhanh ngành công nghiệp hóa dầu ở Vũng tàu, Dung quất (Quảng ngãi) là nhằm triển khai kế hoạch đầu tư vốn và công nghệ cho các vùng đó, phù hợp với quy hoạch tổng thể của cơ cấu kinh tế vùng và ngành công nghiệp mới này. Trên cơ sở quy hoạch xây dựng khu công nghiệp hóa dầu, hàng loạt dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống của vùng cũng phải quy hoạch và đầu tư để khi đi vào sản xuất, các hoạt động công nghiệp và dịch vụ của vùng kinh tế phát huy tác dụng tích cực, thu hút ngày càng nhiều lao động nông nhàn, tạo ra những tiền đề vật chất cụ thể để biến đổi cơ cấu kinh tế của các địa phương trong vùng, chủ yếu là thuần nông, chuyển dần sang công nghiệp và dịch vụ trong thời kỳ 1996 - 2000. Thực tế cũng đang đòi hỏi phải khẩn trương hoàn thiện việc quy hoạch các khu chế xuất, khu công nghiệp kỹ thuật cao, khu đô thị lớn, khu du lịch và dịch vụ ở nhiều vùng, nhiều địa phương trong cả nước. Vì vậy, ngay từ bây giờ, công tác quy hoạch của các ngành, các địa phương phải được quan tâm đúng mức và phải gắn với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả nước. Chỉ có trên cơ sở quy hoạch tốt, thì các giải pháp nói trên mới có thể triển khai thuận lợi và có hiệu quả ❑

Digitized by Google

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ QUỐC DÂN GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

NGUYỄN SINH CÚC *

CHUYỂN dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa là một trong những nội dung cơ bản của đường lối đổi mới kinh tế giai đoạn 1996 - 2000 do Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra. Mục tiêu đến năm 2000 ở nước ta có cơ cấu GDP theo ngành là : nông nghiệp khoảng 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng khoảng 34 - 35% ; dịch vụ khoảng 45 - 46%(1). Để đạt mục tiêu đề ra, mỗi ngành phải đạt tốc độ tăng trưởng : nông nghiệp từ 4,5 - 5%, công nghiệp và xây dựng 14 - 15% và dịch vụ 12 - 13%/năm ; chung của nền kinh tế 9 - 10% (2).

I - THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ QUỐC DÂN GIAI ĐOẠN 1991 - 1995

Theo Tổng cục thống kê, trong 5 năm 1991 - 1995, cơ cấu kinh tế quốc dân theo ngành đã có sự chuyển hướng tích cực, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm dần, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng dần hàng năm.

Biểu 1 : *Cơ cấu GDP theo ba nhóm ngành chủ yếu 1991 - 1995* (giá hiện hành)

Đơn vị tính : %

	1991	1992	1993	1994	1995
Tổng số	100	100	100	100	100
Nông nghiệp	40,5	33,9	29,9	28,7	27,5
Công nghiệp	23,8	27,3	28,9	29,6	30,1
Dịch vụ	35,7	38,8	41,2	41,7	42,4

Có được sự chuyển dịch như trên là do, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, những năm qua các ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển và tăng trưởng cao hơn nông nghiệp (gồm cả lâm nghiệp, thủy sản). Tốc độ tăng trưởng GDP của nông nghiệp bình quân 5 năm 1991 - 1995 (sau khi đã loại trừ yếu tố giá) chỉ có 3,4%, trong khi đó của công nghiệp là 13,5%, dịch vụ là 9,3%, trong đó năm 1995 là 4,9% so với 13,9% và 10,9%.

Thực tế cho thấy, ở nước ta sự tăng trưởng nhanh của ngành công nghiệp (gồm cả xây dựng) là do kết quả đầu tư lớn của nhà nước nhiều năm trước cho một số ngành quan trọng như dầu khí, điện, xi măng, thép, giấy, đường, dệt, may mặc... Việc đẩy mạnh khai thác dầu thô, than và nâng cao mức huy động công suất của các nhà máy lớn như xi măng Hoàng thạch, Bỉm sơn, Hà tiên I, giấy Bãi bằng, Tân mai, thủy điện Trị an, Hòa bình, nhiệt điện Phả lại, đường La ngà, đường dây tải điện 500 kV... đã góp phần quan trọng tạo nên sự tăng tốc của sản xuất công nghiệp quốc doanh (năm 1995 so năm 1990, sản lượng dầu thô tăng gấp 2,8 lần, xi măng 2,3 lần ; thép cán 3,7 lần, đường luyện 3,5 lần, điện 1,7 lần, than 1,6 lần...)

Đặc biệt, công nghiệp ngoài quốc doanh 5 năm qua đã có bước phát triển nhảy vọt cả về quy mô và tốc độ theo hướng đa dạng hóa sản phẩm gắn với thị trường. Đến cuối năm 1995, cả nước có 524 390 cơ sở sản xuất, tăng 34,3% so với năm 1990. Đến nay, công nghiệp ngoài quốc doanh đã tạo ra 1/3 giá trị sản xuất toàn ngành, với tốc độ tăng trưởng ngày càng cao ; năm 1991 : 7,6%, năm 1992 : 9,6%, năm 1993 : 8,1%, năm 1994 : 11,2% và năm 1995 : 13,9%.

Đáng chú ý là các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài của ngành cũng góp phần quan trọng tạo ra sự tăng tốc của ngành này. Với 821 dự án, số vốn 9 tỉ USD, công nghiệp trong các xí nghiệp liên doanh đã và đang tạo ra những sản phẩm mới, có giá trị tiêu dùng và xuất khẩu cao như : dầu thô,

* PTS, Vụ trưởng, Tổng cục thống kê

(1), (2) *Xem Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 171, 170

Digitized by Google

thép, lắp ráp ô tô, xe gắn máy, máy thu hình màu, hàng dệt, may mặc, da...

Các hoạt động dịch vụ, thương mại phát triển nhanh và đa dạng, hòa nhập với quá trình mở cửa và hội nhập với các nước, đem lại nguồn thu nhập ngày càng tăng, nhất là du lịch, xuất nhập khẩu, vận tải, bưu điện, viễn thông và hàng loạt các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống. Dịch vụ và thương mại ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn và ngày càng cao (năm 1991 : 73,1%, năm 1995 : 76,3%). Trong hoạt động xuất nhập khẩu cũng rất sôi động và tăng trưởng nhanh (từ năm 1991 đến 1995 bình quân kim ngạch xuất khẩu đạt 16,9 tỉ USD, tốc độ tăng bình quân 16,7%/năm ; nhập khẩu 22,1 tỉ USD, bình quân tăng 22,2%/năm). Nhờ vậy, tốc độ tăng trưởng của dịch vụ và thương mại từ 8,3% năm 1991 lên 10,9% năm 1995, gấp hai lần tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp.

5 năm qua, nông nghiệp đã đạt được những thành tựu to lớn. Sản lượng lương thực từ 21,9 triệu tấn năm 1991 tăng lên 27,5 triệu tấn năm 1995. Chăn nuôi phát triển ổn định. Nhu cầu tiêu dùng lương thực, thực phẩm trong nước bảo đảm và còn thừa để xuất khẩu. Nhìn chung, toàn ngành giá trị sản xuất tăng dần qua các năm với tốc độ bình quân 5,4%/năm. Tuy vậy, so với công nghiệp và dịch vụ thì tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp chậm hơn. Điều này làm cho tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm dần từ năm 1991 đến năm 1995, cho dù giá trị tuyệt đối vẫn tăng dần.

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân trong 5 năm qua ở nước ta về cơ bản là tích cực, đúng hướng. Song, bên cạnh đó, vẫn tồn tại nhiều vấn đề nổi cộm làm chậm quá trình chuyển dịch đó. Trong công nghiệp, máy móc thiết bị đã ít về số lượng lại lạc hậu về công nghệ, phần lớn thuộc thế hệ cũ, trang bị chắp vá. Một nửa số doanh nghiệp nhà nước có hệ số hao mòn tài sản cố định trên 50%, trong đó 27% số doanh nghiệp hao mòn trên 60%. Lao động thủ công và bán cơ giới còn phổ biến nên năng suất lao động thấp, giá thành cao, chất lượng sản phẩm chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, nhất là công nghiệp nhẹ. Công nghiệp nông thôn vẫn còn trì trệ và chưa có lối ra, nên chưa có sức hút lao động dư thừa trong nông nghiệp.

Trong dịch vụ, cơ sở hạ tầng yếu kém, chưa theo kịp yêu cầu của sản xuất và đời sống. Về giao thông, cả nước hiện có 3259,5 km đường sắt, nhưng phần lớn là đường khổ hẹp, loại 1,35 m ; đường bộ có 177,3 nghìn km, nhưng chất lượng thấp, chỉ có 8,5% đường nhựa và bê tông, 6,5% đường đá, còn lại 85% là đường đất ; cảng biển, sân bay vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng và năng lực phục vụ. Về thông tin liên lạc còn yếu : số máy điện thoại năm 1995 tuy tăng gấp 4 lần 1992 nhưng mới đạt 1 máy/100 dân (Bru-nây là 27,8 máy, Thái lan là 2,7 máy). Về thương mại tuy có khởi sắc, nhưng vẫn nặng tính tự phát, không ổn định. Thị trường trong nước, nhất là thị trường nông thôn vẫn bỏ ngỏ cho tư thương chi phối, còn vai trò thương nghiệp quốc doanh mờ nhạt. Thị trường ngoài nước không ổn định cả về xuất và nhập khẩu, ảnh hưởng không tốt đến giá cả sản phẩm "đầu ra" cũng như "đầu vào" của các ngành sản xuất trong nước, nhất là ngành công nghiệp.

Các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay phát triển không cân đối. Nhiều doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, thậm chí lỗ vốn. Năm 1993 có 610 doanh nghiệp lỗ 401 tỉ đồng, 500 doanh nghiệp khác hòa vốn. Trên một số lĩnh vực vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước không rõ, nhất là trong thương nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tuy có khởi sắc, nhưng vẫn trong tình trạng tự phát, chắp vá, trang thiết bị lạc hậu, chất lượng sản phẩm thấp.

Lực lượng lao động ở nước ta hiện nay đang trong tình trạng thừa về số lượng lao động thủ công, nhất là ở nông thôn, nhưng lại rất thiếu lao động kỹ thuật cao. Năng lực cán bộ quản lý và tay nghề của người lao động không đáp ứng được yêu cầu của tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế. Tình trạng thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, thiếu chuyên gia giỏi, thiếu kiến thức về thị trường, thiếu cả chính sách và cơ chế phù hợp là

Digitized by Google

thách thức lớn đối với nước ta khi thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Chúng ta bước vào ngưỡng cửa của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, với những tiềm lực kinh tế của đất nước vẫn còn thấp. Năm 1995 bình quân đầu người về điện : 198,5 kWh ; than : 103,5 kg ; dầu thô : 104,1 kg ; thép cán : 5,1 kg ; xi măng : 79,2 kg ; giấy : 2,8 kg ; đường mật : 5,3 kg ; vải : 3 m ; xuất khẩu : 70 USD (thấp hơn khoảng 3 - 5 lần so với nước trung bình trong khối ASEAN).

II - TRIỂN VỌNG VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

Hiện nay, ở nước ta tuy còn nhiều khó khăn và mất cân đối, nhưng triển vọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế những năm 1996 - 2000 là khá lạc quan. Thời cơ và các điều kiện cho việc chuyển đổi nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa đang ngày càng thuận lợi. Trước hết, đó là Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã và đang mở đường cho các chính sách đầu tư, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phát triển khoa học công nghệ, phát triển nông thôn mới, kinh tế nhiều thành phần, mở rộng thị trường... Sau nữa, những bài học kinh nghiệm thành công và không thành công trong những năm đổi mới vừa qua cũng giúp chúng ta thấy được mặt mạnh, mặt yếu của chính mình, từ đó tính toán các bước đi cho phù hợp, tránh lặp lại những sai lầm của quá khứ. Đánh giá đúng thực trạng không phải để bi quan, do dự, mà để tìm cách vượt qua, hội nhập với cộng đồng khu vực và thế giới bằng sức lực của chính mình trong bối cảnh chung của thế giới.

Chặng đường đi của nền kinh tế nước ta trong 5 năm 1996 - 2000 phụ thuộc nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, tích cực và tiêu cực, nên quy mô và tốc độ chuyển dịch cơ cấu cũng phải tính toán trong mối quan hệ tổng hòa đó. Có những yếu tố đã xuất hiện, một số yếu tố khác sẽ xuất hiện, cho nên khi tính toán xu hướng và tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đều phải đề cập đến. Có như vậy, dự báo cho triển vọng tiếp theo mới bảo đảm tính khách quan, hạn chế sự chi phối của chủ quan, áp đặt thiếu căn cứ.

Theo quan điểm đó, chúng tôi dự báo triển vọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong 5 năm 1996 - 2000 sẽ như sau :

Biểu 2 : *Dự báo cơ cấu GDP theo 3 nhóm ngành 1996 - 2000* (giá hiện hành)

Đơn vị tính : %

	1996	1997	1998	1999	2000
1 - Nông nghiệp	27,0	26,1	25,2	24,2	21,2
2 - Công nghiệp	30,5	31,0	31,3	31,7	33,1
3 - Dịch vụ	42,5	42,9	43,5	44,1	45,7

Thực tế của 7 tháng đầu năm 1996 chứng minh xu hướng và tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo dự báo trên đây là có căn cứ. Nông nghiệp được mùa, công nghiệp tăng chậm hơn năm 1995 và dịch vụ vẫn tăng nhanh. Khả năng chuyển đổi cơ cấu nhanh là không thực tế. Nông nghiệp có giảm tỷ trọng nhưng rất chậm, công nghiệp có tăng nhưng cũng chậm so với mục tiêu đề ra. Dầu thô bắt đầu giảm tốc độ, vì chưa có mỏ mới. Xi măng, giấy đang ứ đọng nhiều sản phẩm nên sản xuất cầm chừng... Và như vậy, triển vọng đến năm 2000, cơ cấu kinh tế nước ta sẽ chuyển dịch theo hướng tiến bộ và ổn định hơn ; mỗi năm tỷ trọng nông nghiệp giảm khoảng 1%, công nghiệp tăng khoảng 0,4% - 0,5% và dịch vụ tăng khoảng 0,5% - 0,6%. Với một nước có hơn 80% là nông dân như nước ta, việc giảm tỷ trọng nông nghiệp bình quân 1%/năm, trong khi vẫn tăng giá trị tuyệt đối về sản phẩm nông nghiệp quả là vấn đề khó khăn. Muốn làm được phải có nhiều giải pháp tích cực, đồng bộ. Theo tôi, có các giải pháp chủ yếu sau đây :

Một là, chuyển hướng mạnh mẽ từ đầu tư bề rộng sang đầu tư chiều sâu trong tất cả các ngành kinh tế, đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật mới và thiết bị, máy móc mới vào sản xuất, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Trong nông nghiệp, cần đầu tư để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật về giống và công nghệ chế biến nông sản vào nông thôn để nâng cao chất lượng và giá trị của mỗi loại sản phẩm, nhất là gạo, thịt, chè, cà phê. Chuyển hướng mạnh mẽ đưa tiến bộ sinh học vào

Digitized by Google

việc tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng sản phẩm cao, đáp ứng thị trường tiêu dùng và xuất khẩu. Muốn vậy, nhà nước cần nghiên cứu, nâng tỷ trọng đầu tư cho khoa học, kỹ thuật từ dưới 1% GDP như hiện nay lên mức trung bình của các nước trong khu vực (1,5 - 2% GDP).

Hai là, đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề phù hợp với yêu cầu của công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Ưu tiên thỏa đáng đối với các ngành công nghiệp và dịch vụ, để bảo đảm sản phẩm của các ngành đó đủ sức cạnh tranh, từ đó tăng nhanh hiệu quả sản xuất, năng suất lao động. Hiện nay, ở nước ta lao động nông nghiệp đang dư thừa quá lớn (6 - 7 triệu người). Nhà nước cần có chính sách để chuyển họ vào các hoạt động công nghiệp và dịch vụ sau khi đã đào tạo nghề nghiệp. Mặt khác, cần bồi dưỡng họ trở thành lực lượng lao động có kỹ thuật phù hợp với tính chất sản xuất hàng hóa trên địa bàn nông thôn.

Ba là, phát triển và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là điện và đường giao thông, tạo điều kiện để đưa khoa học, kỹ thuật và thông tin thị trường đến người sản xuất, mở rộng giao lưu giữa các vùng, miền, các địa phương, gắn công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp. Thực tế cho thấy, ở nước ta nếu có điện, có đường giao thông tốt, thì công nghiệp nông thôn có điều kiện mở rộng và các dịch vụ sẽ phát triển. Từ đó việc cung ứng vật tư, phân bón và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được nhanh chóng thuận lợi, tạo cho nông thôn thành địa bàn chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng gắn với công nghiệp và dịch vụ, giải phóng lao động nông nghiệp và tăng thu nhập phi nông nghiệp ở nông thôn.

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện và đổi mới chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước, trước hết là chính sách tài chính, tiền tệ. Vai trò điều tiết vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường chủ yếu nhờ vào việc sử dụng chính sách tài chính. Thông qua chính sách này, nhà nước có thể tăng thuế đối với những ngành, nghề, lĩnh vực không cần thiết ; ngược lại, giảm hoặc miễn thuế đối với những ngành nghề, dịch vụ thực sự có ích cho nền kinh tế quốc dân, phục vụ đắc lực quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Để tạo ra những tiền đề vật chất cơ bản cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân đến năm 2000, vai trò của nhà nước không chỉ dừng lại ở định hướng đúng, mà quan trọng hơn là cụ thể hóa nó bằng các chính sách cụ thể. Ở nước ta, muốn duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức 14 - 15%/năm, dịch vụ 12 - 13%, nhà nước cần đổi mới chính sách đầu tư, chuyển từ phân tán sang tập trung để xây dựng hàng loạt các trung tâm công nghiệp, các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, kỹ thuật công nghệ cao, các khu chế xuất, khu du lịch, dịch vụ,... biến các tổ hợp này thành các trung tâm kinh tế, thương mại lớn của vùng và của cả nước, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Khi sản xuất đã phát triển đạt tốc độ cần thiết, thì vấn đề thị trường tiêu thụ sản phẩm cần được giải quyết đồng bộ. Vì vậy, chính sách thị trường của nhà nước cần được hoàn thiện để đáp ứng đòi hỏi chính đáng của người sản xuất, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng ngành và của cả nước.

Năm là, phát triển kinh tế đối ngoại trên tất cả các ngành và lĩnh vực : thương mại, đầu tư, hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế, nhất là các nước ASEAN, nhằm mở rộng thị trường, thu hút vốn, khoa học công nghệ mới và kinh nghiệm, phục vụ yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế nước ta. Trước mắt, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tham gia khối mậu dịch tự do (AFTA), diễn đàn kinh tế châu Á - Thái bình dương (APEC) và tổ chức thương mại quốc tế (WTO) ; từng bước tham gia các hoạt động của hệ thống toàn cầu về ưu đãi thương mại với các nước đang phát triển (GSTP).

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nước ta cần rất nhiều vốn. Vì vậy, chúng ta cần tận dụng thời cơ thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ, cho vay ưu đãi của các nước và tổ chức quốc tế. Trong khi tranh thủ và tập trung thu hút nguồn vốn tài trợ phát triển

(Xem tiếp trang 16)

Digitized by Google

BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC TA : CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

NGUYỄN VĂN THẢO *

TRONG quá trình xây dựng và trưởng thành, Nhà nước ta luôn luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng, một "bệ" vững chắc cho việc xây dựng hệ quan điểm trong thiết kế bộ máy nhà nước. Ý tưởng "Xây dựng một chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân" do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng đã được ghi thành văn trong Hiến pháp 1946 của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Mặc dù phải tiến hành ngay một cuộc kháng chiến chống xâm lược và chống cả những thế lực thù địch trong nước, chất "nhân dân" trong bộ máy nhà nước không hề giảm mà còn tiếp tục tăng lên, làm rõ hơn, sáng hơn, sâu sắc hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của dân, do dân, vì dân, dựa trên cơ sở công nông liên minh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài *Dân vận* đăng trên báo Đảng đã nhấn mạnh đến những điểm cơ bản về nhà nước : dân lập ra chính quyền, nên chính quyền đó là chính quyền của dân. Những ý tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cái cốt lõi "nhân dân" trong bộ máy nhà nước đã được thiết kế thành các thể chế, định chế, cơ chế, được xây dựng nên bằng một đội ngũ cán bộ hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

Tư tưởng "dân là gốc", dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra là quan điểm nhất quán của Đảng ta thể hiện trong văn kiện của các kỳ đại hội vừa qua, tiếp nối và cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới của đất nước.

Thông tin cho dân biết mọi hoạt động trong bộ máy nhà nước, từ những dự kiến đến kế hoạch chính thức, phương thức thực hiện, ưu điểm và khuyết điểm, thành tựu và thất bại. Trong hoạt động của nhà nước, có thể có những sự kiện, tin tức cần bảo toàn tính bí mật, chưa được công khai, nhưng nên hết sức giới hạn phạm vi bí mật, những gì không thông tin cho dân cũng xuất phát từ lợi ích chung của đất nước.

Tạo điều kiện cho công dân bàn bạc công việc nhà nước. Mỗi công dân nói riêng và toàn thể nhân dân nói chung, đều quan tâm đến sự đóng góp của mình cho cộng đồng xã hội. Sự bảo đảm cho chế độ dân chủ bàn bạc mọi công việc của đất nước được thể hiện bằng nhiều cơ chế và biện pháp, trong đó quan trọng là chế định dân nguyện và sự thiết lập cơ quan phụ trách vấn đề dân nguyện trong bộ máy nhà nước, từ cơ quan quyền lực cao nhất đến các cấp chính quyền địa phương.

Khởi xướng, khích lệ, hỗ trợ, giúp đỡ công dân trong mọi hoạt động kinh doanh, văn hóa, xã hội. Có *hai* hình ảnh tương phản về hai mô hình : cơ chế *bao cấp* và cơ chế *thị trường* trong nền kinh tế hàng hóa. Trong cơ chế bao cấp, dân chỉ được làm những gì nhà nước cho phép, nếu nhà nước cấm hoặc không nói đến thì không được làm. Trong cơ chế thị trường, giới hạn những hành vi của công dân được mở rộng. Họ được tự do kinh doanh, sản xuất, tiếp cận thị trường trong nước và ngoài nước, được tự quyết định mọi hoạt động của mình trong khuôn khổ pháp luật. Trong cơ chế thị trường,

* Bộ tư pháp

Digitized by Google

khẩu hiệu "dân làm" trở nên phong phú, được mở rộng trên mọi lĩnh vực.

Cuối cùng là thiết lập một cơ chế kiểm soát quyền lực của dân đối với cơ quan nhà nước, trong đó có sự kiểm soát trực tiếp của mỗi công dân thông qua các tòa án hành chính vừa được quyết định thành lập, thông qua chế độ dân nguyện, xem xét, khiếu nại và tố cáo, thông qua sự giám sát tối cao của Quốc hội và sự giám sát của Hội đồng nhân dân, thông qua chế độ thanh tra và kiểm toán, chế độ bầu cử và ứng cử tự do...

Bản thiết kế về bộ máy nhà nước chứa đựng những ý tưởng trên phải được thể hiện trên *ba* bình diện : nhà nước *của dân*, nhà nước *do dân*, nhà nước *vì dân*.

Nhà nước của dân là một nhà nước luôn dựa trên nền tảng tư tưởng "tất cả quyền lực thuộc về nhân dân". Nhân dân là chủ thể duy nhất của quyền lực nhà nước. Điều này không những là nguyên tắc căn bản của 4 bản Hiến pháp nước ta trong 50 năm qua, mà còn là nguyên tắc hiến định của nhiều nước trên thế giới. Xét trên bình diện *lý thuyết*, về chính trị học, nhân dân là một tập thể dân cư, sống trên một quốc gia, có một lãnh thổ nhất định, toàn bộ dân cư hợp lại được coi là nhân dân. Họ là một lực lượng quyết định vận mệnh quốc gia, một sức mạnh tinh thần, vật chất tuyệt đối trên mọi phương tiện phát triển đất nước, nhưng nhân dân lại không thể đứng ra trực tiếp nắm quyền lực mà họ phải ủy nhiệm cho một số người đại diện trở thành *nhà nước*, với những cơ chế, chính sách, bộ máy được thiết lập để cai quản nhân dân.

Xét trên bình diện *pháp lý*, nhân dân được định chế hóa thành từng người công dân, có địa vị pháp luật, có quyền và nghĩa vụ cụ thể, các quyền năng đó bao quát tất cả lĩnh vực, bảo đảm cho nguyên tắc tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

Người chủ thể duy nhất của quyền lực nhà nước là nhân dân sẽ thực hiện quyền lực của mình bằng *hai* phương thức : *gián tiếp* và *trực tiếp*. Phương thức gián tiếp là bầu ra những người đại diện cho mình nắm một số quyền lực, trở thành bộ máy nhà nước. Phương thức trực tiếp là nhân dân, với tư cách là từng công dân cụ thể, thực hiện một số quyền lực nhất định mà pháp luật giao cho. Dân chủ càng phát huy, các quyền trực tiếp của mỗi người công dân về *lập hiến, lập pháp, hành pháp, tư pháp* càng có nhiều hình thức và phương pháp đa dạng để thực hiện, thì càng làm cho nhà nước thực sự là một nhà nước của dân.

Nhà nước của dân là một nhà nước được chọn *bằng định chế bầu cử trực tiếp, phổ thông và tự do*. Định chế bầu cử không những thể hiện sâu sắc quyền làm chủ về mặt chính trị của nhân dân, của mỗi công dân, mà còn chứng minh rằng định chế bầu cử như là một định chế nền tảng tạo lập nên bộ máy nhà nước. Không có bầu cử, không thể có một nhà nước của dân thực sự. Nền dân chủ được xem xét, đánh giá một phần chủ yếu thông qua định chế bầu cử, nên phải hoàn thiện không ngừng định chế này. Làm cho bầu cử thực sự tự do, dân lựa chọn, dân đề cử, dân tự ứng cử, dân bỏ phiếu, dân biết đầy đủ quá trình bầu cử, dân làm công khai, dân kiểm tra kết quả bỏ phiếu, là nội dung quan trọng của việc hoàn thiện. Khẩu hiệu "Dân là gốc ; dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", theo tôi, nên áp dụng trước hết vào các cuộc bầu cử.

Nhân dân là người làm chủ quá trình thành lập ra nhà nước, đến khi bộ máy nhà nước đã được thiết lập, nhân dân lại một lần nữa là người chủ bỏ tiền ra đóng góp thành ngân sách nuôi dưỡng và bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động. Toàn bộ nghĩa vụ về đóng thuế, về các khoản nộp cho nhà nước, suy cho cùng, đều gắn liền với nhân dân, *người chủ trực tiếp* tạo nên ngân sách nhà nước, và nhà nước lại được nhân dân ủy quyền nắm ngân sách để chi tiêu vào những việc mà nhân dân quan tâm.

Digitized by Google

Rõ ràng là chỉ mới phân tích một vài định chế cơ bản : bầu cử, thu thuế, chi ngân sách, chúng ta đã thấy vấn đề "nhà nước của dân" được thể hiện rất cụ thể, đó là *dân lập ra nhà nước, dân nuôi dưỡng bộ máy nhà nước.*

Nhà nước do dân được quan niệm rõ ràng trong việc xác định vai trò của nhà nước đối với kinh tế và xã hội.

Mọi vấn đề trong cuộc sống của dân phải do dân tự làm, tự thu xếp, tự giải quyết, năng lực của mỗi công dân phải được toàn dụng - nhà nước, trong lĩnh vực đời sống riêng của mỗi công dân, là *vạch ra một hành lang pháp luật* bảo đảm cho mỗi người đều tự do nhưng không xâm phạm đến tự do người khác, hành lang đó đặt ra các điều cấm và những điều phải làm để hướng dẫn hành vi của mỗi công dân.

Vai trò bảo đảm trật tự, an ninh là vai trò rất to lớn của nhà nước.

Về mặt kinh tế, nhà nước bảo đảm chính sách tự do kinh doanh trên cơ sở pháp luật, đồng thời phải tạo điều kiện thuận lợi, khích lệ, hướng dẫn, hỗ trợ, thúc đẩy, giúp đỡ, thường xuyên tạo ra một không khí phấn chấn trong đời sống kinh tế, tận dụng toàn bộ năng lực của công dân xây dựng và phát triển kinh tế. Đối với những lĩnh vực kinh tế mà công dân không có sức, không đủ điều kiện, thì nhà nước trực tiếp làm thông qua các doanh nghiệp nhà nước.

Trong lĩnh vực bảo đảm đời sống và phúc lợi chung cho toàn xã hội, nhà nước hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhân dân. Các xí nghiệp, các tổ chức có tính chất công việc phải được tăng cường để bảo đảm vai trò và chức năng phục vụ toàn xã hội của nhà nước như việc xây dựng cơ sở hạ tầng, bệnh viện, trường học, câu lạc bộ, trại nuôi dưỡng thương binh, gia đình liệt sĩ, người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em mồ côi không có nơi nương tựa, v.v..

Điều mà tôi muốn nói là, muốn thực hiện được một "nhà nước do dân" thì cần phải điều chỉnh vai trò của nhà nước. Nhà nước chỉ làm những việc cần làm, chỉ can thiệp vào những việc cần can thiệp, còn mọi việc khác đều do dân tự làm, tự giải quyết, thông qua các hình thức của nhân dân và các tổ chức đoàn thể của họ.

Nhà nước vì dân phải được thể hiện về cơ bản trên các bình diện sau :

1) Toàn bộ hệ thống pháp luật phải nhất quán một tư tưởng chủ đạo là mọi quy định đều lấy lợi ích của dân làm mục tiêu, còn việc quản lý của các cơ quan nhà nước phải luôn luôn gắn bó với mục tiêu "vì lợi ích của nhân dân" ; không đối lập việc quản lý chặt chẽ của nhà nước với lợi ích của dân.

Có thể nói rằng từ khi thực hiện chủ trương cải cách hành chính, Chính phủ ta đã lấy cải cách thủ tục hành chính, một bộ phận của các quy định pháp luật, làm khâu đột phá nhằm đơn giản hóa thủ tục, giảm bớt phiền hà cho dân, điều đó cho thấy hệ thống quy định pháp luật hiện nay của ta còn có những khiếm khuyết cần được khắc phục nhằm bảo đảm lợi ích của dân.

Vì sao Nhà nước ta luôn luôn hướng về mục tiêu "vì lợi ích của toàn thể nhân dân" mà trong hệ thống pháp luật của nó lại có một bộ phận chưa thực sự xuất phát từ lợi ích đó ? Sở dĩ như vậy là vì trong quá trình biên soạn các thể chế, các đạo luật, những người được giao nhiệm vụ biên soạn không thể không chú ý bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích nhà nước, lợi ích bộ phận và lợi ích công dân. Nhưng do những hạn chế nhất định trong việc nắm bắt tình hình thực tế, có những mặt nắm chưa đầy đủ nên đôi khi việc soạn thảo chưa sát hợp. Ở đây cũng cần thẳng thắn nêu một khía cạnh khác, dù không phổ biến lắ, tâm lý của một số người biên soạn hay người đưa ra thể chế thường muốn "ưu tiên" bộ phận mình, ngành mình hơn bộ phận khác, ngành khác, trong khi đó thì nhân dân lại ít có tiếng nói trong quá trình này. Cũng vì lẽ đó, các định chế nên ban hành bằng các đạo luật, hết sức tránh ban hành

Digitized by Google

bằng văn bản dưới luật, để sự thảo luận trong Quốc hội với các đại biểu do nhân dân trực tiếp bầu ra, có thể kiểm soát các điều khoản cơ bản trên cơ sở lợi ích của nhân dân.

2) Mọi hoạt động của nhà nước đều thông qua đội ngũ cán bộ. Dù có một hệ thống pháp luật tốt và một thể chế phù hợp với lợi ích nhân dân, nhưng kết quả của nó biểu hiện ra cuộc sống phải thông qua con người - đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước. Giữa định chế và con người lại có mối quan hệ rất phức tạp. Tất cả những yếu tố như sự hiểu biết, tay nghề, tình cảm và tâm lý, nỗi vui buồn, trình độ giác ngộ chính trị, lợi ích bản thân và gia đình... của mỗi cán bộ, đều ảnh hưởng đến mức độ thực hiện định chế. Một nhà nước vì dân thường thể hiện ở đội ngũ cán bộ hết lòng, hết sức làm việc vì nhân dân.

Giải quyết mối quan hệ giữa định chế với người cán bộ, hướng cho họ nghiêm túc thực hiện đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, là một quá trình đào tạo, tuyển chọn, bồi dưỡng họ và chăm lo đời sống cho họ. Phải có một cơ chế phát hiện nhân tài, quyết tâm dùng nhân tài, có một chính sách đãi ngộ thỏa đáng để họ có mức sống trên trung bình, có một chế độ công vụ nghiêm ngặt làm cho cán bộ hiểu rõ bổn phận, trách nhiệm và quyền năng, an tâm trong cuộc sống riêng, không nghĩ tới những hành vi sách nhiễu, coi đó như những thủ tục "đầu tiên" khi giải quyết công việc theo yêu cầu, đề nghị của nhân dân. Trên thực tế, đây là vấn đề cơ bản nhất của mọi nhà nước.

3) Sự công bằng xã hội như là một thước đo chính xác về mức độ phục vụ nhân dân của cơ quan nhà nước. Khẩu hiệu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" được xem là định hướng lớn của chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội. Khẩu hiệu đó cần được thiết kế thành cơ chế, định chế, thể chế, bộ máy cụ thể, và quan trọng hơn nhiều là trong hệ thống các quan niệm hiện nay ; trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế văn hóa, đời sống xã hội ; trong quan hệ phân phối ; trong quy định các quyền và nghĩa vụ công dân. Vấn đề rất rộng, nên tôi chỉ xin có một bình luận về nền *công lý*, một bộ phận quan trọng của công bằng xã hội.

Công lý thể hiện chủ yếu trong hoạt động xét xử của tòa án, nếu nói toàn bộ quá trình tố tụng còn bao gồm hoạt động của các cơ quan điều tra, kiểm sát, bào chữa, giám định, thi hành án v.v..

Con người sống trong xã hội được bảo hộ và phát triển do tập thể, gia đình và phần quan trọng là do bộ máy nhà nước, chủ yếu là hệ thống cơ quan hành chính. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, nơi cư trú, chỗ làm nhà, việc ăn ở, đi lại, học hành, lập gia đình, mọi quan hệ trong xã hội đều phải dựa vào nền hành chính, được nền hành chính bảo hộ, khích lệ, giúp đỡ, tạo điều kiện.

Một số người nào đó có những tranh chấp, không thỏa thuận được với nhau phải đem nhau ra trước tòa, lúc đó họ không thể nhờ vào nền hành chính mà phải nhờ vào nền tư pháp, cơ quan bảo đảm công lý và bảo vệ lẽ công bằng xã hội.

Việc xét xử công minh sẽ tạo cho nền tư pháp bảo đảm công lý và lẽ công bằng, nếu ngược lại sẽ đưa đến những hậu quả nghiêm trọng như "phủ bênh phủ", "huyện bênh huyện", "quan xử theo lẽ, dân xử theo hình", là khuynh hướng thường có ở các nhà nước trong lịch sử. Nhà nước ta hiện nay không phải không có tình trạng đó, chỉ khác ở mức độ, và mức độ phổ biến đến đâu thì chúng ta chưa có số liệu để đánh giá.

Mấy nội dung cụ thể về một nhà nước *của dân, do dân, vì dân* nêu trên đây, cũng chỉ là tổng hợp lại những điều đã có trong các nghị quyết của Đảng trong hơn 50 năm xây dựng và lãnh đạo nhà nước, tổng hợp lại một vài ý tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một nhà nước *kiểu mới*, trong đó có phần hệ thống lại các định chế đã có ở nước ta ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KINH TẾ

PHẠM NGỌC QUANG *

Để quản lý có hiệu quả nền kinh tế thị trường, làm đòn xeo thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, cần phải đổi mới quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường nhằm phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của nó.

Ngay từ khi khởi xướng công cuộc đổi mới, Đảng ta đã khẳng định : phải đổi mới toàn diện, từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức bộ máy, đổi mới phong cách lãnh đạo và phương pháp hoạt động ; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới chính trị, tư tưởng - tinh thần ; từ đổi mới Đảng đến đổi mới Nhà nước...

Trong đổi mới kinh tế, điểm trung tâm là hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện quan điểm chiến lược đó, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương cần thiết để từng bước chuyển nền kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp với tình trạng quan hệ sản xuất bị quan liêu hóa, lực lượng sản xuất bị vô chủ ở nhiều cấp độ khác nhau sang nền kinh tế thị trường qua ba bước cơ bản :

Một là, cải cách cơ cấu sở hữu, biến nền kinh tế về cơ bản dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể đối với tư liệu sản xuất thành nền kinh tế nhiều thành phần dựa trên đa dạng hóa hình thức sở hữu tư liệu sản xuất.

Hai là, đổi mới cơ chế kinh tế, chuyển từ trạng thái nhà nước chỉ huy nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính, bằng kế hoạch hóa tuyệt đối và tập trung cao sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, từng bước chuyển nền sản xuất tự cấp, tự túc, ưu tiên công nghiệp nặng sang nền kinh tế hàng hóa và hình thành một hệ thống kinh tế mở.

Chúng ta thực hiện những đổi mới lĩnh vực kinh tế trên đây trong bối cảnh không mấy thuận lợi : kinh tế khủng hoảng, viện trợ của nước ngoài giảm nhanh chóng và đột ngột ; sự bao vây và cấm vận của Mỹ đối với nước ta kéo dài trong nhiều năm... Nhưng, ngay trong bối cảnh phức tạp đó, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời và chủ động đề ra đường lối đổi mới mang tính độc lập, tự chủ, sáng tạo ; xác định đúng trọng tâm đổi mới kinh tế ; thực hiện cải cách từng bước và vững chắc ; kết hợp chặt chẽ làm từ dưới lên, từ trên xuống... Nhờ vậy, nền kinh tế thị trường đặt dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã hình thành và đang tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của đất nước. Đời sống kinh tế ngày càng năng động hơn ; nhiều tiềm năng kinh tế được khai thác có hiệu quả hơn ; tính chủ động, sáng tạo của người lao động cũng như của những nhà quản lý thuộc các loại hình doanh nghiệp khác nhau đã được khởi động.

Nhìn chung nền kinh tế nước ta có bước khởi sắc rất đáng phấn khởi. Chẳng hạn, dự kiến kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, mức tăng tổng sản phẩm trong nước bình quân là 5 - 6% năm, nhưng trên thực tế đã đạt mức tăng trưởng bình quân 8,2% năm. Nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng đề ra cho năm 1995 đã đạt và vượt mức vào cuối năm 1994.

Chúng ta đã mở rộng quan hệ kinh tế với trên 100 nước và các tổ chức kinh tế trên thế giới. Hợp tác đầu tư với nước ngoài ngày càng mở rộng. Tính đến hết năm 1995, chúng ta đã

* PGS, PTS, Ban khoa giáo trung ương

Digitized by Google

cấp trên 1000 giấy phép đầu tư với tổng số vốn đăng ký khoảng 20 tỉ USD.

Cơ cấu kinh tế cũng có bước chuyển biến tích cực. Tỷ trọng của công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc nội ngày càng tăng.

Đạt được những thành tựu trên đây là do nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến sự tác động tích cực của đường lối đổi mới toàn diện đất nước mà trọng tâm là đổi mới kinh tế do Đảng ta khởi xướng. Việc đa dạng hóa hình thức sở hữu, đa dạng hóa chủ thể quản lý quá trình sản xuất - kinh doanh, đa dạng hóa phương thức và quy mô thu nhập chính đáng của các thành viên xã hội... đã có tác động tích cực tới sự giải phóng lực lượng sản xuất.

Song tự bản thân đường lối, quan điểm chính trị của Đảng không thể làm thay đổi tích cực đối với hiện thực như vậy nếu chúng không được thể chế hóa thành hiến pháp, pháp luật ; thành cơ chế và chính sách kinh tế của nhà nước. Những năm qua, chúng ta đã có bước tiến vượt bậc trong việc thực hiện chức năng thể chế hóa các quan điểm chính trị đúng đắn của Đảng thành những quy định mang tính nhà nước và pháp quyền, thành hệ thống chính sách thích hợp nhằm hiện thực hóa chủ trương, đa dạng hóa thành phần kinh tế, tạo ra cơ chế chính sách để các cá nhân và các tầng lớp công dân khác nhau có thể phát huy được mọi tiềm năng kinh tế của mình vì mục tiêu "ích nước, lợi nhà".

Trong khi đánh giá cao những chuyển biến tích cực nêu trên cũng không thể không thấy rằng đổi mới trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với sự phát triển kinh tế còn chưa đạt được bước tiến tương xứng. Chẳng hạn, nhà nước ta còn chưa có những biện pháp đủ tầm và mức độ nhằm nâng cao hiệu quả của kinh tế quốc doanh ; chưa khuyến khích kịp thời những mô hình kinh tế hợp tác có hiệu quả ; chưa có chính sách hữu hiệu nhằm hỗ trợ cho kinh tế hộ. Nhà nước cũng chưa làm tốt vai trò định hướng công dân phát triển kinh tế tư nhân có lợi cho quốc kế dân sinh ; chưa có cơ chế và chính sách hữu hiệu với những biện pháp tối ưu để làm cho kinh tế quốc doanh vươn lên làm tốt vai trò chủ đạo ; chưa hình thành được một nền tài chính quốc gia phù hợp với nền kinh tế thị trường. Một loạt những công cụ quan trọng để nhà nước quản lý sự phát triển kinh tế bao gồm : hệ thống kiểm toán, tín dụng, ngân hàng... cũng chưa được hoàn thiện đúng với yêu cầu cần phải có.

Sự yếu kém của thể chế hành chính nhà nước trong quản lý kinh tế có thể trở thành một yếu tố cản trở sự phát triển của nền kinh tế. Bởi vậy, việc đổi mới quản lý của nhà nước đối với kinh tế được đặt ra như là một vấn đề cấp bách nhất trong tổng thể đổi mới nhà nước nói chung nhằm thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*

* *

Cơ chế thị trường là một cơ chế tinh vi phối hợp một cách có hiệu quả giữa nhân dân, giữa cá nhân người tiêu dùng với các doanh nghiệp thông qua hệ thống giá cả và thị trường. Trong cơ chế thị trường, nền kinh tế chịu tác động rất mạnh của người tiêu dùng, của kỹ thuật, đòi hỏi phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đó, cơ chế thị trường cũng làm nảy sinh biết bao khuyết tật như : gây ô nhiễm môi trường ; khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát, phân hóa giàu nghèo cả do tất yếu kinh tế và phi kinh tế. Sự tác động của cơ chế thị trường cũng dễ sản sinh ra lớp người xem lợi ích kinh tế là tất cả, phá hoại truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Cơ chế thị trường dựa trên sự đa dạng hóa các thành phần kinh tế, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (trong đó hợp tác với các nước tư bản chủ nghĩa chiếm một tỷ trọng đáng kể)... sẽ làm tăng những nhân tố tự phát tư bản chủ nghĩa trong kinh tế. Sự lớn mạnh của kinh tế tư nhân, đặc biệt là kinh tế tư bản tư nhân, đến một mức nào đó có thể sẽ nảy sinh vấn đề chính trị. Những tác động trái chiều này đều

Digitized by Google

có thể dẫn tới sự chệch hướng trong quá trình đổi mới kinh tế, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nền kinh tế thị trường dù có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì lợi nhuận vẫn sẽ là động lực chi phối các doanh nghiệp ; các thành phần kinh tế vẫn hoạt động trong môi trường cạnh tranh do các quy luật kinh tế khách quan chi phối là chủ yếu. Trong hoàn cảnh đó, sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sẽ rất khó khăn. Để có thể tháo gỡ được vấn đề này, nhà nước cần tạo ra một hệ chuẩn pháp luật, hình thành một hành lang pháp lý cho tư duy kinh doanh phát triển sáng tạo có vị trí quan trọng hàng đầu. Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (khóa VII) đã khẳng định : "Thông qua pháp luật, các chương trình, kế hoạch... nhà nước... tạo môi trường và thể chế thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển" (1).

Nhà nước cần có trong tay một lực lượng hàng hóa, vật tư, tiền tệ cần thiết để có thể can thiệp đúng lúc, có hiệu quả vào thị trường nhằm giảm tối đa những yếu tố đột biến do tính tự phát của thị trường gây ra. Đó là biện pháp kinh tế hữu hiệu góp phần quan trọng vào việc duy trì ổn định vĩ mô cho sự phát triển.

Để nâng cao hiệu quả quản lý hành chính của nhà nước đối với kinh tế, còn cần phải tiến hành cải cách bộ máy hành chính theo nguyên tắc giảm bớt các khâu trung gian. Trong quan hệ kinh tế đối với nước ngoài, đặc biệt đối với những cá nhân hay tổ chức nước ngoài muốn đầu tư vào nước ta, phải tiến tới nguyên tắc "chỉ qua một cửa duy nhất", như vậy mới bảo đảm được tính kịp thời, tính hiệu quả của hợp tác đầu tư. Cần chấm dứt tình trạng có quá nhiều cơ quan trực tiếp can thiệp vào một quyết định kinh tế. Không tạo ra cơ chế thuận lợi cho việc thu hút đầu tư của nước ngoài thì quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ gặp những khó khăn khó có thể khắc phục.

Một điều kiện hết sức quan trọng là phải nâng cao năng lực của các viên chức nhà nước trong quản lý vĩ mô đối với kinh tế. Vấn đề đó được đặt ra trong tình trạng, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà tính nghiệp dư của đội ngũ viên chức nhà nước còn hết sức nặng nề. Bởi vậy, việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ viên chức nhằm làm cho họ thích ứng với nền kinh tế thị trường và có năng lực định hướng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa đã và đang trở thành một đòi hỏi cấp bách trong đổi mới quản lý của nhà nước đối với kinh tế ở nước ta hiện nay.

Tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đó đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề khác nhau. Trước hết, cần chú trọng giải quyết hai vấn đề chính trị và kinh tế.

Về chính trị, phải bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng và tăng cường hiệu quả quản lý vĩ mô của nhà nước. Đảng và nhà nước cần xây dựng đồng bộ và hoàn thiện thể chế kinh tế mới ; cơ chế chính sách giải phóng và phát huy mọi năng lực để mở rộng quy mô đầu tư ; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; có biện pháp hữu hiệu để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu hình thành hệ thống kinh tế mở.

Định hướng chính trị bao trùm đối với sự phát triển kinh tế thị trường và công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay là : sự phát triển đó phải nhằm thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh".

Về kinh tế, phải có cơ chế và chính sách thích hợp để làm cho kinh tế quốc doanh giữ được vị trí chủ đạo, bảo đảm cho kinh tế quốc doanh cung ứng kịp thời những nhu cầu chung thiết yếu cho tăng trưởng kinh tế, ổn định và công bằng xã hội.

Để có thể đảm đương được vai trò chủ đạo, kinh tế quốc doanh cần tập trung hoạt

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy, BCH TU (khóa VII)*, Hà nội, 1994, tr 20

Digitized by Google

động của mình vào một số lĩnh vực cơ bản sau đây :

- Kết cấu hạ tầng vật chất xã hội.
- Một số cơ sở sản xuất và dịch vụ trọng yếu mà tư nhân không có khả năng làm.
- Bảo đảm các thiết chế tài chính, ngân hàng.
- Các doanh nghiệp xuất khẩu những vật tư hàng hóa chủ lực.
- Bảo đảm các tổ chức dự trữ quốc gia...

Hiệu quả quản lý của nhà nước đối với kinh tế và đối với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa phụ thuộc vào việc tăng cường các chức năng quản lý vĩ mô, loại bỏ các công việc thuộc phạm vi hoạt động kinh doanh trực tiếp của doanh nghiệp ; giảm bớt đầu mối, các cấp trung gian ; xây dựng nền hành chính có hiệu lực và hiệu quả trong việc xử lý các vấn đề kinh tế - xã hội ; quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan và người đứng đầu cơ quan.

*

* *

Từ thực tiễn giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới quản lý của nhà nước đối với kinh tế ở nước ta trong mấy năm qua, có thể rút ra một số vấn đề phương pháp luận bổ ích và việc vận dụng đúng đắn những vấn đề này chắc chắn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước đối với kinh tế thị trường nhằm thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một là, cần hiểu đúng đắn hơn luận điểm của Lê-nin : "Chính trị không thể không chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế" (2). Vị trí hàng đầu của chính trị so với kinh tế phải dựa trên tiền đề về vai trò quyết định của kinh tế đối với chính trị. Hiểu một cách khác đi nhất định sẽ dẫn chúng ta tới chủ nghĩa duy tâm chủ quan duy ý chí. Hơn nữa "chính trị không thể không chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế" trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (tức là sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã giành được quyền lực chính trị vào tay mình) thì không có nghĩa là chính trị phải đi trước kinh tế. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, luận điểm đó cần được hiểu trước hết ở chỗ : không có một đường lối chính trị đúng đắng thì sẽ đưa toàn bộ quá trình xây dựng kinh tế chệch khỏi định hướng giá trị mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn là đi lên chủ nghĩa xã hội để giải phóng triệt để con người.

Hai là, không phải chỉ có vấn đề chính trị, cả việc giải quyết những vấn đề kinh tế cũng phải dựa trên quan điểm mác xít về mối quan hệ giữa nhân tố bên trong và bên ngoài ; trong đó yếu tố bên trong luôn giữ vai trò quyết định. Do vậy, để tăng trưởng kinh tế và ổn định thiết chế chính trị, *nhân tố quan trọng nhất* là phải có đường lối chính trị đúng đắn cho phép khai thác tối đa mọi tiềm năng vật chất và tinh thần của nhân dân trong nước ; phải quan tâm tới những lợi ích thiết thân và đa dạng của họ như là những nhân tố kích thích chủ yếu nhằm năng động hóa nhân tố con người trong dân tộc mình để thực hiện thắng lợi đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ba là, giữa kinh tế và chính trị có tính độc lập tương đối. Điều đó sẽ tạo ra một sự sáng tạo chính trị để phát huy vai trò thúc đẩy của quan điểm và hệ thống chính trị đúng đắn đối với sự tăng trưởng kinh tế. Nhưng mặt khác, cũng chính điều đó có thể làm xuất hiện những quan điểm và thể chế chính trị sai lầm không có cơ sở kinh tế trực tiếp của nó mà hậu quả là làm đảo lộn nền kinh tế theo hướng không lành mạnh.

Bốn là, quan điểm chính trị đúng đắn đối với sự tăng trưởng kinh tế trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải định hướng sự tăng trưởng kinh tế, công nghiệp hóa và hiện đại hóa vào việc giải phóng con người với tư cách là mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội ❑

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 42, tr 349

Digitized by Google

Vấn đề ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA QUAN LIÊU

THANH LÊ *

CHỦ nghĩa quan liêu là một trong những trở lực lớn nhất đối với sự nghiệp quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Chừng nào chưa vạch trần và đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa quan liêu, thì chừng đó chúng ta chưa thể nói tới việc đổi mới sự nghiệp quản lý xã hội.

I - C. MÁC, V.I. LÊ-NIN NÓI VỀ CHỦ NGHĨA QUAN LIÊU VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA QUAN LIÊU

Chủ nghĩa quan liêu có từ lâu, gắn liền với sự ra đời và tồn tại của nhà nước. Bộ máy quan chức hay bộ máy quan liêu là sản phẩm tất yếu của lịch sử, khi việc quản lý xã hội được tổ chức thành nhà nước. Chống chủ nghĩa quan liêu không có nghĩa là xóa bỏ bộ máy nhà nước, bởi vì, chỉ có thể xóa bỏ bộ máy này khi đã có đủ điều kiện cho sự tiêu vong của nhà nước. Nhưng đối với chủ nghĩa quan liêu, tức là sự sùng bái bộ máy nhà nước, đem bộ máy nhà nước đối lập với xã hội, với quần chúng nhân dân, thì cần phải đấu tranh với nó. Điều đó không những đúng đối với tất cả các cuộc cách mạng trước đây mà càng đúng với cách mạng xã hội của chúng ta hiện nay.

Về chủ nghĩa quan liêu,Mác đã phân tích hết sức sâu sắc. Trong bản thảo *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen* viết năm 1843, Mác vạch rõ bản chất của nhà nước ở nước Đức hồi đó là nền chuyên chế của vua nước Phổ và muốn tìm bản chất đó thì không phải tìm trong bản thân nhà nước mà tìm trong "xã hội công dân" (tức là trong cơ sở kinh tế của xã hội ấy). Và một khi nhà nước đó là nhà nước chuyên chế đối lập với lợi ích của quần chúng nhân dân thì "cơ cấu quan chức" của nó cũng như vậy. Sự đối lập ấy chính là thực chất của "cơ cấu quan chức". Mác viết : "Vì theo *bản chất* của nó, cơ cấu quan chức là "nhà nước coi là chủ nghĩa hình thức", cho nên, theo *mục đích* của nó, nó cũng là như thế". (1)

Thực chất ấy thể hiện trên những mặt sau đây :

a) "Cơ cấu quan chức" tự biến thành mục đích cuối cùng của nhà nước, hay nói đúng hơn, nó tự coi là như thế. "Vì cơ cấu quan chức biến những mục đích "hình thức" của mình thành nội dung của mình, cho nên bất kỳ ở đâu nó cũng xung đột với những mục đích "hiện thực". Vì thế, nó buộc phải coi hình thức là nội dung và coi nội dung là hình thức. Những nhiệm vụ của nhà nước biến thành những nhiệm vụ của bàn giấy, hay những nhiệm vụ của bàn giấy biến thành những nhiệm vụ của nhà nước". (2)

Đối với cơ cấu quan chức, theo Mác, mọi sự vật đều mang theo hai ý nghĩa : ý nghĩa hiện thực và ý nghĩa kiểu quan chức, cũng giống như tri thức có tính chất hai mặt : tri thức hiện thực và tri thức kiểu quan chức. Nhưng tính hiện thực và tri thức kiểu quan chức đều bị xem xét qua lăng kính quan chức, nên tính hiện thực ấy không tồn tại một cách độc lập nữa.

b) Tự biến thành một thực thể đối lập với xã hội, "cơ cấu quan chức" trở nên một cái vòng mà không ai có khả năng nhảy ra ngoài được.

c) Đối với "cơ cấu quan chức" với tư cách một hệ thống thang bậc, *quyền uy* là cơ sở tồn tại gần như duy nhất của nó. Tất nhiên, chừng nào còn có nhà nước, chừng đó không thể không có quyền uy. Phá bỏ mọi quyền uy là khẩu hiệu của chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa không tưởng mà Ăng-ghen đã phê phán rất sâu sắc trong tác phẩm *"Bàn về quyền uy"*. Nhưng sùng bái quyền uy lại là biểu hiện tập trung nhất của chủ nghĩa quan liêu, bởi vì, *nó coi quyền uy như một mục đích tự thân*, mà không phải như một phương tiện cần thiết để tổ chức nhà nước và xã hội. Nói như Mác, "Quyền uy là nguyên tắc tri thức của nó, và việc thần

* TP Hồ Chí Minh

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb chính trị quốc gia Sự thật, Hà nội, 1995, t 1, tr 376

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 376

Digitized by Google

thánh hóa quyền uy là phương thức tư tưởng của nó". Chính vì thế, trong giới quan chức thường xuyên tồn tại một sự phục tùng mù quáng vào những nguyên tắc, những quan điểm, những truyền thống đã định sẵn. Nói cách khác, đó là một cái gì cứng đờ, không có sức sống và mang tính chất bảo thủ ngay trong bản chất của nó.

d) Thực chất của chủ nghĩa quan liêu không chỉ thể hiện ở toàn bộ "cơ cấu quan chức" như vừa nói trên đây, mà còn thể hiện ở mỗi quan chức riêng lẻ. Mác vạch rõ rằng : "đối với một quan chức riêng lẻ thì mục đích nhà nước biến thành mục đích cá nhân của y, thành *việc chạy theo chức tước*, thành *việc mưu danh cầu lợi*" (3) ; rằng nhà nước chỉ còn tồn tại dưới hình dạng những lực lượng quan chức cụ thể khác nhau, được gắn với nhau bằng sự lệ thuộc và sự phục tùng mù quáng.

e) Chủ nghĩa quan liêu vun trồng tinh thần bảo thủ, "tính cổ hủ trong công việc", đồng thời nó cũng khuyến khích mọi thái độ tùy tiện trong công việc. Cơ cấu quan chức với tư cách mỗi chủ thể độc tôn lại thường "muốn sáng tạo tất cả", muốn suy tôn ý chí lên thành nguyên nhân đầu tiên, vì sự tồn tại của nó chỉ biểu hiện trong hoạt động, mà nội dung hoạt động thì nó lại có được từ bên ngoài. Bởi vậy, chỉ thông qua sự hình thành nội dung này, nó mới có thể chứng minh sự tồn tại của nó. Đối với quan chức, thế giới chẳng qua chỉ là đối tượng hoạt động của y.

Những ý kiến trên đây của Mác không chỉ đúng với trường hợp "cơ cấu quan chức" của nhà nước Phổ đầu thế kỷ XIX, mà còn đúng về cơ bản đối với mọi chế độ quan liêu tồn tại trong lịch sử. Điều quan trọng là Mác không coi chủ nghĩa quan liêu chỉ như một phong cách làm việc, một tác phong làm việc, mà là một hiện tượng xã hội gắn liền với tập đoàn xã hội điều hành bộ máy nhà nước. Đối với Mác, thực chất của chủ nghĩa quan liêu là ở chỗ "cơ cấu quan chức" tự coi mình là mục đích cuối cùng của nhà nước, coi nhà nước là sở hữu tư nhân của mình. Và như vậy nó tự đối lập với toàn bộ xã hội. Quyền lực đối với nó là tất cả. Vì quyền lực, nó tỏ ra là một lực lượng hết sức bảo thủ, đồng thời cũng lại luôn luôn hành động một cách tùy tiện, thuần túy theo ý chí chủ quan của mình.

Trước Cách mạng Tháng Mười, qua nhiều bài viết, Lê-nin đã phê phán chế độ quan liêu của nước Nga thời chế độ Nga hoàng với một thái độ đả kích cay độc và nhấn mạnh rằng, một trong những nhiệm vụ tiên quyết của cách mạng vô sản Nga là phải đập tan chế độ quan liêu ấy. Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, Lê-nin đã nghiên cứu kỹ lưỡng vấn đề đập tan bộ máy quan liêu. Lê-nin cũng đi tới một kết luận về bản chất chủ nghĩa quan liêu giống như Mác. Người nói tới xu hướng quan liêu hóa của những viên chức của đảng ngay cả khi giai cấp vô sản chưa nắm chính quyền. Lê-nin một mặt không thừa nhận chế độ quan liêu dưới chủ nghĩa xã hội ; mặt khác, cũng không ảo tưởng có thể loại trừ những yếu tố nào đó của chủ nghĩa quan liêu một cách dễ dàng. Đọc lại tất cả những bài viết và nói của Lê-nin trong thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười, đặc biệt là sau nội chiến, chúng ta thấy rõ rằng chủ nghĩa quan liêu vẫn là một tệ nạn vô cùng nguy hiểm đối với chính quyền xô viết còn non trẻ hồi đó. Lê-nin đã tốn biết bao công sức về mặt lý luận cũng như thực tiễn để đấu tranh chống lại thói tệ đó.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu dưới chính quyền xô viết, Lê-nin luôn luôn nhắc nhở mọi người phải đề phòng hai xu hướng : coi nhẹ nguy cơ của chủ nghĩa quan liêu, không chịu tiến hành một cách kiên quyết ; và nôn nóng, có ảo tưởng có thể khắc phục nó một cách nhanh chóng, dễ dàng.

Chủ nghĩa quan liêu thể hiện ra như thế nào ? Trước hết, đó là tình trạng các cơ quan nhà nước "bù đầu bù tai vào những vấn đề vụn vặt", chỉ giải quyết những công việc thuần túy giấy tờ mà bỏ quên mất những phương hướng chính trị quan trọng của đảng và nhà nước. Lê-nin coi "vấn đề trước mắt hiện nay là đấu tranh chống cái biển giấy tờ, là đừng tin ở cái biển giấy tờ ấy". Người nghiêm khắc cảnh cáo : "*Chúng ta* bị vũng lầy quan liêu chủ nghĩa đáng nguyền rủa *cuốn hút* vào việc thảo công văn, bàn bạc sắc lệnh, soạn thảo sắc lệnh, và công tác sinh động bị chìm ngập trong cái biển giấy tờ ấy. Những tên phá hoại ngầm thông minh cố tình lôi cuốn chúng ta vào cái vũng lầy giấy tờ ấy".(4) Lê-nin kịch liệt phê phán thói nhắc đi

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 377

Digitized by Google

nhắc lại những câu nói chung chung, trống rỗng ; đả phá mạnh mẽ lối nói khoa trương, tô vẽ thực tế tình hình. Người nhấn mạnh : Không nên dùng những điều sai sự thật để tự mê hoặc mình. Như thế có hại. Đấy là nguồn gốc chính của bệnh quan liêu của chúng ta.

Không có chế độ trách nhiệm cá nhân rõ ràng, tất cả đều đổ cho tập thể - đó cũng là một biến dạng của chủ nghĩa quan liêu trong những điều kiện sau cách mạng, đối lập với tình trạng độc đoán của những viên quan ngày xưa. Lê-nin đã quất những đòn trí mạng vào thứ chủ nghĩa quan liêu tập thể ấy. Cũng như Mác, Lê-nin không hề có ảo tưởng về khả năng quét sạch ngay tức khắc chủ nghĩa quan liêu trong bộ máy nhà nước. Những cơ sở tồn tại khách quan của nó vẫn còn, chừng nào chưa xây dựng được một nền kinh tế dựa trên cơ sở công nghiệp lớn, chưa tiến hành có hiệu quả cuộc cách mạng văn hóa. Bởi vì chính nền sản xuất tiểu nông, và tình trạng dốt nát của quần chúng, trong đó có những người cộng sản, là miếng đất nuôi dưỡng cho chủ nghĩa quan liêu phát triển.

Tất nhiên, Lê-nin không tự hạn chế việc đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu ở những biện pháp pháp lý, như cần thiết phải đưa việc này ra tòa hoặc bêu diếu những kẻ có lỗi trên báo chí, cũng như bằng những hình thức xử phạt nghiêm khắc... Người thường xuyên nhắc phải xây dựng một *chế độ làm việc mới và lựa chọn người*. Đây cũng là một trong những bài học lớn mà Lê-nin để lại.

II - CHỦ NGHĨA QUAN LIÊU Ở NƯỚC TA

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân được thiết lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo về nguy cơ của chủ nghĩa quan liêu. Trong thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng ngày 17 tháng 10 - 1945, Người đã nói tới những lầm lỗi của một số cán bộ như : làm việc trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo. Người lên án các "*ông quan cách mạng*" "Tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. Coi khinh nhân dân, cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt "quan cách mạng" lên. Không biết rằng thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến uy tín của Chính phủ".(5)

Tổng kết kinh nghiệm nắm chính quyền trong hơn 20 năm, *Báo cáo chính trị* tại Đại hội lần thứ IV của Đảng nhấn mạnh : "Thói quan liêu, độc đoán chuyên quyền, đặc quyền đặc lợi là kẻ thù nguy hiểm đối với một đảng lãnh đạo chính quyền". Báo cáo đặt mạnh vấn đề "phê phán chủ nghĩa quan liêu và tệ cửa quyền", "nghiêm khắc lên án thái độ hách dịch, cửa quyền, vô trách nhiệm, thậm chí nhẫn tâm trước những khó khăn và đau khổ của nhân dân".

Đại hội lần thứ VII của Đảng nhấn mạnh phải có "cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân". Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nói : "Chỗ yếu nổi bật của hệ thống các cơ quan hành pháp lâu nay vẫn là tình trạng vừa tập trung quan liêu và trì trệ, vừa phân tán, thiếu thống nhất ; bộ máy rất cồng kềnh, hoạt động kém hiệu lực và hiệu quả" (*Tạp chí Cộng sản* số 1 - 1992, tr 10)

Như vậy, Đảng ta rất quan tâm và thường xuyên chú ý đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu, nhất là trong điều kiện có chính quyền. Nhưng một câu hỏi đặt ra : Tại sao chủ nghĩa quan liêu vẫn tiếp tục phát triển và gây nên những hậu quả vô cùng tai hại cho sản xuất và đời sống xã hội ? Theo tôi, vấn đề là chúng ta chưa phân tích một cách thật nghiêm túc, kỹ càng và chưa đề ra được những biện pháp thực thi có hiệu quả để khắc phục, ngăn chặn nó.

Nhà nước ta, chế độ ta là của nhân dân. Đó là mặt bản chất của một chế độ, một nhà nước thực sự Cách mạng. Nhưng Đảng ta, Nhà nước ta lại đang đứng trước một nguy cơ quan liêu hóa nặng nề và một bộ phận cán bộ của Đảng và Nhà nước đã trở thành những phần tử quan liêu thật sự. Điều nghiêm trọng nhất là bộ phận này không nhỏ và có xu hướng ngày càng tăng lên, nhất là trong cơ chế kinh tế thị trường. Chủ nghĩa quan liêu ở nước ta được biểu hiện trong hai dạng người :

1) Những cán bộ cách mạng mang bệnh quan liêu.

(4) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 444

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 37

Digitized by Google

2) Những người đã thoái hóa và biến chất thành những phần tử quan liêu.

Hai loại này đều có ảnh hưởng hết sức tai hại đối với sự nghiệp cách mạng của chúng ta, đặc biệt là xét ở góc độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trong thực tế rất khó phân biệt loại này với loại kia, mặc dầu sự phân biệt ấy là rất cần thiết để có những biện pháp đấu tranh thích hợp.

Chủ nghĩa quan liêu ở nước ta một phần rất quan trọng gắn với bệnh chủ quan của những người nắm bộ máy quản lý kinh tế, quản lý xã hội ở tất cả các cấp, nhất là từ sau ngày miền Nam mới giải phóng. Trong thời kỳ bao cấp, còn thấy xuất hiện dưới một dạng khác, nghiêm trọng hơn nhiều, đó là hình thức đặc quyền, đặc lợi. Chúng ta không hề có ảo tưởng xóa bỏ hoàn toàn được hiện tượng đặc quyền dưới chủ nghĩa xã hội. Bản thân nguyên tắc "hưởng thụ theo lao động" cũng đã bao hàm tình trạng đặc quyền đến một mức nào đó. Đó là cái mà Mác gọi là "pháp quyền tư sản" và tình trạng "bất bình đẳng tất yếu" dưới chủ nghĩa xã hội, khi xã hội chưa có đủ điều kiện để thực hiện nguyên tắc "phân phối theo nhu cầu". Nhưng nếu như những đặc quyền ấy mang tính chất sản xuất (productif), nghĩa là những người hưởng đặc quyền được phân phối nhiều hơn do có những cống hiến nhiều hơn đối với nền sản xuất xã hội, thì những đặc quyền ở nước ta lại có tính chất phi sản xuất (improductif) vì nó chủ yếu dựa vào địa vị và cấp bậc xã hội, mà không ít người được hưởng những đặc quyền ấy trong khi không có sự đóng góp tương xứng cho sự phát triển xã hội, thậm chí có khi còn cản trở nó. Đó là chưa nói đến tình trạng dựa vào quyền hành để tham nhũng.

Tất nhiên, thứ đặc quyền đặc lợi này hoàn toàn đi ngược với bản chất của chế độ xã hội chúng ta. Nó làm cho quần chúng nhân dân bất bình, kém tin tưởng ; tính tích cực sản xuất cũng như tính tích cực của quần chúng bị xói mòn và thậm chí mất hẳn. Chủ nghĩa quan liêu đặc quyền ấy trong thực tế đang phá hoại tính tích cực của quần chúng nhân dân. Hơn thế nữa, nó còn làm chỗ dựa cho những hiện tượng tiêu cực khác trong xã hội nảy nở. Và không có gì lạ, khi thấy hiện tượng ăn cắp, buôn lậu song song tồn tại với hiện tượng tham nhũng, hối lộ, đặc quyền, đặc lợi.

Quan liêu về tác phong và quan liêu đặc quyền đặc lợi là hai thứ có mối liên hệ mật thiết với nhau, khó mà phân biệt được thứ nào là chủ yếu. Một điều chắc chắn là cả hai đều dẫn tới những tổn thất to lớn cho Đảng và Nhà nước ta, cho chế độ ta. Chủ nghĩa quan liêu dưới cả hai dạng ấy làm xói mòn xã hội, làm biến chất dần đội ngũ cán bộ và đảng viên. Và nguy hiểm hơn, là làm cho quần chúng, trước hết là những người lao động, mất niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Bởi vậy, không thể nói tới một quá trình quản lý kinh tế, quản lý xã hội bình thường nếu không kiên quyết chống chủ nghĩa quan liêu. Đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu không thể tiến hành trong một thời gian ngắn mà thành công được. Đó là một cuộc đấu tranh lâu dài, liên quan với những cơ sở vật chất và văn hóa chung của toàn xã hội. Nhưng không vì thế mà không coi đây là một vấn đề cấp thiết, nếu không nói là cấp thiết nhất hiện nay, khi đất nước ta đang chuyển sang quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu không thể tiến hành một cách quan liêu, nghĩa là chỉ bằng những lời hô hào, những phương châm chung chung, mà phải có một hệ thống biện pháp cụ thể. *Trước hết, phải đấu tranh chống lại việc lợi dụng chức quyền để mưu cầu lợi ích riêng cho bản thân và gia đình.* Tất cả mọi người đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, không ai được trốn tránh nghĩa vụ mà chỉ hưởng quyền lợi. Đặc biệt coi trọng đấu tranh chống tham nhũng. Vấn đề này phải được tiến hành theo nguyên tắc công khai. *Thứ hai,* là *thi hành tuyển chọn cán bộ lãnh đạo và quản lý một cách thật chặt chẽ,* theo đúng nguyên tắc vì công việc, vì lợi ích chung của đất nước, của nhân dân, chứ không vì được lòng cá nhân. *Thứ ba,* là *thực hiện chế độ trách nhiệm cá nhân thật nghiêm ngặt.* Chống lối "trách nhiệm tập thể" mà thực chất là vô trách nhiệm. Và *cuối cùng,* là *bảo đảm quyền giám sát của quần chúng nhân dân đối với mỗi cán bộ lãnh đạo và quản lý.* Kiên quyết xử lý theo pháp luật những trường hợp kéo bè, kéo cánh trù dập ý kiến quần chúng ❑

Digitized by Google

Bảo vệ môi trường sinh thái - vấn đề có tính thời đại

BÙI XUÂN HIẾU

NGÀY nay, loài người đang có xu hướng dồn ép hệ sinh thái của trái đất đến một giới hạn chịu đựng cuối cùng. Từ khi có cuộc cách mạng công nghiệp, dân số thế giới tăng lên khoảng 8 lần, sản lượng công nghiệp tăng lên hàng trăm lần. Trong khi đó khả năng của trái đất nuôi dưỡng con người và sự sống khác lại đang bị suy giảm nghiêm trọng. Nguyên do từ đâu ? Trả lời câu hỏi đó không đơn giản, song có một thực tế là tình trạng "quá tải" của hành tinh thì không ai có thể chối cãi được và đó đang là mối lo chung, trở thành vấn đề thời sự nóng bỏng.

Người ta ước tính hành tinh chúng ta đã có hơn 40% diện tích rừng nguyên thủy nhiệt đới bị hủy diệt. Ở châu Âu, loại rừng này hầu như bị mất trắng. Mỗi năm trung bình có tới hàng chục triệu ha đất bị giảm hoặc mất hẳn khả năng trồng trọt. Tình trạng sa mạc hóa thể hiện rõ nhất là ở châu Á và châu Phi.

Do mất đi 1/3 diện tích rừng, nên ngày càng có nhiều số loài động vật (nhất là loài động vật quý hiếm) bị diệt chủng. Đã có nhà nghiên cứu ước tính từ nay đến năm 2050, số loài động vật bị biến mất hoặc bị tiêu diệt sẽ tăng lên 10 đến 25%.

Trên thế giới có khoảng 1,3 tỉ km^3 nước, nhưng chỉ có khoảng 1% là nước ngọt (0,6% lượng nước ngầm và 0,2% lượng nước sông ngòi, ao hồ). Diện nước ngọt như vậy là quá ít, song lại bị con người làm cho ô nhiễm nặng. Những con sông nổi tiếng trên thế giới như sông Ranh đang biến thành "đường cống công cộng" khổng lồ của châu Âu ; sông Von-ga (Nga) đã từng bốc cháy trên bề mặt ; sông Hoàng phố (Trung quốc) nước đã chuyển màu, sủi bọt... Biển đã có vùng nước đổi sang màu đỏ và tương lai còn có thể thay cả dòng chảy.

Vùng biển phía tây Thái bình dương đã bùng cháy trong nửa năm trời. Biển (chiếm 65% tổng diện tích bề mặt trái đất) không còn là lá phổi của hành tinh mà có nguy cơ sẽ trở thành "hố rác" của con người. Nguy hại hơn, biển còn là nơi tàng trữ, cất giấu chất thải sau các vụ nổ hạt nhân của không ít quốc gia trên thế giới.

Hiện tại và trong tương lai, thế giới phải đương đầu trước ba hiểm họa : mưa a xít, hiệu ứng nhà kính và thủng tầng ô dôn. Các nhà khoa học dự báo sẽ đến thời kỳ thiên nhiên đồng loạt trả thù con người ! Bằng chứng là từ giữa thế kỷ 18 đến nay, lượng chất độc và rác do con người thải ra là vô cùng lớn : khí mê tan tăng gấp đôi, khí CO_2 tăng 30% ; rác 10 tỉ tấn/năm. Điều đáng nói là con người đang thực sự lúng túng và bất lực về cách xử lý rác, nhất là rác trong công nghiệp. Dự tính từ năm 1990 đến cuối thế kỷ 21, nhiệt độ trái đất có thể tăng lên từ 1°C đến 3°C. Sự thay đổi đó so với 1 vạn năm về trước vượt quá sức tưởng tượng của con người. Đã có hiện tượng băng ở cực Bắc tan, dâng nước biển lên 90 cm. Ở Ca-na-na 70% trận mưa a xít chịu ảnh hưởng từ phía Mỹ và ngày nay đất nước này đã có hơn 4000 hồ bị nhiễm a xít. Thụy điển hằng năm tổn thất 4 - 5 triệu m^3 gỗ do khí SO_2 của các nước láng giềng (Anh, Pháp, Đức) bay sang. 570 giếng dầu bị cháy sau cuộc chiến vùng Vịnh đã và sẽ còn là vết thương khó chữa nhiều chục năm của dân cư vùng này.

Khí độc bay vào không trung, gặp ánh mặt trời và nhiều khí khác, qua phản ứng hóa học, sinh ra loại khói độc, được gọi là khói quang hóa. Nước Anh ngay từ năm 1873 là nước điển hình khói quang hóa tràn ngập các khu công nghiệp và có lúc đã giết chết hàng ngàn người. Nhiều thành phố công nghiệp trên thế giới gần đây đã báo động liên tục về khói quang hóa.

Mười năm lại đây tầng ô dôn ở cực Nam bị bào mòn và theo các nhà khoa học cho biết có một lỗ thủng to gần bằng diện tích nước Mỹ. Hệ quả của nó loài người đã từng nếm trải. Cây cỏ và sinh vật chết dần chết mòn bởi nhiều căn bệnh quái ác.

Mặt trái của cuộc sống hiện đại đang từng ngày xô đẩy con người đến bờ vực của sự diệt vong. Phương tiện xe gắn máy và ô tô, đến nay cũng đang trở thành một trong những "thủ phạm" nguy hiểm nhất phá hoại và hủy diệt môi trường. Hơn 100 năm sau khi chiếc ô tô đầu tiên ra đời (1885), trái đất ngày nay đã có khoảng 700 triệu ô tô (1995). Xăng dầu - nguồn

* Bộ nội vụ

Digitized by Google

nhiên liệu chính của ô tô và xe gắn máy, đã thải vào khí quyển lượng khí độc chiếm tới 70% tổng chất thải.

Vậy là trên thế giới có khoảng 1 tỉ người chìm đắm trong môi trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép vì khói và bụi. Mỗi ngày có tới 900 người chết vì ô nhiễm khí quyển ; mỗi năm có tới 25 000 người chết vì dùng nước nhiễm bẩn.

Bảo vệ môi trường, giữ lấy sự sống của chính chúng ta và các thế hệ mai sau đã trở thành vấn đề mang tính thời đại. Các quốc gia trên thế giới không chỉ bàn luận mà thực sự đã đi vào hành động để từng bước giải quyết tốt vấn đề môi trường. Họ đã tích lũy được không ít kinh nghiệm bổ ích ; nhưng cũng phải trải qua sự trả giá khá đắt.

Kinh nghiệm hàng đầu của nhiều nước là phải chống ô nhiễm ngay tại nguồn phát sinh ô nhiễm. Trong đó phải rất chú ý đến công tác quản lý có hiệu quả việc đốt cháy các nhiên liệu ; công nghệ loại bỏ chất bẩn. Đây là nguyên tắc rất cơ bản bảo đảm kiểm soát việc bảo vệ môi trường ngay từ khâu làm luận chứng kỹ thuật cho dự án. Kinh nghiệm Nhật bản trong 3 trường hợp : ở Y-ô-cai-chi (ô nhiễm không khí gây ra do ô xýt lưu huỳnh), vùng Vịnh Mi-na-ma-ta (ô nhiễm nước gây ra bởi chất hữu cơ thủy ngân) và lưu vực sông Gin-du (nhiễm đất gây ra bởi cát mi) thấy rằng các chi phí bù đắp thiệt hại do hậu quả của quá trình quản lý lỏng lẻo gây ra ô nhiễm đã lớn hơn gấp 10 lần so với chi phí để phòng chống ô nhiễm. Ở Liên xô (cũ) có 1/2 dự án xây dựng nhà máy thủy điện phải lập lại luận chứng, trong đó có 4 công trình phải đình chỉ xây dựng. Mỹ có hàng trăm dự án về thủy điện phương hại đến môi trường phải đành hủy bỏ.

Kinh nghiệm thứ hai là tăng cường vai trò của nhà nước trong việc phòng chống ô nhiễm, trong đó tập trung vào các mặt :

- Đo đạc về môi trường.
- Đo đạc nguồn gây ô nhiễm.
- Làm sáng tỏ mối quan hệ giữa nguồn phát sinh và tình hình ô nhiễm chung.
- Xác định mục tiêu nhằm cải thiện và từng bước duy trì môi trường trong sạch.
- Lập chương trình điều chỉnh, bổ khuyết, xử phạt.
- Đưa ra các định hướng quản lý và chỉ đạo : ban hành luật pháp, quy định nội dung và hướng dẫn kỹ thuật.

Việt nam cũng như nhiều nước trên thế giới đang đứng trước sự thách thức về mặt môi trường sinh thái. Là một nước có điểm xuất phát còn quá thấp, về cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa chưa được là bao. Chiến tranh kéo dài không những đã gây thiệt hại to lớn về người và của, mà còn để lại hậu quả hết sức nặng nề về mặt môi trường, sinh thái. Chỉ tính riêng 70 triệu lít thuốc độc hóa học mà đế quốc Mỹ đã sử dụng ở nước ta đã hủy diệt cây cỏ, tàn phá đến 16% diện tích đất của toàn miền Nam. Chất độc màu da cam của Mỹ rải ở miền Nam đến nay còn để lại tội ác trong lòng đất và trên thân thể biết bao thế hệ người Việt nam.

Nhận thức được ý nghĩa, vị trị và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua đã có nhiều chủ trương đúng đắn về vấn đề này. Trong báo cáo quốc gia tại Hội nghị RIO - 12, Chính phủ Việt nam đã khẳng định tiến theo con đường phát triển lâu bền, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường.

Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam trong các điều 29, 84 đã nêu rõ nguyên tắc cơ bản và nhiệm vụ bảo vệ môi trường đối với các ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân. Luật bảo vệ môi trường đã được Quốc hội thông qua và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 10-1-1994. Về cơ chế tổ chức cũng đã được củng cố. Từ năm 1992 nước ta đã lập ra cơ quan cấp bộ về quản lý môi trường ; xây dựng các cơ sở quan trắc dự báo về môi trường ; từng bước mở rộng mạng lưới thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về hoạt động này.

Luật môi trường có hiệu lực đã thẩm định hàng nghìn báo cáo đánh giá tác động môi trường ; kiểm tra và giải quyết hàng nghìn vụ đơn thư khiếu kiện của nhân dân liên quan đến môi trường ; hàng nghìn nhân viên được tập huấn về quản lý môi trường theo luật định. Tuy vậy, thực trạng môi trường Việt nam hiện nay cần được xem xét và nghiên cứu một cách đúng mức. Điều quan trọng là phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật.

Mới bước vào chặng đầu của con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nước ta đã phải đối mặt với nhiều vấn đề có liên quan đến môi trường sống. Hàng loạt hiện tượng suy thoái đang làm mọi người rất lo ngại : suy thoái và ô nhiễm đất ; suy thoái rừng và mất rừng ; suy thoái tài nguyên (cả nước mặt và nước ngầm) ; suy thoái và ô nhiễm không khí ; suy thoái và ô nhiễm môi trường biển ; suy thoái về đa dạng sinh học... Đặc biệt là tình trạng suy thoái và ô nhiễm môi

Digitized by Google

trường ở các đô thị, khu công nghiệp, ô nhiễm môi trường lao động.

Từ khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, tốc độ của sự tăng trưởng kinh tế nhanh hơn ; cuộc sống đô thị đang biến đổi hằng ngày ; lượng phương tiện giao thông tăng đến mức chóng mặt (nhất là loại phương tiện dùng nhiên liệu xăng chì). Lời giải bài toán giữ gìn trật tự và tạo môi trường xanh, sạch, đẹp các đô thị quả là không đơn giản. Chỉ tính riêng TP Hà nội và TP Hồ Chí Minh tình hình ô nhiễm đã đến mức báo động. Ở Hà nội, ô nhiễm khí SO_2 gấp 14 lần tiêu chuẩn cho phép ; khí CO_2 gấp 2,2 lần ; lượng bụi nội thành cao gấp 5 - 10 lần so với ngoại thành. Các sông nội địa bị ô nhiễm chì, thủy ngân, crôm khá nặng. Chỉ số BOD_5, NO_2, NH_4 đều ở mức cao hơn tiêu chuẩn cho phép. Trong nước chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh về mắt, đường ruột, phụ khoa. Đất cũng bị ô nhiễm nặng do chất thải, nước thải, khí thải, phân bón hóa học, phân tươi, thuốc trừ sâu...

Ở TP Hồ Chí Minh, với 700 nhà máy và 30 000 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và nước thải sinh hoạt của 4 triệu dân không qua xử lý đã làm ô nhiễm môi trường đến mức các kim loại nặng như chì, crôm, thủy ngân... với hàm lượng lớn hơn 20 lần tiêu chuẩn cho phép. Bụi bẩn vượt chỉ tiêu cho phép đến 70 lần.

Các yếu tố chính gây ô nhiễm môi trường lao động là bụi, hơi, khí độc, tiếng ồn, độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng... Tình trạng ô nhiễm này đã dẫn đến các chỉ số đáng quan tâm : ngành vật liệu xây dựng có tới 55% số người mắc bệnh mãn tính về hô hấp, tim mạch, nội tiết, thần kinh. Các ngành khác như hóa chất : 61%, luyện kim : 66%. Công nhân vùng mỏ than mắc bệnh về tai, mũi, họng đến 88% tổng số người được khám... Có ngành sản xuất (như luyện kim) số lượng yếu tố độc hại tác động cùng lúc đến người lao động khá cao ; bình quân 4 yếu tố, có nơi đến 8 yếu tố.

Việt nam cũng là nước hằng năm xảy ra không ít sự cố đột xuất, gây hại đến môi trường sinh thái, như cháy rừng, bão, lụt, mưa lũ dài ngày, hạn hán, lốc... Những sự cố này kéo theo hậu quả dai dẳng, gây thiệt hại về người và của ở nhiều vùng rộng lớn ; từ đây xuất hiện những hệ quả về xã hội (bệnh tật, đói nghèo), ảnh hưởng chung đến đời sống cộng đồng.

Quả thực, bảo vệ môi trường không phải là sự nghiệp có thể thực hiện trọn vẹn trong một vài năm, đặc biệt là đối với nước ta điểm xuất phát về kinh tế quá thấp. Đó phải là một cuộc cách mạng từ trong nhận thức đến hành động của toàn xã hội ; phải định hướng rõ và kiên trì vận động trong một quá trình hàng trăm năm. Mục tiêu của chúng ta trong thời gian tới về bảo vệ môi trường phải nhằm vào hai hướng chính. Đó là làm cho môi trường nước ta *sạch và xanh.*

Đảm bảo cho mỗi người dân ở mọi vùng đất nước được hưởng bình đẳng trong một môi trường sống có chất lượng, đạt những tiêu chuẩn đã được nhà nước quy định ; sử dụng, khai thác và phát triển hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phục vụ có hiệu quả cho công cuộc đổi mới đất nước ; áp dụng từng bước công nghệ tiên tiến, các quy trình sản xuất ít chất thải, ổn định và làm sạch môi trường lao động, môi trường đô thị và các khu công nghiệp ; hội nhập và đóng góp thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ môi trường chung của khu vực và thế giới.

Muốn thực hiện được các mục tiêu cơ bản nêu trên, cần có một hệ chính sách đồng bộ cả tầm vĩ mô và vi mô, cả chung trong xã hội và từng ngành ; củng cố và xây dựng một cơ chế tổ chức đủ mạnh để chỉ đạo và điều hành toàn bộ công tác bảo vệ môi trường ; tích cực học hỏi các nước có nhiều kinh nghiệm và kết quả trong việc bảo vệ môi trường, nhất là các nước tiên tiến. Thông qua các chương trình lớn đã được xác định trong kế hoạch quốc dân thời kỳ 1991 - 2000 (đã được Chính phủ duyệt), tìm những giải pháp hữu hiệu, nhất là những giải pháp cần làm ngay :

1 - Hoàn thiện và tăng cường năng lực, hiệu lực, hiệu quả của cơ quan từ trung ương đến cơ sở về bảo vệ môi trường.

2 - Xác lập và phân ngành kinh tế môi trường trong toàn bộ hệ thống kinh tế cả nước ; tạo điều kiện cho nó về kế hoạch, vốn, vật tư, con người, kỹ thuật, thống kê, thông tin, kiểm toán, v.v. .

3 - Xây dựng khẩn trương mạng lưới kiểm soát, có thông tin đủ, nhanh và chính xác nhằm đánh giá, thẩm định và dự báo một cách khoa học về môi trường.

4 - Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, đào tạo và giáo dục về môi trường. Biến vấn đề môi trường trở thành sự nghiệp có sự hiểu biết và đóng góp của từng cá nhân trong xã hội.

5 - Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về môi trường, học hỏi kinh nghiệm, xây dựng và ký kết các dự án đầu tư có hiệu quả với các nước ; tham gia các công ước quốc tế về môi trường, đảm bảo điều kiện thực hiện các điều khoản đã ký kết ❑

Digitized by Google

MẤY SUY NGHĨ VỀ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG TÁC ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ Ở LÀO CAI

NGUYỄN ĐỨC THĂNG *

LÀO cai là tỉnh miền núi vùng cao biên giới có diện tích tự nhiên là 8 049 km² trong đó đất có khả năng canh tác nông nghiệp là 122 800 ha (vùng cao : 80 427 ha). Đất có khả năng trồng lúa nước là 17 500 ha (vùng cao : 13 523 ha), trong đó diện tích ruộng 2 vụ là 6 400 ha, còn lại là một vụ ; đất dốc trồng màu là 29 000 ha ; đất trồng cây công nghiệp là 4 400 ha ; đất lâm nghiệp là 575 600 ha, còn đất trống đồi trọc là 38 200 ha. Lào cai có số dân là 65 vạn người, gồm 27 dân tộc anh em như : Mông, Dao, Tày, Kinh... trong đó người Mông chiếm 1/5 dân số toàn tỉnh. Mật độ dân số là 65 người/km². Toàn tỉnh có 10 huyện, thị xã, 180 xã phường (trong đó có 152 xã vùng cao).

Từ cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Lào cai đã từng bước đi lên theo hướng sản xuất hàng hóa. Để thực hiện có kết quả mục tiêu trên, có nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi đề cập tới hai vấn đề : Đổi mới phương thức hoạt động của hợp tác xã và công tác định canh định cư với chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng cao.

I - Đổi mới phương thức hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp

Từ sau khi thực hiện "Khoán 10" và "Khoán 100", công tác quản lý của hợp tác xã có những chuyển biến quan trọng : từng hộ xã viên được trao quyền sử dụng ruộng đất tự chủ trong sản xuất kinh doanh và đảm nhiệm phần lớn các khâu sản xuất. Đến nay qua quá trình đổi mới hợp tác xã tỉnh Lào cai còn khoảng 207 hợp tác xã, nhưng chỉ có 27 hợp tác xã phục vụ cho xã viên được một số khâu, 91 hợp tác xã thì chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Hiện nay trên địa bàn tỉnh vẫn tồn tại hai loại hình hợp tác xã :

Một là, các hợp tác xã khá, trung bình vẫn được giữ nguyên, và cho trích nộp từ 1 - 2% sản lượng khoán để trả thù lao cho cán bộ trong một hai vụ. Ban quản trị từ 1 - 3 người, chủ yếu làm nhiệm vụ giao đất, giao rừng, kiểm kê xác định tài sản vật tư, vốn quỹ, giải quyết công nợ và làm một số khâu dịch vụ mà nông dân không đảm nhiệm được như hợp tác xã Nà cang (Than uyên), Nghĩa đô (Bảo yên).

Hai là, một số hợp tác xã đã chuyển đổi theo mô hình thôn bản, trưởng thôn kiêm bí thư chi bộ và chủ nhiệm hợp tác xã, phó trưởng thôn kiêm phó chủ nhiệm. Nhiệm vụ chủ yếu của hợp tác xã là lãnh đạo và phát triển kinh tế hộ, làm một số khâu dịch vụ sản xuất, duy trì và giữ vững trị an, tuyên truyền và thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở Lào cai có một số hợp tác xã như hợp tác xã Tân khai (thị trấn Sa pa) Khánh yên hạ (Văn bàn) thực hiện chế độ phụ cấp do nhân dân tự đóng góp. Còn lại hầu hết các hợp tác xã khác đều trong tình trạng trông chờ hướng dẫn của cấp trên. Chính vì vậy hoạt động của hợp tác xã trì trệ, kém hiệu quả.

Để hợp tác xã nông nghiệp ở Lào cai hoạt động có hiệu quả, theo tôi cần chú ý giải quyết mấy vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - Tiến hành kiểm kê tài sản và tổng thanh quyết toán nợ rõ ràng,rành mạch công khai với xã viên.

2 - Có chủ trương giải quyết dứt điểm công nợ giữa hợp tác xã với nhà nước, với các thành phần kinh tế khác, giữa xã viên với hợp tác xã. Công việc này, cần tiến hành khẩn trương, không chần chừ, do dự, làm dứt điểm, làm có hiệu quả.

3 - Tuyên bố giải thể mô hình hợp tác xã cũ, tổ chức mô hình hợp tác xã mới, dựa trên cơ sở cổ phần do xã viên tự nguyện tham gia. Có thể chấp nhận nhiều loại hình hợp tác xã trên một địa bàn, miễn sao hoạt động có hiệu quả.

4 - Thực hiện dân chủ trong kinh tế trước hết thực hiện dân chủ trong tổ chức, hội đồng quản trị và bộ máy điều hành do đại hội xã viên tham gia cổ phần bầu ra.

5 - Thực hiện các biện pháp đổi mới hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp cần gắn với đặc thù ở Lào cai, cụ thể là :

- Đối với các hợp tác xã vùng cao, vùng sâu : ruộng lúa ít, điều kiện sản xuất còn phụ thuộc vào thiên nhiên, trình độ sản xuất còn thấp, ruộng đất manh mún cần chuyển hẳn sang hình thức kinh tế hộ để phát triển kinh tế vườn, rừng, trại rừng là chính ; đồng thời khuyến khích các hộ hợp tác với nhau từng khâu, từng việc khi họ có nhu cầu ; khuyến khích hộ nông dân thành lập hợp tác xã kinh doanh đồi rừng ở những nơi có điều kiện.

Tiến hành rà soát lại, quy hoạch các vùng cây con, xác định vùng sinh thái và quy mô cụ thể cho các loại

* Thường vụ tỉnh ủy, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào cai

Digitized by Google

cây con để có hướng phát triển với hiệu quả kinh tế cao. Tổ chức sản xuất, cung ứng cho nông dân các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, hiệu quả kinh tế, đồng thời kết hợp chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Đối với các hợp tác xã vùng thấp, những nơi có cơ sở vật chất chung, có vốn để hoạt động có lãi, thì phải chuyển mạnh phương thức kinh doanh để hỗ trợ thúc đẩy kinh tế hộ phát triển. Đối với các hợp tác xã khác không có điều kiện như trên thì khuyến khích mạnh mẽ việc hình thành các loại hợp tác xã theo nguyên tắc *tự nguyện, cùng có lợi* như : hợp tác các nhóm liên gia, cùng nhau sản xuất lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả ; hợp tác làm dịch vụ cày cấy, tưới tiêu nước, phòng trừ sâu bệnh, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, hợp tác làm nghề thủ công, gia công chế biến nông - lâm sản.

Làm tốt công tác chuyển đổi nội dung, phương thức hoạt động của hợp tác xã vùng cao nói riêng và ở toàn tỉnh nói chung là chúng tôi đã thực hiện được một nội dung cơ bản mà Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đề ra là "Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao..." (1) nhằm tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Lào cai, đặc biệt là nông thôn vùng cao của tỉnh.

II - Công tác định canh định cư với chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng cao

Lào cai có 330 000 khẩu, thuộc 27 dân tộc nằm trong đối tượng của cuộc vận động định canh định cư. Mối quan hệ giữa dân số, đất đai, tài nguyên, môi trường đã trở nên căng thẳng, ảnh hưởng trực tiếp tới nhịp độ phát triển kinh tế và thu nhập bình quân trên đầu người hàng năm của tỉnh. Do nhu cầu cấp thiết về đời sống, phải giải quyết cái ăn của đồng bào nên đã dẫn tới nạn đốt phá rừng làm nương rẫy ngày một trầm trọng. Hàng vạn hec-ta rừng bị đốt, phá, làm cho nguồn nước ngày càng cạn kiệt, đất đai ngày một bạc màu, môi trường tự nhiên bị tàn phá. Điều kiện sinh hoạt, ăn, ở, đi lại, học hành càng trở nên thiếu thốn gay gắt. Đây là nguyên nhân dẫn tới nạn du canh ngày càng nhiều (hàng năm có 6 đến 7 vạn người).

Việc điều chỉnh lại cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội vùng cao ở Lào cai là một yêu cầu cấp thiết nhằm khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của vùng cao để nhanh chóng ổn định và từng bước phát triển kinh tế - xã hội. Thế mạnh của vùng cao là nghề rừng, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây công nghiệp, dược liệu, cây ăn quả và các loại đặc sản quý hiếm, khai thác các điều kiện tự nhiên, cảnh quan du lịch. Trong đó, bảo vệ rừng là một yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài, nhằm lấy lại sự cân bằng về môi trường sinh thái. Đây cũng là lý do chính để thực hiện cuộc vận động định canh định cư, ổn định cuộc sống lâu dài của đồng bào các dân tộc. Tuy nhiên để khai thác được những tiềm năng đó, đòi hỏi nhu cầu tiền vốn, vật tư rất lớn và những chính sách cụ thể, phù hợp với thực tế kinh tế - xã hội, phong tục tập quán của mỗi vùng, mỗi địa phương. Trong khi đó, nguồn thu ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, trợ giúp của trung ương có hạn, việc thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội vùng cao còn phải kéo dài trong nhiều năm, nhu cầu đòi hỏi mọi mặt của vùng cao lại diễn ra gay gắt và cấp thiết. Để giải quyết được nhu cầu trước mắt, cũng như lâu dài về phát triển kinh tế - xã hội vùng cao, việc lựa chọn các bước đi ban đầu chính xác, phù hợp là hết sức quan trọng.

Trước tiên là nhu cầu về ăn, ở của đồng bào vùng cao hiện nay. Hằng năm ở tỉnh vẫn có từ 5 - 7 vạn người thiếu ăn từ 2 - 4 tháng, trong đó có những xã vùng sâu ở các huyện Than uyên, Văn bàn, Bắc hà còn xảy ra thiếu đói gay gắt. Mỗi năm tỉnh đã phải trợ giúp hàng trăm tấn lương thực. Số dân còn lại tuy đủ ăn, nhưng phần lớn còn ở mức thấp, khẩu phần ăn chủ yếu là cây màu, rau rừng. Suy cho cùng, nguyên nhân thiếu ăn của vùng cao hiện này là sản xuất kém phát triển, sinh đẻ nhiều, tệ nạn xã hội đang có chiều hướng phát triển. Nghèo nàn - lạc hậu là cái vòng luẩn quẩn đang đeo đẳng đối với đồng bào vùng cao.

Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh và tạo tiền đề cho sự ra đời của các hình thức hợp tác mới đa dạng, cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi vùng, mỗi địa phương để xác định cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư cho phù hợp. Theo tôi, cần chia làm 2 vùng để định hướng đầu tư :

1 - *Ở vùng ven huyện, thị, vùng thuận lợi giao thông,* các tụ điểm dân cư đông đúc, kinh tế hộ gia đình có phần phát triển, các sản phẩm cây trồng, vật nuôi đã trở thành hàng hóa. Nhà nước cần có những chính sách kinh tế đỡ đầu cho việc tiêu thụ sản phẩm của họ, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, phát triển dịch vụ tạo điều kiện cho vùng cao có sản phẩm tập trung, (như thảo quả, dược liệu, chè búp, hoa quả và lâm sản như gỗ, mây, trúc v.v...). Cần có những xí nghiệp công nghiệp nhỏ, phù hợp, gắn với các tổ chức tiêu thụ và cung ứng hàng hóa ; khuyến khích các ngành nghề thủ công trong nông thôn phát triển (như dệt thổ cẩm, làm đồ trang sức, sản phẩm đặc thù mang sắc thái văn hóa dân tộc) để phục vụ cho các vùng, các khu du lịch v.v.. Khuyến khích các hộ nông dân tiếp cận dần với nền kinh tế hàng hóa thị trường là biện pháp tốt nhất để giải quyết các nhu cầu về ăn, ở và sinh hoạt. Mặt khác, ở những địa phương này, cần tập trung đầu tư các loại cây trồng, vật nuôi có thời gian sinh trưởng trung bình và dài ngày trên cơ sở giao đất, giao rừng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 169

Digitized by Google

cho các hộ nông dân, có định hướng của nhà nước, lấy nhiệm vụ trồng rừng, bảo vệ rừng là chủ yếu. Đối với các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như đường giao thông, trường học, trạm xá... cần bảo đảm có quy mô phù hợp, chất lượng lâu dài và đồng bộ, thực hiện việc quản lý đầu tư trên địa bàn theo nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân làm chủ, thông qua hệ thống lãnh đạo của Đảng, chính quyền và các đoàn thể xã, có hướng dẫn chỉ đạo của huyện ủy, ủy ban nhân dân huyện và các cấp, các ngành liên quan.

2 - *Đối với các xã vùng sâu, vùng xa* (trên 80 xã có số dân chiếm trên 45% số dân của vùng cao). Đây là vùng có khó khăn đặc biệt về nhiều mặt, có địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, đất rộng người thưa phương thức sản xuất chủ yếu vẫn là "chọc lỗ bỏ hạt", phụ thuộc vào thiên nhiên nên đời sống đồng bào phần lớn còn nghèo nàn và lạc hậu. Đối với vùng này, trước hết, cần giải quyết lương thực bằng cách trợ giúp cây con giống, vật tư phục vụ cho sản xuất để các hộ nông dân sớm thoát khỏi cảnh thiếu ăn triền miên xảy ra hằng năm. Sau đó, chuyển sang giai đoạn phát triển mạnh chăn nuôi và kinh tế vườn hộ, vườn rừng, tạo ra bước "trung gian" tích lũy đủ nguồn lực để từng bước chuyển hẳn sang kinh tế đồi rừng, nhằm phát huy thế mạnh là nghề rừng. Trong bước đi ban đầu này mỗi hộ nông dân cần có từ 2 triệu đồng trở lên để giải quyết các nhu cầu phát triển sản xuất. Kinh tế vườn hộ gia đình và chăn nuôi đàn gia súc (trâu, bò, dê, ngựa) thông thường phải sau 3 - 5 năm mới mang lại hiệu quả, khoanh nuôi trồng mới rừng phải từ 6 đến 10 năm sau mới có thu hoạch. Do đó, việc giải quyết các hình thức kinh tế đan xen, giữa cây ngắn ngày và cây dài ngày, giữa nông nghiệp và lâm nghiệp là hết sức quan trọng. Và chỉ tới khi nào kinh tế vườn hộ gia đình bắt đầu phát triển, đường sá, giao thông cho phép, thì sản phẩm các hộ nông dân làm ra mới trở thành hàng hóa, người dân vùng sâu, vùng xa nói chung mới thực sự có điều kiện để tiếp cận với nền kinh tế thị trường.

Vừa qua, tổng số vốn trung ương trợ giúp cho Lào cai là 18 tỉ đồng (gồm vốn chương trình 327, vốn chuyển đổi sản xuất bỏ trồng cây thuốc phiện và vốn trợ giúp cho dân tộc ít người đặc biệt có khó khăn) đã từng bước phát huy được hiệu quả đối với vùng cao, cùng với các nguồn vốn khác đầu tư trên địa bàn. Bước đầu đã hình thành được các vùng chuyên canh về cây trồng, phát triển hàng ngàn hec-ta các loại cây ăn quả, cây dược liệu, cây công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó còn trợ giúp cho nông dân hàng trăm tấn giống mới : lúa, ngô, đậu, v.v. và hàng ngàn tấn phân bón, thuốc sâu, đã góp phần làm tăng sản lượng lương thực của vùng cao. Đã đưa được hàng ngàn con giống như trâu, bò, ngựa, dê cho nhiều hộ gia đình vùng cao để giải quyết sức kéo và tăng thu nhập từ chăn nuôi gia súc. Các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng, từng bước góp phần tạo đà cho kinh tế - xã hội vùng cao phát triển. Xác định cơ cấu đầu tư phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả của các chương trình dự án định canh định cư, cũng như lựa chọn các giải pháp về đầu tư quản lý là hết sức quan trọng. Trước tiên, cần thấy rõ những mâu thuẫn, những mối quan hệ, giữa khả năng và nhu cầu, giữa tập trung và phân vùng dự án, giữa kinh tế hộ gia đình với cơ sở kết cấu hạ tầng để có những định hướng và giải pháp đúng. Để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, tỉnh đã có chủ trương mạnh dạn đổi mới công tác đầu tư và quản lý các chương trình dự án theo hướng :

- Tập trung chủ yếu nguồn vốn hỗ trợ sản xuất (70% trên tổng số mức vốn) của năm kế hoạch, hỗ trợ cho khoảng 5 000 hộ nông dân vùng dự án 327, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người đặc biệt có khó khăn. Suất đầu tư hỗ trợ cho mỗi hộ nông dân từ 1 - 1,5 triệu đồng (tùy theo hoàn cảnh cụ thể). Chỉ tiêu đầu tư chủ yếu là cây giống, con giống, giống mới và vật tư phục vụ cho sản xuất, cho phát triển kinh tế vườn hộ gia đình và cho khoanh nuôi bảo vệ rừng.

Ban định canh định cư phối hợp với ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo việc điều tra, làm rõ các địa chỉ được đầu tư về thực trạng đời sống, kinh tế, văn hóa, khả năng tiếp thu, nguyện vọng của từng hộ gia đình được đầu tư. Trao cho các hộ gia đình sổ theo dõi đầu tư phát triển kinh tế từ nay đến năm 2000 ; lập sổ cái theo dõi chung kinh tế - xã hội của từng dự án.

Các công trình đầu tư cho cơ sở cộng đồng ở địa phương đều có sự tham gia của tổ chức đảng, chính quyền địa phương nơi đó (từ khi khởi công tới lúc hoàn thành bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý sử dụng). Thực hiện nguyên tắc dân biết, dân bàn và tham gia quản lý đầu tư trên địa bàn trên cơ sở có định hướng chung của nhà nước và của tỉnh.

- Xác định cơ cấu đầu tư cần gắn với chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp, vừa phải đạt mục tiêu bảo đảm đời sống trước mắt của đồng bào, vừa tạo tiền đề cho các bước phát triển lâu dài. Thông qua sản xuất có sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng hằng ngày, đồng thời từng bước tạo ra những vùng nguyên liệu từ sản phẩm cây trồng ngắn ngày, dài ngày, chăn nuôi gia súc..., mang tính sản xuất hàng hóa để cung cấp cho cơ sở chế biến, tiêu thụ trong nước và tiến tới làm hàng xuất khẩu những năm sau này. Và cũng chính từ việc thực hiện định canh định cư, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển sẽ nảy sinh nhu cầu hợp tác xã đa dạng ở nông thôn, nhất là nông thôn miền núi ❑

Digitized by Google

Từ thực tiễn phát triển sản xuất lương thực ở AN GIANG

THẾ GIA

THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM

An giang là tỉnh nông nghiệp, có diện tích tự nhiên 3 420 km^2, trong đó đất nông nghiệp chiếm 80%. Tỉnh nằm ở đầu nguồn nên nước lũ hằng năm lên sớm, lượng phù sa nhiều, bao phủ tới 70 - 80% diện tích, làm cho đất thêm màu mỡ. An giang là một tỉnh đông dân, trên 2 triệu người, trong đó hơn 80% là nông dân đã bao đời gắn bó với đất ruộng. Đấy là những điều kiện rất cơ bản để phát triển sản xuất nông nghiệp ở một tỉnh châu thổ sông Cửu long.

Tuy thế, khó khăn nổi lên là lũ lớn liên tiếp xảy ra. Thông thường chu kỳ khoảng từ 3 đến 5 năm một lần, nhưng những năm gần đây thất thường hơn, trong 5 năm đã có 3 trận lũ lớn, mất hàng trăm sinh mạng, mỗi năm làm thiệt hại vài trăm tỉ đồng (bằng 10% GDP của tỉnh).

Những năm sau giải phóng, An giang có hơn 34% số dân là phi nông nghiệp. Tập quán canh tác lạc hậu, hơn 180 000 ha lúa nổi 2 vụ, năng suất thấp, sản lượng hằng năm (trước năm 1975) chỉ xấp xỉ 300 nghìn tấn ; nạn đói giáp hạt thường xảy ra đe dọa cuộc sống của người nông dân. Những năm đó, trung ương phải chi viện 5 000 tấn lương thực để cứu đói, và liên tiếp mấy năm sau, mỗi năm có hơn 3 000 hộ phải cứu đói.

Cũng như các tỉnh khác ở đồng bằng sông Cửu long, từ năm 1976 đến năm 1980 là thời kỳ An giang vừa phải tập trung giải quyết các hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại, vừa lo phát triển kinh tế và ổn định chính trị. Trên lĩnh vực kinh tế và đời sống, tỉnh tập trung lo phát triển nông nghiệp, đặc biệt là tập trung cho việc chuyển đổi 1 vụ lúa nổi thành 2 vụ lúa ngắn ngày. Do đó, biện pháp hàng đầu là đầu tư phát triển thủy lợi. Thời kỳ 1976 - 1980, tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm chỉ đạt trên dưới 500 nghìn tấn, tăng trưởng sản xuất nông nghiệp đạt 12%/năm.

Từ 1981 - 1987, việc chuyển vụ tiếp tục được quan tâm, đã có 97 nghìn ha lúa 2 vụ. Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm đạt trên dưới 700 nghìn tấn. Mức tăng trưởng nông nghiệp bị chậm lại, giảm dần đến mức bình quân chỉ có 4%/năm. Sản lượng lương thực năm 1986 và 1987 giảm hơn năm 1985 trong khi dân số vẫn tăng cao (2,7%/năm), bình quân lương thực đầu người năm 1985 chỉ có 482 kg ; số người sống dưới mức trung bình còn nhiều. Ruộng đất hầu hết tập trung vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã, nhưng làm ăn không có hiệu quả. Chính vì sản xuất nông nghiệp sụt giảm như vậy, nên nông dân không còn thiết tha với ruộng đồng, đời sống vô cùng khó khăn, trật tự xã hội ngày một thêm phức tạp. Có thể nói, tỉnh An giang lâm vào khủng hoảng, sản xuất đình đốn, lòng dân không yên.

Tháng 10 năm 1986, Đại hội đảng bộ tỉnh An giang lần thứ IV đã nghiêm túc đánh giá tình hình, đề ra chủ trương và giải pháp tháo gỡ các ách tắc trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đặc biệt là trong sản xuất lương thực. Phải bằng mọi cách làm cho dân giàu, mà dân ở An giang thực chất là nông dân vì họ chiếm trên 80% dân số, là chủ 98% đất đai và tạo ra trên 70% sản phẩm xã hội ; phải nhanh chóng giải quyết vấn đề ruộng đất, giải phóng bằng được sức sản xuất của nông dân, đưa nông nghiệp phát triển không chỉ để giải quyết vấn đề ăn của nông dân trong tỉnh, mà còn tạo ra lượng nông sản hàng hóa lớn để góp phần đáp ứng nhu cầu lương thực của cả nước và xuất khẩu.

Trong cơ cấu kinh tế của An giang, tỉnh vẫn khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, cây lúa và lương thực là trọng tâm. Vấn đề là phải có các chính sách đúng để thực hiện nhiệm

Digitized by Google

vụ hàng đầu đó. Việc khởi đầu cho quá trình đổi mới kinh tế nông nghiệp là tập trung xóa bỏ cơ chế quan liêu, chuyển mạnh sang phát triển kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp, và trước hết là thực hiện quyền làm chủ tư liệu sản xuất của người nông dân. Tỉnh đã chủ trương giao đất ổn định lâu dài để nông dân thực sự yên tâm canh tác trên mảnh đất của mình, có quyền chuyển nhượng, thừa kế ; và đã tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1988. Việc làm này của An giang phù hợp với Hiến pháp năm 1992 và Luật đất đai năm 1993. Đến nay, toàn tỉnh đã có trên 90% số hộ được cấp giấy sử dụng đất, và từ năm 1990 đến nay, trên cơ sở quyền sử dụng đất, nông dân đã thế chấp cho ngân hàng để vay vốn phục vụ sản xuất. Do quyền sử dụng đất đai được giải quyết thỏa đáng, nông dân yên tâm, phấn khởi đầu tư cải tạo đồng ruộng, sắm thêm máy móc nông nghiệp, tiếp thu khoa học kỹ thuật mới, thực hiện thâm canh, tăng vụ, phục hóa, khai hoang, tạo nên khí thế sôi động thu hút nhiều lao động vào mặt trận sản xuất nông nghiệp của tỉnh, khai thác tốt tiềm năng của đất đai. So với đất tự nhiên, diện tích đất canh tác tăng liên tục : từ 61% (năm 1985) lên 72% (năm 1995), trong đó khai hoang, phục hóa chiếm gần 20%. Tổng diện tích gieo trồng từ 306 nghìn ha năm 1987 lên 451 nghìn ha năm 1995, trong đó diện tích trồng lúa tăng mạnh hơn cả. Như vậy sau 20 năm (1975 - 1995) nhờ khai hoang, chuyển vụ, An giang đã tăng được vòng quay sử dụng đất : từ 1,2 lần những năm 1976 - 1983 lên 1,83 lần những năm 1990 - 1995.

Để nâng cao hiệu quả của đất đai, trong khi tăng vụ, khai hoang mở rộng diện tích, tỉnh đã chú trọng đến việc cơ giới hóa, đầu tư khoa học kỹ thuật, mở rộng khuyến nông để nâng cao năng suất. Đến nay, trình độ cơ giới hóa các khâu làm đất, tưới tiêu, thu hoạch... đạt 60% - 70% ; hệ thống thủy lợi ngày được hoàn thiện ; các giống lúa mới, kỹ thuật canh tác mới được đưa vào sản xuất. Nhờ vậy, nếu vụ đông xuân năm 1987 cây lúa mới đạt năng suất 5,3 tấn/ha, lúa mùa nổi mới đạt 1,15 tấn/ha, thì năm 1995 lúa 2 vụ đông - xuân và hè - thu đã đạt trên 11 tấn/ha/năm ; nhất là vụ đông - xuân có mức tăng đều và ổn định. Sản lượng lương thực chựng lại nhiều năm ở mức 80 - 85 vạn tấn/năm, tăng vọt lên vào năm 1989 và năm 1995, đạt trên 2,2 triệu tấn (gấp 2 lần so với năm 1987), đưa tốc độ tăng trưởng GDP khu vực I lên 8,4%/năm, cao gần gấp đôi so với cả nước (4,5%).

Trong vòng 8 năm (1987 - 1995), dân số của tỉnh tăng 15%, lương thực tăng 24,3% ; bình quân lương thực đầu người đã từ 520 kg năm 1987 lên 1 115 kg năm 1995. Xuất khẩu gạo chiếm 75% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh (tỷ trọng xuất nhập khẩu trong GDP của tỉnh là 41%, vượt xa so với các tỉnh nông nghiệp khác trong cả nước). Ngoài ra, tỉnh vẫn còn một lượng lương thực cần thiết để điều hòa nội địa.

Giải quyết vấn đề lương thực, lo cái ăn cho dân mới là việc làm ban đầu. Muốn cho dân giàu, phải gắn với phát triển nông thôn, phát triển công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ, vì nông thôn chiếm 91% diện tích của toàn tỉnh. Mục tiêu của chương trình phát triển nông thôn là công nghiệp hóa nông nghiệp, nâng cao dân trí, tổ chức cuộc sống văn minh ở nông thôn. Quan trọng nhất là chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp. Tỉnh ủy có nghị quyết phát triển cây màu, cây nông nghiệp ngắn ngày, đẩy mạnh chăn nuôi, phát triển công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu, nhằm góp phần phân công lại lao động ở nông thôn và đưa nông nghiệp phát triển toàn diện. Qua nhiều năm thực hiện, đến nay sản phẩm đông lạnh của tỉnh đạt từ 5 000 đến 6 000 tấn/năm, chủ yếu là cá thịt đông lạnh. Tỉnh đã bước đầu đưa nền kinh tế thuần nông, thuần lương, sang đa ngành, đa sản phẩm, có công nghiệp, dịch vụ cùng phát triển.

Nhờ gần 10 năm tập trung phát triển nông nghiệp, làm cho lương thực không còn thiếu thốn như trước, đời sống nông dân được cải thiện một bước rõ rệt. Từ năm 1990 tới năm 1994, số hộ nghèo từ 12,7% giảm xuống còn 8% ; số hộ khá tăng nhanh : từ 14,7% lên 25% ; số hộ giàu từ

Digitized by Google

8% lên 21,3%. Có điện là ước mơ bao đời của nhân dân. Đến cuối năm 1995, mạng lưới điện đã rải đều các xã trong tỉnh, bộ mặt nông thôn khang trang hẳn lên, nhân dân phấn khởi, nông thôn được tiếp thêm luồng sinh khí mới.

Từ những chủ trương và từ quá trình tổ chức thực tiễn đi đến những thành tựu bước đầu của 10 năm đổi mới, An giang có thể tự rút ra một số bài học cụ thể ở một tỉnh nông nghiệp Nam bộ như sau :

1 - Đạt được những thành tựu nói trên, nguyên nhân *bao trùm* là đường lối đổi mới của Đảng ta, mà cụ thể hơn là sự đổi mới chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp. Nhưng từ thực tiễn An giang, bài học *đầu tiên* cần rút ra là quyết tâm chiến lược của đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh biến đường lối và chính sách đổi mới của Đảng thành hiện thực : từ một tỉnh quanh năm thiếu đói thành một tỉnh không những no đủ, mà còn góp phần trang trải lương thực cho cả nước và xuất khẩu. Trước nghịch lý An giang là một tỉnh nông nghiệp truyền thống ở châu thổ Cửu long, đất đai màu mỡ, mà hàng năm có hàng ngàn hộ đói, phải xin trung ương cứu tế, đảng bộ và nhân dân ở đây đã nhanh chóng vận dụng cơ chế, chính sách mới vào việc khôi phục và phát triển sản xuất, để trước hết là tự cứu, và từ đó mà làm giàu cho mình. Đó là bước giải quyết triệt để, thấu đáo về mặt nhận thức.

2 - Từ chính sách chung của cả nước, An giang đã mạnh dạn quyết định thực hiện một số chủ trương phù hợp với thực tiễn địa phương được nhân dân ủng hộ và hăng hái thực hiện. Rõ nhất là sáng tạo những hình thức cho nông dân làm chủ ruộng đất, làm chủ máy móc nông nghiệp. Tổ chức đảng và chính quyền các cấp ở đây đã dựa hẳn vào dân, huy động sức dân, tập trung vốn cùng nhà nước làm một số khâu then chốt, mang tính đột phá, phục vụ sản xuất phát triển. Chỉ tính 5 năm qua (1991 - 1995), nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng đã là 2 663 tỉ đồng, bình quân mỗi năm huy động 532 tỉ đồng, trong đó dân đóng góp hơn 400 tỉ đồng, để xây dựng thủy lợi nội đồng, đường sá và các công trình phúc lợi khác. Từ năm 1988 đến nay, tỉnh đã đào đắp 73 triệu m^3 đất kênh mương thủy lợi với kinh phí 167 tỉ đồng, trong đó dân đóng góp một nửa, nhờ đó đã khai hoang tăng vụ ở vùng tứ giác Long xuyên được 100 nghìn ha.

3 - An giang đã sớm xây dựng được mô hình tín dụng nông thôn phục vụ cho nông dân phát triển sản xuất lương thực là chính. Từ năm 1990 đến nay, ngân hàng của tỉnh kiên trì chương trình trợ vốn cho nông dân, nên đã giảm được nạn cho vay nặng lãi (15 - 20%/tháng) ở nông thôn, được nông dân rất hoan nghênh. Năm 1995, ngân hàng nông nghiệp đã cho nông dân vay hơn 300 tỉ đồng phục vụ những nhu cầu thiết yếu về trồng trọt và chăn nuôi. Có thể nói, An giang là tỉnh cho vay vốn tới hộ nông dân sớm nhất cả nước và có hiệu quả nhất trong mấy năm qua. Đi đôi với việc giải quyết vốn, An giang chú trọng áp dụng các biện pháp kỹ thuật thông qua chương trình khuyến nông triển khai sâu rộng đến từng ấp ; đã đào tạo, bồi dưỡng trên 6 nghìn nông dân sản xuất giỏi ; đã phát động phong trào ứng dụng kỹ thuật mới về phòng trừ bệnh dịch tổng hợp, giảm được chi phí (bình quân giảm 160 nghìn đồng/ha).

KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

Nông nghiệp An giang mấy năm nay tuy có phát triển nhưng về cơ bản vẫn ở trình độ thấp, cả về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, về năng suất cây trồng, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, xã hội. Năm 1994, thu nhập mới đạt 12 triệu đồng/ha canh tác, do còn dựa vào công nghệ sản xuất cổ truyền lạc hậu ; cho đến nay nông nghiệp An giang vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu về đời sống nhân dân, về nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa xuất khẩu. Cơ cấu nông nghiệp còn nặng tính thuần nông, thuần lương ; cây lúa vẫn chiếm tỷ trọng lớn (năm 1995 chiếm 91,6%), chất lượng gạo lại kém nên xuất khẩu khó khăn.

Digitized by Google

Trình độ văn hóa, xã hội nhìn chung còn thấp. 20% số dân trong độ tuổi đi học bị thất học ; 33% số trẻ em bị suy dinh dưỡng ; hơn 9% lực lượng lao động không có việc làm ổn định. Lao động qua đào tạo chỉ có 3,81% (trong khi ở một số tỉnh miền núi phía bắc như Cao bằng, tỷ lệ này là 7%). Dù lưới điện trung thế đã phủ toàn tỉnh, nhưng chỉ có 31% hộ sử dụng điện.

Hằng năm An giang chịu đựng 6 tháng lũ, phần lớn nhà dân trong vùng lũ bị ngập. Ở nông thôn, còn tới 70% là nhà tre, lá tạm bợ, dễ bị cuốn trôi khi mùa lũ đến. Đó là những khó khăn thường xuyên mà tỉnh đang phải giải quyết, để đến năm 2000 theo kế hoạch đề ra, không còn nhà bị ngập trong mùa lũ nữa.

Dưới tác động của cơ chế thị trường, phân hóa và cách biệt giàu nghèo trong tỉnh đang có xu hướng phát triển mạnh, đặc biệt tỷ lệ nông dân không có ruộng còn cao, tập trung ở vùng xưa nay vốn dĩ nghèo. Tình hình thiếu vốn sản xuất, nhất là vốn cho chăn nuôi và vốn cho chuyển dịch cơ cấu cây trồng, còn phổ biến. Vì thế, tình trạng cho vạy nặng lãi ở nông thôn với lãi suất 10 - 20%/tháng, đang là gánh nặng đối với người nghèo.

Mười năm đổi mới, nền kinh tế nông nghiệp An giang đã có bước chuyển biến quan trọng và rõ nét, vượt qua nhiều khó khăn thử thách lớn, đạt được tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế khá, và đang chuyển dần sang sản xuất hàng hóa đa dạng. Cơ chế quản lý và các chính sách của tỉnh đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn, bước đầu đã hòa nhập được với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Từ nay đến năm 2000 và những năm tiếp theo, nền kinh tế An giang chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó tiếp tục phát triển nông nghiệp vẫn là thế mạnh để thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển tạo ra sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế một cách hợp lý và hiệu quả.

An giang là tỉnh có khối lượng lúa lớn nhất cả nước. Với điều kiện như vậy, An giang không thể không tiếp tục mở rộng khai thác tiềm năng đất đai, chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, để tạo ra nhiều hơn nữa lương thực có chất lượng cao cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Đối với An giang, không chỉ trước mắt mà cả lâu dài, nhiệm vụ sản xuất lương thực vẫn giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Khẳng định hướng đi đó, An giang đề ra mục tiêu đến năm 2000 đạt sản lượng lương thực 2,4 triệu tấn và năm 2010 đạt 3 triệu tấn ; bình quân lương thực đầu người 1100 kg/năm. Sớm tạo ra vùng chuyên canh cây công nghiệp, phát triển mạnh chăn nuôi và thủy sản, tạo nguồn nhiên liệu cho công nghiệp chế biến. Mặt khác, phải thúc đẩy công nghiệp hóa nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, tăng thu nhập, để đến năm 2000 thu nhập của nông dân tăng gấp đôi so với năm 1995. An giang cũng phải từng bước vươn lên để trở thành một tỉnh có nền nông nghiệp sạch.

Để thực hiện định hướng và mục tiêu phát triển nông nghiệp nêu trên, theo nghị quyết của đại hội đảng bộ tỉnh và Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta, An giang cần thực hiện *một số giải pháp lớn*. Trước hết, sớm quy hoạch các vùng chuyên canh cây trồng theo nhu cầu của thị trường, để bảo đảm sản phẩm hàng hóa lưu thông thông suốt và có hiệu quả. Mở rộng cơ giới hóa và đẩy mạnh công nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là thành tựu sinh học, vào các khâu giống, thu hoạch và sau thu hoạch, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Tạo điều kiện cho nông dân tăng lợi tức và dùng tiền tiết kiệm của mình đầu tư vào các cơ sở công nghiệp nhỏ và dịch vụ, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Nâng cao thể lực, dân trí, mở mang ngành nghề, đáp ứng ngày càng đầy đủ vốn tín dụng cho sản xuất nông nghiệp, phát triển các hình thức hợp tác trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn phù hợp với quy luật khách quan và cơ chế thị trường... Chỉ có như vậy, An giang mới có thể từng bước vươn lên thành một tỉnh có nền nông nghiệp mạnh ❑

Digitized by Google

TIỀM NĂNG TIÊN SƠN và HƯỚNG ĐI ĐÃ CHỌN

NGUYỄN SỸ *

TIÊN sơn là một huyện đồng bằng, là vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ của tỉnh Hà bắc. Tiên sơn có tiềm năng lớn : nằm giáp ngay phía bắc thủ đô Hà nội ; có quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua ; có nền kinh tế, văn hóa phát triển sớm ; giàu truyền thống cách mạng ; lao động dồi dào, đất đai phì nhiêu, con người cần cù, thông minh, đội ngũ trí thức đông đảo...

Nhiều năm qua, đảng bộ và nhân dân Tiên sơn cố gắng khai thác triệt để thế mạnh và tiềm năng của mình, do đó đã đạt được những kết quả đáng mừng trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ đi sâu vào lĩnh vực kinh tế, một nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn hiện nay như đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười từng nói, với dụng ý chân thành là nhằm trao đổi kinh nghiệm và mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các địa phương bạn.

Do chuyển dịch cơ cấu kinh tế kịp thời và đúng hướng, do phân vùng kinh tế hợp lý và do có sự đầu tư thỏa đáng cho sản xuất phát triển, cho nên trong 5 năm (1991 - 1995) giá trị tổng sản lượng các ngành sản xuất trên địa bàn huyện tăng nhanh hơn trước, đạt mức bình quân 404 tỉ đồng/năm. Riêng năm 1995, đạt xấp xỉ 555 tỉ đồng. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm là 9,13%, trong đó sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 8,7%, thương mại, dịch vụ là 18,35%.

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp từ 203,6 tỉ đồng (năm 1990) tăng lên 274,3 tỉ đồng (năm 1995) ; bình quân mỗi năm tăng 6,15%. Giá trị sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ trên 1 ha canh tác từ 16,6 triệu đồng (năm 1990) tăng lên 22,8 triệu đồng (năm 1995). Sản lượng lương thực đạt mức bình quân 65 865 tấn/năm ; có năm đạt tới trên 75 000 tấn. Lương thực tăng giúp cho ngành chăn nuôi phát triển : bình quân mỗi năm đàn trâu, bò tăng 1,8%, đàn lợn tăng 8,6%. Một loạt chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được nông dân tiếp thu rất nhanh và đưa lại kết quả thiết thực : chương trình "lai sin hóa" đàn bò, "nạc hóa" đàn lợn, chương trình nuôi gà công nghiệp, phát triển giống ngô lai, giống đậu tương mới, chương trình khảo nghiệm chọn giống lúa lai, lúa thơm ... Mô hình kinh tế VAC được chú ý đẩy mạnh ở các xã vùng đồi và vùng ven sông Đuống.

Sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp với nhiều hình thức tổ chức phong phú đang có chiều hướng phát triển mạnh. Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp tăng bình quân hằng năm 9,6%, riêng năm 1995 đạt 28,74 tỉ đồng, tăng 84,7% so với chỉ tiêu Đại hội XII (1991 - 1995) của đảng bộ huyện đề ra. Bên cạnh các ngành nghề thủ công truyền thống như sắt thép (Đa hội, Châu khê) dệt (Tương giang), một số ngành nghề khác cũng phát triển mạnh. Đang nhanh chóng hình thành những *vùng nghề tập trung*, như nghề mộc, trạm khắc ở khu vực Phù khê, Hương mạc, Đồng quang, Tam sơn, Đại đồng ; nghề xây dựng ở khu vực Nội duệ, Vân tương, Tương giang, Đồng nguyên... Một số sản phẩm như đồ gỗ cao cấp, giấy, tơ lụa, lưới sắt... đã có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và một số nước trong khu vực.

Thương nghiệp quốc doanh tuy còn có những khó khăn nhất định nhưng đã được sắp xếp lại, đi dần vào thế ổn định, cùng với các thành phần kinh tế khác tạo ra thị trường hàng hóa phong phú. Tổng mức bán lẻ trên địa bàn huyện đạt khoảng 125 tỉ đồng/năm, bằng 15% tổng mức bán lẻ của toàn tỉnh. Các trung tâm thương mại (Từ sơn, chợ Sơn, chợ Và, Lim) và các điểm trung tâm dân cư xã đang từng bước được quy hoạch, đầu tư cải tạo, nâng cấp, đã tạo ra một thị trường nông thôn rộng khắp, đáp

* Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Tiên sơn, Hà bắc

Digitized by Google

ứng những nhu cầu về sản xuất và đời sống của nhân dân.

Xuất khẩu được khuyến khích và phát triển, nhất là trong khu vực tư nhân. Các mặt hàng xuất khẩu thường là đồ gỗ cao cấp, tơ tằm, nông sản, dược liệu quý hiếm... Xuất khẩu những năm gần đây đạt mức bình quân 14,25 tỉ đồng/năm, mức tăng trưởng bình quân năm là 19,65%. Hàng hóa xuất khẩu đã giành được chữ tín trên thị trường quốc tế.

Công tác tài chính có những tiến bộ rõ nét. Huyện ủy đã có những chủ trương về đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, mở rộng các hình thức tín dụng để thu hút và huy động các nguồn vốn, đồng thời tích cực giám sát các thành phần kinh tế thực hiện các luật thuế và pháp lệnh kế toán, thống kê, nên nguồn thu ngân sách hằng năm đều tăng. Mức thu ngân sách bình quân hằng năm xấp xỉ 10 tỉ đồng, còn mức chi khoảng 6,5 tỉ đồng. Ngoài việc tự đáp ứng các nhu cầu chi, mỗi năm huyện trích nộp ngân sách cho tỉnh xấp xỉ 4 tỉ đồng.

Cơ cấu kinh tế của huyện có sự chuyển dịch tích cực theo hướng : tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, thương mại và dịch vụ ; giảm tỉ trọng nông, lâm nghiệp.

Xác định rõ vị trí và tiềm năng, yêu cầu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, huyện ủy đã đề ra chủ trương tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, mà trọng tâm là ổn định và phát triển kinh tế nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn trên cơ sở quy hoạch chung và kế hoạch hàng năm. Căn cứ vào điều kiện, đặc điểm và các yếu tố phát triển kinh tế - xã hội, chúng tôi phân huyện ra làm *ba* vùng kinh tế : vùng lúa và phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ ; vùng lúa, cây công nghiệp, phát triển kinh tế vườn đồi và chăn nuôi đại gia súc ; vùng lúa và mở mang ngành nghề, dịch vụ. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể đó, huyện đã tập trung khai thác mọi nguồn vốn, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. *Về thủy lợi*, tu bổ và nâng cấp hệ thống đê, kè cống ; xây dựng thêm hai trạm bơm đầu mối (Tri phương, Phú lâm 2) và trên 40 trạm bơm cục bộ ở các xã nhằm tăng nhanh năng lực tưới tiêu của toàn huyện. *Mạng lưới điện* phát triển nhanh. Đến cuối năm 1993, 100% số xã trong huyện đã có điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt. *Giao thông vận tải* có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hệ thống đường giao thông liên huyện, liên xã, liên thôn, thường xuyên được chú ý xây dựng mới, tu bổ hoặc nâng cấp. Ở hầu hết các xã trong huyện, đường làng, ngõ xóm đều được lát gạch, một số rải bê tông. *Hệ thống thông tin liên lạc* được hiện đại hóa. 100% số xã trong huyện có mạng lưới điện thoại về đến trung tâm và cứ 1000 dân có 7,4 máy điện thoại.

Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được xác lập và phát triển đúng hướng, đã thúc đẩy sản xuất kinh doanh năng động, đa dạng, có hiệu quả. Các hợp tác xã nông nghiệp đang từng bước chuyển sang hình thức chủ yếu là làm dịch vụ nông nghiệp cho các hộ nông dân. Xuất hiện một số hình thức hợp tác mới *(tổ hợp tác, tổ liên gia)* trong sản xuất nông nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp. Kinh tế tư nhân cũng được khuyến khích phát triển. Toàn huyện hiện có 109 cơ sở kinh tế tư nhân, quy mô vừa và nhỏ trong đó có 27 công ty trách nhiệm hữu hạn, 50 xí nghiệp cổ phần và 32 tổ hợp tác, thu hút gần 17 000 lao động, góp phần thúc đẩy phân công lại lao động xã hội, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân và đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn trên địa bàn huyện.

*
* *

Đảng bộ và nhân dân Tiên sơn nhất trí khẳng định : với tiềm năng và thế mạnh sẵn có, nếu trong 5 năm tới (1996 - 2000) mà tình hình mọi mặt của huyện vẫn "ổn định" ở mức như hiện nay thì có nghĩa là huyện đã *tụt hậu* (so với chính mình và so với các huyện bạn). Và điều đó, đương nhiên, không thể chấp nhận được.

Trong nhiệm kỳ khóa XIII (1996 - 2000), huyện ủy chúng tôi chủ trương : phải khai thác và phát huy tốt hơn nữa mọi tiềm năng và lợi thế của địa phương ; mở rộng việc thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước ; khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển ; đa dạng hóa các

Digitized by Google

mô hình quản lý và quy mô sản xuất ; đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội ; nâng cao hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; nâng cao trình độ dân trí, quyết tâm đưa địa phương trở thành một trong những huyện giàu, đẹp, công bằng, văn minh của vùng đất Kinh bắc.

Để đạt được mục tiêu ấy, một hướng đi cụ thể đã được hoạch định. Đó là :

- Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế (nông nghiệp - công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp - thương mại, dịch vụ) theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Riêng trong nông nghiệp, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu theo hướng phát triển nông sản hàng hóa, bảo đảm an toàn và vững chắc về lương thực, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

- Hoàn thành quy hoạch tổng thể toàn huyện, quy hoạch chi tiết từng ngành, từng vùng, và quản lý tốt các quy hoạch đó. Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ; tập trung cao cho việc nâng cấp mạng lưới giao thông trong huyện, trước hết là các tuyến đường trục chính. Khuyến khích đô thị hóa nông thôn, xây dựng nông thôn mới, làm tốt công tác môi sinh, môi trường.

- Củng cố quan hệ sản xuất mới. Trước mắt, tiếp tục tăng cường cải tiến quản lý ; đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã ; tăng cường quan hệ công - nông ; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, làm tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các ngành kinh tế.

- Mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước, tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích và thu hút vốn đầu tư. Phát huy thế mạnh của từng thành phần kinh tế để phát triển sản xuất và dịch vụ, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội, phấn đấu giảm hộ nghèo, tăng nhanh hộ khá và hộ giàu. Quan tâm chăm lo các đối tượng chính sách xã hội. Kiên trì đấu tranh chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. Giữ vững kỷ cương, pháp luật. Đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, làng văn hóa. Thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Phân công lại lao động, trước hết là lao động nông thôn, trên cơ sở tổ chức lại sản xuất theo hướng đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

- Củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng và hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trên địa bàn huyện. Tôn trọng và phát huy trật tự an toàn xã hội ; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Dưới đây chỉ xin đề cập *một số giải pháp chính nhằm thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế :*

Trước hết, chúng tôi tập trung sức chỉ đạo sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng chuyển nhanh sang sản xuất hàng hóa, tăng nhanh giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích. Phấn đấu đưa giá trị sản xuất và dịch vụ trên một ha canh tác từ 22 triệu đồng (năm 1995) lên 27 triệu đồng (năm 2000). Mở rộng diện tích cấy các giống lúa có giá trị kinh tế cao. Quy hoạch đầu tư cải tạo những vùng trồng lúa không ăn chắc, hiệu quả thấp, sang nuôi trồng thủy sản ; chuyển vùng cao khó khăn về nước tưới sang trồng các loại cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày. Phát triển vùng nông nghiệp sạch, tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Cải tạo đàn bò (kể cả bò lấy thịt và bò sữa) ; phát triển đàn lợn theo hướng "nạc hóa" ; khuyến khích chăn nuôi gia đình và con đặc sản. Đổi mới tổ chức quản lý ; chuyển hẳn nhiệm vụ của ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp sang hoạt động dịch vụ sản xuất và kinh doanh tổng hợp. Làm thử mô hình hợp tác xã cổ phần, trước hết là các hợp tác xã dịch vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, vận tải... tạo ra động lực mới thúc đẩy lực lượng sản xuất trong nông thôn phát triển. Tập trung chỉ đạo để hình thành ngày càng rõ hơn *các vùng kinh tế đặc trưng của huyện.*

Trong những năm tới, chúng tôi cũng sẽ tập trung đầu tư cho phát triển công nghiệp,

Digitized by Google

tiểu, thủ công nghiệp ; đặc biệt chú ý tới các lĩnh vực : chế biến lương thực, thực phẩm, lâm sản, vật liệu xây dựng, dệt, cơ khí... Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua các hình thức liên doanh, liên kết, cổ phần hóa. Khuyến khích các doanh nghiệp gọi vốn để đầu tư chiều sâu và đổi mới công nghệ. Chú ý phát triển sản xuất công nghiệp với kỹ thuật cao, đồng thời phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động thương mại - dịch vụ nhằm nâng cao hơn nữa tỷ trọng thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện. Tiếp tục đầu tư xây dựng và sử dụng có hiệu quả các trung tâm, các tụ điểm thương mại, dịch vụ.

Hoạt động tài chính từ huyện đến cơ sở, đều phải hướng vào việc mở rộng và đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, tăng nguồn thu cho ngân sách, tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tiết kiệm trong chi tiêu, sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn vốn. Tăng cường quản lý, giữ nghiêm pháp luật, cải tiến phương pháp thu, nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế thực hiện nghiêm chỉnh các luật thuế và pháp lệnh kế toán, thống kê. Công khai hóa các chương trình đầu tư và cấp phát vốn ngân sách. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp tham ô hoặc thiếu trách nhiệm làm thất thoát vốn, gây thiệt hại đến tài sản nhà nước và nhân dân. Phấn đấu đến năm 2000 thu ngân sách của huyện đạt mức 27 tỉ đồng. Chuyển mạnh các hoạt động ngân hàng cho phù hợp với cơ chế thị trường. Phát triển thị trường vốn nhằm thu hút nhiều vốn để tăng nhanh khối lượng tín dụng đầu tư cho các thành phần kinh tế. Nâng cao tỷ trọng cho vay vốn tín dụng trung hạn, dài hạn. Mở rộng quỹ tín dụng nhân dân ở các xã kinh tế phát triển, nhằm thu hút mọi nguồn vốn tại chỗ phục vụ kịp thời sản xuất kinh doanh.

*
* *

Những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua và những phương hướng, bước đi trong thời gian tới có trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống của nhân dân Tiên sơn hay không, điều đó tùy thuộc rất lớn vào sự lãnh đạo của đảng bộ huyện, mà trước hết là của tập thể huyện ủy. Vì vậy, trong *công tác xây dựng đảng*, chúng tôi đang và sẽ tập trung giải quyết tốt một số vấn đề cơ bản sau đây :

- Xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong toàn đảng bộ ; kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện chia rẽ, bè phái, đặc biệt là trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ huyện đến cơ sở.

- Tiếp tục đổi mới và củng cố các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nó ; tăng nhanh tỷ lệ các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, giảm nhanh các đơn vị thuộc diện trung bình, xóa các cơ sở yếu kém.

- Làm tốt công tác cán bộ và công tác đảng viên ; xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng và có đầy đủ năng lực hoàn thành những nhiệm vụ được giao ; đẩy mạnh việc phát triển đảng với phương châm bảo đảm cả về chất lượng và số lượng.

- Cải tiến phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc và phong cách công tác của các cấp ủy đảng từ huyện đến cơ sở, bảo đảm cho cấp ủy nắm chắc được tình hình thực tế, tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, thật sự gắn bó với dân.

Cũng như toàn đảng và toàn thể dân tộc, đảng bộ và nhân dân Tiên sơn cũng đang đứng trước những thời cơ và thách thức. Với tinh thần quyết tâm phấn đấu đưa nhanh Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vào cuộc sống, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng, của Chính phủ nói chung và của tỉnh ủy, ủy ban nhân dân tỉnh Hà bắc nói riêng, chắc chắn đảng bộ và nhân dân Tiên sơn sẽ tiếp tục phát huy được tiềm năng và thế mạnh của địa phương, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ❑

Digitized by Google

SỰ LỰA CHỌN NGÀNH NGHỀ CỦA TUỔI TRẺ

TRẦN LAN HƯƠNG *

KHI kinh tế xã hội chuyển từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước thì đào tạo đại học cũng phải có chuyển biến tương ứng. Quan niệm hệ thống giáo dục đại học phải đảm nhiệm một quá trình liên tục từ tạo ra sản phẩm đến phân phối sản phẩm theo kiểu cung cấp trước đây đã được thay thế. Quá trình liên tục này đã được tách ra thành hai công đoạn : công đoạn đào tạo ra sản phẩm có khả năng thích nghi cao với thị trường lao động ; và công đoạn tiêu thụ tuân theo nhu cầu tuyển lựa của cơ sở sử dụng nhân lực. Mở rộng tuyển sinh, nâng cao đào tạo phải gắn với hướng sử dụng như thế nào và làm sao cho chất lượng đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu và đòi hỏi của xã hội ? Bởi vì chất lượng sinh viên hôm nay là chỉ báo quan trọng về đội ngũ trí thức trong tương lai. Một tương lai rất gần với những đòi hỏi bức bách của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước lên ngang tầm phát triển và hội nhập được với thế giới.

Như chúng ta đã biết, trong xã hội mọi sự vật hiện tượng đều được con người nhìn nhận dưới góc độ giá trị. Con người không có định hướng giá trị sẽ mất đi sự say mê, mất đi sức mạnh thúc đẩy họ hành động. Nghiên cứu định hướng giá trị là tìm về động lực hoạt động của con người. Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục đã chỉ rõ : Cải cách giáo dục không chỉ đòi hỏi thay đổi hệ thống giáo dục, chương trình sách giáo khoa mà còn phải cải tiến mọi nhân tố tác động đến con người. Để góp phần vào cải cách giáo dục đại học, chúng tôi tiến hành tìm hiểu bước đầu tình hình chất lượng học tập và định hướng ngành nghề của sinh viên 3 trường đại học trên địa bàn Hà nội - đại học Tổng hợp (ĐHTH)*, đại học Bách khoa (ĐHBK) và đại học Sư phạm I (ĐHSPI)*, trên cơ sở giả thuyết rằng, định hướng ngành nghề (một loại định hướng giá trị) là một trong những nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng học tập của sinh viên và ảnh hưởng gián tiếp đến việc tạo ra nguồn lực cho xã hội.

Trước tiên, cần xem xét thái độ đối với ngành nghề đang được đào tạo của sinh viên. Việc lựa chọn ngành nghề này là một vấn đề quan trọng không chỉ đối với sinh viên mà đối với toàn xã hội. Một người có thiện chí, có ý thức, có kỹ năng, vẫn cống hiến ít hơn mức có thể nếu lầm lẫn trong việc chọn nghề. Sự xác định nghề nghiệp không đúng của sinh viên, có thể dẫn họ tới những thất vọng đối với ngành học đã chọn, tới sự nhìn nhận việc học và làm việc trong ngành đó như một gánh nặng, thậm chí dẫn tới tụt hậu. Nếu như sinh viên phải chuyển sang học lại từ đầu một ngành khác, thì sẽ dẫn đến một sự lãng phí lớn cho chính họ cũng như cho xã hội, bởi vì hằng năm xã hội phải chi khoảng trên 1 triệu đồng cho 1 sinh viên. Điều cần thiết đối với xã hội là, mỗi người tìm được đúng vị trí để cống hiến sức lực và tài năng, hoàn thành xứng đáng nghĩa vụ của mình. Chỉ có như vậy, mới có thể bảo đảm được tốc độ phát triển nhanh và ổn định của xã hội, mới có thể bảo đảm những điều kiện sống tốt nhất cho mọi người. Vậy sinh viên ta lựa chọn ngành nghề như thế nào ?

Trong 10 lý do dẫn đến việc lựa chọn ngành nghề đang học có 2 lý do nổi bật (về tỷ lệ % và thứ tự ưu tiên xếp hạng ở cả 3 trường) :

Lý do / Trường	Hợp khả năng sở thích		Ngành dễ tìm việc		Nghề thu nhập cao	
	%	Xếp hạng	%	Xếp hạng	%	Xếp hạng
ĐHTH	69,91	1	27,76	4	6,41	
ĐHBK	78,70	1	40,13	2	15,47	
ĐHSP	60,70	1	44,30	3	0,67	

Rõ ràng sinh viên ta chọn ngành nghề theo học chủ yếu xuất phát từ những động cơ bên trong, như hợp ý thích, hợp khả năng. Nhưng một thực tế hiện nay là, học sinh các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và đại học được đào tạo cơ bản chưa có việc làm hay không bố trí được việc làm, chờ đợi thay đổi quyết định hay bỏ hẳn nghề đã học, chiếm khoảng trên 20 vạn [1]. Do vậy, sinh viên càng ngày càng có xu hướng chọn những nghề dễ tìm việc. Họ đứng trước một *mâu thuẫn* là chọn nghề mình hứng thú hay chọn nghề dễ tìm việc làm hoặc nghề có thu nhập cao ? Thực tế cho thấy, mấy năm gần đây thí sinh đại học đổ xô vào

* Giảng viên xã hội học, Phân viện báo chí và tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

* Nay là Đại học quốc gia Hà nội

(1) *Dân số - lao động - việc làm : Hiện trạng và giải pháp*, Nxb Hà nội, 1993, tr 10

Digitized by Google

những ngành như kinh tế, xây dựng, ngoại ngữ, tin học... vì dễ tìm việc làm, chứ chưa hẳn là đã phù hợp với khả năng, sở thích của phần lớn trong số họ.

Có lẽ do vậy, tỷ lệ sinh viên cảm thấy ngành mình đang theo học không phù hợp với nguyện vọng bản thân khá cao : 21,59% sinh viên các ngành khoa học xã hội ở ĐHTH ; 20,5% sinh viên ĐHSP và 11,8% sinh viên ĐHBK. Càng lên những năm trên, tâm lý này bộc lộ càng rõ nét. Xét riêng các năm cuối khóa, có tới 38,46% sinh viên khoa học xã hội ở ĐHTH, 21,5% sinh viên ĐHSP và 14,39% sinh viên ĐHBK vẫn cảm thấy ngành học không phù hợp với nguyện vọng của họ. Khi mới bước vào trường, số sinh viên xuất thân từ nông thôn có tâm lý này, nhiều hơn số sinh viên xuất thân từ thành phố. Ở những năm học giữa và cuối khóa, số sinh viên nông thôn không yêu thích ngành học cũng cao hơn số sinh viên thành phố. Điều này cho thấy, sinh viên thành phố có điều kiện hiểu biết tốt hơn về ngành nghề trước khi thi đại học, và giáo dục hướng nghiệp ở các trường nông thôn so với thành phố còn thua kém nhiều mặt. Nhưng nhìn chung, trước ngưỡng cửa đại học, ngay ở thành phố, học sinh ta cũng không có được hiểu biết thấu đáo về các ngành nghề để họ có thể lựa chọn đúng. Đặc biệt thiếu thông tin về các ngành khoa học xã hội và sư phạm, cho nên tỷ lệ sinh viên không thích các ngành đang học này rất đáng kể : 17,05% sinh viên khoa học xã hội ở ĐHTH và 16,4% sinh viên ĐHSP không yêu ngành. Trong khi đó chỉ có 4,64% sinh viên khoa học tự nhiên ở ĐHTH và 8,97% sinh viên ĐHBK không thích ngành đang học. Con số không thích ngành học ở các ngành khoa học xã hội và sư phạm (đều trên 10%) là một chỉ số báo động cho các ngành này hiện nay và trong tương lai. Từ chỗ không yêu thích ngành học dẫn đến ý định xin chuyển trường và chuyển ngành, khiến cho việc chuyên tâm học tập và định hướng ngành nghề trở nên phức tạp về độ biến động. Các nhà quản lý và xã hội suy nghĩ gì đây về tương lai nền giáo dục nước nhà khi 11,6% sinh viên ĐHSP có ý định chuyển ngành và 13,7% trong số họ có ý định chuyển trường ?

Rõ ràng, định hướng ngành nghề gắn với việc làm là một trong những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng học tập của sinh viên. Ai cũng biết học tập, với tư cách là một dạng hoạt động đặc thù của con người, chỉ có thể được thực hiện khi con người có được khả năng điều chỉnh những hành động của mình bởi một mục đích tinh thần đã được ý thức. Những nguồn tạo nên tính tích cực học tập của sinh viên có thể là từ bên trong hoặc bên ngoài. Trong đó giá trị xã hội của ngành nghề và định hướng ngành nghề là một nhân tố quan trọng, thúc đẩy việc học nghề, rèn tay nghề, tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp của sinh viên từ khi còn ngồi trên ghế trường đại học.

Theo một số nhà nghiên cứu xã hội, thì vấn đề nghề nghiệp và tìm việc làm đang là mối quan tâm cấp bách và trực tiếp của mọi tầng lớp thanh niên, đặc biệt là ở tầng lớp sinh viên và từ đó chi phối hành vi học tập của họ : 81,2% thanh niên sinh viên trong các trường đại học quan tâm đến vấn đề này (ở thanh niên nông thôn là 63,9%). Tìm hiểu các yếu tố giúp sinh viên thành đạt trong lập nghiệp hiện nay cho thấy : đối với các nhóm thanh niên khác thì giữ vị trí hàng đầu là vốn (62,1%), sau mới đến học vấn (30,5%) ; nhưng đối với sinh viên, vốn của họ chính là học vấn nên học vấn giữ vị trí hàng đầu (51,3%), sau mới đến nghệ thuật kinh doanh (49,9%) và thời cơ (35,2%) [2]. Cơ chế thị trường hiện nay đã tạo cho sinh viên khả năng tự do lựa chọn nghề nghiệp và việc làm lớn hơn trước kia. Đây là nhân tố thuận lợi để sinh viên tích cực, chủ động trong việc chuẩn bị lựa chọn việc làm cho mình, nhưng nó cũng đòi hỏi sinh viên phải phấn đấu hết sức để hoàn thiện năng lực chuyên môn của họ. Sinh viên hiện nay có xu hướng chuẩn bị cho mình giỏi một nghề, biết nhiều nghề, thậm chí cùng một lúc chuẩn bị nhiều nghề để dễ kiếm việc làm.

Trong một loạt hơn 10 yếu tố đưa ra để sinh viên đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới chất lượng học tập của họ, chúng tôi thu được các ý kiến có liên quan đến định hướng ngành nghề như sau :

Yếu tố / Trường	Nỗ lực bản thân	Tìm việc sau tốt nghiệp	Đánh giá của xã hội về ngành	Chế độ chính sách nhà nước chọn nghề
ĐHTH	88,54%	50,62%	24,56%	10,42%
ĐHBK	68,83%	32,74%	22,20%	15,70%
ĐHSP	83,80%	33,70%	16,10%	18,70%

Như vậy, theo đánh giá của sinh viên, yếu tố "tìm việc sau tốt nghiệp" chỉ đứng sau yếu tố "nỗ lực bản thân" và đóng vai trò quan trọng, tác động đến chất lượng học tập của họ. Đặc biệt sinh viên những năm cuối chuẩn bị ra trường đánh giá yếu tố này rất cao : ở ĐHTH là 79,55%, ĐHBK là 45,45% và ĐHSP là 48,4%. Phỏng vấn sâu với sinh viên các năm cuối, chúng tôi tìm thấy cả tác động tích

(2) Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt nam trong điều kiện kinh tế thị trường (Thái Duy Tuyên chủ biên), Nxb Hà nội, 1994, tr 100, 106

Digitized by Google

cực lẫn tiêu cực của yếu tố này đến chất lượng của họ. Với sinh viên khoa học tự nhiên ở ĐHTH, ĐHSP và ĐHBK thì tác động tích cực trội hơn. Ngược lại với sinh viên khoa học xã hội ở ĐHTH và ĐHSP thì tác động tiêu cực lại mạnh hơn. Những thay đổi về thang giá trị xã hội của ngành nghề cũng như chế độ chính sách lương bổng khác nhau đối với nghề được trên 10% sinh viên đánh giá là có tác động tới chất lượng học tập của họ. Như vậy, những chế độ, chính sách lương thích hợp sẽ động viên, thu hút được thanh niên vào các khu vực kinh tế, các lĩnh vực cần phát triển.

Đặc biệt, khi xem xét tương quan giữa kết quả học tập với sự yêu thích ngành đang học của 358 sinh viên ĐHTH, chúng tôi thấy như sau :

Kết quả / Thái độ	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu kém
Thích	2,59%	35,34%	59,90%	2,16%
Không thích	2,50%	30,00%	62,50%	5,00%
Không có ý kiến	2,33%	40,70%	53,49%	3,49%

Rõ ràng, số sinh viên yêu thích ngành học có kết quả học tập khá giỏi nhiều hơn số sinh viên không yêu thích ngành học : 37,93% > 32,50%. Ngược lại số sinh viên không yêu thích ngành học đạt trung bình và yếu kém nhiều hơn số sinh viên thích học : 67,5% > 62,06%. Kết quả học tập thể hiện chất lượng học tập, và có thể nói, nhận thức tình cảm với ngành đang học - một lực đẩy cho việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

Từ quá trình phân tích trên, có thể đi đến kết luận rằng, mối quan hệ qua lại chặt chẽ giữa định hướng ngành nghề và chất lượng học tập của sinh viên hiện nay đã và sẽ tác động lớn không những tới chất lượng chất xám, mà còn tới cơ cấu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Vì vậy, cần phải giải quyết tốt vấn đề này bằng các giải pháp sau :

Thứ nhất, nhà nước cần *ưu tiên đầu tư cho giáo dục và đào tạo* vì đó là sự đầu tư cơ bản và lâu dài cho đất nước phát triển, đồng thời là hướng đầu tư có lợi nhất. Theo con số thống kê, mức chi của nhà nước ta cho giáo dục năm 1990 là 1 đôla/người, trong khi đó ở Trung quốc là 6,5 đôla/người và ở Ấn độ là 11,15 đôla/người. Đến năm 1995, Việt nam mới chỉ có 25 sinh viên/1 vạn dân, trong khi đó ở Thái lan là 70, Phi-lip-pin là 250 và ở Trung quốc là 400 [3]. Không thể không tăng cường đầu tư cho giáo dục nhưng cần theo hướng xã hội hóa giáo dục trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp. Theo tính toán của các chuyên gia, nếu trong những năm tới Nhà nước ta nâng được đầu tư cho giáo dục lên 15% ngân sách, thì trong đó cần dành 40% nguồn đầu tư cho đào tạo đại học và trung học chuyên nghiệp, vì điều đó góp phần *nâng cao chất lượng đào tạo* một bộ phận quan trọng trong việc thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thông qua phát triển khoa học - kỹ thuật.

Thứ hai, nhà nước cần có những *dự báo "cung cầu" về lao động trí thức, lao động khoa học - kỹ thuật* dài hạn và từng thời kỳ. Trước hết cần có những dự báo và thông tin về phần "cầu" của dạng lao động này, căn cứ theo những dự báo phát triển kinh tế - xã hội và phát triển khoa học - kỹ thuật. Người sinh viên cần được biết về những "đơn đặt hàng" của xã hội đối với các trường đào tạo để họ phấn đấu đạt được chất lượng sản phẩm mà xã hội yêu cầu. Vấn đề đặt ra là, nếu sự phát triển xã hội không tương xứng với định hướng ngành nghề, một nhân tố cơ bản để người sinh viên có năng lực tham gia tích cực vào hệ thống sản xuất xã hội, thì sẽ dẫn đến những hậu quả tiêu cực trong hiện thực đời sống, một khi mà tầng lớp có kiến thức lại phải chịu cảnh đứng bên lề của quá trình phát triển xã hội.

Thứ ba, Bộ giáo dục đào tạo cùng các cơ quan, bộ liên ngành cần phối hợp và *chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, đồng thời có những chế độ, chính sách thích hợp* để vừa giữ được sự cân bằng giữa "cung" và "cầu" lao động, vừa đạt được những mục tiêu phát triển ở các vùng, miền, các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Một mặt, cần tăng cường nội dung đào tạo "phần mềm" hướng nghiệp trong các nhà trường phổ thông và tạo nên những dư luận xã hội đúng đắn về các ngành nghề. Mặt khác, cần có chế độ, chính sách lương, thưởng, trợ cấp cụ thể, thiết thực với các loại ngành nghề, khu vực, bảo đảm sự phát triển cần thiết và cân đối của xã hội. Thực tế đã cho thấy, sự thiếu hụt giáo viên tiểu học, cũng như thiếu kỹ sư thực hành và công nhân kỹ thuật cao... hiện nay là hậu quả của sự phát triển ngành nghề một cách tự phát và chạy theo những lợi ích trước mắt. Sẽ là quá muộn, nếu ngay bây giờ chúng ta không bắt tay vào xây dựng một cơ chế, kế hoạch đào tạo và sử dụng chất xám thích hợp. Đừng để ngành nghề chạy từ cực này sang cực khác, để rồi xã hội mất đi những vốn chất xám quý giá trong tay và sau đó lại phải đổ tiền đổ của đào tạo lại từ đầu ❑

(3) Xem *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt nam và các nước trong khu vực*, Nxb Thống kê, Hà nội, 1994, tr 95

Digitized by Google

Vấn đề bảo hộ sản xuất nội địa trong chiến lược kinh tế mở

HỒ TẤN PHONG *

NGÀY nay, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, lực lượng sản xuất của nhân loại ngày càng mang tính chất quốc tế sâu sắc. Nền kinh tế các quốc gia, dù đã phát triển cao hoặc đang phát triển, đều hướng vào nhau, xâm nhập lẫn nhau, tạo nên tình thế vừa cạnh tranh vừa hợp tác. Trong bối cảnh đó, để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã đưa ra quan điểm : "Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả" (1).

Như vậy, vấn đề hội nhập của nền kinh tế nước ta với kinh tế thế giới là tất yếu, và đang trở thành hiện thực, không còn phải thảo luận. Song, vấn đề cần trao đổi là quá trình hội nhập đó sẽ diễn ra như thế nào, mâu thuẫn giữa tự do hóa thương mại với bảo hộ mậu dịch ở nước ta và phương hướng giải quyết ra sao ?

Nhìn lại lịch sử, thì thương mại quốc tế đã phát triển từ rất sớm. Thời kỳ tích lũy nguyên thủy tư bản chủ nghĩa ở các nước Tây Âu cũng là thời kỳ các nước đó phát triển mạnh mẽ về ngoại thương, điển hình như Anh, Tây ban nha, Pháp... Đó là một tiền đề quan trọng cho sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa hình thành và phát triển, là cơ sở kinh tế cho sự ra đời của *chủ nghĩa trọng thương* với những đại biểu lỗi lạc như W. Xtáp-pho, J.B. Côn-be, A. Mông-crê-chiêng, T. Men.

Một quan điểm kinh tế nổi bật của chủ nghĩa trọng thương là yêu cầu nhà nước phải can thiệp vào kinh tế để bảo hộ cho các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, chẳng hạn như việc cấm xuất khẩu nguyên liệu và xuất khẩu lao động lành nghề, đánh thuế cao vào các loại hàng nhập... Khi nền kinh tế hàng hóa chưa lớn mạnh, để thúc đẩy kinh tế đối ngoại (dưới hình thức xuất khẩu) những nhà tư bản thương nghiệp đã từng cầu viện đến nhà nước phong kiến, để nhà nước đứng ra bảo hộ mậu dịch bằng những biện pháp hành chính cứng rắn nhất.

Những thời kỳ phát triển tiếp theo, khi sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa đã thực sự định hình, trở thành hình thức sản xuất thống trị, ngoại thương được mở rộng có cơ sở khoa học hơn : *hai bên cùng có lợi* (thay cho quan điểm *bên được bên mất* của chủ nghĩa trọng thương). Các hình thức kinh tế đối ngoại ngày càng đa dạng ; sự phát triển của các công ty độc quyền quốc tế làm sâu sắc và phức tạp hơn những quan hệ kinh tế thế giới. Đặc biệt, dưới tác động của cách mạng khoa học công nghệ, hiện đang hình thành xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế - các nước đều xây dựng cơ cấu kinh tế mở, hướng ra bên ngoài để tìm những cơ hội phát triển. Tự do hóa thương mại quốc tế đang thực sự trở thành nhu cầu của thời đại.

Tuy nhiên, các nước, ngay cả những nước tư bản phát triển, trong quá trình mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài, vẫn có những biện pháp bảo hộ nền kinh tế nước mình, để *xuất* phải nhiều hơn *nhập*. Thế giới có những "thị trường cứng" như Hàn quốc, Nhật bản... mà hàng hóa bên ngoài khó xâm nhập. Ở những nơi đó, hàng hóa được bảo đảm tiêu thụ không chỉ do hàng nội địa chất lượng tốt, giá rẻ, mà còn do chính sách trợ giá của nhà nước và chủ trương khuyến khích dùng hàng nội địa... Cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Nhật, sức ép thường xuyên của Mỹ đòi Nhật mở thị trường nông sản, thị trường hàng điện tử,... nói lên chính sách bảo hộ cứng rắn đối với hàng nội địa của người Nhật.

* PTS kinh tế, Phó hiệu trưởng Trường đại học đại cương TP Hồ Chí Minh

(1) Báo cáo chính trị của BCH TU Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng

Digitized by Google

Thế giới vận động trong mâu thuẫn vừa quốc tế hóa, vừa khu vực hóa. Xu hướng quốc tế hóa đòi hỏi các quốc gia phải mở cửa hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Nhưng xu hướng khu vực hóa hình thành nên sự co cụm trong những liên kết khu vực, tiểu khu vực, các tam giác kinh tế, v.v. để thuận lợi về đầu tư và lưu thông hàng hóa cho các nước liên kết.

Như vậy, mở cửa, ngay cả xét thuần túy về phương diện kinh tế, cũng không phải là vô điều kiện. Mục tiêu quan trọng nhất của chiến lược mở cửa kinh tế đối ngoại là tạo điều kiện cho sản xuất trong nước phát triển.

Một đặc điểm cơ bản của nền kinh tế hàng hóa ở nước ta là còn trong giai đoạn sơ khai, đang hình thành và kém phát triển. Đặc điểm đó biểu hiện trong phát triển kinh tế đối ngoại là sản xuất hàng hóa ở nước ta chưa đủ sức để cạnh tranh bình đẳng với sản xuất hàng hóa của các nước cũng như của các công ty độc quyền quốc tế. Nghĩa là nền kinh tế bên trong chưa đủ sức để ứng phó với các tình huống kinh tế luôn biến động bên ngoài. Thực tế mấy năm qua, mỗi khi hàng ngoại tràn ngập (dù mới chỉ đa phần là hàng Thái lan hay hàng của các tỉnh phía Nam Trung quốc), nhiều ngành sản xuất nội địa đã điêu đứng. Từ đó, mở cửa phải là một quá trình phấn đấu gian nan của nền kinh tế - phải tạo những điều kiện cần thiết cho sự phát triển một nền kinh tế hàng hóa đang còn non yếu, để từng bước chấp nhận cạnh tranh.

Một trong những điều kiện cần thiết nói trên là phải có một chế độ *bảo hộ mậu dịch hợp lý*. Không có chính sách bảo hộ mậu dịch thì sản xuất trong nước không thể phát triển được. Nhưng bảo hộ không hợp lý, bảo hộ quá mức sẽ tạo ra tính ỷ lại, sự trì trệ của các cơ sở kinh tế trong nước, và đương nhiên cũng không thể phát triển kinh tế với bên ngoài. Mặt khác, cũng không thể và không cần thiết tiến hành bảo hộ với tất cả các ngành sản xuất. Do vậy, điều trước hết là phải xác định đúng những ngành sản xuất nào cần được bảo hộ. Đó là những ngành mũi nhọn có được lợi thế tuyệt đối hay tương đối so với quốc tế, hoặc các ngành có thể sản xuất thay thế nhập khẩu có hiệu quả.

Cái khó đối với nền kinh tế nước ta hiện nay là, chúng ta vẫn chưa có đủ những cơ sở cần thiết cho phép xác định đúng những ngành kinh tế mũi nhọn cần được bảo hộ, trong khi phải chấp nhận một thực tế là nhiều ngành sản xuất ra những sản phẩm kém chất lượng, không có hiệu quả về kinh tế, nhưng lại tạo việc làm cho hàng triệu người lao động. Một chính sách nhập khẩu không đúng, thiếu những biện pháp để kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động này, hoặc không định hướng chính xác cho đầu tư nước ngoài, có thể dẫn tới sự ngưng trệ, phá sản nhiều cơ sở sản xuất, làm gia tăng nạn thất nghiệp vốn đang là vấn đề nan giải của xã hội. Thực tế đó đòi hỏi nhà nước phải thận trọng, cân nhắc trong từng chính sách kinh tế, giải quyết tốt mâu thuẫn giữa bảo hộ mậu dịch với việc tự do hóa thương mại, giữa khuyến khích sản xuất trong nước với yêu cầu thu hút đầu tư từ bên ngoài, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với việc thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội ❑

Của quí

(Tiếp theo trang 52)

thành thứ sâu mọt, thậm chí trở thành kẻ phá hoại, thành "giặc nội xâm".

Làm thế nào để ngăn chặn lòng tham của họ, đưa họ trở về con đường lương thiện ? Nhiều người nêu ý kiến phải kiểm tra, giám sát, quản lý thật chặt chẽ, *đồng thời*, phải xử phạt thật nặng bao gồm hình phạt kinh tế, phạt tù và tử hình, quyết không nương nhẹ, bỏ qua cho bất cứ ai vi phạm. Rất đúng như vậy. Phải quản lý chặt chẽ và trừng phạt thật nặng thì mới đủ sức răn đe. Nhưng xin chớ coi nhẹ *việc giáo dục và giáo dục* ! Phải tăng cường giáo dục để thức tỉnh ý thức về lẽ phải trái, về nghĩa vụ, danh dự và lòng tự trọng vốn tiềm ẩn trong mỗi con người của họ. Phải đem đến cho họ những gương sáng về sự liêm khiết của đồng bào, đồng chí, đồng sự trong cả nước hôm nay ; và cả gương sáng của người xưa như gương Tử Hãn đã dẫn ở đoạn đầu.

Giáo dục tốt và thường xuyên, sẽ làm cho một bộ phận cán bộ, nhân viên thoái hóa, dần dần có được quan niệm đúng về CỦA QUÝ, để tự mình điều chỉnh hành vi, trước khi pháp luật phải ra tay điều chỉnh ❑

Digitized by Google

CỦA QUÝ !

TĂNG ĐỖ

VÂNG ! Nó thực là của quý, nếu ta quan niệm đúng. Còn ngược lại thì...

Chuyện xưa kể rằng : Tử Hãn là một viên quan nổi tiếng thanh liêm của nước Tàu, đời Tống. Một hôm, có anh trai cày tình cờ đào được viên ngọc quý, liền đem đến biếu ông. Ông chối từ, nhưng anh ta nài nỉ : "Xin ngài nhận cho. Viên ngọc này con đã đưa nhờ thợ ngọc xem hộ, họ công nhận là viên ngọc quý. Con là dân thường mà dùng vật quý thì không tránh khỏi bị hại đến thân, nên con thành kính dâng quan".

Tử Hãn nói : "Ngươi cho ngọc này là của quý, nhưng ta, ta lại cho sự liêm khiết không tham của người mới là của quý. Nếu ta nhận viên ngọc này của ngươi thì của quý của ngươi bị mất mà của quý của ta cũng không còn. Âu là ngươi cứ đem về, ai giữ lấy của quý người đó, thế chẳng hơn ư ?".

Thấy anh trai cày vẫn băn khoăn lo ngại, quan bèn sai lính mang ngọc ra chợ bán lấy tiền, rồi trao cả cho anh ta, để anh mang về làm giàu cho tiện. Nhờ thế anh được đổi đời.

Tác giả Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân khi đưa chuyện kể này vào sách *Cổ học tinh hoa* có lời bình rằng : "... Kẻ dâng ngọc chỉ biết ngọc là báu, nhưng người không nhận ngọc lại cho thanh liêm mới là báu. Làm quan mà ai cũng có tính nhất quyết không nhận lễ vật của dân như Tử Hãn, lại có trí hiểu được nguyện vọng của dân như Tử Hãn, có bụng che chở gây dựng cho dân như Tử Hãn nói trong truyện này, thì dân nào chẳng kính, chẳng trọng, chẳng yêu quan như cha mẹ...".

Thật vậy. Ngày nay ở nước ta, không ít cán bộ hết lòng phục vụ nhân dân, noi gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của Bác Hồ, không tham vật chất, không nhận hối lộ, sống giản dị gần dân, nên được dân yêu thương, kính trọng, ngợi ca. Trong số họ, có người là nhân viên ngân hàng thấy khách hàng nộp tiền thừa đến hàng chục triệu, đã kịp thời thông báo trả lại cho khách không thiếu một đồng. Có người là nhân viên hải quan, phát hiện hàng lậu với khối lượng lớn đã kiên quyết bắt giữ, xử trí theo pháp luật, mà nhất định không nhận 5 - 6 cây vàng của chủ hàng đưa biếu để hòng chạy tội. Cảm động biết bao, có giáo viên nghèo, đồng lương ít, vợ ốm con đau, nhưng nhặt được của rơi hàng năm bảy triệu, đã đem đến đồn công an nhờ tìm trả cho người bị mất. Những người như vậy không phải họ "hâm", họ "khốt", không biết giá trị của tiền bạc của cải trong thời kinh tế thị trường. Mà vì, họ biết coi tư cách, danh dự của cá nhân là thứ của quý, còn quý hơn tiền bạc. Họ thuộc lớp người "giàu sang không quyến rũ", vừa kế thừa truyền thống trọng nghĩa khinh tài của người xưa, vừa thể hiện lối sống trong sạch của con người mới.

Đáng trách, trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước của ta hôm nay vẫn còn không ít người miệng thì nói chí công vô tư, nhưng lòng thì tham không đáy. Họ tối mắt tối mũi trước tiền tài. Họ thích đục khoét, vơ vét của công, và móc túi không thương xót đối với đương sự. Họ chẳng những không che chở, gây dựng cho ai, mà khi ai có việc phải nhờ đến họ giải quyết thì họ tìm cách đặt giá, gợi đưa, gợi nộp ; không thực hiện "cơ chế đút túi" là không xong với họ. Táng tận hơn, có kẻ được phân công đi điều tra vụ án, không lập hồ sơ theo sự việc diễn biến mà theo phong bì nặng nhẹ. Được phân công ngồi ghế quan tòa, không xét xử theo hình luật mà theo lễ vật của người phạm tội. Có kẻ khoác áo "lương y - từ mẫu", nhưng trong nhiều trường hợp lại thành "máy chém" bệnh nhân !

Những kẻ như vậy, tuy mang những chức danh đẹp đẽ như viên chức, nhân viên, cán bộ v.v. nhưng phẩm chất đạo đức thì đã rơi xuống dưới điểm không (- 0). Họ chẳng những không được nhân dân tâm phục, khẩu phục, kính trọng, mến yêu, mà còn bị mọi người khinh ghét.

Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta đã lên án mạnh mẽ tệ tham nhũng, hối lộ còn tồn tại phổ biến trong các doanh nghiệp cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và tổ chức xã hội. Những kẻ đang tâm ăn cắp của công, nhận của đút lót, đã làm thiệt hại đến lợi ích kinh tế của đất nước, làm giảm sút lòng tin của nhân dân. Họ trở

(Xem tiếp trang 51)

Digitized by Google

BÀI BÁO CỦA BÁC HỒ VIẾT VỀ GIỮ BÍ MẬT CỦA NHÀ NƯỚC

SONG HÀ
(Sưu tầm, giới thiệu)

Cách đây hơn 40 năm, ngày 1-2-1956 trên báo ***Nhân dân****, với bút danh CB, Bác Hồ đã viết bài báo nhan đề :* ***"Phải giữ bí mật của nhà nước"****.*

Với lời lẽ mộc mạc, giản dị, dễ hiểu, bài báo đã có tác dụng giáo dục sâu sắc cán bộ, đảng viên và nhân dân ta ; chỉ đạo cụ thể, thiết thực công tác giữ gìn bí mật của chúng ta.

Ngày nay, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đã giành được những thành tựu to lớn, quan trọng, nhưng đất nước ta cũng đang đứng trước những nguy cơ, thử thách. Các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, trong đó có cả việc chúng tìm cách khai thác những bí mật của ta. Vì vậy, cùng với việc đẩy mạnh công cuộc đổi mới, mở cửa, chúng ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chú ý giữ gìn bí mật của quốc gia, làm thất bại các âm mưu đen tối của các thế lực thù địch.

Để giúp bạn đọc hiểu rõ thêm nội dung và tầm quan trọng của công việc này, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài báo nói trên của Bác Hồ.

"PHẢI GIỮ BÍ MẬT CỦA NHÀ NƯỚC".

Người thường ai cũng có cái ví đựng tiền. Nhà nào cũng có cửa, có buồng, có hòm, có khóa để ngăn ngừa kẻ gian giảo, để giữ gìn của cải do mình khó nhọc làm ra.

Giữ nhà phải cẩn thận như vậy. Giữ nước càng phải cẩn thận hơn. Những văn kiện bí mật của nhà nước quan hệ trực tiếp đến vận mệnh của toàn dân, đến sự mất còn của dân tộc. Cho nên giữ bí mật của nhà nước là nhiệm vụ của toàn dân, đặc biệt là nhiệm vụ của cán bộ các cơ quan, các đoàn thể.

Muốn phá hoại ta về mọi mặt, kẻ địch dùng mọi thủ đoạn đê hèn để đánh cắp văn kiện bí mật của ta về chính trị, kinh tế, quốc phòng... Khẩu hiệu của kẻ địch là : "lấy được bất kỳ tình báo gì và dù là chút ít cũng là quý".

Nói chung, cán bộ ta được những năm kháng chiến huấn luyện đã biết giữ bí mật. Nhưng cũng còn nhiều cán bộ lơ là và xem nhẹ việc ấy. Nhiều cán bộ còn phạm khuyết điểm :

- Không cẩn thận trong việc viết, in, gửi, quản lý và kiểm tra văn kiện bí mật.

- Mang văn kiện bí mật về nhà xem. Xem văn kiện bí mật ở chỗ đông người. Ghi chép những việc bí mật vào sổ tay thường của mình.

- Hay ba hoa, đưa việc bí mật nói với vợ con, bầu bạn...

- Ở quán cơm, rạp hát, công viên, tiệm hớt tóc... cũng đưa chuyện trong cơ quan ra nói.

- Khi viết thư riêng, hoặc viết bài cho báo chí cũng nói đến việc bí mật ...

Như thế là các cán bộ đó đã vô tình mà giúp cho địch.

Cũng có một số ít người, vì lập trường không vững, chí khí ươn hèn, bị tiền tài, ăn uống, gái đẹp quyến rũ mà sa vào cạm bẫy của địch, tiết lộ bí mật cho địch.

... Giữ bí mật của nhà nước là một bộ phận trong cuộc đấu tranh với địch. Đó là một vấn đề chính trị quan trọng. Chính phủ ta đã có pháp luật về việc ấy. Các cơ quan và các đoàn thể cần phải xem trọng giáo dục, nghiêm chỉnh chấp hành và thường xuyên kiểm tra việc ấy.

Cũng như mọi công việc khác, việc phòng gian bảo mật cần phải dựa vào lòng yêu nước và lực lượng của nhân dân. Chúng ta phải tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu thấu, để nhân dân giúp sức vào công việc này.

CB.

Digitized by Google

NHỮNG BIỂU HIỆN MỚI TRONG QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC Ở ĐÔNG - NAM Á

NGUYỄN HỮU CÁT *

VỚI những thay đổi to lớn của thế giới và khu vực, từ cuối thập kỷ 80 đã dần dần xuất hiện những quan hệ mới giữa các nước ở Đông - Nam Á.

1 - Các nước Đông - Nam Á đều mong muốn có hòa bình, ổn định ở khu vực ; và nguyện vọng này chắc chắn sẽ trở thành xu hướng phát triển bền vững không thể đảo ngược trong những thập kỷ tới. Một trong những cơ sở bảo đảm cho xu hướng này là các cường quốc như Mỹ, Trung quốc, Liên bang Nga đã đi tới đối thoại và hợp tác với nhau giải quyết các vấn đề khu vực ; quan hệ giữa Việt nam và Mỹ, Việt nam và Trung quốc... đã bước sang một thời kỳ mới : hợp tác, đấu tranh, cùng phát triển.

Về phía các nước trong khu vực, với việc Việt nam gia nhập ASEAN tháng 7 năm 1995 và hai nước Lào, Cam-pu-chia trở thành quan sát viên của ASEAN đã chứng tỏ quan hệ Đông dương - ASEAN có chuyển biến quan trọng về chất : từ đối đầu sang đối thoại, cùng tồn tại hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác các bên cùng có lợi. Biểu hiện rõ nhất của mối quan hệ ấy là các cường quốc cũng như các quốc gia trong khu vực đều chấp nhận một nguyên tắc chung là giải quyết các bất đồng trong khu vực không phải bằng vũ lực mà bằng các biện pháp thương lượng hòa bình. Việc cùng nhau giải quyết cuộc khủng hoảng ở Cam-pu-chia, giải quyết các vấn đề tranh chấp ở biển Đông hiện nay bằng nhiều hình thức diễn đàn, đã chứng tỏ nguyên tắc trên được tôn trọng. Ngoài ra, tất cả các quốc gia Đông - Nam Á bao gồm 7 nước ASEAN (Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Thái lan, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Việt nam) và ba nước quan sát viên (Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma) đã ký thỏa thuận thừa nhận Hiệp ước Ba li với nội dung chính là cùng tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các dân tộc : mọi quốc gia có quyền độc lập tự chủ, không có sự can thiệp, lật đổ hoặc cưỡng ép của bên ngoài ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau ; giải quyết bất đồng hoặc tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình ; không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực ; hợp tác với nhau một cách có hiệu quả.

Hòa bình, ổn định ở khu vực Đông - Nam Á không chỉ được các quốc gia trong khu vực cam kết thực hiện mà nó còn được các nước lớn, các quốc gia ngoài khu vực đồng tình, ủng hộ. Diễn đàn an ninh khu vực (ARF) do tổ chức ASEAN khởi xướng và lãnh đạo mà cuộc họp đầu tiên vào tháng 7 - 1994 đã có 18 quốc gia như Mỹ, Nhật bản, Trung quốc, Nga, Pháp, Tây ban nha, Ô-xtơ-rê-li-a, Hàn quốc, Ấn độ... tham gia. Qua hai hội nghị (ARF_1, ARF_2), lộ trình đi tới sự hợp tác an ninh cho Đông - Nam Á nói riêng, châu Á - Thái bình dương nói chung là sáng sủa và có nhiều triển vọng. Cuộc gặp cấp cao giữa Liên minh châu Âu (EU) với ASEAN năm 1995 vừa qua cũng là dấu hiệu đầu tiên cho thấy sự liên kết Âu - Á trong tương lai trên nhiều lĩnh vực mà hòa bình, an ninh cho khu vực Đông - Nam Á là một chủ đề quan trọng.

Những vấn đề nêu trên đây chứng tỏ các quốc gia Đông - Nam Á muốn bảo đảm hòa bình và ổn định trong khu vực từ hai phía : *Thứ nhất*, các quốc gia trong khu vực trên cơ sở độc lập tự chủ, giữ cân bằng với các nước lớn bằng các hình thức đối thoại, thương thuyết, đàm phán để cùng tôn trọng, bảo đảm hòa bình và ổn định

* PTS, Khoa Quan hệ quốc tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

cho khu vực. *Thứ hai*, các quốc gia trong khu vực cam kết cùng nhau giữ gìn hòa bình và ổn định.

2 - Trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đặt ra những thời cơ và thách thức lớn, các quốc gia Đông - Nam Á đều tập trung ưu tiên phát triển kinh tế. Những đường lối, chủ trương chính sách kinh tế sát hợp, đúng đắn đã đem lại thành quả kinh tế rất cao cho toàn khu vực. Những năm gần đây, trong khi nền kinh tế các nước công nghiệp phát triển bị ngưng trệ, gặp nhiều khó khăn, thì nền kinh tế ASEAN vẫn tiếp tục phát triển : tăng trưởng GDP bình quân toàn Hiệp hội năm 1994 là 7,4% ; năm 1995 là 7,5% (trong khi mức tăng bình quân toàn thế giới là 2 - 3%). Về doanh số thương mại, ASEAN đứng sau ba trung tâm lớn là Mỹ, EU và Nhật bản. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của ASEAN năm 1995 đạt 14,950 tỉ USD. Kim ngạch buôn bán toàn khối năm 1994 đạt 91,5 tỉ USD, tăng 43% so với năm 1993. Nền kinh tế ASEAN đang có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng : ngành công nghiệp (đặc biệt là công nghiệp chế tạo) và dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong GDP. Sự thành công trong phát triển của kinh tế ASEAN được đánh giá cao. Năm 1994, Thông báo về sự cạnh tranh trên thế giới (World Competitiveness Report) đã xếp khả năng cạnh tranh của một số nước ASEAN so với các nước khác trên thế giới như sau : Xin-ga-po được 94,9 điểm, đứng thứ hai sau Mỹ ; Ma-lai-xi-a được 70,8 điểm, đứng thứ 17 ; và Thái lan được 62,3 điểm, đứng thứ 23.

Những nước khác trong khu vực Đông - Nam Á như Việt nam, Lào đã thực hiện chính sách đổi mới khá thành công. Nhịp độ tăng GDP bình quân của Việt nam thời kỳ 1991 - 1995 là 8,2%/năm, trong đó ngành công nghiệp tăng 13,5%/năm và sản xuất nông nghiệp tăng 4,5%/năm, với sản lượng lương thực năm 1995 là 27,5 triệu tấn. Trên lĩnh vực tài chính tiền tệ, Việt nam đã kiềm chế và từng bước đẩy lùi nạn lạm phát từ mức 774,7% năm 1986 xuống còn 67% năm 1990 và 12,7% năm 1995. Trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, Việt nam cũng đạt được thành tựu quan trọng. Tính đến tháng 5 năm 1996 các nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư vào Việt nam 21,5 tỉ USD, trong đó 30% số đầu tư đã được thực hiện. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong cả nước năm 1995 đạt 11 tỉ USD, tăng gần 40% so với năm 1994. Cam-pu-chia đang tìm mọi cách tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế để phát triển đất nước. Mi-an-ma sau nhiều năm thực hiện chính sách đóng cửa, nay đã có sự chuyển hướng thực hiện chính sách mở cửa, hợp tác với nước ngoài.

Sự liên kết khu vực nói chung, kinh tế nói riêng ở Đông - Nam Á đã được hình thành khá sớm. Có thể chia thành các thời kỳ sau :

1) Sự xuất hiện hai tổ chức hợp tác đầu tiên : Hội Đông - Nam Á (ASA) năm 1961 và tổ chức MAPHILINDO (tên viết tắt của ba nước Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a) năm 1963.

2) Sau khi ASEAN ra đời và vượt qua thời kỳ khó khăn ban đầu về kinh tế (1967 - 1976) họ đã có một số chương trình hợp tác kinh tế là : chương trình ưu đãi thuế quan (PTA) năm 1977 ; ba dự án công nghiệp : các dự án công nghiệp ASEAN (AIP) ; các liên doanh công nghiệp ASEAN (AIJV) ; các dự án bổ sung công nghiệp ASEAN (AIC). Tất cả những chương trình trên mặc dù phong phú, đa dạng nhưng hiệu quả còn thấp.

3) Để nâng cao hiệu quả trong hợp tác kinh tế của các quốc gia trong Hiệp hội, tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ tư tổ chức ở Xin-ga-po tháng 1 - 1992, các nước ASEAN đã quyết định thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN (ASEAN Free Trade Area - AFTA) mà cốt lõi của việc tự do hóa thương mại là thực hiện chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (Common Effective Preferential Tariff - CEPT). Mặc dù mới ở giai đoạn đầu nhưng có thể nhận định rằng AFTA và CEPT là kết quả của một quá trình tìm tòi của nhiều phương án hợp tác kinh tế khác nhau của ASEAN nên nó có nhiều triển vọng và tính khả thi.

Tuy xuất phát điểm của nền kinh tế, thể chế chính trị, hoàn cảnh của các nước Đông - Nam Á khác nhau, nhưng giữa các quốc gia đã có sự hợp tác kinh tế. Bước đầu có thể rút ra một số đặc trưng tiêu biểu :

Digitized by Google

Thứ nhất, hợp tác kinh tế của các nước mang tính bổ sung và phụ thuộc vào nhau. Đặc trưng này được quy định trước tiên bởi các quốc gia trên thế giới nói chung, trong khu vực nói riêng không kể giàu hay nghèo, lớn hay nhỏ, đều thực hiện chính sách mở cửa để khai thác những tiềm năng, nguồn lực của thế giới nhằm phát triển đất nước. Do sự phát triển khá chênh lệch về kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực nên sự bổ sung cho nhau khi hợp tác được thể hiện trên hai khía cạnh : những nước có nền kinh tế phát triển, đã thành công trong quá trình công nghiệp hóa như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái lan... thì giúp đỡ, hỗ trợ về vốn đầu tư, trình độ công nghệ, phương pháp quản lý, đào tạo cán bộ... cho các nước nền kinh tế còn ở trình độ thấp. Còn những nước nghèo có thể đáp ứng về nguyên, nhiên vật liệu, lao động, thị trường tiêu thụ và tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng sự hợp tác có thể sẽ dẫn tới sự đan xen, lệ thuộc vào nhau. Sự lệ thuộc, xâm nhập này diễn ra ở nhiều cấp độ : cơ sở, các ngành kinh tế, cấp quốc gia và quốc tế. Mức độ xâm nhập càng lớn thì mức độ lệ thuộc càng nhiều . Vì thế sự liên kết này có tính hai mặt : *một mặt*, thúc đẩy quá trình phát triển ; *mặt khác*, làm biến dạng, thậm chí có khi gây rối loạn cho nền kinh tế. Do đó phải đẩy mạnh liên kết kinh tế nhưng cũng luôn đề phòng tác động tiêu cực của nó. Để khắc phục những tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình liên kết, cần phải có phương án tối ưu nhằm sử dụng tốt về vốn, kỹ thuật do nước ngoài cung cấp, đồng thời nêu cao ý thức độc lập, tự chủ, phát huy yếu tố trong nước để tránh lệ thuộc, bị động khi liên kết.

Thứ hai, trong quá trình liên kết xuất hiện các tam giác tăng trưởng kinh tế đa quốc gia trong khu vực. Năm 1989 tam giác tăng trưởng kinh tế đầu tiên được xác lập bao gồm Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a, sau đó các tam giác khác lần lượt ra đời như : miền tây Ma-lai-xi-a, nam Thái lan và vùng Xu-ma-tơ-ra phía bắc In-đô-nê-xi-a ; đông Ma-lai-xi-a, Bru-nây và Ka-li-man-tan. Gần đây, theo sáng kiến của *Ngân hàng phát triển châu Á* (ADB) và *Ủy ban sông Mê công* (gồm Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái lan, Mi-an-ma, tỉnh Vân nam Trung quốc), một kế hoạch với số vốn 7 tỉ USD cho 70 hạng mục công trình nhằm khai thác tiềm năng của sông Mê công, xây dựng tuyến giao thông qua ba nước Việt nam, Lào, Thái lan đã được phác thảo. Phát triển những tam giác này sẽ khai thác được thế mạnh của mỗi khu vực. Chẳng hạn, giữa ba nước Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a thì Xin-ga-po có nguồn nhân lực chất lượng cao và cơ sở hạ tầng tốt. Ma-lai-xi-a có đất đai rộng và lao động tay nghề loại trung bình, còn In-đô-nê-xi-a có nhiều tài nguyên và lao động rẻ.

Thứ ba, liên kết chặt chẽ trong khu vực để thúc đẩy, tạo điều kiện mở cửa ra thế giới bên ngoài. Hiện nay và sắp tới, khu vực mậu dịch tự do (AFTA) sẽ là nòng cốt cho sự hợp tác ở Đông - Nam Á. Với một khu vực kinh tế có tốc độ phát triển cao, một thị trường rộng lớn gần 500 triệu dân, sự liên kết kinh tế sẽ góp phần tạo thế cho các quốc gia hội nhập vào khu vực kinh tế lớn hơn như APEC và tham gia WTO. Ngoài ra nó sẽ từng bước tạo ra sự cân bằng trong quan hệ với các khu vực kinh tế khác như EU, NAFTA, Đông - Bắc Á.

3 - Mặc dù có nhiều khác biệt về thể chế chính trị, về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội... nhưng các quốc gia trong khu vực đều có nguyện vọng chung là được tập hợp thành một tổ chức mà nòng cốt là ASEAN. Việc Việt nam gia nhập ASEAN (tháng 7 - 1995) và các nước khác trong khu vực trở thành quan sát viên của tổ chức này cho thấy đây là một sự kiện, một mô hình hoàn toàn mới mẻ. Nếu so sánh với các khu vực khác thì thấy rõ các nước thành viên EU cùng một thể chế chính trị và tương đối đồng đều về kinh tế ; trong ba nước thành viên NAFTA, tuy Mê-hi-cô kém Mỹ và Ca-na-đa về kinh tế nhưng lại cùng thể chế chính trị. Việc hội nhập ASEAN với Việt nam, một nước trình độ kinh tế còn thua kém các nước ASEAN khác lại không cùng thể chế chính trị, đã chứng tỏ tính đa dạng nhưng thống nhất của thế giới ngày nay ❑

Digitized by Google

VỀ CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ QUỐC GIA MỚI CỦA MỸ

TRẦN BÁ KHOA *

BƯỚC sang thời kỳ mới sau chiến tranh lạnh, nước Mỹ dưới thời các tổng thống Bu-sơ (1989 - 1991) và Bin Clin-tơn hiện nay đã liên tiếp công bố nhiều văn kiện chiến lược quốc gia mang tính kế thừa, phát triển và bổ sung cho nhau. Theo Mỹ, chiến lược gồm các yếu tố tạo thành mối đe dọa, mục tiêu, nhiệm vụ (có các phương án tác chiến chiến lược) và phương tiện. Một chiến lược quốc gia được xem là đúng đắn khi kết hợp tài tình được mục tiêu, nhiệm vụ và phương tiện (tài nguyên đất nước và lực lượng vũ trang) để chiến thắng đối thủ với phương án tối ưu.

Kể từ 1993, chính quyền Bin Clin-tơn đã công bố 6 văn kiện chiến lược quốc gia : Duyệt xét từ cơ sở, duyệt xét vị thế hạt nhân (1993), 2 văn bản chiến lược an ninh quốc gia (1994 và 1996), chiến lược an ninh đối với Đông Á - Thái bình dương (1995), chiến lược an ninh đối với châu Âu, Bắc Âu (1995) và "chiến lược quân sự quốc gia dính líu linh hoạt và có chọn lọc" (5/1995). Ngoài ra, Bộ quốc phòng và Bộ tham mưu liên quân đệ trình Báo cáo quốc phòng và Báo cáo vị thế quân sự hàng năm lên Tổng thống và Quốc hội.

Căn cứ vào các văn kiện chiến lược trên, chủ yếu là chiến lược quân sự quốc gia mới, có thể thấy một số điểm nổi bật sau :

1 - *Xác định vị trí, vai trò lãnh đạo của Mỹ đối với thế giới thời kỳ mới.*

Theo truyền thống chính trị lâu đời, ở Mỹ thường xuyên diễn ra cuộc đấu tranh giữa 2 xu thế đại biểu cho 2 trường phái trong nội bộ : *phái quốc tế* chủ trương Mỹ tích cực đóng vai trò lãnh đạo toàn thế giới, có sứ mệnh truyền bá các giá trị dân chủ tự do tư sản Mỹ ; và *phái biệt lập* đòi Mỹ giảm bớt hoặc ngừng vai trò sen đầm quốc tế để tập trung tài lực lớn hơn giải quyết các vấn đề đối nội. Các thành viên của phái "biệt lập mới" tập trung nhiều hơn trong đảng *Cộng hòa* là đảng chiếm đa số tại 2 viện của quốc hội.

Do bối cảnh chiến lược quốc tế đã thay đổi cơ bản và các mối đe dọa đối với các lợi ích và an ninh của Mỹ trong tình hình mới cũng thay đổi cơ bản, Mỹ cho rằng thay cho nguy cơ chạy đua hạt nhân và chiến tranh hạt nhân hủy diệt giữa Xô - Mỹ trước đây là mối đe dọa "hết sức đa dạng, rộng khắp, bấp bênh". Chiến lược quân sự quốc gia mới của Mỹ phải đối mặt với *4 nguy cơ chủ yếu* : sự mất ổn định khu vực ; việc phổ biến vũ khí giết người hàng loạt ; các nguy cơ xuyên quốc gia ; nguy cơ của sự đảo ngược quá trình "dân chủ hóa" tại các nước Liên xô, Đông Âu cũ và các nơi khác.

Ngay khi mới lên cầm quyền, Bin Clin-tơn đã nêu rõ, Mỹ phải thi hành vai trò lãnh đạo toàn thế giới, thực hiện *3 mục tiêu chiến lược* : xây dựng lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới và dính líu có hiệu quả rộng khắp toàn thế giới ; thúc đẩy kinh tế Mỹ phát triển năng động, duy trì địa vị siêu cường về kinh tế ; và ra sức mở rộng cộng đồng các quốc gia dân chủ với nền kinh tế thị trường khắp toàn cầu. Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu trên, đẩy lùi các nguy cơ, nắm bắt thời cơ lớn, chiến lược quân sự mới của Mỹ chủ trương "dính líu linh hoạt và có chọn lọc", tham dự vào hàng loạt hoạt động rộng khắp nhằm giúp định hình một trật tự quốc tế mới do Mỹ chủ đạo khi bước vào thế kỷ tới.

2 - *Tư duy chiến lược mới, nhiệm vụ mới*

Do nguy cơ, thách thức đối với nền quốc phòng của các nước không phải chỉ xuất phát từ hành động quân sự, mà còn từ các hành động phi quân sự, dưới mức chiến tranh. Để ngăn chặn, đẩy lùi các nguy cơ cũ và mới, hiện nay và trong tương lai, chiến lược quốc phòng và chiến lược quân sự mới của Mỹ được xây dựng trên ba

* Đại tá, Viện chiến lược quân sự, Bộ quốc phòng

Digitized by Google

hướng : *Hướng thứ nhất* là phác thảo các chương trình cụ thể để phòng ngừa các nguy cơ tiềm tàng trở thành các nguy cơ thực sự đối với lợi ích an ninh của Mỹ và liên minh. *Hướng thứ hai*, nếu những nguy cơ này xuất hiện, Mỹ duy trì lực lượng quân sự hùng mạnh để ngăn chặn không cho những nguy cơ đó trở thành các cuộc xung đột quân sự. *Hướng thứ ba*, nếu các nguy cơ đó trở thành các cuộc xung đột quân sự gây nguy hại tới lợi ích của Mỹ thì Mỹ sẽ sử dụng lực lượng quân sự đánh thắng. Đây không phải là khái niệm hoàn toàn mới trong tư duy chiến lược của Mỹ, nhưng trong tình hình mới, điểm nhấn mạnh đã thay đổi. Nền quốc phòng và chiến lược quân sự quốc gia mới nhấn mạnh hơn tính chất *phòng ngừa* vì rằng "cơ hội phòng ngừa những điều kiện xung đột đã lớn hơn và tạo ra triển vọng hòa bình" (phát biểu của Uy-li-am Pe-ry, Bộ trưởng quốc phòng Mỹ đầu tháng 4/1996 ở Ai cập).

Do mối đe dọa khác trước, nên nhiệm vụ của lực lượng vũ trang và của chiến lược quân sự cũng có sự đổi mới, bổ sung.

Chiến lược quân sự quốc gia mới của Mỹ quy định việc phòng chống các mối đe dọa đối với lợi ích của Mỹ, đòi hỏi việc sử dụng các khả năng quân sự thích hợp đồng thời với những thành tố khác của sức mạnh quốc gia như kinh tế, ngoại giao, tin học. Lực lượng quân sự Mỹ phải hoàn thành *ba loại nhiệm vụ* để thúc đẩy sự ổn định và ngăn chặn xâm lược. Ba loại nhiệm vụ đó cũng là ba bộ phận cấu thành chiến lược quân sự : *dính líu thời bình ; răn đe và phòng ngừa xung đột ; chiến đấu và chiến thắng các cuộc chiến tranh.*

Nhiệm vụ mới bổ sung thêm là *dính líu thời bình*, bao gồm hàng loạt các hoạt động phi chiến đấu do lực lượng vũ trang tiến hành như : tiếp xúc giữa các quân nhân với nhau, hoạt động hỗ trợ cho một nước bạn khác như diễn tập quân sự nhiều bên, hai bên, hoạt động phối hợp quân - dân sự, tình báo, chia sẻ thông tin, chi viện hậu cần, viện trợ an ninh, chiến dịch nhân đạo, chống khủng bố và chống buôn lậu ma túy, giữ gìn hòa bình.

Hai nhiệm vụ cuối đã được xác định cụ thể.

Quán triệt nhiệm vụ mới, điều lệnh tác chiến FM 100-5 (6/1993) của quân Mỹ bổ sung thêm một nguyên tắc nền tảng mới : *đa năng* ; và chương trình quốc phòng Mỹ có thêm mục "nền quốc phòng với những biện pháp khác".

Ngoài lĩnh vực tác chiến thông thường, các đơn vị lục quân Mỹ ngày nay phải tiến hành các hoạt động phi quân sự, hoạt động "khác với chiến tranh" và tham gia nhiều hoạt động không chiến đấu trong thời bình.

Tư duy chiến lược mới còn thể hiện ở quan niệm mới về sự *có mặt hải ngoại* và sự *tung phóng lực lượng đáng tin cậy*. Sự có mặt hải ngoại biểu hiện dưới hai hình thức : lực lượng bố trí phía trước một cách thường trực và lực lượng tạm thời triển khai từng thời gian. Với lực lượng nhỏ hơn triển khai ở hải ngoại, việc xây dựng một lực lượng sẵn sàng tung phóng ra nước ngoài bổ sung cho lực lượng Mỹ thường xuyên đóng ở hải ngoại, tạo ra tiền đề cho các nhà đương cục Mỹ linh hoạt hơn trong việc sử dụng lực lượng quân sự và nâng cao khả năng răn đe đối với các đối thủ tiềm tàng.

3 - *Xây dựng lực lượng quân sự "hùng mạnh và linh hoạt", tăng cường "hiện đại hóa một cách có chọn lọc"*

Trong quá trình cắt giảm dần dần, lực lượng vũ trang Mỹ có quy mô nhỏ hơn, nhưng được cơ cấu lại, được tăng cường và hiện đại hóa một cách có chọn lọc, đảm bảo đủ sức thực hiện chiến lược quân sự mới và sẵn sàng đáp ứng mọi thách thức đặt ra trước nước Mỹ trong giai đoạn mới.

- Về lực lượng thông thường, đến năm 1999 lực lượng Mỹ duy trì cố định ở mức 1,445 triệu quân (hiện nay 1,53 triệu), gồm 10 sư đoàn lục quân, 346 tàu hải quân, 3 sư đoàn lính thủy đánh bộ, 13 liên đội máy bay chiến đấu.

- Tiếp tục duy trì sức mạnh hạt nhân chiến lược với quân số thường trực 5,3 vạn, 450 - 500 quả tên lửa đạn đạo vượt đại châu, 86 máy bay ném bom chiến lược, 14 tàu ngầm hạt nhân mang tên lửa đạn đạo chiến lược, và khoảng 3 000 - 3 500 đầu đạn hạt nhân.

- Nhấn mạnh nỗ lực giữ vị trí hàng đầu về hàng không vũ trụ đáp ứng các hoạt động trong thời bình và thời chiến.

- Hiện đại hóa hải - lục - không quân, thủy quân đánh bộ theo xu thế tác chiến trong điều kiện chiến tranh thông tin vào đầu thế kỷ tới.

Digitized by Google

Yêu cầu chung là quân Mỹ phải được huấn luyện tốt nhất, có phẩm chất tốt nhất, vũ khí trang bị tốt nhất, sẵn sàng chiến đấu tốt nhất. Các quân binh chủng đều phát triển có trọng điểm những vũ khí, thiết bị mới cho thế kỷ tới. Riêng lục quân đang xúc tiến xây dựng "hệ thống thông tin số tự động" hoàn thành vào năm 2010 (từ 1997 đến 1998 xây dựng xong sư đoàn tự động hóa thông tin số, sau đó xây dựng các quân đoàn tự động hóa thông tin số).

- Tích cực chuẩn bị lực lượng vũ khí, trang bị, chiến trường, sẵn sàng thực hiện 3 phương án tác chiến chiến lược khác nhau :

Một là đối phó với 2 cuộc xung đột khu vực quy mô lớn có thể xảy ra gần như đồng thời. Trong phương án này, thời kỳ đầu chiến tranh Mỹ sẽ đưa vào sử dụng 40 vạn quân, 5 sư đoàn lục quân, 10 liên đội không quân chiến thuật, hơn 100 máy bay ném bom chiến lược, 4 - 5 biên đội tàu sân bay, 1 - 2 sư đoàn lính thủy đánh bộ và lực lượng đặc biệt.

Hai là đối phó với xung đột quy mô nhỏ (cưỡng chế hòa bình), trong thời kỳ đầu sử dụng 5 vạn quân (3 sư đoàn lục quân, 1 - 2 biên đội tàu sân bay, 1 lữ đoàn lính thủy đánh bộ).

Ba là đối phó với nguy cơ mang tính toàn cầu như tiến hành răn đe hạt nhân hoặc chiến tranh hạt nhân. Đến năm 2003 quân Mỹ sẽ còn 3000 - 3 500 đầu đạn hạt nhân. Cùng với các đồng minh phát triển các lực lượng chống các loại tên lửa đạn đạo nhằm vào lãnh thổ Mỹ và liên minh.

4 - *Nguyên tắc sử dụng lực lượng vũ trang Mỹ ở nước ngoài*

Báo cáo quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia năm 1996 của Mỹ nêu rõ Mỹ sẽ sử dụng lực lượng vũ trang trong 3 tình huống sau :

- "Lợi ích sống còn của Mỹ bị uy hiếp"
- "Lợi ích quan trọng của Mỹ bị đe dọa"
- "Lý do nhân đạo".

Trước khi sử dụng lực lượng quân sự ở nước ngoài, các nhà đương cục Mỹ phải tính toán thận trọng tới lợi hại, cái giá về tiền tài, sinh mạng, ảnh hưởng chính trị, sự ủng hộ của dân chúng và quốc hội Mỹ. Chỉ sau khi đã thi thố các biện pháp ngoại giao, chính trị, kinh tế răn đe không hiệu quả, thì mới đặt ra việc sử dụng lực lượng quân Mỹ.

Chiến lược quân sự quốc gia mới của Mỹ còn quy định : Trong chiến tranh, việc sử dụng lực lượng vũ trang Mỹ phải tuân thủ các nguyên tắc : Mục tiêu rõ ràng và dùng lực lượng đánh đòn quyết định ; tung phóng đủ lực lượng cần thiết trên chiến trường ; tác chiến liên hợp với quân liên minh, bạn bè và tác chiến liên hợp quân binh chủng ; làm chủ trận chiến đấu bằng cách chiến thắng chiến tranh thông tin ; răn đe bằng vũ khí giết người hàng loạt ; chuẩn bị ngay lực lượng đánh một cuộc chiến tranh khẩn cấp lớn thứ hai để răn đe đối tượng xâm lược tiềm tàng khi bắt đầu nổ ra cuộc xung đột lần thứ nhất ; tạo ra lực lượng cần thiết bằng cách rút lực lượng từ hướng ưu tiên thấp và động viên lực lượng hậu bị ; vạch kế hoạch giành hòa bình khi bắt đầu nổ ra xung đột.

*
* *

Do tình hình quốc tế biến đổi nhanh chóng vào cuối những năm 80 và đầu những năm 90, các chiến lược quốc gia của Mỹ liên tục được soạn thảo lại, thay đổi và bổ sung lớn. Chiến lược quân sự quốc gia mới nhất của Mỹ (1995), đã phản ánh những tính toán lớn của Mỹ trong quân sự và an ninh, hòng thao túng, kiểm soát thế giới trong thời kỳ mới. Nó được phát triển chủ yếu từ *một* nhiệm vụ (nhiệm vụ đánh thắng trong chiến tranh như thời chiến tranh thế giới thứ hai) sang *hai* nhiệm vụ (thêm nhiệm vụ răn đe, phòng ngừa trong thời kỳ cả Mỹ và Liên xô đều có vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường ở thế xấp xỉ cân bằng) và nay là *ba* nhiệm vụ (thêm nhiều vụ đính líu thời bình). Chiến lược quân sự mới nhấn mạnh : "chiến lược này được vận dụng hàng ngày vào việc chỉ đạo những hoạt động trong thời gian ngắn hạn ngay cả lúc hòa bình. Tuy nhiên, không được nghi ngờ một thực tế cơ bản : *Lực lượng vũ trang tồn tại, được tổ chức, huấn luyện và trang bị trước hết và trên hết là để chiến đấu và chiến thắng các cuộc chiến tranh".*

Qua đây cho thấy, mặc dù Mỹ đã cải cách phương thức chinh phục, thống trị và sử dụng tổng hợp có hiệu quả nhiều thủ đoạn phi quân sự, nhưng *thủ đoạn bạo lực vũ trang vẫn là nòng cốt, sẵn sàng đánh đòn quyết định* như họ đã làm ở vùng Vịnh Pec-xic và Bô-xni-a ❑

Digitized by Google

THUẾ QUAN • PHI THUẾ QUAN

● **Thuế quan** là loại thuế gián thu đánh vào hàng hóa xuất nhập khẩu của một nước. Chính sách thuế quan có thể nhằm vào mục đích tài chính hay mục đích bảo hộ sản xuất trong nước. Trên thực tế khi đánh thuế quan đều có cả hai mục đích này. Trong những điều kiện khác nhau, do yêu cầu về lợi ích kinh tế, chính trị của giai cấp thống trị (cầm quyền) khác nhau, chính sách thuế quan có thể nhằm vào mục đích này hay mục đích khác. Thuế quan gồm có :

- *Thuế quan tài chính* là loại thuế có mục tiêu trực tiếp nhằm làm tăng thu nhập cho ngân sách quốc gia. Loại thuế với mục đích này thường áp dụng thuế suất thấp. Thuế quan nhập khẩu hàng tiêu dùng mà trong nước không sản xuất được cũng được xếp vào loại thuế quan tài chính. Tuy vậy, trên thực tế giữa các loại thuế đánh vào hàng nhập khẩu rất khó xác định ranh giới rõ ràng. Sở dĩ gọi là thuế quan tài chính vì trong lịch sử, từ lâu các nhà nước đã bổ sung cho ngân sách của mình bằng thu nhập từ thuế nhập khẩu đánh vào những hàng hóa tiêu dùng cần thiết. Ngày nay, loại thuế này còn có ý nghĩa lớn đối với các nước đang phát triển.

- *Thuế quan bảo hộ* là thuế nhằm mục đích bảo hộ nền sản xuất trong nước thông qua việc đánh thuế để giảm bớt sức cạnh tranh của hàng nhập khẩu (so với mặt hàng tương ứng được sản xuất trong nước). Trong thuế quan bảo hộ còn chia thành thuế quan trừng phạt, thuế quan chống phá giá v.v..

● **Phi thuế quan** là loại biện pháp không dùng thuế quan để đạt được mục tiêu thương mại quốc tế, đặc biệt là bảo hộ thương mại và sản xuất trong nước bằng hạn chế nhập khẩu. Phi thuế quan bao gồm một hệ thống các biện pháp cụ thể do nhà nước ban hành, như :

- *Hạn ngạch* (cô-ta) là biện pháp trong đó nhà nước quy định số lượng hoặc tổng trị giá hàng hóa được nhập khẩu trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

- *Giấy phép nhập khẩu* do nhà nước cấp. Giấy phép chung được cấp theo khuôn khổ định mức số lượng nhập khẩu trong một thời gian nhất định. Giấy phép riêng quy định rõ tên, thậm chí số lượng và thị trường của hàng hóa nhập khẩu.

- *Quản lý ngoại hối* là biện pháp nhà nước kiểm soát và quản lý việc thu chi và sử dụng ngoại hối trong quan hệ kinh tế với nước ngoài. Biện pháp này nhằm mục đích hạn chế việc sử dụng ngoại hối, cân bằng cán cân thanh toán, ổn định tỷ giá, bảo vệ dự trữ ngoại hối và ngăn chặn vốn (tư bản) chảy ra nước ngoài.

- *Nhà nước độc quyền xuất nhập khẩu một số loại hàng* : Nhà nước thông qua một số cơ quan cụ thể đứng ra trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu một số loại hàng nhất định. Biện pháp này có tác dụng hạn chế nhập khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu. Dành cho một số tổ chức độc quyền nhập những hàng nguyên liệu và những hàng quan trọng khác, từ đó nhà nước quản lý được việc nhập khẩu. Thông qua chi tiêu ngân sách nhà nước thúc đẩy xuất khẩu những mặt hàng tồn đọng, nhằm tăng cầu về mặt hàng đó giữ ổn định sản xuất, hoặc hạn chế xuất những mặt hàng khan hiếm để ổn định thị trường trong nước.

Ngoài ra, để hạn chế nhập khẩu còn có các biện pháp về vệ sinh thú ý ; quy định dùng tỷ lệ nhất định nguyên vật liệu trong nước để sản xuất một số loại mặt hàng ; những hạn chế liên quan đến việc tiêu thụ hàng nhập khẩu, như : bỏ thuế tiêu dùng đối với hàng sản xuất trong nước, tăng thuế tiêu dùng đối với hàng nhập khẩu ; những hạn chế dựa vào tiêu chuẩn kỹ thuật, như : quy định các tiêu chuẩn về kích cỡ, bao bì, ký mã hiệu ; về nguyên vật liệu đối với hàng nhập khẩu...

Để đẩy mạnh xuất khẩu, cạnh tranh với hàng hóa nước ngoài, các quốc gia còn sử dụng một loạt các biện pháp như : tín dụng xuất khẩu, nhà nước bảo đảm tín dụng xuất khẩu, trợ cấp xuất khẩu, bán phá giá hàng hóa, bán phá giá hối đoái, miễn giảm thuế và hoàn lại thuế, chính sách chiết khấu, v.v.. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY TNHH

BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC

THIÊN HƯNG

Lương y PHẠM THIÊN LONG.
Đặc trách bào chế và điều hành.





HUY CHƯƠNG VÀNG
HỘI CHỢ QUỐC TẾ 92
HÀ NỘI



HUY CHƯƠNG VÀNG
HỘI CHỢ QUỐC TẾ 1993



THUỐC TRỊ GAN



THUỐC BỔ THẬN ĐẶC HIỆU



HUY CHƯƠNG VÀNG
HỘI CHỢ QUỐC TẾ 1995





HUY CHƯƠNG VÀNG
HỘI CHỢ QUỐC TẾ 1995



THUỐC CẢM
CHỐNG BẦN THẦN MỆT MỎI





HUY CHƯƠNG VÀNG
HỘI CHỢ QUỐC TẾ 1

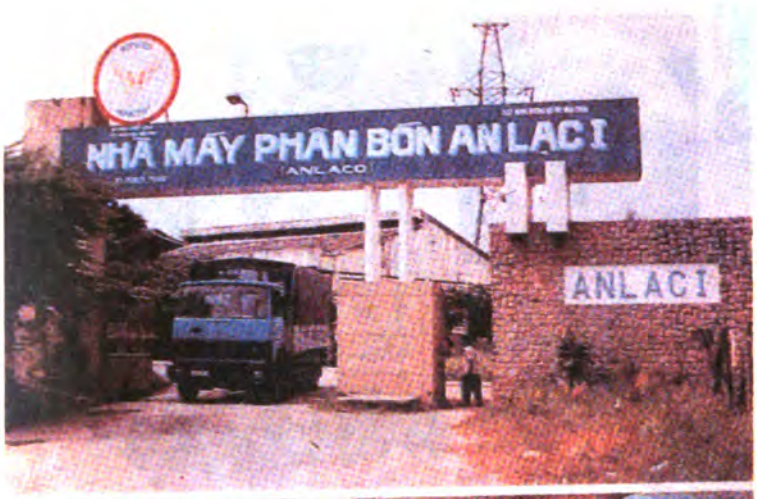


Trị VIÊM MŨI
VIÊM XOANG

Digitized by Google

NHÀ MÁY PHÂN BÓN
AN LẠC I

332 Hùng Vương nối dài - TT An Lạc - TP.HCM
Điện thoại : 8.750467 - 8.750523





CHUYÊN SẢN XUẤT :

Các loại phân bón hỗn hợp NPK thông dụng như 20.20.0 ; 16.16.8 ; 23.23.0 ; 10.10.5 v.v... và các loại phân chuyên dùng :

- Cho cây cao su : 15.10.15 - 15.10.5
- Cho cây nho : 11.7.14.13.8.5
- Cho cây bông : 14.7.5.8.10.7
- Cho cây cà phê : 15.15.10.5

Các sản phẩm được sản xuất trên thiết bị hiện đại của Đài Loan. Sản phẩm đã được tặng thưởng 2 Huy chương vàng và 2 Bằng khen tại Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp 1994 Giảng Võ - Hà Nội, 3 Huy chương vàng và 2 Bằng khen tại Hội chợ Quốc tế Nông nghiệp 1994 tại Cần Thơ. Có bán sỉ và lẻ tại Nhà máy và trên 200 đại lý ở khắp các tỉnh miền Trung, Đông và Tây Nam Bộ.



KỸ THUẬT BÓN PHÂN HIỆU CON Ó CHO CÂY CAO SU (KG/HA)

VỚI CÂY CAO SU ĐANG THỜI KỲ KIẾN THIẾT CƠ BẢN

- Bón lót : 600 - 700 Kg lân hữu cơ. Loại này có
  + P205 tổng : 15%
  + P205 hữu hiệu : 6%
  + Chất hữu cơ : 7%
- Bón chăm sóc : Từ năm thứ nhất đến năm thứ năm bón 2 đợt 1 năm.
  + Đợt 1 : Đầu mùa mưa từ 20 - 4 đến 10 -5 dùng 200 kg NPK 15.10.5
  + Đợt 2 : Cuối mùa mưa từ 10.9 đến 25.9 dùng 150 kg NPK 15.10.5

VỚI CÂY CAO SU KINH DOANH

+ Đợt 1 : Đầu mùa mưa từ 20.4 đến 30.4 dùng 200 kg NPK 15.10.5
+ Đợt 2 : Cuối mùa mưa từ 15.9 đến 25.9 dùng 170 kg NPK 15.10.5

Digitized by Google

NHÀ MÁY PHÂN BÓN
BÌNH ĐIỀN II

C 12/21 TÂN KIÊN - BÌNH CHÁNH TP. HCM
ĐIỆN THOẠI : 8750150 - 8750293



DOANH THU : - 1993 : 36.000.000.000 đ
- 1994 : 72.000.000.000 đ

Kế hoạch năm 1995 :
90.000.000.000 đ

THÀNH TÍCH :

- 2 Huy chương vàng Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Cần Thơ 1993.
- 3 Huy chương vàng Hội chợ Công nghiệp Quốc tế Giảng Võ 1993.
- 5 Huy chương vàng Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Cần Thơ 1993.

Nhiều bằng khen, giấy khen các sản phẩm của Xí nghiệp.

SẢN PHẨM CHUYÊN CHO CAO SU

Phân PK :
15-10-5 ; 15-15-15 ; 15-10-15 ; 15-15-6-4

Mỗi năm đã bán hàng chục ngàn tấn cho các CTCS như Dầu Tiếng, Phú Riềng, Đồng Nai, Đồng Phú.

BÓN PHÂN CHO CÂY CAO SU

Thời kỳ bón	Lượng phân bón (g/cây - năm)	Ghi chú
Trong năm thứ nhất	Phân NPK 15-15-6-4 : 600,00	Chia làm 6 đợt bón
Trong năm thứ hai	Phân NPK 15-15-6-4 : 700,00	Chia làm 4 đợt bón
Trong năm thứ ba	Phân NPK 15-15-15 : 900,00	Chia làm 3 đợt bón
Trong năm thứ tư	Phân NPK 15-15-15 : 1.200,00	Chia 2 - 3 đợt bón
Trong năm thứ năm	Phân NPK 15-15-15 : 1.200,00	Chia 2 - 3 đợt bón
Trong năm thứ sáu	Phân NPK 15-10-15 : 1.400,00	Chia làm 2 đợt bón
Từ năm thứ bảy trở đi	Phân NPK 15-10-15 : 1.200,00	Chia làm 2 đợt bón

GHI CHÚ :

- Các công thức bón trên áp dụng cho rừng cao su không trồng cây họ đậu, nếu trồng phủ cây họ đậu, lượng phân giảm 10% - 20%.
- Nên 2 năm một lần bón thêm 250 - 1.000g dolomi và 300g photphoric.
- Bón đạm ổn định mủ, đường vanh tăng đều
- Bón lân đặc biệt có hiệu quả trong quá trình phát triển của cao su trước khi cạo mủ.
- Bón Kali tác động tốt tới khả năng sử dụng N của cây cao su.



Phân xưởng sản xuất phân khoáng hữu cơ - Phân sinh học

Digitized by Google







CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG

ĐC : 03 Đinh Tiên Hoàng - Đà Lạt
ĐT : (063) 822457 - 821831
Add : 03 Dinh Tien Hoang St., Da Lat City
Tel : (063) 822457 - 821831
Fax : (063) 824050

- ◆ Sản xuất và cung cấp nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng trong phạm vi toàn tỉnh Lâm Đồng.
- ◆ Thiết kế và thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt cho từng khu vực của từng hộ gia đình trong hệ thống cấp nước của tỉnh.

Tổng công suất : 30.000 m^3/ngày đêm. Dự kiến phát triển năm 2000 : 48.000 m^3/ngày.

CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC :

- **Nhà máy nước Đà Lạt** : công suất năm 95 là 25.000 m^3/ngày đêm, kế hoạch phát triển năm 2000 là 31.000 m^3/ngày đêm ; đang thực hiện dự án cải tạo mạng lưới cấp nước do Đan Mạch viện trợ 103 tỷ đồng.
- **Nhà máy nước Bảo Lộc** : công suất 3.000 m^3/ngày đêm ; kế hoạch phát triển năm 2000 là 10.000 m^3/ngày đêm.
- **Nhà máy nước Di Linh** ; công suất 1.000 m^3/ngày đêm ; kế hoạch phát triển năm 2000 là 2.500 m^3/ngày đêm.
- **Nhà máy nước Đức Trọng** : công suất 1.000 m^3/ngày đêm ; kế hoạch phát triển năm 2000 là 3.200 m^3/ngày đêm.
- **Nhà máy nước Lâm Hà** : kế hoạch phát triển năm 2000 là 1.000 m^3/ngày đêm.

Rất hân hạnh được phục vụ quí khách hàng trong tỉnh

- Kế hoạch xây dựng và phát triển 1996.
- Xây dựng Nhà máy nước Lâm Hà 1.000 m^3 ngày đêm.
- Xây dựng và cải tạo trên 10km đường ống Φ 150 đến Φ 300 mm tại Đà Lạt và các thị trấn với tổng vốn đầu tư là 7,5 tỷ đồng.

LAM DONG WATER SUPPLY COMPANY

Digitized by Google

SG.3

SAIGON 3

Garment Company



Địa chỉ : 86 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.3 - TP. Hồ Chí Minh

Tel : 8225255 - 8222403 Fax : 84.8.251087

Hân hạnh được đón tiếp Quí khách

Digitized by Google



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

Petrolimex SAIGON

TRỤ SỞ : 15 ĐẠI LỘ LÊ DUẨN - QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐT : 292081 - 292082 - 292083 - 291433 FAX : 84-8-222082 TELEX : 811429 CTXD II - VT

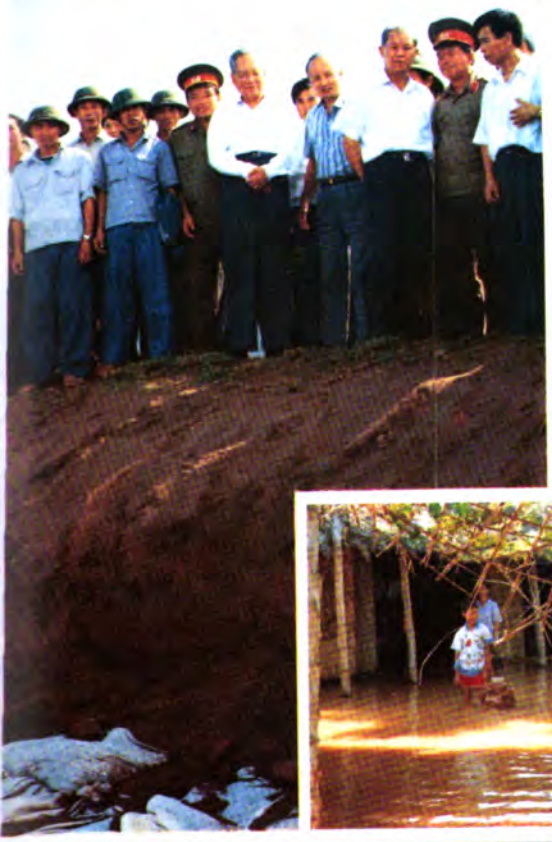
IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 18
MAIN

The Library - UC Berkeley
Received on: 10-10-96
Tap chi cong san : C quan ly
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam

Tạp chí Cộng sản











18
9-1996

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU BÌNH LONG

• Thị trấn An Lộc, huyện Bình Long, Sông Bé • Tel : 0.65.866324-866180 • Fax : 65.866222





- Tiền thân là đồn điền TERRE ROUGE trên vùng đất đỏ màu mỡ.
- 10 năm qua trồng mới 15.500 ha với các loại giống năng suất cao, đã có 9.643 ha khai thác mủ. Năm 1994 ước lượng 7.400 tấn mủ cao su chế biến.
- Công nghệ mủ kem (Latex) đầu tiên và duy nhất của ngành cao su những năm qua.
- 9 nông trường, lao động có tay nghề kỹ thuật cao. Cơ sở hạ tầng, giao thông liên lạc thông suốt, bảo đảm đầu tư phát triển công nông nghiệp.

Giám đốc công ty : NGUYỄN VĂN SAO

With Best Wishes for a Happy and Prosperous New Year

Công ty cao su Bình Long hân hạnh đón chào sự hợp tác liên kết phát triển sản xuất

BINH LONG
RUBBER COMPANY

★ Location : An Loc District Town, Binh Long District, Song Be Province
★ Tel : 0.65.866324
★ Fax : 65.866222

- Former name is TERRE ROUGE on fertile basaltic soll 15,500 ha were planted 10 years ago with chigh yellding cultivars, of which 9,643 ha are exploited. Outyield about 7,400 tons of processed latex in 1994.
- Cream latex technology has been applied firstly and unlque in the company.
- Company consitst of 9 plantations with skill workers. Well transportation and infractructure assure the investment for ago-industrial development.

Warm welcome joint - venture and co-operation in production with our company.

Kính chúc Quý khách hàng trong và ngoài nước
An khang Thịnh vượng

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 504

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG

ĐẶNG HỮU - Xây dựng nền khoa học công nghệ tiên tiến trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 3

BÙI ĐÌNH THANH - Công bằng xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 8

VŨ HIỂN - Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. 13

VŨ VĂN PHÚC - Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần. 17

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LƯU HÀ VĨ - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa - nhìn từ khía cạnh giai cấp. 20

THÀNH DUY - Cơ sở khoa học và văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật. 26

PHAN HUY LÊ - Truyền thống và hiện đại : vài suy nghĩ và đề xuất. 30

XUÂN HOÀNH - Sự biến động giá cả thị trường và hiện tượng đọng vốn ở các ngân hàng thương mại . 33

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN CẢNH DINH - Nhìn lại đợt mưa, lũ, bão vừa qua ở miền Bắc. 36

HÀ THỊ KHIẾT - Tuyên quang chủ động và tích cực phòng chống lũ lụt. 40

NGUYỄN THANH TÚC - Đảng bộ và nhân dân Ninh bình qua thử thách của bão, lũ. 42

TRẦN TRỌNG HIỂN - Thiên tai ở Nam hà và việc khắc phục hậu quả bão, lũ . 44

TRẦN XUÂN CẨN - Dấu ấn lãnh đạo của đảng bộ công ty may Đức giang. 46

TRẦN DŨNG - Huyện Mê linh trong chặng đường đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 50

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

PHƯƠNG HẠNH - Tẩy sạch bệnh quan liêu để công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công. 53

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

TIẾN HẢI - Chức nào oai hơn ? ! 55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN VIẾT THẢO - HÀ THANH - Thế giới thứ ba trong cục diện chính trị thế giới 56

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Dân số và phát triển. Chiến lược dân số . 60

Bìa 1 - *Trong những ngày lũ lụt vừa qua* *Ảnh : TTXVN, Cao Việt Hòa*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДАНГ ХЫУ - Создать передовую науку и технику в процессе индустриализации и модернизации страны. БУЙ ДИНЬ ТХАНХЬ - Социальная справедливость и курс индустриализации и модернизации страны. ВУ ХИЕН - Интенсивно развивать курс индустриализации и модернизации страны. ВУ ВАН ФУК - Главенствующая роль государственного экономического сектора в многосекторной экономике. ЛЬУ ХА ВИ - Индустриализация и модернизация с классовой точки зрения. ТХАНЬ ЗУЙ - Научные фундаменты концепции Хо Ши Мина о государстве и праве. ФАН ТХУ ЛЕ - Традиция и современность - некоторые мнения и предложения. СУАН ОАНЬ - Изменение цен на рынке и проблема остаточного фонда в коммерческих банках. НГУЕН КАНЬ ЗИНЬ - Обзор прошедшего вала синьных дождей и тайфунов на север. ХА ТХИ ХИЕТ - Провинция Туен Куанг инициативно и активно предохраняет и противодействует наводнениям. ФЫОНГ ХАНЬ - Отчистить бюрократизм во имя успеха индустриализации и модернизации страны. НГУЕН ВЬЕТ ТХАО и ХА ТХАНЬ - Третий мир в мировой политической обстановке.

CONTENTS

ĐẶNG HỮU - Developing modern science and technology during the industrialization and modernization of the country. BÙI ĐÌNH THANH - Social justice and the course of industrialization and modernization of the country. VŨ HIỀN - Advancing industrialization and modernization of the country. VŨ VĂN PHÚC - Leading role of State economy in the multi-sector economy. LƯU HÀ VĨ - Industrialization and modernization - from the perpective of the class. THÀNH DUY - Scientific and cultural bases of Ho Chi Minh's thoughts on the state and the law. PHAN HUY LÊ - Tradition and contemporaneity - some thoughts and proposals. XUÂN HOÀNH - Changes of market prices and residual funds at State commercial banks. NGUYỄN CẢNH DINH - Observation of the recent rains and storms in the North. HÀ THỊ KHIẾT - Tuyên Quang province initiatively and actively protecting and resisting floods. PHƯƠNG HẠNH - Eliminating bureaucracy to ensure the success of industrialization and modernization of the country. NGUYỄN VIẾT THẢO - HÀ THANH - The Third World in the international political situation.

SOMMAIRE

ĐẶNG HỮU - Edifier des sciences et une technologie d'avant-garde dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. BÙI ĐÌNH THANH - La justice sociale et l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. VŨ HIỀN - Renforçons l'industrialisation et la modernisation du pays. VŨ VĂN PHÚC - Le rôle directeur du secteur d'Etat dans l'économie à plusieurs composantes. LƯU HÀ VĨ - L'industrialisation et la modernisation sous point de vue de classes . THÀNH DUY - La base scientifique et culturelle dans la pensée de Ho Chi Minh sur l'Etat et le droit. PHAN HUY LÊ - Tradition et modernité - quelques réflexions et propositions. XUÂN HOÀNH - Les fluctuations des prix sur le marché et la stagnation des fonds dans les banques commerciales. NGUYỄN CẢNH DINH - Sur les typhons qui viennent de passer au Nord. HÀ THỊ KHIẾT - La province de Tuyen Quang prévient en pleine initiative et combat activement les inondations et les crues. PHƯƠNG HẠNH - Supprimer le bureaucratisme pour bien mener l'industrialisation et la modernisation du pays. NGUYỄN VIẾT THẢO et HÀ THANH - Le tiers-monde dans la conjoncture politique mondiale.

SUMARIO

ĐẶNG HỮU - Edificar una ciencia y tenología avanzadas en la obra de la industrialización y modernización del país. BÙI ĐÌNH THANH - La justicia social y la obra de la industrialización y modernización del país. VŨ HIỀN - Impulsar fuertemente la industrialización y modernización del país. VŨ VĂN PHÚC - El papel rector de la economía estatal en la economía de multicomponentes. LƯU HÀ VĨ - Industrialización y modernización, vistas desde el ángulo de la clase. THÀNH DUY - Las bases científica y cultural en el pensamiento Ho Chi Minh con respeto al Estado y la Ley. PHAN HUY LÊ - Tradición y modernización, reflexiones y proposiciones. XUÂN HOÀNH - La fluctuación del precio en el mercado y el estancamiento de fondo en los bancos comerciales. NGUYỄN CẢNH DINH - Un vistazo de la pasada lluvia tempestuosa en el Norte del paí. HÀ THỊ KHIẾT - La provincia de Tuyen Quang se prepara activamente a prevenir las inundaciones. PHƯƠNG HẠNH - Abolir totalmente el burocratismo para realizar exitosamente la industrialización y modernización. NGUYỄN VIẾT THẢO - HÀ THANH - El Tercer Mundo en la fisonomía política mundial.

目錄

●鄧友：在國家工業化、現代化事業中建設先進的科學工藝基礎●裴亭青：社會公平與國家工業化、現代化●武賢：大力推動國家工業化、現代化●武文福：國家經濟在多種成份經濟中所起的主導作用●劉何偉：從階級角度上看工業化、現代化●成唯：胡志明思想有關國家和法律的科學、文化基礎●潘輝黎：對傳統與現代的看法和建議●春橫：市場價格變動和商貿銀行資金積壓的現象●阮景管：對最近北方台風暴雨災害的看法●何氏潔：宣光省主動、積極防洪抗汛●方幸：清除官僚主義，勝利地實現工業化、現代化●阮曰草和何清：在世界政治局面中的第三世界

Digitized by Google

XÂY DỰNG NỀN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

ĐẶNG HỮU *

TRONG thời đại ngày nay, thực chất của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) chính là quá trình vận dụng thành tựu khoa học công nghệ (KHCN), dựa trên những đổi mới công nghệ, nhằm chuyển hệ thống kinh tế xã hội (KTXH) của đất nước từ trạng thái năng suất thấp, hiệu quả thấp, sử dụng lao động thủ công là chính, sang một hệ thống có năng suất cao, hiệu quả cao dựa trên những phương pháp công nghiệp, những công nghệ tiên tiến. CNH - HĐH cũng là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành có hàm lượng KHCN cao, giá trị gia tăng cao. Muốn đạt được mục tiêu này phải phát triển công nghiệp, nhưng quan trọng hơn là phải đổi mới công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế, phải sử dụng có hiệu quả những thành tựu KHCN của thế giới.

Cuộc cách mạng KHCN hiện đại đã làm thay đổi vai trò của 4 yếu tố truyền thống mang tính lợi thế cạnh tranh : tài nguyên, vốn, công nghệ và kỹ năng. Cuộc cách mạng mới trong công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu đã làm cho tài nguyên không còn là yếu tố duy nhất của lợi thế cạnh tranh. Cách mạng tin học và tài chính đã làm cho yếu tố vốn không còn là quan trọng bậc nhất của lợi thế cạnh tranh giữa các xí nghiệp, bởi vì thị trường vốn đã được thế giới hóa.

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và sâu sắc của cuộc cách mạng KHCN hiện nay, các nước phát triển "đi trước" đều có nhu cầu đổi mới cơ cấu kinh tế trong nước, chuyển vốn đầu tư và xuất khẩu công nghệ tới các nước đang phát triển. Do vậy khả năng với tới các nguồn vốn và các nguồn cung cấp công nghệ là thuận lợi. Nhưng phải rất tỉnh táo để không nhập những công nghệ lỗi thời do các nước phát triển thải ra, để không trở thành "bãi thải công nghiệp".

Là một nước "đi sau" về phát triển kinh tế, Việt nam nhất thiết phải tận dụng quá trình chuyển giao công nghệ, tiếp thu, làm chủ được các loại hình công nghệ hiện đại để nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế thông qua một quá trình đổi mới công nghệ rộng khắp từ sản xuất, kinh doanh đến dịch vụ, quản lý. Nền kinh tế của Việt nam hiện nay cũng như nhiều nước đang phát triển khác, được đặc trưng bằng sự chiếm ưu thế của sản phẩm nông nghiệp và lao động nông thôn, dù công nghiệp hóa đã bắt đầu. Muốn phát triển phải cấu trúc lại toàn bộ nền kinh tế, tạo sự dịch chuyển cơ cấu theo hướng đẩy mạnh CNH và HĐH, nền kinh tế từ nặng về nông nghiệp sẽ chuyển dần về phía công nghiệp và dịch vụ, trong đó quan trọng là công nghiệp chế biến và các dịch vụ xã hội, dịch vụ kinh tế, dịch vụ trí tuệ...

Sự chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng trên sẽ vấp phải một trở lực hết sức lớn nếu không thu hút hết được số lao động dư dôi ra trong nông nghiệp. Khắc phục trở lực này đòi hỏi phải đầu tư để tạo thêm chỗ làm việc trong nền kinh tế ở khu vực đô thị và nhất là ở nông thôn. Vì vậy, phát triển công nghiệp nông thôn, tăng đầu tư vào nông thôn sẽ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng CNH, HĐH.

*

* *

Như chúng ta đã biết, vào năm 1950, khu vực Đông Á còn rất lạc hậu. Trên 50% lao động ở Nhật bản thuộc khu vực nông nghiệp ; năng suất công nghiệp của Nhật bản chỉ bằng 15% năng suất công nghiệp của Mỹ. Hàn quốc còn nghèo hơn cả Xu đăng (châu Phi). Ngày nay, Nhật bản

* Viện sĩ, Ủy viên trung ương Đảng, Trưởng ban khoa giáo trung ương

Digitized by Google

đã trở thành một siêu cường kinh tế thế giới, là thành viên của nhóm 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (Mỹ, Nhật bản, Đức, Pháp, Ca-na-đa, Anh, I-ta-li-a) và có giá trị GDP đầu người cao nhất thế giới. Bốn lãnh thổ và các nước CNH mới (NICs) : Hàn quốc, Đài loan, Hồng công, Xin-ga-po đã tạo nên những nền công nghiệp tăng trưởng nhanh chưa từng thấy. Quá trình CNH ở những lãnh thổ và quốc gia này chỉ cần khoảng 30 năm. Tiếp bước theo 4 con rồng là Ma-lai-xi-a, Thái lan, In-đô-nê-xi-a cũng đạt được những thành công to lớn, và có thể Trung quốc, đang tiến dần đến một bước nhảy công nghiệp.

Những NICs, châu Á đã từng xuất phát từ xã hội truyền thống, với nền nông nghiệp chiếm đến 75% lao động và trên 30% GDP, sau đó là giai đoạn tạo tiền đề cho CNH dựa trên những đột phá công nghệ trong nông nghiệp, trong xây dựng kết cấu hạ tầng và sản xuất các sản phẩm chế tạo hướng về xuất khẩu, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư... Giai đoạn CNH được tăng tốc thông qua những yếu tố về chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giảm mạnh tỉ lệ nông nghiệp trong GDP) ; về khả năng duy trì mức tăng trưởng kinh tế ở mức cao ; về một chính sách thuận lợi cho phát triển các công nghệ hiện đại ; về một nền giáo dục - đào tạo vững vàng, tạo năng lực nội sinh của quốc gia, bảo đảm cho giai đoạn trưởng thành, gắn liền CNH với HĐH, phấn đấu trở thành một quốc gia phát triển.

Những nước này đã có những bước đi thích hợp, từ nhập công nghệ, thích nghi và cải tiến chúng dựa trên sự vận dụng thành tựu KHCN thế giới và phát triển KHCN trong nước ; sau đó là xây dựng năng lực công nghệ quốc gia nhờ phát triển năng lực nội sinh về KHCN để tiến tới sáng tạo công nghệ và xuất khẩu công nghệ.

Như vậy, chỉ trong vài ba thập kỷ họ đã sử dụng những cơ hội tốt để "đi tắt", "nhảy cóc", thông qua tiếp nhận công nghệ, tiến thẳng vào công nghệ hiện đại, từ giai đoạn cuối của nền văn minh nông nghiệp, tiến hành CNH nhanh chóng và hướng vào xã hội thông tin.

Nước ta có những thuận lợi là đang nằm trong bối cảnh của cuộc cách mạng KHCN, nhưng cũng phải đối mặt với những điều kiện cạnh tranh gay gắt hơn so với giai đoạn thập niên 1960 - 1970. Việt nam hiện nay chịu sức ép lớn hơn trong cạnh tranh kinh tế. Thị trường thế giới đã được phân chia. Các đối thủ cạnh tranh với Việt nam có nhiều lợi thế hơn về trình độ công nghệ, kinh nghiệm buôn bán quốc tế... Tuy vậy, chúng ta cũng có lợi thế của người "đi sau", từ một xuất phát điểm thấp, nếu có những biện pháp đúng đắn, khôn ngoan, Việt nam có thể bỏ qua các thế hệ công nghệ trung gian để đi ngay vào các công nghệ tiên tiến ở những lĩnh vực quan trọng, nhằm tăng tốc nền kinh tế và sớm bắt kịp xu thế chung của thế giới. Với quan điểm phát triển như vậy, Việt nam có thể và cần phải chuyển mình từ một nền kinh tế còn nặng về nông nghiệp, rút ngắn giai đoạn của xã hội công nghiệp truyền thống để hướng tới một xã hội thông tin, tức là phải "đi tắt, đón đầu".

Chúng ta có thể rút được những bài học từ những nước "đi trước", đặc biệt là các nước "con rồng" (NICs) ở vùng châu Á - Thái bình dương, cả về những thành công và thất bại trên nhiều lĩnh vực, từ quản lý kinh tế vĩ mô, thúc đẩy doanh nghiệp, đến bảo vệ môi trường - sinh thái ; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Khi phân tích những nguồn lực có thể huy động cho công cuộc phát triển đất nước, có thể đánh giá như sau :

Tài nguyên thiên nhiên của nước ta tuy phong phú, đa dạng, nhưng không được xếp vào loại giàu nếu xét theo bình quân đầu người. Với khả năng hiện có của tài nguyên thiên nhiên nước ta có thể phát triển một nền kinh tế đa dạng, tạo thuận lợi cho giai đoạn đầu của quá trình phát triển. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt nam không thể được coi là nguồn lực chủ chốt cho quá trình CNH - HĐH đất nước. Ngoài ra, do công nghệ khai thác lạc hậu, quy hoạch chưa hợp lý nên hiện tượng lãng phí tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường đã trở thành căng thẳng ở nhiều vùng.

Việt nam khởi động quá trình CNH - HĐH trong điều kiện dự trữ tài nguyên thiên nhiên tính theo đầu người là thấp, mà môi trường - sinh thái đã xuống cấp tới mức báo động. Vì vậy, chúng ta không thể vì mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà hy sinh môi trường - sinh thái ; không thể vì lợi ích

Digitized by Google

trước mắt mà để lại gánh nặng môi trường cho các thế hệ mai sau.

Việt nam là một quốc gia ven biển Đông với 3260 km bờ biển. Các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia rộng gấp ba lần diện tích lãnh thổ ở trong đất liền, gắn với những yếu tố tài nguyên và một tiềm năng phát triển tổng hợp được đánh giá là to lớn và đa dạng.

Với số dân đông, rõ ràng tương lai phát triển của nước ta gắn liền với biển. Biển Việt nam nằm ở tây Thái bình dương, một vùng phát triển kinh tế năng động, nơi cửa ngõ giao lưu quốc tế, có thể phát triển các loại hình vận tải quá cảnh, cận dương, viễn dương, dịch vụ hàng hải, viễn thông quốc tế... Tuy nhiên, biển Đông và các hải đảo trên biển Đông cũng là nơi diễn ra những tranh chấp phức tạp và ngày càng quyết liệt về chủ quyền trên biển.

Thực tiễn cho thấy, những nước biết tận dụng và khai thác lợi thế, tiềm năng mọi mặt của biển đã đạt được tốc độ phát triển kinh tế rất cao. Những "con rồng" châu Á đều là những quốc gia - lãnh thổ hải đảo, hoặc bán đảo, với các ngành kinh tế biển luôn đóng vai trò mũi nhọn trong phát triển.

Về tài nguyên con người : Xét về nhiều mặt, cả trước mắt và lâu dài, đây là nguồn lực quan trọng nhất, là "điểm tựa" cho quá trình phát triển. Việt nam có tỉ trọng tương đối cao về lao động trẻ, phần lớn có học vấn phổ thông, ngay cả ở nông thôn. Đây là một tiền đề quan trọng, tạo điều kiện tiếp thu các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kể cả những ngành, nghề mới. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo tương đối lớn (so với các nước có thu nhập thấp như ta). Hiện tại nước ta có trên 9 000 tiến sĩ và phó tiến sĩ ; trên 800 000 người có trình độ đại học, cao đẳng ; trên 2 triệu công nhân kỹ thuật. Đây là điều kiện quan trọng cho quá trình phát triển khoa học, tiếp thu, làm chủ và thích nghi các công nghệ nhập từ nước ngoài, kể cả những công nghệ cao. Với một hệ thống trường phổ thông rộng khắp trên địa bàn toàn quốc, gần 100 trường đại học và cao đẳng, hàng trăm trường trung cấp kỹ thuật và dạy nghề, gần 300 đơn vị (viện, trung tâm...) nghiên cứu - triển khai, nếu được đầu tư đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và phương tiện làm việc, thì đây là một cơ sở hạ tầng rất quan trọng, bảo đảm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng cho công cuộc CNH, HĐH.

Chúng ta cũng có một lực lượng tương đối lớn người Việt sống ở nước ngoài, tập trung chủ yếu ở châu Âu, Mỹ và Ô-xtơ-rây-li-a, trong đó tỉ lệ người có trình độ cao về chuyên môn và nghiệp vụ là đáng kể (trên 300 000 người). Đây là một nguồn lực quan trọng góp phần phát triển đất nước, là cầu nối giữa Việt nam và thế giới về mặt chuyển giao tri thức, công nghệ, và các quan hệ quốc tế.

Với những tiềm năng trên đây, nếu chúng ta tạo lập được một năng lực tiếp thu tốt, một môi trường thuận lợi cho đầu tư, thì vấn đề thiếu vốn, thiếu công nghệ sẽ không phải là trở ngại lớn cho phát triển. Đương nhiên, phải xây dựng được năng lực nội sinh, nhân tố quyết định nhất đối với sự phát triển.

*
* *

Từ nay đến năm 2000, với chủ trương nhập công nghệ từ nước ngoài để thúc đẩy phát triển kinh tế, nước ta vẫn phải xây dựng năng lực nội sinh về KHCN để đủ sức lựa chọn, làm chủ, thích nghi các công nghệ nhập. Ở giai đoạn tiếp theo, năng lực nội sinh sẽ giúp ta cải tiến, biến công nghệ nhập trở thành của mình, tiến lên tự tạo ra công nghệ nhằm trao đổi bình đẳng với thế giới. Xây dựng năng lực nội sinh không có nghĩa là "tự cung, tự cấp", ngược lại cần giao lưu rộng rãi, tận dụng tối đa thành tựu KHCN thế giới.

Năng lực nội sinh về KHCN còn thể hiện ở khâu tự mình nghiên cứu vạch ra đường lối, chiến lược, và chính sách phát triển của đất nước phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (KTXH) và văn hóa trong khung cảnh thế giới và khu vực đang biến động. Không thể sao chụp một mô hình thành công của bất kỳ nước nào, không thể dựa vào chuyên gia nước ngoài làm thay. Làm được những việc này phải là một tập thể các nhà khoa học liên ngành có kiến thức và có thực tiễn về nhiều ngành khoa học xã hội, nhân văn, tự nhiên và công nghệ. Tập thể này

Digitized by Google

còn có nhiệm vụ giúp lãnh đạo các cấp, các ngành ra những quyết định đúng đắn và kịp thời trong các lĩnh vực hoạt động KTXH.

Mặt khác, có dựa vào năng lực KHCN nội sinh thì mới thực hiện được việc chuyển giao công nghệ của nước ngoài với hiệu quả cao, chọn đúng công nghệ cần nhập, khai thác, làm chủ, thích nghi và phát triển công nghệ nhập. Cần thể chế hóa việc tham gia của các cơ quan KHCN trong nước vào việc thực hiện chính sách chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, từ việc nghiên cứu hình thành các dự án đầu tư, xét duyệt các dự án đó, giúp chủ đầu tư đàm phán với đối tác nước ngoài, chọn, tiếp nhận và kiểm tra công nghệ nhập, theo dõi và giúp đỡ các cơ sở sản xuất khai thác công nghệ nhập đạt hiệu quả cao, tiến hành nghiên cứu thích nghi và cải tiến công nghệ nhập. Công nghệ nhập của nước ngoài phải tiên tiến hơn công nghệ đã có trong nước. Không nhập công nghệ gây ô nhiễm với bất kỳ điều kiện nào.

Về lựa chọn ưu tiên công nghệ trong quá trình CNH - HĐH, có thể khẳng định rằng : Việt nam không thể đi theo con đường CNH của các nước đi trước, không lặp lại những công nghệ thịnh hành trước kia mà nay đã lỗi thời, đã bị thay thế.

Để bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, trong quá trình CNH và HĐH, phải phát triển các ngành công nghệ cao, và HĐH các công nghệ truyền thống. Đồng thời sử dụng những công nghệ thích hợp tùy theo nhu cầu của xã hội, năng lực KHCN, những điều kiện KTXH - văn hóa của từng vùng sinh thái, thường là những công nghệ đòi hỏi ít vốn, nhiều lao động. Hệ thống công nghệ đa dạng đó vừa bảo đảm cho việc HĐH nền kinh tế, vừa tận dụng được cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và tạo được việc làm cho mọi người đến tuổi lao động.

Hệ thống ấy luôn luôn dịch chuyển cơ cấu theo hướng tăng nhanh các công nghệ hiện đại, tiên tiến, thông qua đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế quốc dân. Tốc độ đổi mới phải đạt khoảng 12 - 15% năm. Đã đổi mới là đi thẳng vào công nghệ hiện đại, tiên tiến nhất. Chỉ chấp nhận những công nghệ trung gian trong trường hợp còn sử dụng cơ sở vật chất hiện có, nhưng phải bảo đảm có hiệu quả. Phấn đấu để đầu những năm 2000, đạt trình độ công nghệ trung bình khá của các nước trong khu vực, và đến năm 2020 đạt trình độ tiên tiến của thế giới. Không phải vì nước ta thừa nhân công mà phải sử dụng các công nghệ dùng nhiều nhân lực. Để giải quyết việc làm, phải mở mang nhiều ngành nghề, nhất là những ngành đòi hỏi nhiều lao động, nhưng công nghệ vẫn phải là công nghệ tiên tiến, nhất là ở các khâu quyết định chất lượng sản phẩm. Trong nhiều trường hợp đưa công nghệ tiên tiến vào, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất, lại tạo được nhiều việc làm ở các khâu phụ trợ.

Kinh nghiệm cho thấy, sử dụng công nghệ tiên tiến nhất đã đem lại hiệu quả cao : Ngành bưu chính viễn thông Việt nam ngay từ đầu đã đưa công nghệ kỹ thuật số, công nghệ cáp quang, vệ tinh viễn thông vào thay các công nghệ trước đây, nhờ đó đã đổi mới nhanh chóng, hòa nhập được thông tin quốc tế. Ngành hàng không Việt nam, ngành dầu khí hoặc một số lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp nhẹ cũng đi theo con đường tương tự như vậy. Thực tế cũng cho thấy cán bộ KHCN Việt nam có khả năng tiếp thu nhanh và vận dụng sáng tạo các công nghệ nhập. Công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam, một công trình có tính phức tạp về mặt kỹ thuật, song với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự phối hợp của các chuyên gia giỏi của nước ngoài và nhất là sự tham gia hết mình, đáng khích lệ của các nhà khoa học, chuyên gia kỹ thuật trong nước, chúng ta đã hoàn thành công trình với chất lượng cao, được thế giới khâm phục. Rất tiếc là hiện nay có nhiều nơi, khi đầu tư xây dựng mới vẫn nhập những công nghệ lỗi thời, không hiệu quả, làm chậm quá trình phát triển đất nước.

Không thể hội nhập vào nền kinh tế thế giới đương đại mà không phát triển các ngành công nghệ cao. Đó là những công nghệ dựa vào những thành tựu mới nhất của khoa học hiện đại như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới, công nghệ gia công chính xác trong chế tạo máy, tự động hóa, năng lượng mới.

Ý nghĩa chiến lược của các ngành công nghệ cao và vai trò chủ đạo của chúng được thể hiện trên hai mặt. Một mặt, các công nghệ cao có tác dụng làm dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng

Digitized by Google

hiện đại, tạo ra nhiều ngành công nghiệp mới có giá trị gia tăng cao, tạo các điều kiện tương hợp trong giao lưu quốc tế, được sử dụng để xây dựng các kết cấu hạ tầng quan trọng nhất, phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Mặt khác, các công nghệ cao có ý nghĩa quyết định đối với quá trình đổi mới công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế, có trách nhiệm trang bị kỹ thuật cho hầu hết các ngành sản xuất và dịch vụ, cho an ninh và quốc phòng. Các ngành công nghệ cao cũng còn được áp dụng để điều tra thăm dò phát hiện các nguồn tài nguyên mới, khôi phục các môi trường đã bị ô nhiễm, và bảo vệ môi trường sinh thái. Chậm trễ trong việc phát triển công nghệ cao sẽ làm chậm quá trình CNH, HĐH, không "đi tắt, đón đầu" được.

Để thực hiện quan điểm KHCN là nền tảng của CNH - HĐH, cần sử dụng KHCN như một trong những nguồn lực chủ yếu cho phát triển kinh tế. Trong các hoạt động kinh tế phải hình thành một cơ chế và một động lực nội tại để ứng dụng thành tựu KHCN, đồng thời cũng tạo động lực để phát triển KHCN hướng vào phục vụ phát triển KTXH. Mọi quá trình ra quyết định từ xây dựng chiến lược phát triển quốc gia, tạo lập dự án đầu tư đến sản xuất kinh doanh... đều phải dựa trên luận cứ khoa học, có đầy đủ thông tin - tri thức được thu nhận từ trong và ngoài nước.

Yêu cầu của nhiệm vụ CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa với thế giới đang đặt ra hàng loạt vấn đề lớn về KHCN, về xã hội và nhân văn cần phải giải quyết. Để có thể giao những nhiệm vụ nghiên cứu đó cho đội ngũ cán bộ KHCN hiện có, phải tăng cường đầu tư cho khoa học từ ngân sách nhà nước và từ kinh phí của các tập đoàn công nghiệp.

Xã hội thông tin và nền kinh tế toàn cầu hóa đòi hỏi rất cao đối với các hoạt động trí tuệ, chẳng những là trí tuệ của đội ngũ chuyên sâu về khoa học xã hội nhân văn, các nhà khoa học tự nhiên và công nghệ, mà còn là tổng lực trí tuệ của toàn xã hội. Vì vậy, giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài là quốc sách trong sự nghiệp CNH - HĐH cần được thể hiện đúng mức trong các chính sách cụ thể.

Chính sách tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường phải được quán triệt trong việc lựa chọn cơ cấu kinh tế, cơ cấu công nghiệp nhằm giảm thiểu chi phí năng lượng, chi phí vật liệu trên một đơn vị thu nhập quốc dân. Khuyến khích đi vào các ngành cần nhiều chất xám nhưng ít năng lượng, ít vật liệu như những ngành điện tử - tin học, công nghệ sinh học, các máy chính xác, các thiết bị đo lường, các gam máy nhỏ nhưng có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh với những máy tương tự của các nước tiên tiến, vừa để trang bị hiện đại cho nền kinh tế quốc dân, vừa để chiếm lĩnh thị trường thế giới.

Trong quá trình tiếp nhận công nghệ từ nước ngoài, cần chú ý khía cạnh nhân văn - xã hội, khuyến khích công nghệ không ô nhiễm, tạo việc làm mà không hại sức khỏe con người ; quan tâm đến điều kiện lao động của phụ nữ, trẻ em ; chú ý chia sẻ thành quả của quá trình phát triển cho nông thôn, miền núi...

Khoa học xã hội - nhân văn phải góp phần tạo lập một mô hình văn hóa gắn kết truyền thống với hiện đại. Mô hình này phải bao quát các lĩnh vực : triết lý, doanh nghiệp, KHCN, giáo dục, văn học - nghệ thuật, lối sống và môi trường sinh thái.

Thành công trong quá trình đổi mới ở Việt nam những năm qua đã chứng minh tính đúng đắn của những bước đầu tiên và hứa hẹn nhiều tiềm năng cho phát triển. Tuy nhiên, vì là một nước với điểm xuất phát thấp, vẫn còn là nước nghèo và môi trường - sinh thái cũng ở ngưỡng suy thoái, Việt nam nhất thiết phải theo đuổi một chiến lược : *Tăng trưởng nhanh về kinh tế và bền vững về xã hội, môi sinh, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.*

Bên cạnh thuận lợi về vị trí địa lý, một phần về tài nguyên thiên nhiên, thì nguồn lực con người Việt nam là yếu tố quan trọng nhất cho phát triển. Nếu có một chiến lược dài hạn đúng đắn cùng những chính sách, biện pháp hữu hiệu, thì chính nguồn lực này sẽ đưa Việt nam bắt kịp nhịp điệu phát triển của vùng châu Á - Thái bình dương, và sẽ trở thành một nước công nghiệp mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các quốc gia tiên tiến ở vùng này vào những năm 2020. ❑

Digitized by Google

CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

BÙI ĐÌNH THANH *

TRONG các thời đại khác nhau của lịch sử xã hội loài người, dù ở phương Đông hay phương Tây, con người đều quan tâm đến công bằng xã hội và đã có biết bao cách hiểu và giải quyết khác nhau vấn đề công bằng xã hội. Có lẽ người ta chỉ thống nhất được với nhau ở một điểm : đó là tầm quan trọng của nó, nhất là trong xã hội hiện đại.

Ăng-ghen viết : "Công bằng của những người Hy lạp và La mã là sự công bằng của chế độ nô lệ. Công bằng của giai cấp tư sản 1789 là những đòi hỏi phải xóa bỏ chế độ phong kiến mà nó coi là bất công". (1)

Cuối thế kỷ 19, nhà xã hội học Pháp E. Đuếc-hem (E. Durkheim) nhận xét : các xã hội hiện đại chỉ có thể ổn định nếu tôn trọng công bằng xã hội.

Nhà xã hội học Mỹ Phơ-ran-cơ Xcác-pát-ti (Frank Scarpatti) nhận định : Mục tiêu của công bằng xã hội chỉ có thể thực hiện thông qua một chính sách làm giảm sự tập trung quyền lực về những nguồn tài nguyên kinh tế trong tay một tầng lớp nhỏ độc quyền của xã hội. Ông ta không nói rõ điều quan trọng là làm sao thực hiện được chính sách đó trong lòng xã hội tư bản ?

Cuối tháng 9 - 1995, một Đại hội quốc tế về Mác đã được tổ chức ở Pa-ri (Pháp) tập hợp 500 nhà nghiên cứu khoa học xã hội từ khắp nơi trên thế giới. Nhiều vấn đề lý luận quan trọng của chủ nghĩa Mác đã được phân tích, tranh luận, trong đó có vấn đề công bằng xã hội. Nhà triết học Giắc-cơ Bi-đê (Jacques Bidet) nêu lên *khái niệm về chủ nghĩa xã hội là khái niệm về đấu tranh cho công bằng. Vấn đề chủ nghĩa xã hội là vấn đề công bằng của thời đại hiện nay.* Như vậy, cương lĩnh của chủ nghĩa xã hội là cương lĩnh của một cuộc đấu tranh vì công bằng, cụ thể là một cuộc đấu tranh để chiếm hữu những phương tiện sản xuất được xem là điều kiện căn bản nhằm thực hiện một xã hội không giai cấp. Bi-đê nhấn mạnh : công bằng không phải là đạo lý, đạo đức mà là đòi hỏi của pháp luật.

Một số thông tin như trên cho thấy, *công bằng xã hội đã trở thành một trong những vấn đề nằm trong trung tâm sự chú ý của các nhà lãnh đạo chính trị và nghiên cứu khoa học xã hội trên toàn thế giới.*

Từ Đại hội VI đến Đại hội VII Đảng ta đã có nhiều nghị quyết, văn bản về vấn đề công bằng xã hội. Trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội VIII của Đảng, ở phần chính sách xã hội, Đảng lại khẳng định quan điểm : "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình".

Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, khi nền kinh tế hoạt động trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề công bằng xã hội cần được nhận thức như thế nào ?

Từ xa xưa, đối với người Việt nam, công bằng bao giờ cũng được xem là một đạo lý sống của cộng đồng cũng như của mỗi cá nhân :

"Công bằng là đạo người ta ở đời
Cái ta không muốn thì người chẳng ưa".

Đạo lý đó về thực chất cũng không khác gì tư tưởng của đạo Khổng (hay nói đúng hơn là chịu ảnh hưởng của đạo Khổng) : *Kỷ sở bất dục, vật*

* GS, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) C. Mác, Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t 8, tr 273 (bản tiếng Nga)

Digitized by Google

thi ư nhân (điều gì mình không muốn thì cũng đừng làm cho người khác). Đạo lý này, nếu còn có ý nghĩa thì cũng chỉ trong một phạm vi hạn hẹp và có thể dẫn đến cách ứng xử nặng về vị kỷ.

Vậy chúng ta nên hiểu khái niệm *công bằng xã hội* như thế nào ? Trước hết, cần khẳng định rằng công bằng xã hội không bao giờ có thể đạt tới mức tuyệt đối cả, nếu như mâu thuẫn giữa nhu cầu của con người và khả năng hiện thực của xã hội còn chưa thể giải quyết được. Trong khi khẩu hiệu "làm theo năng lực, hưởng theo lao động" còn gặp không ít mâu thuẫn và không dễ dàng khắc phục thì chắc chắn còn rất lâu loài người mới thực hiện được. Vấn đề đặt ra là phải tìm được sự cân bằng tương đối giữa công bằng xã hội và phát triển kinh tế. Xét đến cùng, chỉ có phát triển kinh tế tốt mới có thể thực hiện được công bằng xã hội ở mức độ cho phép để ổn định xã hội. Thực hiện được điều đó không phải là đơn giản, nhất là ở nước ta, nơi mà sức ép dân số còn mạnh, những vấn đề tồn đọng của chiến tranh còn rất lớn, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm còn cao. Như vậy, *công bằng xã hội là một giá trị định hướng để con người thỏa mãn những nhu cầu cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần trong mối quan hệ tương đối hợp lý giữa các cá nhân và nhóm xã hội, phù hợp với khả năng hiện thực của những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định.*

1 - Công bằng xã hội trong những điều kiện lịch sử hiện nay của đất nước

Với đường lối đổi mới, xã hội Việt nam đang mở ra những khả năng ngày càng rộng lớn cho các cá nhân, các tầng lớp xã hội khác nhau phát huy những năng lực và những nguồn lực vốn có và có thể có để vừa mưu cầu lợi ích của mình, vừa tạo nên sức mạnh chung của cộng đồng (dân giàu, nước mạnh), đưa đất nước từng bước tiến tới trình độ hiện đại (văn minh). Như vậy, công bằng xã hội cần được hiểu theo những yêu cầu ấy. Khái niệm công bằng xã hội theo chủ nghĩa bình quân đi ngược lại những yêu cầu trên, và cả khái niệm "mạnh được, yếu thua", "may nhờ, rủi chịu", để mặc cho mọi thứ bất công hoành hành, có hại cho lợi ích của đại đa số nhân dân, cũng không thể chấp nhận được.

Có người đặt vấn đề : để đạt được sự tăng trưởng kinh tế thì tất yếu phải hy sinh công bằng xã hội, cần chấp nhận đạt tăng trưởng kinh tế trước rồi sẽ dần dần giải quyết những vấn đề xã hội sau. Lý tưởng của chủ nghĩa xã hội, bản chất của Nhà nước ta (của dân, do dân, vì dân), mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không cho phép làm như vậy. Vả lại, nếu làm như thế thì đồng thời cũng triệt tiêu luôn động lực chính tạo nên sự tăng trưởng kinh tế.

Cũng có người nói : Đã là kinh tế thị trường thì phải chấp nhận mọi thứ bất công. Một nền kinh tế thị trường "dã man", vô chính phủ, để mặc cho các thế lực ma-phia chi phối, thì đúng là thế thật. Kinh nghiệm một số nước cho thấy, một nền kinh tế thị trường kiểu đó không giúp gì cho sự phát triển của đất nước, ngay cả trong lĩnh vực kinh tế, và sớm muộn sẽ dẫn đất nước tới hỗn loạn, nghèo khổ và lạc hậu. Nền kinh tế thị trường mà chúng ta muốn có là một nền kinh tế thị trường văn minh, có luật pháp, có điều tiết theo lợi ích chung của sự phát triển đất nước và bảo đảm cho mọi người sống ngày càng ổn định và khá lên.

Một khái niệm thích hợp về công bằng xã hội hiện nay đòi hỏi phải phân biệt những loại bất công khác nhau :

a) *Loại bất công tự nhiên* : Tính từ "tự nhiên" ở đây bao hàm những khả năng, những năng lực khác nhau do sự cấu tạo thể chất về mặt sinh học của mỗi người, cũng như những khác biệt về trình độ phát triển do lịch sử lâu đời để lại (ví như sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa miền núi và miền xuôi...). Đối với loại bất công này, hướng lâu dài là dựa trên sự phát triển ngày càng cao của xã hội mà thu hẹp dần bất công, và trước mắt, cố gắng đến mức tối đa để bù đắp những thiệt thòi do những bất công này gây ra, không để trở thành những căng thẳng xã hội và xung đột xã hội có hại cho sự phát triển chung của cộng đồng.

b) *Loại bất công "tất yếu"* : Tính từ "tất yếu" ở đây cũng cần được hiểu rất tương đối, theo

Digitized by Google

nghĩa không thể tránh khỏi nếu muốn thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh". Ai cũng biết rằng, nói "dân giàu" nhưng không phải ai cũng có thể cùng một lúc giàu ngang nhau. Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng ghi rõ "việc có một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển". Đó cũng là tư tưởng Hồ Chí Minh khi Người nói :

"Làm cho người nghèo thì đủ ăn
Người đủ ăn thì khá giàu
Người khá giàu thì giàu thêm" (2)

Cũng không thể loại bỏ tình trạng nghèo tương đối. Sự phân hóa giàu nghèo là không thể tránh khỏi, nhưng không thể để xảy ra tình trạng "làm giàu vô tội vạ" trên lưng đại đa số nhân dân, cũng như không thể để xảy ra tình trạng "kẻ ăn không hết, người lần không ra", người nghèo vô phương sinh kế mà không có một sự giúp đỡ nào có hiệu quả của cộng đồng.

Nói cách khác, chúng ta *chấp nhận sự làm giàu chính đáng, hợp pháp, có lợi cho sự phát triển của đất nước.* Đó là sự làm giàu dựa vào những năng lực và những nguồn lực chính đáng. Sự làm giàu này không vấp phải một hạn chế nào. Tài kinh doanh, óc tổ chức, sáng kiến và cả chỗ dựa chính đáng và nguồn lực nữa đều có đất phát huy đến mức cao nhất qua cạnh tranh lành mạnh.

c) *Loại bất công phi lý và cũng là phi pháp :* đó là tất cả những bất công đi ngược lại lợi ích của sự phát triển xã hội, làm cho đời sống xã hội biến dạng và đạo đức xã hội suy đồi. Trong bức tranh toàn cảnh về người giàu trong xã hội ta hiện nay, qua các cuộc điều tra xã hội học ở một số địa phương, ta thấy có những mảng sáng và mảng tối. Mảng sáng là của những người làm giàu chính đáng. Mảng tối là của những kẻ làm giàu phi pháp. Số làm giàu phi pháp chủ yếu là dựa vào quyền lực, tổ chức việc trao đổi, mua bán quyền lực. Không nên hiểu quyền lực ở đây chỉ là những người có vị trí quan trọng, chức vụ cao, quyền lực lớn mà bao gồm mọi cá nhân hoặc tổ chức trong bộ máy của đảng và nhà nước khi thực hiện chức năng được giao đã tìm cách lợi dụng chức năng đó để làm trái luật pháp và quy định của nhà nước nhằm thu lợi bất chính cho bản thân hoặc cho tổ chức mà họ lãnh đạo hoặc quản lý.

Những bất công phi lý này phải bị xóa bỏ, càng sớm càng tốt, càng triệt để càng tốt. Xóa bỏ những bất công phi lý, điều tiết những bất công tự nhiên và tất yếu dù sao cũng là mặt thụ động của việc thực hiện công bằng xã hội. Mặt quan trọng hơn, mặt tích cực, chủ động là xã hội dần dần tạo ra những điều kiện thuận lợi cho những cơ may ngang nhau giữa các thành viên của xã hội.

Để làm công việc này, cần có những chính sách và những đầu tư xã hội lớn. Trong những lĩnh vực phúc lợi xã hội cần thiết tối thiểu, cần đặc biệt chú ý tới những người có công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, những nạn nhân chiến tranh mất khả năng lao động và kiếm sống (dù là ở phía nào) được hưởng những trợ cấp thường xuyên đủ duy trì mức sống tối thiểu. Thực hiện những cơ may ngang nhau không dễ, nhưng phải làm từng bước để đi tới đó.

2 - Công bằng xã hội và sự phát triển đất nước

Tiêu chí hàng đầu của công bằng xã hội ở nước ta hiện nay là xem nó có lợi hay có hại cho sự phát triển đất nước. Đây là bài toán cực khó, mà loài người, ít ra trong một thế kỷ vừa qua, đang cố đi tìm những lời giải tối ưu, nhưng chưa tìm thấy. Kinh nghiệm lịch sử chỉ rõ : đặt công bằng xã hội lên hàng đầu (theo lối "chủ nghĩa xã hội hiện thực" như đã từng thực hiện ở Liên xô trước đây hay "nhà nước phúc lợi" ở các nước tư bản phát triển) sẽ dẫn tới chỗ triệt tiêu những yếu tố phát triển kinh tế. Nhưng đặt hiệu quả kinh tế lên hàng đầu theo lối "chủ nghĩa tự do mới" lại dẫn tới khoét sâu những ngăn cách xã hội và nhất là dồn một số người không nhỏ vào tình trạng nghèo khổ và bế tắc, cuối cùng tạo ra những trở ngại lớn cho hiệu quả và phát triển kinh tế, những nguy cơ bùng nổ xã hội. Phải tìm

(2) Hồ Chí Minh : *Về chính sách xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 38

Digitized by Google

một cơ chế mới, trong đó không để hai mặt công bằng xã hội và phát triển kinh tế đối kháng nhau, loại bỏ nhau (còn những mâu thuẫn của hai mặt đó là không thể tránh), mà làm sao để cho hai mặt đó trở thành tiền đề của nhau, hơn nữa để cho mặt này bao hàm cả mặt kia ở một mức độ hợp lý nhất. Điều đó càng cần thiết, vì ngày nay mọi lý luận về sự phát triển đều bác bỏ cách hiểu phiến diện phát triển đồng nghĩa với tăng trưởng kinh tế, *và đều nhấn mạnh nội dung cơ bản và mục tiêu cao nhất của sự phát triển là phát triển con người với tư cách cá nhân trong một cộng đồng đầy nhân tính.* Sự kết hợp, sự giao nhau của hai mặt đó phải được tính toán theo những điều kiện cụ thể của mỗi nước, chủ yếu là theo trình độ phát triển kinh tế và theo những truyền thống đạo đức, văn hóa, những lối sống và tâm lý dân tộc. Ở đây tuyệt đối không thể có mô hình sẵn.

Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, sự kết hợp hai mặt đó vấp phải những khó khăn không dễ vượt qua. Một mặt, chủ nghĩa bao cấp vừa bình quân, vừa đặc quyền còn để lại nhiều di chứng, không những trong đời sống vật chất mà cả trong ý thức con người. Mặt khác, quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, bên cạnh những yếu tố tích cực còn chứa không ít yếu tố độc quyền, lũng đoạn, vô chính phủ, tự phát, làm cho kinh tế thị trường tuy có kích thích tính năng động của con người trong hoạt động kinh tế, nhưng cũng tạo nên một tâm lý xã hội của lối sống hãnh tiến, chạy theo đồng tiền một cách mù quáng và vô sỉ : "tiền là tiên là phật, là sức bật của tuổi trẻ" "... tiền là tất cả."...

Không thể phủ nhận rằng kinh tế thị trường đã tạo ra những mặt tiêu cực, những bất công trong xã hội mới. Nhiều nhà xã hội học tiến bộ ở phương Tây đã có những nhận xét xác đáng về kinh tế thị trường. Rô-béc Cát-ten (Robét Cástel), giáo sư tại trường Cao đẳng khoa học xã hội Pháp viết : "Thị trường là bản chất trạng thái của xã hội, nhưng trách nhiệm của giới trí thức tinh hoa là phải làm cho xã hội đó trở thành một nhà nước văn hóa. Thiếu cái đó, thì trong các xã hội phát triển cũng như các xã hội khác, thị trường trở thành rừng rú, nó hội nhập vào luật của kẻ mạnh nhất, tạo ra sự phân biệt chủng tộc và bạo lực. Áp đặt một cách vô điều kiện những quy luật của thị trường vào toàn bộ xã hội cũng có nghĩa là thực hiện một cuộc phản cách mạng về văn hóa mà hậu quả không thể lường hết được" (3)

Chúng ta cần có kinh tế thị trường như một môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, nhưng đó phải là một nền kinh tế thị trường văn minh, với những hoạt động sinh lợi thật sự và được luật pháp kiểm soát chặt chẽ, có lợi cho quốc kế dân sinh. Hơn nữa, bản thân kinh tế thị trường không tự động bảo đảm cho công bằng xã hội. Phải có những điều tiết của xã hội thông qua nhà nước để phân phối lại những kết quả hoạt động kinh tế theo hướng bảo đảm công bằng xã hội ở mức cần thiết tối thiểu. Ở nước ta, những sự điều tiết như vậy do nhiều nguyên nhân chưa đủ mạnh.

Không thể đồng ý với quan niệm cho rằng nếu coi trọng công bằng xã hội thì khó lòng tập trung các nguồn lực bên trong và bên ngoài để phát triển kinh tế. Đứng về ngắn hạn thì như vậy, nhưng nếu xét theo triển vọng lâu dài thì quan niệm này rất có hại. Hãy lấy một ví dụ : vấn đề đầu tư. Tất nhiên, trước mắt cần tập trung phần lớn các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế để từ đó có thêm những nguồn lực rót vào giáo dục, y tế, trợ cấp xã hội. Nhưng, nếu ngày nay không đầu tư thích đáng cho những lĩnh vực này thì liệu trong vòng 10 - 15 năm nữa, chúng ta có thể bảo đảm nguồn nhân lực có chất lượng cho sự phát triển kinh tế không ? Hay lúc đó, nhân lực dồi dào của nước ta sẽ trở thành một gánh nặng vì thiếu học vấn, thiếu trình độ nghề nghiệp, và không đủ sức khỏe. Đó là chưa nói với thực trạng đó, đất nước sẽ không thể phát triển nhanh, mạnh, đủ sức tham gia sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nước trong khu vực và trên thế giới trong một sự hòa nhập mang tính năng động mạnh mẽ, nhưng cũng đầy thách

(3) Robert Castel : *Les Métamorphoses de la question sociale (Những biến đổi của vấn đề xã hội)*, Nxb Fayard, Paris, tr 437 - 438

Digitized by Google

thức đối với nước nào hụt hơi trong cuộc chạy đua đường dài.

Theo tư duy kinh tế mới, đầu tư cho các lĩnh vực xã hội cũng là trực tiếp đầu tư cho kinh tế, nhất là xét theo triển vọng dài hạn. Đầu tư cho cấu trúc hạ tầng không thể chỉ bó hẹp vào những cấu trúc hạ tầng *kinh tế* mà phải mở rộng ra những cấu trúc hạ tầng *xã hội* mà cốt lõi của nó không có gì khác là con người.

3 - Để thực hiện tốt công bằng xã hội

a) Công bằng xã hội đụng tới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội : kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội. Vì vậy công bằng xã hội phải được giải quyết và chỉ có thể được giải quyết gắn liền với xã hội công dân, nhà nước pháp quyền, với chế độ dân chủ, với kinh tế văn hóa ngày càng phát triển. Xóa bỏ những đặc quyền về kinh tế, chính trị và tư tưởng là nội dung đầu tiên của việc thực hiện công bằng xã hội. Mỗi công dân trước hết phải được bảo đảm sự tự chủ về đời sống kinh tế của mình, từ sở hữu đến nghề nghiệp. Vấn đề sở hữu (tài sản, trí tuệ, lao động) phải được xác định rõ ràng để cho mỗi người có sở hữu riêng của mình được pháp luật bảo hộ vững chắc.

b) Công bằng xã hội đòi hỏi một chế độ dân chủ thực sự. Không thể có một nhóm người hay một tổ chức nào dưới bất cứ danh nghĩa gì, tự cho phép mình đứng trên xã hội và pháp luật để áp đặt ý chí của mình cho những người khác.

c) Trong các hoạt động kinh tế, phải loại bỏ những thế lực và những phương thức độc quyền, lũng đoạn, bảo đảm cho mọi người bình đẳng về quyền kinh doanh và nghĩa vụ đối với nhà nước, đối với xã hội.

d) Huy động các nguồn lực trong nhân dân, xã hội hóa nhiệm vụ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng chương trình quốc gia xóa đói, giảm nghèo theo tinh thần Hội nghị thượng đỉnh quốc tế bàn về vấn đề xã hội họp ở Cô-pen-ha-ghen (Đan mạch) tháng 3 - 1995.

e) Công bằng xã hội đòi hỏi nhà nước phải có chính sách tạo những điều kiện cần thiết để giảm dần sự phát triển mất cân đối giữa các thành phố và các vùng chậm phát triển, đặc biệt các vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến trước đây. Phân phối nguồn lực đầu tư, kể cả trong nước và ngoài nước, ưu tiên cho các vùng nói trên trong việc xây dựng hạ tầng cơ sở và tạo điều kiện phát triển sản xuất, giảm dần khoảng cách về các mặt thu nhập, mức sống, hưởng thụ giáo dục, văn hóa, bảo vệ sức khỏe của các tầng lớp nhân dân ở các vùng khác nhau.

g) Thực hiện chế độ đảm phụ ở những thành phố và những vùng có lợi thế kinh tế để tài trợ cho những vùng bị chiến tranh tàn phá và những vùng bất lợi về phát triển kinh tế.

h) Sử dụng có hiệu quả những viện trợ nhân đạo và phát triển của các nước và các tổ chức quốc tế, nghiêm khắc xử lý các hiện tượng ăn bớt, ăn chặn và sử dụng sai mục đích ở một số ngành và địa phương.

i) Giúp đỡ các tổ chức từ thiện hoạt động có hiệu quả và khuyến khích mọi hoạt động từ thiện, đồng thời chống lại việc lợi dụng hoạt động từ thiện để mưu cầu lợi riêng.

k) Vấn đề công bằng xã hội cũng được đặt ra trong các hoạt động đối ngoại, đặc biệt về mặt kinh tế. Những ưu đãi cần thiết đối với các nhà kinh doanh nước ngoài phải đi đôi với sự kiểm tra chặt chẽ những hoạt động của họ, tránh những tổn thất về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội cùng những vi phạm luật pháp của nước ta.

l) Đối với những người làm công cho các doanh nghiệp nước ngoài, cần có luật pháp bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi của họ một cách chặt chẽ, không thể để cho các nhà kinh doanh nước ngoài chà đạp lên nhân phẩm và làm tổn hại đến quyền lợi chính đáng của người lao động nước ta, coi thường luật pháp của nhà nước Việt nam.

Thực hiện tốt và đồng bộ các biện pháp trên đây sẽ thúc đẩy công bằng xã hội phát triển, tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ❑

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

VŨ HIỀN *

KHÁI quát về mấy đại hội gần đây của Đảng ta, có thể nói rằng : Nếu như Đại hội VI của Đảng là cột mốc quan trọng đánh dấu sự mở đầu quá trình đổi mới mọi mặt đời sống đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; Đại hội VII tiếp tục đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu nhằm từng bước đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển đất nước..., thì Đại hội VIII là Đại hội đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VIII một lần nữa xác định : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của sự nghiệp cách mạng nước ta trong gia đoạn hiện nay.

ĐÒI HỎI CỦA THỰC TIỄN

Không phải bây giờ mà ngay từ Đại hội III (tháng 9 - 1960), Đảng ta đã đề ra đường lối công nghiệp hóa và coi đó là nhiệm vụ xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điểm mới lần này là chúng ta không chỉ đề cập đến *công nghiệp hóa* (như Đại hội III) mà *gắn nó với hiện đại hóa* ; không chỉ nói *đẩy tới một bước* sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (như Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng khóa VII) mà là *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa* ; không chỉ coi đó là nhiệm vụ lâu dài, xuyên suốt, mà còn khẳng định đây là nhiệm vụ cần kíp, cấp bách.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trước hết xuất phát từ mục tiêu, con đường đi tới chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Việc thiết kế, thi công và thực hiện thành công mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt nam là một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ nhưng nhất định phải làm. Nó đòi hỏi toàn đảng toàn dân ta đồng tâm hiệp lực, có đường đi nước bước rõ ràng, có ý chí và bản lĩnh vững vàng để sẵn sàng tạo lập, nắm bắt và tận dụng thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước vượt lên "sánh vai với các cường quốc năm châu" như Bác Hồ đã nói. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là mong ước ngàn đời của cha ông ta, là sự giao phó của lịch sử Việt nam hàng nghìn năm văn hiến và hiển hách chiến công cho thế hệ hôm nay tiếp nối thực hiện bằng được. Đây cũng là khát vọng của nhân dân ta hiện nay, mong muốn đất nước ta có một tiềm lực to lớn, đủ khả năng xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân, xã hội công bằng, văn minh, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc, hội nhập với cộng đồng quốc tế.

Chỉ có công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Các Mác cho rằng, những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào. Nền kinh tế nước ta hiện nay về cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, trình độ lao động còn thấp kém, lạc hậu, lao động thủ công là chính, năng suất lao động thấp. Để làm ra hạt thóc, người nông dân phải "hai sương, một nắng" trên đồng với bao khó khăn vất vả do bão táp phong ba, thời tiết thất thường. Lao động nông nghiệp ở nước ta vẫn chiếm khoảng 70% tổng số lao động ; địa bàn nông thôn chiếm gần 80% dân số cả nước và là nơi tập trung đại bộ phận người nghèo trong

* PGS, PTS khoa học kinh tế

Digitized by Google

xã hội. Số liệu điều tra gần đây cho thấy, có tới 29,5% số hộ nông dân có mức thu nhập dưới 20kg gạo/1 người/1 tháng ; 5,6% số hộ thu nhập chỉ đạt dưới 8kg gạo/1 người/1 tháng ; khoảng 20% hộ thiếu và đói.

Trong khi đó, ở các nước Tây Âu, nền nông nghiệp do được công nghiệp hóa với trình độ khá cao nên năng suất lao động nông nghiệp tăng nhanh, số lượng và tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội ngày càng giảm. Ở Cộng hòa liên bang Đức, 1 lao động nông nghiệp sau 1 năm làm ra 13 tấn lương thực và 2 000 kg thịt, đủ cung cấp cho nhu cầu của 50 người ; ở Pháp 1 lao động nông nghiệp 1 năm làm ra 13,5 tấn lương thực, 600 kg thịt, đủ cung cấp cho 40 người. Năm 1980, lao động nông nghiệp ở các nước Tây Âu chiếm 10,4% tổng số lao động xã hội, năm 1960 : 6,8%, năm 1995 : 5,5% và đến năm 2000 sẽ còn khoảng 4,5% (1).

Những số liệu so sánh ở trên chưa hẳn là chính xác, lại càng chưa nói đến mặt trái của nền nông nghiệp được công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa. Điều đáng nói ở đây chính là vai trò của công nghiệp hóa hiện đại hóa trong việc làm thay đổi toàn diện nền nông nghiệp và nông thôn, tăng năng suất lao động, cải thiện đời sống của nông dân. Cũng chính vì vậy Đảng ta coi nhiệm vụ hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa trong thời gian trước mắt là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa chính là lời giải của bài toán phát triển, trực tiếp đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu. Cùng với thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng của 10 năm đổi mới, quá trình mở cửa, hội nhập với thế giới cũng đã mang lại cho chúng ta những kết quả rất đáng tự hào. Tuy nhiên mở cửa, hội nhập cũng là một cuộc chạy đua và trong cuộc đua ấy, chúng ta đứng trước một nguy cơ là dễ bị tụt hậu xa hơn bè bạn. Khả năng này xuất phát từ ba yếu tố. *Thứ nhất*, do phải trải qua bao nhiêu năm chiến tranh để giành lại độc lập, tự do, thống nhất đất nước, lại bị bao vây cấm vận ngặt nghèo, nên chúng ta "vào cuộc đua" hơi bị chậm. *Hai là*, nền kinh tế của chúng ta đứng ở điểm xuất phát rất thấp. Về cơ sở hạ tầng kinh tế còn yếu kém lại bị chiến tranh tàn phá, trong khi trình độ dân trí chưa cao. *Ba là*, do thu nhập bình quân đầu người của nước ta còn ở trong số những nước thấp nhất thế giới nên sẽ gặp không ít khó khăn vì vừa phải thu hút vốn đầu tư trong hoàn cảnh cạnh tranh quyết liệt, vừa phải tích lũy vốn để xây dựng đất nước và thực hiện nhiệm vụ cấp bách là cải thiện đời sống của nhân dân.

Để khắc phục khó khăn, đẩy lùi nguy cơ, không có giải pháp nào tốt hơn là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ giúp chúng ta có lực mới để có thể tăng nhanh tốc độ phát triển. Không những thế, do có hiện đại hóa, chúng ta có điều kiện để đi tắt, đón đầu. Tăng tốc, chạy tắt, đón đầu chính là những yếu tố tổng hợp để giải bài toán phát triển đất nước.

HÌNH DÁNG VÀ CÁCH THỨC

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được hiểu là "quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao" (2). Quan niệm của Đảng ta về công nghiệp hóa, hiện đại hóa mang tính khái quát cao cả về lý luận và thực tiễn, phản ánh phạm vi rộng lớn và tổng thể của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; gắn kết chặt chẽ giữa phạm trù công nghiệp hóa với hiện đại

(1) Xem : *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 6, năm 1995, tr 23

(2) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa VII*, Hà nội, 1994, tr 65

Digitized by Google

hóa (trong thực tiễn có khi công nghiệp hóa đồng thời là hiện đại hóa) ; xác định được vai trò quyết định của khoa học và công nghệ đối với quá trình này ; chỉ ra cái cốt lõi là biến lao động thủ công, lạc hậu thành lao động sử dụng kỹ thuật tiên tiến, hiện đại để đạt tới năng suất lao động xã hội cao.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp.

Mục tiêu đến năm 2000 : GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990 ; nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt khoảng 9 - 10%, sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp khoảng 4,5 - 5%, công nghiệp 14 - 15%, dịch vụ 12 - 13%, xuất khẩu khoảng 28% ; tỉ lệ đầu tư/GDP khoảng 30% ; năm 2000 nông nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng 34 - 35%, dịch vụ 45- 46% GDP (3).

Để đạt được mục tiêu dài hạn (tới năm 2020) và trung hạn (đến năm 2000) như trên, nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là : Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, phát triển toàn diện nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản ; phát triển công nghiệp, ưu tiên các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin ; xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển nhanh du lịch, các dịch vụ hàng không, hàng hải, bưu chính - viễn thông, thương mại, vận tải, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, công nghệ, pháp lý, thông tin và các dịch vụ phục vụ đời sống nhân dân ; phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ; mở rộng và nâng cao có hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đảng ta nhiều lần nhấn mạnh rằng, trong quá trình thực hiện nội dung, mục tiêu và những bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải luôn luôn nắm vững và quán triệt những quan điểm chỉ đạo mà Đảng đã chỉ ra. Quan điểm cơ bản có tính nguyên tắc là : Chúng ta thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa *là để xây dựng chủ nghĩa xã hội* ; chúng ta đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là *theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Các quan điểm cụ thể là :

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại ; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

(3) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 82

Digitized by Google

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.(4)

NHỮNG YẾU TỐ BẢO ĐẢM SỰ THÀNH CÔNG

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường phát triển của đất nước ta trong giai đoạn mới. Trong cuộc hành trình đi đến tương lai, chúng ta không quên rằng đất nước mình còn nghèo nàn, lạc hậu, khoảng cách về trình độ phát triển so với nhiều nước quanh ta còn khá xa, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn là thách đố gay gắt. Một số thế lực vẫn muốn thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" để chống phá cách mạng nước ta. Trong khi đó, chệch hướng xã hội chủ nghĩa và quan liêu, tham nhũng vẫn là những nguy cơ lớn.

Tuy nhiên, chúng ta có những điều kiện và có khả năng để thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những yếu tố thuận lợi do môi trường quốc tế đem lại cùng với những bước chuyển mạnh mẽ do chúng ta tạo ra đã trở thành nguồn lực tổng hợp để đưa đất nước đi lên.

Môi trường quốc tế hiện nay có nhiều biểu hiện tích cực rất thuận lợi cho sự phát triển. Đó là xu hướng quốc tế hóa với việc phân công lao động quốc tế không ngừng phát triển, là tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật - công nghệ, đặc biệt là không khí hòa bình, hợp tác trong khu vực và trên toàn thế giới. Bối cảnh chung đó giúp cho những nước đi sau có điều kiện để nhìn trước, trông sau, tìm ra cho mình những nhân tố hợp lý, rút được những bài học thành công và cả bài học không thành công của các nước đi trước. Thực tế cho thấy, có cách phát triển truyền thống là tuần tự, đi dần từng bước vững chắc, nhưng cũng có cách đi vừa tuần tự, vừa nhảy vọt, vừa tăng tốc, vừa chạy tắt, đón đầu.

Điều kiện quốc tế bên ngoài rất quan trọng, nhưng nhân tố quyết định nhất cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa lại từ phía chúng ta. Mười năm đổi mới đã mang lại cho chúng ta những kết quả to lớn : đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tuy một số mặt còn chưa vững chắc ; những nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành ; Việt nam đã tạo lập được nội lực mới, thế đứng mới và gia tốc mới. Thế mới và lực mới là kết quả tổng hợp của quá trình đổi mới và hội nhập, là sự ổn định về chính trị và tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế. Gia tốc mới chính là có cách nghĩ và cách làm hợp lý mang lại hiệu quả rõ rệt, là sự khởi sắc của nền kinh tế có tích lũy từ nội bộ, là sự vượt trội tạo đà cho quá trình phát triển tiếp theo.

Một vấn đề rất quan trọng nữa là lợi thế và tiềm năng của đất nước. Nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có vùng biển và thềm lục địa rộng lớn, nhiều tuyến giao lưu quốc tế quan trọng, lại nằm trong khu vực đang và sẽ phát triển năng động nhất thế giới. Chúng ta lại có nguồn nhân lực rất dồi dào. Đội ngũ lao động của chúng ta có kỹ thuật, có kiến thức, lại cần cù, khéo léo, năng động và sáng tạo, có đủ khả năng tiếp cận những công nghệ mới tiên tiến của thế giới.

Vậy là, với sự định hướng chuẩn xác và phát động đúng thời điểm, như một nhạc trưởng tài hoa điều khiển dàn nhạc hào hùng đất nước, Đảng cộng sản Việt nam đã kết hợp được cả ba yếu tố : thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Đó là điều kiện cơ bản nhất bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp cao cả và trọng đại : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ❑

(4) *Sđd*, tr 84 - 86.

Digitized by Google

VAI TRÒ CHỦ ĐẠO CỦA KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN

VŨ VĂN PHÚC*

Để phát huy vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước, Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ VIII đã nhấn mạnh : "Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng" (1).

Tính chất nhiều thành phần kinh tế là nét đặc trưng có tính quy luật của nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quá độ luôn luôn vận động, phát triển trong mối quan hệ, tác động qua lại, đan xen trong cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, trên cơ sở vừa hợp tác, bổ sung cho nhau, vừa cạnh tranh với nhau trong nền kinh tế thị trường và bình đẳng trước pháp luật. Để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các thành phần kinh tế phải được cải biến dựa vào những tiền đề khách quan : *thứ nhất*, xuất phát từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội và yêu cầu xã hội hóa sản xuất trên thực tế ; *thứ hai*, xuất phát từ đặc điểm, tính chất của từng ngành nghề mà xác định tỷ trọng, quy mô, cơ cấu các thành phần kinh tế cho phù hợp ; *thứ ba*, xuất phát từ khả năng tổ chức và quản lý kinh tế của nhà nước xã hội chủ nghĩa và đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế. Vấn đề không phải là xóa bỏ hay ưu tiên thành phần kinh tế này hay thành phần kinh tế khác, mà điều quan trọng là phải nắm vững bản chất của từng thành phần và sử dụng chúng đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Mỗi thành phần kinh tế có bản chất và những quy luật kinh tế hoạt động riêng, dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về lực lượng sản xuất, và có khả năng tái sản xuất một cách tương đối độc lập lực lượng sản suất và quan hệ sản xuất tương ứng. Khả năng tái sản xuất là điều kiện tồn tại và vận động của mỗi thành phần kinh tế. Chính xu hướng *mở rộng* hay *thu hẹp* khả năng sản xuất chỉ rõ vai trò và triển vọng của mỗi thành phần kinh tế trong nền sản xuất xã hội.

Tuy nhiên, các thành phần kinh tế không tồn tại một cách biệt lập, mà có mối liên hệ và tác động qua lại, đan xen. Để bảo đảm nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong quá trình vận động, vừa hợp tác vừa cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác, thành phần kinh tế nhà nước phải tự vươn lên, làm sao để cùng với kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng cho chế độ xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế nhà nước bao gồm các *doanh nghiệp nhà nước*, các *sở hữu nhà nước* như đất đai, ngân sách, lực lượng dự trữ, kể cả một phần vốn của nhà nước đưa vào các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Nghĩa là, hệ thống kinh tế nhà nước gồm *hai* bộ phận cấu thành : doanh nghiệp nhà nước và kinh tế nhà nước phi doanh nghiệp (đất đai, ngân sách quốc gia, các quỹ quốc gia...). "Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích, nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội do nhà nước giao" (2). Doanh nghiệp nhà nước có *hai* loại : loại hoạt động *kinh doanh* vì mục tiêu lợi nhuận, và loại hoạt động *công ích* không vì mục tiêu lợi nhuận. Ngoài ra, còn có loại *nằm giữa* hai loại trên, như những tổ chức kinh tế đang quản lý, duy tu,

* PTS kinh tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 92

(2) *Luật doanh nghiệp nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 5

Digitized by Google

bao dưỡng cơ sở kinh tế hạ tầng (cầu, đường, sân bay, bến cảng...). Loại này có xu hướng chuyển hóa *từng phần* sang hai loại trên.

Kinh tế nhà nước *cần* và *có thể* giữ vai trò chủ đạo vì những lý do sau đây :

Thứ nhất, kinh tế nhà nước dựa trên *chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất*, là chế độ sở hữu phù hợp với xu hướng *xã hội hóa* của lực lượng sản xuất. Ở đây, cần phân biệt *hình thức sở hữu* và *chủ sở hữu*. Nhà nước - đại diện cho toàn dân - là chủ sở hữu công cộng của toàn dân.

Thứ hai, kinh tế nhà nước nắm giữ những vị trí then chốt, yết hầu, xương sống của nền kinh tế, do đó nó *có khả năng, có điều kiện chi phối hoạt động của các thành phần kinh tế khác*, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển theo hướng đã định.

Thứ ba, kinh tế nhà nước là lực lượng bảo đảm cho sự phát triển ổn định của nền kinh tế ; là lực lượng có khả năng can thiệp, điều tiết, hướng dẫn giúp đỡ và liên kết, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng phát triển.

Thứ tư, kinh tế nhà nước có thể tác động tới các thành phần kinh tế khác không chỉ bằng các công cụ và đòn bẩy kinh tế, mà còn bằng con đường gián tiếp, thông qua những thiết chế và hoạt động của kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa.

Thứ năm, kinh tế nhà nước dẫn đầu trong việc ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, tiên tiến ; do đó nó có nhịp độ phát triển nhanh, đóng góp phần lớn cho ngân sách nhà nước*, và tự tích tụ để có thể không ngừng tái sản xuất mở rộng.

Thứ sáu, kinh tế nhà nước là lực lượng nòng cốt hình thành các trung tâm kinh tế, đô thị mới ; là lực lượng có khả năng đầu tư vào những lĩnh vực có vị trí quan trọng sống còn nhưng ít ai dám đầu tư vì đòi hỏi vốn quá nhiều mà thời gian thu hồi vốn lại chậm...

Để thành phần kinh tế nhà nước có thể thực sự giữ vai trò chủ đạo, xứng đáng là phương thức sản xuất chi phối, cần áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ, trong đó có *một số biện pháp chủ yếu* sau đây :

1- Tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu mà các thành phần kinh tế khác không có đủ điều kiện hoặc không muốn đầu tư kinh doanh như : kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm ; những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng ; một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng, an ninh... Nhà nước chỉ nên nắm một số không nhiều "những đài chỉ huy" trong nền kinh tế, tức là những vị trí kinh tế then chốt, yết hầu, thông qua đó mà điều tiết, chi phối, hướng dẫn hoạt động của các thành phần kinh tế khác, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển theo hướng đã định.

2- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa *quyền sở hữu* và *quyền sử dụng* tư liệu sản xuất bằng cách lựa chọn các hình thức kinh tế phù hợp.

3- Đổi mới, dẫn đầu trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và phát huy ưu thế về kỹ thuật tiến bộ nhất ; liên kết, liên doanh với các thành phần kinh tế khác nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội.

4- Thực hiện từng bước vững chắc việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước, trong đó cổ phần thuộc sở hữu nhà nước phải là *cổ phần chi phối* hoặc *cổ phần đặc biệt*. Để có được *cổ phần chi phối*, nhà nước phải nắm trên nửa số cổ phần của doanh nghiệp, hoặc cổ phần của nhà nước ít nhất cũng phải gấp đôi số cổ phần của cổ đông lớn nhất khác trong doanh nghiệp. *Cổ phần đặc biệt* là cổ phần có quyền quyết định một số vấn đề quan trọng của doanh nghiệp theo thỏa thuận trong điều lệ doanh nghiệp. Để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước có thể bán cổ phần cho cán bộ, công nhân, viên chức trong doanh nghiệp ; có thể vừa bán cho lao động trong

* Phần đóng góp của doanh nghiệp nhà nước ở ta cho ngân sách nhà nước năm 1992 là 70,2%, năm 1993 là 72%

Digitized by Google

doanh nghiệp vừa bán cho tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp ; cũng có thể : giữ nguyên tài sản của nhà nước, chỉ phát hành một số cổ phiếu để tăng vốn cho cơ sở sản xuất đã có hay cho phân xưởng mới thành lập ; hoặc cũng có thể : gọi cổ phần ngay từ đầu khi mới thành lập.

5- Tiếp tục sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước phù hợp với yêu cầu sản xuất - kinh doanh trong điều kiện mới. Phương hướng chủ yếu hiện nay là thành lập một số tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp, tập đoàn kinh doanh lớn có uy tín, có tầm vóc quốc gia và quốc tế, tạo thế và lực để phát triển, đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt trong quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Đối với những doanh nghiệp xét thấy không cần thiết hoặc thua lỗ kéo dài, không có khả năng vươn lên, thì chuyển sang hình thức sở hữu khác, cho thuê hoặc giải thể.

Chủ trương sắp xếp, tổ chức đăng ký và thành lập lại doanh nghiệp nhà nước (Nghị định 388/HĐBT) là một chủ trương lớn của Chính phủ nhằm khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong phát triển doanh nghiệp nhà nước theo cơ chế cũ. Chủ trương này là bước tiến mới trong quá trình thể chế hóa công tác quản lý của nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước, và thực tế nó đã thu được một số kết quả đáng kể.

Ở đây, cần chống *hai* khuynh hướng sai lầm : *hoặc* coi nhẹ doanh nghiệp nhà nước, muốn tư nhân hóa tràn lan ; *hoặc* bảo thủ, muốn duy trì toàn bộ doanh nghiệp nhà nước, không muốn tổ chức sắp xếp lại cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới. Việc giảm bớt số lượng doanh nghiệp nhà nước không có nghĩa là làm giảm sức mạnh kinh tế của nó. Giải thể những doanh nghiệp nhà nước không còn cần thiết để tập trung sức cho những doanh nghiệp thực sự cần thiết cho quốc kế dân sinh, điều đó nhất định sẽ giúp nâng cao vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trên nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội, làm cho doanh nghiệp nhà nước thật sự là lực lượng nòng cốt bảo đảm cân đối vĩ mô, tạo thế ổn định kinh tế - xã hội trong quá trình đổi mới. Thực tế những năm qua ở nước ta đã cho thấy, mặc dù số lượng doanh nghiệp nhà nước giảm, nhưng phần đóng góp của doanh nghiệp nhà nước trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ngày càng tăng : từ 36,1% năm 1991 lên 40,5% năm 1992, lên 43,2% năm 1993, lên 47% năm 1994, lên gần 50% năm 1995.

6- Để nâng cao tính hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp nhà nước xứng đáng là bộ khung trong hệ thống các doanh nghiệp của toàn bộ nền kinh tế, cần phải nâng cao tính hạch toán, tính chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của giám đốc và tập thể người lao động. Việc thành lập *Tổng cục quản lý vốn* là một giải pháp đúng đắn mở đầu cho việc quản lý có hiệu quả sở hữu quốc gia. Tuy nhiên, để cho các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả thì phải đánh giá toàn diện khả năng sinh lợi của xí nghiệp. Đối với những trường hợp lợi nhuận cao là do sự độc quyền của xí nghiệp, do chính sách kinh tế ưu đãi của nhà nước, thì dứt khoát phải có sự điều tiết thích hợp.

Nhìn một cách tổng quát, *bảo toàn vốn* và *có lãi* là nguyên tắc quan trọng nhất và là mục tiêu cơ bản nhất để quản lý doanh nghiệp nhà nước, tạo cơ sở vững chắc cho nhà nước thực hiện đúng các định hướng vĩ mô. Vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước được thực hiện thông qua các phương pháp, công cụ kinh tế nhằm bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của nhà nước. Hoạt động của doanh nghiệp nhà nước phải phù hợp với các nhiệm vụ phát triển kinh tế của chính phủ. Doanh nghiệp nhà nước là công cụ để nhà nước thực hiện vai trò điều tiết vĩ mô. Lĩnh vực quan trọng mà doanh nghiệp nhà nước phải giữ vai trò nòng cốt, là ổn định thị trường, thực hiện nghiêm túc các mục tiêu chính trị, xã hội.❑

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA - NHÌN TỪ KHÍA CẠNH GIAI CẤP

LƯU HÀ VĨ *

LÂU nay, các công trình nghiên cứu về công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở nước ta phần lớn tiếp cận từ các khía cạnh kinh tế ; còn khía cạnh giai cấp thì hầu như rất ít được tiếp cận.

Để góp phần làm sáng tỏ các quan điểm Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, tôi xin trình bày một số suy nghĩ của mình chung quanh vấn đề này, dù biết rằng đây là vấn đề rất rộng lớn và phức tạp, sự suy nghĩ của mình còn nhiều hạn chế.

Tùy thuộc trực tiếp vào tư cách *chủ thể sở hữu*, và do đó, cũng tùy thuộc vào *chủ thể chính trị* tương ứng, khía cạnh giai cấp của công nghiệp hóa, hiện đại hóa được phản ánh trong sử biên niên cận - hiện đại của loài người chỉ giới hạn ở *hai* kiểu, hai đường lối *đối lập nhau về bản chất giai cấp* - hoặc là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, hoặc là công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa - không có con đường thứ ba !

Luận điệu "công nghiệp hóa - hiện đại hóa phi giai cấp" với lý lẽ mập mờ "miễn làm sao dân giàu nước mạnh thì ắt xã hội công bằng, văn minh" thực chất là đại bịp !

Chỉ có ai chưa qua vỡ lòng chính trị hoặc cố tình tự lừa dối mình và chối bỏ sự thật mới khờ khạo ảo tưởng như vậy. Làm sao một chỉnh thể *đầy ắp nội dung giai cấp* "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" với tư cách mục tiêu chân chính của tất cả những người lao động *có giác ngộ* lại có thể được thực thi bằng một thứ phương tiện kỳ quặc "công nghiệp hóa - hiện đại hóa phi giai cấp" ? Luận điệu vô căn cứ và phản khoa học này chỉ là món hàng nhập khẩu - chế biến lại - từ các dòng triết học phương Tây như "chủ nghĩa thực chứng mới", "chủ nghĩa kỹ trị" hay cách tiếp cận thuần túy văn minh công nghệ của An-vin Tô-phlơ (Alvin Toffler) về cái gọi là "làn sóng văn minh thứ ba". Tất cả đều mưu toan biện hộ cho chủ nghĩa tư bản hiện đại, đánh lạc hướng cuộc đấu tranh giai cấp giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên hành tinh nói chung và trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam nói riêng. Giai điệu "công nghiệp hóa-hiện đại hóa phi giai cấp" cũng không nằm ngoài điệp khúc "phi ý thức hệ" - *một trò bịp cũ rích* của các thế lực lỗi thời mà chúng tôi đã có dịp trình bày trên *Tạp chí Cộng sản* (hai số 7 và 8, tháng 4/96).

Công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa triển khai đầu tiên ở Anh từ những năm 70 của thế kỷ XVIII tiếp sau giai đoạn công trường thủ công. Cột mốc thành công năm 1825 của nó cũng chính là thời điểm bùng nổ cuộc khủng hoảng đầu tiên không tránh khỏi của phương thức sản xuất và trao đổi tư bản chủ nghĩa. Lịch sử công nghiệp hóa - và ngày nay gắn với hiện đại hóa - trong khuôn khổ trật tự tư sản suốt 170 năm qua gắn liền với lịch sử như *hình với bóng* dưới mọi hình thức từ khủng hoảng chu kỳ đến không chu kỳ, trì trệ, lạm phát, thất nghiệp, khủng hoảng sinh thái cùng với các khủng hoảng thuộc thượng tầng kiến trúc.

Một mặt, Mác - Ăng ghen không tiếc lời ca ngợi bước tiến khổng lồ trong vòng chưa đầy một thế kỷ (chủ yếu do công nghiệp hóa, tính đến *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* năm 1848), chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một khối lượng của cải đồ sộ hơn tất cả các thế kỷ trước gộp lại. Và, cùng với bước tiến lịch sử đó là sự khẳng định hệ thống các giá trị "tự do, bình đẳng, bác ái" tư sản sau "đêm trường trung cổ".

Nhưng *mặt khác*, các ông cũng thẳng thắn vạch trần hàng loạt hậu quả bi thảm phi nhân tính do công nghiệp hóa dựa trên sự thống trị của chế độ tư hữu cũng như của thiểu số đối với đa số. Điên cuồng săn đuổi và bóp nặn giá trị thặng dư, tung hô một cách vô liêm sỉ mãnh lực đồng tiền và "chủ nghĩa bái vật hóa" vô bờ bến, giai cấp tư sản đã viết nên lịch sử tích lũy nguyên thủy cùng với công nghiệp hóa bằng những trang *đầy máu và nước mắt*.

* PTS Triết học, Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Khái niệm "giai cấp tư sản đang lên tiến bộ và cách mạng" là có thật. Nhưng nếu đọc lại *"Tình cảnh giai cấp công nhân Anh"* của Ăng ghen hay *"Tư bản"* của Mác, không ai có thể chối cãi cái giá tàn khốc mà quần chúng lao động cũng như các dân tộc thuộc địa phải trả cho công nghiệp hóa chỉ với mục đích đặc quyền đặc lợi của một thiểu số. Không phải ngẫu nhiên mà chính trên mảnh đất phân cực đối kháng đó, chủ nghĩa xã hội không tưởng sớm xuất hiện, đã phát triển tới đỉnh cao vừa tiêu biểu cho khát vọng tự nhiên của loài người về một tương lai tốt đẹp, vừa là sự manh nha của ý thức hệ vô sản, và sau đó, trở thành một trong những tiền đề lý luận của ý thức hệ tiên tiến đó.

Các thành tựu cách mạng kỹ thuật đạt được cuối thế kỷ XIX đã thúc đẩy công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa, làm tăng vượt bực quy mô tích tụ và tập trung tư bản, tất yếu dẫn tới chủ nghĩa tư bản độc quyền nói riêng và chủ nghĩa đế quốc nói chung. Lê-nin gọi đó là *giai đoạn tột cùng* của chủ nghĩa tư bản sớm muộn sẽ bị phủ định bởi ba mâu thuẫn cơ bản ngày càng sâu sắc và gay gắt của nó : giữa vô sản với tư sản, giữa đế quốc với đế quốc, giữa đế quốc với thuộc địa. Và ông cho rằng tổng thể những mâu thuẫn đó là "động lực mạnh nhất của thời kỳ quá độ".

Tận dụng lợi thế các công nghệ mới, nhóm các nước tư bản phát triển sau (Đức, Ý, Nhật) trong một thời gian ngắn đã triển khai công nghiệp hóa cả về chiều rộng lẫn chiều sâu với những mức độ tự động hóa khác nhau. Đó là bối cảnh của *sự phát triển không đều* về kinh tế dẫn đến sự phát triển không đều về chính trị của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mà Lê-nin là người đầu tiên phát hiện. Hơn nữa, như phân tích của Lê-nin, chính tác động của quy luật không đều này tất yếu làm xuất hiện *những khâu yếu nhất* trong "sợi xích đế quốc chủ nghĩa" bởi tập trung ở đó nhiều mâu thuẫn gay gắt nhất của chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, xét đến cùng, lịch sử công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa đến thế kỷ XX này đã làm đảo lộn dự kiến của Mác về khả năng bùng nổ và thắng lợi của cách mạng kiểu mới đồng thời ở loạt nước phát triển nhất. Trong bối cảnh mới, Lê-nin quả quyết rằng, cách mạng có thể bùng nổ và thắng lợi *ở một vài nước*, thậm chí *ở một nước* mà nước đó chưa căn bản công nghiệp hóa. Tiến trình ba cuộc cách mạng Nga đầu thế kỷ (1905, Tháng Hai 1917, Tháng Mười 1917) cùng với hàng chục cuộc cách mạng thắng lợi trên bốn châu lục - Âu, Á, Phi, Mỹ la tinh - suốt thế kỷ đã hoàn toàn xác nhận kết luận thiên tài của Lê-nin.

Đặc biệt, tư duy sắc sảo của Lê-nin, từ đêm trước Cách mạng Tháng Mười, đã sớm nhận ra vai trò lịch sử độc đáo của chủ nghĩa tư bản nhà nước (với hình thức cao nhất bấy giờ là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước). Vốn là sản phẩm kết hợp giữa nhà nước là kẻ đại diện chính trị - xã hội ở thượng tầng kiến trúc với kinh tế tư bản ở hạ tầng cơ sở, chủ nghĩa tư bản nhà nước phản ánh rằng, tính chất lỗi thời của giai cấp tư sản một lần nữa tỏ ra *không thể tự mình* dung hợp với trình độ và tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất do tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa mang lại.

Sự xuất hiện công nghiệp tư bản nhà nước không hề làm biến chất xã hội tư sản như các học giả tư sản từng rêu rao. Song, Lê-nin thiên tài lần đầu tiên lại hình dung chính ở đó là "sự chuẩn bị *vật chất* đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội", "một bước tiến tới chủ nghĩa xã hội", *"phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội"*, và "không có bức tường ngăn cách" giữa nó và chủ nghĩa xã hội [1]. Luận điểm bất hủ này của Lê-nin về sau trở thành một điểm tựa luận chứng vững chắc cho chính sách kinh tế mới (NEP), và đến nay còn nóng hổi cả về giá trị lý luận lẫn chính trị - thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới của chúng ta.

Hai cuộc chiến tranh thế giới đều do chủ nghĩa đế quốc phát động với cuộc đại khủng hoảng xen giữa (1929 - 1933) là *những kết cục lôgic* của lịch sử công nghiệp hóa, hiện đại hóa dưới sự thống trị của chế độ tư hữu cùng với những đối kháng giai cấp và dân tộc. Cũng không thể phủ nhận *sức kích thích đặc biệt* của cuộc *chạy đua chiến tranh* và *chiến tranh* đối với các tiến bộ khoa học và công nghệ. Song lương tri loài người và cuộc sống hòa bình của các dân tộc tuyệt nhiên không muốn đánh đổi các phát minh khoa học và công nghệ bằng cái giá đẫm máu và nước mắt của chính mình !

Hiện đại hóa từ nửa sau thế kỷ XX - như cách nói đầy ấn tượng của nhà tương lai học nổi tiếng Mỹ An-vin Tô-phlơ - là "làn sóng văn minh thứ ba"

(1) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 34, tr 256 - 258

Digitized by Google

bắt đầu triển khai ở Mỹ giữa những năm 50 và ở Tây Âu giữa những năm 70. Ông có lý khi tổng kết rằng, sau "làn sóng văn minh nông nghiệp" mấy ngàn năm và "làn sóng văn minh công nghiệp" vài trăm năm, loài người đón nhận "làn sóng thứ ba" với nhiều tên gọi "văn minh hậu công nghiệp", "văn minh kỹ trị", "văn minh điện tử", "văn minh trí tuệ", "văn minh chất xám"... trong đó, *tin học hóa* đóng vai trò trung tâm. Ông cũng có lý khi dự báo tới viễn cảnh không xa của "một xã hội thông tin" với bao biến đổi không thể ngờ được trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Song, thật là nghịch lý và rất không biện chứng, là một con người sắc sảo như vậy lại đưa ra không ít những dự báo siêu hình, cực đoan và vũ đoán *đầy dụng ý*, hoàn toàn phù hợp với thiên chức *một môn đệ trung thành* của chủ nghĩa tư bản hiện đại, không hơn không kém. Chẳng hạn, đơn cử trong số những dự báo của ông là "vấn đề sở hữu không còn ý nghĩa gì" và "các hệ thống chính trị bị tê liệt" khi "làn sóng thứ ba" tràn qua ! Rõ ràng, cách tiếp cận của ông đối với văn minh loài người chỉ thiên lệch về "văn minh công nghệ" không thoát khỏi thiên kiến tư sản và nó hoàn toàn xa lạ với cách *tiếp cận hệ thống* từ học thuyết hình thái kinh tế - xã hội với tư cách là "hòn đá tảng" của xã hội học mác xít.

Sự thật thường bướng bỉnh - như cách nói của Lê-nin : Năm 1989, ở chính "nước Mỹ tự do" của nhà tương lai học, xứ sở của "làn sóng thứ ba" thần tiên, 1% số hộ gia đình giàu có từ 180 000 đô la/năm trở lên chiếm tới 80% của cải toàn nước Mỹ; trong lúc đó, 20% số hộ nghèo chỉ chia nhau 5,7% của cải đó ! Và thay nhau ngự trị "thiên đàng Nhà Trắng" vẫn không ai khác hơn là "Con Voi" hoặc "Con Lừa" - hai chính đảng đại diện cho các tập đoàn tư bản lũng đoạn ở Mỹ.

Năng suất cực kỳ cao do tự động hóa và hiện đại hóa mang lại, hiện tượng trung lưu hóa và cổ phần hóa tăng dần trong dân cư, hệ thống phúc lợi xã hội ngày càng phong phú và nâng cao, kể cả những cải cách nhất định trong giới hạn các thiết chế dân chủ tư sản..., những hiện tượng như vậy tuyệt nhiên không phải là cứu cánh của các giai cấp lao động hay mục đích tự thân của công nghiệp hóa - hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa. Sức ép tổng hợp từ chiều sâu của những biến đổi cách mạng trong lực lương sản xuất ở *tầm hiện đại nhất* cùng với cuộc đấu tranh bền bỉ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ và cách mạng trên toàn thế giới - không loại trừ ảnh hưởng tích cực từ phía chủ nghĩa xã hội hiện thực với đỉnh cao vào những năm 70 - tất yếu đòi hỏi chủ nghĩa tư bản hiện đại phải biết thích ứng như vậy.

Công nghiệp hóa - hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa, từ trong bản chất của nó, đã và sẽ không bao giờ tự phát dẫn tới chủ nghĩa xã hội vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Mô hình "chủ nghĩa xã hội dân chủ" cũng đã và sẽ không bao giờ vượt khỏi cương lĩnh của các chính đảng tư sản - dù tên gọi của nó thế nào. Mô hình đó đang phá sản cả về lý luận lẫn chính trị - thực tiễn.

Phản biện và bác bỏ trò bịp "công nghiệp hóa - hiện đại hóa phi giai cấp", những người cộng sản cầm quyền (và cả những người dân chủ - cách mạng cầm quyền theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Á - Phi - Mỹ la tinh) có thể và cần phải tìm thấy ở lịch sử công nghiệp hóa - hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa những bài học *chính diện và phản diện* cho hành trang của mình để dẫn dắt các dân tộc chậm tiến đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Chính những bài học lịch sử này góp phần "giảm bớt những cơn đau đẻ lên chủ nghĩa xã hội"- như cách nói của Mác. Đặc biệt những *bài học chính diện* rút ra từ lịch sử công nghiệp hóa - hiện đại hóa nói riêng và lịch sử chủ nghĩa tư bản nói chung xứng đáng được liệt vào những giá trị tích cực trong dòng chảy liên tục và thống nhất của lịch sử văn minh nhân loại.

Điều đó liên quan đến cách hiểu biện chứng về tính chất hai mặt - tiêu cực, lỗi thời hay tiến bộ, cách mạng - của giai cấp tư sản từ lịch sử "dích dắc" không giản đơn của công nghiệp hóa - hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa. Nếu không, phủ định giai cấp tư sản sau cách mạng chính trị kiểu mới sẽ không tránh khỏi giản đơn, siêu hình, duy ý chí.

Ở thế kỷ trước, Mác - Ăng-ghen mới hình dung tính chất lỗi thời, phản động của giai cấp tư sản vừa đạt tới công nghiệp hóa cùng với những sự kiện điển hình của thế kỷ XIX trong bối cảnh tự do cạnh tranh như khởi nghĩa của thợ dệt Li-ông (Pháp 1831, 1834) của thợ dệt Xi-lê-di (Đức 1844), phong trào Hiến chương ở Anh những năm 30 - 40 của thế kỷ XIX, Cách mạng và phản cách mạng 1848 ở Pháp, Công xã Pari (1871) và kết cục là "tuần lễ

Digitized by Google

đẫm máu" mà các thế lực phản động Pháp - Đức dành cho Công xã.

Từ lôgíc bên trong của công nghiệp hóa và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, kết luận chính trị trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* về sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều "tất yếu như nhau" là kết luận hợp quy luật và từng bước được chứng minh qua thực tiễn sinh động ngay từ thế kỷ XIX.

Song, như Lê-nin đã chỉ rõ, ngay đến "70 ông Mác" cũng không hình dung nổi sự phát triển tiếp theo của chủ nghĩa tư bản hiện đại sẽ như thế nào. Những điều kiện khách quan và chủ quan hết sức phức tạp của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, những thủ đoạn tàn bạo và hiểm độc của các thế lực phản động, tương quan so sánh lực lượng... tác động tổng hợp của các yếu tố đó đã làm *trì hoãn và đẩy lùi* cách mạng vô sản sang đầu thế kỷ XX.

Đến lượt mình, khi trực tiếp chỉ đạo xây dựng xã hội mới sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin cũng chỉ hình dung "cơ sở vật chất kỹ thuật duy nhất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là đại công nghiệp cơ khí..." Như vậy, cả Mác, Ăng-ghen và Lê-nin đều chưa hình dung hết tính chất lỗi thời - phản động của chủ nghĩa tư bản có thể và đã tồn tại *vượt qua* công nghiệp hóa để tiếp tục thích ứng với cả hiện đại hóa như ngày nay. Nhưng các ông nhiều lần nhấn mạnh rằng chủ nghĩa xã hội phải là kết quả của sự kế thừa *những thành tựu mới nhất* của chủ nghĩa tư bản cùng với tất cả những gì là *giá trị tích cực* của nó. Với tinh thần đó, Lê-nin nêu lên một triết lý *hết sức biện chứng* rằng "chủ nghĩa xã hội đang nhìn sang chúng ta từ tất cả những ô cửa của chủ nghĩa tư bản hiện đại". Những ô cửa của tòa nhà tư bản chủ nghĩa này được hiểu rất rộng từ kinh tế đến chính trị, văn hóa thậm chí cả triết học. Đương nhiên, những ô cửa đó không thể không kể đến nền móng vật chất - kỹ thuật của nó mà ngày nay, bên thềm thế kỷ XXI, so với cái hiện đại của thời Lê-nin là cả một trời, một vực !

Ấy là chưa kể đến một tình huống đặc biệt ngoạn mục mà chỉ cách đây vài ba chục năm không ai ngờ tới trong lịch sử công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Đó là hiện tượng một loạt những CON RỒNG CHÂU Á đã và đang tiến hành thắng lợi chiến lược tổng hợp cả công nghiệp hóa và hiện đại hóa một cách khôn ngoan trên cơ sở kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh khu vực và thời đại trong thời gian ngắn nhất.

Chân lý là cụ thể. Như vậy kết luận khái quát về "tính lỗi thời lịch sử của chủ nghĩa tư bản thế giới" không thể tùy tiện áp dụng cho giai cấp tư sản ở khu vực vốn là *thuộc địa - phong kiến chậm phát triển*, nhất là đối với giai cấp tư sản dân tộc ở các nước đã trở thành CON RỒNG CHÂU Á. Dù bản chất công nghiệp hóa - hiện đại hóa là tư bản chủ nghĩa, nhưng nếu phải bắt đầu từ bối cảnh đặc thù như vậy, thì vai trò *tích cực - cách mạng* của giai cấp tư sản dân tộc đối với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa vẫn mang tính tất yếu. Sự khác biệt về chế độ chính trị - tư sản hay định hướng vô sản, tự nó không thể là tiêu chuẩn khách quan để phán xét tính chất lỗi thời hay cách mạng của một giai cấp, xét riêng trong vấn đề công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Song, xin hãy đừng quên cái chỉnh thể chủ nghĩa tư bản hiện đại chủ yếu không phải ở "vùng ngoại vi" (Á - Phi - Mỹ la tinh), mà là ở "trung tâm", là các nước phát triển hàng đầu (G7). Ngay ở "ngoại vi", khác hẳn với các CON RỒNG CHÂU Á là hàng trăm quốc gia dân tộc nợ nần chồng chất gần 2000 tỷ đô la không trả nổi ! Trong khi đó, ở các nước phát triển, tiến trình hiện đại hóa (mà tốc độ tăng trưởng là chỉ số tiêu biểu) ngày càng chựng lại, *hoàn toàn tương phản* với khối lượng các phát minh khoa học - công nghệ tăng lên như vũ bão trong thời đại bùng nổ thông tin. Và, cứ 24 tiếng đồng hồ, hàng nghìn tỷ đô la nhảy múa như trò ảo thuật qua lại trên các máy vi tính, trên các hệ thống viễn thông giữa các ngân hàng tư bản kếch sù trên thế giới, để rồi, chỉ có dăm ba phần trăm giá trị khổng lồ đó đầu tư vào sản xuất ! Cả môi trường sinh thái lẫn môi trường xã hội vẫn tiếp tục bị tha hóa... Chỉ đơn cử vài ba trong vô vàn bi kịch - nghịch lý ở ngay "trung tâm" chủ nghĩa tư bản hiện đại đó cũng đủ thấy rõ sự lỗi thời mang tính lịch sử thế giới của nó.

Như vậy, từ bản thân lịch sử và lôgíc nội tại của sự vật, có thể khái quát rằng, công nghiệp hóa - hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa không thể diễn ra lâu bền và lành mạnh trong giới hạn chật hẹp của chế độ sở hữu tư nhân và pháp quyền tư sản nói chung. Sự khẳng định của giáo sư, tiến sĩ Vũ Đình Cự rằng

Digitized by Google

"Trí tuệ trái với tư hữu" [2] là hoàn toàn phù hợp với kết luận bao trùm đó.

Từ cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười năm 1917, loài người đã biết tới một kiểu công nghiệp hóa khác về chất, một trong những bộ phận cấu thành quan trọng nhất của lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Màn giáo đầu là mô hình "cộng sản thời chiến" không tránh khỏi trong tình huống đấu tranh giai cấp cực kỳ quyết liệt giành và giữ chính quyền. Đó là mô hình *không theo đúng các qui luật kinh tế* và *cuộc sống đời thường* cho nên đã dẫn đến khủng hoảng vào mùa xuân 1921 khi nội chiến chấm dứt. Tại Đại hội X Đảng Cộng sản Nga (3 - 1921), Lê-nin đã nhấn mạnh phải thực hiện bước ngoặt có tính chất sống còn từ mô hình cộng sản thời chiến sang mô hình NEP. Phải là điển hình cho tinh thần tự chỉ trích bônsêvích *kiểu Lê-nin* mới dám thú nhận rằng việc trưng thu lương thực thừa ở nông thôn và trực tiếp thực hiện những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa ở thành thị theo mô hình cộng sản thời chiến là "dại dột và tự sát", là "sai lầm về đường lối", là "không tiêu hóa được thắng lợi của cách mạng chính trị", là "làm nông dân nổi giận" ở nông thôn và "đánh bật công nhân ra khỏi quỹ đạo giai cấp".v.v... và v.v. Và lối thoát duy nhất cho nguy cơ diệt vong đó phải là "một bước lùi nghiêm trọng" thông qua mô hình NEP nhằm trước hết là phục hồi sản xuất và trao đổi, ổn định và cải thiện đời sống, qua đó bảo vệ thành tựu cách mạng chính trị. Nhưng NEP không phải là giải pháp tình thế với ý nghĩa tạm thời như vậy. NEP về cơ bản chính là ĐƯỜNG LỐI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN lâu dài suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Rõ ràng, thiên tài của Lê-nin một lần nữa lại chói sáng.

Công nghiệp hóa kiểu mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa *phải tuân thủ trước hết các quy luật kinh tế*, mà *quy luật hàng đầu và cơ bản nhất là quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ và các nhu cầu phát triển khách quan của lực lượng sản xuất*. Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta một lần nữa đã cụ thể hóa quy luật cơ bản này trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta : "Nếu công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo nên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ xã hội mới thì việc *phát triển nền kinh tế nhiều thành phần* chính là để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp" [3].

Cuộc khủng hoảng tai ác đã bị NEP đẩy lùi trong thời gian kỷ lục (4 năm !). Giai cấp tư sản tìm thấy vị trí xứng đáng của mình trong chương trình nghị sự của NEP - đặc biệt là công nghiệp hóa - dưới hình thức tư bản tư nhân và tư bản nhà nước. Kế hoạch điện khí hóa nước Nga (GOELRO) với sự tham gia đắc lực của 200 chuyên gia tư sản, xứng đáng như một tượng đài kỷ niệm vinh quang về NEP. Công thức trong cương lĩnh đổi mới của Đảng ta ngày nay "đa dạng hóa sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, phát triển sản xuất hàng hóa, theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa" về cơ bản có thể tìm thấy đầy đủ và sinh động ở NEP. Viện sĩ Môi-sep không quá lời khi tặng cho NEP danh hiệu "cuốn giáo khoa tuyệt vời về chủ nghĩa xã hội thực tiễn"[4].

Đặc biệt, chủ nghĩa tư bản nhà nước - như toàn bộ luận chứng của Lê-nin - chiếm vị trí ưu tiên trong NEP cũng như trong cuộc đấu tranh chống khuynh hướng cực đoan ở " những người cộng sản cánh tả" *giàu nhiệt tình nhưng không nắm vững qui luật*. Để làm chín muồi cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội cùng với tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, để thực hiện thắng lợi quá độ từ "đại dương tiểu nông" lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản, Lê-nin đã nêu bật vai trò "chiếc cầu dẫn" không gì thay thế của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Lê-nin không hề ảo tưởng về vấn đề này khi đòi hỏi chủ nghĩa tư bản nhà nước kiểu mới không chỉ là "kết hợp các mặt đối lập" mà cốt tử hơn phải là "kết hợp một cách nghiêm túc", "kết hợp một cách có nguyên tắc". Có lẽ đó là nguyên tắc phương pháp luận cốt lõi xuyên suốt NEP với tư cách là học thuyết Lê-nin về thời kỳ quá độ nói chung và công nghiệp hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng.

---

(2) Xem bài "*Hệ thống công nghệ mới và xu thế thời đại*" của Vũ Đình Cự, *Tạp chí Cộng sản* số 4/1996, tr 31

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 24

(4) Môi - sép : *Chủ nghĩa xã hội và tin học, việc tính toán và điều khiển*. Viện thông tin khoa học xã hội xuất bản Hà nội, 1989, tl, tr 89

Digitized by Google

Thật đáng tiếc vì thời gian tồn tại quá ngắn ngủi của NEP. Nhà nghiên cứu Xô viết Bu-láp-xki giả định rằng, nếu Lê-nin sống lâu hơn cùng NEP, tình hình sẽ nhẹ nhàng hơn, hiệu quả hơn và có tính người hơn.

Trong thời đại ngày nay, rõ ràng các nước đi sau phải biết lựa chọn đúng chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa, kết hợp được sự phát triển *theo chiều rộng và theo chiều sâu*, phù hợp với đặc điểm dân tộc và triệt để khai thác hợp tác quốc tế. Điểm đầu và điểm cuối của chiến lược này, dù muốn hay không, phải luôn luôn là CON NGƯỜI. Phải làm *sao thật sự giải phóng được con người ra khỏi mọi đối kháng và tha hóa*, thực hiện bước ngoặt NHÂN CÁCH HÓA, làm bừng nở ở họ sự phát triển TỰ DO CÁ NHÂN trong VƯƠNG QUỐC CỦA TỰ DO mà Ăng-ghen hằng mơ ước.

Trật tự tư sản, dù hoàn thiện đến đâu cũng không cho phép làm được điều đó. Gần đây, các nước tư bản phát triển tuy có tỏ ra *thích nghi* với thời cuộc nhờ sớm tổng điều chỉnh các chính sách đối nội và đối ngoại của mình ; kiểu hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa tuy vẫn còn địa bàn để đạt tới những thành tựu kỳ diệu, nhưng những xung đột và bi kịch vốn có từ trong bản chất của nó vẫn không buông tha trật tự tư sản. Công nghiệp hóa kết hợp khôn ngoan và thành công với hiện đại hóa tạo nên các CON RỒNG CHÂU Á là hiện tượng có thật, *nhưng là cục bộ*. Biết bao giờ cả "thế giới thứ ba" mênh mông, lạc hậu, nợ nần chồng chất, bùng nổ dân số triền miên, và tuyệt đại đa số theo con đường tư bản chủ nghĩa hóa thành RỒNG ?

Đối với chúng ta, quá trình triển khai thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải tuân thủ *những quy luật chung*, không thể lặp lại mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa duy ý chí trước kia. Tốc độ tăng trưởng cao và đầy ấn tượng trong sự ổn định chính trị - xã hội của chúng ta qua những năm đổi mới, chứng tỏ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang đi theo phương hướng đúng - dù mới chỉ là bước đầu, còn nhiều vấn đề đặt ra cần tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện, kể cả từ khía cạnh giai cấp. ❑

Truyền thống...

(Tiếp thep trang 32)

Cần khẳng đinh rằng môn lịch sử, trước hết là lịch sử dân tộc, có nội dung rất phong phú và có thể phát huy nhiều tác dụng giáo dục truyền thống. Đề nghị Bộ giáo dục và đào tạo tổ chức nghiên cứu, đánh giá lại một cách khách quan và đưa ra một chương trình cải cách toàn diện về môn học này.

Môi trường văn hóa của xã hội cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong giáo dục nhân cách con người, trong đó có giáo dục truyền thống.

Trong thời gian qua, môi trường văn hóa của xã hội bị nhiễm độc khá nghiêm trọng, gây không ít hậu quả đối với các tầng lớp nhân dân, nhất là lớp thanh niên.

Vì vậy, tiếp theo sau Nghị định 87/CP, đề nghị nên có thêm những văn bản pháp quy, những chương trình và biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao và làm phong phú thêm môi trường và đời sống văn hóa của nhân dân, trong đó giá trị văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc cần giữ vị trí chi phối.

Cho đến nay, 80% dân số Việt nam vẫn là nông dân và do đó, nông nghiệp, nông thôn, nông dân vẫn là nền tảng kinh tế xã hội Việt nam. Trong nông thôn, gia đình là tế bào của xã hội, nhưng bao giờ cũng tồn tại gắn bó mật thiết với cộng đồng làng. Có thể nói, nền văn hóa nông nghiệp thực chất là "văn hóa làng" mà cội nguồn và cơ sở căn bản là văn hóa dân gian. Làng là địa bàn tụ cư truyền thống, là đơn vị kinh tế - xã hội cơ sở, đồng thời là không gian văn hóa tác động sâu sắc đến sự phát triển nhân cách con người, đến sự kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống.

Do đó, việc xây dựng "hương ước mới" cho làng (bản, ấp, phường) cần được nghiên cứu kỹ, có sự chỉ đạo thống nhất trên phạm vi toàn quốc, bảo đảm sự tôn trọng và thực thi pháp luật của nhà nước xuống tận cơ sở ; đồng thời khai thác, phát huy mặt tích cực kết hợp với việc hạn chế, xóa bỏ mặt tiêu cực của truyền thống cộng đồng, bảo tồn thuần phong mỹ tục của từng làng xã ❑

Digitized by Google

CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ VĂN HÓA TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

THÀNH DUY *

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật được hình thành đồng thời với quá trình tìm đường cứu nước, cứu dân của Người. Khi đi tìm chân lý cách mạng để giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân, Hồ Chí Minh không chỉ nghĩ đến việc giành chính quyền, vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, mà Người đã nghĩ đến việc thiết kế một nhà nước kiểu mới, nhà nước của dân, do dân, vì dân, thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc một cách triệt để theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh đã trải qua một quá trình tìm tòi, nghiên cứu nghiêm túc những di sản văn hóa pháp luật của thế giới thể hiện trong "Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền" của Cách mạng Pháp năm 1791, "Tuyên ngôn độc lập năm 1776" và "Hiến pháp năm 1789" của nước Mỹ, các tác phẩm về pháp luật của Mông-te-xki-ơ (Montesquieu) và Rút-xô (Rousseau), chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên, và đương nhiên cả trong nhiều tác phẩm của Mác, Lê-nin. .. Người cũng đã trải qua việc tìm hiểu thực tiễn sinh động các cuộc cách mạng đã diễn ra trên thế giới, các kiểu nhà nước của Mỹ, Pháp, Nga... Từ đó, Người tiếp thu những yếu tố tích cực trong tư tưởng pháp luật của các nhà văn hóa lớn, các nhà cách mạng ở phương Đông và phương Tây. Người khẳng định : "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên Việt nam..." (1).

Trên cơ sở tiếp thu những thành tựu về khoa học pháp lý của thế giới, những tinh hoa văn hóa pháp luật của nhân loại, kết hợp với việc nghiên cứu thực tiễn các cuộc cách mạng, các kiểu nhà nước trên thế giới, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và kiến thức về việc xây dựng một nhà nước kiểu mới phù hợp với thực tế Việt nam, một đất nước còn nhiều tàn tích của xã hội phong kiến, thực dân, còn lạc hậu về nhiều mặt, trình độ dân trí chưa cao. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật có cơ sở khoa học và văn hóa, vừa tiếp cận với tư tưởng hiện đại, vừa mang tính dân tộc sâu sắc về một lĩnh vực khoa học còn rất mới ở nước ta. Cũng chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật có giá trị thực tiễn cao, đã và đang được Đảng ta và nhân dân ta vận dụng để xây dựng một nhà nước pháp quyền với hệ thống pháp luật theo tư tưởng của Người.

Nghiên cứu cơ sở khoa học và văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật là một việc lớn và lâu dài. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu một vài khía cạnh, tập trung vào ba vấn đề : 1) Quan niệm về nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. 2) Quan niệm về hệ thống pháp luật theo tư tưởng Hồ Chí Minh. 3) Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực thi pháp luật.

1 - Nói đến một nhà nước "thân dân", nhà nước "lấy dân làm gốc" đã là một nhà nước tiến bộ nhưng chưa phải là một nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng "thân dân" hoặc "lấy dân làm gốc" vốn đã có trong xã hội phong kiến phương Đông gắn liền với học thuyết Khổng - Mạnh. Đặc biệt, tư tưởng đó đã được nhấn mạnh ở những triều đại phong kiến tiến bộ trong lịch sử dân tộc ta và trở thành một trong những xuất phát điểm của chủ nghĩa nhân văn truyền thống mà Hồ Chí Minh đã tiếp thu được từ tinh thần nhân ái Việt nam và trực tiếp nhất, gần gũi nhất là từ trong quan niệm "ái quốc ái dân" của cụ thân sinh ra Người.

* PGS. PTS, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t 2, tr 206

Digitized by Google

Từ ý tưởng về một quan niệm mới của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, cho rằng "ái quốc là ái dân", Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước cứu dân, bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm qua nhiều nước châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á, và đã tìm ra sự thật rất mới đối với mình là : Ở khắp các châu lục, ở các nước giàu mạnh cũng như các nước thuộc địa đói nghèo, đâu đâu cũng có những người cùng khổ bị áp bức bóc lột và những tập đoàn thống trị sống bằng bóc lột và áp bức. Từ lòng thương dân, muốn cứu dân tộc mình, muốn đem lại hạnh phúc cho đồng bào mình, Người đã có sự cảm thông sâu sắc đến những người cùng khổ ở các dân tộc khác. Ý tưởng về một chủ nghĩa nhân văn mới đã được phát triển thêm ở Hồ Chí Minh.

Từ ý tưởng về một chủ nghĩa nhân văn mới đó, lại được tiếp cận với những giá trị khoa học và tư tưởng nhân văn của nhiều nền văn hóa cổ, kim, đông, tây, đặc biệt là nền triết học và văn hóa thời Phục hưng và thế kỷ Ánh sáng, nghiên cứu những tác phẩm của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin... Bác Hồ của chúng ta dần dần tìm thấy con đường cách mạng Việt nam đồng thời xuất hiện những ý tưởng về một nhà nước kiểu mới mà ngày nay chúng ta vẫn gọi là nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới đó có phần tiếp thu mặt tích cực của quan điểm dân chủ tư sản, mà hạt nhân của nó là quan điểm tự do, bình đẳng, bác ái. Cho nên, không phải ngẫu nhiên khi viết bản *Tuyên ngôn độc lập* (1945) Người đã mở đầu bằng lời nói bất hủ trong Tuyên ngôn độc lập của Mỹ : "Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Người cũng nhắc đến câu mở đầu nổi tiếng của Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền trong Cách mạng Pháp : "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi". Điều đó chứng tỏ Hồ Chí Minh rất tôn trọng và biết tiếp thu những giá trị khoa học và văn hóa mà cách mạng tư sản đã tạo ra cho loài người. Nhưng Người không dừng lại ở đó. Từ việc khẳng định quyền cá nhân trong các tuyên ngôn của Mỹ và Pháp, Hồ Chí Minh phát triển và nâng lên thành *quyền dân tộc*. Người nói : "Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Và, xuất phát tự ý thức dân tộc, Hồ Chí Minh không chỉ khẳng định quyền tự quyết của dân tộc mình trước thế giới mà Người còn vận dụng quan điểm dân tộc một cách sáng tạo vào việc xây dựng một nhà nước kiểu mới đầu tiên ở Đông-Nam Á.

Một nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết phải là nhà nước của cả dân tộc, tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp được những người có tài, có đức tham gia chính phủ. Người nói "Chính phủ sau đây phải là chính phủ *toàn dân đoàn kết,* và tập hợp nhân tài không đảng phái". Để bảo đảm tính chất của một nhà nước dân chủ kiểu mới, ngay trong cuộc họp đầu tiên của Chính phủ, khi đề ra những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước, Hồ Chí Minh nói : "Chúng ta phải có một *Hiến pháp dân chủ.* Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu...". Đó là điều kỳ diệu mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã thực hiện được ngay giữa lúc đất nước mới thoát khỏi ách nô lệ, còn gặp muôn vàn khó khăn, đại bộ phận nhân dân còn chưa biết chữ... Điều kỳ diệu hơn nữa là sau Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã thực sự thành lập được một chính phủ của dân, do dân và vì dân. Tính chất nhà nước kiểu mới đó đã được thể hiện tập trung trong Hiến pháp năm 1946 và hoàn thiện trong Hiến pháp năm 1959.

Tính chất của một nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh là tập trung ở *quyền của dân* như Người nói : "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân" (2). Người còn nói : "Chính phủ ta là chính phủ của dân. Việc gì hại đến dân thì Chính phủ hết sức tránh. Việc gì lợi cho dân thì Chính phủ ra sức làm" (3). Một nhà nước như thế là một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Với một nhà

(2), (3) Hồ Chí Minh : *Về đạo đức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, tr 95, 49

Digitized by Google

nước như thế, người dân không chỉ có những quyền cơ bản về tự do mà còn có quyền được đòi hỏi những yêu cầu về việc làm, về ăn, mặc, ở, đi lại, và học tập... Dân có quyền kiểm tra và kiểm soát việc làm của chính phủ, "dân có quyền đuổi chính phủ" nếu chính phủ làm hại dân. Còn đối với Đảng và Chính phủ, Hồ Chí Minh không chỉ yêu cầu các quyền được đề ra trong Hiến pháp, mà cao hơn nữa, Người nói : "Nếu dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi" (4). Có lẽ, trong các hiến pháp tiến bộ nhất cũng không ghi rõ trách nhiệm của một nhà nước như vậy. Nhưng với một nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì dân có quyền đòi hỏi nhà nước như người chủ đòi hỏi người giúp việc cho mình vậy. Và, trong thực tế Hồ Chí Minh đã thực hiện được trong thời gian Người còn là Chủ tịch nước, cùng Đảng ta xây dựng một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân.

2 - Việc xây dựng nhà nước pháp quyền, cai trị hay quản lý đất nước chủ yếu không phải bằng sắc lệnh mà bằng pháp luật. Điều này được nói đến nhiều trong thời kỳ đổi mới, do đó có người lầm tưởng rằng đó là cách quản lý xã hội mà ta học tập tư sản. Thật ra, đó là thành quả của khoa học quản lý theo mục tiêu dân chủ thực sự mà Hồ Chí Minh đã ý thức được từ năm 1919 khi Người viết bản "Yêu sách của nhân dân An nam", trong đó có câu : "Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật". Khi viết bài "Việt nam yêu cầu ca", Người cũng nhắc đến ý tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền :

"Bảy xin hiến pháp ban hành
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"

Sau đó, Người còn nhắc lại nhiều lần tư tưởng này, coi như một điều kiện khoa học và văn hóa không thể thiếu đối với một nhà nước thực sự dân chủ. Không phải ngẫu nhiên ngay sau Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước ta, Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo việc soạn thảo Hiến pháp và sớm ban hành bản Hiến pháp. Cho đến nay, trải qua nửa thế kỷ, bản Hiến pháp nước ta đã được sửa đổi nhiều lần, nhưng các Hiến pháp năm 1946 và năm 1959 do Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo soạn thảo vẫn giữ nguyên giá trị của nó.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước pháp quyền được thể hiện trong các bản Hiến pháp vừa bảo đảm các loại quyền tự do của dân, vừa nói rõ trách nhiệm và quyền hạn của nhà nước, từ Chủ tịch nước đến các thành viên của Chính phủ, có sự kết hợp hài hòa giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, quyền của trung ương, địa phương và cơ sở, và đương nhiên Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trong các Hiến pháp thì toàn bộ quyền lực là ở nhân dân, còn nhà nước với các thành viên của chính phủ chỉ được giao những quyền có hạn trong phạm vi trách nhiệm của mình. Như vậy, có thể nói, quyền của dân là tuyệt đối, quyền của nhà nước là tương đối ; cái tương đối phải phụ thuộc vào cái tuyệt đối, phục tùng cái tuyệt đối. Đó là bản chất của một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong bối cảnh đổi mới hiện nay, Nhà nước ta đang thực hiện chủ trương cải cách hành chính là một bước đổi mới về chính trị mà thực chất cũng là trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền. Tư tưởng của Người là sự vận dụng sáng tạo thành tựu của khoa học pháp lý, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đồng thời kết hợp hài hòa giữa truyền thống dân chủ ở phương Tây với ý thức cộng đồng ở phương Đông, chủ nghĩa nhân văn mác xít với truyền thống nhân văn của dân tộc. Trong tư tưởng về nhà nước pháp quyền được thực hiện ở ta, có một yếu tố rất quan trọng là *sự lãnh đạo duy nhất của Đảng*. Đó là điều cực kỳ quan trọng trong quá trình xây dựng một nhà nước kiểu mới. Đảng không phải là cơ quan quản lý nhà nước, không thể làm thay trách nhiệm của chính phủ, cũng không phải là một đoàn thể như các tổ chức xã hội khác, nhưng Đảng có vị trí quyết định trong việc lãnh đạo toàn diện không chỉ nhà nước mà là lãnh đạo toàn dân, lãnh đạo bằng việc giáo dục và vận động chứ không phải bằng biện pháp hành chính. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi rất

(4) *Sđd*, tr 54

Digitized by Google

cao trách nhiệm của Đảng cầm quyền và luôn đề phòng sự thoái hóa biến chất của đảng viên khi đã có quyền trong tay. Người nói nhiều đến đạo đức cách mạng. Mặt khác, cũng phải thấy vấn đề đạo đức không phải là vấn đề mới mà luôn đặt ra đối với tất cả các loại hình nhà nước, từ nhà nước phong kiến đến nhà nước tư sản. Cho nên, khi nói đến việc xây dựng một nhà nước kiểu mới, Hồ Chí Minh đã nói rất nhiều về vai trò của con người, nhất là người cán bộ cách mạng ; nói rất nhiều về đạo đức của người cán bộ cách mạng - người được dân giao phó những trọng trách quản lý đất nước, quản lý xã hội.

3 - Một nhà nước kiểu mới đòi hỏi một hệ thống pháp luật tiến bộ đáp ứng được những quyền lợi của dân và hạn chế đến mức thấp nhất những gì có hại cho dân hoặc gây phiền hà cho dân. Nhưng quan trọng hơn đối với một nhà nước kiểu mới cũng chưa phải ở chỗ soạn thảo được những bộ luật tiến bộ phù hợp với nguyện vọng của dân. Quan trọng hơn phải nói đến vai trò của người thực thi pháp luật mà đối với chúng ta là hệ thống các cơ quan của Đảng và chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở, trong đó có vai trò rất quyết định của những người được giao việc, những đại diện của dân, do dân cử ra bằng con đường trực tiếp hoặc gián tiếp. Bởi lẽ, có pháp luật nhưng lại không có hiệu lực thì cũng như không có pháp luật. Về điều này hình như Hồ Chí Minh cũng đã dự báo trước, thấy rõ việc hình thành một nhà nước kiểu mới ở một nước kinh tế còn kém phát triển, trình độ khoa học kỹ thuật còn lạc hậu... thì đương nhiên không dễ dàng. Chính vì vậy, Người không chỉ chú ý rất sớm đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền mà còn đặc biệt quan tâm đến giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Người coi vấn đề đạo đức cách mạng đối với cán bộ đảng viên nói chung, với người có chức, có quyền nói riêng, có vai trò quyết định trong việc quản lý đất nước, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Người đặc biệt chống những biểu hiện xảo quyệt của chủ nghĩa cá nhân luôn luôn tồn tại và thường trực ở mỗi con người, có thể trỗi dậy bất cứ lúc nào khi hoàn cảnh cho phép, nếu người cán bộ đảng viên không chú ý rèn luyện và tu dưỡng về đạo đức. Bản thân Người đã nêu một tấm gương tuyệt vời về đạo đức cách mạng, suốt đời hy sinh vì Tổ quốc, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người coi tội tham nhũng, ức hiếp nhân dân cũng không kém tội phản quốc. Cho nên, đã có lần Người nói có hai loại người không được vào Đảng là kẻ phản quốc và bọn tham nhũng. Người cũng đã ký quyết định xử tử một cán bộ phạm tội tham ô của công, đó là Trần Dụ Châu. Rất tiếc là cho đến nay cách mạng đã vượt qua nhiều thử thách lớn, nhưng nạn quan liêu, tham nhũng không những vẫn tồn tại mà ngày càng có nguy cơ phát triển, làm tổn hại đến bản chất của nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã nhận định : "Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Điều đáng lo ngại là không ít cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hóa về phẩm chất, đạo đức..." (5).

Như vậy là một nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh, có hai điều kiện cần bảo đảm thì hiện nay ở ta cả hai đều còn yếu. Đó là hệ thống pháp luật và vấn đề đạo đức của người nắm quyền nhà nước. Nếu cả hai điều kiện này mà không được khắc phục thì việc xây dựng một nhà nước kiểu mới theo tư tưởng của Người chỉ còn là hình thức.

Những năm gần đây, trong bối cảnh đổi mới toàn diện đất nước, Nhà nước ta đang ra sức khắc phục những yếu kém trong lĩnh vực quản lý và điều hành xã hội. Đảng và Nhà nước cũng đã có những biện pháp chống tham ô, hối lộ và quan liêu, nhưng hiện nay nó vẫn đang có nguy cơ phát triển. Vì vậy, hơn lúc nào hết, việc thực hiện nghiêm túc tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật trên cơ sở khoa học và văn hóa, đang là vấn đề bức xúc hiện nay ❑

(5) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr.67

Digitized by Google

TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI : VÀI SUY NGHĨ VÀ ĐỀ XUẤT

PHAN HUY LÊ*

TRUYỀN thống là tập hợp những tư tưởng và tình cảm, những thói quen trong tư duy, lối sống và ứng xử của một cộng đồng người nhất định được hình thành trong lịch sử và đã trở nên ổn định, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó, truyền thống bao giờ cũng mang ba đặc trưng cơ bản là **tính cộng đồng, tính ổn định và tính lưu truyền.** Tất nhiên những đặc trưng đó chỉ có ý nghĩa tương đối, vì bản thân truyền thống cũng có quá trình hình thành, phát triển và biến đổi. Mỗi khi hoàn cảnh lịch sử, cơ sở kinh tế - xã hội và hệ tư tưởng thay đổi thì truyền thống cũng có những biến đổi, vừa có mặt kế thừa và phát triển, có mặt đào thải và loại bỏ, vừa có sự hình thành những truyền thống mới.

Ở một thời điểm lịch sử nhất định, di sản truyền thống do lịch sử để lại bao giờ cũng hàm chứa những yếu tố tích cực và tiêu cực, bao gồm mặt ưu việt, tiến bộ, phù hợp và thúc đẩy sự phát triển của xã hội, giữ gìn bản sắc dân tộc, và cả mặt lỗi thời, hạn chế, hiện thân của sự bảo thủ, sức ỳ của quá khứ. Hai mặt mâu thuẫn đó cùng tồn tại trong di sản truyền thống và có khi đan xen, chồng chéo lên nhau.

Vì vậy, việc nhận thức và đánh giá truyền thống phải luôn luôn đứng trên **quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử và biện chứng**. Thái độ tuyệt đối hóa , lý tưởng hóa các giá trị truyền thống, coi đó là khuôn mẫu vĩnh hằng của bản sắc dân tộc sẽ dẫn đến ý thức phục cổ, bằng lòng với quá khứ và quay lưng với những trào lưu tiến hóa của thời đại, cản trở công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trái lại, thái độ phủ định truyền thống, coi truyền thống chỉ là sản phẩm và nguyên nhân của tình trạng nghèo nàn và lạc hậu của đất nước sẽ dẫn đến xu hướng hiện đại hóa bằng con đường ngoại nhập mà hậu quả không tránh khỏi là đánh mất bản sắc dân tộc, tự hủy hoại sức mạnh nội sinh, làm mất tính bền vững và ổn định của sự phát triển. Cả hai thái độ cực đoan trên đều không có cơ sở khoa học, xa lạ với thực chất của truyền thống và đều đi đến những sai lầm trong nhận thức và hành động, trong cách xử lý đối với di sản truyền thống.

Trong những điều kiện tự nhiên cùng với vị trí, môi trường sinh thái của đất nước, trải qua hàng chục vạn năm lịch sử kể từ khi con người xuất hiện trên lãnh thổ Việt nam và hàng nghìn năm xây dựng và bảo vệ đất nước trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của dân tộc, cộng đồng các dân tộc Việt nam đã tạo lập cho mình **một di sản truyền thống tinh thần rất phong phú, đa dạng** trên các phương diện tư duy, tâm lý, lối sống, cách ứng xử... Trong di sản đó nổi bật lên **những giá trị bền vững và trường tồn tiêu biểu cho bản lĩnh, bản sắc, sức sống và phẩm giá của dân tộc.**

Trong quá trình sinh tồn và phát triển, Việt nam đã phải vượt qua biết bao thử thách hiểm nghèo của thiên tai và họa xâm lăng, đã phải đương đầu với nhiều thế lực xâm lược hung hãn của những đế chế lớn mạnh thời cổ - trung đại, những cường quốc đế quốc chủ nghĩa thời cận - hiện đại, đã phải vượt qua những thời kỳ mất nước với mưu đồ đồng hóa kéo dài hàng chục, hàng trăm năm, thậm chí có lúc trên mười thế kỷ. Thế mà dân tộc Việt nam vẫn tồn tại và phát triển, biết tiếp nhận và dung hợp nhiều thành tựu văn hóa bên ngoài nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa của mình, vẫn tạo lập được những thời kỳ phát triển văn hóa rực rỡ như thời kỳ văn minh sông Hồng, thời kỳ văn minh Đại Việt. Thực tế lịch sử đó cho phép **khẳng định sức sống bền bỉ của dân tộc, tính ưu việt của những giá trị truyền thống Việt nam.**

Trong các giá trị truyền thống đó, nổi lên vị trí hàng đầu được người Việt nam coi như chuẩn

* Giáo sư, Đại học quốc gia Hà nội

Digitized by Google

mực cao nhất của đạo lý dân tộc là *tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, ý chí tự lập tự cường, truyền thống đoàn kết vì đại nghĩa dân tộc.* Bên cạnh đó là truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, tính thích nghi và hội nhập để tồn tại và phát triển, lối ứng xử mềm mỏng, truyền thống hiếu học, trọng học vấn, trọng nghĩa khí, tính cộng đồng kết hợp với truyền thống tương trợ giúp đỡ nhau khi khó khăn hoạn nạn, tinh thần nhân ái, truyền thống khoan dung, đầu óc coi trọng thực tế và kinh nghiệm, tư duy mang tính tổng hợp...

Trong di sản truyền thống, so với yêu cầu phát triển hiện nay của đất nước, cũng bộc lộ không ít nhược điểm và hạn chế. Trên đại thể, đó là tính cục bộ, địa phương, tâm lý bình quân chủ nghĩa gắn liền với thái độ "cào bằng" , ghen ghét đố kỵ những người trội vượt hơn mình, tính cầu may, tác phong tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, lối làm ăn nhỏ, manh mún, không biết lo xa và hạch toán kinh tế, chưa tôn trọng tính chủ thể của cá nhân, tư duy phân tích, thực nghiệm và luận lý yếu... Những mặt yếu kém này là sản phẩm tất yếu của kinh tế tiểu nông, của thiết chế cộng đồng xóm làng và nền văn minh tiền công nghiệp. Ngày nay, những mặt tiêu cực và hạn chế đó không những không phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội và thời đại, mà còn trở thành những lực cản và sức ỳ cần khắc phục.

Hiện nay, công cuộc đổi mới, tiến lên công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước và mở rộng giao lưu quốc tế nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh đang tạo ra những chuyển biến lớn lao, sâu sắc trên mọi lĩnh vực của xã hội, **mở ra một bước ngoặt trọng đại mới, đưa đất nước từ nền văn minh nông nghiệp truyền thống tiến lên nền văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp hiện đại của thế giới.** Trong thời đại ngày nay, con người được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Và dĩ nhiên, con người đó dù có ý thức hay vô thức, đều là sản phẩm của lịch sử, mang trong mình những di sản truyền thống do lịch sử tạo nên.

Trước những chuyển biến đó, nhất là trong buổi đầu khi chuyển từ kinh tế "tập trung", "bao cấp" sang kinh tế thị trường và chính sách mở cửa, mối quan hệ giữa truyền thống với con người trải qua những biến động dữ dội, nhiều giá trị truyền thống bị chao đảo, nhiều mặt tiêu cực của truyền thống được phục hồi một cách tự phát. Trong cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội lúc bấy giờ, cũng diễn ra một cuộc khủng hoảng về thang giá trị và thước đo giá trị : niềm tin và đạo lý bị xói mòn ; nơi thì phục cổ, khôi phục cả những hủ tục, những truyền thống lạc hậu...; nơi thì quay lưng với truyền thống, đuổi theo đồng tiền và lợi nhuận vô điều kiện, đua đòi lối sống bên ngoài với biết bao tệ nạn gây lo âu chính đáng cho nhiều người.

Nhưng rồi cùng với những thành tựu đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, **một trật tự mới và thang giá trị mới đang dần dần hình thành.** Kết quả điều tra xã hội học trong thời gian gần đây cho thấy, **những giá trị truyền thống cơ bản tiêu biểu cho bản sắc và phẩm giá dân tộc được tuyệt đại đa số nhân dân ta tôn trọng và tự hào**, vẫn là những định hướng chủ đạo cho nhận thức, hành vi và ứng xử của con người Việt nam. Đó là một bảo đảm hết sức quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước trên con đường tiến lên văn minh, hiện đại, mở cửa giao lưu và hội nhập với thế giới mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của đất nước và thời đại, **những giá trị truyền thống cũng phải được kế thừa, phát huy theo hướng hiện đại hóa.** Ví dụ, truyền thống yêu nước trước đây đã được phát huy cao độ trong chống ngoại xâm, nay phải hướng sang nhiệm vụ xây dựng đất nước với ý thức coi nghèo nàn, lạc hậu cũng là nỗi nhục không kém gì nhục mất nước. Như đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nói : thời gian qua, thế hệ trước đã "rửa được nỗi nhục nô lệ cho dân tộc" và thế hệ hiện nay phải "rửa nỗi nhục nghèo khổ, mở ra chương sử mới rạng rỡ cho non sông Việt nam vinh quang sánh vai cùng các dân tộc khác trên thế giới" (Bài phát biểu tại Đại hội đảng bộ Đại học sư phạm ngày 19-1-1996). Truyền thống cộng đồng cũng phải được cải biến và nâng cao trên một cấu trúc và quan niệm mới về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, gia đình và làng - nước, trong đó con người phải thực sự được thừa

Digitized by Google

nhận và tôn trọng như là một thực thể trong sự phát triển nhân cách, tài năng và những lợi ích chính đáng của cá nhân...

Cũng trong những chuyển biến hiện nay, những mặt tiêu cực và hạn chế trong di sản truyền thống đang di tồn trong cuộc sống và con người trở thành những trở lực khá nặng nề cho bước đi lên của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa , dưới dạng những tư tưởng, tình cảm, thói quen, tập tục... lỗi thời, bảo thủ. Cuộc đấu tranh để khắc phục, biến đổi, xóa bỏ những truyền thống tiêu cực đó không đơn giản và chắc chắn là lâu dài.

Nói chung, mối quan hệ giữa truyền thống và con người hiện nay phải được đặt ra và giải quyết trong mối quan hệ rộng lớn hơn giữa **truyền thống và hiện đại.**

Đảng ta luôn luôn coi trọng việc bảo vệ di sản văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc, vì đó là bản sắc, là tâm hồn và trí tuệ, là đạo lý và nhân cách của con người Việt nam, là nền tảng tinh thần và đạo lý cho công cuộc phục hưng dân tộc và cho sự phát triển bền vững của đất nước tiến lên văn minh, hiện đại. Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười cũng đã nói :"Một dân tộc trên con đường phát triển phải luôn luôn gắn với cội nguồn, với truyền thống và bản sắc của mình. Vì vậy, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phải trên nền tảng nhân cách văn hóa Việt nam, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa của nhân loại, hướng tới tầm cao của thời đại" (Bài nói chuyện tại Đại hội đảng bộ Đại học sư phạm ngày 19-1-1996). *Báo cáo chính trị tại Đại hội VIII của Đảng* một lần nữa khẳng định : "Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc".

Giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại theo quan điểm trên là phát huy tối đa sức mạnh nội sinh của dân tộc, vừa tiến lên văn minh, hiện đại, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc, tạo lập con đường phát triển ổn định và bền vững cho đất nước. Đó là **phương thức từ truyền thống tiến lên hiện đại và trên cơ sở hiện đại nâng cao truyền thống, làm phong phú truyền thống, không ngừng tăng cường tiềm lực nội sinh của sự phát triển.**

Trên phương hướng đó, mối quan hệ giữa truyền thống và con người Việt nam hiện nay cần được giải quyết như sau :

- Kế thừa, phát huy và nâng cao những giá trị truyền thống tiêu biểu cho sức sống, bản lĩnh và bản sắc dân tộc.

- Cải tạo, biến đổi hay xóa bỏ những truyền thống tiêu cực, hạn chế, phản ánh tính lỗi thời, bảo thủ và trì trệ của di sản quá khứ.

- Hình thành và phát triển những truyền thống mới theo yêu cầu đổi mới, công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước trong giao lưu và hội nhập văn hóa , tiếp nhận và đồng hóa những tinh hoa văn hóa , những thành tựu khoa học công nghệ của thế giới.

Trên cơ sở đó, xác lập những định hướng xây dựng một hệ thống giá trị mới vừa dân tộc vừa hiện đại, và cần được xã hội hóa bằng nhiều chính sách và biện pháp, trong đó quan trọng nhất là giáo dục gia đình và trường học, là môi trường văn hóa lành mạnh và phong phú của xã hội, là hệ thống pháp luật thống nhất và đồng bộ.

Giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, trước hết phải coi trọng giáo dục ngay từ gia đình. Trong suốt chiều dài lịch sử, gia đình Việt nam bao giờ cũng giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong nuôi dạy con cái, trùyền nối các giá trị văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác, hình thành nhân cách ban đầu của thế hệ trẻ.

Ở đây, người mẹ đóng vai trò hết sức quan trọng. Vấn đề bức thiết hiện nay là phải có sự hướng dẫn, giúp đỡ người mẹ, cung cấp những tư liệu cần thiết cho người mẹ làm tròn sứ mạng giáo dục truyền thống cho con cái bằng những hình thức và nội dung phù hợp như lời ru, chuyện kể, trò chơi con trẻ...

Trong nhà trường, nội dung giáo dục truyền thống thể hiện tập trung nhất trong môn lịch sử.

(Xem tiếp trang 25)

Digitized by Google

Sự biến động giá cả thị trường và hiện tượng đọng vốn ở các ngân hàng thương mại

XUÂN HOÀNH

SÁU tháng đầu năm 1996, nền kinh tế nước ta vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ phát triển khá ở hầu hết các lĩnh vực. Trong công nghiệp, giá trị tổng sản lượng tăng 13,2% so với cùng kỳ, trong đó, khu vực quốc doanh tăng 13,2%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 13,3%, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 12,8%. Trong nông nghiệp, vụ đông xuân năm nay đạt sản lượng 12,9 triệu tấn lương thực, tăng 90 vạn tấn so với vụ đông xuân năm ngoái (cao nhất từ trước tới nay). Trong khu vực dịch vụ, doanh số hàng bán ra (tính đến hết 30-6-1996) tăng 23% so với 6 tháng đầu năm 1995, trong đó bán lẻ tăng 20%. Về kim ngạch xuất khẩu tăng 16,5%, (so với các tháng cùng kỳ năm ngoái) đạt 46,2% kế hoạch năm. Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt hơn 3 tỉ USD, gần bằng cùng kỳ năm ngoái, vốn thực hiện ước khoảng 1,2 tỉ USD.

Nhìn tổng thể, các chính sách kinh tế vĩ mô đang từng bước được hoàn thiện, sự chỉ đạo điều hành ngày càng có thêm kinh nghiệm với sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, kịp thời hơn. Nhờ thế kết quả thu được khá rõ nét. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế là 9,3%. Đặc biệt trong 6 tháng đầu năm chỉ số tăng giá chỉ ở mức 3,3% (tháng 1 : 0,9%, tháng 2 : 2,5%, tháng 3 : 0,8%, tháng 4 : 0,1%, tháng 5 : - 0,5%, tháng 6 : - 0,5%).

Lạm phát giảm có ý nghĩa tích cực đối với việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội, có lợi cho người tiêu dùng, nhất là đối với những người làm công ăn lương có thu nhập thấp. Nhưng nếu xu thế lạm phát cứ tiếp tục giảm thấp quá mức thì sẽ tác động không tốt đối với sản xuất, kinh doanh, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vì chỉ số tăng giá ở mức hợp lý có tác dụng kích thích tăng trưởng kinh tế và làm tăng tính sôi động của nền kinh tế thị trường. Theo kinh nghiệm của các nước đang phát triển, tỷ lệ lạm phát thường cao hơn, hoặc xấp xỉ bằng tốc độ tăng trưởng, còn ở các nước phát triển thì tình hình ngược lại (xem bảng sau).

Nước ta nằm trong số các nước đang phát triển, do đó việc duy trì chỉ số lạm phát khoảng 10%/năm có thể là điều kiện thích hợp kích thích tăng trưởng kinh tế. Chỉ số giá thị trường giảm liên tục như hiện nay (giá sản phẩm đầu ra giảm trong khi giá các yếu tố đầu vào không giảm hoặc giảm ít hơn) dẫn đến nhiều mặt hàng như : lương thực, xi măng, vật liệu xây dựng, than, giấy, cà phê... ứ đọng với số lượng lớn.

Các nước đang phát triển năm 1995

Tên nước	Tăng trưởng (%)	Lạm phát (%)
In-đô-nê-xi-a	7,4	9,0
Phi-lip-pin	5,7	11,0
Lào	8,0	11,0
Mi-an-ma	6,4	30,0
Trung quốc	9,8	12,0

Các nước phát triển năm 1995

Tên nước	Tăng trưởng (%)	Lạm phát (%)
Mỹ	4	2,8
Đức	2,2	1,8
Nhật	3,1	0,2

Lạm phát thấp là điều đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh : hàng hóa không tiêu thụ được hoặc tiêu thụ chậm, gây ứ đọng vốn, kìm hãm sản xuất, hạn chế tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đây chính là nguyên nhân làm cho các doanh nghiệp sản xuất thu lợi nhuận ít, không dám

Digitized by Google

vay vốn ở ngân hàng, và ngược lại ngân hàng cũng không muốn cho các doanh nghiệp vay vốn (vì thiếu những điều kiện cần thiết). Từ đó dẫn đến hiện tượng đọng vốn ở các ngân hàng thương mại. Tính đến ngày 30-6-1996, vốn dự trữ vượt mức của ngân hàng thương mại là 2 876 tỉ đồng (đã trừ phần để dự trữ bắt buộc). Điển hình số tiền dự trữ vượt mức của các ngân hàng thương mại như : Ngân hàng công thương là 909 tỉ đồng, Ngân hàng ngoại thương 1011 tỷ đồng, Ngân hàng nông nghiệp 298 tỉ đồng, Ngân hàng Exim Bank 20,8 tỉ đồng, Ngân hàng Tân việt 13,5 tỉ đồng (mặc dù Ngân hàng nhà nước đã 5 lần hạ lãi suất).

Ngoài ra, hiện tượng đọng vốn ở các ngân hàng thương mại còn có nguyên nhân về quản lý điều hành lưu thông tiền tệ như : chất lượng tín dụng còn nhiều hạn chế, việc thực hiện kiểm soát điều kiện cho vay vốn chưa chặt chẽ (có tình trạng một chứng từ xin vay vốn ở nhiều ngân hàng thương mại, một số doanh nghiệp không có đủ điều kiện về thế chấp tài sản cũng được vay vốn ngân hàng...). L/C+ nhập hàng trả chậm của các doanh nghiệp trong nước cũng là nguyên nhân gây thừa vốn ở các ngân hàng. Vì đây là hình thức nhập hàng mà chưa cần trả tiền, khi bán được hàng, thu được tiền, các doanh nghiệp nộp vào tài khoản tiền gửi của họ ở ngân hàng để chờ thời cơ quay vòng làm cho vốn của ngân hàng thương mại lớn lên.

Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới ở giai đoạn công nghiệp hóa đất nước bao giờ cũng "đói vốn". Hiện tượng "đọng vốn" ở các ngân hàng thương mại là vấn đề "không bình thường" đối với nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, Chính phủ cần có giải pháp kịp thời khắc phục tình trạng "đọng vốn" ở các ngân hàng, ngăn chặn tình trạng tiêu cực trong việc quản lý vốn và sử dụng vốn kém hiệu quả.

Nhằm "Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, loại trừ nguy cơ tái lạm phát cao, giữ vững chỉ số giá tiêu dùng dưới 10%/năm" (1), theo tôi cần tập trung giải quyết tốt một số vấn đề chủ yếu sau đây :

Một là, cần có giải pháp để tăng sức mua của dân. Hiện nay, ở nước ta, nông dân chiếm phần lớn dân số toàn xã hội. Đây là lực lượng tiêu thụ nhiều sản phẩm hàng hóa. Nhưng đáng tiếc là lực lượng này hiện nay có sức mua rất thấp. Nhà nước cần có giải pháp để tăng "cầu" lên so với "cung". Chỉ có như vậy thì mới kích thích sản xuất kinh doanh phát triển.

Hai là, về thu chi ngân sách, cần tính toán hợp lý, bảo đảm tạo nguồn tích lũy và thúc đẩy kinh tế phát triển. Nuôi dưỡng các nguồn thu, nhất là đối với thuế để vừa có nguồn thu ổn định, vừa tạo ra các nguồn thu mới. Xóa bỏ tình trạng hệ thống thuế không thích hợp dẫn đến thuế lại triệt tiêu thuế, làm cho ngân sách thất thu. Mặt khác, có chính sách đầu tư vốn hợp lý nhằm tạo cho nền kinh tế phát triển ở nhịp độ cao.

Ba là, điều chỉnh chỉ số tăng giá 6 tháng cuối năm 1996 lên mức dưới 10% nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế. Thực tế cho thấy, ở các nước đang phát triển, tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế xấp xỉ nhau. Bằng mọi biện pháp đòn bẩy kinh tế chúng ta cần thực hiện bằng được chỉ tiêu kinh tế này.

Bốn là, trong tình hình hiện nay, Chính phủ nên tăng lương để tạo điều kiện cải thiện một bước đời sống cho những người làm công ăn lương, nhất là những người đã nghỉ hưu, những người thuộc diện chính sách xã hội. Mặt khác, đây cũng là biện pháp kích thích sức mua của xã hội nhằm thiết lập mặt bằng giá mới, kích thích sản xuất đầu tư phát triển.

Năm là, giải quyết những vấn đề nổi cộm trong hoạt động ngân hàng, trước mắt cần tập trung giải quyết một số vấn đề nóng

+ Letter of Credit - thư tín dụng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 172

Digitized by Google

hổi mà xã hội đang quan tâm như hạn mức tín dụng, lãi suất, chất lượng hoạt động tín dụng, đồng vốn, quản lý trả nợ nước ngoài, L/C trả chậm... Nhanh chóng xây dựng *Luật ngân hàng* nhằm phục vụ yêu cầu của nền kinh tế trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sáu là, tiếp tục thực hiện điều chỉnh lãi suất, bảo đảm phù hợp với chỉ số lạm phát và khuyến khích các ngân hàng thương mại mở rộng đầu tư vốn phục vụ cho nền kinh tế. Điều chỉnh giảm lãi suất trần cho vay ngắn hạn và trần lãi suất cho vay trung và dài hạn. Đồng thời bảo đảm lãi suất cho vay trung và dài hạn cao hơn lãi suất cho vay ngắn hạn. Khuyến khích các ngân hàng thương mại huy động vốn trung và dài hạn, vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chấp nhận được lãi suất cho vay để đầu tư chiều sâu. Mặt khác, tiếp tục điều chỉnh một bước lãi suất của đồng vốn trong nước sát gần với lãi suất của vốn nước ngoài, góp phần hạn chế xu hướng thích vay nước ngoài thông qua hình thức L/C trả chậm vì được hưởng lãi suất thấp. Cần tiếp tục điều chỉnh và giảm một bước lãi suất của thị trường vốn nông thôn, trên cơ sở khuyến khích các ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, các quỹ tín dụng, hợp tác xã tín dụng đẩy mạnh thu hút vốn để đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp.

Bảy là, xử lý nguồn vốn tạm thừa ở các ngân hàng thương mại theo hướng điều chỉnh giảm lãi suất để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận với vay vốn ngân hàng, đồng thời mở rộng đầu tư. Trong điều kiện cho phép, Ngân hàng nhà nước có thể phát hành tín phiếu ngân hàng nhà nước để tạo ra các công cụ cho thị trường mở và giúp cho thị trường mở sớm đi vào hoạt động. Nâng hạn mức tín dụng cho phù hợp với khả năng mở rộng tín dụng của từng ngân hàng thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu thu mua, đầu tư trung và dài hạn, phục vụ sản xuất công nông nghiệp và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu... ; kiểm soát chặt chẽ L/C trả chậm, nhằm hạn chế khoản vay nợ nước ngoài để nhập hàng hóa tiêu dùng không cần thiết.

Tám là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát của Ngân hàng nhà nước và của bản thân các ngân hàng thương mại để bảo đảm nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế đến mức thấp nhất các khoản nợ quá hạn mới phát sinh, phấn đấu giảm dư nợ quá hạn ở mức 3%. Coi trọng việc kiểm soát chặt chẽ việc vay thương mại nước ngoài và mở L/C trả chậm. Từng bước đưa vào nền nếp việc một khách hàng vay nhiều ngân hàng, bảo đảm đầu tư tín dụng có hiệu quả, đúng đối tượng, hạn chế đến mức thấp nhất việc mất vốn ngân hàng do bị lừa đảo, chụp giật... Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế, quy chế của Ngân hàng nhà nước trên các lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, thanh toán và chỉ đạo các ngân hàng thương mại rà soát lại các hệ thống văn bản để kịp thời hướng dẫn, bổ sung những điều quy định còn thiếu, còn sơ hở.

Chín là, Chính phủ cần có quy chế cho trích quỹ dự phòng để bù đắp rủi ro trước thuế và với một tỷ lệ thỏa đáng như các nước đã làm, để các ngân hàng thương mại có thể xử lý khi có những khoản nợ quá hạn do nguyên nhân bất khả kháng xảy ra. Bởi vì, ở nước ta, các ngân hàng thương mại kinh doanh có lãi thì nộp ngân sách nhà nước và một phần để lại cho các ngân hàng thương mại, nhưng khi có rủi ro bất khả kháng, ngân hàng không có nguồn vốn để bù đắp (nếu cứ cho khoanh thì đến thời điểm nào đó các ngân hàng thương mại sẽ hết vốn tự có) và dẫn đến nguy cơ phá sản. Mặt khác, cần có chính sách để các doanh nghiệp tự huy động vốn qua các hình thức như gọi vốn cổ phần, phát hành cổ phiếu... để tăng vốn tự có và giảm bớt vốn để vay ngân hàng, bảo đảm kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa của đất nước ❑

Digitized by Google

NHÌN LẠI ĐỢT MƯA, LŨ, BÃO VỪA QUA Ở MIỀN BẮC

NGUYỄN CẢNH DINH *

TRONG vòng một tháng từ cuối tháng 7 đến cuối tháng 8 vừa qua, ở Bắc bộ và Thanh hóa liên tiếp bị ảnh hưởng của mưa, bão, lũ. Bão, lũ đã gây nhiều thiệt hại về người và của. Nhân dân các địa phương bị bão lũ dưới sự lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy đảng và chính quyền, có sự tham gia tích cực của các lực lượng vũ trang đã chống đỡ quyết liệt, hạn chế được thiệt hại do thiên tai gây ra.

I - TÌNH HÌNH BÃO, LŨ TRONG THỜI GIAN QUA VÀ THIỆT HẠI :

Cơn bão số 2 : Từ một vùng áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) hình thành ở biển Đông ngày 21-7-1996 đã mạnh lên thành bão. Hồi 3 giờ sáng 24-7 bão đi vào địa phận các tỉnh Thái bình, Nam hà, Ninh bình với sức gió mạnh cấp 10, cấp 11, giật trên cấp 11. Các tỉnh ở đồng bằng Bắc bộ và lân cận chịu ảnh hưởng của bão nên có mưa to đến rất to.

Đây là một cơn bão mạnh, sau 10 năm các tỉnh Thái bình, Nam hà, Ninh bình mới gặp lại cơn bão lớn. Cơn bão số 5, năm 1986 đổ bộ vào Thái bình, Nam hà ngày 5-9-1986 cường độ gió cấp 12, giật trên cấp 12 ; nhưng diện ảnh hưởng hẹp, mưa trước và sau bão ít, thiệt hại chỉ bó hẹp trong phạm vi vài tỉnh ở đồng bằng Bắc bộ. Cơn bão số 2 năm nay càng vào gần bờ biển cường độ gió càng mạnh lên, đổ bộ lên đất liền vào ban đêm, diện ảnh hưởng rất rộng ; do tốc độ bão di chuyển chậm nên thời gian gió mạnh ở từng địa phương kéo dài, vùng tâm bão đi qua thời gian gió lặng ở mắt bão kéo rất dài, làm cho một số dân ven biển tưởng lầm là bão đã tan ; lượng mưa trước và sau bão lớn, do vậy gây tổn thất nặng nề trên diện rộng. Đê biển và đê vùng cửa sông bị nước biển dâng cao, sóng lớn, đều mấp mé tràn và sạt lở nghiêm trọng. Một số tàu thuyền đã vào nơi trú đậu, bị gió bão hất tung lên mặt đê và phía đồng ruộng.

Phạm vi ảnh hưởng trực tiếp của bão gồm 14 tỉnh là Nam hà, Thái bình, Hải phòng, Ninh bình, Thanh hóa, Quảng ninh, Hà tây, Hà nội, Hải hưng, Hà bắc, Hòa bình, Vĩnh phú, Sơn la, Yên bái ; trong đó thiệt hại nặng do sự tàn phá của gió bão có các tỉnh Nam hà, Thái bình, Ninh bình, thiệt hại nặng do mưa lũ úng gây ra có các tỉnh Thanh hóa, Ninh bình, Nam hà, Hải hưng...

Áp thấp nhiệt đới : Sáng 13-8-1996 một vùng áp thấp nhiệt đới mạnh lên thành áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) ở trong vịnh Bắc bộ, cách bờ biển Hải phòng - Nam hà khoảng 50 km. Chiều tối 14-8 ATNĐ đi vào đất liền thuộc địa phận các tỉnh Nam hà, Ninh bình, Thanh hóa, Hòa bình. ATNĐ gây ra mưa to đến rất to ở các tỉnh nam đồng bằng Bắc bộ. Áp thấp đi lên phía Tây bắc rồi di chuyển tiếp sang lưu vực sông Thao, sông Lô, kết hợp với các hình thái thời tiết khác gây mưa lớn, làm cho sông Đà xuất hiện lũ lớn nhất trong vòng 100 năm nay với lưu lượng đỉnh lũ khoảng 22 000 m^3/s vào ngày 18-8-1996, tương đương với lũ lịch sử năm 1945. Sông Lô và sông Thao xuất hiện lũ tương đối lớn và xảy ra cùng một thời điểm (sông Lô tại Tuyên quang đỉnh lũ đạt 27,97 m hồi 1 giờ ngày 21-8, thấp hơn lũ lịch sử 3,9 m ; sông Thao tại Phú thọ đỉnh lũ đạt 19,49 m từ 7 giờ đến 19 giờ ngày 21-8 - thấp hơn lũ lịch sử 1,4 m) dẫn đến lũ cao trên sông Hồng với đỉnh lũ tại Hà nội 12,43 m hồi 19 giờ ngày 21-8. Do có hồ Hòa bình tham gia cắt lũ nên đã hạ được mực nước cho Hà nội từ 1,2 m đến 1,5 m.

Sông Thái bình tại Phả lại đỉnh lũ đạt 6,52 m lúc 7 giờ ngày 22-8, cao hơn báo động III là 1,02 m. Lũ lớn và rất lớn cũng xuất hiện trên các sông con Hoàng long và Bưởi.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban sông Mê công Việt nam kiêm Trưởng ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương

Digitized by Google

Áp thấp nhiệt đới hình thành ngay gần bờ biển Bắc bộ, nhiều ngư dân và thuyền bè đang đánh bắt hải sản tại đây đã bị nạn đột ngột. Áp thấp nhiệt đới cũng gây mưa lớn ở nhiều vùng, đặc biệt là mưa cường độ lớn ở miền núi Tây bắc đã gây lũ quét ở Lai châu, Vĩnh phú, Lào cai. Riêng Lai châu, sau các trận lũ quét năm 1990, 1993, năm nay lũ quét và sạt lở núi làm thương vong nhiều người, nhiều nhà cửa đã bị trôi, sập, vùi lấp.

Cơn bão số 4 : Ngày 18-8-1996 cơn bão hình thành ở Thái bình dương. Đêm 22 rạng sáng 23-8 bão số 4 đi vào địa phận các tỉnh Nam hà, Ninh bình, Thanh hóa với sức gió trên cấp 11 (dự báo trên cấp 12). Bão vào trong lúc mực nước lũ các sông đang còn ở mức rất cao, đây là sự trùng hợp nguy hiểm chưa từng thấy. Bão gây sóng và nước dâng ở sông rất lớn, uy hiếp nghiêm trọng đê điều ; nhiều nơi nước đã bị sóng đánh tạt tràn lên mặt đê ; nhiều đoạn đê bị sạt lở nghiêm trọng trong đêm 22 rạng sáng 23-8. Nhân dân các tỉnh hạ du sông Hồng có sự tham gia của các lực lượng vũ trang đã phải chống đỡ quyết liệt mới bảo vệ được đê điều không bị tràn, vỡ.

Tổng hợp thiệt hại do các đợt mưa, lũ, bão vừa qua ở các địa phương miền Bắc tính đến 28-8-1996 như sau :

- Người chết : 317
- Người bị thương : 590
- Người chưa về : 150
- Nhà đổ, trôi : 39 800 cái
- Nhà ngập, hư hại : 607 000 cái
- Trường học đổ, trôi : 1 600 phòng
- Trường học ngập, hư hại: 15 000 phòng
- Bệnh viện, bệnh xã đổ, trôi : 96 phòng
- Bệnh viện, bệnh xã ngập, hư hại : 3 500 phòng
- Tàu thuyền chìm, vỡ : 500 cái
- Cột điện cao thế đổ, gẫy : 7 600 cột
- Cột điện hạ thế đổ gẫy : 10 200 cột
- Cột dây thông tin bị đổ gẫy : 8 400 cột
- Đường giao thông bị sạt : 700 000 m^3 đất
- Công trình đê điều và thủy lợi bị sạt lở hư hỏng nhiều, khối lượng đất sạt, trôi : 2,6 triệu m^3
- Khối lượng đá sạt trôi : 109 000 m^3
- Lúa bị ngập (lúc cao nhất) 27,5 vạn ha, (trong đó mất trắng 6 vạn ha do bị ngập đi ngập lại nhiều lần).

Ước tính thiệt hại trên 3 100 tỉ đồng (chưa tính đủ thiệt hại do bão số 4 và lũ lớn gây ra vì số liệu còn rất sơ bộ).

II - NHẬN XÉT VỀ HẬU QUẢ DO MƯA LŨ BÃO GÂY RA :

1 - Trong vòng một tháng thiên tai dồn dập gây ra ở Bắc bộ và Thanh hóa. Hậu quả của cơn bão số 2 chưa khắc phục xong thì áp thấp nhiệt đới và bão số 4 lại liên tiếp ập tới gây thiệt hại nghiêm trọng nhiều mặt.

Nước biển dâng cao gặp lũ tương đối lớn trong cơn bão số 2 và mực nước lũ còn rất cao (tuy còn thấp hơn mức nước lũ lịch sử đã xuất hiện) trùng hợp với bão số 4 lớn là tổ hợp rất nguy hiểm đối với đê điều hạ du sông Hồng và đê biển. Áp thấp nhiệt đới hình thành ngay vùng gần bờ biển là một bất ngờ.

- Tổng số người chết lên đến 317 người, trong đó chủ yếu là ngư dân vùng ven biển (nặng nề nhất là ngư dân ở Hậu lộc (Thanh hóa) đi biển mấy ngày trước khi ATNĐ hình thành) và nhân dân vùng Mường lay, Lai châu bị sạt đất lũ quét.

- Thiệt hại về nhà cửa của dân, trường học, bệnh viện, bệnh xã ở vùng bão đổ bộ và vùng bị ngập do lũ.

- Về công trình kết cấu hạ tầng, thiệt hại nặng là công trình đê điều, nhất là các tuyến đê biển, đê cửa sông, đê địa phương và các đê bối. (Hầu hết các đê bối trên hệ thống sông Hồng, sông Thái bình, đê hữu Hoàng long (Ninh bình), đê Thạch thành (Thanh hóa) và một số của Vĩnh phú đã tràn vì lũ vượt quá mức qui định. Đê địa phương Thanh hà của Hải hưng bị vỡ vì có sơ xuất. Nhiều công trình thủy lợi ở miền núi bị hư hỏng nặng nề. Nhiều đường giao thông nhất là ở các tỉnh miền núi bị hư hỏng. Nhiều cột điện bị đổ, bị gẫy, có cả cột điện cao thế 220 kv.

2 - Một tổ hợp bất lợi của thiên tai xảy ra trong thời gian ngắn trên diện rộng, nhưng các tuyến đê sông chính, các công trình thủy lợi lớn và vừa vẫn giữ được an toàn ; đường giao thông huyết mạch vẫn giữ được thông suốt ; chỉ một hai ngày sau bão,

Digitized by Google

các đường điện đã được khôi phục phục vụ sản xuất, bơm nước chống úng. Có được như vậy là do :

- Tinh thần chống bão lũ quyết liệt của nhân dân các địa phương. Sự phối hợp của các ngành các cấp tương đối chặt chẽ và kịp thời ; đã huy động cao độ sức mạnh của nhân dân có sự tham gia của quân đội và công an.

- Được sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của Bộ chính trị Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ ; sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp.

- Sự tham gia điều tiết có hiệu quả của hồ Hòa bình trong việc cắt giảm lũ cho hạ du.

Sự đầu tư trong nhiều năm cho công tác củng cố hệ thống đê điều, các hệ thống tiêu úng, các công trình cơ sở hạ tầng. Nhà cửa của dân sau 10 năm đổi mới cũng được xây dựng kiên cố lên rất nhiều .

- Sự nâng cao việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác xây dựng và quản lý đê điều, trong xử lý các sự cố, trong công tác thông tin liên lạc, trong dự báo mưa, lũ, bão.

- Việc đào tạo, tập huấn, diễn tập hộ đê chống lũ từ đầu mùa lũ cho các lực lượng chỉ huy, lực lượng hộ đê phòng chống lụt bão ở các cơ sở.

Những kinh nghiệm khi đối phó với lũ bão trong cơn bão số 2 đã giúp ích rất nhiều cho các địa phương chống đỡ quyết liệt với đợt lũ bão lớn trong cơn bão số 4.

- Có sự cộng tác tích cực của cơ quan thông tấn, báo, đài.

Những yếu tố trên đã góp phần làm giảm đáng kể thiệt hại do thiên tai gây nên.

3 - Ngay sau khi cơn bão số 4 vừa dứt, Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương và Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn đã kịp thời báo cáo với Bộ chính trị, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ tình hình và biện pháp khắc phục, bao gồm các công việc :

a) Ổn định nhanh chóng đời sống nhân dân ở vùng bị thiên tai, trong đó có việc tiếp tục tổ chức tìm kiếm những người bị mất tích và chôn cất người chết ; cứu trợ những hộ gặp khó khăn, nhất là những gia đình thuộc diện chính sách ; khôi phục trường học, bệnh viện, phòng chống dịch bệnh.

b) Tu sửa kết cấu hạ tầng : thủy lợi, giao thông, đường điện, đặc biệt là kịp thời sửa chữa những hư hỏng đê điều, đề phòng các đợt lũ bão tiếp.

c) Khôi phục sản xuất : tích cực tiêu úng, chăm sóc lúa mùa ; khôi phục hệ thống kênh mương để chuẩn bị cho vụ đông và vụ đông xuân, phòng chống dịch bệnh cho gia súc.

d) - Đề nghị Chính phủ trợ cấp cho những vùng, những gia đình bị nạn ; khoanh nợ và hoãn nợ cho những vùng bị thiên tai ; trợ cấp tiền điện tiêu úng và trợ cấp cho sản xuất vụ đông.

e) - Sơ kết các đợt lũ bão vừa qua ở các tỉnh phía Bắc để rút kinh nghiệm cho các đợt tới và chuẩn bị cho chỉ đạo phòng chống lũ bão ở các tỉnh miền Trung và miền Nam.

III - MỘT SỐ VẤN ĐỀ RÚT RA TỪ CÁC ĐỢT LŨ, BÃO VỪA QUA

1 - Nhận thức rõ hơn về tính phức tạp của thiên tai, lũ bão :

- Bão, xoáy lốc, áp thấp nhiệt đới, mưa, lũ... là những thiên tai thường gặp đối với nước ta, nhưng khó lường trước được về mức độ, về phạm vi ảnh hưởng. Dự báo rất khó chính xác, nhưng dự báo không chính xác sẽ dẫn đến hoặc là chủ quan coi nhẹ, hoặc là phải chuẩn bị quá mức cần thiết gây lãng phí tốn kém. Vì vậy, trước hết phải làm cho mọi người dân, mọi tổ chức, mọi cấp, mọi ngành phải luôn luôn nâng cao ý thức cảnh giác, tự lo bảo vệ khi có tin báo bão, lũ, áp thấp nhiệt đới.

Đề nghị Nhà nước tạo điều kiện tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công tác dự báo của cơ quan chuyên ngành là Tổng cục khí tượng thủy văn để không ngừng nâng cao chất lượng công tác dự báo.

Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương, Ban chỉ huy phòng chống lụt bão các cấp cần được củng cố có hiệu lực, phân công trách nhiệm rõ ràng gắn với tổ chức chức năng bộ máy quản lý nhà nước, chuẩn bị công cuộc phòng chống suốt cả năm, chứ không phải chỉ lúc có lũ bão. Nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc tham mưu và chỉ đạo tổ chức đối phó với lũ bão. Thực tế huyện Tiền hải (Thái bình), huyện Xuân thủy (Nam hà) cấp ủy và chính quyền huyện chỉ đạo ráo riết việc

Digitized by Google

đôn đốc ngư dân ven biển về nơi trú ẩn an toàn trong cơn bão số 2 đã giảm nhẹ thiệt hại rất nhiều về người. Sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên quang sát sao khi nhận được dự báo cảnh báo về đỉnh lũ sông Lô tại Tuyên quang đã tránh được thiệt hại về người.

2 - Cần được nhất trí về quan điểm : quan tâm đại cục, tập trung cho mặt trận chính trong công tác phòng chống lũ bão, hết sức lo bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của nhân dân.

Trong cuộc chiến đấu với lũ bão vừa qua, theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương, trong lúc lũ các sông đang rất cao, bão số 4 sắp vào, các địa phương đã tập trung lực lượng giữ gìn, bảo vệ các tuyến đê chính một cách quyết liệt ; vì lũ quá cao vượt mức quy định của các đê bối, đê địa phương, các địa phương đã chỉ đạo làm tốt 2 mặt : lo bảo vệ đê chính và lo công tác hậu phương an toàn về người và tài sản ở các vùng đê bối, đê địa phương bị tràn. Kinh nghiệm tốt của huyện Vĩnh tường và tỉnh Vĩnh phú, kinh nghiệm tốt của huyện Gia viễn (Ninh bình), của các tỉnh Nam hà, Thái bình, Hà bắc, Hải hưng và nhiều nơi khác đã hạn chế thiệt hại ở các vùng này.

3 - Cần sớm có quy hoạch sản xuất và khu dân cư ở các tỉnh miền núi, các vùng thường bị ngập lụt phù hợp với việc phòng chống lũ.

Những năm vừa qua, lũ quét ở Sơn la, Lai châu, Bắc thái, Lạng sơn, và năm nay lũ quét sạt sườn núi ở Lai châu cho ta một nhận thức đầy đủ hơn. Để tránh thiệt hại về người và của, đối với các tỉnh miền núi, không thể để dân tự phát làm nhà ở ven sông, ven suối, ven sườn đồi núi dốc mà phải có chỉ đạo hướng dẫn xây dựng nơi ở mới của nhân dân.

Ở các vùng đê thấp ven sông hoặc các vùng bối, nếu tôn cao đê thì tốn kém quá lớn, phải bơm tiêu úng, lại gây uy hiếp nặng nề hơn đối với các đê lớn... cũng cần được tổ chức sản xuất và đời sống phù hợp với tình hình thường bị ngập lụt. Trước mắt, cần sớm hướng dẫn quy hoạch khu dân cư mới của thị trấn huyện Mường lay (Lai châu) và một số thị trấn, thị xã hay bị ngập lụt.

- Soát xét quy hoạch phòng chống lũ bão phù hợp với tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội từng vùng gắn với chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa . Thúc đẩy mạnh mẽ chiến lược trồng và bảo vệ rừng, kế hoạch trồng cây chống sóng ; tăng cường chất lượng đê điều, nhất là trong tình hình xuất hiện lũ cao, gió lớn, triều cường ở vùng cuối sông ; tổng kết điều tiết lũ ở hồ Hòa bình, hồ Thác bà và xây dựng tiếp các hồ chứa lợi dụng tổng hợp khác ; nạo vét, chỉnh trị và ổn định lòng sông thoát lũ ; rà soát lại kế hoạch phân lũ.

Để bảo đảm an toàn chống bão lớn gặp triều cường, đê biển cần được tăng cường đầu tư củng cố. Nhà cửa và các công trình kết cấu hạ tầng vùng thường bị bão lũ cần được tính toán phù hợp, nâng cao chất lượng xây dựng, có quy chế quản lý bảo vệ chặt chẽ.

5 - Thực tế tình hình thiệt hại về người trong các đợt bão và áp thấp nhiệt đới vừa qua cho thấy, việc tuân thủ thực hiện quy chế báo bão đã được Chính phủ ban hành năm 1980 là rất cần thiết. Bên cạnh trách nhiệm của các ngành, cần nhấn mạnh trách nhiệm của các cấp chính quyền và nhân dân trong việc thực hiện các quy định về an toàn khi có bão, áp thấp nhiệt đới (bao gồm việc thông báo tin cảnh báo bằng các loại tín hiệu về tin bão và áp thấp nhiệt đới ; việc gọi tàu thuyền về nơi trú ẩn ; việc kiên quyết sơ tán người ra khỏi vùng nguy hiểm ; việc bắt buộc phải có trang bị phương tiện cứu hộ, phương tiện thu tin, báo tin cấp cứu khi cho tàu thuyền ra khơi ; việc tổ chức công tác cứu hộ khẩn cấp...). Các địa phương cần có kế hoạch xây dựng các khu vực neo đậu an toàn cho tàu thuyền khi đã về đất liền.

*
* *

Công tác phòng chống lụt bão là trách nhiệm của toàn đảng, toàn dân, toàn quân. Trách nhiệm của các ngành, các cấp đã được Pháp lệnh phòng chống lụt bão ghi rõ. Mỗi người dân phải chủ động tự lo bảo vệ mình ; các ngành, các cấp có nghĩa vụ lo thực hiện phần trách nhiệm của ngành mình, cấp mình theo Pháp lệnh, theo Nghị định hướng dẫn của Chính phủ, theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, theo sự phân công của Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương và chỉ thị, hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra ❑

Digitized by Google

TUYÊN QUANG CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC PHÒNG CHỐNG LŨ LỤT

HÀ THỊ KHIẾT *

DO những đặc điểm về địa hình, khí hậu và thời tiết ở Tuyên quang khá phức tạp, lượng mưa phân bố không đều, thường tập trung từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm. Ở đây thường hay xảy ra mưa đá, lốc xoáy và lũ lụt.

Nhưng nặng nề nhất vẫn là lũ lụt, có năm tới hai, ba cơn lũ. Mức nước lũ tại thị xã Tuyên quang lên 24 m là toàn tỉnh có hàng nghìn ha đất canh tác bị ngập, hàng chục ngàn dân sống trong vùng ngập lụt. Với mức nước này trở lên, theo số liệu của 88 năm trở lại đây, có tới 76 năm mức nước lũ trên 24 m đến 31,87 m. Thiệt hại do lũ lụt gây ra trải khắp toàn tỉnh đã gây ra nhiều khó khăn khó lường được trong tổ chức sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Đứng trước thực tế khách quan gay gắt như vậy, cấp ủy và chính quyền địa phương luôn luôn trăn trở tìm mọi phương sách để ứng cứu và khắc phục hậu quả lũ lụt hàng năm để nhằm hạn chế tới mức thấp nhất những thiệt hại do lũ lụt gây ra.

Từ kinh nghiệm chống lũ lụt của nhiều năm trước, nhất là năm 1995 sau khi khắc phục lũ lụt xong, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tiến hành đánh giá rút kinh nghiệm một cách toàn diện và nghiêm túc, đồng thời đề ra được phương hướng khắc phục cho những năm tiếp theo.

Do vậy, ngay từ khi bước vào mùa mưa lũ năm nay, Tỉnh ủy đã chỉ đạo phòng chống mưa bão, lũ lụt một cách thường xuyên và sát sao hơn, với phương châm đề ra là phải "***chủ động, tự tin, quyết thắng lũ lụt***". Tinh thần chỉ đạo này được chuyển biến từ cách triển khai điều hành của UBND tỉnh : Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão của tỉnh được thành lập sớm đã xây dựng phương án một cách cụ thể, thiết thực, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ; hướng dẫn từng ngành, từng huyện, thị, xã phường xây dựng phương án phòng chống lũ lụt và biện pháp khắc phục khi lũ lụt xảy ra theo từng mức nước. Đồng thời tích cực tuyên truyền vận động nhân dân chủ động dự phòng giống, mạ cho sản xuất và bảo đảm tài sản, tính mạng cho từng người, từng hộ gia đình khi mức nước dâng cao. Các cơ quan, từ tỉnh đến xã thực hiện thường trực giải quyết công việc 24/24 giờ, bảo đảm thông tin thông suốt. Bố trí lực lượng quân đội và công an sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi cần thiết.

Khi cơn lũ số 3 xảy ra ở tỉnh từ ngày 16 đến ngày 24 - 8 - 1996, ngay từ ngày đầu, Tỉnh ủy đã chỉ đạo rà soát toàn bộ phương án phòng chống bão lụt và trực tiếp xuống một số địa bàn xung yếu kiểm tra, đôn đốc, động viên tinh thần phòng chống bão lũ ; đình hoãn tất các cuộc hội họp để tập trung sức lực và vật lực chống lũ lụt.

Đến 20 - 8, khi nước lũ ở mức cao (27,98 m) Ban thường vụ tỉnh ủy đã họp đột xuất bàn biện pháp đối phó với tình huống xấu có thể xảy ra. Trước hết động viên nhân dân nêu cao tình làng nghĩa xóm, giúp nhau di dân từ chỗ thấp lên chỗ cao, hộ có nhà tầng cao giúp hộ nhà còn thấp, hộ chưa ngập giúp hộ ngập lụt, bảo vệ người già cả và trẻ em, không để xảy ra cảnh "màn trời chiếu đất", bảo đảm an toàn tài sản cho nhân dân. Bố trí lực lượng dân quân tự vệ tuần tra canh gác ; lực lượng công an giữ gìn an ninh trật tự an toàn cho dân và không để những nơi đầu mối giao thông bị ùn tắc. Khẩn trương triển khai phương án phục vụ đời sống cho dân như gạo, dầu, muối, thuốc chữa bệnh... ổn định giá cả bằng lực lượng thương nghiệp quốc doanh và quản lý thị trường. Thực hiện thông báo thường xuyên về mức nước lũ thông qua các phương

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Tuyên quang

Digitized by Google

tiện thông tin như : Phát thanh, truyền hình, dùng loa pin cầm tay đi trên thuyền thực hiện 30 phút thông báo 1 lần, khi nước lên cao thì 15 phút thông báo 1 lần, nói rõ mức nước hiện thời và dự báo tiếp theo.

Ngay trong lúc nước lũ cao, Ban thường vụ tỉnh ủy đã phân công các đồng chí thường vụ, thường trực HĐND và UBND cùng lãnh đạo các ngành, đoàn thể thành lập 5 tổ công tác xuống các vùng xung yếu của các huyện và thị xã chỉ đạo tại chỗ. Còn lại trên tỉnh chỉ có một bộ phận trực chỉ huy do đồng chí Phó bí thư - Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách, để xử lý các tình huống và lập kế hoạch khắc phục sau lũ lụt.

Chỉ trong một tuần "nạn hồng thủy" đã làm thiệt hại trong toàn tỉnh ; 5 huyện và thị xã đều bị ảnh hưởng lớn ; 75/145 xã, phường với 9821 hộ bị ngập lụt, trong đó bị đổ và trôi 18 nhà, hư hại nặng 127 nhà ; có 2 trẻ em bị chết đuối ; 5500 ha lúa và hoa màu bị ngập ; đường giao thông bị sạt lở ; 90 160 m^3, 12 cầu cống, mố cầu bị trôi và hỏng nặng ; 150 công trình thủy lợi bị sạt lở và hỏng nặng ; 46 trường, 288 phòng học bị hư hỏng ; 152 cơ sở tiểu thủ công nghiệp bị ngập lụt ; 73 cơ quan, xí nghiệp bị ngập... Ước tính thiệt hại trị giá gần 53 tỷ đồng.

Khi lũ xuống, mực nước được thông báo để nhân dân, cán bộ, thầy cô giáo kịp thời vệ sinh nhà cửa, trụ sở, trường học, bảo đảm cấp điện, nước, huy động phương tiện cơ giới gạt ủi phù sa, tổng vệ sinh môi trường.

Ngành y tế lo đủ thuốc chữa bệnh, thuốc khử trùng, huy động cán bộ, thầy thuốc lập các đội đi giải quyết vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh. Ngành giao thông vận tải kiểm tra các tuyến đường, huy động nhân lực, phương tiện các trạm và đồng bào tại chỗ khắc phục ách tắc trên các tuyến đường. Ngành lao động - xã hội nắm chắc các hộ thiệt hại nặng để trợ cấp kịp thời, nhất là với các hộ gia đình chính sách. Về khôi phục sản xuất, chỉ đạo nước rút đến đâu, té, rửa lá, cấy dồn, cấy dặm đến đấy. Công ty giống, vật tư nông nghiệp cung ứng đủ và kịp thời lúa giống gieo lại. Tỉnh cử các đoàn cán bộ và bộ đội xuống giúp dân khắc phục hậu quả lũ lụt.

Song song với khắc phục hậu quả, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức đợt vận động quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt với tinh thần "lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm là rách nhiều" do Mặt trận Tổ quốc tỉnh chủ trì cùng các đoàn thể triển khai được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

Với cách làm trên, đến ngày 5 - 9 toàn tỉnh đã cấy xong diện tích bị ngập và khai giảng năm học 1996 - 1997 đúng quy định.

Nếu so với năm 1995 thì năm nay Tuyên quang bị lũ cao hơn khoảng 0,60 m. Song thiệt hại thì giảm hơn năm ngoái 50%. Nguyên nhân nào giảm nhẹ được thiên tai ? Bước đầu chúng tôi rút ra một số vấn đề là :

- Phải chủ động đề ra phương án phòng chống bão lũ sớm, với tinh thần trách nhiệm cao nhất trước dân mà tìm ra biện pháp tối ưu để giảm bớt mất mát và thiệt hại cho dân.

- Rút kinh nghiệm của các trận lũ lụt trước, nắm chắc diễn biến thời tiết của toàn cục, theo dõi sát dự báo kết hợp với việc chủ động liên hệ các khu vực thủy văn trên các triền sông chảy về tỉnh và mức nước hạ lưu để tự tính toán khả năng mức nước tại tỉnh mà thông báo mức nước và dự báo kịp thời cho nhân dân.

- Tuyên truyền, động viên, phát huy ý chí tự lực tự cường trong nhân dân, dùng sức mạnh của dân để giải quyết. Làm cho mọi cán bộ, đảng viên và mọi người dân thấy được trách nhiệm "chống lũ lụt cũng như chống giặc" mà từng người, từng hộ gia đình, từng cơ quan đơn vị tự lo cứu mình và cứu người với tình làng nghĩa xóm cao cả.

- Cấp ủy phải lãnh đạo trực tiếp, cụ thể và sát thực, không được "khoán trắng" cho các cơ quan chuyên môn. Xử lý các tình huống linh hoạt, kịp thời với những phương án hiệu quả nhất.

Từ thực tiễn của nhiều năm lũ lụt, với kinh nghiệm bước đầu trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng này, tỉnh xác định là phải chung sống với lũ lụt nhưng đảm bảo phát triển và không để xảy ra thiệt hại lớn.

Digitized by Google

Vì vậy chủ trương xây dựng phương hướng phòng chống lũ lụt có tính toàn cục, đồng bộ, lâu dài và cơ bản hơn, gồm các nội dung sau :

1. Chấp nhận, "chung sống" với lũ lụt, mỗi người dân phải nêu cao tinh thần chủ động, tự giác có kế hoạch phòng chống lũ trong từng gia đình, từng thôn xóm, từng tổ nhân dân. Hàng năm xây dựng và kiểm tra chặt chẽ kế hoạch phòng chống lũ lụt như kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2. Tích cực trồng rừng, bảo vệ khoanh nuôi rừng tái sinh, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ. Chấm dứt tuyệt đối hiện tượng đốt rừng làm nương. Tăng nhanh độ che phủ của rừng từ 36% lên 50%. Phấn đấu đến năm 2000 cơ bản phủ xanh đất trống đồi núi trọc.

3. Lợi dụng đất sa bồi do lũ lụt mang lại, tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ. Tiếp tục phát triển những cây đã thích hợp như cây mía, đồng thời đẩy mạnh hướng chọn tìm cây có giá trị kinh tế, chịu được lụt, thời vụ gieo trồng tránh được thời điểm lũ dâng.

4. Xem xét lại một cách tổng thể quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng đô thị, bố trí lại dân cư theo hướng : khắc phục nhược điểm trong xây dựng, gia cố, cải tạo để sử dụng được những công trình đã có ; đối với những công trình mới phải bố trí xây dựng ở cốt cao, bảo đảm lũ ở mực nước 29 m không bị ảnh hưởng.

Đảng bộ Tuyên quang trong thực tế chỉ đạo phòng chống lũ lụt ở địa phương đã có hiệu quả và bước đầu rút được những bài học nhất định. Được sự lãnh đạo sát sao của Trung ương, đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tuyên quang quyết tâm làm tốt hơn nữa công tác phòng chống bão lũ, dựa vào sức dân là chính, chủ động, tự tin, quyết thắng thiên tai ; không vì điều kiện tự nhiên hay bị ngập lụt mà tụt hậu, phụ lòng quan tâm của Đảng và Nhà nước ; cố gắng để mãi mãi xứng đáng với truyền thống quê hương Tân trào lịch sử ❑

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN NINH BÌNH QUA THỬ THÁCH CỦA BÃO, LŨ

NGUYỄN THANH TÚC *

Kể từ 1986 đến nay, ở Ninh bình ít xảy ra bão, lụt lớn. Năm nay, mới vào đầu vụ, trong vòng 1 tháng (từ 23-7 đến 23-8) đã liên tiếp diễn ra 3 trận : bão số 2 (đêm 23 rạng 24-7), áp thấp nhiệt đới (13 và 14-8) và bão số 4 (đêm 22 rạng 23-8). Bão số 2 cường độ mạnh cấp 11, giật trên cấp 11, thời gian kéo dài (từ 10 giờ đêm đến 11 giờ 30 phút hôm sau), sức tàn phá lớn, kèm theo mưa trên 200 ly, đã gây thiệt hại nặng nề về người và của : 19 người chết (chủ yếu ở vùng bãi biển, do sập nhà, cây đổ), 88 người bị thương ; 2700 nhà bị đổ (trong đó có 92 phòng học) ; 60% số nhà tranh, nhà lợp ngói bị tốc mái ; 1500 cột điện, trong đó có 6 cột đường dây 220 kV bị gãy, đổ ; 21 000 ha lúa mùa mới cấy và trên 2000 ha mạ bị úng, ngập ; rất nhiều cây cối bị đổ, bật gốc ; đầm tôm, ao cá bị tràn ; một số đoạn đê, kè bị sạt lở. Ước tính tổng thiệt hại trị giá hàng trăm tỷ đồng.

Việc khắc phục hậu quả cơn bão số 2 được tập trung chỉ đạo và tiến hành rất khẩn trương. Đến 10-8-1996 toàn tỉnh đã cấy lại và cấy xong 39 100 ha lúa mùa trong thời vụ cho phép, tu bổ xong đê, kè, cống, dựng lại toàn bộ số cột điện bị đổ, gãy, khắc phục xong mạng lưới điện lực, điện thoại, trợ cấp 850 triệu đồng cho các gia đình có người chết, bị thương, nhà đổ... Thế nhưng ngày 13 và 14 tháng 8, áp thấp nhiệt đới với sức gió cấp 6, cấp 7, giật trên cấp 7, kèm theo mưa lớn trên địa bàn toàn tỉnh (từ 350 đến 407 ly) lại gây ngập lụt trên diện rộng. Trên 33 000 ha lúa mùa bị ngập úng, trong đó 23 000 ha bị ngập trắng. Đồng thời, thượng nguồn sông Hoàng long mưa rất lớn, gây lũ lớn trên sông Hoàng long, đỉnh lũ tại Hưng thi (Hòa bình) lúc 19 giờ ngày 15-8 là 17,86 m

* Phó bí thư thường trực tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Ninh bình

Digitized by Google

(mức nước lũ lịch sử năm 1985 là 19,5 m) và tại Đế lúc 8 giờ ngày 16-8 là 5,03 m (mức nước lũ lịch sử năm 1985 là 5,46 m). Toàn bộ tuyến đê Gia tường - Đức long và đập tràn Lạc khoái bị tràn (nước cao hơn mặt đê và đập tràn 0,5 - 0,6 m) làm cho 19 xã với trên 13 000 hộ gia đình của huyện Nho quan và Gia viễn bị ngập lụt ; nhiều hộ nước ngập trong nền nhà trên 1 m. Nhiều đoạn đê bị sạt lở.

Công việc chống lũ, lụt đang khẩn trương thì đêm 22 rạng 23-8-1996 bão số 4 lại đổ bộ vào với sức gió mạnh cấp 11, cấp 12, giật trên cấp 12, mưa không lớn (từ 50 ly đến 70 ly) nhưng trong lúc đang úng lụt nghiêm trọng và triều cường, làm sạt lở gần 7 km đê, trên 21 000 ha lúa mùa tiếp tục úng ngập sâu hơn, 136 ngôi nhà, trên 300 cột điện bị đổ...

Là một trong những tỉnh trong vùng "rốn bão" nên hàng năm đến mùa mưa bão việc phòng chống bão lụt luôn luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm ở Ninh bình. Nhân dân và các cấp lãnh đạo đã có nhiều kinh nghiệm về phòng chống bão lụt. Năm nay, Ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh đã sớm thảo luận, thống nhất phương án phòng chống bão, lụt với những biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm giảm nhẹ thiên tai, chủ động phòng chống, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do bão, lụt gây ra, đặc biệt nhấn mạnh phương châm phòng chống tại chỗ. Tỉnh đã xác định rõ những nơi xung yếu, phân công cụ thể trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương, cơ sở. Do đó, ngay từ khi có cơn bão số 2, mặc dù dự báo chưa thật chính xác về cường độ gió và việc thông tin trên đài, báo có phần thưa thớt, nhưng các cấp, các ngành đã triển khai thực hiện tốt phương án đề ra. Sự chỉ đạo của Ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh, hoạt động của ban chỉ huy phòng chống bão lụt và các ngành, các cấp đã tập trung cao, khẩn trương, có hiệu quả cả trước, trong và sau bão. Cả trong bão số 2, áp thấp nhiệt đới và cơn bão số 4, các đồng chí lãnh đạo của tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo ở những nơi xung yếu, nhất là vùng ven biển và các tuyến đê, xử lý kịp thời các yêu cầu, các tình huống đột xuất như ở đập tràn Lạc khoái. Sau cơn bão số 2, tỉnh đã kịp thời rút kinh nghiệm, việc thường trực tại các cơ quan và tuần tra canh gác các tuyến đê được thực hiện chặt chẽ hơn. Nhiều ngành như điện lực, nông nghiệp - thủy lợi, bưu điện, khí tượng - thủy văn, công an, quân sự, giáo dục, y tế... đã tích cực, tập trung sức thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, ngày đêm lăn lộn trên các tuyến đê, đến từng thôn xóm, phòng chống, khắc phục hậu quả bão lụt, với tinh thần coi đây thật sự là một cuộc chiến đấu gay go, quyết liệt. Hàng vạn nhân dân, bộ đội đã được huy động bồi trúc, tôn cao, bảo vệ đê, chống tràn, chống úng cứu lúa, dựng lại nhà cửa, trường học, cột điện... và đã đảm bảo không để vỡ đê, mặc dù mức nước lũ cao gần nước lũ lịch sử và đã tập trung sức chống úng cứu lúa. Nhìn chung đời sống nhân dân, giá cả trong tỉnh ổn định. Ngay cả ở vùng bị ngập lụt do nước lũ tràn đê, nhân dân cũng không kêu ca, phàn nàn, vì thấy rõ với nước lũ cao như vậy, giữ được đến thế là sự cố gắng rất lớn. Nông dân chỉ có nguyện vọng trung ương, cấp trên xem xét trợ giúp cho tiền bơm điện chống úng và giống, vốn để làm vụ đông. Trong thiên tai, hoạn nạn, tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau được thể hiện rất rõ. Trật tự, an ninh bảo đảm tốt. Không xảy ra các vụ tranh chấp giữa các địa phương trong việc tháo nước như trước đây. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý của nhà nước và vai trò của Mặt trận tổ quốc, của các đoàn thể được phát huy. Đảng sát dân, dân càng thêm gắn bó với đảng. Đặc biệt Ninh bình được Trung ương và các tỉnh bạn rất quan tâm. Sau bão số 2 đồng chí Trần Đức Lương, ủy viên Bộ Chính trị, Phó thủ tướng Chính phủ đã về thăm. Sau áp thấp nhiệt đới, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, nhiều đồng chí lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể trung ương đã về thăm ; nhiều cơ quan trung ương, tỉnh bạn đã có điện thăm hỏi và gửi tiền, hàng giúp đỡ, động viên, cổ vũ nhân dân Ninh bình.

Sau đợt bão, lũ, Ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời rút kinh nghiệm, đề ra những công việc cần tập trung chỉ đạo, giải quyết kịp thời. Bước đầu chúng tôi đã rút ra một số kết luận :

Một là, công tác chuẩn bị là hết sức quan trọng, có tính quyết định để hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và của do thiên tai gây ra. Phải có phương án cụ thể, thực hiện tốt phương châm tại chỗ, phân công trách nhiệm rõ ràng. Đặc biệt, chú ý bảo đảm hệ thống đê, kè, trạm bơm, lưới điện, thông tin liên lạc và chế độ thường trực, tuần tra. Chủ động rút nước đệm trước khi mưa bão. Chuẩn bị giống mạ dự phòng

Digitized by Google

để tiếp tục gieo cấy khi còn thời vụ. Công tác dự báo và thông tin về thời tiết, bão, lụt, áp thấp nhiệt đới kịp thời, chính xác, liên tục đóng vai trò quan trọng.

Hai là, khi bão lụt xảy ra, sự chỉ đạo phải tập trung cao, xử lý kịp thời, thống nhất, kiên quyết, có trọng tâm, trọng điểm nhằm hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất và với yêu cầu cao nhất là không để chết người, không để vỡ đê.

Ba là, phải tổ chức huy động lực lượng quần chúng, khi cần thiết huy động cả lực lượng bộ đội, chủ động, tích cực phòng chống bão, lụt trên từng địa bàn, nhất là nơi xung yếu. Tránh tư tưởng ỷ lại, thụ động.

Bốn là, cần chú ý chất lượng trong việc xây dựng các công trình như nhà ở, trường học, trụ sở cơ quan, cột điện ; nghiên cứu quy hoạch xây dựng nhà ở, khu dân cư và bố trí phương hướng sản xuất ở vùng hay bị ngập lụt để chủ động tránh và hạn chế thiệt hại do thiên tai.

Hiện nay, vẫn đang mùa mưa bão, trên cơ sở những kinh nghiệm bước đầu, đảng bộ và nhân dân Ninh bình đang tập trung khắc phục hậu quả bão, lụt, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch 1996 và chuẩn bị bước vào thực hiện kế hoạch 1997 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ 13. Trước mắt chúng tôi tập trung làm tốt những việc chủ yếu sau đây :

1 - Khẩn trương rút nước, chống úng cứu lúa, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất, đồng thời tích cực chuẩn bị mở rộng vụ đông, nhất là ngô đông, phấn đấu vẫn bảo đảm mục tiêu 360 nghìn tấn lương thực trong năm 1996.

2 - Sơ kết, rút kinh nghiệm, bổ sung phương án, tập trung bồi trúc, củng cố đê, kè, trạm bơm để phòng chống có hiệu quả hơn các đợt bão lũ có thể sẽ xảy ra.

3 - Hết sức chăm lo đời sống nhân dân, nhất là vùng bị ngập lụt : vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, các yêu cầu thiết yếu, trường lớp, phương tiện học tập để khai giảng năm học mới vào đúng ngày đã định.

4 - Quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng đối tượng các nguồn tài trợ, giúp đỡ của trung ương, các tỉnh bạn và của quốc tế ❑

THIÊN TAI Ở NAM HÀ VÀ VIỆC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BÃO, LŨ

TRẦN TRỌNG HIẾN *

CŨNG như nhiều tỉnh khác ở Bắc bộ, vừa qua Nam hà liên tiếp phải gánh chịu, đối phó với 4 đợt thiên tai dồn dập, liên tiếp : bão số 2, áp thấp nhiệt đới, bão số 4 và ảnh hưởng của lũ trên các triền sông. Bão to, lũ lớn đã gây thiệt hại nặng nề cho Nam hà : nhiều đoạn đê, kè xung yếu bị sạt lở ; nhiều đê bối bị tràn ngập nước ; nhiều nhà cửa, công trình phục lợi, cơ sở hạ tầng, lúa, màu... bị ngập hoặc tàn phá ; có khả năng 10 000 ha lúa bị mất trắng. Hệ thống điện lực hỏng nặng. Hàng nghìn cột điện thoại đổ gãy. Nhiều trường học, bệnh viện, trạm y tế, nhà cửa của dân bị tốc mái. Ước thiệt hại của Nam hà trong đợt bão, lũ vừa qua khoảng 1000 tỷ đồng.

Cơn bão số 2 với sức gió cấp 12, trung tâm bão đi qua Nam hà, thời gian kéo dài, lại đổ vào ban đêm kèm theo mưa to (160-180 ly) đã gây thiệt hại nặng nề cho hầu hết các vùng trong tỉnh. Theo thống kê ban đầu, đã có : 14 người chết, 186 người bị thương ; 12 796 nhà dân bị đổ ; 299 648 nhà dân bị tốc mái ; 431 phòng học bị đổ, 2 117 phòng bị tốc mái ; 2 300 cột điện cao thế và hạ thế bị đổ, 1 130 cột điện thoại bị đổ, 5 124 cột điện thoại bị gãy, 65 tàu, thuyền bị đắm ; 37 000 ha lúa, 2000 ha mạ bị ngập ; đê điều bị sạt lở phải xử lý 138 000m^3 đất, 22 000 m^3 đá, 319 000 cống. Ước tính thiệt hại do cơn bão số 2 gây ra là 695 tỷ đồng. Trong mưa bão và ngay sau bão, cán bộ, nhân dân Nam hà đã ra sức phòng chống, khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất, đời sống. Đã cấy xong và cấy lại 117 000 ha lúa mùa. Đó là thắng lợi to lớn.

Nhưng tiếp theo cơn bão số 2, áp thấp nhiệt đới lại gây mưa lớn trong hai ngày 13 và 14-8-1996 với lượng mưa bình quân trên 100 ly (có nơi 296 ly) làm úng ngập 48 000 ha lúa mùa, trong đó ngập trắng 31 800 ha ; diện lúa chỉ còn phất phơ là 16 800 ha.

* Phó trưởng ban tuyên giáo, tỉnh ủy Nam hà.

Digitized by Google

Nhân dân toàn tỉnh lại phải dồn sức chống úng cứu lúa. Gió xoáy đã làm đắm vỡ nhiều tàu thuyền đánh cá ; 3 ngư dân ở huyện Xuân thủy và Hải hậu bị chết. Nhân dân 3 huyện Xuân thủy, Hải hậu và Nghĩa hưng, bộ đội biên phòng, công an, cơ quan quân sự, Sở lao động thương binh xã hội... đã phối hợp kịp thời cứu giúp ngư dân Thanh hóa bị nạn (với 46 người chết, cứu giúp 324 người còn sống bị trôi dạt). Trong thời gian này, lũ các triền sông lên rất cao, vượt xa báo động số 3, nhân dân Nam hà lại phải tập trung chống lũ hộ đê từ 17-8-1996 đến sau cơn bão số 4. Lũ cao, nước đứng lâu, xuống chậm, đê ngâm nước lâu ngày gặp gió bão cấp 10 và cấp 11 (ven biển giật cấp 12) nên thiệt hại do cơn bão số 4 gây ra cũng rất nghiêm trọng. Theo tập hợp nhanh, bão số 4 và đợt lũ cao đã làm bị thương 18 người, chết 1 người, 1 307 nhà đổ, 40 312 nhà bị tốc mái, 5 044 nhà ngập trong nước, 45 phòng học đổ, 1 253 phòng bị tốc mái, 93 trạm y tế bị tốc mái, 14 600 mét tường bao đổ ; 41 500 cây ăn quả đổ, 888 ha ao hồ, đầm tôm bị vỡ ; 2 118 cột điện thông tin bị đổ ; 50 000 mét dây đứt, 2 757 cột điện hạ thế đổ, 12 đê bối bị tràn, vỡ hoặc chủ động cho nước vào làm ngập 2 392 ha, trong đó có 4 121 hộ gia đình với 17 780 nhân khẩu. Tổng thiệt hại do bão số 4 gây ra ước 100 tỷ đồng. Trên đê sông Hồng, sông Đào, sông Đáy, sông Ninh cơ và đê biển có 32 đoạn đê phải xử lý. Nguy cấp nhất là đoạn đê 1000 mét thuộc xã Tân thịnh, huyện Nam ninh bị sạt lở, có chỗ sạt tới 2/3 mặt đê. Những đoạn đê sông Hồng ở Lý nhân, Mộc bắc (Duy tiên), cũng nhiều chỗ xung yếu. Trước khi cơn bão số 4 đổ vào, ở 3 huyện Bình lục, Kim bảng và Duy tiên lại xảy ra gió lốc. Ở Bình lục bị đổ 20 ngôi nhà, ở Kim bảng tốc mái 406 nhà, 8 phòng học và một trạm y tế.

Trong đợt thiên tai bão, lũ, đảng bộ và nhân dân Nam hà đã thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu rất cao nhằm giảm nhẹ thiệt hại. Đã đào đắp 75 000 m^3 đất, sử dụng 7 700 m^3 đá, 115 500 bao tải đất, 18 500 cây tre, 3 800 cọc tre, v.v.. Chi phí cho cứu đê hết 2,7 tỷ đồng. Sau bão số 4, UBND tỉnh đã quyết định chi 5,8 tỷ đồng để khắc phục hậu quả bão, lũ, bao gồm chi cho sửa chữa trường học, trạm y tế, xử lý đê, kè và giúp đỡ những nơi bị thiệt hại nặng.

Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh và ban chỉ huy chống lụt bão của tỉnh đã chỉ đạo tập trung cao độ, sâu sát, khẩn trương và cụ thể. Có những chỉ thị kịp thời, thông tin nhanh tới cơ sở, tới dân. Các đồng chí thường vụ tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã bám địa bàn, bám cơ sở, chỉ đạo trực tiếp tại chỗ và điều hành từng công việc cụ thể, huy động tổng lực cán bộ kỹ thuật và chỉ huy cho hộ đê ; sơ tán triệt để người và tài sản của nhân dân ở những nơi đê bối xung yếu trước khi nước tràn qua đê và chủ động cho nước tràn vào bối để phân lũ... Phát động nhân dân góp công, góp sức, góp vật tư cho hộ đê, chống ngập úng ; phát huy những sáng kiến của cán bộ và nhân dân trong việc chống sạt lở đê, kè, cống và khi nước tràn qua mặt đê. Ở những địa điểm yếu nhất đã huy động toàn bộ lực lượng công an, bộ đội và bộ đội biên phòng cùng với các lực lượng nhân dân quyết bám trụ đêm ngày ngăn chặn bão, lũ. Nhờ thế đã không để vỡ đê, giữ an toàn cho toàn bộ hệ thống đê của tỉnh và bảo đảm an toàn về người, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản.

Bên cạnh sự cố gắng và lòng quyết tâm của cán bộ và nhân dân trong tỉnh, Nam hà còn được Trung ương Đảng, Chính phủ và các ngành của trung ương cùng các tỉnh bạn quan tâm giúp đỡ, động viên, ủng hộ về tinh thần và vật chất với tinh thần thông cảm và chia sẻ khó khăn, thiệt hại. Ngày 26-7-1996 đảng bộ, nhân dân Nam hà nhận được điện của Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm hỏi và động viên nhân dân khắc phục thiên tai. Ngày 27-7-1996 đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó thủ tướng Chính phủ về thăm và kiểm tra việc khắc phục cơn bão số 2 ở Nam hà. Ngày 22-8-1996 đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị đã về Nam hà kiểm tra một số đoạn đê sông Hồng trên địa bàn tỉnh và làm việc với tỉnh ủy, huyện ủy Xuân thủy về việc khắc phục hậu quả thiên tai và chỉ đạo việc phòng chống cơn bão số 4. Cũng trong thời gian này, Nam hà đã được 10 tỉnh gửi điện thăm hỏi và 29 tỉnh, tổng công ty, doanh nghiệp trung ương thăm hỏi và giúp đỡ vật chất.

Ngày 27-8-1996, tỉnh ủy Nam hà đã ra chỉ thị về việc tập trung khắc phục hậu quả bão, lũ, úng và quyết định thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động quyên góp giúp nhân dân vùng bị bão, lụt, úng của tỉnh. Mỗi cán bộ, công nhân viên và chiến sĩ lực lượng vũ trang giành ít nhất 1 ngày lương ; mỗi lao động ở vùng ít khó khăn giành ít nhất 2 kg thóc, các ngành, các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, tùy điều kiện của mình giành một phần kinh phí để ủng hộ đồng bào bị thiệt hại nặng. Với tinh thần "lá lành đùm lá rách", nhân dân Nam hà đang dấy lên phong trào giúp đỡ lẫn nhau khắc phục hậu quả thiên tai, khôi phục sản xuất và ổn định đời sống, chuẩn bị phương tiện, lực lượng để phòng bão lũ trong thời gian tới ❑

Digitized by Google

DẤU ẤN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ CÔNG TY MAY ĐỨC GIANG

TRẦN XUÂN CẦN *

CÔNG ty may Đức giang ra đời và phát triển vào đúng thời kỳ chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, khi mà đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra đang từng bước đi vào cuộc sống. Đó là thuận lợi rất cơ bản. Nhưng khi một đứa con vừa mới ra đời không được hưởng "bầu sữa mẹ" thì cũng là một thiệt thòi và khó khăn rất lớn. Lúc đó, với gần 70 cán bộ, công nhân viên, chủ yếu là công nhân coi kho và chuyển từ Liên hiệp may sang, Công ty được giao cho số vốn bằng tài sản cố định trị giá khoảng 1,2 tỷ đồng : 2 nhà cấp 4 ; 5 dãy nhà xiêu vẹo ; 60 máy may của Liên xô ; và một số máy thanh lý của các công ty khác. Thị trường cũ của hàng may mặc là Đông Âu và Liên xô từ những năm đầu thập kỷ 90 không còn nữa, thị trường mới chưa có ; yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm rất cao, trong khi đó máy móc, trang thiết bị quá cũ, lạc hậu. Đó là thách thức lớn đối với ngành may nói chung và đối với Công ty may Đức giang nói riêng.

Trải qua hơn 6 năm cạnh tranh trong cơ chế thị trường, với sự cố gắng phấn đấu của cán bộ, công nhân, đến nay Công ty may Đức giang đã khẳng định được vị trí của mình, và trở thành một trong những đơn vị đứng ngang tầm "làng may" của Tổng công ty dệt - may Việt nam. Bảng thống kê dưới đây phần nào nói lên tốc độ phát triển, những cố gắng bước đầu trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thời điểm	Doanh thu (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Số lao động (người)	Lương bình quân (đồng/ người/tháng)
Năm 1990	718	50	400	40 850
Năm 1991	2 376	90	500	111 000
Năm 1992	4 610	372	562	223 000
Năm 1993	13 845	400	1 205	332 000
Năm 1994	30 000	600	1 800	380 000
Năm 1995	39 254	1 118	2 080	553 000
6 tháng đầu năm 1996	19 980	730	2 142	604 000

Trong 5 năm (1991-1995) tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 273,4%, nộp ngân sách đạt 271%, vòng quay của một đồng vốn đạt 5,2 lần/năm. Công ty đã thu hút được hơn 2 000 lao động, bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định, từng bước nâng cao đời sống cán bộ, công nhân. Cũng trong 5 năm qua, Công ty đã đầu tư 4,288 tỉ đồng vốn tự có để xây dựng nhà xưởng, bổ sung, thay thế máy móc, thiết bị, mở rộng sản xuất. Đến nay Công ty may Đức giang đã phát triển khá toàn diện cả về quy mô và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Công ty hiện có 100% máy móc, thiết bị tiên tiến của Nhật bản, Cộng hòa liên bang Đức gồm : trên 1100 máy khâu các loại, 2 dàn máy thêu điện tử 20 đầu máy; một xí nghiệp giặt mài quần Jean của Mỹ và Đài loan với tổng số vốn hơn 20 tỉ đồng. Năng lực sản xuất của Công ty hiện nay đạt 5 triệu áo sơ mi quy đổi/năm. Tỷ trọng "mua đứt bán đoạn" đạt 30%. Chất lượng sản phẩm được bảo đảm và ngày càng được nâng cao ; mẫu mã, chủng loại ngày càng phong phú. Công ty đã có quan hệ với 46 bạn hàng của 20 nước trên thế giới.

Các mặt hoạt động khác cũng được Công ty quan tâm, chú ý và đạt được nhiều thành tích đáng kể. Những thành tích của Công ty được Đảng, Nhà nước ta ghi nhận, đánh giá bằng những phần thưởng cao quý : Huân chương lao động hạng 3 ; từ năm 1990 đến 1995 liên tục được công nhận là đơn vị thi đua xuất sắc của ngành may cả nước, đảng bộ Công ty 5 năm liền đạt danh hiệu "đảng bộ trong sạch, vững mạnh". Công ty là đơn vị lá cờ đầu trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc khối cơ quan, xí nghiệp của thành phố Hà nội. Đội bảo vệ, đơn vị phòng cháy chữa cháy của Công ty 5 năm liền đạt danh hiệu "đơn vị quyết thắng". Công ty cũng liên tục là đơn vị thi đua xuất sắc, lá cờ đầu

* Bí thư đảng ủy, Tổng giám đốc Công ty may Đức giang

Digitized by Google

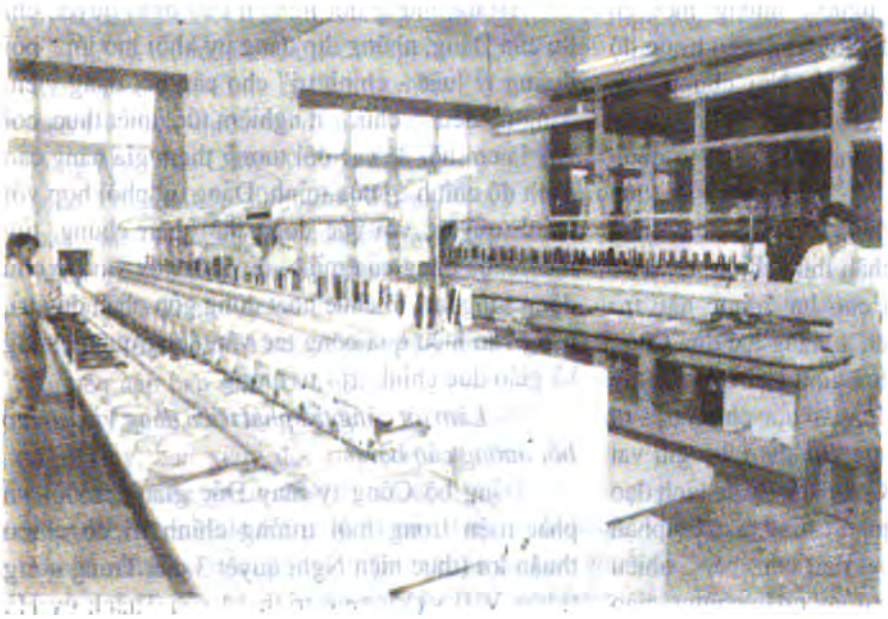
của huyện Gia lâm trong công tác dân quân tự vệ và thực hiện chính sách "hậu phương quân đội" ; là đơn vị thi đua xuất sắc trong phong trào thể dục thể thao. Trong phong trào văn hóa, văn nghệ, Công ty cũng đạt được nhiều giải cao trong các cuộc thi ở huyện và thành phố. Cán bộ công nhân của Công ty cũng thường xuyên tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, xây dựng nhà tình nghĩa ; đỡ đầu nuôi dưỡng các bà mẹ Việt nam anh hùng ; quyên góp, giúp đỡ nhân dân Cu ba anh em. Công ty may Đức giang đã vinh dự được đón 6 nguyên thủ quốc gia đến thăm.

Nhân tố nào làm cho Công ty may Đức giang chỉ hơn 6 năm sau khi ra đời đã đạt được những kết quả như vậy ? Tập thể đảng ủy và lãnh đạo Công ty chúng tôi đã nhất trí rút ra một số nhân tố cơ bản sau đây :

1 - Khẳng định rõ vai trò lãnh đạo của đảng bộ.

Vào đầu những năm 1990, khi nền kinh tế đất nước bước vào cơ chế thị trường, một khuynh hướng khá rõ trong đời sống xã hội nói chung và trong các doanh nghiệp nói riêng là coi nhẹ vai trò lãnh đạo của đảng. Một số người cho rằng đã chấp nhận và đi theo kinh tế thị trường thì hãy để cho thị trường điều tiết, Đảng chỉ lãnh đạo hoạt động chính trị, không nên can thiệp vào các hoạt động kinh tế v.v.. Để loại bỏ khuynh hướng này, ngăn chặn không để nó phát triển trong Công ty, ngay sau khi thành lập, đảng ủy Công ty may Đức giang đã xác định dứt khoát vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong việc đưa Công ty đi lên đúng hướng và phát triển toàn diện. Trước hết, đảng ủy cùng ban giám đốc xác định phải lãnh đạo doanh nghiệp phát triển đúng hướng theo đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảng bộ phải lãnh đạo doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, cạnh tranh lành mạnh bằng năng suất, chất lượng, hiệu quả, làm tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, từng bước chiếm lĩnh thị trường, giữ uy tín và mở rộng bạn hàng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tổ chức đảng phải lãnh đạo sao cho phát huy được quyền làm chủ của người lao động, gắn bó người lao động với doanh nghiệp, thực hiện công bằng xã hội, quan tâm đến lợi ích chính đáng của người lao động. Khẩu hiệu hành động của cán bộ, đảng viên, công nhân Công ty may Đức giang thời gian qua là "lo làm hết việc không nghĩ hết giờ". Trong sản xuất, kinh doanh, đảng ủy chỉ đạo chống tư tưởng "ăn xổi ở thì". "đánh quả" "chụp giật" trốn lậu thuế v.v. Nguyên tắc chung là bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên những vấn đề lớn về chủ trương, phương hướng, giải pháp, Đảng không bao biện, làm thay nhưng cũng không buông lỏng lãnh đạo; đồng thời hết sức coi trọng, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của giám đốc và bộ máy chuyên môn.

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, việc xác định rõ nội dung công tác, trách nhiệm, quyền hạn của từng tổ chức, cá nhân, xây dựng các quy chế



◀ ***Xưởng thêu Embroidery Department***

Digitized by Google

làm việc, quy định cụ thể là điều rất cần thiết. Trong mấy năm qua, Công ty may Đức giang đã xây dựng sửa đổi, bổ sung hàng chục quy chế, nội quy trên tất cả các mặt hoạt động của Công ty. Ngoài những quy chế hoạt động của đảng ủy, ban giám đốc, của bí thư đảng ủy, tổng giám đốc, Công ty đã xây dựng khá đầy đủ các quy định về chế độ phân phối, chế độ tiền lương, tiền thưởng v.v. một cách dân chủ, công khai, công bằng, đúng pháp luật. Cụ thể như : phân phối thu nhập ; mừng sinh nhật ; mừng lễ cưới ; nghỉ mát, tham quan, du lịch ; phụ cấp người giỏi ngoại ngữ ; trang phục lễ tân ; thăm hỏi khi ốm đau ; gửi tiền tiết kiệm và hỗ trợ người về hưu ; thưởng cho người phát hiện, khai thác nguồn hàng và người phát hiện những vụ trộm cắp tài sản của Công ty v.v..

2 - Thường xuyên làm tốt công tác vận động quần chúng và công tác giáo dục chính trị - tư tưởng.

Gần đây, có một tình trạng khá phổ biến là trong các đơn vị kinh tế, các cấp ủy đảng, lãnh đạo đơn vị ít quan tâm đến công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, ngại làm công tác giáo dục chính trị - tư tưởng. Chúng tôi cho rằng như thế là tổ chức đảng đã đánh mất một trong những chức năng cơ bản của mình. Ở Công ty may Đức giang phần lớn cán bộ, công nhân còn rất trẻ, thanh niên chiếm 80% lực lượng lao động, 90% cán bộ, công nhân là nữ (gồm 2005 người) nhưng mới có 15,56% chị em có gia đình. Số đảng viên trong độ tuổi thanh niên chiếm 64,95%. Nói chung, lực lượng lao động hiện nay của Công ty là những người có sức khỏe, nhiệt tình, hăng say lao động sản xuất, có trình độ văn hóa, ham hiểu biết, tiếp thu nhanh khoa học, kỹ thuật. Nhưng ở họ cũng còn nhiều hạn chế trong nhận thức chính trị và về kinh nghiệm sống. Muốn cho lực lượng này trở thành nòng cốt, đủ phẩm chất, năng lực đưa Công ty phát triển đúng hướng thì ngoài việc đào tạo tay nghề, chuyên môn, công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, vận động quần chúng của đảng bộ giữ vai trò hết sức quan trọng. Vì vậy, đảng ủy đã lãnh đạo các chi bộ, các đoàn thể quần chúng, các bộ phận chức năng duy trì sinh hoạt đều đặn, bằng nhiều hình thức đưa công tác vận động quần chúng, giáo dục chính trị - tư tưởng vào nền nếp. Các chi bộ thực hiện đúng lịch sinh hoạt hằng tháng với nội dung cụ thể, thiết thực : kiểm điểm việc lãnh đạo công tác tháng trước ; đề ra công tác tháng sau ; nắm bắt, tháo gỡ những vướng mắc ; phản ánh những diễn biến về tư tưởng của đảng viên và công nhân ; động viên khích lệ những gương tốt, những việc làm đúng ; uốn nắn những tư tưởng, việc làm sai trái v.v.. Ban thường vụ đảng ủy và ban chấp hành đảng bộ sinh hoạt và ra nghị quyết hằng tháng, hằng quý ; nghe các chi bộ phản ánh tình hình tư tưởng của cán bộ, công nhân ; quyết định những giải pháp, khắc phục kịp thời những vướng mắc, giải tỏa những tư tưởng không đúng mới nảy sinh. Bản tin "Thông báo nội bộ" của Ban tuyên giáo thành ủy Hà nội ra hằng tháng được phổ biến đến từng đảng viên. Hằng quý, đảng ủy mời báo cáo viên về báo cáo tình hình thời sự trong nước và thế giới cho toàn thể đảng viên và cán bộ từ tổ trưởng sản xuất, tổ trưởng công đoàn trở lên, nhằm nâng cao trình độ nhận thức, hiểu biết về chính trị-xã hội. Hằng ngày, qua hệ thống loa truyền thanh, đảng ủy, ban giám đốc thông báo tình hình sản xuất, kinh doanh ; biểu dương những đơn vị, cá nhân lao động, sản xuất giỏi, những việc làm tốt ; nhắc nhở những sai phạm, những việc làm không tốt ; phổ biến những chính sách, quy chế, chế độ mới ; nghe tin tức, thời sự, âm nhạc v.v...

Trong những đợt nghiên cứu nghị quyết, chỉ thị của Đảng, những dịp đảng ủy khối mở lớp "bồi dưỡng lý luận - chính trị" cho cán bộ, đảng viên, đảng ủy đều tổ chức rất nghiêm túc, thiết thực, coi đây là cơ hội để các đối tượng tham gia nâng cao trình độ chính trị của mình. Đảng ủy phối hợp với chính quyền, với các đoàn thể quần chúng, tùy theo chức năng của mình, để phát huy vai trò chủ động sáng tạo, tổ chức hoạt động góp phần duy trì, nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng và giáo dục chính trị - tư tưởng.

3 - Làm tốt công tác phát triển đảng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Đảng bộ Công ty may Đức giang ra đời và phát triển trong môi trường chính trị có nhiều thuận lợi (thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương (khóa VII) và chương trình 14 của Thành ủy Hà

Digitized by Google

nội). Do vậy, việc phát triển đảng mấy năm qua có xu hướng tăng rõ rệt. Nếu như năm 1993 đảng bộ kết nạp được 9 đảng viên mới, thì năm 1994 con số này là 19 ; năm 1995 là 55 ; 6 tháng đầu năm 1996 là 29. Lực lượng đảng viên trẻ chiếm tỷ lệ cao trong đảng bộ. Hiện nay tổng số đảng viên của đảng bộ là 147 đồng chí, trong đó tuổi đời dưới 30 là 106 đồng chí ; từ 31 đến 40 tuổi là 27 đồng chí ; từ 41 đến 50 là 10 đồng chí và từ 51 tuổi trở lên là 4 đồng chí. Kết quả phân loại đảng viên thời gian gần đây cho thấy chất lượng đội ngũ đảng viên của Công ty nói chung là tốt. Đảng viên loại I : 145 đồng chí ; loại II : 2 đồng chí; không có đảng viên loại III và IV. Sở dĩ đạt được số lượng và chất lượng đảng viên như trên một phần do đảng ủy, các chi bộ xác định đúng đối tượng và có kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng, thử thách. Đối tượng chủ yếu là : các cán bộ từ tổ trưởng, tổ phó sản xuất trở lên ; các đoàn viên thanh niên ưu tú ; những người lao động giỏi, đạt năng suất, chất lượng cao ; những quần chúng có nhiều việc làm tốt. Riêng năm 1995 đã mở lớp tìm hiểu về Đảng cho 157 thanh niên ưu tú và quần chúng tích cực. Đây là nguồn chủ yếu bổ sung cho đảng bộ. Đảng ủy cũng đề ra phương hướng phấn đấu là tất cả các tổ sản xuất, các phòng, ban đều có đảng viên làm nòng cốt, lãnh đạo.

Công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề của Công ty ngay từ khi mới thành lập đã có khí thế và dần dần đi vào nền nếp. Những năm đầu mới thành lập, Công ty đã thực hiện phương thức đào tạo "nhà nước và nhân dân cùng làm". Mỗi công nhân vào Công ty được đào tạo tay nghề thời gian 3 tháng, nộp 300 nghìn đồng. Bằng cách làm này, sau 4 tháng Công ty đã đào tạo được 400 công nhân. Hiện nay lực lượng này đã thành những thợ nòng cốt. Công ty có 70 cán bộ, công nhân có trình độ đại học, 132 công nhân kỹ thuật. Trên cơ sở nền nếp ban đầu đó, việc đào tạo cán bộ, nâng cao tay nghề, thi thợ giỏi được làm thường xuyên. Đảng ủy, ban giám đốc tiếp tục lựa chọn những người đủ tiêu chuẩn để đào tạo cho trước mắt và lâu dài. Năm 1994 Công ty đã cử 10 người đi học tại Trường đại học Ngoại thương. Hiện nay có 46 người đang theo học lớp đại học tại chức do trường Đại học bách khoa mở tại Công ty. Và ở các trường Đại học ngoại ngữ, Tài chính - Kế toán, Luật và Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Năm 1995 Công ty mở lớp lý luận chính trị cơ sở tại chức bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, công nhân. Ngoài ra, Công ty còn chú ý các hình thức bồi dưỡng khác như báo cáo chuyên đề (kế hoạch hóa gia đình, xây dựng nếp sống văn minh gia đình văn hóa, công tác nữ công và cán bộ nữ ; tổ chức các hội thi thợ giỏi, nữ công giỏi kiến thức làm mẹ v.v.).

4 - Chọn đúng mô hình bí thư cấp ủy.

Những năm gần đây ở nước ta việc chọn mô hình bí thư cấp ủy của một doanh nghiệp vẫn còn có những ý kiến khác nhau. Một số nơi cho rằng mô hình giám đốc làm bí thư có nhiều ưu việt hơn và nên phổ biến rộng rãi. Nhưng có không ít nơi cho rằng phó giám đốc làm bí thư là "tiện nhất". Và, trong thực tế một số doanh nghiệp còn có trường hợp cán bộ cấp phòng hoặc quản đốc phân xưởng làm bí thư. Chúng tôi cho rằng, trong tình hình của ta hiện nay, chưa nên khẳng định dứt khoát mô hình nào là tốt nhất. Điều quan trọng là tùy từng quy mô, tính chất, tình hình, đặc điểm và con người cụ thể ở mỗi doanh nghiệp mà có sự lựa chọn phù hợp. Công ty may Đức giang chúng tôi chọn mô hình tổng giám đốc Công ty làm bí thư đảng ủy. Thực tế cho thấy, đối với Công ty may Đức giang, mô hình đó là phù hợp và sự lựa chọn này là do tập thể quyết định. Sở dĩ chúng tôi chọn mô hình nêu trên bởi vì :

- Quy mô doanh nghiệp và số lượng cán bộ, đảng viên của Công ty may Đức giang ở mức độ vừa phải ; mặt hàng, công việc sản xuất, kinh doanh ổn định ; địa bàn tương đối tập trung, ít di chuyển.

- Có cán bộ đủ điều kiện đảm nhận chức vụ tổng giám đốc kiêm bí thư đảng ủy.

- Có bộ máy giúp việc am hiểu và đủ sức hoàn thành những công tác đảng vụ và những vấn đề về nghiệp vụ xây dựng Đảng.

- Ủy ban kiểm tra đảng ủy đủ bản lĩnh, năng lực làm tròn nhiệm vụ của mình, kịp thời phát hiện và đấu tranh với những biểu hiện sai trái, vi phạm của người đứng đầu cấp ủy - thủ trưởng doanh nghiệp ❑

Digitized by Google

Huyện Mê Linh trong chặng đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa

TRẦN DŨNG *

HUYỆN Mê linh thuộc tỉnh Vĩnh phú, nằm ở phía tây bắc thủ đô Hà nội. Diện tích 250 000 ha. Dân số 23 vạn người. Đóng trên địa bàn huyện có 10 trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề của trung ương và địa phương, 6 trường cấp III (phổ thông trung học) quốc lập, bán công, dân lập... 15 nhà máy, xí nghiệp, trong đó có 5 liên doanh với nước ngoài. Một số đơn vị lớn đã và đang đi vào sản xuất, như : Công ty Xuân hòa (chuyên làm các loại bàn ghế và đồ dùng trang trí nội thất) ; Liên doanh ô tô TOYOTA (năm 1996 dự kiến sản xuất 2000 xe) ; Liên doanh mô tô HONĐA (năm 1997 sẽ đi vào sản xuất với dự kiến 40 000 xe/năm). Ngoài ra, nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác đã và đang tập trung hàng tỉ đồng vốn vào khu du lịch hồ Đại lải, xây dựng khách sạn, nhà hàng, sân gôn, sân đua ngựa...

Mê linh có thuận lợi về mặt địa lý : sát với Hà nội (trước đây đã 12 năm là một huyện của Hà nội) ; kề liền sân bay quốc tế Nội bài ; là đầu nút giao thông của các quốc lộ 2, 3 và 18 đi tới tất cả các tỉnh biên giới phía bắc ; là nơi có đường sông Hồng, đường sắt Hà nội - Lào cai đi qua. Thị trường rộng lớn của thủ đô Hà nội hằng năm tiêu thụ cho Mê linh hàng vạn tấn rau quả và các loại thực phẩm...

Với những thuận lợi trên, huyện có thể cùng cả nước bước vào giai đoạn *mới* : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, để có thể thực hiện tốt điều này, có một số vấn đề đặt ra huyện cần tập trung giải quyết :

1. *Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.* Cũng như các huyện khác trong cả nước, để tiến hành thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Mê linh cần đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn nhằm khai thác mọi tiềm năng và thế mạnh vốn có. Sự chuyển dịch đó, đương nhiên, phải phù hợp và kết hợp hài hòa với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, của cả nước. Có như vậy, nó mới có bước đi thích hợp, vừa bảo đảm được yêu cầu cấp bách trước mắt, vừa bảo đảm được những mục tiêu cơ bản lâu dài.

Được sự quan tâm chỉ đạo của tỉnh và trung ương, được sự giúp đỡ của các cấp các ngành, Mê linh thực tế đang tiến hành khá thuận lợi việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về *cơ cấu kinh tế*, cùng với việc giảm dần tỷ trọng các ngành nông, lâm nghiệp, tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ đã dần dần tăng lên. Từ năm 1991 đến năm 1995, tỷ trọng giá trị tạo ra trong các ngành nông, lâm nghiệp đã từ 63,5% tụt xuống còn 50,3% ; trong khi đó giá trị tạo ra trong các ngành công nghiệp, xây dựng từ 23,5% tăng lên 35,8% ; dịch vụ từ 13% tăng lên 13,9%.

Về *cơ cấu các ngành*, cũng có sự thay đổi đáng kể. Trong *nông nghiệp*, cơ cấu mùa vụ, cây trồng thay đổi, làm tăng vòng quay của đất. Nhiều xã trong huyện đã mở rộng diện tích vụ đông, diện tích gieo trồng các loại cây có năng suất cao ; vừa tăng được sản lượng cây trồng, vừa tăng được vật nuôi có giá trị. Nhiều mô hình tốt đã và đang được triển khai. Trong *công nghiệp*, ngành sản xuất hàng tiêu dùng đang chiếm ưu thế. Trong ngành *dịch vụ* thì dịch vụ về thương mại, sửa chữa và vận tải, ngày càng phát triển và chiếm tỷ trọng cao.

Về *cơ cấu thành phần kinh tế*, khu vực quốc doanh vẫn giữ vị trí quan trọng, đóng góp khoảng 65 - 67% ngân sách. Kinh tế ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển trong tất cả các lĩnh vực.

Về *cơ cấu vùng*, đã dần dần hình thành rõ nét *bốn* vùng : *vùng đồi núi* (bán sơn địa) ; *vùng đất bạc màu ; vùng đất phù sa sông Hồng ; vùng bãi đê sông Hồng*. Ở mỗi vùng, nhân dân đã chọn được những giống cây trồng và vật nuôi phù hợp, có năng suất cao. Sự hình thành rõ nét các vùng kinh tế đã tạo nên sự chuyển biến mới trong nhận thức về quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện. Làm thế nào để một ha đất canh tác đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất ? Hiện tại 1 ha đất canh tác của huyện mỗi năm mới đưa lại 30 - 31 triệu đồng. Cần phấn đấu để đến năm 2000, 1 ha đưa lại 35 - 37 triệu đồng.

2. *Sớm hoàn thành quy hoạch tổng thể về kinh tế xã hội và quy hoạch đô thị* trên địa bàn huyện. Chỉ có như vậy, huyện mới sớm xác định được các cụm kinh tế - xã hội theo nghề nghiệp, trên cơ sở đó xác định các quỹ đất sử dụng phù hợp ngay từ đầu : quỹ đất

* Bí thư huyện ủy huyện Mê linh, tỉnh Vĩnh phú

Digitized by Google

trồng lúa và cây lương thực khác ; quỹ đất vùng rau màu và thực phẩm ; quỹ đất dùng cho công nghiệp ; quỹ đất phát triển đô thị nhỏ (thị trấn, thị tứ, các trung tâm xã...). Đã tới lúc quy hoạch và phát triển các đô thị nhỏ ở những nơi có điều kiện. Gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa là vấn đề đô thị hóa. ở Mê linh hiện nay, số dân đô thị và phi nông nghiệp trên địa bàn huyện mới chiếm khoảng 15 - 18%, thấp hơn so với tỷ lệ số dân đô thị trong toàn quốc (20 - 22%). Để tránh tụt hậu so với các địa phương khác, huyện cần đưa số dân đô thị tới năm 2010 lên 30%. Như vậy, đối với Mê linh, đô thị hóa vừa là mục tiêu, vừa là biện pháp để đi tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác, để chuyển lao động nông nghiệp sang làm các nghề khác thì việc hình thành và phát triển các đô thị nhỏ do cấp huyện quản lý là điều kiện cần thiết.

Từ năm 1994 huyện ủy Mê linh đã có nghị quyết về xây dựng nông thôn và phát triển các đô thị nhỏ trên địa bàn. Nghị quyết đó từng bước đã đi vào cuộc sống, làm chuyển biến nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện lâu nay thường quan niệm huyện chỉ bàn chuyện nông nghiệp, không bàn chuyện đô thị. Hiện nay thì ai cũng thấy việc hình thành và phát triển các đô thị nhỏ do huyện quản lý là điều tất yếu, do vậy huyện cần chủ động tiến hành quá trình đó một cách có ý thức, có kế hoạch, bảo đảm tính ổn định lâu dài, tránh tự phát. Đó là điều rất quan trọng đối với công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở nông thôn.

Cùng với quá trình hình thành và phát triển các đô thị nhỏ, cơ cấu xã hội ở nông thôn cũng dần thay đổi. Số dân đô thị, phi nông nghiệp ngày càng tăng. Các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ xuất hiện ngày một nhiều. Bộ mặt văn hóa xã hội nông thôn thay đổi nhanh chóng, đây lại là động lực mới thúc đẩy nông thôn tiến nhanh và vững chắc trên con đường hiện đại hóa và công nghiệp hóa. Ở Mê linh, sau hai năm thực hiện nghị quyết nói trên của huyện ủy, nhiều trung tâm xã là địa điểm tập trung dân cư phi nông nghiệp đã ra đời. Tại đây có trụ sở cơ quan chính quyền, cơ quan đảng, có bưu điện, chợ, trường học, có các điểm giao dịch ngân hàng, tín dụng... Các đô thị nhỏ này trong huyện cách nhau từ 3 đến 5 km, tạo nên một mạng lưới dân cư mới trong cơ chế thị trường, bảo đảm tính thống nhất chung của đô thị hiện đại, bảo đảm tính lâu dài và cân đối hài hòa về các mặt mỹ quan, môi trường...

Để làm tốt việc quy hoạch tổng thể về kinh tế xã hội và quy hoạch đô thị, huyện không thể thiếu các cán bộ hiểu biết về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng và quản lý đô thị. Nếu không chú ý giải quyết nhanh vấn đề này, sẽ khó tránh khỏi tình trạng đô thị phát triển lộn xộn, gây nhiều phức tạp về sau. Nên chăng, trong cải cách hành chính, cần quy định thêm chức năng cho một số phòng liên quan ở cấp huyện, để huyện có thể kịp thời đáp ứng những yêu cầu mới đặt ra.

3. *Giải quyết tốt vấn đề thị trường cho nông sản hàng hóa.* Nhìn lại từ năm 1954 đến nay, cũng như các huyện khác ở miền Bắc, Mê linh đã trải qua các giai đoạn như sau :

1954 - 1964 : Khôi phục kinh tế sau kháng chiến chống Pháp. Tổ chức và phát triển kinh tế tập thể. Sản xuất về cơ bản bảo đảm đủ tiêu dùng.

1965 - 1975 : Cùng cả nước dồn sức cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Mọi sản phẩm dư thừa đều được tập trung, chi viện cho chiến trường.

1975 - 1985 : Sau ngày thống nhất đất nước, kinh tế gặp khó khăn, hàng hóa khan hiếm, thị trường gần như bị thủ tiêu.

1986 - 1996 : Thực hiện đường lối đổi mới, kinh tế ngày càng phát triển nhờ xóa bỏ cơ chế bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường.

Như thế, có thể nói rằng, kiến thức về kinh tế thị trường ở nước ta nói chung còn sơ khai. Ở nông thôn, càng như vậy. Người nông dân vẫn giữ thói quen sản xuất và tích lũy trong từng gia đình theo nếp sản xuất khép kín phong kiến trước đây. Điều này tất nhiên ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước.

Cùng với đường lối đổi mới và cuộc cách mạng sinh học trong nông nghiệp, nông sản hàng hóa ở nước ta ngày càng vượt quá mức tích lũy của từng gia đình. Ở nhiều nơi, nông sản hàng hóa như lúa gạo, rau quả, thịt cá, bị ứ đọng do không có thị trường tiêu thụ. Ngay Mê linh có cả thị trường tiêu thụ ở thủ đô mà không ít nông sản hàng hóa vẫn bị ứ đọng.

Vì vậy, để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn, cần có biện pháp nâng cao kiến thức về thị trường và giải quyết vấn đề thị trường tiêu thụ. Có như vậy, để những nơi hàng hóa phát triển mới có "đầu ra". Ở đây cần đặc biệt chú ý vai trò và chức năng của các hợp tác xã nông nghiệp. Huyện cần phát triển các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư... ; cần khôi phục hội công thương gia, hội những người buôn bán hoặc tổ chức "khuyến thương", để có thể thực hiện việc tiếp thị một cách có tổ chức, giúp nông dân có được thị trường tiêu thụ ở trong nước và ngoài nước, chống tư thương ép giá.

Rõ ràng, hợp tác xã nông nghiệp không phải không còn đất để "dụng võ" ở nông thôn trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vấn đề

Digitized by Google

là tổ chức nó như thế nào cho phù hợp với yêu cầu mới. Điều này đòi hỏi sự quan tâm phối hợp giải quyết càng nhanh càng tốt của nhiều cấp, nhiều ngành. Nếu giải quyết tốt, đây sẽ là động lực hết sức to lớn thúc đẩy sản xuất ở nông thôn phát triển. Rồi đây, nông thôn sẽ không còn sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở dạng thô nữa, mà đã có đủ loại máy cần thiết để sơ chế và tinh chế sản phẩm nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

4. *Nâng cao dân trí, tạo điều kiện thuận lợi để nhiều người tình nguyện về nông thôn phục vụ.* Đây chính là nhân tố đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn. Hiện nay ở Mê linh hầu như không có người tốt nghiệp đại học làm việc trong các hợp tác xã nông nghiệp ; bình quân mỗi hợp tác xã chỉ có từ 3 đến 5 người là cán bộ trung cấp và công nhân kỹ thuật, nhưng họ cũng không còn làm công việc chuyên môn như đã được đào tạo nữa. Do vậy, cần có biện pháp thích hợp để số cán bộ có trình độ trung, đại học nay đã nghỉ hưu nhưng còn sức khỏe, số các thầy cô giáo ở các trường cấp I, cấp II (phổ thông cơ sở), cấp III (phổ thông trung học) do cơ chế hạn chế đang dần bị nông thôn hóa một cách tự nhiên, có thể tích cực tham gia quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn.

Chúng ta đã nhiều lần khuyến khích cán bộ khoa học kỹ thuật về nông thôn công tác, nhưng thực tế là họ ngại, vì nếu về công tác ở hợp tác xã và xã, họ không được xếp vào ngạch công chức, không có điều kiện nâng cao trình độ, không đủ thông tin... trong lúc bạn bè họ ở huyện, ở tỉnh, ở trung ương được nhiều ưu ái hơn.

Một thực tế khác là chúng ta đang dư thừa lao động, nhưng lại thiếu lao động có trình độ chuyên môn vững do việc trang bị kiến thức và dạy nghề cho người lao động và lớp trẻ ở nông thôn hiện nay gặp nhiều khó khăn, cần phải có thời gian mới giải quyết được. Vì vậy, để tiến hành thuận lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn, cần có chính sách thích hợp để đưa cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cần thiết về phục vụ nông thôn ; đào tạo cán bộ tại chỗ bằng nhiều hình thức ; tạo môi trường cho trí thức có thể sống bằng nghề nghiệp được đào tạo; chấm dứt tình trạng người ở nông thôn chỉ tính chuyện "ra đi không ngày trở về" và quê hương chỉ còn là kỷ niệm về "chùm khế ngọt cho con trèo hái suốt ngày"... Vấn đề là làm thế nào để nông thôn và các ngành kinh tế nông nghiệp có một nội lực mới, biết khai thác hết tiềm năng vốn có, biết làm giàu, biết đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách có hiệu quả nhất.

Hiểu được tính bức xúc của vấn đề này, Mê linh đã cố gắng rất nhiều để nâng cao dân trí. Được sự giúp đỡ hết sức quý báu của các ngành, tình hình tới nay rất đáng phấn khởi. Sự nghiệp giáo dục phát triển khá toàn diện, cả về số lượng và chất lượng. Trường, lớp, số học sinh từ mẫu giáo đến phổ thông trung học đều tăng. Năm 1995 so với năm 1990, số trường tăng 9, số lớp tăng 256, số học sinh tăng 11 749 ; chất lượng đại trà ổn định và tăng dần. Đến năm học 1994 - 1995, về hệ phổ thông, bình quân loại giỏi là 6,0% ; loại khá 31,6% ; loại trung bình 55,95% ; loại yếu 6,2% ; loại kém 0,49%. Số học sinh giỏi, ổn định và có hướng phát triển ; nổi bật là các lớp chọn, lớp chất lượng cao, trường chuyên. Từ năm học 1991 - 1992 đến nay, năm học nào Mê linh cũng có học sinh đạt giải quốc gia ; giải năm sau cao hơn năm trước. Năm học 1994 - 1995, Mê linh có 230 em thi đỗ vào các trường đại học, đây là con số cao nhất của huyện từ trước đến nay. Mê linh là huyện sớm thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo; đã mở ra hệ thống các trường, lớp bán công (50 lớp), dân lập (1 trường) và các lớp hòa nhập (huyện đã phối hợp với Ủy ban chăm sóc và bảo vệ trẻ em tổ chức tốt các lớp học tình thương, tật nguyền, bảo đảm nhu cầu học tập của mọi đối tượng). Chất lượng giáo viên được nâng lên đáng kể : từ năm học 1990 - 1991 tới 1994 - 1995 số giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học và trung học cơ sở đã từ 30% tăng lên 44,4% ; số giáo viên khá giỏi cấp phổ thông trung học đã từ 26% tăng lên 38%.

Các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề đã có nhiều tiến bộ. Số học sinh các trường tăng bình quân 2,7%. Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao (loại giỏi 8,5%, khá 45,1%, trung bình 55,9%). Chất lượng đội ngũ giáo viên có nhiều chuyển biến tốt. Nhiều giáo viên, giảng viên, giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ có các công trình khoa học có giá trị đóng góp cho đất nước. Các trường đã chú ý phát triển các hình thức bồi dưỡng tập trung, tại chức trên các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu của các địa phương. Số lượng học sinh là con em của Mê linh trong các trường này ngày càng tăng : năm học 1990 - 1991 có 0,3%, năm học 1994 - 1995 có 13,1%.

Tuy còn nhiều khó khăn phức tạp nhưng về cơ bản, con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Mê linh có nhiều thuận lợi. Với cố gắng chung của đảng bộ và nhân dân trong huyện, được sự giúp đỡ của các ngành các cấp, chúng tôi tin tưởng Mê linh nhất định sẽ hiện thực hóa đường lối của Đại hội VIII của Đảng trong cuộc sống và trở thành một huyện giàu mạnh, có cuộc sống văn minh ❑

Digitized by Google

Tẩy sạch bệnh quan liêu để công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công

PHƯƠNG HẠNH *

HẠNH phúc lớn nhất của tất cả những ai tự nguyện chiến đấu cho lý tưởng của Đảng, của Bác Hồ, là được đem hết trí tuệ, tài năng, sức lực của mình phục vụ cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Để đạt được cái đích ấy, như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng chỉ rõ, có nhiều việc chúng ta phải cùng lo, cùng nghĩ, cùng làm thật tốt. Trước mắt, nổi lên là nhiệm vụ *công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Tôi nghĩ rằng, mọi hoạt động của ta muốn thành công phải hội đủ *hai* yếu tố cơ bản : *con người* tuyệt đối hiếu với dân, trung với nước, và *cơ sở vật chất* giúp cho con người có thể tiến hành có kết quả công việc của mình.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đòi hỏi những điều kiện như vậy.

Ở đây xin chỉ nói một khía cạnh tác động trực tiếp tới quốc sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa : vấn đề tiết kiệm và mặt trái của nó là tệ *tham ô, lãng phí*, hai tệ nạn mà công luận đã lên án gay gắt từ nhiều năm nay, chứ không chỉ từ trước Đại hội VIII.

Chúng ta đều biết, chống tham ô, lãng phí là một chủ trương lớn của Đảng và Chính phủ ta. Nó hoàn toàn phù hợp với lòng dân và được dân nhiệt liệt hưởng ứng. Nhưng tại sao một chủ trương hoàn toàn vì dân như thế, tới nay còn xa mới đáp ứng được sự mong mỏi của dân ? Thậm chí có nơi, có lúc, càng đề cao khẩu hiệu chống tham ô, lãng phí, người dân càng hoài nghi.

Theo tôi, nguyên nhân chính là do ta mới lo chặt cái ngọn mà chưa đào cái gốc. Nói cụ thể hơn, để bài trừ tệ tham ô, lãng phí, nhất thiết ta phải tẩy sạch *bệnh quan liêu* là nguồn gốc sâu xa của hai tệ nạn đó, như Bác Hồ từ lâu đã chỉ rõ.

Để làm rõ thêm điểm này, xin được đi từ định nghĩa về "tham ô" và những biểu hiện cụ thể của "lãng phí" như Bác Hồ đã dạy. Bác viết : "Đứng về phía *cán bộ* mà nói, tham ô là : Ăn cắp của công làm của tư. Đục khoét của nhân dân, Ăn bớt của bộ đội. Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình... Đứng về phía *nhân dân* mà nói, tham ô là : Ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế."(1) Còn những biểu hiện của tệ lãng phí thì như Người đã chỉ rõ : đó là lãng phí sức lao động do tổ chức công việc vụng về ; lãng phí thì giờ do không biết tính toán hợp lý ; lãng phí tiền của do tinh thần trách nhiệm còn kém...

Người coi các tệ nạn trên là *"kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ"*, là "*bạn đồng minh* của thực dân và phong kiến..., phá hoại đạo đức cách mạng" (2).

Người dân bình thường ít dùng từ "tham ô", mà nói nôm na như Bác Hồ thường nói là "ăn cắp". Còn mỗi lần nhắc đến những kẻ lãng phí thì họ gọi đó là những "tên phá cửa chùa"... Dù những tội trên nặng tới mấy thì chúng vẫn là con đẻ của một thứ bệnh vô cùng tai hại : *bệnh quan liêu.*

---

* Ban tuyên giáo, tỉnh ủy Cần thơ

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội 1986, t 6, tr 263

(2) Hồ Chí minh : *Sđd*, t 6, tr 266

Digitized by Google

Bác Hồ đã phân tích nguyên nhân căn bệnh này ở cán bộ là "vì xa cách quần chúng, không hiểu biết dân chúng, không học hỏi dân chúng, sợ dân chúng phê bình". Biểu hiện của nó là : "Đối với người (cấp trên đối với cấp dưới cán bộ đối với nhân dân...) biết dùng *mệnh lệnh*" mà "không biết giải thích tuyên truyền". Đối với công việc chỉ biết tổ chức hội nghị, viết nghị quyết ra chỉ thị mà không nghiên cứu, kiểm tra... Đối với bản thân chỉ muốn nhân dân phụng sự chứ không lo phụng sự nhân dân, nói một đường, làm một nẻo, cá nhân, tham ô, hủ hóa [3]. Người còn viết *"bệnh quan liêu đã ấp ủ dung túng che chở cho nạn tham ô, lãng phí.* Vì vậy muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí thì trước mắt phải *tẩy sạch bệnh quan liêu"* [4]. Như vậy, lãng phí và tham ô đều cùng cha sinh mẹ đẻ là bệnh quan liêu.

Tôi vừa nói về *mặt trái* - tệ lãng phí, quan liêu, tham nhũng hay tham ô (mà dân mình coi là kẻ thù) - để khẳng định *mặt phải* nhất quyết phải thực hành là *tiết kiệm.*

Bác Hồ từng phân tích cặn kẽ vấn đề *tiết kiệm.* Người chỉ rõ : tiết kiệm không phải là "bủn xỉn", mà để tích trữ vốn nhằm xây dựng một nền kinh tế khá để kháng chiến và kiến quốc. Người đã phát động một phong trào thi đua tiết kiệm đi đôi với chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Người dạy : *Ai cũng có thể và cũng nên tiết kiệm.* Người còn nêu kinh nghiệm tiết kiệm ở các nước và kết luận : "Nước ta..., điều kiện khó khăn hơn. Nhưng chúng ta *quyết tâm* tăng gia và tiết kiệm, thì nhất định tăng gia được và tiết kiệm được" [5].

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa giờ đây, chúng ta sẽ phải bỏ không ít công sức trong nhiều năm, nhiều thập kỷ liên tục, với hàng triệu triệu ngày công, với hàng tỉ tỉ đồng đưa vào cho những công trình lớn nhỏ được xây dựng theo đường lối "nghìn năm mới có" ; nếu chỉ một chút quan liêu, sẽ vô cùng tác hại ; bọn ăn cắp sẽ tha hồ vơ vét ; bọn lãng phí sẽ thả sức đốt bạc, "vén tay áo sô đốt nhà táng giấy". Khổ cho dân. Khổ cho nước. Cho nên, *hơn lúc nào hết, phải đặc biệt nhấn mạnh vấn đề tiết kiệm.* Cần tạo một thói quen sống theo gương Bác Hồ, nhất là ở những người được giao nhiệm vụ nắm giữ tài sản của nhân dân : khi không cần tiêu hay tiêu mà chẳng đem lại cho đất nước một lợi ích thiết thực nào, *thì một đồng cũng nhất định không tiêu* ; ngược lại, *khi cần chi* thì không "bủn xỉn", không "coi đồng tiền bằng cái nống" như Bác Hồ đã dạy. Đồng thời, phải tạo một cơ chế để cho dư luận xã hội lên án rộng rãi, mạnh mẽ các hành vi tham nhũng, ăn cắp của công và lãng phí tiền bạc của nhân dân.

Cuối cùng, cái bí quyết của chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hành tiết kiệm, là ở nơi người cầm quyền - người ra quyết định. Phải hiểu thấu đáo *cái lợi* và *cái hại* của mỗi việc định tiến hành ; phải trân trọng *lắng nghe* và *chọn lọc* ý kiến của những người xung quanh mình bằng cái đức thật sự chí công vô tư, bằng trí tuệ của chính mình. Chốt lại là : đặt lợi ích dân chúng và đất nước trên hết (tất nhiên không thể bỏ qua lợi ích tập thể và bản thân), thật thà tự phê bình và phê bình, thực hành "cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư" như lời Bác dạy.

Với riêng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cái đức *cần kiệm* đã quý như vậy ; trong toàn bộ công cuộc đổi mới ở đất nước ta, cái đức ấy càng quý hơn nữa ❑

(3) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 419, 420

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 265

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 488

Digitized by Google

CHỨC NÀO OAI HƠN?!

TIẾN HẢI

H là ủy viên ban thường vụ, trưởng ban tuyên giáo thị ủy của một thị xã vào loại lớn. H tâm sự với tôi: "Mình là ủy viên ban thường vụ, trưởng ban tuyên giáo hai khóa liền, chẳng ai thèm chúc mừng, chẳng ai thèm ngó ngàng tới; thế mà vừa rồi thị ủy mới dự kiến phân công sang làm phó chủ tịch phụ trách khối văn - xã (thôi cả ủy viên thường vụ) mình đã được bạn bè tới tấp gọi điện đến chúc mừng, bà xã nhà mình đi họp tổ dân phố thì được người ta chào là "bà phó chủ tịch". Lạ thật! Đảng ta là đảng cầm quyền, thế thì cái chức ủy viên ban thường vụ, trưởng ban tuyên giáo phải oai hơn chức phó chủ tịch mới đúng chứ. Đằng này hoàn toàn ngược lại. Phải chăng đó là nghịch lý thời cơ chế thị trường? Ông thử phân tích xem tại sao lại có hiện tượng đó?". Vừa nói, H vừa nhìn tôi cười một cách "đầy ý nghĩa". Tôi bảo: Lý do tại sao thì H thừa biết rồi còn vờ hỏi mình làm gì nữa. Nhưng thôi được, mình kể cho H nghe thêm hai trường hợp tương tự, rồi sau đó chúng ta cùng phân tích. Sở dĩ mình nói là tương tự bởi vì bản chất của vấn đề giống nhau, chỉ khác nhau ở chỗ cái ghế ngồi được hoán vị.

- Ở tỉnh B có một ông tỉnh ủy viên làm phó chủ tịch ủy ban, phụ trách khối văn - xã. Trong nhiệm kỳ đó, ông hoàn thành rất tốt công việc được giao. Vì thế, tại đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh vừa rồi, ông được tái đắc cử tỉnh ủy viên và được tỉnh ủy bầu vào ban thường vụ, trực tiếp làm trưởng ban tuyên giáo. Ông ấy sốc và buồn đến phát ốm phải đi điều trị ở bệnh viện ít ngày. Chẳng những bản thân ông buồn, mà vợ con ông cũng buồn theo, thậm chí còn buồn hơn ông nữa. Giữ chức vụ cao hơn, quan trọng hơn mà lại buồn. Thế có lạ không?

- Trường hợp khác, chị NH là tỉnh ủy viên tỉnh K, phụ trách khối văn - xã. Nhiệm kỳ qua, chị cũng hoàn thành rất tốt nhiệm vụ được giao. Hơn nữa lại là cán bộ nữ, vì thế tỉnh ủy dự kiến sẽ đưa chị vào ban thường vụ để làm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy khóa tới. Biết được ý định đó, chị lập tức tìm gặp những nhân vật quan trọng và tìm mọi cách thuyết phục để họ không đưa chị vào "cơ cấu" ban thường vụ. Mà đã không ở trong ban thường vụ thì đương nhiên không thể giữ chức chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

H cắt ngang: thế ý định của chị ấy có thành không? Tất nhiên là thành thì mình mới có chuyện để kể cho H nghe. Hiện nay chị ấy vẫn chỉ là tỉnh ủy viên, giữ chức phó chủ tịch.

Tôi vỗ vai H nói tiếp: trong thực tế hiện nay đúng là có những chuyện như thế đấy. Còn tại sao ư? Theo thiển nghĩ của mình có thể do mấy nguyên nhân:

Thứ nhất, làm công tác chính quyền có điều kiện tiếp xúc với dân nhiều hơn; được dân biết đến nhiều hơn. Ở cấp nào cũng vậy, người dân thường chỉ biết nhiều đến các chức danh: chủ tịch, phó chủ tịch, giám đốc, phó giám đốc... chứ mấy ai biết ông ấy, bà ấy là cấp gì ở trong đảng. Thậm chí có người chẳng phân biệt được ủy viên ban thường vụ với cấp ủy viên... thì chức nào to hơn.

Thứ hai, có lẽ đây mới là nguyên nhân chính. Đó là vấn đề lợi ích. Cứ nhìn vào trường hợp của ông phó chủ tịch ở tỉnh B như mình đã kể thì rõ. Khi ông ấy chỉ là tỉnh ủy viên, giữ chức phó chủ tịch thì được đi xe ô tô Nhật xịn; phòng làm việc sáng choang, có máy điều hòa nóng lạnh; các phương tiện làm việc đều sang trọng, tiện nghi. Đã thế, cái khoản "bổng lộc trời cho" hàng tháng, hàng năm đến với ông khá nhiều. Các đối tượng mà ông thường tiếp xúc cũng "chịu chơi" hơn. Nhưng từ khi ông được bầu vào ban thường vụ tỉnh ủy, trực tiếp làm trưởng ban tuyên giáo thì các khoản nói trên chênh lệch đến mức không thể ngờ tới. Ông vẫn được sử dụng một mình một xe ô tô nhưng không phải là ô tô Nhật xịn mà là chiếc La-đa từ cái thời "Liên xô cũ" đã đại tu tới mấy lần. Phòng làm việc của ông quét vôi vàng khè, không bả ma-tít; không có máy điều hòa nóng lạnh, mà chỉ có chiếc quạt cây MD (Trung quốc). Các khoản thu phong bì gọi là "phần mềm ngoài lương" năm thì mười họa mới có. Đã thế, "chất lượng" của các phong bì đó không thể so sánh với các phong bì khi ông làm phó chủ tịch. Như thế thì làm sao người ta có thể vui được. Âu cũng là con người cả thôi.

Nghe tôi nói vậy, H bắt tay tôi đồng tình rồi nói thêm: Điều cơ bản là ở vế thứ hai. Đây không còn là chuyện cá biệt nữa; dường như nó đã mang tính phổ biến rồi, ở địa phương nào và ngành nào cũng vậy, có khác chăng thì chỉ là ở mức độ mà thôi. Chẳng thế mà đây đó đã loan truyền những câu ca đại loại như: "chuột chạy cùng sào mới chui vào ban đảng","lính ủy ban còn hơn quan bên đảng"! ...

Đến lượt tôi bắt tay H, đồng tình. ❑

Digitized by Google

THẾ GIỚI THỨ BA TRONG CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

NGUYỄN VIẾT THẢO * - HÀ THANH *

NỀN chính trị quyền lực thế giới sau năm 1945 không chỉ được quyết định bởi mối quan hệ giữa các siêu cường. Quá trình phi thực dân hóa sau chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn phát triển mới với sinh lực và tính chất cách mạng cao hơn nhiều so với các giai đoạn trước, tạo ra sự tan rã từng mảng lớn về chính trị trên toàn cầu. Như một hiện tượng không có tiền lệ, các thực thể phi thực dân hóa không những trở thành các quốc gia độc lập có chủ quyền, mà còn biết tập hợp lại thành một lực lượng chính trị thế giới bao gồm gần 100 nước kém phát triển, chiếm 2/3 dân số thế giới và khoảng 500 tỉ đô la GDP năm 1950. Thuật ngữ "Thế giới thứ ba" dùng để chỉ các nước này là do An-phrết Xô-vai đưa ra.

Lợi thế sức mạnh đầu tiên của thế giới thứ ba là *số lượng đông đảo*. Nếu như khi thành lập, Đại hội đồng Liên hợp quốc chỉ có 50 nước thành viên, đa số thuộc châu Âu và Mỹ la tinh, thì vào thập kỷ 60 đã tăng hơn 100 nước trong đó nhiều thành viên mới thuộc châu Á và châu Phi và thuộc thế giới thứ ba.

Sự bùng nổ của hàng chục cuộc xung đột, chiến tranh mang đậm tính chất đối đầu Đông - Tây tại các nước thế giới thứ ba nửa sau thế kỷ 20 chứng tỏ *vai trò, vị trí trọng yếu* của thế giới thứ ba đối với an ninh và trật tự quốc tế. Trên một ý nghĩa nhất định, có thể nói trong cuộc cạnh tranh quyền lực Xô - Mỹ, ai có thế giới thứ ba đứng bên cạnh, người đó có khả năng giành lợi thế chi phối toàn cục.

Trong những năm đầu của trật tự thế giới hai cực Xô - Mỹ, chương trình nghị sự của đời sống quốc tế chủ yếu dành cho các vấn đề châu Âu. Với sự hình thành và trưởng thành của thế giới thứ ba, đã diễn ra một thay đổi lớn : các vấn đề của châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ la tinh ngày càng *gia tăng ngôi thứ* trong sinh hoạt quốc tế. Tuy Liên xô và Mỹ không bị mất vai trò siêu cường, nhưng trong quá trình tìm giải pháp cho các vấn đề ngoài châu Âu, họ không thể không tính đến vị trí, vai trò, lợi ích... của các bên có liên quan thuộc thế giới thứ ba.

Thế giới thứ ba xác lập và củng cố vai trò, vị trí quốc tế của mình trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao... thông qua hàng loạt thiết chế, tổ chức, lớn nhất là *Phong trào không liên kết*. Tháng 9 năm 1961, Hội nghị cấp cao đầu tiên của *Phong trào* được tổ chức tại Bê-ô-grát (Nam tư) với sự tham gia của 25 nước (8 nước châu Á, 7 nước châu Phi Nam Xa-ha-ra, 5 nước Trung Đông, 3 nước Bắc Phi, 1 nước châu Âu và 1 nước Mỹ la tinh). Tuy không xây dựng được một "khối" không liên kết, nhưng Hội nghị có ý nghĩa làm cho các cường quốc thấy rõ rằng họ không thể tự mình nắm vận mệnh thế giới.

Tính từ Hội nghị thành lập đến cuối thập kỷ 80, *Phong trào không liên kết* lớn mạnh không ngừng. Từ chỗ số lượng lúc đầu mới có 25 nước thành viên, đã tăng lên hơn 100 nước và được củng cố trở thành tổ chức đại diện cho tập hợp đông đảo các quốc gia đang phát triển. *Phong trào* đã thu được nhiều thành quả quan trọng trong cuộc đấu tranh giành chủ quyền lựa chọn con đường phát triển, quyền bất khả xâm phạm về sử dụng tài nguyên của mỗi quốc gia, gắn mục tiêu độc lập dân tộc với mục tiêu phát triển và tiến bộ xã hội. Trên lĩnh vực các quan hệ quốc tế, *Phong trào không liên kết* tích cực đấu tranh nhằm thiết lập một nền hòa bình bền vững và công bằng, ngăn chặn chạy đua vũ trang, kêu gọi giải quyết hòa bình các cuộc xung đột, và đặc biệt, khởi xướng cuộc đấu

* Khoa Quan hệ quốc tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tranh thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng, bình đẳng. Từ chủ trương xây dựng đường lối đối ngoại trung lập, tìm chỗ "đứng giữa" hai hệ thống, *Phong trào không liên kết* thực sự trở thành *một khuynh hướng chính trị và một thực thể không thể bỏ qua trong cơ cấu quyền lực quốc tế* thời kỳ chiến tranh lạnh. *Phong trào không liên kết* là một lực lượng xung kích chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa Xi-ôn ; vì vậy nó là người bạn đáng tin cậy của các lực lượng cách mạng và tiến bộ.

Trong quan hệ với các nước tư bản phát triển, các nước thế giới thứ ba rất chú trọng tạo lập *vị thế đối thoại bình đẳng*. Từ tháng 2 năm 1975 đến tháng 6 năm 1977, đại biểu của 27 nước tư bản phát triển đã tổ chức Hội nghị về hợp tác kinh tế quốc tế tại Pa-ri (Pháp) để đối thoại trực tiếp với đại diện của những nước đang phát triển. Hội nghị này được đặt tên không chính thức là *"Cuộc đối thoại Bắc - Nam"*. Tại đây, các nước tư bản phát triển phải chấp nhận nhiều đòi hỏi của các nước thuộc thế giới thứ ba như tăng cường khối lượng viện trợ kinh tế, bảo đảm chế độ ưu đãi trong quan hệ ngoại thương và cải thiện điều kiện tiếp nhận công nghệ hiện đại. Cuộc đấu tranh thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới này được bổ sung một mũi nhọn nữa ở thập kỷ 80, đó là đấu tranh xóa bỏ nợ nước ngoài của các nước chậm phát triển. Dưới áp lực của cuộc đấu tranh này, *Câu lạc bộ Pa-ri, Quỹ tiền tệ quốc tế* và *Ngân hàng thế giới* đã phải có những nhượng bộ tài chính đáng kể.

Ngay từ thập kỷ 60, một số nước thuộc thế giới thứ ba đã áp dụng một biện pháp cứng rắn về kinh tế nhằm *giành thế chủ động trong buôn bán* với các nước tư bản phát triển : các nước sản xuất dầu mỏ liên minh với nhau để quy định giá cả dầu mỏ. Tháng 9 năm 1960, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) ra đời, bao gồm 13 quốc gia thành viên, quyết định tăng tỷ lệ hoa hồng thuê đất khai thác dầu từ 12,5% lên 51% tổng doanh thu [1]. Đây là một đòn tiến công kinh tế, gây tác động lâu dài đối với các nước tư bản phát triển.

Thế giới thứ ba không phải là một tập hợp các quốc gia thuần nhất về chính trị, kinh tế, tư tưởng..., mà nó bao gồm trên dưới 100 nước có chế độ xã hội, lịch sử, văn hóa, tôn giáo... rất khác nhau, đan xen giữa hai hệ thống quyền lực chủ yếu của thế giới. Tuy nhiên, do tìm ra được những mục tiêu chung, các nước này vẫn tập hợp được thành một tổ chức lớn mạnh, tồn tại và phát triển như một hệ thống quyền lực thứ ba. Tuy ở mức độ rất khiêm tốn, hệ thống thế giới thứ ba này cũng tác động nhiều mặt đến quá trình thay đổi cơ cấu của trật tự thế giới thời kỳ chiến tranh lạnh.

*
* *

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô đã làm đảo lộn toàn bộ cục diện chính trị và trật tự thế giới. Ở đây, tương quan so sánh lực lượng thế giới đã thay đổi. Thay vào đó là một cục diện vừa hợp tác vừa đấu tranh gay gắt giữa các quốc gia, dân tộc vì mục tiêu sống còn là phát triển trong những điều kiện cụ thể của thời đại : cách mạng khoa học - công nghệ ; toàn cầu hóa, quốc tế hóa, khu vực hóa ; sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ; sự nghiêm trọng của những vấn đề toàn cầu ; sự tiếp tục của đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc,v.v...

Các nước đang phát triển chiếm đa số tại Liên hợp quốc hiện nay có *tiếng nói quan trọng* trước các vấn đề cơ bản và trọng đại của thế giới. Trong bối cảnh "mất trật tự" thời hậu chiến tranh lạnh, ngày càng có nhiều vấn đề quốc gia, khu vực và quốc tế được đưa ra bàn bạc và giải quyết tại Liên hợp quốc. Tuy quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc về 5 nước thường trực Hội đồng bảo an, nhưng với ưu thế đa số trong tổng số 185 nước thành viên, các nước đang phát triển có ảnh hưởng lớn trong quá trình Đại hội đồng và Hội đồng bảo an ra các nghị quyết. Chương trình nghị sự của Liên hợp quốc ngày càng chứa đựng nhiều vấn đề nóng bỏng và cấp bách của các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và Mỹ la tinh. Tiếng

(1) *Xem* : Giăng Báp-tít Duy-rô-xen (Jean Baptiste Durosell) : *Lịch sử ngoại giao* (từ 1919 đến nay). Học viện quan hệ quốc tế Bộ ngoại giao. Hà nội, 1994, tr 614

Digitized by Google

nói và lợi ích của họ trở thành một trong những cơ sở để các cơ quan chức năng của Liên hợp quốc xây dựng chương trình và nội dung hoạt động.

Các nước đang phát triển thể hiện vai trò, vị trí quốc tế của mình thông qua việc cùng với các nước lớn *tìm giải pháp hòa bình cho những điểm nóng* trên thế giới từ cuối thập kỷ 80 đến nay. Ở Mỹ la tinh, nhóm các nước Côn-ta-đô-ra (Mê-hi-cô, Cô-lôm-bi-a, Vê-nê-du-ê-la, Pa-na-ma) và nhóm các nước hỗ trợ (Bra-xin, Pê-ru, Ác-hen-ti-na, U-ru-goay) tỏ ra sớm nhạy bén với tình hình thế giới, chủ động thúc đẩy quá trình thương lượng chính trị để tiến tới ký kết Hiệp định Ex-qui-pu-lát (Esquipulas) khai thông con đường giải quyết cuộc khủng hoảng Trung Mỹ đã từng kéo dài hàng thập kỷ. Các nước ở Trung Đông, Ai cập và các nước Hồi giáo khác không để mất cơ hội lịch sử, phối hợp cùng với cộng đồng quốc tế mở ra và duy trì tiến trình thương lượng hòa bình giữa I-xra-en và Pa-le-xtin. Nổi bật là nhóm các nước Đông - Nam Á đã cùng nhau khép lại quá khứ, mở rộng Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN) thành tổ chức liên kết toàn khu vực vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Vai trò, vị trí của các nước đang phát triển ngày càng được tăng cường bởi *những thành công của họ trong việc đáp ứng xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa* hiện nay. Hàng loạt các tổ chức liên kết khu vực của các nước đang phát triển được thành lập hoặc củng cố như : Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), Hiệp hội các nước khu vực Nam Á (SAARC), Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU), Cộng đồng kinh tế các nước Tây Phi (ECOWAS), Hiệp hội các nước Ca-ri-bê (AEC), Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), v.v... Đây là những ví dụ tiêu biểu trong tổng số trên 40 thiết chế liên kết khu vực thuần nhất của các nước đang phát triển. Vừa qua, các mối quan hệ chính thức giữa ASEAN - EU ; MERCOSUR - NAFTA ; MERCOSUR - EU... đã được thiết lập, đem lại vị thế mới cho các nước đang phát triển. Ở cấp độ cao hơn, các nước đang phát triển cùng với các nước phát triển tham gia một số tổ chức liên kết kinh tế lớn như Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái bình dương (APEC), Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) và Khu vực tự do thương mại toàn châu Mỹ (FTTA) dự định thành lập trước năm 2005. Trong chừng mực nhất định, càng đáp ứng kịp thời và có hiệu quả xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, các nước đang phát triển càng khẳng định vai trò, vị trí là một trong những nhân tố chi phối các bước vận động của thế giới ngày nay.

Mặc dù phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại đã đạt được nhiều bước tiến nhất định, nhưng thế giới thứ ba vẫn và tiếp tục sẽ là *"ngoại vi" có tầm quan trọng sống còn* của các trung tâm tư bản chủ nghĩa thế giới. Trước kia, "khu vực ngoại vi" này là đối tượng cạnh tranh trước hết giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ; giữa cách mạng và phản cách mạng. Trong điều kiện hiện nay, cuộc tranh giành "khu vực ngoại vi" diễn ra giữa các trung tâm tư bản chủ nghĩa. Lịch sử hiện đại đã từng chứng kiến cảnh các thế lực tư bản thế giới dìm nhau trong khói lửa, để chiếm đoạt khu vực ngoại vi. Ngày nay, tuy dưới hình thức tinh vi hơn, nhưng vùng "ngoại vi" vừa quen vừa lạ này vẫn là đối tượng của "chủ nghĩa tư bản chống chủ nghĩa tư bản" một cách quyết liệt. Dựa vào cơ cấu kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại, một số người vội vàng nhận định rằng các nước đang phát triển không còn vai trò, vị trí gì đáng kể đối với các trung tâm tư bản chủ nghĩa. Đây là một nhận thức ngây thơ, phiến diện! Ngoài tư cách là thị trường cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu, các nước đang phát triển còn là thị trường đầu tư vốn và công nghệ; thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp và dịch vụ của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới ngày càng bộc lộ xu hướng phân cực, ly tâm. Vì vậy, mỗi trung tâm tư bản chủ nghĩa đều tìm cách chiếm giữ một khu vực ngoại vi làm điểm tựa cho sức mạnh của mình [2]. Mỹ với chiến lược toàn cầu mới : "dính líu và mở rộng" ; Nhật bản với lời thách thức "mua cả thế giới" và Tây Âu đang ráo riết tiếp cận châu Á - Thái bình dương, Trung Đông, Châu Phi, Nam Mỹ, ... các nước đang

(2) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 15 (tháng 11 - 1995), tr 54

Digitized by Google

phát triển không hề bị suy giảm vai trò, vị trí là nhân tố sinh tồn của chủ nghĩa tư bản hiện nay.

Trong điều kiện hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới lâm vào khủng hoảng, *mũi nhọn của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc* đang được triển khai bởi các nước đang phát triển với 3 nội dung chính : chống trật tự kinh tế quốc tế bất bình đẳng ; chống hành động can thiệp và thái độ sô vanh trong đời sống quốc tế ; và chống mưu đồ áp đặt các giá trị văn hóa phương Tây lên phần còn lại của thế giới. Tuy phải hành động trong hoàn cảnh bất lợi, nhiều nước đang phát triển vẫn kiên định giữ vững quyền tự lựa chọn con đường phát triển, độc lập dân tộc và các chiến lược, đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại phù hợp với đặc điểm cụ thể của mình, bất chấp mọi thủ đoạn đe dọa của chủ nghĩa đế quốc. Nhiều nước đã trở thành đối tượng "trừng phạt" của các thế lực đế quốc : từ cô lập ngoại giao, cắt viện trợ, giảm quan hệ buôn bán, đến bao vây, cấm vận kinh tế - thương mại, thậm chí cả tiến công quân sự. Chính trong thử thách nghiệt ngã này, ngọn cờ độc lập tự chủ lại được giương cao và ở một số nước được tiếp tục kết hợp với chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh chống đế quốc do các nước đang phát triển tiến hành hiện nay có ý nghĩa hết sức to lớn. Nó thể hiện một cách hùng hồn rằng, ngay trong thời điểm chủ nghĩa xã hội gặp khó khăn, thì chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc vẫn là "không thể chấp nhận được" đối với thế giới, đối với nhân loại.

Bài toán lớn nhất đặt ra cho các nước đang phát triển chính là phát triển đất nước. Bởi vậy, vai trò, vị trí của những nước này được quyết định bởi *khả năng, tốc độ, chất lượng và trình độ phát triển*. Trên bình diện này, tuy chưa đạt kết quả như mong muốn, nhưng các nước đang phát triển đã đóng góp cho mục tiêu phát triển hiện đại không ít điển hình. Không kể những nước xuất khẩu dầu mỏ đạt sự phồn thịnh chủ yếu nhờ tài nguyên thiên nhiên, đã và đang xuất hiện trong lòng thế giới thứ ba một số quốc gia công nghiệp hóa mới như Xin-ga-po, Hàn quốc, Bra-xin, Chi-lê, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô... ; một số người khổng lồ kinh tế mới như Trung quốc, Ấn độ, Bra-xin, Nam Phi ; và hàng loạt quốc gia đang thành công trong công cuộc đổi mới, cải cách như Việt nam, Trung quốc, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, .v.v... Không kể đến tỷ trọng của những nước đó trong tổng thu nhập toàn cầu, điều quan trọng nhất là ở những nơi này đang có nhiều hứa hẹn về một sự phát triển toàn diện, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội ; giữa kinh tế, văn hóa và môi trường ; giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần; giữa cá nhân và cộng đồng ; truyền thống và hiện đại ; giữa dân chủ, tự do và kỷ cương, trật tự... Trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản là điều "không thể chấp nhận được" vì không trả lời được câu hỏi của tương lai, loài người tiến bộ đã nhìn về thế giới thứ ba như để dò tìm, khám phá những đường nét cơ bản của một mô hình phát triển mới trong thời đại ngày nay. Tận dụng và phát huy lợi thế của những nước đi sau, một số nước đang phát triển đã "cất cánh" từ những đường băng mới mẻ, độc đáo và tạo ra những điều kỳ diệu về kinh tế - xã hội và tinh thần mà ngay cả các nước phát triển cũng cần tham khảo. Thế giới thứ ba không chỉ có đói nghèo, nợ nần và bệnh tật. Trong bức tranh chung, xuất hiện nhiều điểm sáng, đem lại cho các nước đang phát triển tư thế và vị trí nhất định bên thềm thế kỷ 21. Tại Hội nghị cấp cao lần thứ XI của *Phong trào không liên kết* họp ở Cô-lôm-bi-a, tháng 10-1995, khi vạch ra mục tiêu mới của *Phong trào*, đa số các nước đang phát triển long trọng cam kết : "không liên kết với đói nghèo, bất công, bạo lực, mà liên kết với nhau để phát triển".

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, kể từ khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, bức tranh thế giới luôn luôn sống động, đổi thay nhờ nhiều động lực, trong đó có động lực được tạo ra từ thế giới thứ ba, từ phong trào giải phóng dân tộc, từ các nước đang phát triển. Mặc dù vẫn chồng chất những khó khăn cũ và mới, khách quan và chủ quan, kinh tế và xã hội..., nhưng các nước đang phát triển không mất đi vai trò là một lực lượng có khả năng ảnh hưởng nhiều mặt đến cục diện thế giới, đến quá trình hình thành trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh và đến nội dung, tính chất của thời đại ngày nay ❑

Digitized by Google

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN . CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ

1- **DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN** là hai nhân tố tác động qua lại và quan hệ mật thiết với nhau, thể hiện vai trò "hai mặt" của con người trong đời sống kinh tế - xã hội. *Một mặt*, con người là lực lượng lao động, nhất là con người có kỹ năng sử dụng công cụ lao động để tác động vào đối tượng lao động, tạo ra sản phẩm tiêu dùng cho xã hội. *Mặt khác*, con người lại là đối tượng tiêu dùng của sản xuất, là lực lượng hưởng thụ các thành quả của sản xuất và sự phát triển kinh tế - xã hội.

Quá trình tác động lẫn nhau giữa *dân số* và *phát triển* được thể hiện rất rõ nét. Sự phát triển dân số tạo nên nguồn nhân lực - nhân tố quyết định của mọi quá trình phát triển. Trong mọi hình thái kinh tế, mọi trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, con người luôn luôn là nhân tố quyết định. Dân số quá thấp hạn chế sự phân công lao động xã hội, giảm khả năng chuyên môn hóa và hợp tác hóa trong tổ chức sản xuất . Thiếu nhân lực, mọi quá trình phát triển mất đi động lực và mục đích của nó. Dân số tăng nhanh sẽ hạn chế sự tích lũy để tái sản xuất trong phạm vi từng gia đình cũng như trong toàn xã hội. Trong gia đình, nếu tăng quỹ tiêu dùng sẽ phải giảm phần tích lũy. Trong phạm vi xã hội, nếu tăng quỹ phúc lợi trong điều kiện tốc độ tăng trưởng kinh tế không thay đổi tất yếu phải giảm quỹ tích lũy để mở rộng sản xuất. Quỹ mở rộng sản xuất giảm thì cả quy mô cũng như vốn đầu tư cho một chỗ làm việc cũng giảm đi. Hậu quả của quá trình này là năng suất lao động tăng chậm hoặc không tăng, thu nhập tính theo đầu người, điều kiện sống và làm việc đều giảm.

Dân số tăng nhanh sẽ gây ảnh hưởng xấu tới môi trường. Mật độ dân số cao dẫn tới nạn phá rừng lấy đất ở, đất canh tác, lấy chất đốt, làm cạn kiệt nhanh chóng các nguồn tài nguyên. Dân số tăng nhanh ảnh hưởng tới nhịp độ đô thị hóa, xã hội phải gánh vác những chi phí lớn về nhà ở, đường sá, cung cấp nước, lương thực, y tế, giáo dục v.v.

Dân số ảnh hưởng mạnh mẽ tới quá trình phát triển, song chính sự phát triển lại tác động sâu sắc tới quá trình dân số. Chịu sự chi phối của sự phát triển, quá trình dân số vận động theo những xu hướng có tính khách quan. Quá trình dân số có thể chia thành 4 giai đoạn:

Giai đoạn 1: diễn ra trong xã hội tiền công nghiệp. Trong thời kỳ này, nền kinh tế nghèo nàn, đời sống thấp, văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế chưa phát triển, tỷ lệ sinh rất cao (thường trên 5%) nhưng tỷ lệ chết cũng cao, do đó tỷ lệ tăng dân số thấp.

Giai đoạn 2: xã hội bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, những tiến bộ về văn hóa, khoa học, kỹ thuật, y tế, giáo dục làm cho tỷ lệ chết giảm mạnh trong khi tỷ lệ sinh không giảm, vì vậy nhịp độ dân số tăng rất nhanh.

Giai đoạn 3: giai đoạn phát triển tiếp theo, nhờ những tiến bộ về nhiều mặt, tỷ lệ chết tiếp tục giảm, đồng thời tỷ lệ sinh cũng giảm, tỷ lệ dân số vẫn tăng cao song đã có xu hướng giảm dần.

Giai đoạn 4: kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế phát triển đạt trình độ cao. Nhu cầu về nhân lực được kiểm soát, tỷ lệ chết và sinh đều giảm, vì thế tỷ lệ tăng dân số rất thấp.

Ở Việt nam, tính đến đầu tháng 10-1992 dân số có khoảng hơn 70 triệu người, đứng thứ 13 trên thế giới. Mật độ dân số rất cao, khoảng 212 người/km^2 trong khi đó mật độ dân số ở Trung quốc chỉ khoảng hơn 120 người/km^2. Dân số nước ta có những đặc điểm chính là: phân bố không đều, chủ yếu sống ở nông thôn (chiếm 79,1%), ở thành thị chỉ có 20,1%; là nước có dân số trẻ, trẻ em dưới 15 tuổi chiếm tỷ lệ cao, khoảng 42,5% ; số người ở độ tuổi từ 15 đến 59 chiếm 50,5% ; số người trên 60 tuổi chỉ có 7%. Tốc độ tăng trưởng dân số ở mức cao: năm 1954 tăng 1,1% ; từ năm 1960 đến năm 1976 tăng 3,98% ; và hiện nay tăng khoảng 2,1%.

2- **CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ** là dùng các biện pháp tổng hợp như truyền thông, giáo dục, các giải pháp kỹ thuật và thành tựu y học để làm tăng dân số hay giảm dân số theo định hướng phát triển.

Chiến lược dân số là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nó phải được thực hiện đồng bộ trên cả ba mặt: quy mô dân số, cơ cấu dân số, và sự phân bố dân số. Nó được coi trọng cả về chất lượng và số lượng. Chiến lược dân số được hoạch định trên cơ sở những đặc điểm dân số của từng nước, từng khu vực. Ở một vài nước phương tây có mức sống cao, tỷ lệ tăng dân số rất thấp nên nhà nước có một số chính sách cụ thể để khuyến khích các gia đình có từ 3 con trở lên. Ngược lại, ở hầu hết các nước đang phát triển tỷ lệ tăng dân số lại quá cao. Tình trạng tăng dân số nhanh không kiểm soát được là nguyên nhân của việc giảm mức sống, tàn phá thiên nhiên và môi trường sinh thái. Vì vậy, cân bằng giữa dân số với khả năng của các nguồn tài nguyên là cơ sở để nâng cao mức sống của nhân dân và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái.

Trong những năm tới, chiến lược dân số ở nước ta được giải quyết theo những hướng chủ yếu sau đây:

a) Duy trì mức tăng dân số thích hợp: khoảng từ 1,5% đến 1,7% đến năm 2000. Với mức độ tăng dân số như hiện nay, 30 năm nữa dân số nước ta sẽ tăng gấp đôi. Sức ép về cải thiện đời sống và việc làm ngày càng gia tăng. Nếu không có chiến lược dân số đúng đắn làm giảm mức tăng dân số thì tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội rất khó giải quyết. Muốn đạt được tỷ lệ tăng dân số tự nhiên phù hợp với khả năng phát triển kinh tế phải đổi mới cơ bản mọi chính sách kinh tế - xã hội. Cụ thể là: chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp sang kinh tế thị trường với quan hệ sở hữu ruộng đất thích hợp, phát triển mạnh nền kinh tế nông thôn, bao gồm công, nông nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ; xây dựng kết cấu hạ tầng; mở mang dân trí ; thiết lập hệ thống bảo hiểm rộng khắp v.v.

b) Có chính sách giáo dục và đào tạo thích hợp.

Giáo dục và đào tạo là yếu tố quyết định sự phát triển tiềm năng của con người, là cơ sở phát triển kinh tế - xã hội, xác lập những phương hướng tổ chức sản xuất - kinh doanh có hiệu quả. Nền kinh tế thị trường chỉ có thể phát triển trên cơ sở dân trí được mở mang và không ngừng nâng cao. Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng nguồn lực, nâng cao dân trí và đào tạo nhân tài cho đất nước, phục vụ những nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài.

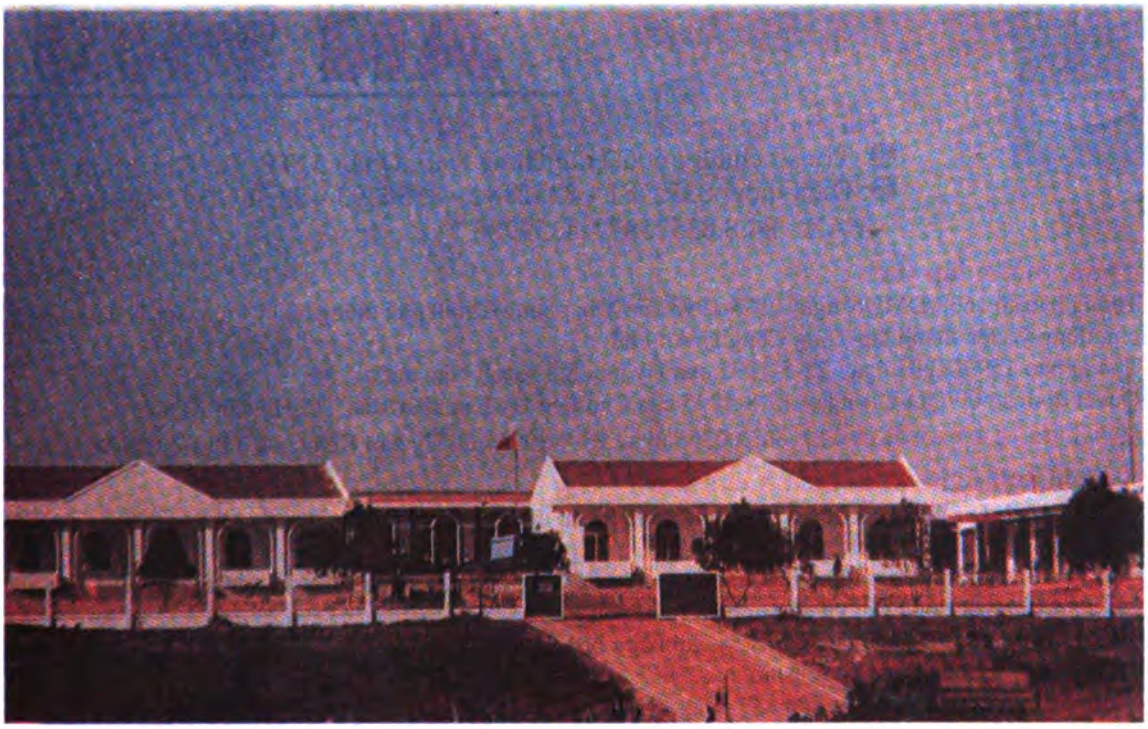
c) Chú trọng chính sách về y tế và dinh dưỡng.

Một chiến lược dân số sẽ mất ý nghĩa khi không xem xét vấn đề sức khỏe và dinh dưỡng như một bộ phận của yếu tố con người, có vai trò quyết định đến nguồn lực trong cả hiện tại và tương lai. Chi phí cho sức khỏe và dinh dưỡng không những làm tăng chất lượng nguồn lực mà còn làm tăng số lượng nhờ việc kéo dài tuổi thọ, tăng thời gian lao động. Vì vậy, phải bảo vệ, nâng cao sức khỏe và thể chất của nhân dân, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em, tăng chiều cao cân nặng cho thế hệ trẻ, tăng tuổi thọ trung bình, củng cố và mở rộng mạng lưới y tế cơ sở về chăm sóc sức khỏe ban đầu, giải quyết tốt vấn đề môi trường, môi sinh và các chính sách lương thực, thực phẩm ❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY CAO SU CHƯ PAH



VIETNAM RUBBER CORPORATION

Chu Pah Rubber Company

Giám đốc : **PHAN NGỌC THANH**

Chuyên kinh doanh :

★ Thương nghiệp bán buôn
★ Hóa chất, phân bón và mủ Cao su
★ Trồng mới Cao su

Công ty sẵn sàng liên doanh liên kết với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển cây cao su trên đất Gia lai.

Specialized in trading :

★ Wholesales and retail.
★ Chemical, fertilizer and rubber latex.
★ Planting rubber trees.

We are willing to cooperate with local and overseas economic organizations to develope rubber trees in Gialai province.



Address : Km 16, National road No 14 , GiaLai province.
Tel : (059) 824791 - Director : M.S. Phan Ngọc Thanh

❶. Tên doanh nghiệp : **TỔNG CÔNG TY AN PHÚ**

Tên giao dịch quốc tế : **ANPHU CORPORATION (Viết tắt là : AP. CORP)**

❷. Trụ sở chính : 606 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

❸. Điện thoại 8352781 - 8352782 - 8356393 - 8352715 - 8352693
FAX : 84.8.8357587 - 8359986

❹. **Được thành lập theo :**
Thông báo số 1633/ĐMDN ngày 29-3-1993 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý việc thành lập Tổng Công ty An Phú.
Thông báo 1599/KHH ngày 22-5-1995 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.
Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 14-8-1995 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

❺. **Giấy đăng ký kinh doanh** số 200768 ngày 23-8-1995 của Ủy ban Kế hoạch TP. Hồ Chí Minh

❻. **Các ngành nghề kinh doanh chủ yếu :**
- Kinh doanh Du lịch quốc tế và trong nước (lữ hành, dịch vụ lưu trú, vận chuyển khách du lịch và dịch vụ khác phục vụ khách du lịch...)
- Cho thuê và dịch vụ cho thuê nhà ở, biệt thự, văn phòng làm việc, cửa hàng, kho bãi,...
- Kinh doanh bất động sản và đầu tư phát triển nhà.
- Xuất nhập khẩu và mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa.
- Xây dựng và hoàn thiện công trình.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và máy móc thiết bị xây dựng.

❼. **Vốn kinh doanh :** 120.000 triệu đồng.

❽. **Tài khoản tiền ĐVN** : 710A.01494
Ngân hàng Công thương chi nhánh 14 TP. HCM
Tài khoản ngoại tệ : 3839.20.3740391
Ngân hàng xuất nhập khẩu TP. HCM

❾. **Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty An Phú (tại thời điểm thành lập) gồm :**

* ***Các doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập :***

1 - **Công ty Dịch vụ Sản xuất An Phú (ASC)**
Trụ sở : 606 Trần Hưng Đạo, Q 5, TP. HCM

2 - **Công ty Kinh doanh nhà và Dịch vụ An Phú (APSC).**
720K An Điền, An Phú, Thủ Đức, TP. HCM

3 - **Công ty Xây lắp và Kinh doanh địa ốc An Phú (ASCO).**
Trụ sở : 606 Trần Hưng Đạo, Q 5, TP. HCM

4 - **Công ty Du lịch Dịch vụ An phú (ASC-TOURIST).**
Trụ sở : 119 Lý Chính Thắng, Q3, TP. HCM

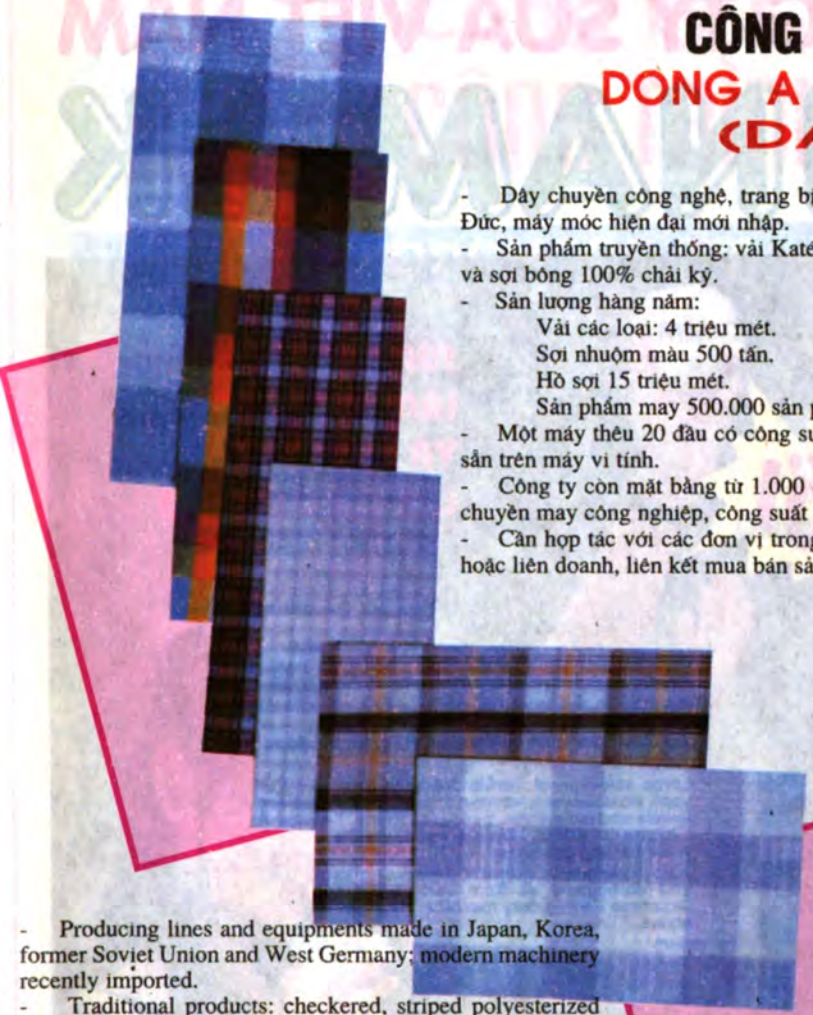
5 - **Công ty Du lịch Dịch vụ Nha Trang (ASC Nha Trang).**
Trụ sở : 24 Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.





Digitized by Google

CÔNG TY DỆT ĐÔNG Á
DONG A TEXTILE COMPANY
(DATEXCO)



- Dây chuyền công nghệ, trang bị của Nhật, Triều Tiên, Liên Xô (cũ) và Liên bang Đức, máy móc hiện đại mới nhập.
- Sản phẩm truyền thống: vải Katé carô, sọc, màu, nguyên liệu bằng sợi peco (65/35) và sợi bông 100% chải kỹ.
- Sản lượng hàng năm:
  - Vải các loại: 4 triệu mét.
  - Sợi nhuộm màu 500 tấn.
  - Hồ sợi 15 triệu mét.
  - Sản phẩm may 500.000 sản phẩm.
- Một máy thêu 20 đầu có công suất 70 mũi/phút/đầu làm việc theo chương trình lập sẵn trên máy vi tính.
- Công ty còn mặt bằng từ 1.000 - 1.500 m^2 có thể lắp đặt thêm 80 - 100 máy dệt và chuyền may công nghiệp, công suất 500.000 sản phẩm/năm.
- Cần hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước, đầu tư thiết bị, bao tiêu sản phẩm hoặc liên doanh, liên kết mua bán sản phẩm.

Giám đốc: Nguyễn Văn Phúc

Add: 185 - 189 Le Dai Hanh, Ward 14, District 11, HCMC

Tel: 8650419 - 8651299

Bank Account: 420.1106.0054.7

- Producing lines and equipments made in Japan, Korea, former Soviet Union and West Germany; modern machinery recently imported.
- Traditional products: checkered, striped polyesterized cotton, coloring material made of Peco fabrics (65/35) and 100% cotton carefully combed.
- Annual productivity:
  - Various cotton fabrics (4 million meters).
  - Colored dyeing yarn (500 tonnes).
  - Starched yarn (15 milion meters).
  - Garments (500,000 products).

A 20-head embroidering machine with capacity of 70 stitches/minute/head with computerized operation.

- The mill has a spare space of some 1,000 - 1,500 square meters for 80 - 100 automatic weavers and industrial producing lines with output 500,000 products/year.
- Being in need of cooperation with units within and outside the country for investment in equipments, products consumption or joint-venture for trading products.







Digitized by Google

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

TRÊN thị trường có nhiều loại sữa chua uống, những sản phẩm đó sử dụng công nghệ tiệt trùng nhưng sữa chua uống của VINAMILK sử dụng công nghệ hoàn toàn khác nên còn toàn bộ các loại men sống có tác dụng tốt cho cơ thể con người.

Sữa chua uống VINAMILK là nước giải khát chứa chất dinh dưỡng cao nhiều men sống rất có lợi cho tiêu hóa, diệt được nhiều loại vi khuẩn có hại thường gây độc tố trong ruột người.

Uống sữa chua VINAMILK có nhiều vitamin, muối khoáng, giàu can-xi do những chất tinh túy được chắt lọc từ nước trái cây nguyên chất (mứt chanh), giàu đạm, đặc biệt rất ít chất béo phù hợp với những đối tượng sợ tăng cân khi dùng sản phẩm từ sữa.

Sữa chua uống VINAMILK giúp người trẻ lâu, chống lão hóa, tăng tuổi thọ đặc biệt rất tốt cho những người có bệnh tiêu hóa hoặc gây men đường ruột sau thời gian sử dụng nhiều kháng sinh.



UỐNG RẤT NGON KHI ĐỂ LẠNH

Mọi chi tiết xin liên hệ : Công ty Sữa Việt Nam VINAMILK
Địa chỉ : 36 - 38 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại : 8299377 - 8299644
Chi nhánh : 25B Phan Đình Phùng - Hà Nội. Điện thoại : 8284187 - 8284188

Digitized by Google

Công ty Cơ khí
CÔNG TRÌNH THỦY 276

HYDROMECO 276 - VIETNAM

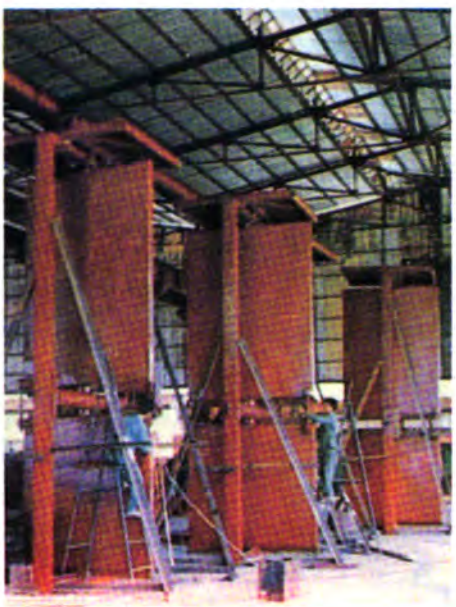
ĐỊA CHỈ : 220 BIS, ĐIỆN BIÊN PHỦ (TÂN CẢNG), QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT : 8990571 - 8994651 ● FAX : 84.8.990773



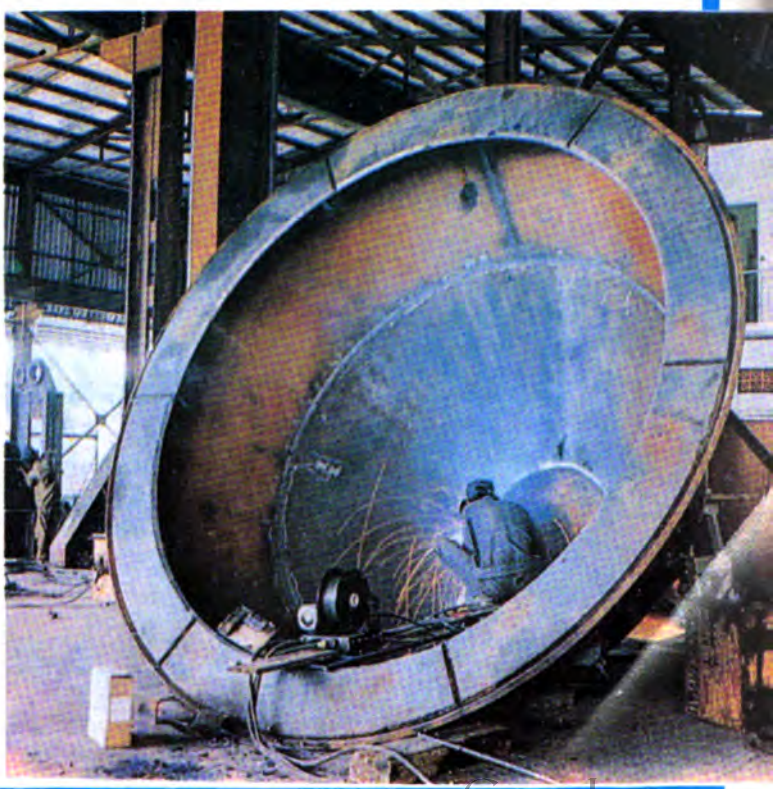
■ *Xàng nạo vét cỡ nhỏ, gàu 0,4 m³*

Chuyên thiết kế, chế tạo và lắp đặt

- ❖ Thiết bị thủy công cho các công trình thủy lợi và thủy điện.
- ❖ Các loại kết cấu thép, dầm cầu, bồn chứa, cho ngành xây dựng, giao thông, dầu khí, cấp nước và dân dụng.
- ❖ Thiết bị nâng hạ và thiết bị nổi : Cầu trục, tời, máy vít, sà lan, canô...
- ❖ Đường ống thép dẫn nước qua sông (chìm và nổi)



■ *Lắp ráp cửa quay đứng (Rộng x cao = 2,5 x 6 m) cho công trình Mương Trí - T. An Giang*



■ *Hàn ghép chóp cân Φ 4750/ Φ 850 tôn dày 30 mm. Áp lực 15 at*

5/28

DUGARCO

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU MAY ĐỨC GIANG



8 Huy chương vàng Hội chợ triển lãm quốc tế hàng công nghiệp 1995
8 Gold medals awarded at the 95 International Exhibition on Industrial Goods

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG MAY MẶC ĐỨC GIANG (TÊN GIAO DỊCH : DUGARCO) LÀ CÔNG TY QUỐC GIA, THÀNH LẬP 2 - 1990.

CHUYÊN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG MAY MẶC !

Rất hân hạnh được đón tiếp quý khách đến với DUGARCO

Tổng giám đốc
TRẦN XUÂN CẦN



NĂNG LỰC HIỆN CÓ

- Tổng diện tích 23.000 m2
- Có trên 1000 máy may công nghiệp hiện đại các thiết bị chuyên dùng may sơmi, quần Âu, Jean, áo Jacket của Nhật và Cộng hòa Liên bang Đức
- Mỗi năm sản xuất 1.000.000 áo Jacket và các sản phẩm may khác (Quy đổi 5 triệu sơmi)
- Có phân xưởng máy thêu điện tử 20 đầu và 12 đầu - 9 chỉ của hãng Tajima - Nhật Bản
- Xí nghiệp giặt mài
- Có đội xe vận tải container
- Lực lượng lao động 2350 người, được đào tạo chính quy
- Đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật viên giỏi nghề và giầu kinh nghiệm tổ chức sản xuất tiên tiến.
- Được khách hàng tín nhiệm về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng, đã được thưởng 2 Huy chương vàng tại Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp năm 1993 tại Hà Nội.
- Sản phẩm của DUGARCO đã được xuất khẩu sang thị trường : Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Tây Âu và Bắc Âu.
- Chuyên xuất nhập khẩu nguyên liệu, phụ kiện, thiết bị phụ tùng phục vụ ngành may.
- Làm ủy thác xuất nhập khẩu cho mọi thành phần kinh tế.

Digitized by Google
234002

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

U. C. BERKELEY LIBRARIES
C058714294

Digitized by Google